

NGUYỄN THÀNH HUÂN

(Sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn)

CHẤT LỌC TINH TÚY NHỮNG BÀI VĂN ĐOẠT GIẢI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

- ✓ *Rèn luyện kỹ năng viết văn*
- ✓ *Hình thành, phát triển tư duy logic, khả năng ngôn ngữ*
- ✓ *Kỹ năng lập luận, phản biện vấn đề*
- ✓ *Mở rộng và làm giàu vốn từ, nâng cao khả năng diễn đạt và sự sáng tạo*

- Là cuốn sách đầu tiên tuyển chọn những bài văn viết đúng và hay.
- Cuốn sách khơi dậy cảm hứng học tập cho các em với những vấn đề mới, có sức hút; giúp các em khắc sâu kiến thức.
- Tuyển chọn những bài văn đoạt giải của các bạn cùng lứa tuổi.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Văn chương mang đến cho tâm hồn và nhân cách con người nhiều cái hay, cái đẹp kì diệu, cái sáng lấp lánh. Thông qua nhân vật với những sự kiện, những cuộc đời trong trang văn, học sinh có thể liên hệ tới đời sống xã hội xung quanh mình để từ đó tìm cho mình những cách ứng xử khéo léo, tinh tế, tuyệt vời và hợp lí với cuộc sống. Khả năng cảm nhận, giải thích, phân tích cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học là một trong những kĩ năng quan trọng giúp các em học giỏi môn Ngữ văn.

Văn học là một bộ môn nghệ thuật, là sự tìm hiểu và yêu thương cuộc sống này, là con đường đi từ trái tim đến với trái tim, từ đó mỗi người sẽ thấy dễ dàng khi học văn. Mong muốn học giỏi môn Ngữ văn là mong muốn tha thiết, chính đáng của những người học văn. Muốn học giỏi bộ môn kì diệu này, các em cần phải nuôi dưỡng lòng say mê và cần phải có phương pháp học tập một cách khoa học, đúng đắn để không ngừng nâng cao kiến thức, hiểu biết và khả năng tư duy của mình.

Để đáp ứng nhu cầu của các em cũng như giáo viên trong việc bồi dưỡng học sinh khá, giỏi môn Ngữ văn 9 và các em có nhu cầu được tiếp xúc, rèn luyện với những đề thi cơ bản và nâng cao trong các kì thi ở trường và thi học sinh giỏi cấp quận, huyện, thành phố... Chúng tôi biên soạn cuốn **CHẤT LỌC TINH TÚY NHỮNG BÀI VĂN ĐOẠT GIẢI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ** phục vụ bạn đọc.

Nội dung cuốn sách gồm ba phần:

● **Phần thứ nhất**

Tuyển chọn những đề và bài làm văn đoạt giải cấp Quốc gia

● **Phần thứ hai**

Tuyển chọn những đề và bài làm văn đoạt giải cấp Khu vực: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng bằng sông Cửu Long

● **Phần thứ ba**

Tuyển chọn những đề và bài làm văn nghị luận xã hội

Mục đích của cuốn sách không chỉ cung cấp đa dạng đề, những bài làm văn hay, nâng cao, mở rộng kiến thức mà còn có tính giáo dục cao.

Hi vọng cuốn sách sẽ là người bạn tốt đồng hành cùng các bạn trong suốt quá trình dạy – học và thi cử. Về mặt nào đó, cuốn sách có thể chưa đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc. Chúng tôi luôn mở rộng tấm lòng đón nhận những góp ý chân thành để cuốn sách được phục vụ bạn đọc ngày càng tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

ĐÔI LỜI TÂM SỰ

Đi đến tận cuối cuộc đời, chỉ còn những trải nghiệm và những cung bậc cảm xúc của một đời người là những thứ đi cùng với bạn.

Cũng vì trải qua nhiều, mình mới biết thế gian này rộng lớn.

Vì chiêm nghiệm lại nhiều, tâm hồn mình mới lớn lên cùng năm tháng.

Những con chữ không vô tình mà đứng gần nhau, mà là vì người viết đã mượn chúng mà nói ra cái cảm xúc, cái suy tư trong lòng họ. Bạn có thể bắt đầu để ý đến mỗi cảm xúc gợi lên trong bạn trong mỗi phút giây ngay lúc này của bạn. Khoảnh khắc bạn hiểu được cảm xúc nơi mình, bạn cũng “bất nhịp” với cảm xúc nơi người viết. Vậy ra, hiểu văn cũng là hiểu về con người mình, hiểu về bao con người quanh bạn.

Học văn là học cái thuật dùng chữ, dùng lời mà khéo gợi cái ý trong lòng mình, học cái thuật lắng nghe lời lẽ mà khéo hiểu nỗi lòng nơi kẻ khác.

Học văn đâu chỉ tập trình bày bao điều ta nghĩ hay cảm nhận.

Học văn đâu chỉ học thuật ghép vần với bao con chữ.

Văn học là nhân học, học văn là học làm người.

Phần một

TUYỂN CHỌN VÀ GIỚI THIỆU NHỮNG BÀI VĂN ĐOẠT GIẢI CẤP QUỐC GIA

ĐỀ THI Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã có nhận xét về *Truyện Kiều*:
Có thể nói thiên nhiên trong “Truyện Kiều” cũng là một nhân vật – một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người.

(*Truyện Kiều* – Phê bình và Tiểu luận, Hoài Thanh, 1960)

Qua lời nhận xét trên, em hãy chọn một số câu thơ trong *Truyện Kiều* để làm sáng tỏ nhận xét trên.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Đoàn Ngọc Bảo Trang,
học sinh trường PTCS Hạ Long,
tỉnh Quảng Ninh, năm học 1976 – 1977

BÀI LÀM

Trong dòng chảy của thi ca xưa và nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng vô tận cho các tao nhân mặc khách, các thi sĩ xưa đến với thiên nhiên là để hòa mình vào thiên nhiên, gửi gắm tình cảm tâm tư vào mỗi bức tranh ấy. Thiên nhiên vốn không phải là chủ đề riêng của Nguyễn Du mà nó là chủ đề chung của thi sĩ muôn đời. Nhưng thiên nhiên đi vào *Truyện Kiều*, đi vào tâm hồn đại thi hào Nguyễn Du lại có những nét rất riêng. Mỗi nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng thường tìm đến với người bạn thiên nhiên để soi lòng mình vào tấm gương trong sáng ấy. Không trọng tâm tả thiên nhiên cảnh vật nhưng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thiên nhiên trở thành một nhân vật nói hộ tác giả tâm trạng của nhân vật. Hoài Thanh đã có nhận xét thật đúng về nhân vật thiên nhiên trong *Truyện Kiều*: *Có thể nói thiên nhiên trong “Truyện Kiều” cũng là một nhân vật – một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người.*

Thiên nhiên, đó là một thế giới tuyệt đẹp – một thế giới sinh động với đủ màu sắc, đường nét và những âm thanh. Và cái đẹp của thiên nhiên là cái đẹp được tạo hóa ban phát, di dưỡng trong nguồn sữa ngọt ngào của trời đất. Thiên nhiên mở ra trước mắt ta một thế giới vô cùng phong phú và thi vị, gợi lên trong tâm hồn mỗi con người những tình cảm đắm say và tha thiết. Và với một tâm hồn nghệ sĩ giàu sức rung động trước tạo vật quỳn hòa dưới ngòi bút trữ tình đắm thắm – thiên tài Nguyễn Du đã để lại cho muôn đời những bóng dáng nên thơ của thiên nhiên trên

những trang *Kiều*. Thi sĩ đã cảm nhận một cách sâu sắc và tinh tế những nét đẹp riêng biệt của từng cảnh vật, từng cánh hoa, từng đám cỏ, từng tiếng chim hay một dòng sông nhỏ êm đềm, tiếng sóng dữ dội, vàng trắng... Mỗi chúng ta đều tìm thấy ở *Truyện Kiều* những nét đặc sắc mang cái thần của thiên nhiên. Đọc *Truyện Kiều* ta như được thả mình vào một thế giới tuyệt diệu, thương ngoạn và chiêm ngưỡng tất cả những vẻ đẹp tinh túy của tạo vật. Nhưng thiên nhiên trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không chỉ dừng lại ở vẻ đẹp tuyệt vời đó mà nó còn hàm ẩn một tầng ý nghĩa sâu sắc. Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* trở thành một nhân vật bên cạnh con người và hài hòa với nội tâm con người. Những lúc buồn, hay những khi vui, những nhớ thương hay những khi sầu muộn, bóng hình của thiên nhiên xuất hiện giao hòa với tâm trạng của con người và thiên nhiên đã trở thành những bức tranh tâm cảnh chan chứa tình cảm, trở thành những người bạn “lặng lẽ” và “kín đáo” sẽ chia những nỗi niềm, những suy tư trăn trở của mỗi con người. Bằng ngòi bút đầy tài hoa của mình, bằng sự tiếp thu một cách sáng tạo bút pháp “tả cảnh ngụ tình” của người xưa, Nguyễn Du đã để lại trên những trang *Truyện Kiều* những bức tranh sống động chan chứa tình người, thật đúng là:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Và mỗi lần vật đổi sao dời, mỗi lần cảnh vật có một sự biến đổi là con người lại bước vào một chặng đường số phận khác, cảnh như báo trước cho con người những dự cảm về tương lai.

Những bức tranh thiên nhiên trong *Truyện Kiều* trở thành một bút pháp của Nguyễn Du – góp phần miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật làm cho thế giới nội tâm của nhân vật càng thêm phong phú và sâu sắc. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du chỉ tạo cơ hội cho thiên nhiên xuất hiện khi cần tạo nên cảnh cho một cuộc gặp gỡ, hẹn hò hoặc khi bộc lộ giúp những cảm nhận tâm trạng của các nhân vật về thời gian, không gian, cảnh ngộ. Nhưng thiên nhiên trong *Truyện Kiều* mang cả hai chức năng: vừa tả cảnh, vừa tả tình. Cảnh thấm đượm tình người và tình người hòa vào cảnh vật. Và mỗi chúng ta hãy gác lại những suy tư trăn trở để thả mình vào thế giới thiên nhiên tuyệt đẹp trong *Truyện Kiều*, thả mình vào những cảm xúc đắm chìm những tình cảm thiết tha mà đại thi hào Nguyễn Du tựa dòng cảm xúc.

Nhà thơ luôn nhìn cảnh vật trong sự vận động theo thời gian và tâm trạng nhân vật. Đó là cảnh ngày xuân tươi sáng, trong trẻo, tinh khôi, mới mẻ và tràn đầy sức sống như chính chị em Thúy Kiều thời âm êm. Trong tiết Thanh minh trong sáng, khắp nơi nô nức đi tảo mộ, du xuân, thiên nhiên như ùa vào lòng người với những nét màu thật sáng đẹp và dồi dào sức sống:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

(Trích *Cảnh ngày xuân*)

Cỏ non xanh mơn mớn trải dài trên mặt đất nối tận tới chân trời xa. “Xanh tận” là màu xanh ngan ngát, cả một vùng. Mặt đất phủ cỏ xuân như một chiếc thảm nhẹ mềm mại nâng bước chân người đi tảo mộ. Trong cái không gian bát ngát màu xanh của cỏ mùa xuân, điểm vào một vài bông hoa lê trắng muốt, tinh khiết, đưa lòng người trong cảnh bay bay nhẹ nhẹ, lâng lâng. Cành lê sa gần mặt đất và vài bông lê trắng điểm ngỡ như ai đó còn để vương lại trên nền cỏ non vài đốm hoa nhỏ. Chỉ với đôi nét chấm phá, qua ngòi bút tài hoa của nhà nghệ sĩ, cả một bức tranh xuân bừng

sáng hiện lên thật đẹp, nên thơ và cũng đầy sức xanh. Cảnh vật thật tươi sáng, thơ mộng.

Nhưng cùng cảnh trong buổi du xuân ấy, vào lúc chiều tà khi ba chị em Kiều thơ thẩn ra về thì gặp một ngôi mộ bên đường. Khi chị em Kiều viếng mộ Đạm Tiên thì cảnh vật cũng theo đó đìu hiu, ảm đạm: cơn gió đìu hiu lay động một vài cành lau trên vùng cỏ mờ nhạt theo sương chiều:

*Một vùng cỏ ấy bóng tà
Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.*

Hỏi ra Kiều mới biết đó là nấm mộ của nàng Đạm Tiên – cô kĩ nữ trẻ tuổi xuân xanh, nhưng tạo hóa hay trêu người tài nên: *Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương* oan uổng một kiếp người. Kiều nghe câu chuyện về cuộc đời của Đạm Tiên mà nàng cảm thương cho kiếp người con gái tài sắc bạc mệnh: *Thoắt nghe Kiều đã đăm đăm châu sa*. Và cảnh vật quanh đây như chùng lại, lắng xuống đồng cảm với tâm hồn người trong cuộc:

*Bước dần theo ngọn tiểu Khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

(Trích *Cảnh ngày xuân*)

Cảnh vật đó có dòng nước, có nhịp cầu, có cỏ nhưng tất cả đều nhuốm tình người. Dòng nước “nao nao”, “uốn quanh” nắm mồ khiến người nhìn cảnh cũng thấy lòng nao nao buồn. Nhịp cầu như thu nhỏ lại bắc ngang dòng nước cũng chẳng chút vui tươi mà lặng lẽ, gợi buồn. Dòng nước êm đềm chảy không gợn sóng lăn tăn. Nấm mồ Đạm Tiên trải qua bao cơn sóng gió dập vùi nay đã *sè sè nắm đất bên đường*. Nấm mồ hoang không người hương khói giờ đây cỏ mọc um tùm. Nhưng cỏ cũng chẳng xanh tươi gì mà *dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*. Cảnh vật nhuốm màu tàn tạ, ngọn cỏ nhuốm màu héo tàn, vàng úa như kiếp người bất hạnh năm kia. Cảnh thiên nhiên mang tâm trạng buồn bã, tiếc thương cùng với nàng Kiều. Các từ láy: “nao nao”, “nho nhỏ”, “sè sè”, “dầu dầu” đã miêu tả thật chính xác tâm trạng buồn bã của người trong cảnh ấy. Nhân vật thiên nhiên như thấm đượm nỗi buồn, thấm đượm tình người. Thật đúng là: *Tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này*.

Cũng trong cảnh ấy, trong khoảng thời gian ấy, thiên nhiên càng trở nên hữu tình, thơ mộng khi Kiều gặp Kim Trọng, hai người nói chuyện và đến khi chia tay nhau thì cảnh vật thiên nhiên lại mang sắc thái:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

(Trích *Cảnh ngày xuân*)

Dòng nước như trong veo một màu in bóng chiếc cầu nhỏ nổi ngang dòng sông. Bóng liễu dưới ánh chiều thướt tha in trên mặt nước phẳng lặng như gương. Liễu vốn đã đẹp nhưng trong nắng chiều vàng nhạt, lá liễu như mềm mại hơn, thướt tha hơn. Câu thơ có hình ảnh bóng chiều nhưng không hề gợi buồn mà thật đẹp, tươi trẻ. Nguyễn Du không cần giá vẽ nhưng đã dựng nên một bức tranh thiên nhiên thật đẹp và hài hòa. Dưới cầu là dòng nước êm đềm chảy, bên cầu là hình ảnh *tơ liễu bóng chiều thướt tha*. Cảnh vật gắn bó với nhau, tôn nhau lên, chiếc cầu nhỏ như làm đẹp cho dòng nước và dòng nước làm cho chiếc cầu càng trở nên xinh xắn, đáng yêu hơn. Hai con người – người quốc sắc, kẻ thiên tài đã gặp nhau, chỉ trong phút chốc

mà tình trong như đã mặt ngoài còn e. Tiếng sét ái tình đã lóe sáng trong tim mỗi người. Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn (Chiều hôm lữ thứ – Bà Huyện Thanh Quan) nhưng người thì chưa muốn ra về mà thời gian thì giục giã khi bóng tà như giục con buồn khiến bước chân người về mà lòng vẫn lưu luyến khôn nguôi đến nỗi rón ngòai chẳng tiện, dứt về chổn khôn. Kim Trọng là một văn nhân tài tử con nhà nho danh, phúc hậu, thông minh tài giỏi. Thúy Kiều là cô gái tiểu thư sắc nước hương trời, tài hoa hơn người. Họ quả là một cặp đẹp đôi mà trời gieo tơ phải lứa. Và cảnh vật lúc chia tay cũng trong sáng như tình yêu chớm nở ban đầu. Và rồi, Nguyễn Du đã để Thúy Kiều ngắm nhìn một con đường mà Kim Trọng đã bước qua:

Hài vãn lần bước dặm xanh

Một vùng như thế cây quỳnh cành dao.

(Trích Kiều gặp Kim Trọng)

Cảnh thật nên thơ, nên nhạc vì tâm hồn người thiếu nữ đầy nhạc và thơ. Cảnh cứ quẩn quýt, hòa quyện, hồi hộp, băng khuâng như trái tim hai người đang băng khuâng hồi hộp. Phải chăng lúc này là lúc Kim Trọng chia tay với Thúy Kiều, tâm hồn Kiều hồn nhiên trong sáng nên cảnh cũng mang những nét hồn nhiên trong sáng của Kiều?

Cảnh thiên nhiên thấm đượm hồn người, tình người, mang nỗi niềm của con người. Cảnh thiên nhiên có dòng suối trong veo, có nhịp cầu bóng liễu là của ban ngày! Còn ban đêm ánh trăng trở thành người bạn gần gũi nhất, thân thiết nhất. Ánh trăng thu sáng vàng rực rỡ không lan tỏa mọi nơi mà như hội tụ lại soi rọi rõ khuôn mặt Kim – Kiều trong buổi thề non hẹn biển. Lời đính ước, thề nguyện của hai con người son trẻ được vàng trăng chứng giám giữa đất trời:

Vàng trăng vàng vạc giữa trời

Đinh ninh hai miệng một lời song song.

(Trích Thề nguyện)

Vàng trăng vàng vạc giữa trời kia như là một nhân chứng cho mối tình trong sáng, đẹp tươi của đôi trai tài, gái sắc đã cất lời: *Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương*. Trong *Truyện Kiều*, đã hơn bốn mươi lần Nguyễn Du nhắc đến ánh trăng nhưng có lẽ ánh trăng trong đêm thề nguyện này đã đi vào tiềm thức, đã trở nên gắn bó nhất với Thúy Kiều. Buổi thề nguyện hình ảnh trăng như càn in đậm mãi trong lòng Kiều và nó là khoảnh khắc hạnh phúc nhất của cuộc đời nàng.

Đúng là sự đời “thương hải tang điền”, khi gia đình Kiều gặp nạn, bị thằng bán tơ vu oan giáng họa Kiều đã quyết định bán mình chuộc cha và cứu em. Khi bán mình cho Mã Giám Sinh, Kiều từ giã gia đình để dấn thân vào cuộc đời đầy gió bụi thì hình ảnh thiên nhiên sao mà mang đúng nét tâm trạng của Kiều đến thế:

Đùng đùng gió đục mây vẩn

Một xe trong cõi hồng trần như bay.

(Trích Mã Giám Sinh mua Kiều)

Thấy Thúy Kiều như là một món hàng ngon, Mã Giám Sinh nhất quyết mua về với giá bốn trăm lượng vàng, bề ngoài Mã Giám Sinh tuyên bố là lấy Kiều về làm vợ. Nhưng sau khi: *Con ong đã tỏ đường đi lối về*, Mã Giám Sinh lộ diện là tay sai của một chủ lầu xanh. Hắn đưa Kiều vào lầu xanh, ở đây nàng đã bị Tú Bà bắt phải tiếp khách. Nàng nhất quyết không chịu, tự vẫn bằng dao nhưng không chết. Tú Bà đành nhượng bộ cho nàng ra ở lầu Ngưng Bích. Trong đêm buồn, thương nhớ Kim

Trọng, tất cả cảnh vật đều nghiêng nghiêng như tình cảm Thúy Kiều đang hướng về Kim Trọng:

*Guơng nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân.*

(Trích Kiều ở lầu Ngưng Bích)

Ánh sáng của mặt trăng loang loáng trải dài xuống mặt nước len lõi vào các cành cây tạo nên một sắc màu lung linh lấp lánh và ánh trăng diệu kì ấy, ta đọc thấy tình cảm, nỗi tương tư của Thúy Kiều và hình như cảnh ấy, vật ấy cũng thấu hiểu nỗi lòng của nàng. Vàng trắng xa xôi mà như gần gũi khiến nàng nhớ tới đêm hẹn ước năm xưa. Cảnh đẹp nhưng người buồn khiến cảnh cũng nhuốm buồn. Tất cả trước mắt Kiều đều xa xôi, lạnh lẽo, gọi thân phận *bên trời góc biển bơ vơ* của nàng. Trăng là người làm chứng cho mối tình của nàng với chàng Kim và cũng là người bạn gần gũi, gắn bó với nàng trong mọi hoàn cảnh trong suốt mười lăm năm chìm nổi:

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.*

(Trích Kiều ở lầu Ngưng Bích)

Đây là bức tranh buồn bã lạnh lẽo được thể hiện qua cái nhìn của nhân vật trước số phận phong ba. Ngoại cảnh phản chiếu tâm trạng suy nghĩ của nàng Kiều khi bị Tú Bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. Cảnh vật và tâm tình tìm được tiếng nói chung, tiếng nói của một trái tim đơn côi, một tâm hồn lạnh lẽo. Điều đó thể hiện qua cái rộng ngợp của không gian đa chiều (rộng – cao – xa) các hình ảnh vừa thực vừa ước lệ (“non xa”, “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng”). Trước không gian rộng lớn, rộng ngợp của lầu Ngưng Bích, Kiều như một tấm thân bơ vơ, lạc lõng. Nàng tìm đến với thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm bầu bạn. Đường như Nguyễn Du đã kéo vàng trăng từ xa vời vợi kia đến gần nàng Kiều hơn. Trăng như người bạn tri âm tri kỉ đang san sẻ cùng tâm trạng của nàng. Lầu Ngưng Bích chênh vênh và trợ trợ giữa một vùng núi, nước rộng lớn còn con người thì thật nhỏ bé nhưng lại mang tâm trạng cô đơn và lẻ loi. Chính vì vậy mà đôi mắt của nàng buồn nên khi nhìn cảnh mới là “buồn trông”:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

Nhìn con thuyền xa xa nơi biển chiều, cô đơn, lạc lõng không bến bờ gọi tâm trạng cô đơn, xa cha mẹ của người con gái nơi đất khách quê người. Ngọn nước từ trên cao đổ xuống dập vùi tan nát cánh hoa mỏng manh hay rồi cuộc đời mai đây của Kiều cũng đau khổ bị sóng, gió dập vùi xô đẩy như cánh hoa kia.

Một cánh buồm nhỏ bé trước mặt biển bao la trong cảnh hoàng hôn cũng đủ gọi lên trong lòng người đọc thấm thía nỗi buồn của nàng Kiều. Đó là nỗi buồn lẻ loi, cô đơn, lạc lõng, bơ vơ nơi chân trời góc bể của người con gái không biết bấu víu vào đâu:

*Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Nguyễn Du đã từng viết:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

thì quả là không sai. Nỗi buồn trong Kiều thật mênh mang, rợn ngợp, một nỗi buồn khiến cho lòng người khô héo. “Nội cỏ” ở đây cũng “rầu rầu”, cũng mang tâm sự nỗi lòng của Kiều. Đó là nỗi buồn vì cuộc đời nàng đang bị xô đẩy, vùi dập. Nỗi buồn đó cứ đẩy lên mãi, cứ đọng mãi, khơi gợi nỗi niềm tủi nhục đau thương đến ứa nước mắt. Âm thanh của tiếng sóng hay cũng chính là những tai họa, những khó khăn đang rình rập, có nguy cơ ập xuống đầu Kiều, choán ngợp khắp tâm trí Kiều. Cảnh ở đây vừa mênh mang, rợn ngợp vừa mang tâm sự u hoài của lòng người. Nhìn phía nào cảnh nào cũng thấy một màu tàn úa, một tương lai mịt mù, tăm tối. Nhìn cỏ thì cỏ vàng úa, héo tàn, nhìn nước thì nước đục ngầu gợn dử, nước vỗ sóng âm âm... Thiên nhiên quanh nàng phía nào cũng thật đáng sợ, gợi buồn, gợi đau trong lòng Kiều. Nghĩ tới tương lai thì mịt mờ, vô vọng nhìn vào hiện tại thì chán chường, lạc lõng; còn quá khứ đau đớn thương cảm. Và có lẽ bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích là bức tranh dự đoán tương lai của nàng Kiều, làm nền cho buổi gặp mặt Sở Khanh.

Sống một mình giữa không gian mênh mông xa vắng đó nên khi gặp Sở Khanh, một gã có *hình dong chải chuốt áo khăn dịu dàng* và cũng khá văn vẻ, Kiều như người đang sắp chết đuối vớ được cọc mà không còn bình tĩnh nhận ra những lời lừa gạt sáo rỗng của Sở Khanh. Và khi gặp Sở Khanh – nỗi lo sợ tràn ngập trong lòng nàng:

Chim hôm thoi thót về rừng

Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành.

(Trích *Kiều mắc lừa Sở Khanh*)

Chiều đã buông xuống, bóng tối đã bao trùm lên cảnh vật và cánh chim hót hoảng thoi thót về rừng ấy phải chăng là tâm trạng và nỗi sợ hãi của nàng, phó mặc số phận cho anh chàng Sở Khanh kia. *Chim hôm thoi thót về rừng* hay chính là bóng hình của Thúy Kiều cũng thoi thót sợ hãi và khoảnh khắc thời gian của một ngày tàn kia khép lại trong bóng tối như cuộc đời Thúy Kiều cũng sẽ bị khép mình sau cánh cửa ác độc của xã hội phong kiến. Thời gian cứ trôi, cánh chim cứ bay mãi và số phận của Thúy Kiều cũng lên đến đỉnh chìm nổi. Nguyễn Du đã hòa mình vào cõi lòng sâu kín của Thúy Kiều, thấu hiểu nỗi lòng lo lắng của người con gái ấy. Trong buổi tối trốn chạy cùng Sở Khanh, ánh trăng nhợt nhạt như dự báo trước một cuộc trốn chạy vô ích của nàng Kiều:

Đêm thu khắc lậu canh tàn

Gió cây trút lá trắng ngàn ngậm sương

Lối mòn cỏ nhột nhiều sương

Lòng quê đi một bước đường một đau.

(Trích *Kiều mắc lừa Sở Khanh*)

Trăng không sáng soi vằng vặc, cũng không chiếu rõ muôn nơi mà trăng nhợt nhạt, u ám, cảnh vật thật buồn thảm, vắng lặng, cảnh như thế thì người trong cảnh cũng chẳng được việc gì cả. Và lần bỏ trốn của Kiều đã không gặp may và nó sẽ gây nên cho nàng nỗi khổ nhục hơn.

Nguyễn Du đã đặt thiên nhiên vào trong tâm trạng của Kiều khi chia tay với Kim Trọng trong buổi gặp gỡ ngày xuân, ở đó cảnh vui tươi, trong sáng nhưng khi

chia tay với Thúc Sinh cảnh lại buồn đau, xót xa. Cảnh nhập vào tình, tình lồng trong cảnh:

*Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.*

(Trích *Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều*)

Ánh trăng, vàng trắng là khối tình chung của Thúy Kiều với Thúc Sinh vậy mà giờ đây bị xẻ chia thành hai nửa. Người ra đi đem theo một nửa sáng soi dặm đường đi, người ở lại giữ một nửa vàng trắng chờ đợi ôm ấp mối tình chung thủy. Hình ảnh thiên nhiên trong cảnh:

*Người lên ngựa kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.*

Ở đây thiên nhiên là trung tâm của cảnh chia tay ở rừng phong đỏ vào thu nên cảnh nhuốm màu li biệt. Cảnh chia tay ấy thấm đẫm tình người và nước mắt. Nhân vật thiên nhiên đã có mặt thật đúng lúc để diễn tả tâm trạng con người. Xưa nay chia tay có mấy cảnh vui tươi mà cảnh nào cũng buồn, cũng sầu bởi có ai muốn chia cách, li biệt đâu cơ chứ?

Nhân vật thiên nhiên còn hiện lên trong lần Kim Trọng về thăm vườn Thúy. Cảnh xưa tươi đẹp, nên thơ là thế mà giờ đây hoang vu, tàn tạ:

*Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời
Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông
Xập xè én liệng lâu không
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.*

(Trích *Kim Trọng về thăm vườn Thúy*)

Cảnh vườn Thúy trong buổi trao khăn, trao kim thoa thật đẹp, cảnh vui vẻ ấm tình người. Vậy mà giờ đây cỏ mọc đầy sân, vách tường rã rời vì mưa gió cảnh hoang vu, vắng lặng không một bóng người. Cảnh xưa đầy, hoa đào năm ngoái vẫn còn đây nhưng người xưa đã vắng bóng bao giờ để “cỏ lan mặt đất”, để “rêu phong dấu giày”. Cảnh tiêu điều, tàn tạ khiến lòng người về thăm cảnh cũ cũng nao nao buồn. Sao mà Nguyễn Du tài đến thế! Luôn đặt thiên nhiên mang đúng tâm trạng nhân vật, thiên nhiên luôn thấm đượm tình người là thế.

Ngoài hình ảnh thiên nhiên diễm tình, Nguyễn Du còn điểm trang cho *Truyện Kiều* bằng nhiều bức tranh tả chân, tả thực, và thuần túy là những nét họa xinh đẹp, không ngụ tình. Những bức tranh bằng thơ có khi tươi tắn, có khi sầu mộng được viết theo lối văn tinh xảo. Chỉ cần một vài nét phác họa với những điểm chính hiện hữu. Đây là cảnh một túp lều tranh bên sông vắng lúc hoàng hôn, vừa giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất nên thơ:

*Đánh tranh chụm nóc thảo đường
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.*

Hoặc chỉ một vài nét chấm phá mà người đọc đã hình dung ra cảnh một mái tranh nghèo rách nát toi tả theo tháng ngày:

*Nhà tranh vách đất tả toi
Lau treo rèm nát trúc cài phen thưa.*

Khi đến với bức tranh sơn thủy của một khung trời chiều thu long lanh phản chiếu trên mặt sông êm ả:

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.*

Cảnh thanh tịnh của ngôi chùa Giác Duyên nơi Kiều đã được cứu vớt, mà đường tới thì quanh co theo dải sông, có khu rừng lau như cách biệt với cuộc sống rộn rã bên ngoài:

*Quanh co theo giải Giang Tân
Khởi rừng lau đã tới sân Phật đường.*

Cảnh vật thiên nhiên trong trang thơ của Nguyễn Du tuyệt vời đến nỗi trong *Đoạn trường tân thanh*, luôn luôn có những bức tranh nhỏ nhỏ như những hạt kim cương rải rác dính trên một tấm thêu nhung (*Việt Nam văn học sử trích yếu* – Nghiêm Toản). Nguyễn Du cũng rất nhiều khi chỉ dùng một vài nét chấm phá, thành một nghệ thuật đã đạt đến mức uyển chuyển và tinh tế:

*Vi lô san sát hơi may
Một trời thu để riêng ai lạnh lòng.*

Đó là một cảnh một rừng “vi lô” trong mùa thu xám có gió heo may, lành lạnh. Lối tả cảnh này có thể Nguyễn Du chỉ viết theo nghệ thuật cảm quan của mình chứ không hề nghĩ rằng mình đang tạo ra một lối vẽ cảnh một cách tượng trưng bằng những vần thơ. Trong hai câu thơ trên, “một trời thu” mang một ý niệm không gian rộng lớn bao la, trong khi bốn chữ “riêng ai lạnh lòng” lại chỉ một phạm vi nhỏ bé, một tâm tình đơn lẻ cá nhân. Thiên nhiên trong thơ của Nguyễn Du cũng dùng rất nhiều màu sắc như bức tranh của một người họa sĩ. Trước tiên phải là ánh sáng, một yếu tố cơ bản, rồi sau đó mới tới các màu sắc với sự pha chế sao cho làm nổi được cảnh chính và cảnh phụ.

Có thể nói thiên nhiên luôn là hình ảnh thân gần, gắn bó với mỗi chúng ta, nó không chỉ là khung cảnh gần gũi trong cuộc sống đời thường mà đã đi vào văn học, cụ thể đi vào *Truyện Kiều*. Nguyễn Du đã mượn thiên nhiên làm nền cho truyện và cũng biến thiên nhiên thành một nhân vật, mang tâm sự, nỗi lòng của con người. Ngôi bút thơ của Nguyễn Du tài hoa, điêu luyện khi dựng lên hình ảnh thiên nhiên. Thiên nhiên mãi là hình ảnh, là nhân vật không thể thiếu trong *Truyện Kiều*.

Truyện Kiều của Nguyễn Du không cốt tả cảnh thiên nhiên nhưng đại thi hào lại mượn thiên nhiên nói hộ tâm trạng nhân vật. Và thiên nhiên trở thành một nhân vật đặc biệt, lúc ẩn lúc hiện nhưng luôn có mặt đúng lúc. Nhân vật thiên nhiên thường kín đáo, lặng lẽ bởi có mấy ai để ý đến nó. Nhà thơ sông Lam, núi Hồng đã ra đi, nhưng *Truyện Kiều* mãi mãi là dòng sông mát lạnh chảy qua tâm hồn chúng ta để lại một lớp phù sa màu mỡ. Trên lớp phù sa màu mỡ đó, ta luôn luôn gặp hình ảnh tươi đẹp, sống động, mang đậm tình người của thiên nhiên.

Truyện Kiều mãi mãi là viên ngọc quý, là cuốn sách gối đầu giường của mỗi chúng ta. Thêm vào đó, ta cũng thấy với tuyệt tác phẩm *Truyện Kiều* thì thiên tài Nguyễn Du đã chứng minh một cách hùng hồn rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ tuyệt vời cho thi ca. Chúng ta còn chờ đợi gì nữa mà không đọc lại *Truyện Kiều* thật kỹ càng để yêu thêm tiếng Việt của chúng ta?

ĐỀ THI Nhà phê bình văn học Hoài Thanh có nhận xét về bài thơ *Nhớ rừng* như sau: “*Ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường. Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được*”. Em hiểu như thế nào về ý kiến đó? Qua bài thơ *Nhớ rừng*, hãy chứng minh nhận xét của Hoài Thanh.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Cao Bích Xuân,
học sinh trường PTCS Nguyễn Bình Khiêm,
tỉnh Bắc Thái, năm học 1977 – 1978

BÀI LÀM

*Thế Lữ là một hồn thơ rộng mở. Người say sưa theo những cảnh đẹp của trần gian muôn hình, muôn vẻ. Người vừa khéo tả hình, tả sắc, lại khéo tả âm thanh (Xuân Diệu). Với phong thái lãng mạn trữ tình, thơ Thế Lữ đã góp phần hình thành, thức tỉnh cái “tôi” cá nhân đặc trưng cho Thơ mới – trong lịch sử thi ca Việt Nam. Và có lẽ từ trước tới nay, chưa có một tác phẩm nào lột tả được hình ảnh chúa sơn lâm kiêu hùng, đẹp đẽ như đã từng được tái hiện trong thi phẩm *Nhớ rừng* vậy. Đúng như nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã nhận xét:*

Ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường. Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được.

“Sức mạnh phi thường” dằn vặt những chữ trong suốt cả bài thơ, khiến chúng bị xô đẩy, phải chăng phần nào bộc lộ qua hình tượng nghệ thuật mà Thế Lữ sáng tạo ra? Bằng nghệ thuật nhân hóa, con hổ trong bài thơ cũng có tâm sự, có nội tâm như một con người. Sự chọn lọc nhân vật cũng hợp lí. Nghệ sĩ ai cũng chọn cho mình một tứ thơ. Thế Lữ gắn mình với núi rừng. Tuy sinh ra ở Hà Nội nhưng chắc rằng những kí ức về thời niên thiếu sống nơi núi rừng (Lạng Sơn) đã giúp ông hiểu thế nào là sự oai phong, uy nghi của chúa sơn lâm trong cái thế giới hoang dại của nó. Nỗi nhớ rừng của hổ chính vì thế cũng sâu sắc hơn bất kì loài động vật nào cư trú nơi đại ngàn xanh thẳm.

Bằng hình ảnh so sánh độc đáo, Hoài Thanh đã nêu bật lên cái tài sử dụng ngôn của Thế Lữ, như một viên tướng điều khiển “đội quân Việt ngữ” một cách tài tình, khéo léo. Sự sắp xếp và kết hợp nhuần nhuyễn nghệ thuật với từ ngữ là một trong những lí do chính tạo nên sức sống của bài thơ. Ta có thể thấy ngay ở câu đầu, tâm trạng của hổ khi bị giam cầm đã được thể hiện hết sức tinh tế:

*Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.*

“Gậm” diễn tả hành động. Nhưng cái để “gậm” ở đây lại là “khối căm hờn”. Phải chăng sự dồn nén âm ỉ nỗi căm hờn đã khiến sự chán ghét của hổ kết tinh thành

một khối, sự căm ghét lên tới đỉnh điểm? Cảm xúc của chúa sơn lâm được hữu hình hóa và không sao đập tan! Không những thế, tác giả còn phác họa ra chân dung cảnh hổ đang nằm sóng soài liên miên, thờ dài thườn thượt, chán chường. Từ “dài” được dùng theo nghĩa đen. Nó được sắp đặt ở đó là ý của Thế Lữ, một cách diễn đạt sự buông xuôi.

Chúa sơn lâm vốn là một con hổ dũng mãnh. Con hổ giễu cợt chính kẻ chiến thắng mình. Từ “khinh” không chỉ là tiếng cười ngạo mạn mà nó còn là thái độ tự mãn. Không, hổ chẳng hề bị khuất phục, nó đã là kẻ thắng cuộc bởi ý chí kiên cường, bất chấp hoàn cảnh. Lũ người “mất bé” hằng ngày cứ trêu chọc hổ không tài nào hiểu được tâm sự của nó. “Bé” ở đây là bé về tâm nhin, hiểu biết, nếu hiểu theo nghĩa bóng; còn như suy ra từ nghĩa đen thì cũng đơn giản vậy thôi. Mãnh hổ mỗi khi về đêm mắt sáng quắc, khiến mọi loài đều run sợ. Vậy mà nay, “oai linh rừng thẳm” lại phải chịu ngang hàng cùng bọn gấu, báo dở hơi, suốt ngày chỉ ra ra vào vào, ăn rồi lại ngủ. Hổ không chấp nhận sự sắp đặt của số phận, không chịu để bị lôi ra làm trò đùa vui. Có lẽ vì sự bòn chòn của nó tác dụng lên chữ nghĩa, làm cho chữ nghĩa bị xô đẩy, dãn vật. Một lần nữa, ta hiểu thêm cái điệu nghệ của Thế Lữ qua việc chọn lựa từ trong việc thể hiện tâm trạng của chúa sơn lâm.

Đoạn hai và đoạn ba xứng đáng là những câu thơ tuyệt bút trong Thơ mới cũng như thi ca Việt Nam. Con hổ trong bài là một con hổ hiểu biết. Tâm trạng của nó phức tạp mà vẫn đậm chất nghệ sĩ. Một loạt những từ ngữ trang trọng được sử dụng nhằm nêu bật sự nhớ thương khôn xiết dành cho rừng của hổ. Đoạn hai chia làm đôi: năm câu đầu – bảy câu cuối. Tất cả như tấu lên một bản hòa ca mãnh liệt và bất diệt của đại ngàn sâu thẳm, khúc trường ca dữ dội, ca ngợi sức mạnh của chúa sơn lâm. Nếu như đoạn thơ đầu là thước phim tái hiện một cảnh kì vĩ, hùng tráng về rừng thẳm, thì sau đó lại là những nét tự họa của hổ ta, nói đúng hơn nó là bức tranh liên hoàn của một thời oanh liệt. Bước chân của hổ đường hoàng, dong dạc tựa vị hoàng đế oai phong bước trên thảm đỏ trải tới ngai vàng của mình. Bộ lông vằn của hổ uốn lượn như sóng xô, bóng hổ hiện ra như lướt qua chúng ta hơi điều đà mà đậm chất nghệ sĩ. Hổ sống hoang dã, giữa chốn thảo hoa không tên nhưng kí ức của nó có tên “miền nhớ”, rất đẹp và thơ mộng. Từng câu từng chữ như nhiều mảnh ghép đa sắc màu, kết hợp với “nào đâu”, “đâu” lặp đi lặp lại (lặp cú pháp) đã biến đoạn ba thành bộ tranh tứ bình thủy mặc. Viên tướng Thế Lữ đưa nỗi nhớ nhằm tả quá khứ của một con vật vừa có uy vừa có tình. Cảnh đêm trăng bên bờ suối – đêm vàng – đêm để vương của chúa tể rừng xanh, hổ uống nước suối mát trong như uống ánh trăng vỡ tan dát vàng lấp lánh. Đội quân từ ngữ ở đây như được Thế Lữ điều động từ ca dao về.

Sau dư âm của đêm dát bạc là ngày mưa rừng tầm tã – một sự thay đổi lớn trong vương quốc của hổ – mọi vật thay đổi sau cơn mưa một cách lạ kì, đầy sức sống. Tiếp đến ta thấy một bình minh xanh nắng tung bùng hoa cỏ, cảnh sắc như được gột rửa. Và đặc biệt nhất đó là chiều hoàng hôn độc đáo qua cái nhìn của con hổ:

*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?*

Mỗi khi ánh mặt trời sắp tắt, các tia sáng chạy theo thành những dải lụa đỏ thắm cả một vùng trời sau cánh rừng như chết. Sự so sánh giản đơn và gần gũi với

thế giới loài vật – nơi chỉ có sự độc chiếm của kẻ mạnh cùng khái niệm “sống” – “chết”. Mặt trời lặn tức là mặt trời chết. Nói cách khác, hổ đã cho rằng vàng dương kia khuất phục trước nó, nhường lại cho hổ đêm tối mệnh mệnh bao la với tiếng gió ngàn vi vút. Đó chính là phần bí mật mà nó khao khát, nhớ nhung bấy lâu nay. Khi người ta đã mất đi cái gì đó, họ mới biết giá trị của nó to lớn biết nhường nào. Dường như nhận ra như vậy, hổ mới kéo mình lại với sự đau xót hiện tại. Nó kêu lên: *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?* Hổ rất đau lòng để tự hỏi quá khứ nay ở nơi nào? Câu thơ như một chiếc cầu nối thời gian, một câu biểu cảm kết thúc một loạt những đoạn lập cú pháp để rồi nói sang hiện thực trong cũi sắt vườn bách thảo. Các từ ngữ như phá tung cũi sắt bởi sức mạnh ghê gớm của hổ.

Nó chê bai vẻ giả dối, tầm thường, thấp kém của cảnh vật ở vườn bách thú mâu thuẫn cực độ với núi rừng âm u bóng cả cây già. Hổ giễu cợt những vườn hoa xén phẳng được tưới tắm, cây non được vun trồng, bảo vệ, chăm nom, dòng nước chảy trong lạch nhỏ bé, vừng lá hiền lành, không bí ẩn, tất cả chẳng hề có sức lôi cuốn hổ, mọi thứ phơi bày ra trước mắt nó và cũng không có gì để khám phá, tìm hiểu. Phải chăng đây là nỗi lòng của Thế Lữ khi phê phán sự bất chước vô thức, lố lăng cái văn hóa phương Tây được du nhập vào Việt Nam thời kì đó?

Ở cuối bài, hổ biểu lộ tình cảm của mình qua câu thơ nhắn nhủ với rừng. Đúng, nó gọi rừng, nhớ rừng nhưng không phải là không tự hào về nơi ấy, nơi không đâu sánh bằng. Điệp từ được sử dụng rộng rãi, tô đậm tình yêu mãnh liệt không gì thay đổi của mãnh chúa sơn lâm đối với rừng: có câu cảm thán, câu gọi, câu hỏi, câu trần thuật... như hổ đang nói chuyện trong trí tưởng tượng với miền nhớ của nó. Nơi ấy hùng vĩ biết bao, thiêng liêng biết mấy, vậy mà suốt đời còn lại, hổ không còn nhìn thấy nó nữa, có khác nào đứa con bị tách khỏi lòng mẹ? Tuy thế, ngày ngày, trong vườn bách thảo, tâm hồn hổ vẫn hướng về rừng, sống với đại ngàn sâu thẳm trong mộng, loài người chỉ giam hãm được thân xác chứ sao có thể ép buộc tâm hồn nó. Đến đây, có thể kết luận rằng hổ thắng, thắng chính mình trên sự thất bại mà số phận đã sắp đặt.

Hồi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

Ngay đến cả câu kết cũng để lại cho ta sự khâm phục về tài nghệ sử dụng ngôn điệu luyện của tác giả. Nó hết sức đặc biệt, nửa như vỗ về, âu yếm; nửa đau đớn thống thiết xót xa. Tiếng gọi ấy không hề tuyệt vọng mặc dù tâm trạng ngập chìm trong chua xót. Nó phản ánh suy nghĩ của lớp thanh niên có tài, có tâm như Thế Lữ mà chẳng biết làm cách nào để khẳng định mình, giải phóng kiếp nô lệ khổ đau cho dân tộc. Phải chăng đó là bầu cảm xúc giúp Thế Lữ viết nên bài thơ này?

Nhớ rừng là một bài thơ bất hủ, những câu thơ gấp duỗi linh hoạt của Thế Lữ đã chứng tỏ ông là một viên tướng tài giỏi khi điều khiển “đội quan Việt ngữ” của mình tài tình đến vậy. Xuyên suốt cả tác phẩm là dòng cảm xúc lãng mạn bay bổng, hình ảnh hoa mỹ, âm điệu nhịp nhàng nhưng hơn hết đó là nỗi lòng của tác giả, nỗi buồn của người thanh niên đang lưỡng lự trước sự chọn lựa lí tưởng cho bản thân. Đọc thi phẩm *Nhớ rừng*, ta thêm hiểu và mến yêu tài tình của Thế Lữ.

ĐỀ THI | Hồ Chí Minh có nói: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước*. Bằng thơ văn giai đoạn thế kỉ XI – XV, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Võ Thúy Anh,
học sinh trường PTCS Trần Bình Trọng,
tỉnh Hải Hưng, năm học 1978 – 1979

BÀI LÀM

Từ thời vua Hùng dựng nước, trải qua bốn ngàn năm lịch sử, đất nước ta, dân tộc ta đã có một truyền thống hào hùng: đó là lòng yêu nước vô bờ bến, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. Tiếp nối những bậc anh hùng dân tộc bất tử như: Hai Bà Trưng, Mai Thúc Loan, Bà Triệu, thì đến giai đoạn thế kỉ XI – XV, đất nước ta lại nổi lên những vị anh hùng xả thân vì đất nước: Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Trần Quang Khải, Nguyễn Trãi...

Truyền thống hào hùng đó được diễn tả một cách sâu sắc và lắng đọng trong câu nói của Bác: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước*. Văn học là tấm gương phản ánh rõ nét quá trình phát triển của lịch sử và xã hội cho nên song song với thời đại của các anh hùng dân tộc thì những tác phẩm văn học bất hủ cũng ra đời. Bằng thơ văn thế kỉ XI – XV, chúng ta sẽ làm sáng tỏ nhận định trên của Bác để cùng hiểu thêm về truyền thống anh hùng, bất khuất và kiên cường của dân tộc Việt Nam.

Lòng yêu nước là một tình cảm thiêng liêng nhất, cao quý nhất của mỗi công dân đối với đất nước mình. Lòng yêu nước thể hiện ở rất nhiều mặt. Đó chính là lòng tự hào dân tộc, lòng yêu thiên nhiên, căm thù giặc, thương dân sâu sắc, tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong cuộc sống chiến đấu cũng như lao động, niềm lạc quan tin tưởng vào sự thắng lợi của đất nước... Tất cả những điều đó chứa đựng hết trong danh từ thật thiêng liêng “lòng yêu nước”. Sự thiêng liêng ấy được kết tinh qua nhiều triều đại:

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.*

(*Bình Ngô đại cáo* – Nguyễn Trãi)

Nguyễn Trãi, một tiêu biểu cho khí phách, tinh hoa của dân tộc đã viết lên những áng văn của lòng tự hào của một người dân nước Việt. Những áng văn đã khẳng định chỗ đứng của Việt Nam, khẳng định những truyền thống, những con người Việt Nam tài ba và hào kiệt. Những con người Việt Nam yêu nước đã viết được những áng văn đó từ thực tế của lòng yêu nước nồng cháy của nhân dân, lưu truyền đến tận ngày nay cho con cháu biết được truyền thống tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi phải có một khí phách như thế nào mới viết ra được những lời văn bất hủ đó.

Tự hào về dân tộc, về đất nước Việt Nam nên những con người Việt Nam kiên quyết bảo vệ nó. Trên sông Như Nguyệt, giọng nói hào hùng của Lí Thường Kiệt đã vang lên như sấm, bản “Tuyên ngôn Độc lập” đầu tiên của đất nước:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.*

(*Nam quốc sơn hà*)

Đất nước Việt tuy bé nhỏ nhưng nó là tất cả của người Việt Nam. Hàng vạn, hàng triệu con người Việt Nam đứng bên dòng Như Nguyệt thờ cùng với từng lời văn, nhịp tim đập cùng với từng câu nói của bài thơ “thần”.

Lúc bài thơ kết thúc cũng là lúc hàng vạn, hàng triệu con người đó với lòng kiên quyết tốt độ đã xông lên diệt giặc và lịch sử đã ghi nhận chiến tích hào hùng này. Đó chẳng phải là một chứng minh hùng hồn cho lòng yêu nước của dân tộc ta hay sao?

Sức mạnh nào đã cho dân ta lòng kiên quyết đánh đuổi quân xâm lược? Quân xâm lược nào mà chẳng tàn ác dã man. Chúng giày xéo, chà đạp những con người bị thống trị một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo. Với lòng yêu nước nồng nàn nhân dân ta sao khỏi đau xót trước cảnh mất nước! Nguyễn Trãi đã phải viết ra những lời văn rướm máu:

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Đó là tiếng rên xiết của những con người bị đày đọa, đó cũng là lời cáo trạng đanh thép kết tội giặc Minh. Tuy khác thời với Nguyễn Trãi nhưng trước sự xâm lăng của giặc phương Bắc, Hưng Đạo Vương cũng mang tâm trạng: *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù* (*Hịch tướng sĩ* – Trần Quốc Tuấn). Lòng yêu nước không chỉ dừng ở những trăn trở, những tình cảm xót thương mà biến thành ngọn lửa căm thù và đã bùng cháy thành hành động. Cả hai ông đều thét lên sự quyết tâm diệt giặc của mình:

*Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được?*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Đây là tiếng thét của Nguyễn Trãi hòa cùng vận mệnh con người Việt Nam.

Còn đây là sự quyết tâm sắt đá của Trần Quốc Tuấn cùng vạn binh lính:

Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

(*Hịch tướng sĩ*)

Có phải, chỉ có lòng yêu nước vô hạn mới căm thù giặc sâu sắc như vậy?

Chính lòng yêu nước cộng thêm viên ngọc quý nhất của truyền thống dân tộc: đã hun đúc lên những vị anh hùng bất tử như Lí Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi... Họ là tinh hoa của dân tộc, chất lọc những tinh hoa từ bao đời thể hiện trong sự hi sinh to lớn trước vận mệnh đất nước:

*Đau lòng nhức óc chốc đà mười mấy năm trời
Ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Lòng yêu nước được thể hiện ở Nguyễn Trãi rất rõ nét và tốt đẹp. Ông đã dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp phục quốc thái bình của đất nước, cho sự ấm no và hạnh phúc của nhân dân:

*Bui một tác lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều dâng.*

(*Tác lòng ưu ái* – Nguyễn Trãi)

Ông sẵn sàng hi sinh tất cả, quên đi những vị ki cá nhân để lấy cái nhân, cái nghĩa làm đầu. Cái nhân, cái nghĩa của ông chẳng phải xuất phát từ lòng yêu nhân dân, đất nước đó hay sao?

Chỉ có lòng yêu nước mới làm xuất hiện các chiến lược, chiến thuật thật kì diệu, những thông minh lạ kì của các vị lãnh tướng:

*Thế trận xuất kì lấy yếu chống mạnh
Dùng quân mai phục lấy ít địch nhiều.*

(*Bình Ngô đại cáo* – Nguyễn Trãi)

Bởi vì quyết tâm quét sạch quân thù, quyết giành lại đất nước nhỏ bé nhưng chói lọi những trang sử vàng mà nhân dân ta đã hai lần thắng nhà Tống, ba lần thắng quân Nguyên – Mông, mười năm kháng chiến anh dũng chống quân Minh.

Một đất nước thật hào hùng, một dân tộc nồng nàn yêu nước mới có thể có những người con bất tử như Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Đặng Dung...

Không chỉ trong công cuộc chống ngoại xâm mà cả trong hòa bình, Phạm Ngũ Lão, một tướng tài của đời nhà Trần, với khí thế của ba lần chống Nguyên – Mông vẫn chưa thật sự hài lòng với những gì mình đã làm cho đất nước:

*Công danh nam tử còn vương nợ
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

(*Thuật hoài* – Phạm Ngũ Lão)

Và đây một Lê Thánh Tông luôn luôn mong ước một nền hòa bình thịnh trị, đời sống nhân dân ấm no, hạnh phúc:

*Nhà Nam nhà Bắc đều no mặc
Lùng lẫy cùng ca khúc thái bình.*

(*Vịnh năm canh*)

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta càng được nâng lên khi có ánh sáng của Đảng soi đường.

Như cha ông thuở trước, người Việt Nam không thể ngồi yên trước bọn giặc xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, những người dân Việt Nam từ giã những gì thân thương, yêu quý nhất của mình để lên đường bảo vệ đất nước:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay.*

(*Đồng chí* – Chính Hữu)

Lòng yêu nước đã thúc giục họ ra đi. Họ mang theo bao nỗi nhớ thương mà không hề chùn bước bởi vì tất cả đều có lí tưởng là quyết tâm tiêu diệt quân thù, giành lại nền độc lập tự do cho đất nước với một niềm tin tưởng tuyệt đối vào Đảng.

Văn học Việt Nam từ thế kỉ XI – XV đã khẳng định giá trị cao đẹp lời dạy của Bác đức kết truyền thống quý báu của dân tộc ta từ bao đời nay. Tự hào thay, Tổ quốc ta là một đất nước giàu đẹp và anh hùng!

Truyền thống yêu nước của dân tộc ta ngày càng phát triển cao hơn, cao mãi, nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo. Con người mới xã hội chủ nghĩa đã nối tiếp cha anh mình. Với lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần trách nhiệm cao, lạc quan, yêu đời... chúng ta, lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng phải trau dồi cho mình những đức tính đó và phải nâng cao lòng yêu nước, yêu dân tộc. Nó là kim chỉ nam của mọi hoạt động của chúng ta. Riêng em, khi còn ngồi ở ghế nhà trường sẽ quyết tâm trau dồi

không chỉ về trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật mà còn tự phần đấu về đạo đức cách mạng để ghi nhớ lời dạy của Bác:

*Các vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước.*

ĐỀ THI

Bộ mặt thật của bọn quan lại phong kiến, cường hào, địa chủ và tay sai được thể hiện khá sâu sắc trong các tác phẩm: *Sống chết mặc bay* (Phạm Duy Tồn), *Đồng hào có ma* (Nguyễn Công Hoan) và *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố). Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

**Bài đoạt giải Nhì kì thi Văn toàn quốc của Nguyễn Đức Giang,
học sinh trường PTCS Hai Bà Trưng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, năm học 1979 – 1980**

BÀI LÀM

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 có ba khuynh hướng văn học chính là văn học cách mạng, văn học lãng mạn và văn học hiện thực. Cùng với hai khuynh hướng kia, văn học hiện thực phát triển mạnh mẽ, mà tiêu biểu là các tác giả Phạm Duy Tồn, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố. Ba tác phẩm *Sống chết mặc bay*, *Đồng hào có ma* và *Tắt đèn*, tuy ra đời ở ba thời điểm khác nhau, nhưng chúng đã dựng lên một bức tranh sinh động về những bộ mặt thật của bọn quan lại, cường hào, địa chủ và tay sai.

Văn học hiện thực phê phán gắn với từng thời kì lịch sử. Những tác phẩm hiện thực phê phán cũng như chiếc gương soi chân thực hiện thực xã hội. Khi xã hội có những bất ổn, có những mâu thuẫn khó có thể hòa hoãn thì cũng là lúc văn học hiện thực phê phán xuất hiện với vai trò như những tiếng nói phản biện xã hội. Văn học hiện thực phê phán là tiếng nói mang tính phản kháng tức thời trước những thực trạng tiêu cực trong xã hội, đối lập với quan điểm của người cầm bút. Mỗi tác phẩm văn học hiện thực phê phán như những chiếc gương không những chỉ phản chiếu mà còn cô đọng, bao chứa, dồn nén hiện thực ngồn ngộn của xã hội.

Một tác phẩm văn học nếu chỉ chứa đựng những oán hờn, căm giận, bức xúc, bất mãn với xã hội, với một giai cấp khác, với một nhóm người khác hoặc một cá nhân khác thì nó chỉ thỏa mãn những nhu cầu mang tính thời điểm của người cầm bút.

Trước hết, chúng ta hãy xem bản chất của bọn quan lại phong kiến thời bấy giờ là gì. Chúng trước tiên là những kẻ hay xu nịnh. Chúng ta thử hỏi xem những tên như quan phụ mẫu trong *Sống chết mặc bay*, tên huyện Hinh trong *Đồng hào có ma*, tên quan phủ Tư Ân trong *Tắt đèn*, liệu có phải vì chúng có tài đức gì nên mới được làm quan? Không, chúng chỉ là những tên dùng thủ đoạn đút lót quan trên để có những chiếc ghế đó, để những nhiều dân, vợ vét của dân. Khi đã được yên vị, chúng vẫn luôn bợ đỡ, nịnh nọt những ông Tây để leo cao hơn, cao hơn nữa. Có thể nói, chúng chỉ là những kẻ dốt nát, nhờ xu nịnh mà được leo cao làm quan.

Bọn quan lại phong kiến cũng lại là những tên tàn ác vô lương tâm. Thì đây “ông quan phụ mẫu” chính là như thế. Trong lúc nhân dân lo giữ đê đê cứu làng, cứu mọi người, thì quan không lo làm trách nhiệm của quan là đốc thúc nhân dân, mà ung dung ngồi trong ngôi đình cao để chơi bài, ăn canh tổ yến. Trong khi đó quan lại được kẻ dưới tâng bốc lên, rồi khi vắn bài ù thì bọn kia (chỉ lũ hương lí, chân tay của quan) lại kêu lên: “Ngài giỏi thật”. Đến khi có người vào báo đê sắp vỡ, quan còn

quát mắng kẻ đó phá niềm vui của “ngài” và đòi “cách cổ” hấn ta. Tệ hại hơn là quan còn thản nhiên, thậm chí vui vẻ, đứng vào lúc đê vỡ, khi *người sống không chỗ ở, người chết không chỗ chôn*, bởi khi ấy quan thẳng ván bài. Cùng là người dân đất Việt, nhưng khi thấy đồng bào bị nạn, quan không mảy may xót thương, tấm lòng “phụ mẫu” đi đâu rồi? Như vậy chỉ bằng chi tiết đó, Phạm Duy Tốn đã đã kích mạnh mẽ sự vô lương tâm, tàn nhẫn đến mức không còn tính người của tên quan phụ mẫu và các loại người như hắn. Hắn mang danh là quan cha mẹ của dân, nhưng thực chất là sâu mọt chuyên đục khoét của dân, còn tính mạng của dân thế nào thì quan thây kệ. Trong *Tắt đèn* chúng ta cũng thấy sự tàn nhẫn của bọn này. Mặc dù chúng không trực tiếp cầm roi, cầm gậy hành hạ người dân, nhưng hành động của chúng còn độc ác hơn. Chúng đặt ra hàng trăm thuế khóa nặng nề, một phần để cung phụng quan Tây, quan trên, còn lại thì vơ vào túi. Chính những thứ thuế đó đã phá tan bao gia đình như gia đình chị Dậu, làm cho bao kẻ sống dở chết dở như anh Dậu, và làm cho mẹ con lí tán, như mẹ con chị Dậu. Bộ mặt người mà lòng lang dạ thú của chúng thật đáng đem ra vạch trần. Và các tác giả đã vẽ lên được bộ mặt thật của chúng thật sắc sảo, tài tình.

Không chỉ dừng ở đó, chúng còn là bọn “cướp ngày” một cách trắng trợn. Chính vì vậy mà nhân dân ta có câu:

Con ơi nhớ lấy câu này

Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan,

quả là đúng. Chúng ta thử trông vào huyện Hinh mà xem, tại sao ông ta “béo oi là béo”? Chính là vì ông ta ăn bản! Tác giả đã tài tình làm sao khi dùng từ “ăn bản”. Đó là hình ảnh ẩn dụ, hình ảnh đã bóc trần bộ mặt “cướp ngày” của hắn. Khi chị Nuôi đến công đường nhờ quan “đèn trời soi xét”, tìm cho ra kẻ trộm, nhưng lạ thay, quan ngồi yên như phỗng, và đến khi chị Nuôi vì sợ mà đánh rơi tiền, quan bỗng cử động. Đó là cử động lấy chân giẫm lên đồng hào đôi của chị Nuôi. Thành ra chị không đủ một đồng lệ phí trình quan, đành ra về. Có thể chị biết “con ma” lấy tiền của chị đấy, nhưng dám làm gì? Bởi vậy màn kịch cuối câu chuyện này là một màn kịch thật xuất sắc. Nó đã lột trần bộ mặt “cướp ngày” một cách hèn hạ, bản thiêu của bọn quan lại bấy giờ.

Và nét cuối cùng trong bộ mặt thật của bọn quan lại mà các tác giả đã vẽ lên chính là sự dâm ô của chúng. Trong tác phẩm *Tắt đèn*, chúng ta biết đã có lúc chị Dậu bị bắt lên phủ vì tội “chống lại người nhà nước” là bọn tay sai của quan. Và trong lần đó, tên quan phủ Tư Ân đã lợi dụng cảnh ngộ của chị, bắt chị vào phòng hắn. Nhân lúc vợ hắn vắng nhà, hắn định cưỡng hiếp chị. Mặc dù kết thúc cảnh đó là chị Dậu thoát được, nhưng bộ mặt dâm ô của hắn vẫn còn ghi rõ trong từng chữ của Ngô Tất Tố. Thế nhưng tránh lần này chị Dậu vấp phải lần khác. Đó là một đêm “tắt đèn”, vào cái đạo chị đi ở vú cho nhà quan tỉnh, quan cụ đã mò vào phòng chị và giờ trò bỉ ổi.

Có thể nói rằng, thông qua những hình tượng quan lại điển hình đó, các tác giả văn học hiện thực đã vạch trần ra rằng: Bọn quan lại thời đó đều là hiện thân của bao cái xấu xa nhất trong xã hội bấy giờ – xu nịnh, độc ác, tàn bạo, bòn rút của người dân không từ một cái gì và rất dâm ô.

Loại người thứ hai đáng lên án trong các tác phẩm này là bọn địa chủ cường hào. Về loại nhân vật này, không ai miêu tả tài tình bằng Ngô Tất Tố. Điển hình cho loại người này là vợ chồng Nghị Quế. Bọn này trước hết mang bản tính hách dịch.

Chị Dậu vào nhà Nghị Quế để nói chuyện bán con, chúng cứ để cho lũ chó xông ra cắn chọi. Thái độ thờ ơ như thế lại tiếp tục cho đến khi chị Dậu gặp mặt chúng. Chị quỳ ở cửa, còn bọn chúng thản nhiên lau mồ hôi lau mép. Rồi đến khi vào việc trao đổi, Nghị Quế cậy quyền cậy thế, nói với chị Dậu mà như quát với súc vật. Chúng ta phải nói vậy vì từ lúc chị vào nhà hắn, hắn đâu có coi chị là con người. Thái độ đáng ghét của bọn địa chủ như Nghị Quế đã được Ngô Tất Tố vạch trần. Và không chỉ thế, chúng còn là loại người độc ác, tàn nhẫn. Chúng giàu nứt đố đổ vách thế mà chỉ có hơn hai đồng bạc chúng đã bắt chị Dậu đổi bằng chính đứa con gái mới bảy tuổi của chị và cả một đàn chó mới đẻ. Rồi khi đã có được đứa ở mới là cái Tí – con chị Dậu, chúng bắt em phải bóc cơm của chó mà ăn ngay trước mặt mẹ em. Chúng nhân tâm hành hạ một đứa trẻ và một người mẹ đã phải dứt ruột bán con. Có lẽ, mỗi dòng chữ Ngô Tất Tố viết ra là một nỗi căm giận hòa cùng nước mắt. Tóm lại, bọn địa chủ cường hào cũng lại là những kẻ điển hình cho loại người độc ác vô lương tâm và vô cùng hống hách.

Cuối cùng, loại người thứ ba mà các tác giả đã dựng lên trong bức tranh xã hội là bọn tay sai. Bọn tay sai này cũng gian ác không kém gì chủ của chúng. Trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, tội ác do chúng gây ra không phải là ít. Chúng vào từng nhà dân, quát tháo ầm ĩ để đốc thúc dân nộp thuế. Nhà nào không đủ thuế thì chúng bắt người đem về hành hạ. Anh Dậu cũng chỉ vì một suất sưu mà bị chúng đánh cho “thập tử nhất sinh”. Hành hạ một con người ốm đau đến như thế chỉ có bọn lang sói đội lốt người mới đang tâm làm. Đánh đập người ta đến khi moi được suất sưu rồi chúng vẫn chưa hài lòng. Chúng còn đòi anh phải đưng đầu với một thảm họa tiếp: nộp sưu cho người em đã chết! Mặc dù anh vừa mới tỉnh dậy sau những trận đòn trước, chúng vẫn sẵn vào bắt trời anh, bỏ ngoài tai tất cả những lời van xin thảm thiết của vợ con người ta. Rồi chúng còn đánh cả một người phụ nữ thân cô thế cô. Chúng tát vào mặt chị Dậu, bịch mấy cái vào ngực chị. Hành động thô lỗ, cực cần mà ác độc đó thử hỏi người thường có ai làm được, nếu không phải là loài cầm thú. Giống như quan thầy của chúng, bọn tay sai này cũng ăn “cướp ngày” như ranh. Chị Nuôi, người đàn bà nghèo kiệt xác, đến công đường, chúng cũng bắt đưa tiền, không đưa thì chắc chắn là ở ngoài cổng. Đưa rồi cũng chưa chắc được việc. Bằng chứng là chị Nuôi đưa tiền, nói khó với tên lính lệ vào bẩm quan giùm, nó nhận tiền rồi linh mất! Bản chất tráo trở, lừa lọc của chúng, tuy chỉ được vẽ qua bằng vài nét như vậy, nhưng cũng đủ cho thấy chúng thật đáng nguyên rủa.

Tóm lại, qua ba tác phẩm truyện ngắn *Sống chết mặc bay*, *Đông hào có ma* và *Tắt đèn*, ta thấy đây chính là bức tranh tổng hợp. Nhưng không phải là một bức tranh đẹp, mà hiện lên trong tranh là những bộ mặt dã man, tàn bạo, toàn một bọn mình người mặt quỷ dữ. Đó là bọn quan lại, cường hào địa chủ và tay sai, bọn người đã gây bao đau thương cho dân nghèo làng quê ta xưa kia. Với ba thiên truyện ngắn này, các tác giả đã vạch trần những bản chất độc ác vô lương tâm, bóc lột dân nghèo đến tận xương tủy, hặc sách dân chúng đủ điều. Và do đó, chúng ta càng cảm ghét chúng bao nhiêu thì chúng ta càng khâm phục các tác giả bấy nhiêu.

ĐỀ THI

Trong bài thơ *Đất*, nhà thơ Trần Đăng Khoa có viết:

Đất muốn nói điều chi thế

Mà không nói được với người.

Em hãy tưởng tượng và viết lại câu chuyện tâm tình mà đất muốn nói với người về niềm vui được góp phần làm đẹp cho cuộc sống hoặc nỗi buồn vì không được bảo vệ và chăm sóc.

Bài đoạt giải Nhì kì thi Văn toàn quốc của Lê Thu Trà,
học sinh trường PTCS Lí Tự Trọng,
huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, năm học 1980 – 1981

BÀI LÀM

Hôm nay, vừa làm xong bài toán khó, em ra ghế đá công viên ngồi chơi. Những làn gió mát dịu thoảng qua hôn lên má em, vuốt tóc em như một người mẹ hiền. Em thấy lòng mình thanh thản hơn. Bỗng em thấy đất dưới chân em như động đậy. Em nghe tiếng của đất muốn tâm tình với em thì phải. Em chăm chú lắng tai nghe.

Cô bé ạ! Bây giờ tôi đang buồn lắm: “Tôi chẳng còn biết tâm sự với ai ngoài cô cả. Tôi sợ mọi người không hiểu được lòng tôi. Cô bé ơi, nỗi buồn đó cứ giầy xéo tâm hồn tôi như một hòn đá nặng khiến tôi day dứt mãi. Cô có nhìn thấy quả đồi lớn trước mặt không? Chắc cô cũng tưởng nó ở gần đây phải không? Không phải thế đâu! Nó ở cách xa hàng cây số cơ, người dân ở đó ăn mặc khác cô nhiều. Họ ưa mặc váy dài đến chân. Cả tiếng nói của họ nữa, cũng rất khác”.

Cô lên đây có lẽ không hiểu họ nói gì đâu. Họ sống rất thanh bình. Ngày ngày, họ làm việc quần quật một nắng hai sương. Họ lên rẫy làm nương. Từ một quả đồi trọc, họ đã biến tôi thành những nương lúa tốt. Từ một vùng đất hoang sơ, họ đã biến tôi thành miền đất chứa đầy hạnh phúc. Chắc hẳn cô sẽ nghĩ rằng họ sẽ hạnh phúc từ đây. Nhưng không, có một sự kiện xảy ra khiến tôi day dứt mãi. Khi đó, Nhà nước phát động trồng rừng “Pam”. Nhân dân ở đó cũng hồ hởi khi nhận được dự định này, cả đến các em học sinh nữa. Họ chia nhau đi tìm cây về trồng. Tôi nhìn họ làm việc mà cũng thấy trong lòng vui biết nhường nào.

Chẳng mấy chốc, một nửa quả đồi đã như đầy màu xanh. Màu xanh của những cây non, màu xanh của hòa bình tự do. Những người dân vừa làm vừa hát vui vẻ. Họ hát những bài hát về màu xanh, màu vàng. Tôi muốn cười thật to cho thỏa mãn nỗi lòng. Nhưng tôi sợ mọi người ngạc nhiên sẽ cản trở công việc, cho nên tôi chỉ cười một mình mà thôi. Cô biết lúc đó tôi vui như thế nào không? Chắc hẳn cô không thể nói ra đâu vì chính tôi, tôi cũng không biết sẽ nói như thế nào nữa, một niềm vui thật khó tả, chứ không như bây giờ đâu cô bé ạ! Hai năm sau, rừng cây đã tươi tốt. Ngày ngày, chim chóc ríu rít chơi với nhau trên cành cây, hót véo von nghe như một bản nhạc rừng vui tai. Bỗng từ phía đầu rừng, có một người đi đến, trên tay cầm một bao diêm và một lọ gi đó. Cô bé ơi, cô có biết không? Nỗi buồn day dứt của tôi cũng có lẽ bắt đầu từ đây. Nghĩ lại tôi càng thấy căm thù gã đó. Nhìn vẻ mặt của gã, tôi đã thấy một điều gì đó không lành rồi. Gã thu gom lá cây khô lại thành một đống to, rồi gã dùng cái lọ có đựng nước ban nãy đổ lên các cành cây, đổ xuống đống lá khô và đổ té tát xuống tôi. Thứ nước đó thấm vào lòng tôi. Trời ơi! Đáng quá. Đó không phải là thứ rượu vang trắng mà người dân lành cho tôi và những cây non mà nó là một thứ nước đáng sợ. Chúng tôi muốn gọi người đến cứu giúp. Nhưng mà, trời ơi! Người dân ở đây sao không đến? Có lẽ họ không hiểu được tiếng nói của chúng tôi

đâu. Lúc đó, tôi cầu mong ông trời sẽ cho tôi tiếng nói của con người để tôi gọi người dân ở đây đến. Nhưng đã muộn rồi, một ngọn lửa hiện ra từ đống lá khô rồi bùng lên cao. Cả đám lá khô cháy rực lên. Lửa lan dần, lan dần và tỏa ra khắp khu rừng. Lưỡi lửa liếm dần từng gốc cây đến ngọn cây. Cả khu rừng kêu thất thanh. Tiếng kêu cứu lúc đầu còn to, càng về sau càng nhỏ dần, nhỏ dần. Chim chóc bay nháo nhác. Chỉ mấy phút sau, ngọn lửa giận dữ đã lan tỏa khắp khu rừng, cả khu rừng đã chìm trong biển lửa đỏ. Tôi đau đớn vô cùng. Hỡi ôi! Sao mà tàn nhẫn thế! Đất đây, cây đây, chúng tôi có tội tình gì mà con người nỡ hành hạ? Chẳng lẽ họ không hề biết rằng kết quả sẽ ra sao ư? Những trận mưa to sẽ đổ xuống, nước sẽ ào ào chảy, sẽ cuốn phăng những ngôi nhà của họ vì không có rừng cây bảo vệ. Đó, cô có nhìn thấy không, thân cây đang gục ngã đó. Còn đâu vùng đất xanh tươi đẹp giàu nữa! Tôi cầu xin cô hãy chặn bàn tay phá hoại cây rừng, đừng để chúng tôi phải đau khổ.

Thế rồi mặt đất bỗng im lặng. Một giọt nước rơi xuống tay em, rồi hai giọt, rồi nhiều dần. Mưa lã chã rơi. Hình như bây giờ ông trời mới thấu hiểu nỗi buồn của đất.

Em lùi thui đi về nhà dưới trời mưa. Chợt nhớ tới lời nói của đất, em mong sao có ai đó khuyên nhủ những người đốt rừng kia để họ có thể hiểu ra sai lầm của mình và sửa chữa nhanh chóng.

ĐỀ THI

Nhà văn Antone France nói: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người.* Câu nói trên đây của nhà văn Pháp giúp em cảm nhận được gì khi đọc những tác phẩm của Nguyễn Trãi?

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Đinh Thị Hoàng Yến,
học sinh lớp 9A, trường PTCS Lê Thủy,
huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình, năm học 1981 – 1982

BÀI LÀM

Thơ ca là tiếng nói hồn nhiên nhất của lòng người. Thơ là tiếng mẹ, giọng bà; là lời ca cây cỏ; là tiếng vọng non sông. Thơ đến với cuộc đời bằng tấm tình chân thành, bằng xúc cảm dạt dào của người nghệ sĩ, như nhà văn Antone France đã từng nói: *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người.* Tâm hồn của Nguyễn Trãi – đại thi hào dân tộc – cũng được soi chiếu qua những áng thơ bất hủ của Người vì một lẽ giản dị như thế.

Đã từ bao giờ, thơ ca trở thành điểm tựa của tâm hồn. Thuở xa xưa, người dân lao động đã tìm đến những vần ca dao trữ tình, ngọt ngào để gửi gắm tâm sự, khát vọng của mình. Từ những lời ca tiếng hát trên chiếu chèo sân đình cho đến những bồi hồi náo nức của tình yêu Kim – Kiều trong sáng tác của Nguyễn Du, bất cứ nơi nào thơ ca xuất hiện, người ta đều bắt gặp một “tâm hồn con người”. Mỗi câu thơ là một mảnh tâm trạng, một nếp suy nghĩ, một điệu tâm hồn con người trong cuộc sống. Thơ ca là nơi áp ủ và nâng đỡ hồn người bằng giọng điệu trữ tình, bằng ngôn từ giàu cảm xúc, bằng những hình ảnh đầy sức gọi và sức tả. Hình như chỉ đến với thơ ca, con người mới được giải bày, bộc lộ cảm xúc, tâm tư của mình một cách chân thành và nồng nhiệt nhất. Chính vì vậy, cứ *đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ tâm hồn con người.* Thơ là tất cả nỗi niềm của con người trần thế. Trong thơ và chỉ trong thơ, ta mới cảm nhận được niềm khát sống mãnh liệt của Xuân Diệu, mới thấy thấm sâu vào trong trái tim “nỗi sầu vạn kỉ” của Huy Cận cũng như trào nước mắt trước tình yêu con người vô bờ bến của Nam Cao. Lời bàn của Antone France đã khái quát được

quy luật muôn đời của tâm hồn con người cũng như thơ ca chân chính. Thơ hay là những vần thơ phát biểu được những vấn đề nhức nhối của cuộc sống và thời đại. Những vần thơ bất hủ bao giờ cũng gắn liền với một tâm hồn lớn, không nằm ngoài quy luật đó. Raxun Gamzatop từng phát biểu: *Qua lời bài hát ta nhận ra người hát*. Thơ văn Nguyễn Trãi là cả một khối tâm tình sâu sắc và tinh tế. Đó là nơi thơ và đời, văn và người giao hòa gặp gỡ. Con người Nguyễn Trãi với muôn vàn tư tưởng và tình cảm đã được dồn tụ nơi đầu ngòi bút tài hoa để cho ra đời những áng văn chương mẫu mực.

Tiếng thơ của Nguyễn Trãi bao giờ và trước hết cũng là tiếng nói của một tâm lòng yêu nước thương dân sâu nặng. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, thơ Nguyễn Trãi vẫn âm ỉ tình nước tình dân, từ tư tưởng “lấy dân làm gốc”:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

(*Bình Ngô đại cáo*)

cho đến những câu văn phần nộ trước tình cảnh khốn khổ của dân:

*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Đọc mỗi câu thơ ta như cảm nhận được tâm hồn đang rỉ máu, một tiếng kêu xót xa và thống thiết phát khởi từ trong tim người nghệ sĩ. Nguyễn Trãi yêu dân như con, thương dân như máu thịt. Trước Nguyễn Trãi, chưa bao giờ người ta bắt gặp một sự trân trọng, đề cao con người, đề cao nhân dân đến thế. Và ta lại càng thấm thía nỗi xót xa, đau đớn của Người khi vẽ lên bức tranh số phận bé nhỏ, bi thảm của con người trong chiến tranh. Câu thơ là sự dồn nén của nỗi phần uất tức giận, của sự căm thù mạnh mẽ. Đó là những biểu hiện của lòng yêu nước, của ý thức dân tộc được hun đúc và chan chứa trong những vần thơ thấm đượm tinh thần nhân văn cao cả. Đó cũng là những sắc thái biểu cảm nhất của tâm hồn Nguyễn Trãi trong thơ.

Thơ là đời mà đời cũng là thơ. Thơ ca là nơi Nguyễn Trãi phơi trải lòng mình, là nơi thi sĩ trình bày cái nhìn về cuộc sống:

*– Càng một ngày càng ngặt đến xương
Ất vì số mệnh, ất văn chương.*

(*Tự thán bài 1*)

*– Phụng những tiếc cao điều hỡi lượn
Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi.*

(*Tự thuật bài 9*)

Mượn một quy luật của tạo hóa, mượn một cách so sánh dân gian. Nguyễn Trãi gửi gắm vào đó thái độ, cách đánh giá của mình. Người đọc nhận ra cái gốc rễ của sự mục ruỗng trong xã hội phong kiến qua những vần thơ tưởng như chơi, như đùa đó. Phụng cao sang là thế, hoa quý phái là thế nhưng chẳng được bền lâu. Cái nghiệp văn chương bao giờ cũng là gánh nặng cuộc đời. Thơ ông thấm thía nỗi đau, chất bi kịch của cuộc đời. Ân sâu trong mỗi bài thơ là sự bế tắc, bất lực, là nỗi đau tận cùng khi chứng kiến sự suy vi của xã hội, sự ngặt nghèo của đời sống con người. Vai trò của người nghệ sĩ trong đời sống xã hội vô cùng mờ nhạt. Nguyễn Trãi như một nhà hiền triết chiêm nghiệm sự đen bạc của cuộc đời, sự đổi thay của nhân tình thế thái và gặm nhấm nỗi đau của riêng mình. Thơ Nguyễn Trãi nặng trĩu một nỗi niềm ưu thời mẫn thế. Tâm hồn Người bằng bạc một nỗi nhức nhối khôn nguôi, thương phận

mình và đau cho đời. Nghe trong thơ có cả tiếng khóc và tiếng cười. Tiếng cười thì mĩa mai, chế giễu mà tiếng khóc thì chua chát, đắng cay.

Thâm thúy khi bộc lộ niềm bi phẫn, nỗi đau đời nhưng tiếng thơ Nguyễn Trãi cũng thật tinh vi, sâu sắc khi đề cao khí phách, nhân cách con người:

*– Thu đến cây nào chẳng lạ lòng
Một mình lạt thuở ba đông.*

(Tùng bài 1)

*– Vườn quỳnh dù có chim hót
Cõi trần có trúc đứng ngẩn.*

(Côn Sơn ca)

– Khi bão mới hay là cỏ cứng.

(Bảo kính cảnh giới bài 4)

Góc nhìn của Nguyễn Trãi thể hiện độ tinh tế, độc đáo khi nhìn nhận con người. Trong gió đông ông nhận ra dáng tùng vững chãi. Trong gió bão ông nhìn thấy dáng cỏ cứng cỏi. Nguyễn Trãi nhìn người thông qua thử thách, khó khăn. Con người đã từng trải nghiệm với tất cả nỗi đắng cay của cuộc đời thì trong hoàn cảnh nào cũng giữ được nhân cách, bản lĩnh của mình. Đó là vẻ đẹp của bậc quân tử, vẻ đẹp của người anh hùng được tôn tạo trong thơ Nguyễn Trãi. Người ta như thấy lại cái hùng khí buổi bình Ngô thuở nào trong tư thế vững chãi, hiên ngang của Nguyễn Trãi. Đề rồi trong buổi chiều tàn của xã hội phong kiến, con người ấy vẫn sáng bừng lên một tâm thế, một tấm lòng trần cứng cỏi và khí phách. Những vần thơ đã đem ta đến “gặp gỡ” một tâm hồn thanh cao, một phẩm chất anh hùng – Nguyễn Trãi.

Có người đem ví văn chương của Nguyễn Trãi với lối văn của một nhà nho uyên bác. Cách so sánh ấy không phải là không có lí khi Nguyễn Trãi đã thấm nhuần trong mình tư tưởng nho giáo, đặc biệt là sự tinh vi, thâm thúy của các nhà nho trong từng lời từng chữ. Mỗi câu thơ của Úc Trai cất lên lại mang những ý tứ sâu sắc khác nhau, biểu hiện của một tâm hồn phong phú đa sắc điệu. Nhân sinh quan của Nguyễn Trãi với cuộc đời và con người thấm đượm trong từng câu từng chữ, đọng lại trong lòng người những suy tư, trăn trở, những băn khoăn thao thức với đời. Thơ Nguyễn Trãi bắt người ta phải suy ngẫm, phải tìm hiểu từng ý, từng tình bởi đó là một hồn thơ uyên thâm đậm chất bác học, là tinh hoa của tâm hồn thơ dân tộc. Ở đó, người đọc được chia sẻ tâm sự cùng Người. Ở đó, người đọc được đón nhận một tâm hồn cao cả, thiết tha, sâu lắng, trăn trở với cuộc đời. Đó là cuộc “gặp gỡ” diệu kì giữa người viết và người đọc, giữa người sáng tạo và người đồng sáng tạo. Ở đó, tâm hồn Nguyễn Trãi mới được soi chiếu ở nhiều phương diện khác nhau và bộc lộ hết những vẻ đẹp tinh túy của nó.

Không chỉ là một vị tướng, vị quân sư tài ba, một nhà hiền triết lỗi lạc, thăm sâu trong tâm hồn Nguyễn Trãi vẫn là tư chất của một người nghệ sĩ chân chính với sự rung động tinh tế, nhạy bén trước cái đẹp:

*– Cỏ xanh như khói bến xuân tươi
Lại có mưa xuân nước vỗ trời.*

(Trại đầu xuân độ)

*– Mưa thu tưới ba đường cúc
Gió xuân đưa một hướng lan.*

(Ngôn chí kì 16)

Một con đò nhỏ, một cơn mưa, một vạt cỏ hay một cánh hoa cũng đủ để đánh thức chất thi sĩ trong con người Úc Trai. Hình ảnh thơ trong các tác phẩm của Nguyễn Trãi luôn sống động, gợi cảm, dường như lúc nào cũng có nguồn sống mãnh liệt dào dạt chảy trong những câu thơ. Hồn thơ Nguyễn Trãi luôn mở để đón nhận mọi rung động của thiên nhiên. Dưới con mắt thi sĩ, ẩn chứa trong tiếng mưa “nước vỗ trời”, trong làn hương lan gió thoảng là cả một sức sống mạnh mẽ với những gì tinh túy, gợi cảm nhất của đất trời. Cảm nhận húng về thiên nhiên trong tâm hồn Nguyễn Trãi không bao giờ cạn phải chăng bởi tâm hồn Người cũng tinh tế, cũng nảy nở sức sống như cỏ cây, như trời đất, vạn vật. Phải chăng chất phong tình trong tâm hồn Nguyễn Trãi đã thấm vào thiên nhiên để ngòi bút tài hoa vẽ lên bức tranh thật xinh đẹp, hữu tình:

*Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem.*

(Cây chuối)

Tâm hồn Nguyễn Trãi, xét đến cùng, vẫn là tâm hồn người nghệ sĩ với những nét đặc trưng nhất. Sự gắn bó quán quện với thiên nhiên là biểu hiện của một tâm hồn trẻ trung, nhạy bén, phong phú và đa tình. Đó là một nét đẹp độc đáo của thơ và người Nguyễn Trãi, một mảnh tâm hồn thi nhân gửi gắm cho thơ ca.

Trong văn chương, Nguyễn Trãi thể hiện một cái nhìn bao quát, tổng thể về quê hương, đất nước, con người. Văn thơ ông có nhiều đề tài. Đó chính là phương tiện để Nguyễn Trãi phản ánh các mặt của cuộc sống, bức tranh hiện thực xã hội cũng như chờ đi tâm tư con người thời đại. Nhưng trên hết, thơ ca trở thành nơi soi bóng tâm hồn thi sĩ, là nơi nghệ sĩ trải cảm xúc của mình trên mọi cung bậc tình cảm và mọi lĩnh vực cuộc sống. Đọc thơ Nguyễn Trãi, ta thấy cả một thế giới thu nhỏ với đủ hi, nộ, ái, ố, ta cảm nhận được những luồng suy nghĩ, tư tưởng của cả một dân tộc, một thời đại. Và trên tất cả, ta được “gặp gỡ”, chiêm ngưỡng và khám phá một tâm hồn lớn, phong phú, rộng mở, một trí lực cao sâu, một tấm lòng tha thiết với đời người. Đi qua một hành trình hơn sáu trăm năm, thơ văn của Úc Trai tiên sinh vẫn vang vọng bất hủ trong lòng người Việt Nam với một sức sống kì diệu đến vô cùng.

Nhận định của Antone France là lời đúc kết quy luật muôn thuở của thơ ca: *Thơ là tiếng lòng* (Diệp Tiếp), thơ gắn với tâm hồn người nghệ sĩ. Nó nêu lên sự gắn bó mật thiết của tác phẩm văn học nghệ thuật với chủ đề sáng tạo. Bất cứ một tác phẩm chân chính nào cũng gửi gắm tư tưởng của người nghệ sĩ, thậm chí của cả một thời đại họ đang sống. Bởi vậy, muốn “gặp gỡ tâm hồn con người”, độc giả phải đi sâu vào tác phẩm để khám phá những tình ý của người viết, thậm chí phải nâng mình lên để khám phá tác phẩm ở tầm cao mới. Khi đó, tác phẩm mới được nhìn nhận ở chiều sâu và tư tưởng nhà văn mới được khai thác vào tận trong bản chất.

ĐỀ THI

Nhận xét về văn học trung đại Việt Nam (giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX), có ý kiến cho rằng: “*Một trong những nét nổi bật nhất của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn này là tình cảm nhân đạo sâu sắc, thấm thía*”. Qua một số văn bản đã học và đọc thêm: *Bánh trôi nước* (Hồ Xuân Hương), *Sau phút chia li* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)... Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài đoạt giải Nhì kì thi Văn toàn quốc của Lương Ngọc Thủy Tiên, học sinh lớp 9C, trường PTCS Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, năm học 1982 – 1983

BÀI LÀM

Xét cho cùng, lịch sử văn học Việt Nam là lịch sử tâm hồn người Việt. Lịch sử của đồng bào sinh ra từ một bọc trứng thì văn học sinh ra cũng nhằm phản ánh tinh thần, tâm hồn, lòng thương nhau của đồng bào ấy. Chính vì vậy mà khi nhận xét về văn học trung đại Việt Nam (giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX), có ý kiến cho rằng: *Một trong những nét nổi bật nhất của văn học trung đại Việt Nam giai đoạn này là tình cảm nhân đạo sâu sắc, thấm thía*. Tình cảm này được thể hiện qua nhiều tác phẩm tiêu biểu: *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương, *Sau phút chia li* (trích *Chinh phụ ngâm khúc*) của Đặng Trần Côn, bản dịch diễn Nôm của Đoàn Thị Điểm...

Tình cảm nhân đạo trong các tác phẩm văn học được hiểu là tình cảm yêu thương giữa con người với con người. Là sự tôn vinh, khẳng định những giá trị người và đấu tranh cho quyền con người... Chủ nghĩa nhân đạo được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình lịch sử văn học nhưng ở giai đoạn này (giai đoạn thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX) được đánh giá là sâu đậm và thấm thía nhất trong tiến trình vận động và phát triển của văn học dân tộc.

Vì sao trong giai đoạn này, tình cảm nhân đạo trong văn học lại được coi là sâu đậm, thấm thía nhất? Vì tình hình xã hội phong kiến những thập niên này lâm vào khủng hoảng, rối ren trầm trọng nhất. Nhân dân liên miên chìm trong cảnh lầm than, đói khổ, mọi giá trị người bị coi thường, chà đạp, áp bức tới tận cùng. Cũng chính trong giai đoạn này nhiều tác phẩm văn học đã phản ánh tình trạng xã hội loạn li, đen tối ấy và bày tỏ lòng cảm thương, chia sẻ đối với những số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ. Không chỉ vậy, văn học còn lên tiếng bênh vực quyền con người; nói lên khát vọng tình yêu, hạnh phúc, sự công bằng, bình đẳng của con người trong xã hội; đề cao quyền sống của con người và tôn trọng ý thức cá nhân, đôi khi vượt ra ngoài khuôn phép của tư tưởng và lễ giáo phong kiến. Tiêu biểu cho tư tưởng, tình cảm nhân đạo này là những tác phẩm của những tác gia kiệt xuất như Nguyễn Du với *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* (*Văn tế thập loại chúng sinh*); Hồ Xuân Hương với mảng thơ Nôm viết về thân phận người phụ nữ trong xã hội, trong đó có *Bánh trôi nước*; Nguyễn Gia Thiều với *Cung oán ngâm khúc*; Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm với *Chinh phụ ngâm khúc*, trong đó có đoạn *Sau phút chia li*... Sang đầu thế kỉ XIX, còn có một số tác phẩm của Phạm Đình Hổ, Lê Hữu Trác và họ Ngô gia văn phái cũng phản ánh cái nhìn khách quan về xã hội loạn li ấy đã đến hồi mãn bóng và bày tỏ lòng cảm thương đối với đời sống nhân dân lầm than, cực khổ.

Cùng viết về nỗi thống khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nhưng mỗi tác phẩm lại phản ánh thân phận họ có nỗi thống khổ khác nhau, trong hoàn cảnh

khác nhau. Theo đó, tình cảm nhân đạo trong mỗi tác phẩm cũng có những nét sâu đậm, thấm thía khác nhau.

Bài thơ *Bánh trôi nước* của nữ sĩ Hồ Xuân Hương là cái nhìn sâu sắc, toàn diện về người phụ nữ, bị lệ thuộc. Cuộc đời vất vả, khổ đau nhưng họ luôn giữ gìn phẩm chất tốt đẹp. Là phụ nữ, Hồ Xuân Hương viết về phụ nữ nên nội dung đầy đủ và càng sâu sắc, thấm thía. Phụ nữ vốn là phái đẹp – “trắng, tròn” nhưng sinh ra trong xã hội phong kiến không phải để được sống sung sướng, được nâng niu, trân trọng, hạnh phúc mà thân phận họ *bảy nổi ba chìm với nước non*, gian truân vất vả đủ đường... Để được một chút quyền thôi cũng không có mà cuộc đời phải phụ thuộc: *Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn* (bởi luật tam tông: “Tại gia tòng phụ”, “Xuất giá tòng phu”, “Phu tử tòng tử”), không được tự quyết định điều gì mà phải tuân theo giới gia trưởng luôn bị chà đạp bất cứ khi nào. Nhưng không vì thế mà người phụ nữ sống hèn, họ vẫn kiêu hãnh khẳng định: *Mà em vẫn giữ tấm lòng son* – tấm lòng trung trinh, thủy chung, son sắt với người mình yêu. “Tấm lòng son” ấy quả là đáng quý và đáng trọng biết bao.

Viết về người phụ nữ trong xã hội bất công, Hồ Xuân Hương không chỉ cảm thương, chia sẻ, ngợi ca phẩm chất tuyệt vời của họ mà còn phơi bày thói đời xấu xa, luật lệ cổ hủ của xã hội; đồng thời ngậm ngùi tới xã hội ấy bức thông điệp đòi quyền bình đẳng cho người phụ nữ, trong đó có nữ sĩ. Đây chính là tình cảm nhân đạo sâu sắc, thấm thía của bài thơ. Cái ý tứ thâm thúy của bài thơ độc đáo ở chỗ lấy món ăn bình dân của người lao động trong đời sống để nói chuyện số phận và cuộc đời của con người – đặc biệt là người phụ nữ. Đây đâu chỉ là chuyện chiếc bánh trôi mà là tiếng nói “đòi nữ quyền” mới mẻ nhưng đanh thép.

Nếu tình cảm nhân đạo trong bài thơ *Bánh trôi nước* chủ yếu ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ thì *Sau phút chia li* trích *Chinh phụ ngâm khúc* (Đăng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) lại nói về nỗi thống khổ của người phụ nữ có chồng đang chinh chiến ở miền ải xa. Nhà thơ đã bày tỏ nỗi xót xa, thương cảm với cảnh ngộ đôi lứa chia li bởi chiến tranh loạn lạc. Cuộc li tán ấy người ra đi biết có ngày trở về bởi sinh li tử biệt? Người “đi” thì “cõi xa mưa gió” cơ cực, đối diện với mũi tên, lưỡi kiếm... Còn người “trở về” thì lại đối diện với “buồng cũ chiếu chăn”... nỗi cô đơn, nhưng nhớ, buồn sâu đang dâng đầy trong cõi lòng. Phút chia li khoảnh khắc buông tay nhau ra chỉ là cả hai cùng phải đối diện với khoảng cách, không gian, thời gian vô tận. Chao ôi, có sự chia tay nào xót thương hơn thế, có sự ngăn cách nào khắc nghiệt hơn thế. Cả một nỗi sâu chia li nặng nề đã phủ lên khí trời, sắc núi:

*Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.*

Sự đoái trông của người vợ trẻ thật tội nghiệp. Nàng muốn níu giữ lại mà hình bóng người chồng cứ xa dần, để rồi chỉ còn lại là không gian xa thẳm. Giữa khung cảnh *tuôn màu mây biếc, trải ngàn núi xanh*, người vợ càng trở nên lẻ loi, cô quạnh. Người chồng đã đi xa cách biệt, ngoảnh lại trông theo sao chẳng thấy. Màu xanh của ngàn dâu đã che mờ đi hình dáng của người chinh phu ấy. Nghe sao thê lương, nghe sao nhói lòng đến thế. Người ở cứ dùng dằng, cứ nhớ mong đằng đằng triền miên đến như vậy.

Như vậy, tình cảm nhân đạo trong *Sau phút chia li* không chỉ bày tỏ lòng thương cảm với đôi lứa chia li mà nét nổi bật ở văn bản này là tố cáo, lên án chiến tranh phi nghĩa của các tập đoàn phong kiến. Vì cái ngai vàng, vì quyền lợi ích kỉ của những kẻ cầm quyền mà đẩy đất nước vào “những cơn gió bụi” khiến cuộc sống của dân lành lâm vào lầm than, đói khổ, đặc biệt là hạnh phúc của tuổi trẻ bị cướp đoạt. Lên án chiến tranh, các nhà thơ còn bày tỏ khát vọng hòa bình, nhân dân hạnh phúc, nhất là tình yêu, hạnh phúc của đôi lứa – tuổi trẻ.

Có thể nói tình cảm nhân đạo trong văn học trung đại giai đoạn này là thấm thía và sâu sắc nhất. Lần đầu tiên trong văn học, tiếng nói đòi quyền con người, khẳng định giá trị người lại tạo thành trào lưu mạnh mẽ được xã hội quan tâm.

Cảm ơn ông cha đã cho ta cuộc sống hòa bình như hôm nay, nhất là vấn đề bình đẳng giới. Phụ nữ là một nửa thế giới, sáng tạo ra thế giới, họ đã khẳng định quyền và vị thế của mình trong gia đình và ngoài xã hội, xứng đáng với truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

ĐỀ THI

Nhiều tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ sở dĩ có sức sống lâu bền và được phổ cập rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, thơ Tố Hữu... một phần là do các tác giả đã tiếp thu một cách sáng tạo giá trị nội dung và kinh nghiệm nghệ thuật của thơ ca dân gian.

(Văn học 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 1982, trang 65)

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Huỳnh Ngọc Trâm Anh, học sinh lớp 9A, trường PTCS Nguyễn Khuyến, tỉnh Hà Nam Ninh, năm học 1983 – 1984

BÀI LÀM

Khẳng định những lời ca của người lao động, nhà phê bình văn học Trung Quốc Viên Mai từng nói: *Có khi đàn bà con gái ít học ngẫu nhiên làm được một, hai câu, dầu Lí Bạch, Đỗ Phủ có sống lại cũng cúi đầu bái phục.* Đại thi hào dân tộc Việt Nam – Nguyễn Du – cũng từng nhắc mình: *Thôn ca sơ học tang ma ngữ* (Học được tiếng nói của người trồng dâu, trồng gai). Như vậy, có thể nói, các nhà thơ, nhà văn, các nhà lí luận phê bình văn học đều ý thức rất rõ vai trò, sứ mệnh của các sáng tác dân gian – những đứa con đẻ tinh thần của người lao động xưa. Thực vậy, nhìn vào văn học Việt Nam, chúng ta sẽ thấy *nhiều tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ sở dĩ có sức sống lâu bền và được phổ cập rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, thơ Tố Hữu... một phần là do các tác giả đã tiếp thu một cách sáng tạo giá trị nội dung và kinh nghiệm nghệ thuật của thơ ca dân gian.*

Nhắc đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, thơ Tố Hữu... là nhắc đến tinh hoa của thơ ca Việt Nam. Từ khi ra đời, những sáng tác đó đã sống cùng thời gian, hấp dẫn mọi thế hệ người nghe, người đọc. Làm nên giá trị đích thực của mỗi tác phẩm, trước hết chúng ta phải kể đến tâm sức, tài năng độc đáo của các thi nhân. Và sau đó, như ý kiến trên đây, có thể nhắc đến sự tiếp thu một cách sáng tạo giá trị nội dung, kinh nghiệm của văn học dân gian.

Nói đến văn học dân gian là nói đến bộ phận gốc rễ, nền móng của văn học dân tộc. Từ thần thoại, truyền thuyết, cổ tích đầy biến ảo đến những bài ca dao trữ tình, những câu tục ngữ ngắn gọn... một thế giới với mọi chiều kích đã được xây dựng lên bằng cốt truyện, ngôn ngữ, hình ảnh... thâm mỹ. Hiện hữu trong thế giới ấy là thiên nhiên vạn vật, là con người, là tình yêu đôi lứa, tình yêu đất nước...

Ra đời sau và là bộ phận thứ hai của văn học dân tộc, văn học viết Việt Nam đã được bắt rễ từ văn học dân gian, được uống thứ nước nguồn tinh khiết của văn học dân gian. Chúng ta gặp lại ở văn học viết sau này những đề tài, chủ đề đã được văn học dân gian khai triển như: thiên nhiên, người phụ nữ, lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo... Nhận ra ở văn học viết những lối nói, lối diễn đạt, những ngôn từ, hình ảnh từng xuất hiện trong ca dao, cổ tích, truyền thuyết, thần thoại... Tất nhiên, các tác giả của văn học không viết dập khuôn, máy móc, sao chép y nguyên mà mỗi sự tiếp thu, học tập đều gắn với ý thức tìm tòi, sáng tạo. Và kết quả đưa đến thật bất ngờ, hầu hết các sáng tác được các tác giả thể nghiệm những giá trị tư tưởng và kinh nghiệm nghệ thuật của văn học dân gian đều là những sáng tác hay, hấp dẫn người đọc, người nghe và có sức sống lâu bền. Như vậy, một cách khái quát, có thể hiểu ý kiến trên đây đã khẳng định sức ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn học viết.

Nhìn vào những tác phẩm văn học viết ở giai đoạn đầu như *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam chích quái*... chúng ta đều nhận thấy bộ phận văn học viết thường có sự gắn bó mật thiết với truyền thống văn học dân gian đã có trước đó. Về sau, trong quá trình phát triển, văn học viết tiếp tục khai thác các giá trị nội dung và kinh nghiệm nghệ thuật của văn học dân gian, đặc biệt là với mục đích sáng tạo những tác phẩm có tính nhân dân sâu sắc và đậm đà tính dân tộc. Tiêu biểu cho tinh thần tiếp thu sáng tạo đó phải kể đến những tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà, Tố Hữu, Tế Hanh, Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp...

Trên phương diện nội dung, có thể thấy cả *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và thơ Nôm của Hồ Xuân Hương đã tiếp nối một đề tài, một chủ đề quen thuộc trong văn học dân gian nói chung và trong ca dao – dân ca nói riêng, đó chính là người phụ nữ. Cổ tích có cô Tấm dịu hiền mà sức sống tiềm tàng mãnh liệt, truyền thuyết có nàng Mị Châu ngây thơ, cả tin, truyện thơ có nhân vật “em yêu” bị cha mẹ ép gả... và nhiều hơn cả là ca dao với những “thân em” đầy thương cảm:

– Thân em như hạt mưa sa

Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

– Thân em như giếng giữa làng

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

Đến với Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, hình ảnh người phụ nữ tiếp tục đi vào thơ ca, hóa thân thành những hình tượng nhân vật cụ thể: Thúy Kiều, Thúy Vân, Đạm Tiên (*Truyện Kiều*), người phụ nữ trong *Bánh trôi nước*, *Tự tình*, *Mời trầu*... (thơ Nôm Hồ Xuân Hương). Và đâu là ca dao hay thơ của Tố Như, thơ Bà chúa thơ Nôm, chúng ta cũng đều bắt gặp những người con gái xinh đẹp, nét na, luôn khát khao hạnh phúc. Những cô gái trong ca dao dịu dàng, mềm mỏng, thanh tân (*hạt mưa sa*), hiền hậu, êm dịu, ngọt ngào (*giếng giữa làng*) như nàng Kiều “sắc sảo”, “mặn mà”, như thiếu nữ xinh đẹp, khỏe mạnh, phúc hậu, thủy chung trọn vẹn trong thơ Hồ Xuân Hương:

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Bánh trôi nước)

Những cô gái trong ca dao cũng có khi thầm ước tảo bạo:

*Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dài yếm để chàng sang chơi*

như Thúy Kiều dám *xăm xăm băng lối vườn khuya một mình* (Truyện Kiều) đến với chàng Kim, như thiếu nữ trong thơ Hồ Xuân Hương khao khát cháy bỏng: *Có phải duyên nhau thì thắt lại (Mời trâu)*... Nhưng trong xã hội phong kiến xưa, tình yêu, hạnh phúc đối với người phụ nữ chỉ là một cái gì đó hết sức mong manh, hư ảo bởi họ không có quyền tự quyết cho cuộc đời, thân phận của chính mình. Những cô gái trong ca dao đẹp là thế, ngoan hiền là thế nhưng lại luôn phụ thuộc (*Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai*), thấp thỏm lo âu chờ đợi (*Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân*). Có khi họ bị ép gả bởi:

*Mẹ em tham thúng xôi rền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.*

Có khi họ phải tảo hôn:

*Bướm vàng đậu đọt mù u
Lấy chồng càng sớm tiếng ru càng buồn.*

Và có lúc lại lo lắng, sợ hãi:

*Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời
Sợ rằng mây bạc giữ trời mau tan.*

Viết tiếp khúc “bạc mệnh” cho người phụ nữ, Hồ Xuân Hương cũng đưa vào thơ mình những cuộc đời, số phận thật hẩm hiu. Đó là người phụ nữ mang số phận bấp bênh, phụ thuộc:

*Bảy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn.*

Đó là người phụ nữ đa đoan, làm lẽ người ta nên phải chịu cảnh cô quạnh:

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung
Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng.*

(Làm lẽ)

Đó là người phụ nữ luôn khát khao hạnh phúc trọn vẹn nhưng hạnh phúc mãi chẳng đến mặc cho tuổi xuân ngày mỗi tàn:

*Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

(Tự tình bài II)

Và đến Nguyễn Du, bằng hình tượng nhân vật Thúy Kiều, Tố Như đã tạc dựng trong văn học dân tộc bức chân dung một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng cuộc đời lại gặp nhiều sóng gió. Đến tuổi cập kê, khi tình yêu đầu đời còn đương nồng cháy, Kiều đã phải dứt tình để trọn hiếu, bán mình chuộc cha. Mười lăm năm lưu lạc xứ người, nàng phải hai lần vào lầu xanh, hai lần làm gia nô, phải chịu đòn roi vùi dập đến độ: *Uốn lưng thịt đỏ dập đầu máu sa*. Và điều cay cực, đau đớn nhất mà nàng phải chịu đựng là trở thành món hàng để bọn buôn thịt bán người trao đi đổi lại, giày vò, giẫm

đạp. Đến với hình ảnh Thúy Kiều, có lẽ cuộc đời, số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến hiện lên trọn vẹn, sinh động hơn hết.

Học hỏi giá trị nội dung của văn học dân gian, văn học viết còn tiếp nhận những giá trị tư tưởng quý báu như tinh thần yêu nước, tinh thần nhân đạo. Đồng dao với ca dao yêu thương tình nghĩa, ca dao than thân, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nôm Hồ Xuân Hương đã cất tiếng ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ, đồng cảm với muôn nỗi khổ đau của họ, bênh vực, tin tưởng họ. Trước cuộc đời lắm nỗi đoạn trường của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã khóc tiếng khóc đầy đau đớn:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Phải đồng cảm lắm, tin yêu lắm nhà thơ mới có thể thấu hiểu nỗi tủi nhục, ê chề cũng như cảm phục, ngợi ca tấm lòng trinh bạch của Thúy Kiều khi nàng phải đắm mình giữa chôn lầu xanh như chớp:

*Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.*

Với Hồ Xuân Hương, bằng những trải nghiệm của chính bản thân mình, nữ sĩ thấu hiểu hơn ai hết kiếp sống lẽ mọn của người phụ nữ trong xã hội cũ. Bởi thế, không chỉ đồng cảm, xót thương, nữ sĩ họ Hồ còn phần nộ phản kháng đầy uất ức: *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung (Làm lẽ)*.

Nếu như truyền thống nhân đạo trong văn học dân gian được Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương – những nhà thơ trung đại viết tiếp ở thời đại mình thì đến Tố Hữu, bằng cảm hứng thời đại, nhà thơ tiếp nối dài hơn sợi chỉ đỏ của tình yêu nước. Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc được khơi thắp từ truyền thuyết *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm*, *Sự tích núi Ngũ Hành...* đã được truyền lửa vào mỗi tập thơ: *Từ ấy*, *Việt Bắc*, *Gió lộng*, *Ra trận*, *Máu và hoa...* của nhà thơ. Chỉ cần cảm nhận được niềm vui sướng vô bờ của chàng thanh niên khi bắt gặp lí tưởng của Đảng cộng sản trong *Từ ấy* hay đồng cảm với sự bức bách trong tâm khảm nhân vật trữ tình ở *Khi con tu hú* hoặc hòa mình vào cuộc hành binh rung trời chuyển núi *bước chân nát đá muôn tàn lửa bay* trong *Việt Bắc*, chúng ta sẽ hiểu được tình cảm lớn lao mà giản dị của Tố Hữu dành cho quê hương, Tổ quốc mình.

Không chỉ tiếp thu ở văn học dân gian giá trị nội dung, văn học viết còn học ở văn học dân gian những kinh nghiệm nghệ thuật quý báu. Người ta gặp lại thể thơ lục bát truyền thống trong *Truyện Kiều*, trong thơ Tố Hữu với những câu sáu – tám du dương, trầm bổng, giọng điệu trữ tình ngọt ngào. Người ta thấy trong văn học viết những câu tục ngữ, thành ngữ quen thuộc:

- *Bảy nổi ba chìm với nước non* (Thành ngữ: *Ba chìm bảy nổi*).
- *Đừng xanh như lá bạc như vôi* (Thành ngữ: *Xanh như lá bạc như vôi*).
- *Năm thì mười họa hay chạng chóc* (Thành ngữ: *Năm thì mười họa*).
- *Có đấm ăn xôi, xôi lại hẩm* (Thành ngữ: *Có đấm ăn xôi*).
- *Cầm bằng làm mướn, mướn không công* (Thành ngữ: *Làm mướn không công*).
- *Áy ai thăm ván cam lòng vậy* (Thành ngữ: *Thăm ván bán thuyền*).

(Thơ Hồ Xuân Hương)

- *Phận sao phận bạc như vôi*
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
(Thành ngữ: *Bạc như vôi*).

– Ma đưa lối, quỷ đưa đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
(Thành ngữ: Ma đưa lối, quỷ đưa đường).

– Lo gì việc ấy mà lo
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.
(Thành ngữ: Kiến bò miệng chén).
– Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao.
(Thành ngữ: Giết người không dao).

– Nàng rằng: non nước xa khơi
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
(Thành ngữ: Trong ấm ngoài êm).

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Người ta nhận ra Hồ Xuân Hương cũng cất tiếng “thân em”:
Thân em vừa trắng lại vừa tròn.

(Bánh trôi nước)

Thân em như quả mít trên cây.

(Quả mít)

Và ta lại thấy những hình ảnh quen thuộc trong ca dao như thuyền bách cũng nổi nênh, vô định trong thơ nữ sĩ:

*Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đênh.*

(Chiếc bách)

Rồi người ta thấy cả những vần thơ của một nhà thơ hiện đại cách xưng hô “mình – ta” đầy ân tình thường xuất hiện ở thơ ca dân gian:

*Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không...*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

Và như ca dao, các nhà thơ của nền văn học viết cũng sử dụng biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ. *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương là bài thơ vịnh về một loại bánh (bánh trôi) nhưng ẩn sau các hình ảnh ấy chính là nhan sắc, phẩm hạnh, là cuộc đời, số phận của người phụ nữ trong xã hội cũ. Nghệ thuật ẩn dụ đã được nhà thơ sử dụng như một phương diện đặc dụng để chuyển tải đến người đọc tầng nghĩa thứ hai này. Hay trong bài thơ *Từ ấy*, Tố Hữu cũng sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh để phô diễn niềm vui sướng tốt độ của chàng thanh niên khi bắt gặp lí tưởng của Đảng cộng sản:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim.*

Trong cảm nhận của chàng trai trẻ, lí tưởng cộng sản như “nắng hạ”, như “mặt trời” mang đến sự sống, ánh sáng rực rỡ cho tâm hồn anh. Hình ảnh so sánh: *Hồn tôi là một vườn hoa lá* thể hiện một niềm vui ngây ngất, rộn ràng...

Cùng với ẩn dụ, hoán dụ cũng được các tác giả văn học viết sử dụng, mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao:

– *Đầu xanh có tội tình gì
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

– *Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

(Việt Bắc – Tố Hữu)

Như vậy, có thể thấy, từ cội nguồn văn học dân gian, văn học viết đã tiếp thu được rất nhiều bài học quý giá. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh một điều rằng sự học hỏi, tiếp thu này không phải là thụ động, rập khuôn máy móc mà có sự sáng tạo. Chẳng hạn, với thành ngữ của cha ông, các nhà thơ đã rất linh hoạt trong sử dụng, có khi đảo ngược *ba chìm bảy nổi* thành *bảy nổi ba chìm* với *nước non*, có khi chỉ mượn nửa câu: *Áy ai thăm ván cam lòng*, có khi xen kẽ: *Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm...* Hoặc cũng là lục bát nhưng đến *Truyện Kiều*, thể thơ này đã thoát khỏi hình thức mộc mạc, dân dã để trở thành một hình thức trang nhã, cổ điển...

Từ những ví dụ trên đây, chúng ta có thể phần nào hình dung về sự ảnh hưởng to lớn của văn học dân gian đối với văn học viết. Thêm một lần nữa chúng ta phải khẳng định văn học dân gian là bộ phận thực sự có giá trị to lớn trong nền văn học dân tộc. Và thực tế cho thấy, chỉ những tác phẩm nghệ thuật nào biết tiếp thu sáng tạo tinh hoa của văn học dân gian thì mới có sức sống bền lâu.

ĐỀ THI

Trong *Tổng tập Thi nhân Việt Nam*, nhà phê bình văn học Hoài Thanh có viết: “*Thơ Bác đầy trăng*”. Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Lê Nguyễn Phương Anh,
học sinh lớp 9B, trường PTCS Lê Hồng Phong,
tỉnh Hà Nam Ninh, năm học 1984 – 1985

BÀI LÀM 1

*Vàng trăng soi sáng giữa trời
Thiên nhiên, non nước tình đời thiết tha.*

(Ca dao)

Không biết từ bao giờ trăng là nguồn cảm hứng vô tận của biết bao nhiêu thi nhân từ xưa cho đến nay. Ánh trăng không chỉ mang lại vẻ đẹp cho thiên nhiên đất nước mà hơn thế, có những lúc ánh trăng còn trở thành người bạn tri kỉ, để các thi nhân chia sẻ buồn – vui, hạnh phúc – lo âu... Có lúc trăng như dòng suối mát làm tan đi những ưu phiền, mệt mỏi sau những giờ phút căng thẳng. Bác của chúng ta cũng thế, cũng tìm đến trăng nhưng sự xuất hiện trăng trong thơ Bác rất khác lạ so với bao thi nhân khác. Các thi nhân xưa thường thức trăng ở những nơi thanh tịnh có rượu, có hoa còn đối với Bác thì ánh trăng xuất hiện trong hoàn cảnh nghiệt ngã: trong nhà tù và trong hoàn cảnh chiến đấu rất bộn bề. Trong những ngày tháng tăm tối ở nhà tù Tưởng Giới Thạch, hay những giờ phút vất vả với biết bao nhiêu công việc của đất nước thì Bác cũng không hề hững với trăng. Trăng như người bạn chia sẻ những nhọc nhằn, giải tỏa bao nhiêu áp lực trong cuộc sống. Chính vì thế mà nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã khẳng định: *Thơ Bác đầy trăng*.

Từ cổ chí kim, thiên nhiên luôn là niềm cảm hứng vô tận cho các thi nhân say sưa thưởng thức, vẩy bút đề thơ. Đường như ở bất cứ nhà thơ nào cũng có viết về thiên nhiên trong những tác phẩm của mình. Thơ thường hay yêu cảnh thiên nhiên

đẹp với mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi” – Hồ Chí Minh)... Và trong thơ Bác cũng vậy, ngoài tình yêu nước sâu nặng, tình thương người tha thiết, người chiến sĩ yêu nước Hồ Chí Minh đã hướng tâm hồn mình vào thiên nhiên tạo hóa với bao tình yêu thương nồng hậu. Hình ảnh thiên nhiên trong thơ Bác cao rộng, đẹp một cách hùng vĩ và rất thơ mộng. Thiên nhiên mang vẻ đẹp của một tâm hồn lớn: *Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn* (Tảo giải I, trích *Nhật kí trong tù* – Hồ Chí Minh) sự bao la thăm thẳm của vũ trụ. Thiên nhiên trong thơ Bác chủ yếu được nói đến ở hai hoàn cảnh đặc biệt. Một là, khi Người bị giam hãm trong tù ngục, cuộc sống có lúc như hoàn toàn tách rời thiên nhiên. Lúc này, một vầng trăng bầu bạn, tiếng oanh hót nhà bên, những tia nắng ban mai... đều xiết bao ám cúng và thân thiết với sinh hoạt và tình cảm của người tù. Hai là, những bài thơ thiên nhiên được viết ra trong cảnh rừng Việt Bắc. Tình yêu thiên nhiên trong thơ Người thật phong phú, trong sáng và nhiều màu sắc. Tuy phải dồn sức tập trung vào đấu tranh chính trị nhưng Người không hề hững hờ với cảnh thiên nhiên đẹp, hết sức hữu tình.

Có lẽ không có thi sĩ nào trên đời này ngắm trăng như Bác, mặc dù thiếu thốn đủ mọi điều kiện, thân thể lại bị gông cùm vậy mà Người vẫn đến được với trăng. Làm sao có thể lãnh đạm, hờ hững được với vẻ đẹp của đêm trăng khi trong tù đầy bóng tối, con người bị mất tự do:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(*Vọng nguyệt*)

Một khung cảnh thiên nhiên giản dị mà chân thực. Trong cái bát ngát lung linh của vầng trăng – khoảng trời, phải chăng con người lắng nghe và phát hiện ra được cái chất vĩnh cửu trong chính bản thân mình, trong sự im lặng mênh mang và dịu hiền của vầng trăng? Bác Hồ của chúng ta rất yêu thiên nhiên, tâm hồn và thơ của Người tràn đầy ánh trăng, ánh trăng rất sáng, rất trong, rất đẹp. Yêu trăng là thế, Bác luôn hướng tới trăng với một tâm hồn thanh cao, với phong thái ung dung và tinh thần lạc quan yêu đời. Với Bác, yêu thiên nhiên cũng là yêu nước vì vầng trăng sáng, cây cỏ ấy, núi sông này là một phần yêu quý của thiên nhiên đất nước. Tình yêu nước bao la, ý chí chiến đấu vì nhân dân, Tổ quốc khiến Người nhìn thiên nhiên đất nước thêm giàu thêm đẹp và ngược lại, lòng yêu mến cảnh vật thiên nhiên đất nước là động cơ thúc đẩy Người “thêm nổi lo nước nhà”. Từ đó, dẫn đến sự thống nhất một cách tất yếu giữa tình cảm đối với thiên nhiên và trách nhiệm lịch sử – xã hội, một vẻ đẹp độc đáo của con người cách mạng với thời đại mới:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.*

(*Cảnh khuya*)

Cảnh đẹp ấy không cuốn hút Người trong cuộc tuần túy đi về phía thường ngoạn mà phần thưởng ngoạn nằm trong tình yêu đất nước, vẻ đẹp của thiên nhiên luôn khơi dậy tình cảm yêu nước một cách tự nhiên và tha thiết. Thiên nhiên thật đẹp, thật nên thơ, man mác mà trang nghiêm cô kính của khung cảnh và ánh trăng sáng: suối trong vừa họa sắc lại họa đàn, ngân lên như khúc nhạc trong không gian huyền ảo của ánh trăng.

Thiên nhiên trong thơ Bác luôn sống động, có nhiều màu sắc tươi đẹp, bao quát hơn, vẻ đẹp thiên nhiên trong thơ Bác nổi bật lên tính hùng vĩ, trong sáng và nên thơ. Ánh sáng dát vàng lung linh của ánh trăng lọt qua tán cỏ thụ tạo nên những khoảng sáng – tối, tỏ – mờ, lung linh – huyền ảo... đan xen làm nền cho một bức tranh sống động. Trăng, cỏ thụ và hoa hòa quyện với nhau hư hư thực thực, đã khẳng định thêm đặc điểm thiên nhiên trong thơ Hồ Chí Minh. Thiên nhiên ấy là biểu hiện đặc biệt của một tầm nhìn, một quan niệm triết lí, nhân sinh tiên bộ và những cảm xúc thẩm mỹ cao đẹp. Thiên nhiên luôn là nơi Bác nương tựa tâm hồn, đồng hành cùng Bác, giúp Bác vượt lên tất cả hoàn cảnh. Phải chăng chính tình yêu thiên nhiên đã giúp Người thêm sức mạnh giải phóng tinh thần, có ý chí vững bền. Dù trong kháng chiến vất vả nhưng Bác vẫn dành một khung trời riêng cho ánh trăng. Điều đó có thể thấy tình cảm của Bác dành cho thiên nhiên rất tha thiết. Cũng chính vì yêu thiên nhiên mà luôn lo cho sự nghiệp đất nước. Đây chính là nỗi lòng, là tâm tình của thi nhân, của vị lãnh tụ. Bác càng yêu thiên nhiên bao nhiêu thì trách nhiệm đối với công việc càng cao bấy nhiêu. Trong lòng Bác có thể có những lo toan ưu phiền, canh cánh một lòng nghĩ về đất nước, nhưng cảnh thiên nhiên trong thơ Bác thì lại không gợn một áng mây đen. Nó luôn là một ánh sáng tuyệt vời, luôn hướng vào ánh sáng tương lai, luôn là một vầng trăng tuyệt đẹp.

Người làm thơ không phải để trở thành thi sĩ:

Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng vì trong ngực biết làm chi đây.

(Khai quyển, trích Nhật kí trong tù)

Bác không thừa nhận mình là thi sĩ nhưng trước ánh trăng, Bác lại nhận là thi nhân:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Vọng nguyệt)

Thật sự Bác và trăng đã đến với nhau, hòa quyện vào nhau thành đôi bạn tri âm, tri kỉ. Người hướng ra ngoài song sắt để đến với trăng, và trăng theo Người tỏa sáng vào trong tù. Con người và ánh trăng này rõ ràng là hết sức mới mẻ, hiện đại. Trăng và Người như hai người bạn cùng nhau vượt qua cái song sắt tàn bạo, hoàn cảnh khổ đau, ngăn trở của nhà tù. Người ngắm trăng và trăng cũng ngắm người, ngắm là bởi hiểu nhau, tìm thấy ở nhau nhiều đồng cảm, những chuyện đồng điệu. Đường như hai luồng ánh sáng, hai thi nhân – của Bác và trăng chiếu vào nhau, lan tỏa vào nhau, quyện lẫn vào nhau. Tưởng như có hai con người, hai vầng trăng tìm đến nhau, hiểu nhau, nói với nhau, an ủi, động viên nhau, nhắc nhở nhau.

Trăng là người bạn tri âm, tri kỉ của Bác, vì thế, trăng trở đi trở lại trong thơ Bác. Ngay trong lúc công việc chiến đấu bẻ bộn, hình ảnh ánh trăng vẫn xuất hiện:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.

(Rằm tháng giêng)

Quả thật ánh trăng là chỗ dựa tinh thần của Bác, dù ở trong ngục tối bị xiềng xích hay cuộc chiến bận rộn, vất vả, lo lắng cho đất nước, Bác vẫn dành thời gian để đến với trăng, để tâm tình, để chia sẻ, để giải tỏa bao tâm sự nhọc nhằn mà có thêm niềm tin, ung dung, sự lạc quan trong cuộc chiến:

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

(Rằm tháng giêng)

Ánh trăng vừa tỏa rộng, lan xa, lại vừa như tụ lại trên con thuyền. Vẻ đẹp của vàng trắng được ghi lại đầy thơ mộng, hòa hợp với tấm lòng người ngắm trăng mang phong thái ung dung và nhàn tản khi đã nắm chắc trong tay phần thắng lợi.

Khát vọng tự do là một biểu hiện xuyên suốt trong sự nghiệp và trong thơ Hồ Chí Minh. Nhưng, trong hoàn cảnh còn có tự do nhất định để chiến đấu, Hồ Chí Minh hướng khát vọng tự do của mình vào việc đấu tranh cho tự do của đồng bào mình, của những người cùng khổ ở khắp các châu lục. Và ngay khi mất tự do, Bác luôn khát khao cháy bỏng về tự do. Mất tự do về thân thể, Hồ Chí Minh lại tìm đến thiên nhiên để được tự do trong tâm hồn. Những bài thơ của Hồ Chí Minh phản ánh trung thực và sâu sắc ý chí khát vọng tự do của một chiến sĩ cộng sản, không chỉ đòi tự do cho bản thân, tự do cho dân tộc mà còn là sự hiện diện của tự do, tự do trong nội tâm, trong tâm thức, trong mọi phương diện con người có thể có được.

Yêu thích thiên nhiên, nhưng trong thơ, Người không say mê theo cách ngâm vịnh và thưởng ngoạn thuần túy. Thiên nhiên trong thơ Bác bộc lộ một tầm nhìn, một quan niệm triết lí và nhân sinh tiên bộ và những cảm xúc thẩm mỹ cao đẹp. Không chỉ thể hiện tâm hồn bao la của Bác mà thiên nhiên đẹp trong thơ còn tượng trưng cho mơ ước, niềm vui, tương lai tươi sáng, khát vọng tự do. Một trong những hình ảnh thể hiện một cách đậm nét và kì lạ. Đó là hình ảnh vàng trắng tiêu biểu cho vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của thiên nhiên cũng là biểu tượng của tự do. Cho nên Bác tha thiết với trăng hơn hình ảnh nào khác của thiên nhiên. Trong bóng tối Bác lại càng khao khát ánh sáng, mà được chiêm ngưỡng ánh trăng trong tù đâu có dễ dàng gì:

*Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt
Lòng theo vơi vợi mảnh trăng thu.*

(Trung thu)

Có lẽ như khát vọng tự do bị dồn nén làm cho người tù bật dậy khát vọng tự do từ nội tâm. Trong cảnh tù đầy, vàng trắng bầu bạn vốn gần gũi cũng trở thành ngăn cách. Đôi lúc lòng như quyen luyến theo ánh trăng mà bay đến nơi xa, nỗi khát khao tự do dâng cao.

Trong hoàn cảnh tối tăm của nhà tù, vàng trắng biểu hiện nỗi lòng, khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng. Chính hoàn cảnh thử thách khiến cho người tù Hồ Chí Minh sáng tạo ra những vần thơ thể hiện mạnh mẽ nhất ý chí tự do của con người. *Những bài thơ Hồ Chí Minh viết trong tù chứa đầy ánh sáng diệu hiền và khát vọng tự do* (Bla-ga Đì-mi-trô-va). Bác luôn hướng về tự do cho Tổ quốc, mơ tưởng: *Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh* (*Không ngủ được*), phản ánh tấm gương tiêu biểu của một chiến sĩ cộng sản luôn hướng về quê hương, hướng về ánh sáng của tương lai dân tộc: *Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn* (*Tảo giải 1*). Mặc dù mất tự do nhưng vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc, không chỉ khát vọng tự do cho bản thân mà Bác còn khát vọng muốn giải phóng cho nhân dân mình thoát khỏi cảnh địa ngục trần gian.

Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cộng sản vĩ đại, một nhà thơ lớn. Những bài thơ của Bác kết tinh từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống và chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc ta, những câu thơ được kết tinh từ tinh thần lạc quan vô bờ bến của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Dù rằng ở đâu, hoàn cảnh khắc nghiệt như thế nào, vất vả thế nào

đi chẳng nữa, Hồ Chí Minh vẫn mang phong thái ung dung, tự tại như khách tiên, vì chỉ cần thắp thoáng một chút ánh trăng soi đến Bác cũng đủ để tâm hồn Người đạt dào thi hứng. Sống trong nhà tù tăm tối, chật hẹp, tâm hồn người tù không quản quanh trong bốn bức tường giam mà hướng ra bên ngoài để tìm ánh sáng, tìm niềm tin, tìm nghị lực. Ánh trăng trong tù như một biểu tượng ánh sáng trong đêm tăm tối, ánh sáng của niềm tin vào tương lai:

*Gà gáy một lần đêm chưa tan
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn.*

(Tảo giải I)

Thái độ của người chiến sĩ luôn trực tiếp đón nhận những nỗi gian khổ trên con đường cách mạng. Với Hồ Chí Minh, sống trong cảnh khắc nghiệt, Người lại hướng về tương lai. Sống trong cảnh con người với con người không còn tình đồng loại, Hồ Chí Minh lại nghĩ đến thế giới người với người là bạn. Sống trong cảnh phải chứng kiến những hành động dã man, bỉ ổi, Người lại luôn nghĩ đến mặt tốt của con người... Có thể nói, chính nhờ thấy mặt thiện, mặt tốt, mặt tích cực, mặt lạc quan... của cuộc sống và con người, Hồ Chí Minh mới đủ can đảm để sống và chiến đấu trong cảnh đơn độc, xa quê hương, đất nước, và xa đồng bào của mình...

Với Hồ Chí Minh, lạc quan là định hướng chủ đạo của cuộc sống, nếu không có lạc quan, không vì lạc quan thì có lẽ không mấy ai muốn sống hoặc sống cũng không có lí tưởng gì, sống cũng như chết. Vì thế, Người luôn nhìn đời và nhìn theo hướng lạc quan, tích cực, nghĩa là luôn tìm thấy mặt tốt của mỗi con người và hướng theo cách nghĩ và cách viết một cách tích cực. Có lẽ vì thế, ở trong tù, Hồ Chí Minh có thái độ ung dung khi nghĩ đến trắng, vẫn có thể thấy vẻ đẹp tuyệt vời của trăng. Hình như trăng và người hiểu nhau rất nhiều, trăng và người giao hòa với nhau, người ngắm trăng rồi trăng lại ngắm người. Giữa trăng và người như có sự cộng hưởng, tâm sự với nhau.

Khoảnh khắc giao cảm giữa thiên nhiên và con người đem đến sự biến đổi kì diệu: tù nhân trở thành thi nhân. Tư thế của người thưởng trăng rất đẹp và hiếm có xưa nay. Tư thế ấy là phong thái ung dung tự tại, tinh thần lạc quan yêu đời, là tình yêu tự do, yêu thiên nhiên của người chiến sĩ vĩ đại.

Bao giờ cũng thế, một tác phẩm đặc sắc phải bao gồm được cái đặc sắc và thành công về cả hai mặt nội dung và nghệ thuật. Tác phẩm ấy như một giếng nước trong, khơi mãi vẫn không hết cái ngọt ngào lắng sâu của tình yêu con người, vẫn không voi cạn nguồn sức mạnh truyền vào trong cuộc sống. Đọc những vần thơ của Bác là đón nhận vào tâm hồn ánh sáng tư tưởng, tình cảm, khí phách của Bác, đồng thời cũng thấm sâu, thưởng thức vẻ đẹp nghệ thuật đặc sắc trong thơ, một vẻ đẹp trong suốt và lấp lánh tỏa ra từ chính cuộc đời Người, trí tuệ và trái tim: *Thơ Hồ Chí Minh, có bài hồn hậu, trong trẻo như thơ dân gian. Cũng có bài trang trọng, bát ngát như thơ Đường, thơ Tống. Giữ cốt cách Á Đông mà thơ vẫn rất hiện đại... Giản dị, phong phú mà vẫn có phong cách riêng* (Đặng Thai Mai). Đó là những nét độc đáo trong bút pháp, trong cách viết của Bác là sự kết hợp nhuần nhị, thâm thúy cái đẹp của con người truyền thống và cái đẹp của con người thời hiện đại. Đồng thời đây cũng là đặc trưng cơ bản của phong cách nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh, là sự hòa hợp rất tự nhiên giữa màu sắc cổ điển và tinh thần hiện đại. Nét phong cách này thường thể hiện rõ nhất trong các bài thơ viết về thiên nhiên – một đề tài chủ yếu của cổ thi, và Hồ Chí Minh đã từng nói: *Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ*. Ánh trăng cũng như

nhều nhân tố khác của thiên nhiên trong thơ Bác, thường có một vẻ đẹp cổ điển rất gần gũi với thơ Đường, thơ Tống. Những nét chấm phá, toát ra cái hồn của cảnh và tâm tình của tác giả. Nhưng nếu trong thơ xưa, cảnh thường tĩnh, thì trong thơ Hồ Chí Minh cảnh thường vận động, chuyển biến theo một hướng thống nhất: *Hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai* (Hoàng Trung Thông). Nhân vật trữ tình trong thơ xưa ẩn đi, chìm đi giữa thiên nhiên, nhưng trong thơ Hồ Chí Minh thì khác, nhân vật trữ tình là trung tâm, chiếm vị trí chủ thể trên nền bức tranh. Và cái tôi của tác giả thường ẩn nhẹ nhàng, tinh tế, mang phong thái ung dung, thanh thản tương tự các hiền triết, tao nhân ngày xưa.

Nghệ thuật trong thơ giống như bao nhà thơ cổ. Song chất hiện đại vẫn hài hòa với chất truyền thống trong thơ Bác. Những vần thơ của Bác vẫn thể hiện tinh thần thời đại ở chỗ hình ảnh thơ không tĩnh mà vận động từ thiên nhiên hướng vào con người, từ bóng tối hướng tới ánh sáng, tương lai. Cảm xúc trong thơ không ảo não, mệt mỏi, mà luôn tĩnh, lắng sâu, dần dần chuyển sang niềm vui, niềm lạc quan, tin tưởng và khát vọng.

Chất hiện đại trong thơ Bác thể hiện ở giọng điệu nhẹ nhàng, hồn nhiên. Hình ảnh thường quen thuộc, cảm hứng về ánh sáng, ánh hồng, niềm vui, niềm tin, tinh thần dân chủ, cách chọn đề tài, cách nói, cách thể hiện bình dị, hướng về đời sống người dân cực khổ, khi thì trữ tình có lúc lại châm biếm. Chính vì vậy mà những vần thơ Hồ Chí Minh có màu sắc cổ điển nhưng không phải cổ thi mà là hiện đại.

Có thể nói xuyên suốt trong thơ Bác là hình ảnh ánh trăng vận động, ánh trăng vận động cùng chiều dài lịch sử, cùng bao biến cố và cùng với tâm hồn Người. Nhận định của nhà phê bình văn học Hoài Thanh thật đúng, bởi sự hiện diện của ánh trăng làm thay đổi ngay cảnh – tình vũ trụ. Không gian, thời gian như có hồn hơn, nó ướp đầy thứ ánh sáng thơ mộng của tình người. Nó không chỉ là chứng nhân, nó còn là người bạn tri âm tri kỉ, để những nỗi lòng u uẩn tự bộc bạch. Nó khiến con người sống sâu hơn với nỗi cô đơn và thâm thía cảnh nhớ nhung, li biệt. Không riêng nhà thơ nào Hồ Chí Minh cũng vậy, yêu trăng, hòa mình vào trăng để thư giãn thông qua đó thể hiện lên tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu đất nước, khát khao tự do trong con người Bác.

Thơ Bác hướng tới ánh trăng, tới thiên nhiên để tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên, thể hiện lòng yêu thiên nhiên, đất nước của Bác. Còn trong thơ văn xưa, chủ yếu thi nhân hướng tới ánh trăng, tới thiên nhiên nhằm sống theo hướng “lánh đục tìm trong”.

Yêu trăng ở Bác mặc dù có những nét cổ điển nhưng hết sức hiện đại. Sự kết hợp hài hòa cổ điển và hiện đại trong thơ. Đó là sự khác biệt lớn phong cách thơ của Bác với các nhà thi sĩ khác. Cảm ơn Bác đã đem đến cho bạn đọc những vần thơ hay đến thế và bồi đắp thêm tình yêu thiên nhiên và yêu ánh trăng ngày ngày chiếu sáng vốn đang dần bị ánh điện làm lu mờ.

**Bài đoạt giải Nhì kì thi Văn toàn quốc của Lê Bình Phương Trúc,
học sinh lớp 9A, trường PTCS Thạch Kim,
tỉnh Hà Tĩnh, năm học 1984 – 1985**

BÀI LÀM 2

Cùng với mây, gió, tuyết, núi, sông, hoa... trăng cũng là một hình tượng đã gắn liền sâu sắc với thơ ca Việt Nam. Trăng là ánh sáng trong trẻo, là thái bình, mát mẻ, hạnh phúc, ước mơ của con người. Trăng là nguồn đề tài vô tận trong thơ Bác. Nói về thơ Bác, nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã nhận xét: *Thơ Bác đầy trăng*. Bây giờ, chúng ta hãy cùng nhau đi tìm hiểu về ý kiến này.

Bác từng nói: *Ngâm thơ ta vốn không ham* (*Khai quyển*, trích *Nhật kí trong tù*), nhưng những bài thơ mà Bác viết ra lại rất hay, đặc sắc. Và trong các bài thơ ấy, trăng như một người bạn gần gũi với Bác. Trong bài *Rằm tháng giêng*, ta có thể bắt gặp một khung cảnh đầy trăng do Bác tạo ra:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

Ánh sáng của vàng trăng kia như soi khắp thế gian. Ánh trăng chảy qua từng nhánh cây, kẽ lá, soi rõ mọi ngõ xóm, con đường và trên dòng sông kia, ánh trăng đang soi tỏ cho một con thuyền. Khuya đã về, bầu trời càng tối thêm, như làm một phong nền tuyết vời cho ánh trăng tỏa sáng. Ánh trăng như “ngân” lên, sáng lên cùng con thuyền. “Ngân” là một động từ nhưng qua đó, ta thấy hình ảnh một con thuyền dát vàng. Chúng ta có thể cảm nhận một hình ảnh trăng khác trong bài *Cảnh khuya*:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Ở *Rằm tháng giêng* trăng đã ngập tràn dòng sông, con thuyền, thì ở *Cảnh khuya*, trăng lại trải khắp khu rừng về đêm, khi Người đang làm việc. Hai từ “lồng” ở đây như càng làm rõ tác dụng của trăng. Trăng không chỉ đẹp trên trời cao kia mà còn tạo ra thêm cảnh đẹp cho con người say ngắm dưới mặt đất.

Trên đây là hai bài thơ về trăng của Bác. Phải là một người gắn bó với trăng, hòa mình với thiên nhiên mới có thể viết ra những câu thơ hay, những hình ảnh đẹp đến như vậy. Phải chăng Bác như một người đang say mê với trăng mà quên đi mọi việc? Không đâu! Chúng ta hãy cùng nhớ lại bài thơ *Tin thắng trận*:

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ
Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.*

Ở đây, Bác không còn là người tìm trăng để khám phá ra cái đẹp của trăng nữa. Trăng bây giờ là một người bạn tri kỉ, trăng nũng nịu, luồn qua cửa sổ đòi thơ Bác. Bác đã nhân hóa trăng như một con người, nhưng người bạn này vẫn không thể làm Bác ngại nghỉ việc quân. Tuy Bác không tiếp trăng bây giờ, Bác vẫn không xua đuổi ánh trăng. Bác từ chối trăng một cách trân trọng và nâng niu. Và ta cũng như cảm thấy cái mỉm cười của Bác ở đây. Bác cười như để trăng đỡ buồn. Và Bác hẹn một lần khác trăng lại ghé chơi với Bác. Hôm sau trăng đến nhé, hôm nay “việc quân đang bận” – đừng buồn ta nhé trăng! Chỉ ngày mai thôi ta và trăng lại gặp nhau và tâm sự.

Thơ Bác đầy trăng là thế đấy. Trăng đến với Bác trong nhiều hoàn cảnh, tình huống. Bác tiếp nhận, đón chào trăng cũng trong nhiều trường hợp. Bác với trăng như đã hòa quyện với nhau. Đồng thời trăng cũng như dấu hiệu báo cho Bác biết:

*Trung thu trăng sáng như gương
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.*

“Trăng sáng như gương”. Thật là lạ. Gương thì phải trong vắt, còn trăng thì lại phải tỏa sáng ánh vàng cho thế gian. Bác nhớ tới các cháu nhi đồng. Tình cảm dạt dào của Bác dành cho thiếu nhi lại được thể hiện. Ánh trăng lúc này như một chiếc đèn thiên nhiên, soi rõ tình cảm Bác – cháu. Quên sao được những lần Bác ân cần tiếp đón các cháu, trao cho các cháu những viên kẹo. Quên sao được những lời khuyên Bác dành cho các cháu. Trong khung cảnh tràn ngập ánh trăng này, vị Cha già kính yêu đang trầm ngâm, suy nghĩ và cảm thấy đón đầu, thương cảm trẻ em. Bao giờ nước nhà mới hoàn toàn độc lập?

Nhật kí trong tù là một tác phẩm xuất sắc của Hồ Chí Minh. *Ngắm trăng* là một trong những bài thơ hay nhất trong tập thơ này:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Nếu như các nhà thơ khác ngắm trăng trong một hoàn cảnh thanh tĩnh, tự do, có rượu, có hoa thì Bác lại ngắm trăng trong một hoàn cảnh không có gì. Điệp từ “không” được lặp lại như càng làm sáng tỏ hoàn cảnh đặc biệt của Bác. Ta có thể nhớ lại một câu thơ của Bác:

*Đêm thu không lạnh cũng không chăn
Gối quắp lưng còng ngủ chẳng an.*

(*Đêm lạnh*)

Trong nhà tù Tường Giới Thạch, Bác thiếu thốn tất cả. Đến nước cũng phải chia ra làm bữa uống trà, bữa rửa mặt. Nhân cách thanh cao, cuộc sống của một nhà nho dường như vẫn được Bác giữ gìn trong mức có thể. Liệu trong tù sâu, ngục thăm, Bác sẽ ngắm trăng như thế nào?

Câu thơ thứ hai: *Đối thử lương tiêu nại nhược hà* như đặt ra trước mắt chúng ta sự lưỡng lự, bối rối không biết làm gì trước trăng đẹp. Bản dịch thơ của Nam Trân đã làm mất ý này của câu thơ nhưng vẫn cho thấy lòng quuyến luyến, luôn hướng về thiên nhiên của Bác.

Hai câu thơ đầu là hoàn cảnh, là lí do ngắm trăng rất cụ thể. Dường như bài thơ chỉ thực sự bắt đầu với hai câu sau:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Bài thơ là một cuộc vượt ngục về tinh thần. Bức tường nhà tù của Tường Giới Thạch kia dường như không là gì với Bác Hồ. Đối với Bác:

*Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao.*

(*Vô đề*)

Tác giả đã mượn một cuộc vượt ngục tinh thần từ bóng tối nhà lao, tâm hồn Bác hướng ra ánh sáng... Bác đã đưa ánh trăng tỏa sáng vào trong nhà tù. Một bài

thơ đầy ánh sáng làm trong nhà tù đen tối nhất (Nguyễn Đăng Mạnh). Bác và trăng như hòa làm một.

Có thể nói, nếu như ở các bài thơ khác, Bác viết về trăng trong một hoàn cảnh tự do thì ở đây Bác lại ở trong xiềng xích, gian khổ vô cùng. Phải chăng đã có một tinh thần thép, một dòng máu thép chảy trong con người Bác?

Mỗi bài thơ của Bác đều có một cái hay riêng. Nhưng trăng trong thơ Bác vẫn là một hình tượng sống động nhất. Qua các bài thơ trên, chúng ta như thấy được trăng gắn bó như thế nào với Bác, với cuộc đời Bác. Ngày Bác lên đường theo tổ tiên, nhà thơ Hải Như đã viết:

*Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa
Trăng ơi trăng! Hãy yên lặng cúi đầu
Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu
Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ.*

(*Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi*)

Thật đúng như Hoài Thanh đã nhận xét: *Thơ Bác đầy trăng.*

**Bài đoạt giải Ba kì thi Văn toàn quốc của Phạm Huỳnh Tuấn Minh,
học sinh lớp 9D, trường PTCS Ngô Quyền,
tỉnh Hải Phòng, năm học 1984 – 1985**

BÀI LÀM 3

Hồ Chí Minh là nhà cách mạng lỗi lạc của dân tộc Việt Nam. Người còn là một nhà văn nhà thơ lớn của dân tộc. Người đã để lại cho hậu thế một di sản văn chương vô cùng quý báu. Trong thơ Người, trăng – một đề tài chiếm số lượng lớn. Điều đó chứng tỏ Người rất yêu trăng, tình yêu say đắm về đẹp thiên nhiên cũng là tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống tha thiết của một tâm hồn thi sĩ – chiến sĩ. Chính vì vậy mà nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã có lời nhận xét: *Thơ Bác đầy trăng.*

Thiên nhiên trong thơ của Hồ Chí Minh, trước hết thể hiện ở những bức tranh phong cảnh non sông gấm vóc mà Người đã họa vào thơ trong những ngày làm việc vất vả ở Việt Bắc trong thời kì Pháp xâm lược. Từ cảnh nước non Pác Bó, đến những đêm rừng khuya trăng sáng; từ hình ảnh con thuyền chở đầy trăng đến một cảnh mai bên suối gió lạnh, mặt trời đỏ, tiếng còi tù... Tất cả đều bắt nguồn từ một trái tim nghệ sĩ say đắm thiên nhiên, cũng là một tấm lòng chiến sĩ yêu đời, lạc quan, tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên đất nước mình.

Trong tình yêu thiên nhiên, Bác Hồ đặc biệt ưu ái, thiên vị ánh trăng. Vì thế, trăng tràn trề trong thơ Bác. Đó là điều ai yêu thơ Bác cũng cảm nhận được. Trăng với Bác là bạn tri âm tri kỉ. Bác cảm nhận trăng, chia sẻ với trăng ở nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Khi Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam từ tháng tám mùa thu năm 1942 đến tháng chín mùa thu năm 1943 ở nhà tù tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), trăng lúc ấy như tri kỉ chia sẻ với con người cô đơn, đau khổ, cháy bỏng một niềm khao khát tự do:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(*Ngắm trăng – Nhật kí trong tù*)

Ngắm trăng, thưởng trăng trong song sắt nhà tù cũng là thể hiện tinh thần vượt ngục, tình yêu tự do, tinh thần bất khuất, ung dung tự tại của Người.

Trăng có lúc là bạn đồng hành đồng viên, khích lệ con người vượt lên phía trước, vượt lên thử thách khắc nghiệt của cuộc sống. Đó là khi Bác bị giải đi sớm:

*Gà gáy một lần đêm chữa tan
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn
Người đi cắt bước trên đường thăm
Rát mặt đêm thu, trận gió hàn.*

(Tảo giải I – Nhật kí trong tù)

Bác bị quân lính giải đi trong một thời điểm khắc nghiệt: đêm chữa tan, đường xa gập ghềnh, gió thu lạnh buốt từng trận, từng trận cắt da cắt thịt, nhưng Người vẫn “ngheh diện”, ngẩng cao mặt đón nhận và ngắm trăng, thấy những ngôi sao quán quýt đưa trăng vượt lên đỉnh núi mà lòng phơi phới một niềm tin. Trên bước đường gian khó ấy, Người đã có trăng, sao làm bạn, cùng nhau sẻ chia vượt qua gian khổ.

Trăng lại có lúc như ru hồn thi sĩ đắm chìm trong cõi mộng, trong đêm thanh tĩnh nơi núi rừng Việt Bắc những ngày kháng chiến gian khổ:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(Cảnh khuya)

Trăng được Bác nhân cách hóa như một nhân vật: trăng lồng bóng vào cây, lồng bóng vào hoa khiến trăng, hoa, cây và đêm đẹp một cách lung linh, huyền ảo. Song Người không dành tâm hồn cho riêng trăng, ngắm trăng, Người chưa ngủ vì còn canh cánh bên lòng nỗi lo nước nhà.

Khác với thơ xưa, ánh trăng – chị Hằng thường là nơi ẩn náu của những tâm hồn cô đơn, buồn chán, trong thơ Hồ Chí Minh, trăng không chỉ là tri âm, tri kỉ gần gũi, gắn bó với người trong những giây phút làm việc căng thẳng cũng như lúc nghỉ ngơi, mà trăng còn là nguồn sáng cho con người làm việc, canh giữ cho những cuộc bàn quốc kế quân cơ tối mật giữa dòng sông:

*Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

(Rằm tháng giêng)

Người bàn bạc việc quan cơ căng thẳng mà vẫn ung dung, an nhàn, kết hợp thường ngoạn ánh trăng, vẫn cảm nhận được trăng bát ngát trên trời dưới nước, con thuyền Người đang ngồi bàn bạc cũng chờ đầy trăng, tràn ngập ánh trăng. Trên thế giới, không phải vị tướng lĩnh nào cũng có tâm hồn lãng mạn, tự do phóng khoáng, ung dung tự tại trước và sau trận đánh như thế! Trong bài *Đổi nguyệt*, Bác cũng viết:

*Ngoài sông trăng rọi cây sân
Ánh trăng nhìn bóng cây gần dưới sông
Việc quân, việc nước bàn xong
Gối khuya ngon giấc bên sông trăng nhòm.*

Hay, trong bài *Đi thuyền trên sông Đáy*:

*Dòng sông phẳng lặng như tờ
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo
Bốn bề phong cảnh vắng teo
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan
Lòng riêng riêng những bàn hoàn*

Lo sao khô phục giang sang tiên rồng...

Còn trong bài *Chơi trăng* thì Người lại viết:

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi trăng

Sẵn có vài câu hỏi chị Hằng:

“Non nước toi bởi sao vậy nhỉ?

Nhân dân khổ cực biết hay chăng?

Khi nào dấy được quân anh dũng

Để dẹp cho tan bọn chó nhặng

Việt Nam bao giờ thì giải phóng?

Nói cho nghe thử hỏi chị Hằng?”

Và ngay cả khi nghe *Tin thắng trận*:

Trăng vào cửa sổ đòi thơ

Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.

Thế có nghĩa là tình yêu trăng của Người luôn gắn với tình yêu nước. Hầu như không một bài thơ nào nói đến trăng mà lại không nói đến nước và nhân dân. Đó là một tâm hồn thi sĩ lãng mạn và một tinh thần chiến sĩ suốt đời vì dân, vì nước, một phong thái ung dung tự tại hiếm có.

Nói đến trăng trong thơ Hồ Chí Minh, lại nhớ đến trăng trong thơ của đại thi hào Nguyễn Trãi xưa, Nguyễn Trãi là một nhà quân sự, chính trị thiên tài, ông cũng có những vần thơ rất hay về trăng:

– Quét trúc bước qua lòng suối

Thương mai về đập bóng trăng.

(Ngôn chí kì 15)

– Hái cúc, ương lan, hương bén áo

Tìm mai, đập nguyệt, tuyết xâm khăn.

(Thuật hứng bài 15)

– Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc

Thuyền chở yên hà nặng vậy then.

(Thuật hứng bài 24)

Hai nhà tư tưởng lớn đồng điệu ở tâm hồn thi sĩ, chiến sĩ, một tình yêu thiên nhiên quyện hòa với tình yêu đất nước. Ở Hồ Chí Minh, Người không chỉ tiếp thu những vần thơ đẹp của các vị tiền bối mà còn sáng tạo, khiến trăng không chỉ là vẻ đẹp của thiên nhiên, trăng còn là bạn sẻ chia buồn vui, đồng hành cùng những khó khăn gian khổ và công việc của đất nước. Trăng và Người, thi sĩ và chiến sĩ, tâm hồn và ý chí luôn quyện hòa trong mỗi vần thơ của Bác. Chính vì vậy mà nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét: *Thơ Bác đầy trăng* hoàn toàn xác đáng!

ĐỀ THI

Từ bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, em hãy viết một bài văn với nhan đề *Lời ru với cuộc sống con người*.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Giang Cẩm Tú,
học sinh trường THCS Chiềng Xôm,
huyện Chiềng Xôm, tỉnh Sơn La, năm học 1985 – 1986

BÀI LÀM

Mỗi con người sinh ra đều mang tâm hồn uơm ủ bởi hoa thơm trái ngọt của tình yêu trần thế. Tâm hồn trẻ thơ của chúng ta như tấm lụa bạch trinh trắng, đón nhận

những giọt sương rơi, những chồi non lộc biếc, cây cỏ vườn nhà, cảm thắm nguyên lành nghĩa tình với gia đình, đồng bào, quê hương, đất nước... Đời sống của mỗi con người, mỗi gia đình luôn gắn bó thấm thiết với đời sống chung của cả dân tộc. Linh hồn giống nòi được nương giữ trong thơ ca dân gian của dân tộc như một di sản nhiệm màu. Trong kho tàng quý giá này, có một thứ làm nguồn sống cho tâm hồn, giúp di dưỡng tinh thần con người từ thửa ấu thơ, đó là những bài hát ru. Những lời ru đã nuôi nấng tình thương yêu nhân loại của mỗi người trong cõi trần ai mệnh mông, có khả năng âu yếm đến từng kiếp phận nhỏ nhoi tội nghiệp. Có lẽ ai cũng gắn bó tuổi thơ mình với những lời hát ru nào đó của bà, của mẹ, của làng xóm quê hương hoặc âm vang từ văn hóa cội nguồn.

Mỗi dân tộc mỗi vùng miền đều có một điệu hát ru mang sắc thái riêng, lắng sâu vào tâm thức duy cảm mỗi người con xứ sở. Từ những khúc hát ru con Lào: *Ngủ ngon nhé, ngủ trên tay má ru hời...* đến những bài ru con Nam Dương âm vang sóng biển, dân ca ru con Nga thâm thì lời hát bạch dương... những bài hát cứ lững đặng bay qua miền trần gian nổi trôi vô định. Lời ru nồng ấm thiết tha, đầm thắm tình mẫu tử, gọi niềm u uẩn của kiếp nhân sinh, những cảnh ngộ thương tâm... Bài hát ru là những làn sương áp ủ cho tâm hồn trẻ thơ xanh mượt như trái quả đầu mùa, và dệt gấm thêu hoa cho những giấc mơ giấc mộng thần tiên.

Người Việt Nam được nuôi dưỡng bởi tình yêu thương từ thửa còn thơ như vậy, nên biết trải hồn ra mà đón nhận những vang động của đời. Biết yêu từ “cái bóng cái bang”, “con cò con vạc” nhỏ nhoi mà yêu sang những người quen thuộc gần gũi xung quanh. Biết nhớ từ “bạc cầu ao”, “bát canh rau muống” mà nhớ về những người khách tha hương. Hình ảnh *cái cò bay lả bay la* trong khúc hát ru đồng bằng Bắc Bộ, *gió mùa thu mẹ ru con ngủ* của những miệt vườn xanh mượt phương Nam, *em ơi em ngủ cho ngoan, để chị đi thăm cây lúa trên nương* của dân ca ru em miền núi... mỗi vùng, miền mang một bản sắc khác nhau nhưng đều có chung một phong thái là giai điệu ngân nga, êm dịu.

Hát ru không chỉ chú ý đến chất lượng thẩm mỹ mà trước hết chú ý đến mục đích ru cho bé ngủ. Bé ngủ ngon nhé... để bà, để mẹ, để chị còn lên nương làm rẫy, ra đồng cấy gặt, để làm trăm công nghìn việc trong nhà hay được nghỉ ngơi sau một ngày làm việc vất vả. Trẻ em thích được ru ngủ vỗ về. Bởi trong vòng tay âu yếm, chở che của bà của mẹ, các em cảm nhận được tình yêu thương nhân hậu, hiền hòa. Miền không gian yên bình với chiếc võng đu đưa dưới lũy tre xanh, chiếc nôi đặt bên khung cửa sổ, xa xa là cánh cò đang bay lượn trên cánh đồng lúa vàng... tất cả như được bao bọc trong một nguồn sáng dịu dàng, mang lại chất tươi thắm nguyên khôi cho tâm hồn trẻ thơ. Bởi thế, nếu coi hát ru là một thể loại thơ thì đây là thứ thi ca thuần khiết và trình bạch nhất. Khi lớn lên, nặng nợ với cuộc sống trần tục, phải gánh bao nỗi nhọc lụy của kiếp sống, con người sẽ khao khát biết bao được trở về với cõi thanh tịnh của lòng. Đôi khi, trong nhịp đời chầy trôi miên viễn, những lời hát ru thửa xưa của bà của mẹ đưa hồn lịm đi vào cõi thơ mộng. Đường như ở đó, phần thiên tính của mỗi đời người bồi hồi thức đập và thiết tha gọi nhớ, nó chẳng thể nguôi ngoai, dẫu có khi chỉ là một khoảnh khắc thoáng qua vô cùng bình dị. Từ nỗi luyến nhớ về cái “ngày xưa ngày xưa” của mình, con người được thanh lọc trong một nỗi buồn phảng phất mà trong sáng lạ lùng. Tinh hoa của những bài hát ru sẽ còn được sáng tạo và đưa vào những thành quả nghệ thuật khác, trong đó đặc biệt là những thi phẩm của các nhà thơ hiện đại. Người đọc đã nhớ nằm lòng những bài thơ có sử dụng chất liệu hoặc mang hơi thở

hát ru của Nguyễn Duy: *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Tre Việt Nam*; của Xuân Quỳnh: *Lời ru trên mặt đất, Tuổi thơ của con...* hay Đồng Đức Bốn: *Trở về với mẹ ta thôi...* Đặc điểm chung của các bài thơ trên là đều sử dụng hình thức thơ lục bát từ thơ ca dân gian cổ truyền. Vì vậy khi đến với hai bài thơ: *Con cò* của Chế Lan Viên và *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm, chúng ta như được đón nhận hơi gió mát trong lành và lạ lẫm bởi sự cách tân đổi mới nhiều mặt cả về nội dung và hình thức tác phẩm.

Hai bài thơ này là hai khúc hát ru hiện đại, chảy theo một nhánh khác... trong thi mạch dân tộc nhưng vẫn giữ được tinh chất Việt Nam thuần túy, nguyên vẹn. Trong những bài hát ru dân gian (những bài hát ru vốn sinh ra là để hát ru cho bé ngủ), cấu trúc của nó thường có hai phần. Phần đầu để đáp ứng chức năng thực hành ru bé ngủ “cái ngủ mày ngủ cho ngoan”, “con ơi đừng khóc mẹ sầu”... vừa để dỗ dành, vừa vẽ ra một thế giới sự vật, hiện tượng đơn giản trong cuộc sống như một bài học vỡ lòng để dạy trẻ. Phần hai là những nỗi niềm thăm sâu, trắc ẩn của người mẹ, nên lời ru như còn đầm đìa nước mắt thở than về trăm nỗi đoạn trường. Phần đầu là bề nổi, phần sau mới là chiều sâu, thường mang ý nghĩa xã hội cao.

Có thể thấy, ở hai bài thơ: *Con cò* và *Khúc hát ru những đứa con lớn trên lưng mẹ* có nhiều điểm tương đồng. Trước hết, hai bài thơ đều có kết cấu ba đoạn chặt chẽ, mặt khác, hai phần vốn có trong ca dao hát ru ở đây không phân định ranh giới mà hòa nhập, xuyên thấm vào nhau. Hai bài thơ là hai khúc hát ru hiện đại, làm theo lối thơ tự do, có những biến tấu làm thành những điểm nhấn thú vị. Mỗi thi phẩm có những đặc sắc riêng nhưng đều cho thấy khả năng tiếp thu sáng tạo của nhà thơ hiện đại đối với di sản thơ ca dân gian, và rộng hơn là ảnh hưởng sâu sắc của văn học dân gian đối với nền văn học viết.

Bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc và độc đáo. Hình ảnh “con cò” đã trở thành một phần máu thịt trong tâm hồn người Việt, đó là hình ảnh đậm nét văn hóa của một đất nước có nền sản xuất nông nghiệp cổ truyền. Cánh cò trắng muốt gợi cho ta những hoài niệm về một cái đẹp thanh bình, êm ả, ngân lên trong lòng ta những nhịp rung cảm sâu lắng, vời vợi chất thơ. Con cò đã làm bạn với người nông dân bao đời, gợi hứng cho họ hát lên những câu hát mộc mạc dân dã. Cánh cò trắng cũng bay mê mải trong lòng thơ Việt, và đôi cánh mỏng manh của nó đã phủ bóng xuống lòng trắc ẩn thăm sâu của thi sĩ. Tác giả Chế Lan Viên mượn lời người mẹ để hát ru con bằng những vần thơ lãng đãng khói sương văn hóa dân gian. Những vần thơ mát dịu, trong veo như nước hồ thu mà nhìn suốt đáy bóng ánh lên vẻ đẹp tinh thần.

Bài *Con cò* sử dụng những câu hát ru viết về con cò quen thuộc, những câu hát ru này cũng được đặt giữa từng phần của khổ một giống câu hát ru: “*Ngủ ngoan A-kay ơi...*” đặt giữa những khổ của bài thơ *Khúc hát ru của những em bé lớn trên lưng mẹ*, tạo cho lời thơ âm hưởng nhịp nhàng, luyến láy như đã được dân gian hóa. Trong lời mẹ hát ru con có cánh cò bay lả bay la, con cò bé bỏng thơ dại trên cánh tay của mẹ, con làm sao biết được nỗi đời truân chuyên làm gánh nặng số phận cho mỗi kiếp người. Cuộc đời con như cái nhụy còn nguyên sơ phong kín, con đâu có biết những thân cò nhỏ nhoi như phận người lặn lội chốn trần ai đây bất trắc, nổi trôi vô định, sắc sắc không không... Con chưa biết, bởi vì “con có mẹ”. “Ngủ yên! Ngủ yên!...” con nhé... Những câu thơ cuối đẹp một cách vi diệu mà rất mực giản dị, nó như đã thấu nhận tất cả, tất cả nhan sắc trần gian khiến cho người bình cảm thấy bất lực.

*Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng, lời ru của mẹ thấm hơi xuân, những cành mềm mẹ hát... từng câu chữ như áp ủ hơi ấm, như hàm dưỡng một sinh mệnh. Mẹ chất chịu sự sống cho con trong từng lời ru dịu dàng êm ái, giúp con cảm nhận được nhịp sống nơi trái tim bé nhỏ của mình. Chất thơ trầm dịu trong trẻo, đẹp thuần khiết và thanh cao, đưa người đọc trầm mình vào miền sâu khuất, kín nhiệm của tâm hồn. Điệp khúc “Ngủ yên! Ngủ yên!...” ru con được lặp đi lặp lại ở cả khổ hai, ba, như láy lại nỗi thương yêu khiến ta phải se lòng. Những tưởng tượng thi vị, ngộ nghĩnh về cò và con khiến đoạn thơ tựa như một câu chuyện cổ tích: “Cò trắng đến làm quen”, “cò đứng ở quanh nôi”, “cò vào trong tổ”, “cánh của cò hai đứa đáp chung đôi”... Bề sâu của những mơ mộng ấy là ước muốn đầy tính nhân văn về sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, ngoại vật. Nhưng đặc biệt hơn cả là mơ ước của mẹ về tương lai của con: *Lớn lên, lớn lên, lớn lên... Con làm gì? Con làm thi sĩ...* Ngoài tính chất riêng tư, thì có thể hiểu, khát khao ấy là khát vọng hướng thiện nhất. Con sẽ làm thi sĩ để mang lòng từ tâm như một thứ hương hoa thuần khiết dâng cho cõi người, để lưu giữ cội nguồn nhân bản cho cuộc đời. Cánh cò trong trắng của con lại bay hoài trong cõi giới thơ mệnh mông đánh thức những xao động nơi sâu thẳm và ngọt ngào của tâm hồn... Câu thơ này của bài *Con cò* cũng như câu thơ *mai sau con lớn làm người Tự do* trong *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* thực sự là một bước tiến dài trong tình cảm và nhận thức. Khát vọng lớn nhất của người mẹ Tà-ôi là độc lập, tự do cho đất nước, cho con mẹ, không phải là ước vọng tâm thường về vật chất. Còn mong ước của người mẹ trong bài thơ *Con cò* là con mẹ sẽ làm thi sĩ, thoát khỏi những toan tính trần tục để đắm chìm vào thế giới nội cảm của tâm hồn.*

Bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm gây ấn tượng ngay từ tiêu đề: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*. Như vậy bài thơ chính là một bài hát ru thực sự, được hoài thai từ tình yêu thương của người mẹ miền núi trong hoàn cảnh đất nước đang kháng chiến chống Mỹ. Hình tượng “những em bé lớn trên lưng mẹ” gợi cảm giác thiêng liêng và kì vĩ, nhưng cũng thật bình yên ấm áp. Điểm mới mẻ đầu tiên, có thể coi là một cách tân của tác giả, đó là có hai người ru em cu Tai: nhà thơ và người mẹ Tà-ôi. Hai người ru, hai lời ru – những lời ru ấy quán quýt vừa ru em nhưng cũng vừa ca ngợi mẹ em, vừa gửi gắm tâm tình, ước mơ của mẹ, vừa kể về những sự vật, thiên nhiên xung quanh – đúng như hai phần nội dung của một khúc hát ru cổ truyền. Lời hát ru có ba khúc, mỗi khúc đều mở đầu bằng hai câu:

*Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ.*

Điệp thơ nhịp nhàng, đều đặn, điệp khúc mở đầu và giữa bài được nhắc đi nhắc lại như một lời hát thiết tha, âu yếm. Bài thơ là bài hát ru đầm ấm, dịu dàng, cất lên từ trái tim đôn hậu, đầy thương yêu của người mẹ dân tộc Tà-ôi. Bà mẹ Tà-ôi được nhà thơ khắc họa chủ yếu qua những công việc truyền thống: “giã gạo”, “địu con”, “tia bắp”... giống như bao người phụ nữ, bao bà mẹ Việt Nam chịu thương chịu khó. Hình ảnh “giọt mồ hôi” của mẹ, “vai mẹ gầy nháp nhô”, “lưng đưa nôi” gợi sự thương cảm triu mến trong lòng người. Những hình ảnh ấy phảng phất từ trong ca dao xưa viết về người phụ nữ nhưng không phải là người phụ nữ bị đè nén, áp bức, vất kiệt sức lực trong những lời ca dao than thân. Hình tượng người mẹ dân tộc miền núi được nâng lên thành hình tượng người mẹ Tổ quốc, mẹ đi làm nhiệm vụ nuôi bộ đội, tham gia kháng chiến, mẹ đến chiến trường... Tình mẹ thiết tha đầm ấm như tình mẫu tử thiêng liêng hằng có, nhưng mang nét cao cả rộng lớn của thời đại cách

mạng. Vì thế người mẹ đã trở thành người mẹ chiến sĩ, người mẹ Tổ quốc. Tình thương sâu nặng của mẹ dành cho bộ đội, cho dân làng, cho đất nước hòa quyện vào tình thương con vô bờ. Đất nước Việt Nam như đẹp hơn, như được tăng thêm sức mạnh khi có những người mẹ đi con để tham gia kháng chiến với lời ru nồng ấm, ngọt ngào. Từ trên lưng mẹ con đã lớn lên... Bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm với biểu tượng “những em bé lớn trên lưng mẹ”, người mẹ trở nên vĩ đại như Trái Đất và đưa con thân kì như Phù Đổng Thiên Vương.

Hai khúc hát ru hiện đại này đều hướng tới tương lai khi con lớn lên, đồng thời cũng mở ra sự phát triển cho những khúc hát ru cổ truyền trong thi mạch dân tộc. Bài thơ *Con cò* mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc và triết lí nhân sinh, hình ảnh “con cò” và “cái nôi” để ấp ủ cho con lại là chiếc “nôi thơ”. Từng kiếp người mở mắt để nhìn cánh cò đang vỗ cánh qua miền không gian riêng của mình – một đường bay vô thủy vô chung tìm về cõi tâm linh. Nơi đó trú ngụ những kí ức về bà, về mẹ, về tuổi thơ trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn. Dù đi qua dâu bể đa đoan của cuộc đời thì:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.*

Hai câu thơ của Chế Lan Viên dường như được gọi lên từ thế giới nội tâm sâu kín của mỗi người. Những câu thơ của Chế Lan Viên không gói lên nhau mà miên man dằng dặc. Hơi thơ chảy trôi tha thiết theo nhịp điệu tâm tưởng. Còn *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm có hiện tượng các câu thơ gói lên nhau, quấn quýt vào nhau, đối chiếu, liên hệ nhau như “nhịp chày nghiêng – giấc ngủ em nghiêng” “lưng núi – to” – “lưng mẹ – nhỏ” “mặt trời của bắp” – “mặt trời của mẹ”. Biểu tượng xuyên suốt cả bài là “lưng mẹ”, “lưng mẹ” làm nôi nuôi dưỡng em thơ lớn lên thành dũng sĩ, thành “người tự do”.

Âm hưởng của bài thơ *Con cò* thì nhẹ nhàng thanh thoát như từng nhịp vỗ cánh của con cò quyen luyến với hồn phách quê hương, da thịt quê hương... Còn *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* đều đặn như tiếng chày giã gạo của người mẹ Tà-ôi, câu thơ bảy, tám chữ đan xen tạo cảm giác vững chãi như hình ảnh về tấm lưng của mẹ.

Hát ru đã gắn bó lâu bền với cuộc sống con người ở mọi thời đại, ở mỗi dân tộc. Đó là dòng sữa mẹ ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn con người bao đời nay. Thế loại nghệ thuật “hát ru” đã góp phần bảo lưu truyền thống văn hóa dân tộc. Hồn thiêng dân tộc còn nương giữ trong từng lời hát trữ tình sâu thẳm. Vậy mà trong cuộc sống hiện đại ngày nay, “hát ru” cùng với bao vốn liếng văn hóa của ông cha ta dường như đang bị mai một, bị lãng quên. Những người mẹ trẻ không còn biết hát ru con bằng ca dao dân ca mà ru con bằng đàn nhạc hiện đại. Những người già muốn nghe hát dân ca, tuồng, chèo thì không đồng điệu cùng con cháu... Con người xoay vòng trong cuộc sống bận rộn, đầy biến động, đôi khi giật mình vì sự trống trải của tâm hồn, vì những thiếu vắng nhân bản. Trong những bước đi của thời gian, con người lại muốn ngược nước, ngược dòng trở về nguồn cội. Những bóng cò nổi trôi giữa cõi dương lại chập chờn hiện về trong tiềm thức. Cuộc sống có quy luật phát triển của nó, sẽ bỏ lại những gì lạc hậu và không cần thiết. Nhưng trong hành trang của con người hiện đại, những khúc hát ru mãi mãi là di sản tinh thần quý giá. Con người chúng ta cần biết cách dung hòa giữa truyền thống và hiện đại. Bởi tinh hoa dân tộc bắt nguồn từ đời sống của mỗi con người. *Sữa nuôi phần xác, hát nuôi phần*

hồn (Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa – Nguyễn Duy), hãy để cho những trẻ thơ còn được ru võ trong quàng sáng nhân văn tinh khiết và ngọt ngào ấy.

Người Việt Nam yêu thương giống nòi, nên những câu ca dao đầm thắm, tình tứ, những câu tục ngữ, thành ngữ giúp tu tâm dưỡng tính, những câu chuyện cổ tích, thần thoại nhắc ta nhớ về cội nguồn con Lạc cháu Hồng... sẽ còn mãi như đưa đường dẫn ta về miền tâm linh của mình. Hai bài thơ: *Con cò* của Chế Lan Viên và *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm là minh chứng cho sức sống bền bỉ của thơ ca dân gian. Từ đó chúng ta tin tưởng rằng, hát ru sẽ được tái sinh mãi mãi, chùng nào con người còn sinh ra và mất đi.

ĐỀ THI

Một đêm thanh vắng, em ngồi học bài. Kim đồng hồ hối hả điem từng bước đi của thời gian. Em hãy tả lại cảnh đó và tưởng tượng qua tiếng tích tắc, chiếc đồng hồ muốn nói với em điều gì?

Bài đoạt giải Nhất toàn quốc, kì thi chọn HSG của Đặng Dương Anh, học sinh trường PTCS Trung Nhị, Thành phố Hà Nội, năm học 1986 – 1987

BÀI LÀM

“Vua Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái rất đẹp tên là Mị Nương...”.

Tôi cảm quyển sách, đứng nghiêm và đọc rõ ràng. Tôi tưởng như mình đang đứng trước lớp trong giờ học Văn ngày mai. Mới tám giờ tối, cả nhà còn thức cả. Bé Minh, đưa em lên bôn của tôi, chốc chốc lại nhảy lên la lớn:

– Anh Phương đọc hay quá!...

Chiếc đồng hồ trên nóc tủ kêu lên những tiếng tích tắc nho nhỏ: *“Tốt... Tốt... Tốt...”*.

– Không hiểu sao, tôi lại nghe tiếng đồng hồ nói vậy. *“Tốt... Tốt”* nghe giống tiếng thầy giáo mỗi lần khen chúng tôi. Tôi mỉm cười và đọc say sưa.

Mười giờ.

Cả nhà đi ngủ, chỉ còn một mình tôi với ngọn đèn dầu leo lét. Gió từ cánh đồng sau nhà thổi tới: ngọn đèn nghiêng qua, nghiêng lại, có lúc như chỉ còn là một sợi chỉ xanh lét. Tôi vội vàng chạy ra đóng cửa. *“Ôi mệt quá!”*. Một làn gió mùa thổi tới. Tôi hít căng lồng ngực. Một khoảng không gian nhỏ nhỏ trong cơ thể tôi chứa đầy hương thơm ngòn ngọt, man mát của sen hồ và mùi nồng nồng, ngai ngái của đất bùn... Tất cả quện lấy nhau, tạo thành hương vị riêng của đồng nội. Trời đầy sao và không gian tràn ngập hơi nước. Tôi khép cửa lại mà lòng lưu luyến.

Tôi lại ngồi vào bàn và cố quên đi mấy tiếng ếch đang ộp ộp ở bên ngoài vọng tới. Những tiếng đồng hồ trên tủ thì tôi nghe môn một:

“Thời gian – vàng bạc... Thời gian – vàng bạc”.

Tôi bực mình:

– Thời gian là vàng bạc thì hãy để tôi yên. Tôi còn làm bài chứ!

Chợt tôi nghe một giọng nói ồm ồm cất lên:

– Ta nghe cháu đọc hay quá. Ta cũng muốn kể chuyện của ta...

– Ai nói? Tôi nhìn quanh, không thấy một bóng người. Cái giọng ấy lại vang lên.

– *Ta là cái đồng hồ đây. Cháu đừng sợ, đừng sợ.*

– *Cháu ạ – Bác lại lên tiếng – Thời gian có quá khứ, hiện tại và tương lai.*

Ta già, nên ta biết nhiều chuyện quá khứ. Cháu đã nghe ai kể chuyện: *Sơn Tinh* – *Thủy Tinh* “phần hai” chưa?

Thì ra chuyện *Sơn Tinh* – *Thủy Tinh* tôi đọc lúc này gọi cho bác đồng hồ nhớ tới câu chuyện khác. Nhưng làm gì có truyện *Sơn Tinh* – *Thủy Tinh* phần hai. Lại quá! Thôi hãy nghe bác đồng hồ nói gì:

Mười năm... Hai mươi năm... Một trăm năm... Cuộc đụng độ này lựa giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh tưởng theo thời gian mà dần đến bị quên đi. Người ta tưởng mỗi hiềm khích xưa đã lùi vào dĩ vãng. Nhưng càng ngày nó càng dữ dội. Đã bao lần vua Thủy Tề xuất quân mà thua vẫn hoàn thua. Nhà vua ức lắm. Lần này, ngài lại ra quân. Đứng trước ba quân, nhà vua hét lớn:

– *Hỡi ba quân! Chúng ta phải sinh tử một phen cuối cùng với Sơn Tinh. Ta và Chúa Tản Viên không thể đội trời chung!*

– *Muôn tâu bệ hạ! Chúng ta không nên nóng vội. – Một tiếng trầm trầm nhưng rần chắc vang lên.*

Thủy Tề quắc mắt, vung guơm. Tiếng guơm xé gió làm cả mặt nước sủi bọt, sóng đánh ầm ầm:

– *Ai? Có phải quan văn Cá Chuối đó không? – Ngài quát.*

– *Tâu bệ hạ! Ta ra đi lần này phần thua là nắm chắc. Chi bằng ta hãy dùng kế hiểm.*

Mắt Thủy Tinh dịu lại, phán:

– *Vậy kế chi, người hãy nói thử ta xem:*

Quan văn Cá Chuối rập mình, ghé tai vua nói nhỏ hồi lâu. Mắt Thủy Tinh sáng lên, ra lệnh bãi châu, mặc cho tướng sĩ ngạc nhiên: không hiểu.

Lại nói về Sơn Tinh.

Một năm... Hai năm... Ba năm... Vẫn không thấy Thủy Tinh động tĩnh gì. Sơn Tinh tự nhủ: “Có lẽ vì sợ chết khiếp rồi, chẳng còn dám bén mảng đến đây nữa đâu”.

Rồi vua nghĩ đến những trận thắng huy hoàng thuở trước. Ngày này qua ngày khác, nhà vua chỉ nằm bên chén rượu, bàn cờ mà mơ mơ màng màng. Đây là trận thắng đầu tiên, ta đem Mị Nương về. A ha! Người cứ nổi sóng, nổi gió nữa đi! Ta đã hóa phép cho đỉnh núi cao chạm mây. Suốt đời mi không thể dâng nổi ngọn sóng lên tới đây được. Sơn Tinh chỉ sống với quá khứ vàng son, quên mất việc luyện binh, luyện phép. Thân thể cường tráng của ngài bỗng chốc trở nên lợt nhạt. Bệnh tật đã đến với ngài. Triều đình sợ phép ngài không dám nói một lời. Duy chỉ có quan Tể tướng tên gọi “Voi độc ngữ” là không sợ, tâu lên:

– *Tâu đại vương, Thủy Tề không đánh, chắc có độc kế của y. Đại vương không lo liệu việc quân, chỉ nghĩ đến quá khứ vàng son, đến khi Thủy Tề kéo đến, lúc đó liệu quá khứ huy hoàng có thể giết nổi quân thù không?*

Chỉ nghe có thế. Sơn Tinh đã quát lên:

– *Tên quan già kia, mi định dạy khôn ta ư? Ta trọng mi có chút tài, vậy mà...*

Quan Tể tướng biết mình không lay chuyển nổi Sơn Tinh, cáo lui ra về với rình sâu, ngày đêm chiêu mộ quân sĩ, luyện tập cung tên.

Thấm thoát đã gần mười năm trôi qua. Trong mười năm ấy, Sơn Tinh ngồi yên quên luyện tập, quên đất nước. Cũng thời gian đó, Thủy Tinh đã làm bao nhiêu việc: thành lập thêm những đội quân cảm tử vô cùng tinh nhuệ, học thêm được nhiều phép hô phong hoán vũ... và nhất là đã mua chuộc được họ hàng nhà Mối, làm nội ứng.

Ngày ra quân đã điểm, Thủy Tề cười trên con sóng bạc đầu: dẫn đầu đội quân điệp điệp, trùng trùng đến chân núi Tản. Thủy Tề hét lớn:

– Hỡi tên chúa núi Tản Viên! Đã đến ngày ta hỏi tội mi đây!

Sơn Tinh bước ra, từ trên cao nhìn xuống, cổ hét, nhưng đâu còn cái âm vang dội đất trời thuở xưa nữa:

– Ta bảo cho người hay, nếu muốn vẹn toàn, hãy lui quân. Người còn nhớ những trận giao chiến ngày trước chứ! Đến lúc vận nước ngàn cân treo sợi tóc mà Sơn Tinh vẫn còn sống với quá khứ và không biết gì đến hiện tại.

Không để cho Sơn Tinh dốt lời. Thủy Tinh hô lớn:

– Ba quân! Đánh!

Và thế là đất trời chuyển động. Nước dâng cao, còn núi vẫn đứng nguyên không động cựa. Sơn Tinh giở phép thần thông nhưng không còn linh nghiệm. Ngài định nhắc ngọn núi phía Tây, ngọn núi phía Tây không nhúc nhích. Ngài lại định kê hòn núi phía Đông, nhưng nó vẫn đứng trơ trơ. Ngài hô quân sĩ, chỉ nghe lác đác vài ba tiếng dạ vâng lập cập của bọn cảnh vệ. Ngài hối hận, cuống cuồng, nhưng đã muộn rồi. Ngài nhắm mắt chờ chết.

Nhưng bỗng Ngài nghe tiếng động ầm ầm. Ngài mở mắt và thấy một cảnh tượng lạ lùng. Dưới nước màu đỏ ngầu, những tên tướng, những đám tàn binh của Thủy Tề đang giẫm xác lên nhau chạy trốn. Đất đá trên núi vẫn ầm ầm lao xuống, Sơn Tinh không tin ở mắt mình nữa. Ngài dụi mắt. Đứng! Kia là Tể tướng “Voi độc ngà” đang đứng trước đoàn quân hùng dũng. Voi tiến lại bên Ngài và quỳ lạy. Dưới nước, Thủy Tinh dốc sức đẩy con sông cuối cùng để phá đi dãy núi. Nhưng Thủy Tinh đã thất bại vì họ hàng nhà Mối đã bị quan Tể tướng phát hiện và trừng trị khi chúng thực hiện âm mưu bán nước.

Trời lại lặng, nước lại trong xanh, một màu xanh hiền hòa như chưa hề có trận kịch chiến vừa mới xảy ra.

Sơn Tinh hối hận, nước mắt tuôn rơi, miệng nói:

– Ôi! Ta chỉ sống với quá khứ mà không biết nghĩ đến hiện tại và tương lai. Nếu chẳng may Thủy Tinh thực hiện được ý đồ thì ta ân hận suốt đời.

Bác đồng hồ kể chuyện xong và khuyên tôi:

– Bác biết cháu học tốt những năm vừa qua. Nhưng cháu ơi, đừng có ôm ấp lấy quá khứ vàng son của mình mà chủ quan kiêu ngạo. Cháu phải nhớ luôn luôn vươn lên trong hiện tại và trong tương lai. Vươn lên không ngừng cháu ạ: bởi vì thời gian là vô tận, ai đoán được tương lai sẽ dừng lại ở lúc nào?

Xong câu chuyện, bác đồng hồ lại trở về công việc thầm lặng của mình. “Tích tắc... tích tắc, quả lắc từng giây... tích tắc tích tắc...”.

Tôi nghe âm thanh ấy như nghe lời bác nhắn với người đời sau:

Làm việc, làm nữa, làm mãi!

Học, học nữa, học mãi!

Hãy học tập để đem tài năng của mình để góp phần xây dựng quê hương đất nước ngày thêm giàu đẹp.

ĐỀ THI

Thơ văn Nguyễn Trãi phản ánh tâm hồn trong sáng của tác giả cũng như thiên nhiên tươi đẹp của đất nước ta. Với những tác phẩm của Nguyễn Trãi mà em đã học, đã đọc, hãy làm rõ nhận định trên.

**Bài đoạt giải Nhất toàn quốc của Lương Bích Thuận,
học sinh trường PTCS Lí Tự Trọng,
tỉnh Ninh Bình, năm học 1987 – 1988**

BÀI LÀM

Nguyễn Trãi là nhà thơ cổ điển nổi tiếng trong dòng văn học cổ Việt Nam. Ông để lại cho đời nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị. Sự nghiệp văn chương cao quý củaỨc Trai là con người ông và những gì đẹp nhất của non sông đất nước. Quả thật không sai khi có người nhận định: *Thơ văn Nguyễn Trãi phản ánh tâm hồn trong sáng của tác giả cũng như thiên nhiên tươi đẹp của đất nước ta.*

Trước hết, thơ văn Nguyễn Trãi là tấm gương phản chiếu tâm hồn trong sáng của tác giả.

Thi sĩ Hàn Mặc Tử đã có một nhận xét thật xác đáng: *Người thơ phong vận như thơ ấy.* Với Nguyễn Trãi lời nhận xét đó rất hợp lí và mang ý nghĩa triết lí sâu sắc.

Cuộc đời của Nguyễn Trãi không lấy gì làm suôn sẻ. Mẹ mất, cha bị giặc Minh bắt mất ở xứ người, anh em li tán. Gia đình bên ngoại hầu như không còn ai. Bản thân ông là người có chí lớn. Ông luôn ôm ấp mộng lớn, mong cho dân “khắp thôn cùng xóm vắng không có tiếng ồn giận, oán sầu”, đất nước được thái bình vững chắc muôn thuở. Lí tưởng cao đẹp ấy mạnh mẽ, thường trực suốt *đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông* (*Thật hứng* bài số 5) và son sắt, thủy chung, trọn vẹn đến mức *mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.*

Nhưng đáng tiếc thay lòng ưu dân, ái quốc cao cả đó lại không được thực hiện vì bọn gian thần lộng hành luôn ghen ghét, đố kỵ người tài giỏi. Nhiều người là bạn tâm phúc với Nguyễn Trãi bị giết hại (Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn). Có lúc, chính Nguyễn Trãi cũng đã bị nghi kỵ và bị tống vào ngục. Một tâm hồn yêu đời có thể bị gục ngã ngay. Không! Nguyễn Trãi vẫn đứng vững như trúc chẵn gió giữa triều đình, như cây tùng chọc trời chẵn bão. Mặc dù cuộc đời nghiệt ngã:

Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn

Lòng người quanh tựa nước non quanh.

(*Bảo kính cảnh giới* bài số 9)

Song Nguyễn Trãi lúc nào cũng tự nhủ với mình cuộc sống thật thanh bạch, trong sáng. *Lung khôn uốn, lộc nên từ* (*Mạn thuật* kì thứ 14). Tin ở mình, tin vào cuộc đời. Nguyễn Trãi khẳng định:

Nguyệt xuyên há dễ thấu lòng trúc

Nước chảy âu khôn xiết bóng non.

(*Thuật hứng* bài số 4)

Dù trong hoàn cảnh nào, tâm hồn Nguyễn Trãi vẫn trong sáng vắng vạc tựa ánh sao Khuê, thủy chung sắt son với dân, với nước, một tâm hồn yêu đời mãnh liệt, một lòng nhân hậu bao dung với cỏ cây, hoa lá, với tạo vật, thiên nhiên. Nguyễn Trãi không lúc nào ngó trong mình nỗi “tiên ưu” canh cánh.

Ngay từ thời đi thi, Úc Trai đã không mong như các nho sĩ là đỗ đạt để làm quan, để lưu danh muôn thuở, để *võng anh đi trước, võng nàng theo sau*, mà ý nguyện của ông là vì việc nước:

*Quân thân chưa báo lòng canh cánh
(...) Một thân lần quất đường khoa mục
Hai chữ mơ màng việc quốc gia.*

(*Cơm trời áo cha*)

Đến khi theo Lê Lợi cầm gươm đi kháng chiến ông vẫn mang theo nỗi niềm ấy. Nỗi niềm thương dân, lo cho nước. Ngay cả những khi rơi vào hoàn cảnh bi đát nhất, Nguyễn Trãi vẫn không hề than thở, yếu đuối, tâm hồn luôn trong sáng và giàu tình thân ái.

Ông nhân hậu, nhân tình với mô mã tổ tiên:

*Mã mô nghìn dặm khôn thăm viếng
Thân cụ mười năm thấy rụng rơi.*

(*Thanh minh*)

Thì ra, một Nguyễn Trãi anh hùng khí phách cũng là một Nguyễn Trãi rất nhân hậu, rất thiết tha tình cảm với quê hương, với tổ tiên. Mười năm trời còn lưu lạc, không về thăm quê hương mà ông cảm thấy day dứt, trăn trở và hối hận. Ông dần vật mình trong câu thơ nghẹn ngào nước mắt. Yêu thì yêu thật, song không bao giờ Nguyễn Trãi bị xúc động làm mềm yếu con tim.

Với con người thì chân thành đằm thắm và thiết tha, với cảnh vật càng thêm gần gũi, chan hòa:

*Núi lảng giềng, chim bầu bạn
Mây khách khứa, nguyệt anh tam.*

(*Thuật hứng bài 19*)

Ông coi thiên nhiên như là bạn, ông trân trọng, nâng niu nó như là một cái gì đó có ý thức và biết suy nghĩ:

*Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén
Ngày vắng xem hoa bọ cây
Cây rợp chồi cành chim kết tổ
Áo quang máu ấu cá nên bầy.*

(*Ngôn chí bài 10*)

Cả cuộc đời ông chưa hề bọ đỡ ai, bọ đỡ người nào, nhưng giờ ta thấy ông “bọ” hoa. Cao Bá Quát cũng đã có lần như vậy, cúi đầu trước một đóa hoa mai: *Nhất sinh đề thủ bái mai hoa*. Không yêu thương cảnh vật, không thương mến cảnh vật thì làm sao có được cái bọ rất thi sĩ:

*Viện có hoa tàn chẳng quét đất
Nước còn nguyệt hiện sá thôi chèo.*

(*Mạn thuật kì 10*)

Ông không dám động mái chèo, sợ làm sao vỡ ánh trăng trên nước. *Rừng tiếc chim về ngại phát cây* (*Mạn thuật kì 06*), ông cũng chẳng dám chặt cây sợ chim không về hót nữa. Để vàng trăng được nguyên khôi hơn. Nguyễn Trãi phải nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng với chúng. Hình như tình yêu thiên nhiên đã trở thành như là máu thịt trong ông.

Có được những tình cảm tha thiết và sâu sắc với thiên nhiên như vậy bởi Nguyễn Trãi có một hồn thơ thanh tao, cao khiết. Nhiều khi ta thấy ông rất buồn, cô độc, lẻ loi; thơ ông cũng đã nhiều lần nhắc đến ý đó. Một con đò gỏi đầu giữa mênh mông sóng nước: *Cô chu trấn nhật các sa miên (Trại đầu xuân độ)*.

Nhiều lần ta gặp con đò trong thơ Nguyễn Trãi, khi thì: *Nước biếc non xanh thuyền gỏi bãi (Bảo kính cảnh giới bài số 26)*, lúc lại: *Làm ôm lúc nhúc thuyền đậu bãi*. Nhưng chưa khi nào gặp con đò cô độc như con đò này. Phải chăng Nguyễn Trãi muốn tìm một điểm tĩnh lặng giữa cõi vô biên để tĩnh dưỡng tâm hồn? Hay ông muốn tìm sự vắng lặng của bên đò để nói sự cô độc của mình? Hay chăng con đò kia là mảnh hồn ông đang chan hòa với cảnh sắc thiên nhiên.

Tất nhiên ngoài con đò đậu nơi bến vắng, con đò còn kí thác nhiều tâm sự của tác giả. Nếu như ở *Trại đầu xuân độ* tâm hồn Úc Trai tan vào trong sắc cỏ, thấm vào trong mưa xuân, thì ở *Cuối xuân tức sự* lòng Úc Trai cũng bàng bạc thấm vào cảnh vật.

Ông xa chón triều đình, xa chón tường đào ngõ mận để về sống với thiên nhiên tươi đẹp mang đậm nét “thôn dã tịch điền”. Khép cửa ngòi trong phòng sách nhưng Nguyễn Trãi nào đâu có hờ hững với cuộc đời. Một chút xao động của tiếng cuốc, một tiếng rơi nhẹ của hoa xoan cũng đã làm cho Úc Trai rung động:

*Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muôn
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.*

(Cuối xuân tức sự)

Tiếng xuân muôn mà Nguyễn Trãi nghe được là tiếng cuốc gọi hè. Tiếng cuốc hay là tâm trạng u buồn, luyến nhớ của Úc Trai về một thời đã qua. Dầu sao thì sắc cuối xuân vẫn trong sáng và đẹp đẽ như tâm hồn nhà thơ. Những bông xoan nở sáng bừng vườn nhà thi sĩ, sắc xoan tím, cánh xoan mềm. Và hương của nó... Tất cả tụ lại, một điểm sáng long lanh của bài thơ. Một sự so sánh từ khắp khiêng và có vắn bất hợp lí, song đọc câu thơ: *Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan* không hiểu sao ta bỗng nghĩ tới Nguyễn Trãi. Hay chăng chính ông là bông xoan quê mộc mạc do đang tỏa hương lặng lẽ, đang dâng đầy vị ngọt cho đời mà mọi người quên lãng. Nếu thế thì lòng Úc Trai trong trẻo biết nhường nào, cao khiết biết nhường nào. Có lẽ vì vậy mà Xuân Diệu đánh giá: “*Úc Trai có cái đẹp thường trực trong tâm hồn nên khi gặp cái đẹp trong vũ trụ thì tương ứng ngay, thốt ra thơ đẹp*” chẳng?

Chẳng những thế, qua thơ văn Nguyễn Trãi ta còn thấy được vẻ đẹp tươi tắn của thiên nhiên đất nước ta.

Nếu sau này Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ thu: *Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh* và được ca ngợi là “nhà thơ của làng cảnh Việt Nam” thì trước và sau Nguyễn Trãi rất lâu ít ai có được những vần thơ thiên nhiên hay như Nguyễn Trãi, có được tình yêu quê hương đậm thắm như ông.

Ngược dòng thời gian một khoảnh khắc để ta thấy được văn chương trung đại thường có tính chất sùng cổ. Các nhà thơ thường coi văn chương Trung Quốc là “khuôn vàng thước ngọc”, bởi thế hình ảnh thơ thường là đẹp, cao, sang. Đền như kiệt tác *Truyện Kiều* cũng còn mượn “rừng phong thu”, *Chinh phụ ngâm* mượn “hàng dương liễu” bên Tiêu Tương của Trung Quốc. Riêng Nguyễn Trãi, ông tìm cho mình một phong cách ngôn ngữ diễn đạt riêng, khá độc đáo.

Đọc thơ Nguyễn Trãi, ta thấy hiện lên những hình ảnh rất quen thuộc làng quê của Việt Nam. Có lẽ trong các nhà thơ Việt Nam xưa chưa có ai nói về rau cỏ, sản vật quê hương một cách thấm thiết như Nguyễn Trãi:

– *Tả lòng thanh, vị núc nác
Vun đất ải, luống mùng toi.*

(Sang cùng khó)

Hay là:

– *Áo quan thả gửi hai bè muống
Đất bụi vương nhờ một mảnh mồng.*

(Thuật hứng bài 23)

– *Ao cạn vớt bèo cấy muống
Đìa thanh phát cỏ ương sen.*

(Thuật hứng bài 24)

Bè rau muống, luống mùng toi, cây núc nác, mấy cây mùng, ao sen... Toàn là hương vị quen thuộc của quê nhà. Không biết là Nguyễn Trãi có lấy ý câu ca dao: *Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương* hay không mà nghe gần gũi quá, dân dã quá? Đọc những câu thơ mộc mạc của ông không hiểu sao ta lại thêm yêu một bát canh rau ngày thường ngọt sắc với quả cà giòn tan. Không chỉ dân dã, bình dị, thơ Nguyễn Trãi còn là vẻ đẹp hoành tráng, hùng vĩ của non sông gấm vóc Việt Nam.

Là một nhà thơ đồng thời là nhà quân sự nên Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ gắn liền với lịch sử, với tên núi, tên sông Tổ quốc. Dòng sông Bạch Đằng là dòng sông đã ghi dấu nhiều chiến công oanh liệt. Nếu Trương Hán Siêu nổi tiếng với *Phú sông Bạch Đằng* thì Nguyễn Trãi cũng gắn bó với *Cửa biển Bạch Đằng*.

Tuy vậy, là một nghệ sĩ đích thực, Nguyễn Trãi không bao giờ giẫm lại dấu chân của người xưa. Ông tìm cho mình một phong cách riêng. Đến biển Bạch Đằng vào một buổi trời gió bắc, con thuyền thơ của tác giả lướt nhanh:

*Biển lùa gió bắc thổi băng băng
Nhẹ kéo buồm thơ vượt Bạch Đằng
Ngạc chặt kình bãm non lờm chờm
Giáo chìm gương gãy bãi giăng giăng.*

Cảnh núi ở Bạch Đằng không giống với cảnh núi ở Vân Đồn: *Muôn học xanh om tóc mướt màu (Vân Đồn)*. Cùng giống với núi ở cửa biển Thần Phù: *Giáp bờ ngàn ngọn bày ra như mảng ngọc tro*. Nhà thơ không viết là núi bị chặt như cá ngạc bị chặt, cá kình bị bãm, bãi giăng như giáo chìm gương gãy mà lại viết đảo lại. Đây không phải đơn thuần là chuyện câu chữ, là có chủ đích sáng tạo của tác giả. Nguyễn Trãi muốn dựng lại bãi chiến trường năm xưa, dựng lại hào khí sôi nổi của một thời chiến chinh oanh liệt. Hoành tráng, hùng vĩ nhưng cũng rất thơ mộng. Núi Dục Thúy là bức tranh thiên nhiên như thế:

*Như toà sen nổi lên mặt nước
Như cánh tiên rót nước trần gian.*

(Dục Thúy sơn)

Cả một vùng trời đất bỗng sáng ra nhờ câu thơ của Nguyễn Trãi. Nó soi rọi vào ta một cảm giác mới mẻ, như vừa bắt gặp lần đầu. Vừa tươi tắn nhưng cũng đượm hơi ấm tình đời, mảng thơ viết về thiên nhiên của Úc Trai thể hiện sinh động điều đó.

Có một con đò gồi đầu ngủ giữa khoảng đật trời xuân. Có một vòm xoan sáng bùng sắc tím và có một cây chuối đầy sức xuân thì đủ biết thiên nhiên tươi đẹp đến chừng nào.

Nhắc đến bông hoa xoan ta nhớ đến cành mai của Thiền sư Mãn Giác như là thoáng bất chợt:

Đêm qua sân trước một nhành mai.

(Cáo tật thị chúng)

Hay là sắc trắng của hoa giữa thắm có xanh tươi:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

(Trích Cảnh ngày xuân – Truyện Kiều, Nguyễn Du)

Cũng như bông hoa rụng đêm qua:

*Đêm qua trời mưa gió
Làm rơi mấy đóa hoa.*

(Xuân hiểu – Mạnh Hạo Nhiên)

Song ta vẫn thêm một mùi hương đồng nội của bông hoa xoan dân quê bình dị:

Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.

(Cuối xuân tức sự – Nguyễn Trãi)

Đứng cạnh các loài hoa bác học cổ điển, hoa mai, hoa lê, bóng hoa xoan chân quê của Nguyễn Trãi vẫn sáng đẹp, vẫn tươi trẻ tình quê. Cảm ơn nhà thơ đã trân trọng, nâng niu cho ta hái một bông xoan trong vườn thơ cổ điển Việt Nam.

Tại sao Nguyễn Trãi thể hiện được tâm hồn và thiên nhiên đất nước một cách đa dạng, phong phú như vậy? Có lẽ một phần là tác động của gia đình, của quê hương đất nước và cao hơn nữa là cái tình và cái tài của nhà thơ. Tình của tác giả đã biết. Còn cái tài đó là một bàn tay của người nghệ sĩ tài hoa. Một sự khổ luyện của tâm hồn cao đẹp.

Nguyễn Trãi là kết tinh của tinh hoa và khí phách dân tộc. Nguyễn Trãi không sợ thời gian và thơ ông là “cây đời mãi xanh tươi”.

ĐỀ THI

Nhà thơ Trần Đăng Khoa cho rằng: *Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Để đạt được một lúc ba điều ấy, đối với các thi sĩ vẫn là điều bí mật.*

Em hãy bình luận nhận định trên. Liên hệ với thực tế Thơ mới 1932 – 1945 để làm sáng tỏ ý kiến của em.

Bài đoạt giải Nhất toàn quốc của Lê Nguyễn Phương Thảo,
học sinh trường PTCS Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân,
tỉnh Hà Tĩnh, năm học 1988 – 1989

BÀI LÀM

Có những bài thơ khi đi qua đời ta, giản dị và mong manh, với những nhịp đập rất mực mảnh mai êm ái của trái tim, những rung động mơ hồ của cảm xúc... nhưng đã để lại trong ta một nốt nhấn cứ ngân nga, ngân nga mãi... Những nốt nhấn cảm xúc ấy đeo đẳng, ám ảnh suốt một đời, làm ta xúc động và trăn trở.

Phải chăng đó là những câu thơ hay, những câu thơ đã đạt được những phẩm chất đích thực và phải chăng đó cũng chính là những day dứt bản khoăn của người nghệ sĩ suốt một đời sống chết với thơ?

Trần Đăng Khoa, nhà thơ đã từng đem lại cho tuổi thơ chúng ta một thế giới hồn nhiên, trong trẻo, tươi nguyên của trẻ thơ, đã tâm sự rất chân thành về thơ: *Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Để đạt được ba điều ấy, đối với thi sĩ vẫn là điều bí mật.*

Vâng, thơ luôn luôn là một sự bí mật, một thế giới luôn đem đến cho ta những giây phút ngạc nhiên mới lạ đến ngỡ ngàng, một thế giới khác, nhưng không hề xa lạ với cõi đời rất thực của chúng ta. Thơ mãi mãi là một sự bí mật nhưng không phải là thứ bí mật mặc chiếc áo huyền bí, cao siêu, mà trái lại nó rất giản dị, giản dị mà vẫn gây xúc động ám ảnh đến không ngờ.

Có những nhà thơ, khi bước vào con đường thơ ca, đã trải lên trên đó không biết bao nhiêu mỹ từ lóng lánh, những ngôn từ óng chuốt hoa mỹ, những cách đặt câu đáng dấp tân kì... mà quên mất rằng cái cốt lõi đích thực của thơ ca không nằm ở cái bề ngoài chải chuốt ấy, nó đọng lại ở bề sâu cảm xúc, ở sự chân thật của trái tim, tâm hồn của nhà thơ. Khi nhà thơ xúc động chân thành đến tận đáy tâm hồn, anh sẽ sáng tạo nên được những vần thơ hay, những vần thơ ấy đôi khi không cần đến vẻ cầu kì bên ngoài mà vẫn rung động lòng người. Đó là thơ giản dị. Để đạt được đến độ “giản dị” có lẽ nhiều nhà thơ đã phải trả giá bằng cả cuộc đời mình.

Giản dị là một yêu cầu, một phẩm chất không thể thiếu đối với nhà thơ hay và đó cũng là một quá trình lao động nghệ thuật hết sức cay cực của bao nhà nghệ sĩ. Cái giản dị của thơ cũng như cái duyên thầm của một người con gái đẹp, nó không trang sức mà vẫn lấp lánh ánh sáng của vẻ đẹp toát ra từ bên trong. Nhà thơ không thể đánh lừa độc giả bằng những ngôn từ hoa mỹ hào nhoáng bên ngoài để che đậy sự trống rỗng vô hồn trong cảm xúc và trong suy tưởng. Cái lớp vỏ sặc sỡ bên ngoài chỉ là sản phẩm của những người thợ khéo tay, những người thợ thơ mà thôi. Trong khi đó, thơ không phải là một thứ nghề, một thứ công việc đơn thuần. Chỉ riêng những tia tốt khéo léo, những kĩ xảo thì không thể làm nên thơ và càng không phải làm nên thơ hay. Những bài thơ hay phải đạt đến độ giản dị, độ trong suốt, thứ ánh sáng trong suốt đã được tinh lọc qua bảy sắc cầu vồng. Nhà thơ, khi đứng trước trang giấy trắng chỉ có thể làm nên thơ với những xúc cảm chân thật hết mình, của chính mình. Cảm xúc chân thật, tự nó sẽ gọi nên thơ, nó không cần sự hào nhoáng giả tạo, không cần kêu gọi, ồn ã. Thơ tự đến khi nhà thơ sống hết mình với bao nhiêu xúc cảm đang bề bộn trong lòng. Có phải thế chăng mà mỗi khi đọc lên bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên, dù không hề tìm thấy dấu vết của một sử dụng nghệ thuật nào, nhưng lòng ta bỗng như chùn xuống, một nỗi buồn thật thấm thía, len lỏi trong ta. Nỗi buồn ấy tỏa ra trên những lời thơ thật chân phương, hồn hậu:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

Và lắng lại trên những cảnh tượng xót xa, ám ảnh:

*Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

Bài thơ kết lại trong một nỗi buồn thật u hoài và có lẽ nỗi buồn ấy sẽ sống mãi với chúng ta bởi nó được thốt lên từ một tấm lòng thật sự thành tâm, nén tâm hương mà thi sĩ Vũ Đình Liên dâng lên lớp người như ông đồ có lẽ dễ làm cay mắt tất cả chúng ta. Mà nào có nhiều nhận gì đâu, một bài thơ thật giản dị, một giây phút xúc

động của nhà nghệ sĩ mà tại sao nó cứ ám ảnh mãi trong lòng người? Bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên có lẽ là một minh chứng thật sống động cho sức sống của những vần thơ giản dị, những vần thơ được cất lên với tất cả tấm lòng thành tâm, với tất cả nỗi đau, niềm thương tiếc của nhà nghệ sĩ nên ta cảm thấy như nó không cần những kĩ xảo, những thủ thuật khéo léo nào. Giản dị trong thơ đâu phải là một “kĩ thuật”, nó tự nhiên đối với những nhà thơ thật sự có tâm huyết, và có tài.

Và chúng ta cũng không nên hiểu giản dị là một sự hời hợt, sự thô sơ. Giản dị, chứ không giản đơn, tâm thường. Giản dị trong thơ như một thứ ánh sáng được lọc qua bảy sắc màu rực rỡ. Nó được biểu hiện ở những vần thơ thật cô đọng hàm súc: giản dị trong thơ không những là sự chân thật của cảm xúc mà còn ở bề mặt của ngôn từ. Nhà thơ Xuân Diệu đã từng nói: *Người làm thơ, phải biết dùng im lặng, tức là phải biết viết một cách hàm súc*. Thơ không cần sự dài lời, sự dông dài, lè loẹt. Có những vần thơ như những thoáng mong manh êm ái của cảm xúc, những rung động rất mơ hồ mà vẫn ngân lên trong tâm hồn người đọc bao nhiêu nỗi niềm:

*Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.*

(Chiều – Xuân Diệu)

Sự giản dị thoát ra từ cái lắc đầu thật đáng yêu của nhà thơ: *Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*. Câu thơ không hề có một phép tu từ nào để người ta phải mổ xẻ, phải tìm kiếm, thế mà mỗi khi đọc lên, ta vẫn thấy đằng sau đó ẩn chứa rất nhiều nỗi niềm, những nỗi niềm không thể toát lên thành lời.

Những nhà thơ lớn, những bút pháp lớn bao giờ cũng tâm niệm về sự giản dị trong thơ. Sự giản dị ấy chính là sự giản dị chân thật của tình cảm được biểu hiện trên bề mặt ngôn ngữ súc tích và cô đọng. Trong thơ, sự dài dòng là điều kiêng kị. Sự ồn ào, khoa trương luôn đi liền với thứ chủ nghĩa tình cảm to tướng mà hời hợt, không sâu. Sự tiết kiệm ngôn từ cho thơ, theo tôi cũng là một sự giản dị trong thơ, và đó cũng chính là một bản khoán, một yêu cầu rất nghiêm ngặt đặt ra đối với nhà thi sĩ.

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, có những người khi đau khổ, họ khóc rất to, ồn ào nhưng sau đó, họ quên đi như chưa bao giờ từng biết đến, nhưng cũng có những người, trước đau khổ biết nén chặt nước mắt lại không cho nước mắt trào ra, và lúc ấy, nỗi đau càng nhân lên gấp bội. Đó là nước mắt chảy vào trong. Nước mắt không trào ra nhưng nó mãi mãi gây xúc động trong lòng người. Sự giản dị trong thơ, xét cho cùng cũng chính là một con đường để nhà thơ khiến cho người đọc phải rung động, phải khóc, cười với những điều viết ra trên trang giấy. Nhà thơ khi sáng tạo nên những đứa con tinh thần của mình, đều khao khát hướng tới người đọc, đi tìm tri kỉ, tri âm, để từ những con chữ sẽ biến thành những nhịp cầu đồng điệu.

Bởi thế nên, thơ của họ luôn khiến cho người ta phải xúc động, phải trăn trở, nghĩ suy. V. Huy-gô đã từng nói rằng: *Nghệ thuật chỉ làm nên những câu thơ, trái tim mới là thi sĩ*. Quả thật, thơ hay là thơ phải khiến cho con người ta phải xúc động tận đáy lòng, khiến cho tâm hồn người đọc cũng bắt nhịp đồng điệu với trái tim thi sĩ. Và muốn như thế, nhà thơ phải sống hết mình cho thơ với bao nhiêu bộn bề cảm xúc của mình. Nhà thơ muốn cho độc giả khóc, trước hết mình phải khóc, muốn làm cho người ta cười, mình phải cười trước đã... có xúc động mãnh liệt, có tâm huyết với từng dòng chữ, từng lời thơ của mình buông ra trên tờ giấy trắng, nhà thơ mới có thể viết nên những vần thơ bất tử. Sự hời hợt cần khô, giá lạnh của cảm xúc chỉ làm nên những trang viết cao đạo, giáo huấn khô khan, xa vời với cảm xúc thơ. Thơ chỉ đến

khi trong tim thi sĩ xúc cảm dâng trào mãnh liệt. Đó là những lúc thăng hoa, những phút giây thần hứng, có khi sáng tạo được những câu thơ hay không ngờ. Có lẽ Hàn Mặc Tử cũng trải qua những phút giây như vậy để viết nên được những dòng thơ tuyệt vời mà đến nay vẫn ám ảnh chúng ta:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.*

(*Đây thôn Vĩ Dạ*)

Câu thơ đầu đầu một nỗi niềm mong đợi, một tia hi vọng mong manh trong sự tuyệt vọng đến quặn lòng của thi nhân. Liệu rồi con thuyền chở đầy trăng ấy có neo đậu được bến bờ ước vọng, và liệu rồi tình yêu thiết tha nồng hậu của thi nhân có tìm được ai chia sẻ? Con thuyền ấy có kịp chở về những hẹn hò, mong nhớ, những đợi chờ khắc khoải mà thi nhân muốn gửi gắm đến người con gái mình yêu? Câu thơ cứ như xoáy vào hồn ta đau đầu một nỗi niềm! Có lẽ những vần thơ khắc khoải ấy đã thoát thai từ một trái tim yêu đang tuyệt vọng không cùng của thi nhân. Những giây phút ấy, Hàn Mặc Tử đã “vất kiệt” bao đau đớn, bao mong nhớ, bao yêu thương tha thiết của mình để dâng cho đời những vần thơ làm xao lòng người đến vậy!

Bản chất của thơ chính là sự bộc lộ sâu sắc của thế giới nội tâm. Thơ, suy cho cùng là tiếng lòng của thi nhân được cất lên từ một sự dồn nén cảm xúc đến cao độ. Nhà thơ lắng nghe những nhịp đập của trái tim mình và viết. Khi anh ta đi tận cùng mình, sống hết mình với những gì mình định viết, anh ta sẽ tìm gặp được tri âm sẽ làm cho người ta xúc động.

Dĩ nhiên thơ không chấp nhận sự xúc động giây lát, thoáng qua, hời hợt, mà cao hơn nó phải vươn tới sự “ám ảnh”. Để đạt được sự “ám ảnh” trong thơ, của thơ, thật chẳng giản đơn chút nào đối với người nghệ sĩ. Có những bài thơ đi qua đời ta mà chẳng để lại một dấu vết gì, nó trôi tuột theo dòng chảy thời gian và chìm vào sự quên lãng. Trái lại có những bài thơ, mới đọc một lần đã thấy có cái gì mới lạ, càng đọc càng bị cuốn hút, càng bị ám ảnh.

Một câu thơ, một bài thơ ám ảnh là một câu thơ, một bài thơ đã để lại trong tâm hồn ta những xúc động sâu xa, có thể niềm vui rạo rức, có thể là nỗi buồn mênh mang, nhưng tất cả đều đầy ấn tượng. Nhà thơ Tô Hữu đã từng nói: “*Bài thơ hay làm cho người ta không còn nhìn thấy câu thơ, chỉ còn cảm thấy tình người. Quên rằng đó là tiếng nói của ai, người ta cảm thấy như là tiếng ca cất lên từ lòng mình, như là của mình vậy*”. Đó cũng là một cách nói về những câu thơ, bài thơ đạt được mức “ám ảnh”, đến và “neo đậu” được trong tâm hồn độc giả. Trong đời tôi, cũng đã từng có những phút giây như thế. Tôi cứ bị hai câu thơ của Xuân Diệu trong bài thơ *Đây mùa thu tới* ám ảnh mãi:

*Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì...*

Có phải vì tôi là thiếu nữ mà tôi thích hai câu ấy không? Hay chính là có lúc tôi cũng đã từng đứng tựa cửa nhìn vào một khoảng không vô định trong cái dáng vẻ đăm chiêu, buồn buồn, nhất là vào những chiều thu khi gió heo may lành lạnh đã về. Nhà thơ không biết người thiếu nữ ấy đang nghĩ ngợi gì, nhưng kì thực lại là rất biết đấy. Tinh tế là vậy, sâu sắc là vậy, chỉ mấy chữ “buồn không nói” và “tựa cửa nhìn xa” là đủ cho ta neo giữ suốt đời những câu thơ như vậy rồi. Câu thơ kết lại một bài thơ, nhưng lại mở ra những chân trời mới bao la, chân trời của sức gọi, của liên tưởng. Không hiểu có cái gì giăng mắc trong hình ảnh thơ, có cái gì ẩn giấu đằng sau

ánh mắt nhìn xa xăm vời vợi ấy mà ta cứ cảm thấy một nỗi u buồn ám ảnh, một điệu hồn buồn thương, xao xác khôn nguôi...

Một câu thơ “ám ảnh” là một câu thơ có sức gợi, nó kết thúc trên ngôn từ, trên các phần thể phách, nhưng linh hồn của bài thơ, sức ám ảnh của nó cứ ngân nga mãi trong hồn người đọc. Đạt được điều đó tức cũng là đạt đến chỗ tinh diệu của thơ. Câu thơ ám ảnh cũng đồng thời là câu thơ phải thật sự tiêu biểu cho một trạng huống của cảm xúc nào đó. Và từ cái cảm xúc ấy, người đọc có khi quên đi chủ thể sáng tạo, quên đi các ngôn từ, mà cảm thấy nó như một tấm gương trong suốt, người đọc soi vào và thấy mình trong đó. Đã có ai xa quê nhà mà không từng nhớ một con đường làng, một dòng sông, một bóng hình thôn nữ, một trưa hè. Hàn Mặc Tử nhà thơ yêu thiết tha sự sống, yêu thiết tha cuộc đời này đã nói hộ cho biết bao thế hệ một thoáng chênh chao trong hoài niệm, trong xác cảm về người con gái của quê hương:

*Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Đọc bờ sông trắng nắng chang chang.*

(Mùa xuân chín)

Người em gái bên bờ sông lấp lóa ánh nắng ấy không còn là của riêng nhà thơ nữa. Hình ảnh thật đẹp ấy đã trở thành một phần trong tâm hồn. Trong kí ức của mỗi người xa quê.

Thơ là như thế, nào có xa lạ gì đâu nhưng vì sao vẫn luôn gây cho ta bao ngỡ ngàng, thích thú, mới lạ. Ta không thể hiểu hết, mà chính những nhà thi sĩ, những chủ thể sáng tạo tràn đầy tâm huyết ấy cũng không thể hiểu nổi mình trên những trang thơ. Có ai làm thơ mà không muốn được ném trái cái hạnh phúc được bạn đọc xúc động, cảm thông. Có ai làm thơ mà không ao ước thơ mình giản dị, xúc động và ám ảnh? Nhưng để đạt được cùng một lúc ba phẩm chất cao quý ấy. Đối với nhà thơ vẫn còn là một điều bí mật, hoặc là một công việc sáng tạo hết sức nghiệt ngã, khó khăn, chẳng dễ một chút nào nếu muốn đi đến tận cùng của chân lí, của cái đẹp, của thơ, của nghệ thuật thi ca.

Sáng tác thơ ca trong hành trình sáng tạo của nhà nghệ sĩ như một bản khúc ca dang dở, chẳng bao giờ kết thúc, bởi họ luôn bị đời sống ám ảnh, trái tim họ luôn luôn trần trở, thao thức, luôn luôn tự vượt mình để hiến dâng cho đời những vần thơ đẹp nhất. Sẽ chẳng có ai đi đến tận cùng của cái đẹp, và cũng chẳng có ai đi tới cái đích tận cùng là của thi ca. Giản dị, xúc động và ám ảnh là ba phẩm chất cao quý nhất của thơ ca và cũng là điểm sáng vẫy gọi nhà thơ trên con đường dẫn đến thơ ca đích thực. Chân lí của thơ ca nói riêng và của nghệ thuật nói chung là sáng tạo.

“Giản dị”, “xúc động” và “ám ảnh” là những cái đích mà nhà thơ cần đạt tới, là một sự bí mật muôn đời đối với nhà thơ trên con đường sáng tạo nghệ thuật. Nhà thơ Trần Đăng Khoa, từ trải nghiệm của bản thân đã có một lời nhận xét thật là thú vị và chuẩn xác vô cùng.

ĐỀ THI

Hãy bình luận về chí anh hùng của tuổi trẻ trong câu ca dao:

Làm trai cho đáng nên trai

Xuống Đông Đông tĩnh, lên Đoài Đoài yên.

và trong bốn câu bài *Chí anh hùng* của Nguyễn Công Trứ:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc

Nợ tang bồng vay giả, giả vay

Chí làm trai nam bắc đông tây

Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể...

Hãy trình bày quan niệm của em về chí anh hùng của thanh niên trong thời đại ngày nay.

Bài đoạt giải Nhất bảng A, kì thi chọn HSG,
của Lê Thị Thanh Tâm,
học sinh trường PTCS Hậu Giang,
tỉnh Hậu Giang, năm học 1989 – 1990

BÀI LÀM

Sự sống đang vỗ nhịp không ngớt vào từng cuộc đời. Đôi khi nó lấn tăn âu yếm, đôi khi nó cuộn cuộn như muốn nghiền nát tất cả. Chính những lúc ấy, khi mà cuộc sống trở nên không chịu được nữa; khi mà phong ba bão táp điên cuồng kiêu hãnh với tất cả thì cũng chính là khi người ta cần đến một sức mạnh tột đỉnh, một ý thức chịu đựng cao. Đối với chúng ta, quãng đời mà ta đã tô lên nó màu xanh ước mơ và màu đỏ khát vọng, quãng đời ta vùng lên mãnh liệt nhất để chống chọi với bão táp, đó chính là những chuỗi ngày ở tuổi thanh xuân, và nhất là đối với nam nhi, lớp người có thể làm nên “mùa xuân của dân tộc” thì sự hi sinh của họ mới thực sự là một ý thức của anh hùng tuyệt vời:

Làm trai cho đáng nên trai

Xuống Đông Đông tĩnh, lên Đoài Đoài yên.

Bắt nguồn từ câu ca dao của dân tộc, sau này Nguyễn Công Trứ cũng từng quan niệm một cách khá phóng khoáng trong bài *Chí anh hùng* về người nam nhi:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc

Nợ tang bồng vay giả, giả vay

Chí làm trai nam bắc đông tây

Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể...

Giờ đây không phải là lúc ta ngồi bên nhau để viết dặm ba câu về nội dung và quan niệm đối với ý chí của người thanh niên. Nhưng rõ ràng không ai phủ nhận rằng muốn làm nên “mùa xuân” trên đất nước này, muốn vực dậy cả một thế hệ thanh niên đã im lìm sau mười mấy năm giải phóng, thì việc đầu tiên đó là phải xác định lại vị trí của người thanh niên, làm sáng tỏ giá trị của quãng đời tuổi trẻ mà ai cũng từng trải qua.

Trước hết, chí anh hùng của tuổi trẻ trong hai câu ca dao đã được khẳng định rõ ràng. Làm trai phải biết và hiểu đúng đắn sức mạnh của giới tính. Tuổi trẻ ở đâu thì phải yên ổn ở đó. Tuổi trẻ ở đâu phải gieo được mầm hạnh phúc và bình yên ở đó. Đây là một quan niệm đúng đắn và sâu sắc. Không nói đến ý thức hệ của giai đoạn phát sinh câu ca dao, ta thấy cái nhìn của người xưa mang tính xã hội cao. Rõ ràng, người thanh niên bao giờ cũng là trụ cột từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Một cụ già, một chị phụ nữ yếu ớt không thể vững vàng đứng mũi chịu sào như một người thanh niên. Sự phát triển sinh lí bình thường của người nam giới cũng đã nói lên điều

đó. Như vậy, từ thực tiễn để đi đến nhận xét, tổng kết ngắn gọn, ông bà ta đã khẳng định phần nào tầm vóc giá trị của người con trai, đồng thời nêu được một quan niệm rõ rệt về chí anh hùng của người quân tử.

Nhưng phải đến Nguyễn Công Trứ thì quan niệm ấy được khắc họa rõ hơn và mang ít nhiều sắc thái quan điểm Nho học: *Nợ tang bồng vay giả, giả vay*. Nguyễn Công Trứ đã biến cái nhìn bao quát của người xưa thành một ý thức về chí anh hùng của người quân tử. Đối với ông, người con trai phải tung hoành giữa đất trời, nghĩa là mở rộng lên cả vũ trụ, bao trùm lên hết cuộc sống. Người con trai phải biết xoay đất chuyển trời, vùng vẫy khắp Nam Bắc Đông Tây Nam Bắc, đem hết sức lực để cải tạo và xây dựng cuộc sống. Cởi bỏ những quan niệm khát khe và cổ hủ của Nho học, ngoại trừ khả năng riêng của giới tính, thì ý thức về nhiệm vụ của người thanh niên trong mấy câu thơ của Nguyễn Công Trứ thật tuyệt vời. Chưa bao giờ hình ảnh người thanh niên được nhân lên tâm cao đôi với thời đại đẹp đẽ đến thế! Thanh niên lúc này không thể “chết già ở xó cửa” được. Thanh niên chỉ có một con đường, đó là dùng sức lực và trí tuệ để tái tạo cuộc sống. Từ thực tế, ta có thể thấy lời của nhà thơ là đúng đắn. Ngoài cuộc đời Nguyễn Công Trứ cũng là một nhân tố tích cực trong những năm tuổi trẻ. Ông làm quan vào năm đã trên bốn mươi tuổi, nhưng cả tuổi trẻ, ông đã hiến dâng trọn vẹn sức lực và trái tim cho công cuộc xây dựng đất nước. Và ở thời đại hôm nay, có ai quên được người thanh niên ra đi tìm đường cứu nước khi mới hai mươi một tuổi với hai bàn tay trắng: anh Ba, người làm bếp trên tàu buôn của Pháp năm xưa ấy chính là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Phải! Bác đấy! Người đã đem cả tuổi thanh xuân của mình đổi lấy mùa xuân cho dân tộc. Rõ ràng, ngay cả trong cuộc sống thực tại, quan niệm của Nguyễn Công Trứ cũng đúng đắn vô cùng.

Nhưng không phải chỉ có riêng cuộc sống bên ngoài chấp nhận cái quan niệm ấy mà cả tám gương văn học cũng công nhận. Cái gì đã làm ta yêu mến Pa-ven? Bởi tâm vóc tư tưởng lớn lao ư? Hay chính bởi một ngọn lửa tuổi trẻ luôn luôn nồng cháy: *“Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và đốn hèn của mình, để đến khi nhắm mắt xuôi tay, ta có thể nói rằng: tất cả đời ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người”* (Thép đã tôi thế đấy – Nhi-cô-lai Ô-xơ-trốp-xki). Quan niệm về cuộc sống và ý thức vươn lên đấu tranh với những giông tố của cuộc đời, theo nhà văn Ô-xơ-trốp-xki có gì là khác với ý chí vẫy vùng ngang dọc của Nguyễn Công Trứ? Không! Ở một khía cạnh nào đó, hai tư tưởng này vẫn gặp được nhau. Sự gặp nhau trong tư tưởng của họ là điều mà chúng ta cần suy nghĩ.

Trở lại với câu ca dao từ ngàn xưa để đi đến cái nhìn của Nguyễn Công Trứ, ta có thể khẳng định yếu tố đúng đắn trong những câu thơ ấy, hay đúng hơn là những quan niệm ấy. Tất nhiên, ta phải loại trừ khả năng hơi lệch về người con trai trong quan điểm Nho học vì ta đang nói tới chí anh hùng của tuổi trẻ biểu hiện trong ý thơ.

Quảng mình vào mặt biển mênh mông của thực tại, mỗi chúng ta có lẽ bất giác giật mình. Đã lâu lắm rồi, ta chẳng còn thấy những sự bùng lên mạnh mẽ trong bầu nhiệt huyết của thanh niên nữa. Hình ảnh những cô gái chàng trai bên đèo mây, trên tầng núi đá không còn là sự thường xuyên nữa. Mà cuộc sống thì bao giờ cũng đi lên phía trước, ở thời đại hôm nay, chí anh hùng của người thanh niên thật ra không mang trọn vẹn những quan niệm mà chúng ta vừa nói đến. Nhưng “chí anh hùng” của tuổi trẻ hôm nay vẫn xuất phát từ tinh thần ấy. Tất nhiên, giặc ngoại xâm giờ

cũng chẳng còn để ta có thể dẹp yên hay *phỉ sức anh hùng trong bốn bể*, nhưng sự lạc hậu trì trệ còn nguy hiểm hơn nhiều. Người thanh niên hôm nay anh hùng, đó không phải chỉ là cầm cây súng bảo vệ Tổ quốc mà còn là sự dũng cảm chiến đấu với những sai lệch của thực tế và của chính mình. Vì có chiến đấu với những cái sai trái thì mới có thể xác định được vị trí của mình trong cuộc sống, mới biết “mình là ai?”. Nhất là trong khoảnh khắc thời gian nóng bỏng của lúc này, khi con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa đã đầy rẫy nhọc nhằn và chông gai, thì “chí anh hùng” của người thanh niên mới thực sự quan trọng.

Người thanh niên mới giờ đây phải xông ra để điều chỉnh cán cân công lí và bảo vệ công bằng xã hội. Cũng như Phan Bội Châu từng khuyên: *Ghé vai vào gánh vác cày giang sơn (Bài ca chúc Tết thanh niên)*. Cái “ghé vai” của người thanh niên phải thể hiện đầy đủ ý thức phục vụ và trách nhiệm của mình. Đó không phải là cái “ghé vai” thường tình mà phải mang sức nặng của cuộc sống, phải làm cho người thanh niên ấy đổ mồ hôi, “sôi trái tim” và bần bật một tình yêu quê hương mãnh liệt. Có như thế, người thanh niên mới thực sự là một “đáng anh hùng”. Và có như thế thì lớp trẻ ngày nay mới đuổi kịp đàn anh đi trước – lớp người đã từng một thời vẻ vang trong khói lửa chiến đấu.

Nói tóm lại, đi từ quan niệm của người xưa về người con trai, đến quan niệm của Nguyễn Công Trứ về chí anh hùng của người quân tử, ta có thể có một khái niệm tròn trịa về ý chí và sức mạnh chiến đấu của người con trai nói riêng, của tuổi trẻ nói chung. Và với khái niệm ấy, ta có thể hình thành một quan niệm đúng đắn về chí anh hùng của tuổi trẻ trong thời đại hôm nay.

Một ngày chúng ta còn cất tiếng hát: “Là thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh” thì chúng ta còn phải chiến đấu, bằng tất cả sức lực tuổi thanh xuân, bằng trí tuệ của những con người đến độ tung hoành để xứng đáng với tấm áo choàng rực rỡ Hồ Chí Minh mà thanh niên ta đang mang; để đừng bao giờ hổ thẹn rằng: ta đã để tuổi trẻ đi qua thật vô ích.

Riêng em, em nghĩ rằng cuộc sống tôi luyện cho con người ta ngày một dày chính là khi đang ở tuổi thanh xuân. Em sẽ cố gắng vững vàng vươn lên để một ngày ở trên tầm cao của thời đại, em và tất cả lớp thanh niên hôm nay sẽ tự hào mà nói rằng: “Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”.

ĐỀ THI

Qua các đoạn trích đã học và hiểu biết của em về “Truyện Kiều”, hãy trình bày nghệ thuật miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật của Nguyễn Du.

Bài thi đoạt giải Nhì, bảng A kì thi HSG Văn toàn quốc
của Trần Thị Cẩm Thanh,
học sinh lớp 9A, trường THCS Trưng Nhị,
Thành phố Hà Nội, năm 1990 – 1991

BÀI LÀM

Xanh Bơ-vơ (Sainte Beuve) đã nói đại ý: nếu chọn nhà văn tiêu biểu cho từng nước thì nước Anh, ông sẽ không ngần ngại chọn Séch-xpia, nước Pháp: Mô-li-e và nước Đức: Gót. Còn tôi, nếu có quyền được chọn, tôi sẽ không đắn đo nêu tên Nguyễn Du cùng kiệt tác *Đoạn trường tân thanh* (Khúc ca mới đứt ruột). Đó là tác phẩm mà nhân dân ta quen gọi *Truyện Kiều* – một trong những đỉnh cao chói ngời của nền văn học Việt Nam, nền văn học thế giới. Làm nên giá trị bất hủ của tác phẩm

này có nhiều nguyên nhân song một điều không ai có thể phủ nhận được là tài nghệ miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật sắc sảo của Nguyễn Du.

Trước hết, nói về nghệ thuật miêu tả nhân vật rất chân thật, sống động của Nguyễn Du. Một điều rất dễ nhận thấy là sự khác biệt trong cách miêu tả nhân vật chính diện và nhân vật phản diện của Nguyễn Du. Trong quan niệm của Nguyễn Du, các nhân vật mang trong mình đỉnh cao của chân – thiện – mỹ đều được khắc họa bằng hàng loạt điển cố với bút pháp ước lệ. Với chị em Thúy Kiều là: *Mai cốt cách, tuyết tinh thần*; Kim Trọng phải là:

Tuyết in sắc ngạ câu gòn

Cỏ phai màu áo nhuộm non da trời.

Còn Từ Hải, người anh hùng cái thế, ta lại bắt gặp:

Râu hùm, hàm én, mày ngài

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

Đường đường một đấng anh hào

Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài

Đội trời đạp đất ở đời

Họ Từ tên Hải, vốn người Việt Đông

những tiêu chuẩn, những kích thước điển hình của một trang hảo hán. Ngược lại, ở những nhân vật phản diện, bút pháp của Nguyễn Du lại rất thực tế, sinh động đến mức trần trụi. Mã Giám Sinh là con buôn và cũng là gã trai lơ, hấn cần một vẻ ngoài chải chuốt, diêm dúa ư? Thì đây: *Quá niên trạc ngoại tứ tuần/ Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*. Còn Sở Khanh, kẻ bạc tình nổi tiếng lầu xanh, Nguyễn Du khoác cho nó cái hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng để đi quyến rũ những “cảnh phù dung”. Ông đã khắc họa rất điển hình, chọn lọc, chi tiết đến mức gặt gao để làm nổi bật lên dáng vẻ của từng hạng người. Tú Bà – mẹ *gái làng chơi đã về già hết duyên*, nghề nghiệp tạo cho mẹ cuộc sống lấy đêm làm ngày, nó để lại nước da “nhờn nhợt” xanh bủng beo của mẹ. Và Tú Bà, chủ nhà chứa quen “ăn gì” nếu không phải là những đồng tiền nhầy nhựa, bóc lột của gái lầu xanh mà mẹ ních chặt đến “đầy đã làm sao”. Hoạn Bà là một tể tướng phu nhân được Nguyễn Du biến mẹ thành một pho tượng bệ vệ, quảng phịch xuống cái “giường thất bảo”, giữa cái nhà mà “ban ngày sập thấp” kia.

Đặc biệt, bạn đọc bao thế hệ rất khâm phục cái tài tả người mà như dự báo cho cả cuộc đời nhân vật ở Nguyễn Du. Khi tả Thúy Vân:

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Và khi tả Thúy Kiều đẹp đến mức: *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*, Nguyễn Du đều có dụng ý cả. Trên thì “thua”, “nhường” là “sắc trung chi hiền”, dưới lại “ghen”, “hờn”, “sắc trung chi thánh”. Tả sắc mà đến bậc ấy thì quả là Nguyễn Du đã khổ công hun đúc, chọn chữ để tả ra cho rành. Ai đã nhận xét như vậy, quả là chí lí. Chẳng trách sau này, khi cảnh nhà nguy biến, trong khi Kiều: *Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn* bởi “nỗi mình”, “nỗi nhà” thì Vân vẫn ngon lành giấc xuân; trong khi Kiều lênh đênh trong bể “đoạn trường” thì Vân vẫn đề huề sống cùng Kim Trọng. Tả người đến mức như vậy, hỏi ai hơn được Nguyễn Du?

Sang góc độ khắc họa tính cách nhân vật mới càng thấy hết “tay tiên” của Nguyễn Du “gió táp mưa sa” đến mức nào. Đi vào tính cách, vào nội tâm con người

đâu phải chuyện đơn giản nhưng Nguyễn Du đã vượt qua thử thách đó tưởng chừng rất nhẹ nhàng, đơn giản.

Tả tính cách mà giới thiệu thẳng như khi tả Hoạn Thư:

Ở ăn thì nét cũng hay

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

thì không nói làm gì, và nếu chỉ có thế thì *Truyện Kiều* cũng không còn sống được với chúng ta đến hôm nay. Chúng ta hãy cùng khám phá cội nguồn đã làm cho tác phẩm còn dào dạt tuôn chảy đến muôn đời.

Trước hết, mượn ngay bút pháp miêu tả, Nguyễn Du đã khắc họa rất thành công tính cách nhân vật. Nhà phê bình Xuân Diệu đã từng rất tâm đắc với từ “thốt” trong bức chân dung nàng Vân:

Hoa cười ngọc thốt đoan trang.

Quả thật, nếu thay “thốt” bằng “nói” thì thành ra Vân cười cười nói nói suốt ngày, còn đâu vẻ “đoan trang” nữa. Còn “thốt” là thỉnh thoảng mới nói, nói đúng lúc. Có thể mới thấy cái dụng công tột bậc của cụ Tiên Điền. Còn Sở Khanh, đàn ông gì mà *hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng*. Mã Giám Sinh, đáng mà râu gì mà “mày râu nhẵn nhụi”, theo cái nhẵn nhụi ấy, theo cái chải chuốt đến trơn tuột của lụa là cũng tuột đi mất cái tính cách của một đáng trượng phu, chỉ còn lại một gã lái buôn, một kẻ bạc tình.

Cũng chỉ cần vài hành động điển hình thôi, Nguyễn Du cũng đã giúp người đọc “đi guốc” vào tim gan nhân vật. Với hành động đầy mờ ám: *Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào*, có khó gì không đoán được tâm địa phản trắc đầy âm mưu đen tối của Sở Khanh? Còn Kiều, nếu có đi theo hán chỉ là *cũng liều nhắm mắt đưa chân* trong cơn tuyệt vọng cùng cực của cô tiểu thư lá ngọc cành vàng thoát bị xã hội xô xuống bùn đen mà thôi. Rõ nhất là ở Từ Hải. Dường như sự xuất hiện của con người này luôn luôn đột ngột, bất ngờ:

Bồng đầu có khách biên đình sang chơi.

Sau này, trong lời kể của viên lại họ Đô về Từ Hải cho chàng Kim, ông cũng dùng từ “bồng”. Từ Hải là thế đó! Chàng đến, chàng đi đột ngột như gió lốc, quét hết mọi dơ bẩn, đưa lại hạnh phúc cho con người. Chàng như ánh sao băng vụt loé sáng, xé rách màn đêm trong *đêm trường dạ tối tăm trời đất*. “Bồng đầu” *Truyện Kiều* bừng sáng sau bao nhiêu “cung gió thảm mưa sầu”.

Ngôn ngữ cũng được Nguyễn Du tận dụng tối đa để làm bật lên tính cách nhân vật. Chỉ đọc những dòng “ghi âm” lời Hoạn Thư:

Làm cho cho một cho mê

Làm cho đau đớn ê chề cho coi.

Cũng phải sờn gai ốc vì cái giọng đay nghiến như muốn dí đầu người ta xuống, róc thịt người ta ra của mẹ. Và giọng lưỡi Tú Bà:

Màu hồ đã mất đi rồi

Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma.

Những bài học vỡ lòng trong làng chơi được mẹ truyền cho Kiều đã khiến Xuân Diệu cảm thấy “mẹ chỉ nói trong mấy phút mà bọt mép của mẹ văng đến nghìn năm”. Có lẽ, đối với những con người như Tú Bà, Hoạn Thư thì ngôn ngữ lại là cây bút rất tốt để vẽ lên tâm địa của chúng. Và Nguyễn Du đã rất thành công.

Một phương pháp điển hình trong nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, một bút pháp quen thuộc của các nhà viết tiểu thuyết, truyện ngắn: đặt nhân vật vào hoàn

cảnh điển hình. Kiều là nhân vật được khắc họa đạt nhất bằng phương pháp đó. Không gì điển hình hơn khi đặt Kiều trong thế đối lập với lễ giáo phong kiến. Trước tình yêu chớm nở với Kim Trọng, lễ giáo phong kiến nghiêm khắc và nghiệt ngã buộc “nam nữ thụ thụ bất thân” nhưng Kiều vẫn chủ động đến với Kim Trọng: *Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa, đem về vẫn mơ tưởng:*

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không.

Cách xử thế ấy đã làm bao nhà nho xưa chau mày, bặm môi, và ngay cả đến bây giờ cũng chưa hết khiến chúng ta bàng hoàng. Cũng phải đặt con người “hiếu trọng tình thâm” ấy giữa một bên là cha và em đang chịu cảnh *ruồng cao rút ngược dây oan* với một bên là mối tình đầu chớm nở mới thấy hết giá trị, sức nặng của câu nói đầy nước mắt: *Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha*, mới thấy hết hiếu nghĩa ở Kiều. Đây cũng là con người sống có trước có sau. Làm sao quên được hình ảnh: *Từ công sánh với phu nhân cùng ngòi?* Khi có quyền hành trong tay, Kiều bỏ ra bao bạc vàng, lụa là đền ơn những người đã cứu giúp nàng trong những năm tháng tủi nhục, đau khổ và kiên quyết tuyên án gia hình *những phường bạc ác tình ma* đã đẩy nàng xuống bùn đen. Chưa bao giờ Kiều hiện lên sắt đá, quyết đoán đến thế. Thật là con người tình, hiếu, nghĩa vẹn toàn! Đặc biệt, Từ Hải là anh hùng nhưng cũng là con người biết rung động trước cái đẹp, trước sự yếu ớt. Không gì hơn khi đặt chàng trong cuộc gặp gỡ với Kiều nơi lầu xanh chứ không phải trong cuộc chiến đấu nơi trận tiền để khắc họa tâm lòng cao quý của người anh hùng ấy. Đó là cái độc đáo và cũng là sáng tạo rất thành công của Nguyễn Du.

Điều làm ta ngỡ ngàng nhất là “bút pháp phân tích tâm lí tàn nhẫn”, theo cách gọi của Phan Ngọc, ở Nguyễn Du. Nhân vật của ông hiện lên rất người. Trong *Truyện Kiều*, còn ai được ông yêu thương hơn Thúy Kiều và Từ Hải. Thế nhưng, Nguyễn Du vẫn làm chủ được ngòi bút của mình. Cái gì phải đến nó sẽ đến. Con người bao giờ cũng là con người với tất cả cái mạnh, yếu của mình. Đến một lúc nào đó, nàng Kiều sau bao nhiêu “gió đập sóng va” sẽ phải mệt mỏi hải hùng, phải “xiêu” trước “lễ nhiều nói ngọt”, trước bả vinh hoa mà Hồ Tôn Hiến đưa ra để khuyên Từ Hải hàng. Và Từ Hải, con người hùng ấy, trước kia đã từng xiêu trước “tám lòng nhi nữ”, giờ nghe vợ tí tê tha thiết đến thế cũng phải loay loay việc quân và cuối cùng ra hàng là điều dễ hiểu. Chúng ta chẳng trách họ, con người chứ có phải gỗ đá đâu. Và ta càng thêm phục Nguyễn Du.

Có người khi nhận xét bức tranh vẽ ngựa nói: “Từ khi có con ngựa ấy trên đời không còn gì đáng gọi là ngựa nữa”. Cũng có thể nói, từ khi các nhân vật trong *Truyện Kiều* ra đời, nó mang tính điển hình đến mức hễ nói đến chàng bạc tình là nói: *Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào* và nói đến sự ghen tuông cay nghiệt là ta biết ngay đến “máu ghen Hoạn Thư” cũng trở thành một thành ngữ. Thế mới biết tài Nguyễn Du.

Mắt khen nét bút càng nhìn càng tươi.

Nét bút Nguyễn Du, nghệ thuật miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật của Nguyễn Du sẽ làm cho *Truyện Kiều* sống mãi.

ĐỀ THI

Phân tích bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

**Bài đoạt giải Nhất kì thi chọn HSG quốc gia,
bảng B đề 2 của Phạm Thị Hải Yến,
học sinh trường THCS Vũng Tàu, năm học 1990 – 1991**

BÀI LÀM

Giữa cuộc sống xô bồ, hối hả, đôi lúc ta giật mình sửng sờ trước một nét đẹp vọng vào tận đáy lòng sâu kín, thức tỉnh dậy hồn dân tộc thiêng liêng, và khi ấy, ta chợt nhận ra nhịp sống trôi qua đã làm ta bỏ quên bao điều thanh cao, đẹp đẽ.

Đó là cảm giác của tôi khi đọc bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên, một bài thơ mà theo tôi, nó không bao giờ là cũ dù đã được ra đời cách đây mấy chục năm.

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.

Ngược dòng thời gian về với Hà Nội xưa, ta sẽ thấy những hình ảnh quen thuộc ở một góc phố rêu phong nào đó, những ông già quắc thước với nghiên mực tàu, tờ giấy đỏ để mang đến cho người qua đường một niềm vui nho nhỏ mà trang trọng. “Mỗi năm hoa đào”, câu thơ gọi lên một cái gì rất đều đặn, thường kì:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già.

“Mỗi năm”... “lại thấy”, tức là nụ hoa đào hồng rực chúm chím và những ông đồ già xuất hiện trên phố xưa là hai hình ảnh gắn với nhau, là biểu tượng của mùa xuân, của một năm hết, Tết đến. Hai hình ảnh ấy đối xứng với nhau trong hai câu thơ đầu, làm sống dậy trong lòng người ta cái quen thuộc xa xưa, đúng là xa xưa vì tuy nhà thơ chưa nói tới chuyện hôm nay nhưng dõi theo nhịp thơ, ta thấy nhà thơ như muốn gọi về một kỉ niệm. Đã “một năm” rồi “lại thấy”. Từ kết của câu thơ đầu là một thanh trắc sau hai thanh bằng. Từ kết câu thơ thứ hai là ba thanh bằng trầm vang, và ba chữ “ông đồ già” là âm vang của tiếng gọi ấy, âm âm lòng người, gọi lên nỗi bồi hồi lan tỏa. Cảm xúc ấy làm đậm khiến cho ta nhớ lại “cụ già” đang *bày mực tàu giấy đỏ ở bên phố đông người qua*. Tứ thơ kết thúc hoàn chỉnh hình ảnh ông đồ xuất hiện trên đường phố mỗi dịp năm hết Tết đến, cái hình ảnh làm giật mình người qua đường đang hỏi hả: Ô, đã Tết rồi đấy nhỉ! Cách miêu tả rất thông thả, phản ánh đúng những động tác khoan thai của ông đồ già, và phần nào công việc của ông trở nên thi vị biết bao. Ta như không nghĩ đến cái thực tế của công việc, mà tưởng như ông già bày nghiên mực ấy đang tận hưởng một thú vui của những nhà nho xưa. Tưởng như đang thấy ông vuốt râu cười hiền hòa khi nhìn trên đường phố dòng người xuôi ngược. Rất dân tộc, rất Việt Nam. Cả khổ thơ lan tỏa ra cái tình man mác và ấm áp lòng người.

Và ông đồ chẳng phải nhọc công:

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài:

“Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay”.

Mỗi năm ta có một dịp Tết cổ truyền. Tết đến làm lòng ta rạo rực, băng khuâng. Và như một nét cố hữu của từng người xưa, người ta xóa bỏ những cái cũ của cảnh vật và lòng mình, thay vào đó là màu sắc tinh khôi của mùa xuân. Một vương lụa hồng tươi rói thay cho vương vải bạc nâu ở công chợ thôn quê. Một màn mưa bụi li ti đậu vào cành khô nâu gầy guộc, như một phép thần, làm nảy lên những búp non mơn mớn của sự sống. Mái ngói đỏ, tường vôi trắng, cả hồn người cũng thấy trẻ trung, phơi phới. Và một nét không thể thiếu được của Tết xưa, đó là những câu đối mới treo dưới bàn thờ tổ tiên:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Một câu đối thường có hai vế, viết bằng chữ Hán, trên hai mảnh lụa điều hoặc hai mảnh giấy dài dán song song với nhau hai bên bàn thờ, cái vị trí trang trọng nhất trong mỗi ngôi nhà Việt Nam. Một câu đối cũng như một cái hồn của ngôi nhà, không chỉ là cái tình của câu chữ mà còn là một nét tinh thần rất thanh cao. Ngày xưa, những người hiếu học thường đem giấy bút đến nhà thầy xin câu đối về treo Tết, coi đó là một việc làm trang trọng biểu lộ truyền thống hiếu nghĩa thầy trò. Một câu triết lí, một quy tắc sống... trở thành hai câu đối vắn, đối thanh, đối nghĩa chặt chẽ, làm cho người nhận hể hả, tâm đắc, người thảo ra thỏa mãn, hài lòng. Câu đối là những cái không thể thiếu trong ngày Tết dân tộc xưa, bên cạnh tranh tứ quý, bên nắm đậu xanh, bó lá dong, thềm nước dứa và cảnh đào Nhật Tân chúm chím khoe sắc.

Ta trở lại với ông đồ già viết câu đối của Vũ Đình Liên, của phố phường Hà Nội xưa. Ông đồ già tài hoa đã không phụ lòng người hiếu học, và những người kia cũng không phụ lòng ông đồ già.

Bao nhiêu là người thuê ông đồ viết, dù là “thuê” thôi, thời ấy chắc một hai đồng kẽm, chắc hẳn chỉ đủ cho ông mua giấy mực, và mua cái áo mới cho đứa cháu nhỏ, nhưng cũng thật đáng quý. Đáng quý ở chỗ người Hà Nội xưa nói riêng và người Việt Nam ta nói chung, có “bao nhiêu người” muốn có một câu đối, có nghĩa là một quan niệm sống mới, một quy tắc sống đẹp và một sức cảm nhận thanh tao, bay bổng. Cái truyền thống hiếu học, luôn hướng về những nét đẹp truyền thống là đáng quý lắm chứ! Cố nhiên cũng có những người trong đám đông ấy chẳng hiểu hết câu đối, đơn giản làm theo tục lệ xưa, nhưng cũng biết *tám tắc ngợi khen*, biết cảm thụ cái đẹp, biết trầm trồ trước những nét chữ *như phượng múa rồng bay*. Chừng ấy đủ làm nên cái đẹp cho phố phường, cái sức hút riêng của dân tộc, của cuộc sống. Nhà thơ dùng từ rất dân dã mà chính xác: “tám tắc”, “ngợi khen”, “hoa tay”, “rồng bay”, “phượng múa”. Ông đồ già của chúng ta phải tài hoa lắm, bởi năm nào ông cũng bày nghiên bút viết câu đối cho khách qua lại đem về treo Tết.

Những năm xưa là thế. Hoa đào nở báo hiệu mùa xuân về, là lúc đó ông đồ lại bày nghiên mực, giấy bút bên đường phố đông người để viết câu đối, vì đời sống tinh thần cao của người Hà Nội. Còn năm nay thì sao? Ta có còn thấy cảnh những người xúm quanh những câu đối đỏ tươi rói màu mực tàu đen nhánh mà tám tắc ngợi khen tài hoa của ông nữa không?

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

Có thể đường vẫn đông, mà “vắng” ở đây là vắng cái đám đông xưa *bao nhiêu người thuê viết*. Nhà thơ như thay lời những người qua đường, thay lời ông già hỏi có phần ngạc nhiên, mà cũng pha chút chua xót: *Người thuê viết nay đâu?* Càng năm càng vắng, những câu đối ngày càng bớt đi. Chắc hẳn ông đồ già đã rảnh tay. Phố phường qua lại tấp nập, và càng thấy tàn nhẫn bởi chẳng ai còn nhòm ngó đến ông già bên lề đường. Còn đâu cảnh tíu tít luôn tay xưa! Ta thấy rõ tứ thơ toát lên nỗi buồn thảm lặng của ông già viết câu đối, bởi dù tác giả không nói ra nhưng *người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* (Truyện Kiều – Nguyễn Du). Giấy đỏ như bầm lại chứ không tươi rói màu son, nghiên mực thôi sóng sánh đen đặc, mà là “giấy buồn”, “nghiên sâu”. Bởi ông đồ ngồi buồn rười rượi, cho nên nói “nghiên sâu” là nhà thơ có dụng ý phản chiếu tâm hồn ông đồ già viết câu đối, phút chốc ta thấy nỗi buồn của ông như chiếu lên nghiên mực, thấm nặng trĩu tờ giấy đỏ, tất cả thành nỗi buồn u ám, ảm đạm, trĩu nặng trong lòng ông đồ và trong lòng nhà thơ. Từ “đọng” kéo nỗi buồn ấy trĩu xuống, “sâu” kéo dài nỗi lòng ông đồ ra, với dấu ba chấm như lan tỏa lắng đọng trong không gian, trong lòng ông đồ già. Người càng vắng nỗi buồn ấy càng dày thêm, càng làm người đọc trĩu nặng:

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.*

Nghiên ngẫm bốn câu thơ mà tôi muốn ứa nước mắt. Khóc cho sự thờ ơ của người đời trước cái đẹp tinh thần của dân tộc. Khóc cho ông đồ già trở nên bé nhỏ như người thừa, với những câu đối đã trở nên lỗi thời bên dòng đời cuộn chảy. Ông đồ vẫn ngồi đấy, vẫn như xưa nhưng người qua đường không ai hay. Hai câu thơ hết

sức thành công, vẽ nên rõ ràng trước mắt ta một cảnh tượng đau lòng. Một ông đồ già râu tóc bạc phơ, ngồi còm cõi rũ vai gầy bên lề đường, con đường vẫn đông đúc nhưng chẳng còn ai đông cảm, băng khuâng trong một khoảnh khắc nào đó khi thấy ông đồ và mùa xuân đã đến, chẳng còn quan tâm đến câu đối Tết ngày xưa. Họ hối hả tiếp tục công việc của mình. Còn lại ông đồ vẫn ngồi đấy, giữa phố phường sang xuân, bên nghiên mực tàu, giấy, trước người qua lại thờ ơ, lạnh nhạt. Sự thờ ơ, lạnh nhạt đến ghê người, bởi vì nó vô tình. Chính cái vô tình của người đời là cái làm lòng ta chua xót, hơn cả sự cố ý của họ, bởi cố ý là cũng còn nhớ đến, còn vô tình thì đã quên rồi, quên nét đẹp cổ truyền của dân tộc, nét đẹp của tâm hồn con người, dù chỉ là trước những câu đối đó.

Nỗi buồn của ông đồ không còn lắng đọng lại chỉ trong nghiên mực, bút lông, trang giấy, mà lan ra không gian. Kì lạ thế, cái không khí Tết ngày xưa có người tập nập, có cảnh đào nhà ai chúm chím nụ hoa, có sắc đỏ tươi của giấy, có lời cười nói ngợi khen, là cái Tết lòng người còn hướng về cái sâu xa cổ truyền của dân tộc. Cái Tết hôm nay cuộc sống xô bồ, hối hả, người ta sống gấp, sống vội, thì chỉ thấy lá vàng, mưa bụi, và cả lá, mưa cũng thờ ơ, vô tình. Phải chăng khi mất đi cái đẹp của tâm hồn, mất đi cái cội nguồn dân tộc trong tiềm thức, cuộc sống trở nên ảm đạm hơn? Phải, ta sống hối hả và thực tế quá, nên quên đi những quy tắc nhỏ nhất của cuộc sống tâm hồn, quên đi việc trọng tài hiếu nghĩa, và quên cả rằng chính những điều đó tạo nên cái đẹp cho cuộc sống, cái đẹp ấy không có gì thay thế được, bởi nó bắt nguồn từ hồn người. Ông đồ già với câu đối cổ truyền ấy chính là những điều rất nhỏ mà cũng rất lớn, chúng ta đã bỏ quên tất cả bên lề cuộc sống, đi qua rồi mà không hay. Ông đồ bị hất bên lề đường chỉ còn sống với lá vàng, với mưa bụi, với thiên nhiên và con người nay đã trở nên thờ ơ, lạnh lẽo. Lá vàng, những chiếc lá cuối đông cùng thả mình trên trang giấy đỏ, xưa hồng như hoa đào nở của buổi xuân sang. Mưa bụi bay vu vơ ngoài đường, đậu bắt chọt lên vai ai đó. Cả tứ thơ toát ra cái ảm đạm, lạnh lùng của tâm hồn người và cảnh vật, đến xót xa chua chát. Có lẽ đây là khổ hay nhất trong bài thơ. Cái thờ ơ của lòng người với cái vô tình của thiên nhiên kết hợp hòa quyện với nhau tạo nên cảm giác nào nề kì lạ cho người đọc. Cái phó “đông người lại qua” với cái phó “mưa bụi bay” đối lập nhau càng làm nổi bật cái không khí ảm đạm của cảnh sắc cũng như tâm hồn:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Khổ thơ kết thúc có vẻ như tàn nhẫn. Dù “vắng” đến “không ai hay”, nhưng ông đồ vẫn kiên nhẫn ngồi chờ bên con đường khách vô tình qua lại. Năm nay, lại một mùa hoa đào nở, nhưng hình ảnh ông đồ già viết câu đối không còn nữa. Thế là một cái nghề, cái nghề làm giàu cho tâm hồn con người, làm đẹp cho dân tộc không còn nữa. Người ta không còn tâm tắc khen những bức câu đối đẹp mà chẳng làm ra những giá trị thực tế, chẳng còn thời gian để lòng mình rung động trước hình ảnh cổ xưa thiêng liêng mà đơn giản. Và sự vắng mặt của ông đồ chắc chỉ kịp lưu tâm người khác. “Tội nghiệp, chắc ông cụ mất rồi” và chút lòng trắc ẩn ấy *chưa nòng trên má khách đã phơi pha*. Câu thơ có cái gì đó lưu luyến đậm đà, không chỉ thế mà còn là buồn đau: *Không thấy ông đồ xưa*. Liệu còn bao nhiêu người như bài thơ, còn nhớ đến ông đồ già mỗi năm xuất hiện lúc hoa đào nở? Ta thấy lòng nhà thơ thật đáng

quý, đáng quý giữa bao nhiêu tấm lòng ngội lạnh, thờ ơ trước những gì cao quý, thiêng liêng dù nhỏ nhất của cuộc sống. Nỗi buồn của tác giả lắng đọng trong mỗi câu thơ, nó khác hẳn nhịp thơ tron tru êm đềm của một kí ức đẹp ở những khổ đầu, mà trĩu xuống u buồn. Cái bồi hồi đã trở thành xót xa:

*Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Cứ đọc kĩ mà xem, sẽ thấy cái xót xa thấm đậm quay cuồng trong câu hỏi cuối: *Những người muôn năm cũ*, những người ấy là những tâm hồn cao đẹp thanh cao bên câu đối đỏ của ông đồ, hay những ông đồ trên phố phường Hà Nội xưa? Tôi nghĩ là cả hai. Thắc mắc của tác giả là rất có lí, và chính vì có lí nên nó thật tàn nhẫn và đau lòng. Những cái đẹp cao quý sâu kín, cái đẹp của hồn người Hà Nội, cái đẹp của hồn người Việt Nam cứ ngày càng mai một, càng bị cuộc sống với những quy tắc thực tế lấn át, chà đạp và xô đẩy sang bên lề đường, để rồi biến mất như ông đồ già kia, và có lẽ mãi mãi không còn nếu như không có những Vũ Đình Liên đáng cảm phục. *Hồn ở đâu bây giờ?* Câu hỏi ấy là tiếng chuông cảnh tỉnh người đọc ở mọi thế hệ, mọi thời đại, thức dậy những gì sâu xa đã bị lãng quên, chôn vùi dưới cuộc sống ồn ào náo nhiệt. Làm sao để tìm lại cái hồn thanh cao cho mỗi con người Việt Nam, để khôi phục lại cái hồn cho cả dân tộc, đó là nhà thơ Vũ Đình Liên muốn nhắn gửi chúng ta.

Tôi xin lạc ra khỏi đề đề liên tưởng đến câu chuyện thời thơ bé. Cô công chúa muốn có cái mũ miện cưới thật đặc biệt nên đã vô tình làm tuyệt chủng loài chim có bộ lông tuyệt đẹp, và bao nhiêu năm sau, cô sống trong nỗi cô đơn và hối hận, mãi mãi tự dằn vặt mình vì đã vô tình gây tội ác. Chúng ta cũng thế. Chúng ta cũng vì mãi mê chạy theo những mục đích tầm thường của cuộc sống hằng ngày mà vô tình giết chết những cái đáng trân trọng, đáng quý của dân tộc: bản sắc cổ truyền của con người Việt Nam. Chẳng còn ai, hay hiếm lắm, cảnh ngày mừng một Tết cha mẹ dẫn con đến nhà thầy giáo cũ giờ đã bạc phơ mái đầu để thọ lễ. Những điều đơn giản nhất như lời chào, tiếng cảm ơn của Hà Nội thanh lịch ngày càng hiếm. Những quy tắc đạo đức trong lớp đông người trở thành “rơm đời”. Thật là xót xa, đúng thế, và nếu chúng ta không dừng lại thì sẽ mãi mãi phải hối hận xót xa.

Xuân Canh Ngọ, tôi thấy ảnh một ông đồ già trên báo Nhân Dân chủ nhật, đúng như hình dung của tôi. Bức ảnh thật sáng sủa, vài tà áo dài vương vào với những nụ cười thiếu nữ, gợi lên trong ta một niềm hi vọng tuy mơ hồ nhưng phấn khởi. Tôi tin, những lớp người mới như chúng ta sẽ cùng Vũ Đình Liên đánh lên những tiếng chuông cảnh tỉnh lòng người Việt Nam, dựng lại cho dân tộc bản sắc thiêng liêng của mấy ngàn năm văn vật, và phải chăng chính đề ra cũng mang dụng ý đó... Chúng ta sẽ tìm lại cho dân tộc cái hồn riêng sâu lắng, sẽ tìm lại cho mỗi con người một tâm hồn biết rung động, trước cái đẹp của quê hương đất nước, tìm lại Hà Nội trọng nghĩa, trọng tài với những ông đồ già và câu đối tươi rói mỗi dịp xuân về như nụ đào hồng rực rỡ...

BÀI LÀM 2

**Bài đoạt giải Nhất kì thi chọn HSG quốc gia,
bảng B đề 2 của Đỗ Thị Khánh Phương,
học sinh trường THCS Trần Phú,
tỉnh Hà Tĩnh, năm học 1990 – 1991**

Tôi nhớ mãi câu nói của họa sĩ Hà Lan Van-gốc: *Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người*. Đó là chân lí của cuộc sống, và cũng là chân lí của thi ca. Cho đến khi đọc những dòng thơ giản dị chân thành của Vũ Đình Liên, tôi lại càng cảm nhận sâu sắc hơn bao giờ hết chân lí vĩnh cửu và xanh tươi ấy:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”.*

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu...*

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay.*

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Vũ Đình Liên không phải là một tác giả lớn trong phong trào Thơ mới. Nhưng giữa bao nhiêu cõi rộng mở, thiết tha, rạo rục băn khoăn, hay quê mùa ảo não, hùng tráng và trong sáng của biết bao hồn thơ, ta vẫn thấy nhẹ nhàng, dung dị sâu sắc một Vũ Đình Liên, một chất thơ đượm tình hoài cổ. Chính nhà thơ đã tự bộc bạch với chính mình:

*Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.*

Vũ Đình Liên không đi vào những màu sắc lộng lẫy, những rung động ngàn cung bậc khác nhau của thiên nhiên và tình yêu đôi lứa. Người thường đi sâu vào tâm hồn mình, tâm hồn u trầm đắm đuối trong một mối trần trở lớn lao về thời đại, về số phận con người. Đọc bài thơ *Ông đồ*, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của nhà thơ và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào một thế

giới của riêng mình. Và cứ mỗi khi bước vào thế giới “gợi” nhiều hơn “thực” ấy, tôi lại thấy hiện ra biết bao gương mặt thân quen, hiện ra biết bao năm tháng cuộc đời. Tôi nhớ đến đôi câu đối giấy đỏ trên bàn thờ tổ tiên, trong căn nhà cũ của bà ngoại tôi đã từ thời lâu lắm; tôi nhớ những bức tranh thủy mặc Trung Quốc của một họa sĩ nào đó mờ sương khói, nhớ cái tươi mát thiết tha của thơ Tản Đà, nhớ những chiều thu se lạnh nhiều lá rơi với nỗi buồn man mác... tại sao bài thơ lại có thể gợi nhiều đến thế? Có lẽ nhà thơ đã viết bằng tất cả lòng mình, bằng tâm hồn của dân tộc, bằng cảm nhận riêng tư thiết tha và mới mẻ với một cuộc sống tưởng chừng như đã cũ. Không hiểu sao tôi lại hình dung đến một dòng sông đang lặng lẽ chảy, mặt nước phẳng lặng, sáng ngời lên giữa không gian cô quạnh đơn sơ... dòng sông ấy mang một sức sống kì diệu trong sâu thẳm, sông chảy về quá khứ mà không lãng quên sông của tâm tư, cuộc sống, con người.

Vũ Đình Liên đứng giữa buổi giao thời, khi xã hội Việt Nam đang rung chuyển một sự thay đổi lớn lao. Đất nước mấy ngàn năm phong kiến với bao nhiêu tư tưởng, bao nhiêu lối sống, tập tục khác nhau và một nền văn hiến vô cùng đẹp đẽ. Trong không khí chung, người ta bước vào thời đại mới không một chút nghĩ suy toan tính. Tự do cá nhân, tình yêu đôi lứa, lối sống “văn minh” hào hứng vẫy gọi con người, hứa hẹn biết bao thay đổi lớn lao. Chỉ có những con người, những nhà thơ như Vũ Đình Liên tìm đến với một cái gì sâu lắng tìm đến với cái mạch ngầm bên trong của cuộc đời thay rất đúng quy luật ấy đó là nỗi đau. Bài thơ *Ông đồ* có thể là một thứ thơ kiếm tìm bản khoản của cả một đời người; có thể là điểm gặp nhau bùng sáng của một đời người; có thể là điểm gặp nhau bùng sáng của một sự việc với tâm hồn trần trụi, chứ quyết không phải là một chút tình hoài cô tâm thường. Vũ Đình Liên đã truyền đạt trọn vẹn rung động trong trái tim mình trước hình ảnh “ông đồ” đến trái tim ta, để tất cả đều cảm nhận sâu sắc hiện thực những năm ba mươi ấy:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

Hình ảnh ông đồ gắn liền với mùa xuân, với bông hoa đào nở tươi mới và trong sáng gợi cho ta một cảm giác thật ấm cúng thiêng liêng. Xung quanh ông dần ra một không gian nho nhỏ, giản dị và mỏng manh nhưng mang một chất đậm đà nồng nàn khó tả của bút nghiên mực và giấy hồng điều thân quen. Chỉ bằng vài nét đơn sơ, nhà thơ đã khắc họa chân dung ông già với tất cả vẻ đẹp cao khiết, thanh tao đượm một tâm tình của người già – tâm tình ấy không nói mà bộc lộ bằng hành động, những hành động được phác vẽ như đơn sơ vô tình mà thấm đượm cả buồn vui của cả một đời người. Ấn tượng đầu tiên của ta với bài thơ là một màu hồng tươi thắm của hoa, của giấy, màu đen của mực tàu sẫm ánh... phải chăng đó là sắc đậm của tâm hồn nhà thơ?

Hình ảnh ông đồ được khắc họa suốt bài thơ với những bối cảnh khác nhau, những tâm trạng khác nhau của Vũ Đình Liên. Ngoài hiện thực cuộc sống kia, dòng đời trôi náo động có thể có rất nhiều ông đồ như thế. Có thể là một nhà thơ thất nghiệp lỗi thời, một ông đồ nghèo đi “bán chữ” để kiếm thêm cho cuộc sống chật hẹp của gia đình, và cho tới khi chữ Nho đã thực sự hết thời, thì xoay sang nghề khác kiếm sống... Cuộc sống âm vang vào tác phẩm dư vị đắng cay; nhưng tràn đầy bao phủ và hòa quyện vào nó tình thương mến vô bờ đối với cuộc sống con người. Mở

đầu bài thơ là hình ảnh ông đồ với không gian riêng, thế giới riêng hài hòa trong cảnh phố phường đông đúc, “ông đồ” không phải là trọng tâm nổi bật của dòng đời, nhưng là một tác phẩm thiêng liêng, một phận ái mộ không thể nào thiếu được. Câu thơ nhẹ như bước chân hư vô, đầy vẻ khách quan nhưng gợi lại cho ta tâm trạng sâu kín trong lòng tác giả. Đã hơn một lần, đã nhiều lần nhà thơ gặp, nhớ và suy tư. Theo dòng tâm trạng nhà thơ, ta gặp một thế giới khác hẳn, một thế giới phủ mờ sương khói cách biệt hẳn với ngày thường. Trong ấy ông đồ vẫn im không nói, không một chút thở dài, không một ánh nhìn tư lự... chỉ có tình cảm của nhà thơ làm nên bức tranh sâu lắng tình người, ở độ không gian như ngưng đọng lại trong sự yên tĩnh đến vô biên. Câu thơ chùng xuống, nhịp thơ vẫn buồn tẻ nhưng hồn thơ cay đắng xót xa:

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay.

Nhà thơ đã dùng một chút cái động để nói cái tĩnh đến không cùng. Một chút lá vàng rơi nhẹ, một cái gì vừa lìa khỏi, vừa mất đi và chìm xuống cõi sâu lắng không còn bao giờ vươn dậy nữa. Cũng là lá rơi nhưng Bích Khê miêu tả cái xôn xao, cái dâng trào không mất:

Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi... vàng rơi... thu mệnh mỏng.

“Lá vàng” của nhà thơ Vũ Đình Liên không bay.

“Mưa bụi” của Vũ Đình Liên không phơi phới rộn ràng, mưa bụi phủ lên cuộc sống một bức màn hiu quạnh, thảm tháp một nỗi buồn sâu xa. Bức tranh thiên nhiên cuộc sống nặng trĩu tâm tình của nhà thơ và tất cả những tình cảm ấy được truyền vào trái tim ta như một ý niệm, một tình cảm với hình ảnh “ông đồ”. Nói rõ hơn, nó chính là một bức tranh nội tâm của nhân vật chính, hình ảnh trữ tình chính của bài thơ. Nỗi buồn, nỗi nhớ của Vũ Đình Liên đậm đà chất suy tư và mang nặng cái hồn của quá khứ xa xưa. Ta thoáng gặp một chút gì thoáng gần như thế, đại loại:

Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời

Lúc người còn sống tôi lên mười

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội

Áo đỏ người đem trước giậu phơi.

(*Nắng mới* – Lưu Trọng Lư)

Cũng giống như Lưu Trọng Lư, nhớ về người mẹ và một tuổi thơ tươi đẹp, Vũ Đình Liên hướng về quá khứ, buồn nỗi buồn của một thời đã qua và nâng niu con người đẹp để đi vào dĩ vãng nhưng vẫn sống mãi với phẩm chất và ân tình sâu nặng của chính mình.

Bài thơ *Ông đồ* không chỉ viết về ông đồ. Ngoài hình ảnh ông đồ bao thương mến dành cho kiếp người, ta còn gặp hình ảnh sóng đôi: nghiên mực và giấy đỏ. Mở đầu bài thơ, ông đồ *bày mực tàu giấy đỏ, rồi giấy đỏ buồn không thắm, mực đọng trong nghiên sâu...* rồi lại *lá vàng rơi trên giấy*. Giấy và mực là gì nếu không phải là những vật dụng cao quý đã gắn bó suốt đời với nhà Nho, là tri âm tri kỉ. Với “ông đồ” của Vũ Đình Liên, giấy đỏ và mực tàu bày ra cả một không gian đậm thắm, không gian vĩnh viễn quanh con người. Nhà thơ đã khắc những nét đậm nhiều khi còn đậm hơn hình ảnh “ông đồ”, nhiều khi choán hết hình ảnh “ông đồ”:

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay.

Câu thơ đang chật hẹp bỗng hồn nhiên mở rộng cho ùa vào cái trắng khí tài hoa của con người. Đành rằng *phượng múa rồng bay* là một hình ảnh có tính ước lệ, nhưng nó hài hòa trong mạch cảm xúc bình dị của “ông đồ” và cho đến khi ta ngẫm suy kỹ lưỡng, nó bỗng bật lên ánh sáng chói ngời. Cái trần trở suy tư sâu não của cả cõi đời của Vũ Đình Liên, phải chăng là đây, là tập trung ở “nét chữ này”?

Không chỉ có Vũ Đình Liên đặt vấn đề “nét chữ”, cùng thời ấy, người ta thậm cảm phục, tôn thờ một *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Con người tài ba đã dồn hết tâm lực vào đầu ngòi bút, dồn cả trí mình, đức mình, dồn cả sự từng trải với đời vào nét chữ vuông vắn mạnh mẽ tươi rói trên cái nền tinh khiết nguyên sơ. Chữ ấy cũng chỉ tùy người mà trao gửi. Người tử tù của Nguyễn Tuân, bằng nét chữ trao gửi cái “thiên lương”. “Ông đồ già” của Vũ Đình Liên trao gửi cho ta điều gì đây? Phải chăng là một sự xót chua, cay đắng với cuộc đời? Cũng có thể. Nhưng cái lớn lao hơn, cái làm nên ánh sáng cho bài thơ, làm nên tầm tư tưởng sâu sắc của Vũ Đình Liên, đó là sự băn khoăn trần trở về tài năng và số phận con người. Đó là nỗi băn khoăn về con người và một thời đã qua, con người với những giá trị mình sáng tạo ra, những giá trị đẹp đẽ gắn bó không thể tách rời được. Bài thơ khép lại bằng tâm trạng nhớ thương:

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Trở lại với mùa xuân, với hoa đào nở, nhà thơ gieo vào lòng ta sự hụt hẫng gần như là một nỗi đau. Cái trống vắng của một bức tranh không còn giấy đỏ mực tàu đậm thắm, không còn ông đồ, chỉ còn lại vài nét đơn sơ của hoa đào sao mà nhạt nhẽo và lạnh lùng đến thế! Thay vào đó là cái tình của nhà thơ: *Hồn ở đâu bây giờ?* Cái tình tan loãng vào vô biên, vẫn vương một niềm thương tiếc. Nhà thơ chẳng còn bao giờ được thấy ông đồ. Chỉ còn tâm hồn, hồn người mãi mãi tìm nhau. Chỉ còn lại một nỗi đau thương to lớn như hạt trai kết đọng một đời thơ, đó là nỗi đau thương về số phận con người. Vũ Đình Liên đã cảm nhận nỗi đau của mọi người xung quanh rằng những dây thần kinh phong trần, đã truyền đến với chúng ta tín hiệu của sự mất mát đau thương, tuy không kịp, không thể giúp cho người ta cứu lấy nhau trong thời đại, nhưng sẽ là tiếng nói nhân văn đẹp đẽ cho mọi người, mọi thời.

Trong văn học, bao giờ số phận con người cũng là mối quan tâm sâu sắc của nhà văn. Không có điều gì thuộc về cuộc sống của con người không làm cho nhà văn suy nghĩ, bởi vì mỗi phút giây con người đang sống và sẽ sống có biết bao sự đe dọa, bao nhiêu hình ảnh của cái đẹp sẽ mất đi. Văn học có trách nhiệm giữ gìn cho hạnh phúc của con người, giữ cho cái đẹp, tình yêu và đạo đức chiến thắng bóng đêm và làm cho chúng ta rục rờ như mặt trời không bao giờ tắt. Văn học phải giữ gìn cho ước mơ hoài bão của con người, giữ cho tâm hồn con người bất tử. Chúng ta đã đọc những dòng thơ đẹp đẽ về cuộc sống được viết lên bằng khát vọng của nhà thơ:

*Dưới cánh bướm làn nước xanh như ngọc
Trên bầu trời nắng vàng ruộm từng không
Nhưng bướm day dứt đời bão tố
Dương trong bão tố có bình yên.*

(*Cánh bướm* – Lécmonôp)

Ông đồ của Vũ Đình Liên quả là một giọt nước trong biển cả, là một nét đơn sơ nhỏ bé trước bao nhiêu thành tựu lớn lao của văn học thế giới và văn học nước nhà. Nhưng đã hòa trong biển, “giọt nước” của nhà thơ Vũ Đình Liên vẫn mặn mà nồng thắm, vẫn âm vang nhịp đập thủy triều... Bài thơ nói về số phận con người, bài thơ nhắc nhở ta trong công cuộc đổi thay to lớn ngày nay: hãy gìn giữ con người để không bao giờ phải xót xa và luyến tiếc.

ĐỀ THI

Bình giảng hai khổ thơ đầu bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

**Bài đoạt giải Nhất bảng A, kì thi HSG cấp quốc gia
của Nguyễn Thị Anh Trúc,
trường THCS Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, năm học 1991 – 1992**

BÀI LÀM

Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu bước vào trong thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây, Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ thu: *Thu điếu*, *Thu vịnh*, *Thu ẩm*, sau này Xuân Diệu có *Đây mùa thu tới*. Nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương sang thu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra là hương vị ổi phả trong gió. Mùi hương quê nhà mặc được gió đưa trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “Bỗng nhận ra”. Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi, để giờ đây có dịp là bùng ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi: giòn ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh. Có hương ổi, và gió, và sương. Những hạt sương thu mềm mại, ướt ướt giăng mắc qua ngõ. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo hương quê và mang theo sương mờ ướt lạnh. Đường như có thêm sương nên thu dễ nhận hơn.

Sương chùng chình qua ngõ, “chùng chình” hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần như thế, cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế, thu đến tự lúc nào không hay. *Hình như thu đã về*. Nhà thơ giật mình, hơi bối rối. Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi hay từ gió, hay từ sương? Hữu Thịnh cũng hơi ngỡ ngàng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con đường bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

Cái bờ ngõ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Con sông quê hương dềnh nước chở mùa thu. Những cánh chim bay vội vã. Thật lạ lùng mùa thu! Nơi thì “chùng chình”, “dềnh dàng”, mà nơi thì “vội vã”, hối hả... Nhưng tất cả đều với một cảm giác mới mẻ, xôn xao khi mùa thu về. Không còn cái gay gắt của mùa hè nóng nực, chỉ còn lại một bầu trời không gian ẩm ướt và se se lạnh. Một thoáng rồi lòng để rồi nhường lại cho mùa thu. Mùa thu vừa mới chớm rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang rung mình thay áo mới. Hữu Thịnh không tả *trời thu xanh ngắt mấy tầng cao* như Nguyễn Khuyến, mà chỉ điểm vào bức tranh thu một chút mây vương lại của mùa hè vừa qua:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Mây trời vắt nửa mình sang thu. Lối diễn đạt của nhà thơ thật độc đáo. Hình như trong đám mây đó còn lại một vài làn nắng âm mùa hè nên mới “vắt nửa mình”. Thu về làm cho bao cảnh vật đổi thay và đám mây cũng khác lạ.

Với một đoạn thơ ngắn vền vền hai khổ mà nhà thơ đã dựng lại một bức tranh nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ ngữ lấp láy: “chùng chình”, “dềnh dàng”, “vội vã”, và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng, Hữu Thịnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người.

Sang thu – một hình ảnh quê hương tự nó đã tôn thêm vẻ đẹp cho đất nước, cho quê nhà, cho đồng quê trong mùa thu chung của cả đất trời Việt Nam.

ĐỀ THI

Quê hương, đất nước Việt Nam trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến và những nhà thơ khác.

Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc
của Trương Thị Thúy Mai,
học sinh trường THCS Hà Nam,
tỉnh Hà Nam, năm học 1992 – 1993

BÀI LÀM

Đất nước Việt Nam tươi đẹp với mỗi tên đất tên làng đều gắn liền với một chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm. Đó cũng là những cảnh vật nên thơ cho nguồn cảm hứng của các thi nhân. Đề tài quê hương đất nước luôn là niềm say mê của các thi nhân từ xưa đến nay. Có thể nói hiếm có nhà thơ nào lại không có một sáng tác về thiên nhiên đất nước. Trong cả một đề tài rộng lớn đó, văn học Việt Nam phải kể đến hai gương mặt nổi bật. Đó là hai nhà thơ: Nguyễn Trãi và Nguyễn

Khuyến. Ngoài ra còn có những tác giả như Trần Lâu, Phạm Sư Mạnh, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Chí Minh... các sáng tác của họ cũng là những đóng góp không nhỏ cho nền văn học nước nhà.

Tuy sống ở hai giai đoạn lịch sử khác nhau nhưng hai nhà thơ: Nguyễn Trãi và Nguyễn Khuyến đều gặp nhau ở một điểm chung. Cả hai đều là những ông quan thanh liêm đứng trước cuộc đời đen bạc, họ quay về bầu bạn với thiên nhiên, vui thú điền viên, lâm tuyền. Có thể nói phần lớn các sáng tác của hai nhà thơ đều tập trung vào một đề tài, đó là hình ảnh quê hương, đất nước. Những trang thơ viết về cảnh làng quê của hai người thật sinh động, vừa gần gũi bình dị cũng vừa thơ mộng, đẹp đẽ. Hình ảnh quê hương trong thơ văn Nguyễn Trãi hiện lên với một thảm cỏ trải dài suốt triền đê với màn mưa xuân giăng dày mọi lối; với con đường mềm mại vắt qua đồng lúa vắng teo không một bóng người qua lại; với một con đò gó đầu trên bãi cát trắng ngù triền miên. Một tiếng cuốc kêu, một cơn mưa bụi làm rơi những cánh hoa xoan nhỏ. Những cảnh ấy tưởng chừng quá quen thuộc với mỗi người dân quê, vậy mà đối với Nguyễn Trãi cũng thành thơ, rất thơ là đằng khác:

*Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muôn
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.*

(Cuối xuân tức sự)

Tiếng cuốc kêu vắng đến thư phòng của tác giả. Khác với nhiều nhà thơ, tiếng cuốc trong thơ Nguyễn Trãi không gợi lên chút gì bi thương, khắc khoải. Tiếng cuốc trong thơ ông là một âm thanh quen thuộc của làng quê. Và lần này có đặc biệt hơn: tiếng cuốc báo hiệu xuân đã đi qua và hạ sắp đến. Một ngày xuân muôn ở làng quê sao mà yên tĩnh, vắng vẻ quá chừng. Chỉ có tiếng cuốc kêu trong không gian, âm thanh nhỏ nhưng vẫn chiếm lĩnh cả một khoảng không rộng lớn. Nhưng đó chỉ là sự yên tĩnh của bên ngoài, còn thiên nhiên bên trong vẫn có sự hoạt động biến chuyển không ngừng. Mùa xuân đang dần dần chuyển sang mùa hạ, ban đầu là tiếng cuốc và sau đó là hoa xoan và dần dần là những tín hiệu của mùa hè sẽ thay thế cảnh vật mùa xuân. Tác giả như đang lắng nghe những bước chuyển mình của thiên nhiên, dù rất nhỏ thôi trong không gian yên ắng. Nhà thơ đã phát hiện ra nét đẹp thật tinh tế của loài hoa bình dị, đơn sơ. Một cơn mưa nhỏ, nhỏ đến nỗi người ta không cảm nhận được những giọt mưa mà chỉ thấy được những nụ xoan dần dần hé nở, sáng bừng rồi theo cơn mưa rắc xuống từng đợt, từng đợt trắng sân nhà. Tưởng chừng đó là một trận mưa của hoa xoan. Tả mùa xuân đã tàn, và dù vẫn có cánh hoa rụng, nhưng tác giả không gọi cho người đọc cảm giác của sự tàn úa mà vẫn gieo vào lòng người một niềm vui. Mùa xuân đã qua đi và một mùa mới sắp tới. Tâm hồn của tác giả cũng vậy, vẫn có nỗi băn khoăn của một viên quan ở ẩn định tạo lập cho mình một thế giới riêng, thoát đầu là *suốt ngày nhàn nhã khép phòng văn* (*Cuối xuân tức sự*) nhưng sau đó, thiên nhiên bên ngoài đã vẫy gọi tác giả khiến cho ông không cưỡng nổi, phải mở tung cánh cửa cho thiên nhiên ùa vào trong mắt mình. Không gian nhỏ của thi nhân đã hòa nhập vào trong không gian lớn của vũ trụ.

Nếu Nguyễn Trãi nức tiếng nhất với những bài thơ mùa xuân ở làng quê thì Nguyễn Khuyến lại nổi tiếng với những bài thơ thu của vùng đồng chiêm trũng. Những bức tranh ấy đều có vẻ đẹp nên thơ, mơ mộng nhưng cũng là khung cảnh thu bình dị, rất thực của thiên nhiên làng quê. Một cái ao nhỏ nước trong vắt đen tuyền, trên mặt nước đậu một chiếc thuyền câu. Cũng là mặt ao đó nhưng màn sương phủ dày trên mặt nước khi buổi sáng, hay một mặt ao lóng lánh ánh trăng vàng trong đêm

trắng. Những khung cảnh đầy thi vị đó đã được thu nhận vào tầm mắt của tác giả. Và cũng giống như Nguyễn Trãi, bức tranh ấy rất tĩnh lặng, một âm thanh nhỏ cũng làm xao động cả không gian rộng lớn:

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối buông cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

(*Câu cá mùa thu*)

Bức tranh vẽ bằng những nét phác thảo đơn sơ mà thật khác lạ. Mùa thu trong thơ thường là màu vàng của lá rụng, nhưng mùa thu của nhà thơ Nguyễn Khuyến lại bao trùm bởi một màu xanh: xanh ao, xanh bèo, xanh bờ, xanh sóng, màu xanh biếc của tre trúc trên bờ và màu xanh thăm thẳm đến không cùng của bầu trời thu. Duy nhất chỉ có một màu vàng đậm ngang của chiếc lá rơi. Bức tranh ấy có nét xao động của những vòng sóng nhỏ điểm trên mặt ao, có âm thanh của tiếng cá quẫy nghe mơ hồ như trong tiềm thức. Chỉ mơ hồ vắng đến, vậy mà cũng như ngự trị cả một không gian bao la. Chiều cao của bức tranh mở ra đến không cùng với thăm thẳm một bầu trời ở trên đầu và một bầu trời in dưới đáy nước. Chiều ngang lại bó hẹp trong một chiếc ao nhỏ, rộng hơn chút nữa là mấy ngõ trúc xung quanh. Chiếc thuyền câu của tác giả như chơi vui giữa một không gian sâu thẳm.

Nếu mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến êm dịu, mơ màng, thì mùa hè trong thơ ông tràn đầy âm thanh, chói chang màu sắc:

*Sen nồn bên ao đêm trước hè
Song mai đã thoát chớm hè sang
Lung trời gió vút điều ngân vắng
Khắp chốn cảnh cao chim riu ran.*

(*Đầu mùa hạ*)

Mới chớm hè sang, đất trời như trẻ lại và mới mẻ, con người cũng chộn rộn trong lòng khi đứng giữa không gian có hương thơm của những đóa sen, trong tiếng sáo điều ngân nga, tiếng chim ca rộn rã. Với những dòng thơ ngắn nhưng Nguyễn Khuyến đã đưa ta về với một không khí yên ả, thanh bình của một làng quê.

Cảnh quê hương vốn đẹp như thế nhưng cũng có lúc xơ xác tiêu điều trong cơn hoạn nạn. Hai nhà thơ cũng có những bài thơ về cảnh này. Tránh sao khỏi buồn đau khi đứng trước thiên nhiên đẹp đẽ, giờ hoang tàn xơ xác:

*Mười năm xa cách chốn non nhà
Tùng, cúc quay về nửa xác xơ.*

(*Sau loạn đến Côn Sơn cảm tác*)

Đó cũng là tâm trạng của Nguyễn Khuyến khi ông đứng trước cảnh quê hương lụi lụi:

*Bóng thuyền thấp thoáng vờn trên vách
Tiếng sóng long bong vỗ khắp nhà.*

(*Vịnh lụt*)

Đã bao lần chứng kiến cảnh quê hương lụi lụi nhưng nhà thơ vẫn không tránh khỏi nỗi kinh hoàng trước sức mạnh của Thủy thần. Dòng nước lũ đã cuốn phăng tất

cả những gì trên mặt đất, hung hãn nuốt chửng những mái nhà lợp rạ yếu ớt. Khung cảnh bi thương âm đạm trùm lên quê hương ông.

Quê hương, đất nước còn là hình ảnh những miền quê xa, những danh lam thắng cảnh của đất nước. Trước Nguyễn Trãi đã có nhiều nhà thơ viết về những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp:

*Ta đến đây muốn đắm ngòi bút đề thơ
Phải lấy cả sông xuân làm nghiên mực.*

(Đề Thạch môn sơn – Phạm Sư Mạnh)

Đứng trước cảnh sắc đất trời mùa xuân, nguồn cảm hứng của nhà thơ dâng trào. Phải lấy cả một dòng sông xuân làm nghiên mực mới có thể diễn tả hết nguồn cảm hứng ấy. Hẳn là phong cảnh xung quanh đẹp khôn tả xiết.

Trần Lâu, một nhà thơ đời Hồ có một bài thơ nổi tiếng về cửa Hàm Tử, nơi diễn ra trận chiến đấu oanh liệt giữa quân dân nhà Trần và giặc Nguyên:

*Triều lên đồn dập, trống chiêng rộn
Tre ngả đung đưa cờ quạt bay.*

(Qua cửa Hàm Tử)

Đứng giữa cửa Hàm Tử, ngắm phong cảnh mà tác giả tưởng như mình đang đứng giữa trận tiền năm xưa. Những đợt sóng vỗ không ngừng vào bờ đá gọi tác giả liên tưởng tới tiếng trống trận năm xưa còn đang rộn rã. Hai bên bờ, những hàng tre đu đưa, nghiêng ngả theo chiều gió, tác giả tưởng như đó là những dây cờ với khí thế ngợp trời năm xưa. Thiên nhiên nơi đây còn ẩn giấu vết tích của trận thủy chiến oanh liệt.

Quá khứ và hiện tại hòa trộn. Đọc bài thơ, ta như nghe được tiếng gươm khua, tiếng trống trận. Chỉ bằng mấy câu thơ ngắn nhưng tác giả đã làm sống lại trận thư hùng năm xưa giữa ta và địch, thất bại thảm hại của kẻ thù và chiến thắng oanh liệt của quân dân nhà Trần.

Bạch Đằng, nơi đã diễn ra bao trận đánh vang dội trong lịch sử của dân tộc, đã bao lần đi vào trong thơ ca, cũng đã một lần đi vào thơ Nguyễn Trãi với vẻ đẹp vừa hùng vĩ, vừa thơ mộng:

*Biển rung gió bắc thổi băng băng
Nhẹ kéo buồm thơ vượt Bạch Đằng.*

(Cửa biển Bạch Đằng)

Chỉ với hai câu thơ, tác giả đã tạo cho người đọc một niềm hứng thú. Theo con thuyền thơ lướt nhẹ ra cửa biển, nhà thơ đưa chúng ta đến với Bạch Đằng. Cũng bằng hai câu thơ ấy, tác giả đã gọi cho người đọc bao sự liên tưởng kì thú. Một con thuyền thơ nếu so với đại dương bao la thì thật là nhỏ bé, nhưng trong Nguyễn Trãi, con thuyền ấy không hề nhỏ nhoi, cô độc mà nó lướt băng băng giữa trời biển bao la. Con ngòi trên con thuyền ấy hoàn toàn sáng khoái giữa biển trời lồng lộng:

Bạch Đằng dưới ngòi bút của tác giả hiện lên thật hùng vĩ:

*Ngạc chặt kinh bãm non lồm chồm
Giáo chìm guom gãy bãi dăng dăng.*

(Cửa biển Bạch Đằng)

Thiên nhiên nơi đây cũng ẩn giấu những vết tích của trận chiến xưa. Núi non lồm chồm, đứt đoạn như con cá kinh cá ngạc bị chặt đứt thành từng khúc. Những bãi cát ven bờ khi triều lên rút xuống chỉ còn những lớp cát lộ thành nhiều hình thù kì dị gọi cho tác giả nhớ tới ngọn giáo chìm, guom gãy ở khúc sông này. Địa thế thật

hiềm trở, tác giả nảy ra một suy nghĩ thật lí thú: phải chăng thiên nhiên đã biệt đãi nước Nam lập nên địa thế này cho những nhân tài nước Nam dựa vào đó làm nên sự nghiệp.

Cửa ải Quảng Bình cũng là một địa danh nổi tiếng đã đi vào trong thơ Nguyễn Khuyến:

*Nhật Lệ đá ngầm dòng xiết mạnh
Đô Mậu đầm nước núi bao quanh.*

Tác giả đã vẽ ra một quang cảnh thật hùng vĩ mà cũng thật kì thú. Dòng sông Nhật Lệ chảy xiết giữa bao tảng đá ngầm lờm chờm. Đô Mậu – đầm nước có núi vây quanh tạo thành một cảnh tuyệt đẹp.

Sáng tác về quê hương đất nước đã trở thành một truyền thống của nền văn học Việt Nam từ xưa đến ngày nay. Đề tài đó càng ngày càng phát triển và đạt được những thành tựu rực rỡ.

Nguyễn Trãi và Nguyễn Khuyến là hai nhà thơ sống ở hai giai đoạn khác nhau nhưng họ đã gặp nhau ở một điểm chung. Đó là niềm yêu mến những miền quê bình dị, những phong cảnh đẹp trên đất nước. Nhưng khác với Nguyễn Trãi và một số nhà thơ cổ khác, thơ Nguyễn Khuyến là sự kết hợp hài hòa giữa ước lệ và tả thực nên cảnh quê hương đất nước trong thơ ông hiện lên với những nét đặc trưng không thể lẫn. Thơ ông mang đậm hơi thở của cuộc sống làng quê. Sau Nguyễn Khuyến, có nhiều nhà thơ đã tiếp thu những nét nghệ thuật đặc sắc của thơ cổ, kết hợp hài hòa giữa thơ cổ và thơ hiện đại làm nên những bức tranh phong cảnh sống động và đẹp đẽ.

Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến và nhiều nhà thơ khác bằng những trang thơ của mình đã gửi lại cho chúng ta những vẻ đẹp thuần khiết, tươi sáng của quê hương đất nước Việt Nam mà đến ngày nay còn ít nơi giữ được. Đọc những tác phẩm như thế ta càng thêm yêu quý, tự hào về phong cảnh đất nước, về truyền thống dân tộc.

ĐỀ THI

Nhận xét về bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng: *Hai bài thơ đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác, đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách của người chiến sĩ. Dựa vào hiểu biết của em về hai bài thơ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.*

Bài thi đoạt giải Nhì kì thi HSG Văn toàn quốc của Bùi Thị Hồng Ngọc,
học sinh trường THCS Nghĩa Bình,
tỉnh Hòa Bình, năm học 1993 – 1994

BÀI LÀM

Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng vĩ đại, người anh hùng dân tộc mà còn là một danh nhân văn hóa thế giới – một nghệ sĩ lớn của nền văn học dân tộc Việt Nam. Đọc thơ Bác, ta thấy toát lên hai con người: nghệ sĩ và chiến sĩ. Điều đó được thể hiện rất rõ qua hai thi phẩm *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* (chùm thơ Bác sáng tác vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, 1947 – 1948). Có ý kiến đã nhận xét: *Hai bài thơ đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Bác, đó là sự hòa hợp thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ với cốt cách của người chiến sĩ.* Đúng vậy!

Vậy thế nào là vẻ đẹp tâm hồn? *Vẻ đẹp tâm hồn* chính là sự hội tụ những vẻ đẹp, những phẩm chất trong sáng, đáng quý, đáng trân trọng nhất của con người. Còn *tâm hồn nghệ sĩ* là người có tâm hồn lãng mạn, có tình yêu thương con người và

thiên nhiên bao la, tha thiết, luôn rung cảm tinh tế trước những cảnh thiên nhiên tươi đẹp. *Cốt cách chiến sĩ* là tinh thần, khí phách, phong thái của một con người. Đứng trước mọi khó khăn, thử thách, cốt cách của người chiến sĩ luôn hiên ngang, bất khuất, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh cho nhân dân, đất nước, không màng danh lợi cá nhân; vượt lên mọi nghịch cảnh, thể hiện phong thái ung dung, tự tại, lạc quan, yêu đời. Vẻ đẹp tâm hồn của Bác chính là sự hội tụ, hòa hợp, thống nhất của những phẩm chất cao quý ấy. Điều đó được minh chứng rất rõ qua hai bài thơ *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng* của Bác.

Đôi diện trước cảnh đêm trăng giữa núi rừng hoang sơ, vắng lạnh, nếu không phải là người có tâm hồn nghệ sĩ thì không cảm nhận được vẻ đẹp của *Cảnh khuya*:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

Người thao thức trước đêm trăng đầu phải vì cảnh đẹp? Nhưng với tâm hồn nghệ sĩ, đứng trước một đêm trăng đẹp thì không thể hững hờ, bỏ qua. Một phút thảnh thơi trước cảnh đẹp khó cưỡng, Người trầm tư thả hồn vào thiên nhiên tĩnh lặng, cảm nhận thiên nhiên không chỉ bằng thị giác mà bằng mọi giác quan. Người lắng nghe tiếng suối xa, róc rách, ngân nga, trầm bổng như tiếng hát. Người vẽ bức tranh đêm trăng nơi núi rừng bằng hai mảng sáng – tối, có độ sâu, có tầng bậc, bóng trăng lồng cổ thụ, lồng vào hoa, quyện hòa, lấp lánh, huyền ảo. Tiếng suối xa dội vào tâm hồn thi sĩ làm rung lên những cảm xúc ngọt ngào, sâu lắng nghe như tiếng hát. Đêm càng về khuya, tiếng suối càng rõ, càng hay. Âm thanh ấy đã khuấy động bức tranh đêm tĩnh lặng, hòa vào trăng, cây, hoa, tạo nên những đường nét, màu sắc lung linh, huyền ảo, sống động. Nếu không có tâm hồn nghệ sĩ thì làm sao có được rung cảm tinh tế ấy? Bác phải là người có tâm hồn nhạy cảm, có tình yêu say mê, chan hòa với thiên nhiên tha thiết, có đôi mắt của người nghệ sĩ hội họa thì mới tạo nên được bức tranh thơ có hồn và truyền cảm như thế!

Trong bức tranh *Cảnh khuya*, ta bắt gặp nhân vật “trăng” thật sinh động. Trăng với Bác là bạn, là tri kỉ, có vị trí rất quan trọng trong hồn thơ của Bác. Bởi trăng là biểu tượng của sự hiền dịu, thanh cao, trong sáng, kì vĩ, lớn lao, có biết bao lần Bác nhắc đến trăng trong *Nhật kí trong tù*:

Chẳng được tự do mà thương nguyệt

Lòng theo vời vời mảnh trăng thu.

(*Trung thu*)

Hay:

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(*Vọng nguyệt*)

Bức tranh đêm trăng ấy còn làm lay động hồn người, thấm sâu, lan tỏa, lan xa ở *Rằm tháng giêng*. Nếu *Cảnh khuya* ghi lại cảm xúc của Người trước đêm trăng ở rừng Việt Bắc thì ở *Rằm tháng giêng*, cảm xúc ấy lại được khởi phát trước khung cảnh đêm trăng trên sông nước Việt Bắc. Nếu ở *Cảnh khuya* tâm hồn thi sĩ ấy cảm nhận trăng tụ lại ở một điểm nơi “cây”, “hoa” thì ở bài này, trăng tràn trề sức xuân, trăng phong tỏa khắp bầu trời, mặt đất:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Đọc những dòng thơ này, không ai không rung động cùng tâm hồn người nghệ sĩ. Đây là đêm nguyên tiêu, đêm rằm tháng giêng – “nguyệt chính niên” nên gương trăng tròn vành vạnh, trên bầu trời cao trong xanh bát ngát, trăng đẹp, trong trẻo, tươi mát biết bao! Trăng tỏa khắp vũ trụ bao la, hòa vào sông nước, cảnh vật. Cảm giác như trăng, bầu trời, dòng sông, mặt nước, con thuyền, chỗ nào cũng có trăng giao hòa, tiếp giáp. Đặc biệt là trăng tràn đầy sức xuân: “trăng xuân”, “trời xuân”, “sông xuân”, “nước xuân”... tất cả căng tràn sức xuân, sức trẻ, sức sống... Cảm giác tâm hồn người nghệ sĩ đang rộng mở để chào đón mùa xuân; cảnh đẹp đêm trăng xuân cũng như ùa vào tâm hồn nghệ sĩ, chan hòa, gọi lên âm vang tha thiết, vui tươi. Câu thơ kết hình ảnh thật đẹp, thật lãng mạn: con thuyền chở đầy trăng lướt nhẹ trên mặt nước dát vàng, chở đầy tâm hồn phơi phới một niềm tin vào ngày mai tươi sáng.

Nhưng *Cảnh khuya* hay *Rằm tháng giêng*, hay bất cứ bài thơ nào của Bác vịnh về trăng, không phải thuần túy lòng yêu trăng, yêu thiên nhiên mà là sự kết hợp hoàn hảo giữa tâm hồn nghệ sĩ và chiến sĩ. Bác yêu trăng, yêu thiên nhiên cũng chính là yêu đất nước.

Nếu trong thơ tứ tuyệt Đường luật, câu thơ thứ ba là câu chuyên, khép lại ý trước, chuyển sang ý sau thì câu thơ thứ ba của hai bài thơ này kết cấu chuẩn xác như thế.

Ở *Cảnh khuya*, nếu hai câu đầu, tâm hồn thi sĩ hướng ngoại, rung cảm trước cảnh đẹp thiên nhiên thì hai câu sau lại hướng nội, hướng vào tâm trí mình:

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Câu thơ thứ ba như bản lề khép – mở. Khép lại ý trước, mở ra ý sau nhưng lại được ngắt nhịp, chuyển ý khá đột ngột: *Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ*. Cảnh đẹp như bức tranh họa đồ khiến Người mê đắm mà không ngủ được ư? Đâu phải! Câu kết (hợp) nhắc lại, giải mã cho sự thao thức ấy của Người: *Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà*. Người đọc vỡ òa: à, ra thế! Chỉ bốn câu thôi mà thấm đẫm tình yêu thiên nhiên, đất nước, Tổ quốc. Người không ngủ được vì lo vận nước. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp biết bao nhiêu khó khăn, gian khổ, vận nước ngàn cân treo sợi tóc, *Người là Cha, là Bác, là Anh* dẫn dắt toàn dân tộc đi đến thắng lợi cuối cùng. Giang san Tiên Rồng không thể để mất vào tay của giặc một lần nữa. Thế nên, cái “nỗi nước nhà” cứ làm Người trăn trở, thao thức làm sao ngủ được!

Đến với câu thơ thứ ba của bài *Rằm tháng giêng* cũng hé lộ cho người đọc biết đây không phải là cuộc du thuyền thưởng nguyệt của giới tao nhân mặc khách an nhàn mà là “thế sự thăng trầm” nên *yên ba thâm xứ đàm quân sự* (nơi thẳm sâu mịt mù khói sóng bàn việc quân). Vì bí mật quân cơ mà phải neo thuyền giữa dòng bàn bạc. Khi trở về, phút thanh thoi tâm hồn thi sĩ bắt gặp cảnh đất trời – trăng gió – nước mây lồng lộng đẹp quá sao chối từ đây? Hãy thả hồn tự do, tự tại sau những giờ làm việc căng thẳng mà thưởng ngoạn thiên nhiên cho hài hòa tâm trí. Song nếu tâm hồn không lãng mạn thì làm sao khởi phát thành thơ? Đó chính là sự hòa quyện, thống nhất giữa tâm hồn nghệ sĩ và cốt cách chiến sĩ Hồ Chí Minh.

Xin mượn lời thơ của Hoàng Trung Thông thay cho lời kết:

*Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Vần thơ tỏa rạng mái đầu xanh
Vần thơ Bác vần thơ thép*

Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.

Quả thực, thơ Bác đẹp bởi chất tình và chất thép. Chất thép là cốt cách của người chiến sĩ, chất tình là lòng nhân ái bao la của Người đối với dân tộc, nhân loại, với thiên nhiên, đất nước thiết tha. Đọc thơ Bác, chúng ta càng yêu kính Bác hơn và nguyện học tập theo gương Bác.

ĐỀ THI | **Cảm nhận của em về vẻ đẹp của người lao động thể hiện qua một số bài ca dao than thân và yêu thương tình nghĩa.**

**Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc, bảng A
của Dương Nguyễn Ngọc Lan,
học sinh trường THCS Lí Tự Trọng,
tỉnh Ninh Bình, năm học 1994 – 1995**

BÀI LÀM

Ca dao dân ca là điệu tâm hồn của nhân dân ta từ bao đời nay. Nó trong trẻo như giếng làng, thơm mát như hương đồng gió nội, làm say đắm lòng người. Tiếng hát tâm tình trong ca dao dân ca với vợ cùng với sữa mẹ, lời ru êm ái dịu ngọt của bà đã nuôi dưỡng tâm hồn mỗi chúng ta. Từ thuở nài nôi, ai cũng được bà, được mẹ hát ru bằng những lời ca đầy yêu thương, tình nghĩa. Và cũng chính từ đó, vẻ đẹp tâm hồn của người lao động xưa đã in dấu trong tâm khảm mỗi chúng ta.

Ca dao là tiếng hát được cất lên từ sâu thẳm tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ lứa đôi, gia đình, quê hương, đất nước... Trong đó những tiếng hát than thân, những lời ca yêu thương tình nghĩa luôn bắt nguồn từ cuộc đời còn nhiều xót xa, cay đắng nhưng đậm thắm ân tình của người bình dân Việt Nam. Bao thiếu nữ thôn quê đã giải bày về chính con người mình, cuộc đời, số phận của mình bằng những câu ca:

*Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

Lời than thân đó nghe chứa chan nước mắt và mỏng mảnh như sợi khói tỏa vào không gian, như thân phận người phụ nữ vậy. Từ “thân” gợi nên một cảm giác nhỏ nhoi, yếu đuối; người con gái khi tự giới thiệu mình cũng rụt rè, khiêm nhường thốt lên hai tiếng thân em. “Tấm lụa đào” mang dáng vẻ đẹp, nhẹ nhàng như chính tâm hồn và phẩm chất người phụ nữ, lại là một thứ vật liệu mềm mỏng dùng để may mặc, trang trí thêm cho người hay khung ảnh. Và phải chăng người phụ nữ trong cuộc đời cũ cũng vậy, họ là một món đồ trang sức, là chiếc bóng lạng lẽ, âm thầm trước những bất công. Tấm lụa đào lại ở giữa chợ, giữa cảnh xô bồ kẻ bán người mua. Từ “phát phơ” không có hướng cố định cũng như *hoa trôi man mác biết là về đâu* (*Kiều ở lầu Ngưng Bích* trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Họ hoàn toàn biết về số phận của mình cũng như mảnh lụa mềm nhẹ kia không biết có được một người tri kỉ chọn lựa hay không?

*Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen
Ai ơi, ném thử mà xem
Ném ra, mới biết rằng em ngọt bùi.*

Trong cuộc sống, để giúp đời hiểu mình hơn, người ta có khi phải đứng ra tự quảng cáo. Thật là một điều bất đắc dĩ, nhất là đối với một cô gái. Bài ca dao mở đầu với việc nhân vật trữ tình thừa nhận trước người nghe cái thua thiệt hiển nhiên, có

tính định mệnh của mình: *Thân em như củ ấu gai*. Thật là thẳng thắn, bộc trực! Tương tự thế là sự thẳng thắn, bộc trực trong việc khẳng định cái “chất” của mình ở câu tiếp đó: *Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen*. Giọng ngậm ngùi vừa thoáng hiện ở dòng thơ thứ nhất đã nhanh chóng được thay thế bằng giọng tự tin và thậm chí là thách thức, “vỏ ngoài đen” – đó là một thực tế. Nhưng “ruột trong thì trắng” lại cũng là một sự thật không thể chối cãi. Tiếp sau là việc cái tình đòi thổ lộ: *Ai ơi, ném thư mà xem* đúng là một tiếng gọi, một lời mời – cứng cỏi, táo bạo mà không kém phần tha thiết.

Hai bài ca của hai cô gái, mỗi người cất một giọng nói khác nhau nhưng cả hai đều đồng thanh một tiếng khẳng định giá trị, phẩm chất của bản thân mình nói riêng và của những người con gái trong xã hội xưa nói chung.

Trong ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa, số lượng những bài ca về chủ đề tình yêu có lẽ cao nhất. Phải chăng vì tình yêu là thứ tình cảm thi vị, nên thơ nhất của con người? Phải chăng vì tình yêu là thứ tình cảm muôn màu, đa sắc? Có lúc được lắng nghe tiếng lòng mình vẫn rất mực chung thủy:

*Trèo lên cây khế nửa ngày
Ai làm chua xót lòng này, khế ơi!
Mặt trăng sánh với mặt trời
Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng
Mình ơi! Có nhớ ta chăng?
Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời.*

Hình ảnh cây khế, quả khế xuất hiện chỉ để làm vật chất hóa một trạng thái tình cảm mà sự định danh nó phải mượn đến một từ vốn cũng được dùng để định danh cho cái vị đặc trưng của quả khế. Điều đáng nói khác là trong lòng nhân vật trữ tình đang chất chứa tâm sự, và tâm sự đó cần phải được giải tỏa, thổ lộ. Thế là bỗng nhiên khế trở thành một đối tượng chuyện trò vô cùng thích hợp, có thể giúp nhân vật trữ tình tự khơi sâu mạch cảm xúc của mình. Cái vô lí của những hình ảnh, chi tiết mở đầu hóa ra cũng không hoàn toàn là vô lí, xét trong cấu trúc tổng thể của bài ca dao. Ai là người đang thốt lên những lời trong bài ca dao này vậy? Người đó có thể là chàng trai, cũng có thể là cô gái, nhưng khả năng lớn hơn là cô gái, bởi thông thường, sự than thở trong chuyện tình cảm hay xuất phát từ nữ giới – đối tượng vẫn chịu nhiều thua thiệt và bị động trong cuộc đời. Qua những gì đã được nói ra, đặc biệt qua các từ tạm xác định là then chốt như: “sánh”, “nhớ”, “chờ” và qua các hình ảnh dễ gợi lên ấn tượng về sự xa cách trong không gian hay sự cách trở nói chung như: “sao Hôm”, “sao Mai”, “sao Vượt”, ta có thể hình dung nhân vật trữ tình đang gặp trắc trở trong đường tình và đang tha thiết nhớ bạn, tha thiết ước mong một sự sum vầy. Lí do của sự cách trở không được nói ra một cách trực tiếp, rõ ràng. Chắc chắn không xuất phát từ phía chủ quan người đang tâm sự, bởi như ta có thể thấy, tình cảm của người này đối với bạn vẫn còn vẹn nguyên, thậm chí còn phát triển nồng nàn hơn qua thời gian. Có lẽ cần phải chú ý nhiều hơn tới từ “sánh” vốn được dùng tới hai lần trong hai dòng thơ kề nhau. “Sánh” gợi lên sự xứng hợp, như sự vừa đôi phải lứa, hay nói cách khác là sự đẹp đôi. Mặt trăng và mặt trời, nếu theo một góc nhìn nào đó, thì xứng với nhau quá còn gì! Chẳng thế mà dân gian vẫn hình dung chúng như một cặp không hề cộc cạch là ông trăng và bà trời. “Sao Hôm” và “sao Mai” nữa, đúng là chúng sánh chằng chằng với nhau, như sự hô ứng nhịp nhàng giữa sáng và chiều, giữa Đông và Tây trong thời gian và trong không gian. Nhân vật trữ

tình đã không ví von một cách tường minh chuyện mình với chuyện trăng sao, trời đất, nhưng ta hiểu trong sâu xa, người đó đã nhìn vấn đề đúng như vậy. Chưa biết việc tự nhìn nhận như thế có chủ quan không, nhưng căn cứ vào những gì mà tình cảm người đó thổ lộ, ta có thể tin vào một sự xứng đôi – một sự xứng đôi dựa trên tình cảm chân thật đáng được trân trọng và bảo vệ. Lại cũng từ đây, người tiếp nhận bài ca dao có thể lờ mờ đoán hiểu ra nguyên cớ vì sao sự xứng đôi đó cứ mãi tồn tại như một mong ước, một cái gì đó không thật, không được hiện thực hóa giữa cõi đời, khiến nhân vật trữ tình cứ không ngừng khắc khoải và chua xót. Có thể vì cha mẹ, vì thành kiến xã hội, cũng có thể vì một sự nghi ngại hay không dứt khoát từ phía đối phương mà chuyện kết đôi đã không thành, dù theo sự mách bảo bên trong của nhân vật trữ tình, quan hệ tương xứng giữa hai người tưởng không còn gì phải bàn cãi nữa. Khi thốt lên câu: *Minh ơi! Có nhớ ta chăng*, nhân vật trữ tình đã quên người bạn tâm sự đầu tiên là cây khế để chỉ còn biết đến người mình yêu đang ở một chôn nào đó giữa cõi người. Một tiếng kêu kết tụ cả nỗi lo âu, niềm hi vọng, sự nhắc nhở và cả chút trách móc đầy thương yêu, thông cảm. Một tiếng kêu thúc đẩy mối liên tưởng về hình ảnh: *Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời* làm sáng cả không gian thơ, làm sáng cả một tấm tình thủy chung son sắt. Có cả một câu chuyện dài chứa đựng trong bài ca dao ngắn này. Tâm sự, nỗi niềm được thổ lộ ở đây đạt tới giá trị kết tinh cao độ, có thể khơi lên nhiều suy nghĩ, cảm xúc về phận người và về những bi kịch trong tình yêu đôi lứa. Đọc bài ca dao, ta không thể quên được hình ảnh “sao Vượt chờ trăng” – một hình ảnh đã vĩnh cửu hóa cái đẹp của sự kiên tâm đợi chờ trong hi vọng và đau đớn.

Tình yêu nam nữ với những cung bậc, sắc thái hết sức đa dạng, phức tạp là một trong những nội dung cơ bản của ca dao người Việt. Đi vào thế giới ca dao, những cung bậc, sắc thái tình cảm vốn vô hình, vô sắc ấy bỗng trở nên hết sức cụ thể sinh động. Tất cả là nhờ cái tình chân thành, chân chất, đắm thắm với lối diễn đạt độc đáo của tác giả dân gian. Ví như bài ca dao *Khăn thương nhớ ai* – thi phẩm được xếp vào hàng *bậc nhất chỉ nhường cho ai*. Không phải ngẫu nhiên mà bài ca dao này thường được người ta nhớ đến với cái tên *Khăn thương nhớ ai*. Hình ảnh chiếc khăn không chỉ là biểu tượng khởi đầu cho nỗi thương nhớ của cô gái mà nó còn là hình ảnh được lặp lại nhiều nhất với nhiều tình huống khác nhau:

*Khăn thương nhớ ai?
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai?
Khăn chùi nước mắt.*

Dễ hiểu vì sao hình ảnh chiếc khăn lại trở đi trở lại nhiều lần như một điệp khúc nhớ thương triền miên, da diết như thế. Trong tình yêu trai gái, chiếc khăn thường là vật trao duyên để người ta *gửi khăn, gửi áo, gửi lời*. Khăn cũng là một vật luôn gần gũi, quấn quýt với người con gái. Ở đây chiếc khăn được nhân hóa, trở nên có tâm trạng và là đối tượng để cô gái bộc lộ nỗi niềm thương nhớ người yêu. Ba lần hỏi, mỗi lần nỗi nhớ lại càng trào dâng, ngồn ngang trăm mối, trăm chiều, bao trùm khắp cả không gian: “rơi xuống đất”, “vắt lên vai” và cao độ là khi chiếc khăn giúp cô gái giấu đi những giọt nước mắt khóc thầm. Sáu dòng thơ với đa số thanh bằng

gợi nỗi băng khuâng da diết đậm màu sắc nữ tính, đầy kín đáo của nỗi nhớ thương. Hình ảnh tiếp theo trở thành biểu tượng cho nỗi nhớ là ngọn đèn:

*Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt.*

Cũng vẫn dùng thủ pháp nhân hóa nhưng nếu như ở hình ảnh chiếc khăn, nỗi nhớ được trải ra theo không gian thì đến đây nó được đo theo thời gian. Hình ảnh ngọn đèn không tắt chính là ngọn lửa thương nhớ đang cháy trong trái tim người con gái. Chính là người con gái đang trầm trọc đêm thâu trong nhớ thương đằng đẵng. Sau này nhà thơ Chính Hữu cũng đã học tập nghệ thuật này của ca dao để làm nên trong thơ mình một *Ngọn đèn đứng gác* đáng nhớ. Hình ảnh cuối cùng trở thành biểu tượng cho tâm trạng cô gái là đôi mắt – cửa sổ của tâm hồn. Dù rằng những câu hỏi với chiếc khăn, ngọn đèn chính là sự phân thân trong tâm trạng cô gái nhưng đó vẫn chỉ là cách nói gián tiếp. Mà nỗi nhớ thì cứ da diết, bồn chồn và đến lúc không thể kìm nén, che giấu. Cô gái đã hỏi mình, trực tiếp bộc lộ nỗi lòng:

*Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên.*

Hình ảnh đôi mắt không ngủ ấy là sự phát triển tất yếu từ chiếc khăn không ở yên, từ ngọn đèn chong chong đêm dài. Đó là một hình tượng hợp lí, nhất quán và tự nhiên như chính nỗi nhớ niềm thương đang dâng trào trong cô gái. Chỉ trong mười câu thơ bốn chữ, nỗi nhớ thương của cô gái được bộc lộ thật độc đáo. Có đến năm lần điệp khúc “thương nhớ ai” được lặp đi lặp lại và gắn với những hình ảnh khác nhau. Nhưng tựu trung lại tất cả đều là sự tự hỏi lòng mình và hơn thế nữa là sự tự khẳng định tình cảm của cô gái một cách mạnh mẽ. Tâm trạng đầy yêu thương của cô gái không chỉ được cụ thể hóa, hình tượng hóa một cách thật rõ nét mà cách bộc lộ cũng đầy tế nhị, kín đáo rất phù hợp với người Việt Nam. Nét độc đáo trong nghệ thuật của bài ca dao còn biểu hiện ở kết cấu hai phần: mười câu đầu theo thể vãn bốn và một câu lục – bát kết lại cả bài. Nếu như ở phần đầu là sự dồn nén của tình cảm thì đến hai câu kết tâm trạng lo âu tràn ra ngổn ngang:

*Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề...*

Người con gái đang yêu nào lại không mang trong lòng bên cạnh nỗi niềm thương nhớ là nỗi bồn chồn, lo lắng cho tương lai, hạnh phúc lứa đôi. Đặc biệt trong hoàn cảnh xã hội cũ thì điều lo âu đó hoàn toàn có lí do. Mỗi tình tha thiết, mãnh liệt ấy đâu đã là sự đảm bảo cho một cuộc hôn nhân hạnh phúc lâu bền. Bất trắc luôn luôn rình rập những tình cảm tốt đẹp của những con người bình dân, bình thường. Thân phận nhỏ bé, tình yêu nhỏ nhoi giữa bao nhiêu là giăng mắc bất thường. Dấu ba chấm kết lại bài thơ đầy sức gợi mở và càng cho thấy nỗi lo nhiều bề trong tâm trạng cô gái. Quả là ngổn ngang trăm mối tơ vò.

Nếu như ở bài ca trên là nỗi nhớ của cô gái đang yêu gieo vào lòng người đọc ấn tượng về một thiếu nữ đa cảm, ủy mị thì ở bài ca sau, chúng ta lại bắt gặp một cô gái rất mực táo bạo – cô gái chủ động bắc cầu dải yếm để nói lên mơ ước mãnh liệt của mình trong tình yêu. Một lời tỏ tình kín đáo, ý nhị, duyên dáng mà rất táo bạo trong sự ràng buộc, tột chiết của lễ giáo phong kiến xưa:

*Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.*

Bài ca là lời của cô gái, bày tỏ một ước mơ trong tình yêu đôi lứa. Chỉ có hai câu lục bát mà đủ diễn tả một tình yêu thiết tha, mãnh liệt. Bài ca mở đầu bằng hình ảnh “con sông”. Con sông cách trở lứa đôi nên em và chàng khó gặp gỡ. Nhưng có hề gì, bởi: *Yêu nhau mấy núi cũng trèo/ Mấy sông cũng lội, thất bát cửu thập đèo cũng qua!* Tuy nhiên, “lội” cũng là một sự khó khăn rồi: nếu “bắc cầu” thì lứa đôi gặp gỡ sẽ dễ dàng hơn. Cho nên cô gái *ước gì sông rộng một gang*. Sông gì mà rộng chỉ “một gang”, cách nói cường điệu tạo nên một sự vô lí thú vị. Vô lí cho nên mới phải ước. Sự vô lí trong điều mơ ước diễn tả điều có lí của tình yêu. Sông chỉ một gang thì cô gái mới có thể *bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi*. “*Cây cầu – dải yếm*” là một hình tượng đặc sắc của bài ca. Cây cầu là một trong những mô típ nghệ thuật quen thuộc và đặc sắc của ca dao, gắn chặt với đời sống tình cảm phong phú, mãnh liệt nhưng cũng hết sức tế nhị, duyên dáng của người bình dân Việt Nam. Mô típ này xuất phát từ cuộc sống dân dã của người bình dân. Làng quê Việt Nam nơi nào mà chẳng có sông rạch, chẳng có một chiếc cầu – cầu là phương tiện giao thông, cầu cũng là không gian trữ tình, là nơi gặp gỡ, hò hẹn của trai gái. Cầu đi vào ca dao, trở thành biểu tượng của tình yêu, ước mơ của tình yêu. Người bình dân thổ lộ tình yêu của mình trong hình ảnh những chiếc cầu bắc qua sông. Không phải là cầu tre, cầu gỗ, những chiếc cầu này độc đáo hơn nhiều. Đây mới đúng là cái cầu của người con gái chủ động bắc cho người mình yêu, nó vượt qua mọi sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến ngày xưa. Nó táo bạo, mãnh liệt, và cũng thật trữ tình, ý nhị, bởi nó là cái dải yếm, cái vật mềm mại luôn quấn quýt bên thân hình người con gái, trở thành biểu tượng riêng của người con gái. Người con gái muốn dùng cái vật thân thiết, gần gũi nhất của mình để bắc cầu mời mọc người mình yêu. Cảnh hồng, cảnh trầm, ngọn mồng toi còn là những cái bên ngoài, còn dải yếm là cái bên trong. Cho nên “*cái cầu – dải yếm*” mới thật chân tình, táo bạo, và trở thành cái cầu tình yêu đẹp nhất trong ca dao. Cái dải yếm bình thường đi vào bài ca bỗng trở thành đầy chất thơ của tình yêu.

Chùm ca dao về tình yêu đã mang đến chúng ta bao sắc màu lung linh, tuyệt diệu. Tình yêu dẫu ở thẳm sâu trong trái tim hay bộc trực thoát thành ý muốn táo bạo của người con gái, dẫu là duyên tình lỡ làng của một chàng trai cũng đều khiến ta xúc động, trân trọng khôn nguôi. Nhưng ca dao yêu thương tình nghĩa đâu chỉ độc ca về tình yêu lứa đôi. Người bình dân còn cất lên lời hát về tình nghĩa thủy chung giữa người với người. Họ mượn hình ảnh muối, gừng để diễn tả sự gắn bó sâu nặng của con người. Độ mặn của muối, độ cay của gừng còn có hạn nhưng tình cảm con người mãi son sắt, thủy chung:

*Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hãy còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày*

Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.

Bài ca dao có vẻ đẹp chân mộc, chắc thiết, thực sự mang bản chất của gừng cay, muối mặn. Hai dòng thơ đầu tiên nói về đặc tính của muối và gừng – những đặc tính mà hầu như con người ta ai cũng biết. Như vậy, giá trị của chúng không phải là cung cấp thông tin, vì những thông tin kia chẳng có gì mới cả. Điều quan trọng là chúng dọn đường cho ta đi tới chỗ cảm nhận được quyết tâm của nhận vật trữ tình: sống có tình, có nghĩa, mãi thủy chung với người yêu – người bạn đời đã cùng mình nếm trải bao buồn – vui, sướng – khổ... Phải từ hai dòng thơ sau nhìn ngược lên ta

mới thực sự thấy hết ý nghĩa của việc tái khẳng định chân lí: “gừng cay”, “muối mặn”. Một sự khẳng định trong trạng thái trầm tư, mang tính chất của hành động lòng tự dặn lòng. Việc tạo ra một cặp đối xứng gồm: *Muối ba năm muối đang còn mặn* và *gừng chín tháng gừng hãy còn cay*, về bản chất, giống như một hình thức trùng điệp, có tác dụng khắc đậm ý niệm về sự bền lâu. Thông tin quan trọng ở đây dồn tụ vào hai cụm từ: “đang còn”, “hãy còn”, chứ không phải vào hai từ “cay” và “mặn”. Chính ý niệm về sự bền lâu ấy mới quyết định khả năng xứng hợp của hai đối tượng khác nhau là “muối” và “gừng” trong lời nói của nhân vật trữ tình. Nó cũng là điểm mấu chốt có thể gắn kết hai nửa của bài ca dao lại với nhau thành một chỉnh thể. Tất nhiên, người đọc ngày nay vẫn muốn tìm thấy một cái gì khác hơn nữa đã đảm bảo tính logic của liên tưởng đi từ chuyện “muối, gừng” sang chuyện “đôi ta”. Nếu thấu hiểu những nét đặc thù trong sinh hoạt văn hóa của người Việt Nam xưa, ta sẽ thấy những đòi hỏi có lí trên được giải tỏa nhẹ nhàng. Muối và gừng không chỉ tồn tại như một thứ gia vị quen thuộc, thậm chí tối cần thiết trong các món ăn mà còn tồn tại như một vị thuốc dân dã cần dùng trong nhiều trường hợp như đau ốm. Chẳng thế mà trong một bài ca dao khác, người xưa từng nói:

*Tay nâng chén muối, đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.*

Thì ra thế! Nhân vật trữ tình đã trải qua những ngày được chăm sóc yêu thương bởi tay người bạn đời. Muối và gừng, do vậy, ngoài hương vị vốn có của nó, còn tỏa ra hương vị của tình yêu, tình chồng vợ. Thật hoàn toàn tự nhiên khi nói chuyện muối, gừng, ta có thể nghĩ đến chuyện thủy chung son sắt và ngược lại. Dòng cuối của bài ca dao nêu một giả định: *(dù) có xa nhau...* Nếu thực sự hiểu đời, ta hẳn phải biết rằng: trong cuộc sống, hạnh phúc lứa đôi và nhiều thứ hạnh phúc khác luôn chịu những tác động và ngược chiều có tính chất phá ngang. Tuy đang sống bình yên, người ta vẫn có thể phải nghĩ tới thời gian phía trước với bao thử thách. Nhân vật trữ tình trong bài ca dao này cũng vậy. Anh (hay chị) ấy đã thấy, đã thốt lên *(dù) có xa nhau*, nhưng ngay lập tức, chính anh (hay chị) lại đã khẳng định: *Ba vạn sáu ngàn ngày mới xa*. “Ba vạn sáu ngàn ngày” là một trăm năm – con số ước định chỉ giới hạn một đời người. *Ba vạn sáu ngàn ngày mới xa* nghĩa là đến chết mới xa, cũng có nghĩa là chẳng bao giờ xa cả. Một sự khẳng định không dựa trên cảm xúc bùng bột mà đặt cơ sở trên những trải nghiệm sâu sắc về cuộc đời! Đây là một trong các lí do chính đã khiến bài ca dao để lại được trong lòng người tiếp nhận, người đọc bao thế hệ những ấn tượng tốt đẹp về tình – nghĩa – Việt Nam.

Những câu hát than thân, yêu thương tình nghĩa đã thể hiện sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của người bình dân xưa: trong cuộc sống còn nhiều vất vả, cơ cực, đắng cay, họ vẫn sống ân nghĩa, đầm ấm tình người, vẫn luôn khát khao tình yêu, hạnh phúc.

Sáu bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa, mỗi bài lấp lánh một vẻ đẹp riêng nhưng tất cả đều thể hiện những nét đẹp nổi bật trong tâm hồn người bình dân Việt Nam. Đó là ý thức về giá trị bản thân, là tình nghĩa, là tình yêu lứa đôi với những cung bậc, sắc màu phong phú. Hòa mình vào mỗi bài ca đó, mỗi chúng ta sẽ tìm được tâm hồn của chính mình, sẽ thấy tâm hồn mình đồng điệu với tác giả mỗi lời ca ấy.

ĐỀ THI

Trong bài thơ *Vân chữ*, Lê Đạt viết:

*Mỗi công dân đều có một dạng vân tay
Mỗi người nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ
Không trộn lẫn.*

Từ hai đoạn thơ dưới đây, hãy chỉ rõ dạng “vân chữ” “không trộn lẫn” của mỗi nhà thơ:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

(*Đồng chí* – Chính Hữu)

*Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* – Phạm Tiến Duật)

Cảm nhận của em về hai đoạn thơ trên.

**Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc
của Lê Nguyễn Phan Quỳnh,
học sinh trường THCS Nguyễn Du,
tỉnh Hà Tĩnh, năm học 1995 – 1996**

BÀI LÀM

Cõi đời là cõi hữu hạn. Nhà soạn nhạc thiên tài Bét-tô-ven dùng chân tại kiếp sống này và để lại cho đời bản *Sô-nát Ánh trăng* – bản giao hưởng định mệnh. Nhà văn Banzắc trước khi về với đất mẹ dấu yêu cũng ghi lại tên mình trên tượng đài văn học với *Tấn trò đời*. Sự đời “thương hải tang điền”, rồi một ngày kia dòng sông năm tháng sẽ cuốn đi tất cả. Những thành quách lâu đài, những kì quan của tạo hóa rồi cũng sẽ dần phai pha... Thế nhưng, giữa dòng chảy nghiệt ngã ấy, người đời vẫn nhớ đến một ngòi bút Chính Hữu rực lửa; một tiếng thơ gân guốc, ngang tàng Phạm Tiến Duật, đứng như Lê Đạt viết:

*Mỗi công dân đều có một dạng vân tay
Mỗi người nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ
Không trộn lẫn.*

Quan điểm này đã được thể hiện rõ qua đoạn thơ trong bài *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Và đoạn thơ của nhà thơ Phạm Tiến Duật trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*:

*Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Mỗi con người sinh ra đều có một dấu vân tay riêng, mang những đường nét, hình dạng đặc thù, không giống nhau với bất kì ai cho dù đó là anh chị em đồng sinh. Vân tay là dấu hiệu, cũng là cơ sở chuẩn xác để xác minh danh tính của một công

dân, được lưu trữ để xác thực nhân thân, phân biệt với người khác. Với cách nói đầy hình ảnh gợi sự liên hệ tương đồng với vân tay. Nhà thơ là danh hiệu cao quý mà không phải ai cũng có, dù cho *bản chất của mỗi người là nghệ sĩ* (M. Garti), dù cho ai ai cũng có một nhà thơ ẩn khuất trong tâm hồn mình. Hai chữ tài năng đâu phải nhà thơ nào cũng có được. Chỉ có những nhà thơ thật sự xuất chúng mà theo Lê Đạt là có “vân chữ” riêng mới có thể xứng đáng với tiếng gọi “tài năng” này. Với Lê Đạt, nếu như “vân tay” là những đường nét chỉ có duy nhất ở mỗi người, dựa vào đó để phân biệt người này với người khác thì để phân biệt nghệ sĩ thứ thiệt với người nghệ sĩ tầm thường, “vân chữ” là một công cụ đặc lực. Rất nhiều nhà thơ đã sinh ra và ở lại giữa cuộc đời này nhờ vào “vân chữ” – một giọng nói riêng, phong cách nghệ thuật độc đáo và riêng biệt. Cũng giống như vân tay, phong cách nghệ thuật của mỗi người cũng một khác. Đây cũng là lí do cốt yếu tạo nên sự đa dạng cho văn chương.

Sáng tác thơ là quá trình tạo nên một tác phẩm nghệ thuật bằng ngôn từ nhằm truyền tải cảm xúc hay một nội dung ý nghĩa nào đó. Nhưng đặc tính của nó không nằm trong thông điệp tác giả gửi gắm mà nó nằm ở lớp vỏ ngôn từ. Ngôn từ vừa là phương tiện thể hiện, vừa là chính bản chất của một tác phẩm thi ca. Một bài thơ xuất sắc là một bài thơ mà việc bớt đi, thêm vào hay thay đổi dù một chữ cũng làm giảm đi giá trị của nó. Bởi vậy chất lọc và sử dụng ngôn từ đạt đến tinh hoa thẩm mỹ đều là việc mà bất cứ nhà thơ nào cũng phải hướng tới, một khi đã muốn khẳng định và duy trì sự hiện tồn của mình trong một nền văn học. Không chỉ vậy, việc chất lọc và sử dụng đó còn cần mang một cá tính sáng tạo riêng, một phong cách không trùng lặp, đó chính là “vân chữ” mà Lê Đạt nhắc đến. Từ lịch sử văn học thế giới nói chung và lịch sử văn học Việt Nam nói riêng, có thể thấy khi nhà thơ đáp ứng được những đòi hỏi đó, thì tác phẩm và tên tuổi của họ sẽ trường tồn mãi với thời gian. Tiêu biểu cho nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 là hai tác giả Chính Hữu và Phạm Tiến Duật, cho dù cùng viết về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, song mỗi nhà thơ đều có một nét đẹp rất riêng, rất độc đáo trong sáng tác, thể hiện qua đoạn trích của hai bài thơ *Đồng chí* và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.

Khổ thơ cuối của bài thơ *Đồng chí* là một minh chứng rõ nét cho “vân chữ” tài tình của Chính Hữu. Bài thơ đã kết thúc bằng bức tranh đẹp của tình đồng chí. Mạch tình cảm tuôn chảy dạt dào, tới ba câu cuối lại là tiếng nói của đất trời. Hơn thế nữa, đọc tác phẩm *Đồng chí* ta cảm nhận được sự lớn lên trong tâm hồn người chiến sĩ qua tình cảm lớn là tình đồng chí:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Câu thơ vừa tả cảnh thực, vừa mang nét tượng trưng. Tác giả tả cảnh những người lính phục kích chờ giặc trong đêm sương muối. Cái buốt lạnh và cái im lìm đen cô liêu, trong bức tranh như tạc vào không gian bức tượng kì vĩ của hai người chiến sĩ chuẩn bị xung trận... Nhịp thơ đều đều 2/2/2 – 2/2/3 cô đọng tất cả nét đẹp của những người lính. Đó cũng chính là vẻ đẹp ngời sáng trong gian khổ của người lính. Vượt lên trên tất cả, tình đồng đội, đồng chí như được sưởi ấm bằng những trái tim người lính đầy nhiệt huyết.

Trong giá lạnh của rừng đông Việt Bắc các anh vẫn đứng cạnh giữ bầu trời Việt Nam dù đêm đã khuya, sương đã xuống, màn đêm cũng chìm vào quên lãng.

Hình ảnh người lính bỗng trở nên đẹp hơn, thơ mộng hơn. Đứng cạnh bên nhau sẵn sàng chiến đấu. Chính Hữu đã khắc họa hiện thực khó khăn mà người lính gặp phải. Đối mặt với những khó khăn đó, những người lính không hề một chút sợ hãi, những thử thách giữa nơi rừng thiêng nước độc cứ kéo đến liên miên nhưng người lính vẫn đứng vững. Rừng hoang im lặng chỉ có sương muối bay động tỏa đầy mang theo giá buốt của rừng đêm. Sương muối vây bủa là sự đe dọa chung của đất trời, giặc tới là sự đe dọa của bọn người xâm lược. Cả hai đều nguy hiểm, nhưng anh – tôi nào có sợ gì. Chiến sĩ của ta chấp nhận và chủ động chờ, chủ động như những con người:

*Lột sắt đường tàu
Rèn thêm dao kiếm
Áo vải chân không
Đi lòng đánh giặc.*

(Nhớ – Hồng Nguyên)

Thật là bức tranh đơn sơ, thi vị về người lính trong một đêm “chờ giặc tới” giữa nơi rừng hoang sương muối. Những người lính kẻ vai, sát cánh cùng hướng mũi súng vào kẻ thù. Trong cái vắng lặng bát ngát của rừng khuya, trăng bất ngờ xuất hiện chơi vơi lơ lửng nơi đầu súng. Âm trầm sắc của từ cuối của hai câu thơ: “muối”, “tới” như đẩy sự hồi hộp, lo âu đến đỉnh cao thì *đầu súng trăng treo* – một hình ảnh cô đọng giàu cảm xúc. Nhưng Chính Hữu đã dùng hình ảnh vàng trắng treo trên đầu súng tạo ra những liên tưởng phong phú và giàu chất lãng mạn. Một hình ảnh nên thơ nhưng cũng đậm chất chân thực, trữ tình. Một sự quyện hòa giữa không gian, thời gian, ánh trăng và người lính. Cái thực đan xen vào cái mộng, cái dũng khí chiến đấu đan xen vào tình yêu làm cho biểu tượng người lính không những chân thực mà còn rục rờ đến lạ kì.

Chất lính hòa vào chất thơ, chất trữ tình hòa vào chất cách mạng, chất thép hòa vào chất thi ca. Độ rung động và xao xuyến của cả bài thơ có lẽ chỉ nhờ vào hình ảnh ánh trăng này. Tình đồng chí cũng thế, lan tỏa trong không gian, xoa dịu nỗi nhớ, làm vơi đi cái giá lạnh của màn đêm, người chiến sĩ như cất cao tiếng hát ngợi ca tình đồng chí. Thiêng liêng biết nhường nào, hình ảnh những người lính, những anh bộ đội Cụ Hồ sát cạnh vai nhau “kẻ vai sát cánh” cùng chiến hào đấu tranh giành độc lập. Ánh trăng đã trở thành người bạn gắn liền với những năm tháng chiến đấu của người lính:

*Hội chiến tranh ở rừng
Vàng trắng thành tri kỉ.*

(Ánh trăng – Nguyễn Duy)

“Súng” và “trăng” ở đây đã trở thành một cặp đồng chí. Cặp đồng chí này nói về cặp đồng chí kia, nó gọi đến cái vô cùng. Súng và trăng – gần và xa; cứng rắn và dịu hiền; chiến sĩ và thi sĩ; chất chiến đấu và chất trữ tình; súng và trăng... là biểu tượng tình đồng chí.

Bốn chữ: *Đầu súng trăng treo* chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, như *nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh, trong bát ngát...* (Nhà thơ nói về tác phẩm) gây sự chú ý cho người đọc. Vàng trắng “treo” nếu không làm thì đây là trăng đầu tháng, vàng trắng lưỡi liềm khi mà vai các chiến sĩ đã ướt đẫm sương muối tức là đêm đã về khuya gần sáng, sương càng ngày càng lạnh, phía Đông vàng trăng lưỡi liềm nhô lên đầu súng trên mũi lưỡi lê nhọn hoắt sáng lóa. Giống như quãng lửa cầm hờn tích tụ vụt lóe lên, ánh bình minh sẽ là bước tiếp theo sau trận phục kích địch báo hiệu ngày mới của tương lai trông đợi đang đến, trong một trận

đánh mặt phục sự im lặng đến nao lòng, có thể nghe rõ nhịp đập của con tim, tình đồng đội đồng chí lại càng gắn chặt. Khi các anh “tay nắm lấy bàn tay” nhau không chỉ truyền cho nhau hơi ấm trong đêm tàn, mà còn báo cho nhau hiệu lệnh xung phong khi đến giờ xuất kích trong “rừng hoang sương muối”. Đứng kề bên nhau “chờ giặc tới” những phút giây hồi hộp, những nỗi lòng gửi gắm cho nhau, cùng nhau chiến đấu có thể hi sinh, truyền cho những nỗi niềm và dự cảm: sự cô đọng của tứ thơ ở đây làm cho ta có cảm giác không gian của núi rừng đêm mùa đông như lắng lại.

Cảm giác của đêm vắng lặng, chứa chất cái sục sôi nhưng cũng rất nên thơ... cái bao quát chỉ có thể dành cho người trong cuộc, bởi không ai có thể biết được đó là những bóng người, có chăng trong đêm mật phục ấy, người chiến sĩ mới chớp lấy giây phút tĩnh cảnh trong đêm tối mịt mùng bỗng chói lòa vàng trắng đầu súng và kip ghi lại hình ảnh trước giờ xung trận có một không hai. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gọi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, hi sinh; “trăng” là biểu tượng của cái đẹp hòa bình, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là “một cặp đồng chí” tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Hòa bình treo trên sự hiểm nguy, muốn vĩnh viễn có trăng hòa bình thì cần phải chủ động chấp nhận đổi đầu, phải dũng cảm chờ giặc tới để tiêu diệt chúng ngay. Sau đó, *đạp quân thù xuống đất đen, súng quom vứt bỏ lại hiển như xưa* (Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi) thôi.

“Súng” và “trăng” kết thành một không gian thơ trữ tình, là biểu tượng cho tình thần dũng cảm, hào hoa muôn thuở của dân tộc nói chung và người lính nói riêng. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng. Sự kết tinh giữa yếu tố hiện thực và tình cảm lãng mạn, trong trẻo, là màu sắc mới mẻ mà Chính Hữu sớm mang lại cho thơ ca. Cái đẹp của người chiến sĩ trong bài thơ là ở đó – có sự hòa quyện giữa thép và tình, chất mộc mạc của vùng “nước mặn đồng chua”, sự khô cằn của nơi “đất cày lên sỏi đá” đã hòa quyện trong tình yêu nước để xây lên bài ca về tình đồng chí thiêng liêng và cao đẹp.

Thơ là tiếng lòng (Diệp Tiệp), tiếng lòng ấy đã được Chính Hữu dồn nén và kết đọng trong ba câu thơ cuối bài. Chỉ ba câu thơ thôi nhưng thi sĩ đã cho ta một bức tranh phôi quát của chiến tranh vệ quốc vĩ đại từ những người lính nông dân chất phác coi cái chết nhẹ tựa lông hồng – *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh* (Tây Tiến – Quang Dũng), nhưng khi xung trận họ là những anh hùng vụt dậy trong đêm tối rừng hoang lạnh lẽo mang sức mạnh của sự hủy diệt kẻ thù như tia chớp đầu súng. Ta có thể thấy được ba câu thơ đã lột tả được cảnh chiến đấu trong gian khổ của người chiến sĩ thời chiến tranh vệ quốc.

Khác với đoạn thơ trong bài thơ *Đồng chí*, đoạn thơ trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* sử dụng ngôn từ gân guốc, rắn rỏi, chất hiện thực và lãng mạn đan hòa cùng nhau, bài ca chiến trận thấm đẫm màu sắc lãng mạn. Thê thơ tám chữ có xen lẫn chín chữ. Điều này cũng mang nét tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Phạm Tiến Duật, trẻ trung, sôi nổi, yêu đời.

Khổ thơ dựng lên hai hình ảnh đối lập đầy kịch tính, rất bất ngờ và thú vị làm nổi bật sự khốc liệt trong chiến tranh nhưng cũng làm nổi bật ý chí chiến đấu, quyết

tâm sắt đá, tình cảm sâu đậm với miền Nam ruột thịt. Đó là sự thống nhất giữa hai sự vật tưởng như tương phản gợi ấn tượng về chất thơ lãng mạn và sự trần trụi khốc liệt.

Hai câu thơ đã đưa người đọc về những năm tháng của hào khí khói lửa trên tuyến đường huyền thoại:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước.

Câu thơ dồn dập những mất mát, khó khăn do quân địch gieo xuống, do đường trường gây ra: những chiếc xe bị hư hỏng nhiều hơn “không kính, không mui, không đèn, thùng xe có xước...” và biết bao chiến sĩ đã dừng cảm hi sinh. Điệp ngữ “không có” nhắc lại ba lần như nhân lên nhiều lần thử thách khốc liệt. Hai dòng thơ ngắt làm bốn khúc như những chặng gập ghềnh, khúc khuỷu đầy chông gai, bom đạn... Ấy vậy mà những chiếc xe như những chiến sĩ kiên cường vượt lên trên bom đạn, hăm hở lao ra tiền tuyến với một tình cảm thiêng liêng:

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Hai câu thơ đã khắc đậm hình ảnh đẹp về người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn rực lửa. Âm điệu đối chọi mà trôi chảy, êm ru. Hình ảnh đậm nét. Những chiếc xe ấy đã bị bom đạn chiến tranh phá hủy nặng nề, mất đi cả những hệ số an toàn, tưởng như không thể lặn bánh. Vậy mà những người chiến sĩ lái xe đâu có chịu dừng. Những chiếc xe vận tải của họ chở lương thực, thuốc men, đạn dược... vẫn chạy trong bom rơi đạn lửa bởi phía trước là miền Nam đang vẫy gọi. Vậy là đoàn xe đã chiến thắng, vượt lên bom đạn, hăm hở tiến ra phía trước, hướng ra tiền tuyến lớn với một tình cảm thiêng liêng “vì miền Nam”, vì cuộc chiến đấu giành độc lập thống nhất đất nước đang vẫy gọi.

Công cuộc giành độc lập, tự do của nửa nước vẫn phải tiếp tục. Dù hình ảnh tương phản đối lập, câu thơ không chỉ nêu bật được sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên gian khổ, ác liệt mà còn nêu bật được ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Hơn thế hình ảnh hoán dụ “một trái tim” là hình ảnh đẹp nhất của bài thơ. Hình ảnh trái tim là một hình ảnh hoán dụ tuyệt đẹp gợi ra biết bao ý nghĩa. Trái tim là hình ảnh hội tụ vẻ đẹp tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp và thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh hiên ngang, lòng dũng cảm tuyệt vời. Trái tim mang tinh thần lạc quan và một niềm tin mãnh liệt vào ngày thống nhất hai miền Bắc – Nam để non sông liền một dải. Hình ảnh này kết hợp cùng kết cấu câu “vẫn – chỉ cần” đã lí giải về sức mạnh vượt khó, khẳng định hơn tinh thần hiên ngang bất khuất, sự lạc quan tự tin trong cuộc chiến của người lính lái xe. Thì ra cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ, phẩm chất anh hùng của người cầm lái tích tụ, đọng kết lại ở “trái tim” gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa tình yêu thương này. Phải chăng chính trái tim con người đã cầm lái? Không! Chính tình yêu Tổ quốc, tình yêu thương đồng bào, đồng chí ở miền Nam đau khổ đã khích lệ, động viên người chiến sĩ vận tải vượt khó khăn gian khổ, luôn lạc quan, bình tĩnh nắm chắc tay lái, nhìn thật đúng hướng để đưa đoàn xe khẩn trương tới đích.

Ấn sâu ý nghĩa trái tim cầm lái, câu thơ còn muốn hướng người đọc về một chân lí của thời đại chúng ta: Sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí, là công cụ... mà là con người – con người mang trái tim nồng nàn yêu thương, ý chí kiên cường dũng cảm, niềm lạc quan và một niềm tin vững chắc về ngày mai toàn

thắng sẽ về ta. Có thể nói hay nhất là câu thơ cuối cùng này. Nó là nhân tự, là con mắt của bài thơ, bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp của hình tượng người chiến sĩ lái xe trong tứ thơ. Vẫn là cách nói thần nhiên ngang tàng của những lính trẻ, nhưng câu thơ lại lắng sâu một tinh thần trách nhiệm và có ý nghĩa như một lời thề thiêng liêng. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có đạn bom nào của kẻ thù có thể làm lay chuyển được. Chính điều đó đã tạo nên cho họ sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng để chúng ta mãi mãi yêu quý và cảm phục.

Hai đoạn thơ đều viết về một giai đoạn hào hùng của dân tộc: 1945 – 1975 – giai đoạn kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, bên cạnh chủ đề khác nhau còn được thể hiện theo hai phong cách nghệ thuật khác nhau. Một bên lãng mạn đan hòa hiện thực, tinh tế, hàm súc; một bên gân guốc, ý thơ sôi nổi như bay bay. Sự khác nhau giữa hai phong cách là do Chính Hữu trực tiếp tham gia cách mạng trong những ngày đầu gian khổ, lại là một người lính nông dân, vì thế ngôn ngữ thơ ông cô đọng, hàm súc, hình ảnh chọn lọc. Còn Phạm Tiến Duật vốn là một nhà thơ mang ngòi bút với vẻ đẹp trẻ trung, sôi nổi, lại từng trực tiếp tham gia vào đoàn vận tải nên những hình ảnh được khắc họa lại vô cùng chân thực.

Như vậy, mỗi bài thơ đều có phong cách rất riêng, khơi gợi lên trong lòng độc giả những sắc thái cảm xúc khác nhau. Đó chính là “vân chữ” của mỗi tác giả, tạo nên giá trị riêng cho mỗi bài thơ, làm nên sự nổi tiếng và sức sống lâu bền cho tác phẩm. Viết ra được những lời thơ hay như vậy không chỉ nhờ vào tài năng mà còn là khả năng đào sâu, tìm tòi những điều mới mẻ và những cảm xúc, cảm nhận riêng của từng tác giả. Có thể nói Chính Hữu và Phạm Tiến Duật là những người nghệ sĩ thứ thiệt với mỗi “dạng vân chữ” độc tôn, “không trộn lẫn” của riêng mình.

Sê-đrin từng nói: *Văn học vượt qua mọi quy luật băng hoại của thời gian. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết.* Đồng chí của Chính Hữu và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật là những minh chứng hùng hồn cho nhận định muôn thuở ấy. Những vân thơ ấy sẽ mãi ngân vang, bay xa trên thi đàn văn học nước nhà để mỗi người dân Việt Nam đều có quyền tự hào nói rằng chúng ta đã từng có một Chính Hữu như thế, một Phạm Tiến Duật như thế!

ĐỀ THI

Nếu bỏ qua chi tiết chiếc bóng, theo em tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ sẽ trở nên như thế nào? Từ đó, hãy cảm nhận về giá trị của chi tiết này trong tác phẩm.

Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc của Đoàn Vân Nga, học sinh lớp 9B2, trường THCS Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm học 1996 – 1997

BÀI LÀM 1

Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận. Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Ai đó đã từng nói: *Chi tiết nghệ thuật là hạt bụi vàng của tác phẩm.* Nó có thể nhỏ bé như một hạt cát nhưng đủ để độc giả hình dung về một sa mạc mênh mông. Chi tiết nghệ thuật có thể chỉ như một giọt nước nhưng gợi được biển cả vô cùng vô tận. Chi tiết “chiếc

bóng” trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ là một chi tiết nghệ thuật đắt giá như thế.

Chuyện người con gái Nam Xương – tác phẩm trích trong *Truyền kì mạn lục* một tác phẩm văn xuôi có giá trị của văn học cổ nước ta ở thế kỉ XVI, tập truyện văn xuôi đầu tiên viết bằng chữ Hán ở Việt Nam. Nhân vật chính là Vũ Nương, một phụ nữ đẹp người, đẹp nết đã phải lấy cái chết để minh oan trước sự ghen tuông vô cớ của chồng mình.

Đúng như văn hào vĩ đại người Nga M. Gooor-ki từng nói: *Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn*. Chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thì yếu tố quyết định sức truyền cảm, hấp dẫn người đọc là chi tiết. Nhờ chi tiết mà các sự việc trong cốt truyện được triển khai và phát triển hợp lí, tự nhiên. Thông qua chi tiết mà cảnh trí, tình huống, tính cách, tâm trạng, hình dáng và số phận nhân vật được khắc họa, bộc lộ đầy đủ, rõ nét. Trong một tác phẩm văn học, chi tiết là sự đặc tả cụ thể tạo nên sức hấp dẫn, chứa đựng tư tưởng nghệ thuật của nhà văn và tác phẩm. Chi tiết “chiếc bóng” được đánh giá là chi tiết đặc sắc và đắt giá nhất bởi ý nghĩa sâu sắc và nghệ thuật to lớn của nó đối với toàn bộ thiên truyện.

Chi tiết “chiếc bóng” xuất hiện hai lần trong tác phẩm và đều ở phần giữa của thiên truyện. Cả hai lần, chi tiết ấy đều gián tiếp xuất hiện trong lời nói của nhân vật bé Đản – con trai của Vũ Nương và Trương Sinh. Lần đầu là khi Trương Sinh mới trở về sau chinh chiến, nghe chàng xưng là cha, bé Đản không khỏi ngạc nhiên: *Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư?* Bởi: *Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.* Lần thứ hai là khi Vũ Nương đã trầm mình xuống dòng Hoàng Giang, một mình ngồi bên con trong đêm khuya thanh vắng, Trương Sinh võ òa trong đau đớn khi nhận ra “chiếc bóng” là điều mà bé Đản nói đến bấy lâu nay khi đưa con ngâm thơ chỉ bóng chàng trên vách tường: *Cha Đản lại đến kia kìa!*

Là một điểm sáng thẩm mỹ của tác phẩm, chi tiết “chiếc bóng” có vị trí không thể thiếu trong sự phát triển cốt truyện, gắn liền với bước ngoặt trong cuộc đời của Vũ Nương. Trước hết, chi tiết “chiếc bóng” là điểm thắt nút đầy kịch tính của câu chuyện lên cao độ trong chuỗi sự việc của tác phẩm. Nhờ đó, Nguyễn Dữ đã xây dựng được được một tình huống truyện đầy ngẫu hứng nhưng lại lôgic, chặt chẽ và cũng rất tự nhiên. Người xưa vẫn dạy: *Ra đường hỏi già, về nhà hỏi trẻ*. Lời nói của bé Đản vì thế càng khiến cho Trương Sinh tin tưởng không chút nghi ngờ nhiều điều chưa rõ ràng trong đó. Nhưng quả thực, bé Đản cũng không nói sai. Vấn đề nằm ở sự thiếu rõ ràng trong câu nói lại đặt vào bản tính đa nghi, hay ghen và bảo thủ của Trương Sinh, chính điều này đã đẩy Vũ Nương vào một tình huống nghiệt ngã không lối thoát. Nếu như không có chi tiết “chiếc bóng”, có thể nói, thật khó có thể tạo nên tình huống độc đáo và thử thách đến vậy cho nhân vật bộc lộ vẻ đẹp về phẩm chất của mình.

Chi tiết “chiếc bóng” chính là hạt nhân tích trữ nỗi oan và cũng là cơn gió mùa thu giải oan cho Vũ Nương. Lần thứ hai xuất hiện, “chiếc bóng” không lời đã giải thích cho Trương Sinh hiểu rõ nỗi oan khuất của vợ mình. Trăm lời thanh minh của Vũ Nương, vạn lời bênh vực của bà con hàng xóm cũng không bằng một tích tắc Trương Sinh nhìn theo tay bé Đản thấy “chiếc bóng” trên vách tường nhà. Trương Sinh vì đa nghi, bảo thủ và ghen tuông mù quáng mà hại chết vợ nhưng rồi bản thân

chàng cũng không có được hạnh phúc, nhận ra “chiếc bóng” chính là “người cha” hàng đêm của con, chàng hiểu ra bao nhiêu cơ sự. Chàng không chỉ hiểu nỗi oan tày trời của vợ mà còn hiểu tình thương con vắng bóng cha của vợ mình, không chỉ nhận ra sai lầm của bản thân mà có lẽ chàng cũng đã tự phá vỡ hạnh phúc tròn đầy mà mình đã từng có. Chẳng cầu kì và dài dòng làm gì, chỉ một chi tiết nhỏ thôi nhưng cũng đủ để người đọc thấy được tài năng của Nguyễn Dữ, “chiếc bóng” kia đến một cách vô tình – nó không lời, lặng thầm mà lại phản ánh sự rui ro, bất hạnh đầy ngẫu nhiên, phản ánh hạnh phúc mong manh của con người trong cuộc sống. Từ chi tiết này, mỗi nhân vật trong câu chuyện đều tự bộc lộ được những tâm trạng, vẻ đẹp của mình. Chàng Trương Sinh đa nghi, bảo thủ và mù quáng; nàng Vũ Nương bất hạnh, thiệt thòi; bé Đản ngây thơ và vô tình mất mẹ vì một sự hiểu lầm tai hại bởi chính lời nói non dại của mình.

Chi tiết “chiếc bóng” không chỉ có ý nghĩa sống còn với cốt truyện và tình huống truyện mà nó còn dồn nén tình cảm sâu sắc của các nhân vật. Với Vũ Nương, “chiếc bóng” chính là sự hiện hữu của tấm lòng nhớ chồng thương con, không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng cha nên mới nói “chiếc bóng” trên vách tường kia là cha bé Đản. Đó là lời nói dối, nhưng nó xuất phát từ tình yêu thương con tha thiết của người phụ nữ. Với bé Đản, mới ba tuổi nên còn ngây thơ và hồn nhiên, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin về một người cha như thế, đêm nào cũng đến, hiện hữu trên vách tường nhà, dưới ngọn đèn dầu đêm khuya. Với Trương Sinh, “chiếc bóng” vừa là một bài học cay đắng, vừa cho thấy sự độc đoán và mù quáng của chàng khi trút lên vợ mình. Với tác phẩm, chi tiết “cái bóng” là đỉnh điểm thắt nút câu chuyện, đem lại bước ngoặt và xung đột sâu sắc cho tác phẩm. Yếu tố kịch tính càng được đẩy lên đến gay gắt và nung nấu hơn khi Trương Sinh không chịu nói ra, không kể lời con mà chỉ lấy chuyện bóng gió máng nhיע, đánh đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà. Đây cũng là một tình huống giúp Nguyễn Dữ đặc tả thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Hay như:

*Thân em như giếng giữa làng
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.*

(Ca dao)

Như vậy, nỗi oan của Vũ Nương được buộc bởi chính hành động của nàng mỗi ngày, bởi lời của đứa con mà nàng dứt ruột đẻ ra và bởi sự tàn nhẫn của người chồng đầu gối tay ấp. Nàng rơi vào bi kịch bởi chính “cái bóng” của mình, hạnh phúc bao lâu nay mà Vũ Nương luôn cố gắng vun đắp, “giữ gìn khuôn phép” đã tan thành mây khói không thể nào cứu vãn nổi. Hạnh phúc với người phụ nữ thật mong manh, ngắn ngủi, luôn có những bất trắc, rui ro, nghịch lí vụn vào cuộc đời họ, đẩy họ tới bước đường cùng.

Cũng như chi tiết “chiếc lá thường xuân” trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O. Henri. “Chiếc bóng” trên vách tường là người giả, “chiếc lá” trên tường là lá giả, nhưng hai chi tiết ở hai thiên truyện, hai cái giả ấy đã đẩy cốt truyện lên cao trào, đã đưa đến hai sự thật đối nghịch nhau: cái chết oan khuất và sự sống ý nghĩa. Con người vững lòng tin ở sự sống trong việc chờ chồng nuôi con như Vũ

Nương vì “cái bóng” mà phải tìm đến cái chết, còn con người đang tuyệt vọng trong cuộc chiến với bệnh tật, đang đi dần vào cõi chết như Giôn-xi lại tìm thấy sự sống. Hai chi tiết nghệ thuật với những quan niệm nhân sinh sâu sắc mà mỗi tác giả muốn gửi gắm, chứa đựng cảm xúc và tư tưởng đáng quý trọng.

Chiếc bóng tạo sự bất ngờ, tính hấp dẫn của tình huống, sự chặt chẽ cho cốt truyện, tạo sự thất nút, mở nút rất hợp lí. Chi tiết này được đề xuống cuối phần thứ hai của truyện, sau khi Vũ Nương không còn nữa, chuyện đau xót nhất đã xảy ra và sai lầm không thể làm lại, mâu thuẫn được đẩy lên đỉnh điểm thành bi kịch. Do đó tính tố cáo cũng sâu sắc, mạnh mẽ hơn. Điều này thể hiện tài năng của Nguyễn Dữ. Như vậy chi tiết này thể hiện rất rõ tư tưởng nhân đạo (thương xót, đồng cảm với những người phụ nữ bất hạnh, bênh vực người phụ nữ, phê phán tư tưởng trọng nam khinh nữ, thói gia trưởng, ích kỉ của những người đàn ông trong xã hội phong kiến...), đồng thời cũng cho thấy tài năng của tác giả.

Chi tiết nghệ thuật “cái bóng” cùng tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* là lời tố cáo xã hội phong kiến vùi dập một người phụ nữ xinh đẹp và đức hạnh. Đồng thời, nó cũng là lời nhắc nhở mỗi chúng ta trong cuộc sống không nên vội vàng phán xét người khác khi những mối nghi ngờ diễn ra cần thẳng thắn giải quyết. Cuộc sống luôn chứa đựng những rủi ro khó lường nên mỗi khoảnh khắc và những gì mình đang có đều đáng được người mẹ, người chị trong gia đình trân trọng bởi họ là những người vun vén hạnh phúc bằng tất cả sự hi sinh thâm lặng, sự tảo tần và tình yêu thương hết mình vì cuộc sống hạnh phúc gia đình.

Mỗi tác phẩm văn học xuất sắc giống như một *tảng băng trôi* (Hê-minh-uê) ôm chứa trong lòng nó biết bao giá trị tiềm ẩn. Những chi tiết đắt giá có ý nghĩa như tấm gương soi giúp người đọc nhìn thấu vẻ đẹp và giá trị tiềm ẩn đó. Và “cái bóng” cũng chính là một chi tiết đáng quý như vậy trong *Chuyện người con gái Nam Xương*. Đi qua một hành trình gần năm thế kỉ, bụi thời gian đã phủ dày lên mọi vật trên cuộc đời này, thế nhưng sức sống cùng vẻ đẹp nhân sinh mà Nguyễn Dữ đã gửi vào trang truyện thì vẫn tỏa sáng. *Chuyện người con gái Nam Xương* giống như một chiếc vỏ ốc nhỏ bé mong manh song lấp lánh sắc màu và từ đó ngân lên những tiếng thì thầm của đại dương sâu thẳm, ngân lên những khúc ca về cuộc sống, tình yêu và khát vọng muôn đời.

**Bài thi đoạt giải Nhì kì thi HSG Văn toàn quốc của Lê Thùy Linh,
học sinh lớp 9C, trường THCS Gia Cẩm,
tỉnh Phú Thọ, năm học 1996 – 1997**

BÀI LÀM 2

Văn học nghệ thuật – sự tổng hòa của thế giới hiện thực khách quan và thế giới tâm hồn của nhà văn – kết tinh trong khả năng sử dụng ngôn ngữ, câu từ, chi tiết nghệ thuật của người nghệ sĩ. Một tác phẩm văn chương thực sự đi vào lòng người khi cho ta cảm nhận được toàn bộ hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, khi nó bộc lộ rõ tấm lòng, tâm tư tình cảm của người cầm bút, và đặc biệt phải giúp người đọc lưu lại trong tâm khảm một ấn tượng thật sự về những chi tiết nghệ thuật đặc sắc mà nhà văn thể hiện qua tác phẩm.

Viết về người phụ nữ luôn là đề tài quen thuộc được thể hiện trong văn học thời trung đại. Viết về họ, Hồ Xuân Hương đã rất thành công với bài thơ *Bánh trôi nước*, đại thi hào Nguyễn Du với kiệt tác *Truyện Kiều* và Nguyễn Dữ – học trò giỏi

của Nguyễn Bình Khiêm với *Chuyện người con gái Nam Xương* – thiên thứ 16 của *Truyện kì mạn lục* – một tác phẩm văn xuôi có giá trị của văn học cổ nước ta giữa thế kỉ XVI, tập truyện văn xuôi đầu tiên viết bằng chữ Hán ở Việt Nam.

Làm nên thành công của một tác phẩm tự sự cần phải kể đến nhiều yếu tố, trong đó không thể không kể đến chi tiết nghệ thuật. Chi tiết là một trong những yếu tố nhỏ nhất, quan trọng nhất để tạo nên một tác phẩm. Chi tiết vốn cụ thể, sống động vì thế khi tạo được một chi tiết độc đáo thì chi tiết đó sẽ có khả năng gợi mở, tạo nhiều ý nghĩa, nhiều liên tưởng thú vị cho người đọc. Bởi thế mới có ý kiến cho rằng: *Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn*. Để làm nên một chi tiết nhỏ có giá trị đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật. Nghệ thuật là một lĩnh vực đặc thù vì thế tâm vóc của người nghệ sĩ có thể được làm nên từ những yếu tố nhỏ nhất ấy. Những nhà văn lớn thường có khả năng sáng tạo được những chi tiết nhỏ nhưng giàu giá trị biểu đạt, góp phần đắc lực trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Chi tiết “chiếc bóng” trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ là một chi tiết như thế.

Chiếc bóng trong *Chuyện người con gái Nam Xương* gắn liền với cốt truyện và gắn liền với cuộc đời, số phận của nhân vật Vũ Nương, nó xuất hiện ba lần trong truyện.

Lần thứ nhất, cái bóng xuất hiện trong lời nói của bé Đản nói với Trương Sinh khi Trương Sinh vừa từ chiến trận trở về:

– *Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*

– *Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.*

Ở chi tiết này, người đọc có thể thấy được lòng vị tha cao cả cũng Vũ Nương. “Chiếc bóng” tô đậm thêm nét đẹp phẩm chất của Vũ Nương trong vai trò người vợ, người mẹ. Đó là nỗi nhớ thương, sự thủy chung, ước muốn đồng nhất “xa mặt nhưng không cách lòng” với người chồng nơi chiến trận; đó là tấm lòng người mẹ muốn khóa lấp sự trống vắng, thiếu hụt tình cảm người cha trong lòng đứa con thơ bé bỏng. Nàng muốn kéo xích gần hơn tình cảm cha con cho bé Đản. Nhưng cái bóng ấy lại chính là điểm thắt nút của câu chuyện. Cái bóng đó chẳng phải là bóng của chính nàng sao? Giống như người con gái trong ca dao xưa:

*Nhớ chàng như mảnh trăng đây
Đêm đêm vàng sáng, hao gầy đêm đêm.*

Bóng ấy chính là bóng nàng hằng đêm thao thức, không ngủ vì mong nhớ, thậm chí thấp thỏm lo âu cho chồng nơi chiến trận. Cảnh ngộ của Vũ Nương khiến ta nhớ tới cảnh người vợ nhớ chồng trong *Lá thư thành phố* của Giang Nam:

*Con nhớ anh thường đêm biếng ngủ
Nó khóc làm em cũng khóc theo
Anh gửi về em manh áo cũ
Đắp cho con đỡ nhớ anh nhiều.*

Vũ Nương đã làm vơi đi nỗi nhớ, nỗi khát khao cha nơi bé Đản, nhưng lại càng khắc sâu thêm nỗi nhớ chồng của mình. Nếu như có ai đó hiểu được tâm trạng này của nàng, đặc biệt là Trương Sinh thì nàng cũng được an ủi phần nào. Song, “chiếc bóng” trong lời nói của đứa con thơ đại lại chính là lời kết tụ sự không đoan chính

của nàng. Nó gieo vào lòng Trương Sinh mối nghi ngờ về tiết hạnh của Vũ Nương, nó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của nàng sau này!

Trở trêu thay, một lời nói của tình mẫu tử lại bị chính đứa con ngây thơ đẩy vào vòng oan nghiệt; chiếc bóng của tình chồng nghĩa vợ, thể hiện nỗi khát khao đoàn tụ, sự thủy chung son sắt lại bị chính người chồng nghi ngờ “thất tiết”. Trương Sinh một mực cho là vợ hư, hết lời mắng nhiếc, mặc cho nàng biện bạch, hàng xóm khuyên can để minh oan, Trương Sinh cũng không nghe. Không chỉ vậy, Vũ Nương còn bị Trương Sinh đánh đuổi đi. Trương Sinh quá đa nghi, hồ đồ, Vũ Nương thì yếu đuối, không đủ sức chống chọi nên đã để sức mạnh của cái bóng gieo vào gia đình họ bi kịch đau đớn, chia lìa. Vũ Nương chịu không nổi, bị đẩy đến đường cùng, nàng đã tìm đến cái chết để bảo toàn danh dự và phẩm giá. Và đến đây, “cái bóng” lại xuất hiện lần thứ hai. Nó làm nhiệm vụ cởi nút cho câu chuyện, giải oan cho Vũ Nương.

Trong một đêm khuya, Trương Sinh ngồi với bé Đản và bất ngờ được bé chỉ bóng chàng trên vách mà nói: *Cha Đản lại đến kia kìa!* Nghe con nói, lúc này Trương Sinh mới tỉnh ngộ, thấu nỗi oan của vợ. Chẳng cần nói năng điều gì, cái bóng chỉ lặng lẽ xuất hiện đã hóa giải được nỗi oan khuất của Vũ Nương và khiến người đọc như vỡ òa trong tiếng khóc thương cho số phận của nhân vật chính. Hạnh phúc thật là mong manh, hư ảo. “Chiếc bóng” là một ẩn dụ – nó mong manh như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:

– *Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

(Ca dao)

Hay:

– *Thân em như giếng giữa làng
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.*

(Ca dao)

Dù là người phụ nữ đức hạnh nhưng họ có thể bất hạnh bởi bất cứ một nguyên nhân vô lí nào mà bản thân không lường trước được. “Chiếc bóng” xuất hiện lần thứ hai đã nói lên một điều: người phụ nữ trong xã hội phong kiến là nạn nhân của bi kịch gia đình, bi kịch xã hội.

“Chiếc bóng” đã xuất hiện bất ngờ và hợp lí vì nó đã diễn tả được mối nhân duyên khập khiễng giữa Trương Sinh với Vũ Nương. Mối nhân duyên chứa đựng nguy cơ tiềm ẩn (Vũ Nương kết duyên cùng Trương Sinh *thất học, đa nghi, ghen tuông, độc đoán*; còn Vũ Nương *tính tình thùy mị, nét na, tư dung tốt đẹp*), cộng với cảnh ngộ chia li bởi chiến tranh chính là nguy cơ tiềm ẩn bùng phát. Câu chuyện thắt nút và cởi nút bởi “cái bóng”. Cái bóng là cái không thực nhưng nó lại quyết định số phận con người. Nó lặng lẽ nhưng lại đem đến cho tác phẩm một chiều sâu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo. Chẳng những thế nó còn đem đến cho tác phẩm một sức hấp dẫn kì lạ.

“Chiếc bóng” xuất hiện ở cuối tác phẩm: *Rời trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.* Chi tiết này thể hiện sự sáng tạo của Nguyễn Dữ so với tích truyện cũ (*Vợ chàng Trương*), tạo nên vẻ đẹp lung linh cho tác phẩm và đem đến cho câu chuyện một kết thúc tưởng như có hậu nhưng lại càng tô đậm thêm bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ. Nguyễn Dữ đã để Vũ Nương trở về, nhưng nàng chỉ trở về trong chốc lát, thoáng, lúc ẩn, lúc hiện giữa dòng sông rồi biến mất. Đối với Vũ Nương, đàn giải oan chỉ là một chút an ủi với người bạc phận chứ

không thể làm sống lại tình xưa nghĩa cũ; nỗi oan được giải, nhưng hạnh phúc thực sự đâu có thể tìm lại được. Tiếng nói của nàng từ giữa dòng sông vọng vào vừa xiết bao đau xót, vừa như một lời kết tội đanh thép xã hội đương thời đã đẩy đọa, đã tàn nhẫn cướp đi cả cuộc đời, cả hạnh phúc của một con người hoàn toàn có quyền được sống và hạnh phúc. Và như thế “chiếc bóng” còn mang ý nghĩa là bài học về hạnh phúc muôn đời: *Một khi đánh mất niềm tin, hạnh phúc chỉ còn là chiếc bóng hư ảo.*

Qua *Chuyện người con gái Nam Xương*, chi tiết “chiếc bóng” đã ba lần xuất hiện, nếu ta thử cắt bỏ đi sự xuất hiện của chi tiết này, một điều chắc chắn là cốt truyện không thể phát triển hoặc nếu phát triển thì sẽ theo hướng khác. Như vậy, chi tiết “chiếc bóng” là một chi tiết quan trọng, là một nét nghệ thuật đặc sắc làm nên thành công cho câu chuyện đồng thời nó còn thể hiện tài năng nghệ thuật và tấm lòng nhân đạo vô bờ của nhà văn Nguyễn Dữ. Vì thế, quả là không sai khi người ta nói: *Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn.*

Nhà văn để có được một truyện ngắn hay phải có một tài năng nghệ thuật đích thực, tài năng đó có thể phát triển hoặc mất đi nếu nhà văn không bồi dưỡng nó. Sự học hỏi không ngừng, sự lao động nghiêm túc, công phu của người nghệ sĩ là phẩm chất cần thiết để có tác phẩm giá trị. Chất nhụy mà tác phẩm ấy kết tinh có đúng đắn, phù hợp, có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc hay không, điều quan trọng là ở người sáng tạo. Người nghệ sĩ phải có con mắt tinh tường để khám phá bản chất hiện thực, óc tư duy tưởng tượng để phân tích, đánh giá và có tài năng để xây dựng nên những hình tượng lớn, chi tiết đắt để chờ đi quan điểm của mình. Đặc biệt tác phẩm truyện ngắn của tác giả phải là sự hài hòa, tổng kết ở độ chín nhất của hình thức biểu hiện và nội dung khám phá.

Lao động trong sáng tạo nghệ thuật là một thứ lao động đặc thù, đòi hỏi sự công phu của người nghệ sĩ. Nhà văn hiện lên qua tác phẩm, qua nhân vật của mình giúp ta biết yêu, biết căm thù và đấu tranh cho cái đẹp, cái thiện vì hai tiếng CON NGƯỜI.

ĐỀ THI

Có ý kiến cho rằng: *Mã Giám Sinh là đại diện tiêu biểu của thế lực tàn ác trong thế giới “Truyện Kiều” đã chà đạp lên sắc tài và nhân phẩm của người phụ nữ.*

Qua đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc
của Phan Vũ Kim Hiền,

học sinh trường THCS Mê Linh,

Thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, năm học 1997 – 1998

BÀI LÀM

Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

(Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tố Hữu)

Trên cõi đời này còn gì hạnh phúc hơn tiếng thương của tình người như lời mẹ ru ta thuở nằm nôi. “Tiếng thương” ấy là gì mà sao ta thấy thật gần gũi, tha thiết, sâu lắng mà mệnh mông trong cả sự nghiệp văn chương của nhà thơ thiên tài Nguyễn Du? Không chỉ là khúc ca thấm đượm lòng nhân ái, *Truyện Kiều* còn là bản cáo trạng phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XVIII với những chân dung

phản diện điển hình như: lũ buôn thịt bán người Tú Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh; phường ma cô lừa lọc Mã Giám Sinh, Sở Khanh, kẻ đốn mạt Hồ Tôn Hiến, lũ quan lại tham ô... Ngòi bút của Nguyễn Du tỏ ra sắc sảo và thần tình khi tái hiện chúng. Trong đó, chân dung Mã Giám Sinh xấu xa, bỉ ổi được khắc họa thật sống động qua đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*.

Đoạn trích là những câu thơ đầu tiên trong phần thứ hai của truyện: *Gia biến và lưu lạc*. Vì bị vu oan, gia đình Kiều rơi vào cảnh nhà tan cửa nát. Bọn sai nha ra sức bóc lột, hành hạ cha và em nàng:

*Một ngày lạ thói sai nha
Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền.*

Cũng chính vì đồng tiền phi nhân tính, một gia đình thiện lương đang êm ấm bỗng gặp tai ương:

*Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ
Tiếng oán dậy đất, án ngờ lừa mảy.*

Đồng tiền trong xã hội ấy có sức mạnh vạn năng: *Trong tay sẵn có đồng tiền/ Dẫu rằng đổi trắng thay đen khó gì*. Bởi thế khi một nhà dịch mách nước: *Tính bài lót đó luôn đây/ Có ba trăm lượng việc này mới xong*, Thúy Kiều đã quyết bán mình để lấy tiền chuộc cha và cứu gia đình khỏi cơn tai họa.

Đoạn trích kể lại cảnh Mã Giám Sinh đến mua Kiều, mở đầu kiếp đoạn trường của Kiều. Thông qua miêu tả nhân vật này trong lễ vấn danh, trong cuộc cò kê mua bán, Nguyễn Du đã lên tiếng phê phán, tố cáo những thế lực xấu xa chà đạp sắc tài và nhân phẩm người phụ nữ.

Khi miêu tả sự xuất hiện của Kim Trọng, Nguyễn Du đã đặt nhân vật trong một không gian thơ mộng, tươi sáng:

*Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.*

Hoàn toàn khác với bút pháp miêu tả Kim Trọng, Tố Như dùng bút pháp tả thực, giới thiệu trực tiếp hoàn cảnh xuất hiện của Mã Giám Sinh:

*Gần miền có một mụ nào
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.*

Dù được “băng nhân” giới thiệu tới Kiều:

*Sự lòng ngỏ với băng nhân
Tin sương đôn đại xa gần xôn xao*

nhưng lai lịch của Mã Giám Sinh vẫn rất mờ ám, chỉ biết đây là người khách từ xa tới. Đặc biệt lời hỏi – đáp trong lễ vấn danh của hắn cũng mâu thuẫn với lời giới thiệu ở trên:

*Hỏi tên: “Rằng Mã Giám Sinh
Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần”.*

Vừa được băng nhân giới thiệu là khách phương xa, họ Mã đã ngay lập tức nói mình ở “huyện Lâm Thanh cũng gần”. Hơn thế nữa, hai câu trả lời của hắn đều cộc lốc, thiếu lễ độ. Hỏi tên hắn chỉ đáp “Mã Giám Sinh”, mà hai từ “Giám Sinh” chỉ là tên gọi học trò ở Quốc Tử Giám hoặc là một chức quan người ta mua của triều đình. Mã Giám Sinh trả lời mà lại như chưa trả lời, người nghe chẳng thể biết địa chỉ cụ thể, gia cảnh, học vấn của hắn ra sao. Cách miêu tả trần trụi, thuần túy kể chuyện và triệt để loại bỏ tính ước lệ khi giới thiệu nhân vật đã gián tiếp thể hiện thái độ căm ghét của nhà thơ với nhân vật.

Cùng với lai lịch, bộ mặt của Mã Giám Sinh cũng được miêu tả cận cảnh:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.*

Tuổi tác ngoài bốn mươi nhưng việc ăn vận, chỉnh trang thái quá: *Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao* không những không tạo ra vẻ đẹp tự nhiên mà còn lột tả đúng đặc trưng nghề nghiệp của nhân vật, cái nghề đi lừa gạt và mua những cô gái nhà lành. Chỉ với hai từ láy “nhẵn nhụi” và “bảnh bao”, câu thơ đã bóc trần bản chất của một tên buôn người phủ lên mình vẻ bề ngoài hào nhoáng, bóng bẩy nhưng không phù hợp với lứa tuổi. Vẻ bề ngoài ấy khiến chúng ta liên tưởng đến ngoại hình của Tú Bà:

*Thoắt trông nhờn nhọt màu da
Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao!*

“Nhẵn nhụi”, “bảnh bao”, “nhờn nhọt màu da” đều là những chi tiết đắt giá, đã phơi bày bản chất đáng ghê sợ của những kẻ buôn người.

Sự mỉa mai, đả kích càng trở nên thâm thúy trong cách miêu tả hành động của Mã Giám Sinh:

*Trước thầy sau tớ lao xao
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang
Ghế trên ngòi tốt sỗ sàng
Buồng trong mối giục đã nằng kíp ra.*

Cưới hỏi là một nghi lễ truyền thống, trang trọng và thiêng liêng. Sự việc Mã Giám Sinh đến hỏi Thúy Kiều có vẻ ngoài của một đám hỏi, một đoàn người náo nhiệt, cũng chủ tớ đi theo trật tự “trước thầy sau tớ”, nhưng về bản chất, nó hoàn toàn không mang ý nghĩa thiêng liêng hay niềm vui nghi gia nghi thất. Đó không phải là một đoàn người uy nghi có lễ giáo mà chỉ là một đám lộn xộn, bát nháo, ồn ào như cảnh:

*Người nách thước kẻ tay đao
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.*

Điều này được gợi ra bởi từ láy “lao xao”. Đoàn người ấy trái ngược hoàn toàn với vẻ trang nhã, cao sang, ung dung, lịch sự theo đúng lễ giáo và phong cách kẻ sĩ của Kim Trọng:

*Trông chừng thấy một văn nhân
Lông buông tay khâu bước lẫm dậm băng
Đề huề lưng túi gió trăng
Sau chân theo một vài thằng con con.*

Có sự đối sánh ấy ta mới càng thấy rõ sự hợm hĩnh khi giới thiệu mình là một Giám Sinh, một người có học thức của tên buôn người. Sự sỗ sàng, vô học còn được đặc tả bởi từ “tốt”. “Ghế trên” vốn là ghế của các vị trưởng bối, ghế dành cho các bậc cao niên đáng kính, vậy mà tên họ Mã lại “ngồi tốt” thật “sỗ sàng” chướng mắt, vô lễ. Hơn nữa, “tốt” không chỉ là động từ miêu tả hành động lỗ mãng của Mã Giám Sinh mà còn mang hơi hướng của một tính từ miêu tả dáng ngồi thiếu văn hóa, kém lịch sự có phần ngây ngô con trẻ của một người sắp lên lão làng. Rõ ràng, Mã Giám Sinh càng cố đóng vai chàng trai đi hỏi vợ, thì càng trở nên kệt cỡm. Bản chất con buôn lộ ra trong mỗi từ ngữ miêu tả. Qua từ láy “lao xao”, “sỗ sàng” và từ đặc tả “tốt”, Nguyễn Du đã ném cái nhìn khinh bỉ, căm giận vào kẻ thô lỗ, vô học, lố lăng ấy.

Bản chất bất nhân, con buôn vì tiền lợi càng được bộc lộ đầy đủ, sâu sắc hơn khi gặp Thúy Kiều:

Đắn đo cân sắc cân tài

*Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ
Mặn nồng một vẻ một ưa
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt diu.*

Thúy Kiều bước ra trong tình cảnh tội nghiệp, trong nỗi đau đớn, tái tê nhưng với bản tính bất nhân sẵn có, trong tên họ Mã đầu có để ý gì, đầu có chút cảm thông, thương xót như tình người, tình đời đáng ra phải thế. Hấn làm ngơ trước tất cả, thậm chí dựa vào tình cảm ấy mà chà đạp lên tài sắc và nhân phẩm của Thúy Kiều. Hấn “ép cung cầm nguyệt”, bắt Kiều gảy đàn, lại “thử bài quạt thơ”, yêu cầu nàng đề thơ lên quạt để thử tài. Một con người tài hoa trước mắt tên vô học trong xã hội phi nhân tính buộc lòng trở thành món hàng. Là người tài hoa toàn vẹn, sắc sảo, đáng lí Kiều phải được trân trọng, nâng niu thì giờ đây nàng trở thành những thuộc tính cần có của món hàng để người mua đắn đo, xem xét: *Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt diu*. Viết nên những câu thơ này, Nguyễn Du có lẽ đã nén bao nhiêu đau đớn, xót xa trước tình cảnh con người bị hạ thấp, bị chà đạp và biết bao phần uất, khinh bỉ, căm giận bọn buôn người bất nhân, tàn bạo.

Kẻ bất nhân ấy, nói những lời hết sức hoa mỹ:

*Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?”*

Lời nói ra thật mỹ lệ, nghe thầy mới tốt đẹp làm sao, đưa ngọc đến “Lam Kiều” là về với đất ngọc, nơi vốn nổi tiếng sản xuất ngọc quý. “Sính nghi” lại là đồ dẫn cưới trong nghi lễ quan trọng bậc nhất của đời người con gái nhưng tất cả những từ hoa mỹ, bóng bẩy ấy lại không sao che kín được mục đích tầm thường, xấu xa, vô nhân đạo, phi nhân tính của một tên buôn người. Hấn đơn giản chỉ là đang hỏi giá.

Không chỉ kịch cỡm, lộ lãng, giả dối. Bản chất bất nhân là điều đáng ghê tởm ở con người họ Mã. Kiều xuất hiện với nỗi buồn khổ, xót xa, ngượng ngùng. Nhưng với Mã Giám Sinh, Kiều chỉ là món hàng. Hấn cố tình xúc phạm, ngang nhiên định đoạt những giá trị cao đẹp một cách tàn nhẫn, vô liêm sỉ. Hành động, bản chất của tay buôn thịt bán người bộc lộ rõ nhất trong màn mua bán này:

*Cò kè bớt một thêm hai
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.*

Bản chất con buôn được khắc sâu hơn qua hàng loạt những từ ngữ sành sỏi, lọc lõi, đầy tính toán, mặc cả. Trước khi ngã giá, tên buôn người “cò kè” từng chút, thêm thêm, bớt bớt rất thuần thục, thành thạo. Nét tính cách của con buôn cũng bởi thế mà hiện lên rõ nét, một tên keo kiệt, bủn xỉn, tính toán chi li, đầy rẫy thủ đoạn, bất nhân, vô cảm trước cảnh ngộ và nỗi lòng của người khác.

Như vậy, bằng ngôn ngữ tự sự tả thực, Nguyễn Du đã lật tẩy lai lịch bất minh; vẻ ngoài chải chuốt kịch cỡm; lời nói ngắn gọn, cộc lốc; hành động thô lỗ, vô học; thái độ vô lương; bóc trần tính chất bất nhân, tính chất con buôn vì tiền, giả dối; đưa Mã Giám Sinh lên sàn diễn của sân khấu cuộc đời, một sân khấu đoạn trường mà Kiều phải lặn ngụp suốt mười lăm năm đằng đẳng. Cuộc sống quanh ta phải chăng cũng có những kẻ như thế, nếu không tinh tường nhìn nhận con người có lẽ chính ta sẽ rơi vào trong cuộc lặn ngụp lúc nào không hay. Và nếu vô tình để đồng tiền chi phối với ma lực ghê gớm, rất có thể sẽ trở thành một người vô cảm trước những cảnh đời bất hạnh giống như thái độ vô lương, bất nhân của Mã Giám Sinh trước tình cảnh tái tê của Thúy Kiều. Bởi vậy, mỗi chúng ta cần tự tích lũy cho bản thân khả năng nhìn nhận,

đánh giá bằng lí trí khách quan; thể hiện tấm lòng yêu thương, đồng cảm với mọi người.

Đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, đã miêu tả được toàn bộ câu chuyện mua bán người đang diễn ra, thể hiện sự bất công của xã hội đối với con người, đặc biệt là người phụ nữ. Vẻ đẹp cũng như tài trí của nàng Kiều đều không được xã hội đón nhận, mà còn gây cho nàng những bất hạnh đến cùng cực. Đồng thời đoạn trích đã giúp ta hiểu và cảm thông với số phận con người trong xã hội bất công xưa; giúp ta nhận ra bộ mặt lạnh lùng, bất nhân của bọn buôn thịt bán người. Đọc đoạn trích, ta càng cảm nhận trái tim yêu thương mênh mông của nhà thơ nhân đạo Nguyễn Du. Ta càng hiểu, càng yêu thương và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống hôm nay, cuộc sống tươi đẹp:

*Có gì đẹp trên đời hơn thế
Người với người sống để yêu nhau.*

(*Một khúc ca xuân* – Tô Hữu)

ĐỀ THI

Phân tích bài *Đêm Côn Sơn* của Trần Đăng Khoa:

*Tiếng chim vách núi nhỏ dần
Rì rầm tiếng suối khi gần khi xa
Ngoài thềm rơi chiếc lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng
Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm
Nghĩ gì ông vẫn ngồi yên lưng đềm
Bông dâu vang tiếng sấm rền
Tĩnh ra em thấy trong đèn đỏ hương
Ngang trời kêu một tiếng chuông
Rừng xưa nổi gió suối tuôn ào ào
Đôi thông sáng dưới trăng cao
Như hồn Nguyễn Trãi năm nào về thăm
Em nghe có tiếng thơ ngâm...
Ngoài kia nòng pháo wót đằm sương khuya...*

(Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*,
NXBVăn hóa dân tộc, 1996)

**Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc
của Trần Thu Minh Nguyệt,
học sinh trường THCS Trần Nhân Tông,
Thành Phố Hà Nội, năm học 1998 – 1999**

BÀI LÀM

Thơ đời cô đúc để rồi trong một phút nở ra như tiếng sét. Phải chăng, sự cô đúc chính là nhân tố trong thơ, là cái thần của ngôn ngữ. Nó được chấp nhận từ những giọt rớt giọt rơi của cung đàn nghệ sĩ, từ những tí tách lẳng đọng trong đôi mắt trong vắt tình người và là một nốt lặng giữa cuộc sống đầy xô bồ ngoài kia. Kì diệu làm sao khi cảm xúc được ngân thành nhạc, khi tiếng lòng ta được soi bóng trong mảnh hồn thơ ca, mảnh hồn ấy được Trần Đăng Khoa thể hiện rõ nét nhất trong bài thơ *Đêm Côn Sơn*.

Côn Sơn như một điểm hứa hẹn đối với các thi nhân. Đây thực sự là nơi vân du, ẩn dật và tu tâm dưỡng tính của các bậc danh nhân và bao tao nhân mặc khách, những người tiêu biểu cho tâm hồn, khí phách, văn hóa Việt Nam ở nhiều giai đoạn

lịch sử. Trong số họ, Nguyễn Trãi người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã nhiều lần, nhiều năm sống gắn bó, chan hòa cùng thiên nhiên tạo vật ở nơi đây. Ông đã coi Côn Sơn như “núi nhà”, “quê cũ”, và tìm thấy ở chốn này bạn bè tri âm tri kỉ. Cũng hiếm có nơi nào như ở Côn Sơn lại có nhiều trí thức, văn nhân, những nhà văn hóa đến thăm, cảm hứng và sáng tạo như ở Côn Sơn. Đã có bao người làm thơ về Côn Sơn. Và Trần Đăng Khoa, thân đồng thơ ca xứ Đông là một trong những người làm thơ ấy.

Đêm Côn Sơn được Trần Đăng Khoa viết khi đó tác giả mới mười tuổi. Thi phẩm tựa như là một ghi chép bằng thơ về một đêm ngủ ở Côn Sơn khi tham quan. Bài thơ có hai phần rõ rệt: phần thứ nhất (sáu dòng đầu) và phần thứ hai (tám dòng cuối) được ngăn cách và nối nhau bởi một giấc ngủ bị ngắt quãng đột ngột do tiếng sấm rền.

Như một bức kí họa về chốn lâm tuyền, *Đêm Côn Sơn* có cả núi rừng, cây cối, chim chóc, suối và cả ánh trăng. Tuy nhiên bức tranh miêu tả cảnh về đêm, tất cả chỉ hiện hình qua những âm thanh mà chỉ thính giác con người mới cảm nhận được. Nếu so về thời điểm sáng tác và bối cảnh lịch sử xã hội thì thời điểm Trần Đăng Khoa đang sống khác khá xa với Nguyễn Trãi. Thế nhưng trong bài thơ này tác giả cũng đã mơ về Nguyễn Trãi. Khung cảnh trong bài thơ thuộc về màn đêm, ta thử lắng nghe Trần Đăng Khoa đã cảm nhận được điều gì ở Côn Sơn lúc đêm về? Khi màn đêm buông xuống, cảnh vật ở Côn Sơn như bị che phủ bởi tấm nhung huyền; chỉ còn đâu đây “*tiếng chim vách núi nhỏ dần*”. Bởi chim đã bay về tổ nên tiếng hót dần thưa thớt, mơ hồ... “Tiếng chim”, “vách núi”, “nhỏ dần” như vậy hình ảnh ban đầu gợi cho ta thấy về Côn Sơn là chim chóc với tiếng hót vang đang dần tắt lịm đi lúc màn đêm buông xuống, nó “nhỏ dần” và như sắp lặn hẳn cũng như “vách núi” kia cùng “cánh chim” về tổ đang “nhỏ dần” trong mắt Trần Đăng Khoa vậy. Ngày thì rộn tiếng chim ca, dưới kia, tiếng suối “khi gần, khi xa” như “rì rầm” không dứt, đêm về cảnh cũng thật hữu tình “*rì rầm tiếng suối khi gần khi xa*” với thanh âm “rì rầm” của suối “khi gần khi xa”, gợi cho ta có một cảm giác thật rộn ràng trong lòng.

Dù cách xa thời Nguyễn Trãi nhưng trước thực cảnh Côn Sơn, Trần Đăng Khoa cũng đã bằng trực giác của mình quan sát và tái hiện lại khung cảnh rất đặc sắc, đặc biệt là vẻ đẹp lúc đêm về ở Côn Sơn. Chính thực cảnh ấy đã gợi nên ở tác giả biết bao cảm xúc, Trần Đăng Khoa cũng đã khắc họa vào thơ với tâm hồn của một người thưởng ngoạn. Gần hơn nữa trước mắt tác giả là hình ảnh: *Ngoài thềm rơi chiếc lá đa*, mọi âm thanh đều ở trạng thái giảm nhẹ “nhỏ dần”, xa dần “khi gần, khi xa”. Đêm nơi đây tĩnh lặng đến nỗi nghe thấy cả tiếng lá đa rơi. Trần Đăng Khoa còn cảm nhận được cả tiếng rơi ấy: *Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*. Khả năng tưởng tượng của Trần Đăng Khoa đã đạt đến đỉnh cao nghệ thuật. Trước hết, Trần Đăng Khoa đã mượn hình ảnh chiếc lá đa dù ở Côn Sơn không có loại cây này và tạo dáng cho nó như một nhà nghệ sĩ đang vẽ, âm thanh toát ra từ chiếc lá với độ “mỏng” và có hướng “nghiêng” quả là chỉ có ở Trần Đăng Khoa mà thôi. Nhưng điều đó chứng tỏ Trần Đăng Khoa là người có kinh nghiệm quan sát và đã cảm nhận được hình ảnh một “chiếc lá chao nghiêng trong gió”, một điều mà hẳn chúng ta cũng thấy nhưng mà không dễ nhận ra. Độc đáo của Trần Đăng Khoa là ở chỗ ấy, như “thần cú” của bài thơ đã được nhiều người khen không tiếc lời. Nhà thơ Tố Hữu nói: “*Giờ đã mượn cái miệng trẻ con của Khoa để làm thơ cho người lớn đọc. Không hiểu sao một chú bé mười tuổi lại có được câu thơ như vậy*”. Nhà thơ Xuân Diệu thì lại khen

Trần Đăng Khoa nghe tinh, có giác quan tinh tế: “Đó là câu thơ của Giò. Câu thơ hay vì ở đây có sự chuyển đổi cảm giác từ thính giác sang thị giác”. “Nghe” tiếng lá đa rơi mà như “nhìn” thấy cả hình dáng chiếc lá “rất mỏng” và độ rơi của nó “rơi nghiêng”. Phải chăng đó là khoảnh khắc chiếc lá lia cành, buông mình vào hư vô và bắt đầu hành trình của nó? Chiếc lá khẽ lắc lư một chút, đung đưa một chút, xoay vần nhẹ trên không rồi khẽ khàng chạm xuống mặt đất. Nhà thơ “nhí” đã ghi lại cái khoảnh khắc dịu dàng ấy bằng từ “rơi nghiêng”. Lây “động” để tả “tĩnh”, câu thơ đã tôn lên rất nhiều sự tĩnh lặng, tôn nghiêm của chốn linh thiêng Côn Sơn. Nhưng thực ra ở Côn Sơn không có cây đa. Chiếc “lá đa” ấy là do Trần Đăng Khoa “hư cấu” ra và nó được ghép vào hợp lí đến nỗi không ai thoáng gợn chút hoài nghi. Trần Đăng Khoa đã dùng một cái không có thật “lá đa” để làm bật lên cái có thật, đó là sự yên tĩnh của Côn Sơn đêm nay.

Và trong khung cảnh ấy, Trần Đăng Khoa còn nhận ra một hình ảnh đẹp lung linh:

*Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm
Nghĩ gì ông vẫn ngồi yên lưng đên.*

Trần Đăng Khoa chợt nảy lên câu hỏi “ông đang nghĩ gì?”, trái tim nhạy cảm của Trần Đăng Khoa đã muốn chia sẻ với tất cả. Đến đây như một khoảng lặng đi... Rồi sau đó một âm thanh lạ bắt chợt nổi lên: *Bỗng đâu vang tiếng sấm rền* đó không còn là tiếng suối rì rầm nữa mà là một âm thanh kinh hãi đã bắt chợt làm cho nhân vật “Em” – chính là Trần Đăng Khoa lúc đang ở độ tuổi lên mười – bừng tỉnh. Tiếng sấm rền có thể nghe trong mơ, vậy thì tiếng thơ ngâm có thật hay nghe bằng tâm tưởng, nghe trong ảo giác? Nguyễn Trãi hiện về đọc thơ chăng? Người đọc *Bình Ngô đại cáo* hay *Côn Sơn ca*. Tiếng thơ của Người vẫn vang vọng giữa đất trời, non nước này; tấm lòng của Người vẫn sáng tựa sao Khuê. Nếu vậy thì *Đêm Côn Sơn* là bài thơ chiêu tuyết cho Nguyễn Trãi – vị nguyên lão ba triều đầu bạc đã chết dưới lưỡi đao oan nghiệt của triều đình phong kiến. Tiếng sấm rền ngoài trời hay tiếng sấm rền trong mơ? Và chú bé bừng tỉnh. Cảnh tượng huy hoàng, rực rỡ, sôi động khác hẳn phần đầu.

Mọi âm thanh và ánh sáng đều ở cường độ mạnh:

*Tỉnh ra em thấy trong đèn đỏ hương
Ngang trời kêu một tiếng chuông
Rừng xưa nổi gió suối tuôn ào ào
Đồi thông sáng dưới trăng cao.*

Đương khi ấy Trần Đăng Khoa lại thấy “trong đèn đỏ hương”, người ta thắp hương cầu nguyện chăng? Rồi một âm thanh khác lại tiếp đến chuông thì kêu “ngang trời”, rừng thì “nổi gió”, suối thì “tuôn ào ào”, đồi thông thì “sáng” bừng lên dưới trăng cao. Tất cả thật độc đáo, không chỉ ở khả năng tưởng tượng, hình ảnh đưa ra đã đủ để đánh bật vào suy nghĩ của người đọc, mà còn hấp dẫn bởi sức lôi cuốn từ phong cách cấu tứ. Cảnh càng kì ảo và mang tầm vóc vũ trụ hơn khi Trần Đăng Khoa như nhìn thấy hồn thiêng Nguyễn Trãi “về thăm”:

*Như hồn Nguyễn Trãi năm nào về thăm
Em nghe có tiếng thơ ngâm...*

Nguyễn Trãi vẫn nhớ về “quê cũ”, chẳng phải trong *Quốc âm thi tập* ông đã viết về Côn Sơn: *Náu về quê cũ bấy nhiêu xuân/ Lặng thặng chưa lia chốn trần đồ* sao? Cảnh như thực như mơ. Sự chuyển vần của đất trời nơi núi rừng Côn Sơn hay

giấc mơ thần diệu của nhà thơ khi đặt chân tới chốn linh thiêng này? Có lẽ là cả hai. Ở đoạn thơ này Trần Đăng Khoa đã phóng bút với những câu thơ thật lãng mạn, bay bổng để ca ngợi sự huyền nhiệm của con người thời đại – tinh hoa, khi phách của trời Nam.

Ta thử cảm nhận lại để thấy rõ hơn từ đầu bài cho đến dấu “...” ngăn bờ lưng là một khúc nhạc êm ái, tươi vui; có phần vắt vẻo âm vang trầm bổng hữu tình. Và tiếp theo đó là những âm thanh thật chất và khó lọt tai đồng thời nhịp độ cũng tăng dần lên thật nhanh “một tiếng vang rền”, rồi “tiếng chuông giữa trời” và tất cả như bật dậy “*rừng xưa nổi gió xuôi tuôn ào ào*”, nó cũng tựa như xúc cảm nơi lòng tác giả đang dâng cao ngùn ngụt. Tiếng súng giặc nổ vang rền trên quê hương đất mẹ, dù không phải là nơi chôn nhau cắt rốn nhưng lòng cậu bé mười tuổi này vừa xiết nỗi kinh hoàng vừa lặng đi vì đau xót, nó cũng đã phá đi cái yên bình trong tâm trí và làm em bưng tỉnh, để lại trong lòng em một khoảng lặng suy nghĩ... Một ánh trăng cao trên đồi thông là một hình ảnh đẹp trong mắt Trần Đăng Khoa và cả trong mắt chúng ta nữa, và cái hình ảnh vời vợi, lồng lộng ấy đã gợi cho Trần Đăng Khoa hình dung ra một cảnh thật kì vĩ, linh thiêng: hồn Nguyễn Trãi trở về. Cái hồn ấy đã đứng cao hơn tất cả súng đạn, pháo bom và gót giày xâm lược của giặc, khẳng định sức mạnh dân tộc hay hồn Nguyễn Trãi đang ngày đêm canh giữ, áp ủ mảnh đất của cha ông vậy. Tầm nhận thức của Trần Đăng Khoa thật rộng và văn chương của Trần Đăng Khoa cũng gợi mở cho ta thật nhiều khía cạnh vấn đề. Hẳn không ai khi đọc bài thơ này lại nghĩ rằng nó xuất phát từ trái tim, từ tâm hồn của một cậu bé mới ở độ tuổi lên mười. Vàng trắng được so sánh như hồn Nguyễn Trãi trở về là cực đắt không kém so với hình ảnh “chiếc lá đa rơi nghiêng” ở đoạn thơ đầu. Nó thể hiện cái tình của tác giả dành cho mảnh đất, dành cho dân tộc và dành cho cả Nguyễn Trãi vì chính Trần Đăng Khoa cũng đang chia sẻ với Nguyễn Trãi vậy. Ở đây năng lực tưởng tượng kết hợp với xúc cảm thẩm mỹ đã giúp cho Trần Đăng Khoa thành công và nâng giá trị tác phẩm lên tầm cao. Về phía bạn đọc, có lẽ điều này khơi gợi không ít những cảm nhận khác nhau song có lẽ qua hai hình ảnh ẩn tượng “chiếc lá” và “vàng trắng” không ai trong chúng ta phủ nhận trong Trần Đăng Khoa chứa đựng một thế giới tình cảm rất phong phú, trí tưởng tượng linh hoạt và một tầm nhận thức xã hội rất thoáng. *Em nghe có tiếng thơ ngâm...* Đó không chỉ là tưởng tượng mà còn là sự đồng cảm của Trần Đăng Khoa với bậc vĩ nhân. Tiếng thơ ấy cao lắm, ai oán lắm trong lòng Trần Đăng Khoa vậy. Thêm một khoảng lặng nữa để tác giả quay về và đối mặt với thực tế: *Ngoài kia nòng pháo ướt đầm sương khuya*. Đích thực Trần Đăng Khoa đang thấy hay đang tưởng tượng ra hình ảnh bộ đội ta đang ngày đêm canh giữ biên cương? Các chú bộ đội pháo cao xạ vẫn thức canh cho giấc ngủ của Côn Sơn yên tĩnh.

Côn Sơn, nơi lưu giữ những trầm tích lịch sử và văn hóa của dân tộc, là mảnh đất thiêng không chỉ với người dân xứ Đông mà còn với muôn triệu người dân đất Việt. Đêm nay, hồn thiêng của thánh thần (bụt), của người anh hùng dân tộc (Nguyễn Trãi) cùng với núi rừng nơi đây, với người lính thời đại Hồ Chí Minh vẫn thức, giữ cho Côn Sơn mãi mãi bình yên. Điều đó càng có ý nghĩa hơn trong một đêm chiến tranh của năm 1968, khi giặc Mĩ bắt đầu leo thang bắn phá miền Bắc.

Có lẽ cũng không có lời giải đáp nào trả lời một cách minh bạch song điều làm ta cảm thấy xao xuyến nhất vẫn là cái tình của tác giả trong bài thơ. Cái tình ấy như trào dâng và muốn gửi đến tất cả, tất cả những người chiến sĩ đang quên mình chiến

đầu, cái tình mệnh mông tựa hồ đã thể hiện quá rõ qua câu thơ khép lại bài mà không có dấu chấm câu vậy.

Trần Đăng Khoa đã thể hiện tài năng điều luyện của mình trong phong cách sáng tác từ cảm nhận cho đến cấu tứ nghệ thuật và cho ra đời một sản phẩm hoàn chỉnh, để nó mãi lưu lại dấu ấn trong lòng chúng ta về năng lực đặc biệt của cậu bé mười tuổi này. Bài thơ là một sáng tác đầy sáng tạo về mặt nghệ thuật và giàu giá trị về mặt nội dung, nó thật sự đạt đến độ hài hòa cả về hai mặt nội dung và hình thức. Đó quả là điều làm chúng ta thật sự cảm phục ở “thần đồng” Trần Đăng Khoa.

ĐỀ THI

Nêu cảm nhận của em về cảnh xuân và tình xuân qua cái nhìn của một số thi nhân Việt Nam.

Bài thi đoạt giải Nhì kì thi HSG Văn toàn quốc của Vương Nhật Minh, học sinh trường THCS Ngô Đông, tỉnh Nam Định, năm học 1999 – 2000

BÀI LÀM

Một năm có bốn mùa: hè đi, thu đến, đông tàn, xuân sang. Quy luật tự nhiên của thời gian không gì có thể đổi thay được. Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm mới, mùa của sự hồi sinh, mùa dâng tràn yêu thương của đất trời và của lòng người. Chính vì vậy mà mùa xuân luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho tâm hồn bay bổng, lãng mạn của các thi sĩ.

Khi băng giá của mùa đông qua đi, mùa xuân đến luôn làm cho vạn vật sinh sôi, lòng người phấn chấn. Xuân đến nơi nơi làm cả đất trời như thay màu áo mới. Những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân qua cái nhìn của nhà thơ Nguyễn Trãi đến từ nơi bên đò đầu trại:

*Cỏ non như khói bên xuân tươi
Lại có mưa xuân nước vỗ trời
Quạnh quẽ đường đồng thừa vắng khách
Con đò gói bãi suốt ngày ngơi.*

(Trại đầu xuân đò)

Bài thơ trích trong tập thơ chữ Hán *Ức Trai thi tập*. Bài thơ ra đời trong những ngày Nguyễn Trãi ở ẩn tại Côn Sơn. Bởi vậy mà nét xuân qua con mắt nhà thơ xa lánh chôn hồng trần cũng rất thanh bình, tĩnh mịch qua hình ảnh “con đò gói bãi”. Cảnh xuân dù đẹp, thơ mộng, đầy sức sống, có “cỏ non”, “mưa xuân” nhưng vẫn mang nét buồn với một loạt hình ảnh “tĩnh” của cảnh vật như: “quạnh quẽ”, “thừa”, “vắng”... Chỉ với bốn câu thơ ngắn, các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng hiệu quả như vẽ nên bức tranh xinh xắn khung cảnh đặc trưng của mùa xuân làng quê với bên nước, con đò.

Với nhà thơ Nguyễn Trãi, khi vạn vật “bén” hơi xuân, cũng là lúc tâm hồn người thi sĩ thăng hoa, giao hòa với mùa xuân của đất trời.

*Tự bén hơi xuân tốt lại thêm
Đầy buồng lạ màu thâu đêm
Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem.*

(Cây chuối)

Bức “tình thư” của thiên nhiên, của mùa xuân cũng là bức “tình thư” của lòng người khi:

Sắc xuân bên mắt khiến người say.

(Đêm đậu thuyền ở cửa biển)

Trong thời khắc giao mùa, xuân đang từng ngày trôi, thi sĩ như muốn níu giữ về nên thơ, lãng mạn của cảnh xuân muộn trong tiếng chim cuốc kêu gọi hè:

Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn
Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan.

(Cuối xuân tức sự)

Cảnh xuân trong thơ Nguyễn Trãi dù bình dị, thanh sơ, mộc mạc nhưng luôn mang nặng tâm tình của thi sĩ, của bậc đại anh hùng trăn trở với thời cuộc, yêu nước, thương dân vô hạn:

Bui một tác lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông.

(Thuật hứng số 5)

Bàn về thơ xuân, thật thiếu sót nếu không nhắc đến thi sĩ Hàn Mặc Tử với bài thơ xuân nổi tiếng *Mùa xuân chín*:

Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.

Cảnh xuân trong bài thơ đang ở độ rực rỡ nhất, “chín” nhất với màu “vàng” đặc trưng: vàng của “nắng ửng” lẫn trong “khói mơ”, vàng của “mái nhà tranh”, của “giàn thiên lí”:

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi?...
Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng
Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Nếu như khổ đầu là cảnh “chín” một mùa xuân thì những khổ cuối là tâm tình của thi nhân đương ở độ “chín” một tình yêu. Đó là tình yêu trước sắc xuân phơi phới của đất trời, là tình yêu rạo rực của lòng người “gặp lúc mùa xuân chín”, “sực nhớ” về bóng hồng gánh thóc *dọc bờ sông trắng nắng chang chang*. Văn “ang” được lấy lại nhiều lần tạo tính nhạc du dương làm bức tranh xuân trong thơ Hàn Mặc Tử sống động như bức tranh “thi trung hữu nhạc”. Có lẽ “chị ấy” đã “theo chồng bỏ cuộc chơi” để lại mùa xuân trong lòng thi sĩ những nỗi ngậm ngùi, nuối tiếc.

Nếu như sắc “vàng” là màu tượng trưng cho vẻ đẹp mùa xuân xuyên suốt *Mùa xuân chín* của Hàn Mặc Tử thì sắc “xanh” lại là màu chủ đạo làm nên nét đẹp của mùa xuân trong *Mùa xuân xanh* của Nguyễn Bính:

Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giờ ở trên cao lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh
Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh
Tôi đợi người yêu đến tự tình

*Khỏi lũy tre làng tôi nhận thấy
Bắt đầu là cái thắt lưng xanh.*

Hai bài thơ tưởng chừng như đối lập: đối lập từ tựa đề, đối lập cả màu sắc chủ đạo xuyên suốt bài thơ nhưng càng đọc lại càng thấy hai bài thơ như bổ sung, hỗ trợ cho nhau để vẽ nên bức tranh bằng ngôn từ và nghệ thuật thi pháp về vẻ đẹp rực rỡ của mùa xuân. Thật là thiếu sót nếu như nhắc tới bài nọ mà không kể tên bài kia khi bàn về thơ xuân. Với Nguyễn Bính, thơ của ông rất mộc mạc, chân quê. Cảnh và tình trong thơ ông luôn gắn liền với hình ảnh làng quê nông thôn Việt Nam. Bởi vậy mà ông được gọi là “nhà thơ của làng quê Việt Nam”.

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy.*

(*Mưa xuân*)

Với ông, một chút mưa xuân, một cánh bướm bướm, một cô lái đò, hay những cô gái xuân giữ lụa trên sông Vân... cũng đủ làm lòng người xao xuyến, đủ làm nên một mùa xuân đầy thi vị:

*Đã thấy xuân về với gió đông
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong.*

(*Xuân về*)

Đọc thơ ông, ta cảm nhận được tâm hồn người thi sĩ gắn bó với xóm làng, thôn quê, yêu thiên nhiên tha thiết. Mỗi bài thơ xuân của ông mang một cung bậc, sắc thái tình cảm khác nhau nhưng dường như đều gửi gắm thông điệp của thi sĩ: *Mong đêm quên sáng cho ngày dài xuân (Đêm cuối cùng)*. Với ông, nơi phồn hoa, chốn kinh kì dù có tấp nập, đông vui nhưng không thể mang lại cảm giác bình yên cho tâm hồn như nơi làng quê thanh tĩnh:

*Xuân đã sang rồi em có hay
Tình xuân chan chứa ý xuân đầy
Kinh kì bụi quá xuân không đến
Sao chẳng về đây chẳng ở đây.*

(*Sao chẳng về đây*)

Thơ xuân của Nguyễn Bính phong phú cả về số lượng lẫn chất lượng. Tính riêng cuốn *Tuyển tập Nguyễn Bính* (NXB Văn học, 1986) đã có hơn 20 bài viết về mùa xuân.

Bài thơ *Xuân nhớ miền Nam*, ông viết:

*Bốn đường tàu chạy mưa xuân ẩm
Triệu lá cờ bay gió Tết lành
Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.*

Hai câu cuối đã trở nên “bình dân” như câu cửa miệng của người Việt ta mỗi độ Tết đến xuân về. Vẹn vẹn hai câu thơ mà gói gọn cả cái hồn, cái đặc trưng nhất, điển hình nhất, tinh túy nhất của Tết cổ truyền dân tộc.

Dường như định mệnh cuộc đời ông có mối liên quan mật thiết bí ẩn với mùa xuân. Chính vì vậy mà thơ xuân của ông rất đời và rất thật. Với riêng cá nhân tôi, Nguyễn Bính là thi sĩ viết thơ về mùa xuân hay nhất. Ông mất vào ngày 30 Tết năm

Át Tị (1966), không kịp đón mùa xuân thứ 50 của cuộc đời. Ông ra đi để lại cho hậu thế những mùa xuân nguyên vẹn trong các thi phẩm của mình.

Viết về mùa xuân, thi sĩ Xuân Diệu lại có cái nhìn rất mới mẻ. Ông được đánh giá là *nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới* (Hoài Thanh).

*Ấy là thư hồi hộp đón trong tay
Ấy dư âm giọng nói đã lâu ngày
Một sớm tím bông dịu dàng đồng vọng...
Miễn trời sáng mà lòng ta rộn sóng
Thế là xuân. Hà tất đủ chim, hoa?
Kể chi mùa thời tiết với niên hoa
Tình không tuổi và xuân không ngày tháng.*

(Xuân không mùa)

Với Xuân Diệu, xuân luôn đi cùng tình yêu tuổi trẻ. *Tình không tuổi và xuân không ngày tháng*. Tình yêu thì đâu có tuổi, đã gọi là “xuân” thì kể chi tháng ngày. Biết đó là lẽ hiển nhiên nhưng đâu phải ai cũng dám nghĩ, dám viết, và viết hay như Xuân Diệu:

*– Xuân đang tới, nghĩa là xuân đương qua
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già...*

(Vội vàng)

*– Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Em ơi em, tình non sắp già rồi.*

(Giục giã)

Đọc thơ ông, đôi khi chúng ta thảng thốt, giật mình bởi thơ ông “Tây” quá! Thơ ông xuất hiện trên thi đàn như thổi một luồng gió mới vào phong trào Thơ mới (1932 – 1945) đương thời vốn dĩ là mảnh đất màu mỡ thơm mát cho những tài năng thơ như: Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, Chế Lan Viên, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Đình Liên... những tên tuổi làm nên cả “một thời đại thi ca” Việt Nam. Một số người cho rằng, ông cố sức cho quan điểm yêu gấp, sống vội. Yêu và sống với ông là phải “vội vàng”, phải “giục giã”. Nhưng càng đọc, càng nghiền ngẫm thơ ông, đọc sâu chuỗi bài nọ sang bài kia mới hiểu được tường tận quan điểm nhân sinh của tác giả: Hãy sống từng ngày thật ý nghĩa, hãy tận dụng từng giây để tận hưởng những mùa xuân của cuộc đời, hãy cho nhau những thương yêu, hãy cho nhau những mùa xuân, đừng đợi đến một mai ta “sắp già” hoặc “sẽ già”:

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.*

(Vội vàng)

Thơ ông được nâng niu qua tay nhiều thế hệ bạn đọc. Thơ xuân nói riêng, và thơ tình nói chung của ông như nói hộ lòng người, trở thành tuyên ngôn bất hủ của tình yêu đôi lứa. Ông được các thế hệ người đọc ưu ái gọi là “ông hoàng thơ tình: Xuân Diệu”. Nếu thơ xưa lấy thiên nhiên làm chuẩn mực cái đẹp để so sánh thì với ông: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần* (Vội vàng), làm thi sĩ phải thốt lên: *Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi*. Vẻ đẹp yêu kiều của người thiếu nữ với ông là chuẩn mực cao nhất, không gì đẹp bằng. Tháng giêng với muôn hoa khoe sắc, vạn vật hồi sinh qua con mắt của thi sĩ là “cặp môi” của người thiếu nữ đang căng đầy sức sống. Cảnh xuân trong tình xuân, tình xuân đậm thắm sắc xuân. Càng đọc, ta càng thêm yêu mùa xuân và “say” cái tình xuân trong tứ thơ Xuân Diệu.

Hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên qua cảnh sắc mùa xuân – thiên nhiên xứ Huế tinh khôi, trong trẻo, đầy sức sống. Mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước con người:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)

Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hóa đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc: “dòng sông xanh”, “bông hoa tím biếc” và “chim chiền chiện”. Mùa xuân đã hiện diện trên toàn cảnh, trên tạo vật: đất trời, hoa lá, chim muông... Tô điểm sắc màu cho không gian ấy, có màu xanh cây cỏ, xanh của dòng sông, màu tím của hoa và cả màu của mây trời. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kỳ một con sông nào ở dải đất miền Trung. Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “một bông hoa tím biếc”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay hoa súng mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê. Bức tranh xuân còn được điểm xuyết thêm bằng âm thanh rộn rã, tung bừng của con chim chiền chiện hót vang trời. Tiếng hót của chim, đường nét uốn lượn quanh co của con sông, màu tím biếc của bông hoa vẽ nên một bức tranh mùa xuân đầy sức sống mãnh liệt trên quê hương tác giả.

Thơ viết về mùa xuân còn rất nhiều: *Xuân* của Chế Lan Viên, *Rằm tháng giêng* của Hồ Chí Minh, *Bài ca xuân 61*, *Bài ca xuân 68* của Tố Hữu... Mỗi nhà thơ lại có cách cảm nhận mùa xuân của riêng mình. Nhưng tất cả đều có một điểm chung là tình yêu mùa xuân của các thi nhân luôn gắn liền với tình yêu đất nước, tình yêu giữa con người với con người.

Những ngày xuân đang đến rất gần, khí xuân, sắc xuân... ngập tràn khắp nơi nơi. Xuân đến từ mùi khói bếp của nồi bánh chưng mẹ thổi, xuân về theo những cánh én liệng bay khắp trời, xuân đến *bên phố đông người qua* (*Ông đồ* – Vũ Đình Liên) nơi ông đồ *bày mực tàu giấy đỏ* (*Ông đồ*), xuân đến từ sắc đỏ của hoa đào, sắc vàng của hoa mai, sắc xanh của chồi biếc... xuân đến từ nụ cười hồn nhiên trên môi em thơ khoe áo mới, xuân đến từ tiếng pháo vui rộn ràng. Năm hết, Tết đến, điếm qua một số bài thơ xuân để thêm yêu đất nước, quê hương, để cảm ơn đời đã cho ta sống những mùa xuân thật đẹp. Cảm ơn các thi sĩ đã viết nên những vần thơ ca ngợi mùa xuân của đất trời và của lòng người. Và về đẹp mùa xuân mãi là vĩnh hằng, đắp bồi cho tâm hồn sáng tạo của thi ca nhân loại đến muôn đời.

ĐỀ THI

Anh (chị) hãy phân tích ba bài thơ có viết về trăng của Hồ Chí Minh: *Vọng nguyệt* (Ngắm trăng), *Nguyên tiêu* (Rằm tháng giêng) và *Báo tiếp* (Tin thắng trận) để làm nổi bật vẻ đẹp riêng của mỗi cảnh trăng và của tâm hồn thi sĩ được thể hiện trong từng bài thơ đó.

Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn toàn quốc của Đinh Công Tuấn Anh, học sinh trường THCS Trạm Tấn, tỉnh Yên Bái, năm học 2000 – 2001

BÀI LÀM

Thi sĩ là người tình của thiên nhiên (Hoài Thanh). Vẻ đẹp tự thân phong phú và kì diệu thiên nhiên đã đi vào những trang thơ dưới đôi mắt “non xanh”, đạt dào đắm say của thi sĩ; vì thế thiên nhiên đẹp đến hai lần. Là một nhà thơ, một người nghệ sĩ Bác luôn mang cảm hứng chung ấy của nhân loại. Đặc biệt trong thơ Bác, trăng xuất hiện với tần số cao và để lại những ấn tượng khôn nguôi trong lòng người đọc về vẻ đẹp của thiên nhiên, về tình người... *Vọng nguyệt* (Ngắm trăng), *Nguyên tiêu* (Rằm tháng giêng) và *Báo tiếp* (Tin thắng trận) là ba bài thơ đẹp, có sức rung cảm mãnh liệt đối với người đọc.

Theo dòng thời gian cuộn chảy, thế sự tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ nhưng những gì đã thuộc về vũ trụ thì vĩnh cửu, không bao giờ đổi thay. Từ xưa đến nay, vàng trăng, thiên nhiên vẫn như thế. Trước Bác Hồ, Nguyễn Trãi đã có những câu thơ rất hay về trăng:

*Trong động Thanh Hư trúc cả nghìn
Như màn gương, thác đổ triền miên
Đêm qua trăng sáng trời tựa nước
Chiêm bao cười hạc tới tiên cung.*

(*Mộng sơn trung* – Nguyễn Trãi, Lê Cao Phan dịch)

Nhưng trăng trong thơ Bác vẫn không bị nhảm chán, vay mượn. Trái lại, nó mang nội lực riêng bởi trăng của muôn đời nhưng tình người thì đã đổi thay, thi sĩ mang “đôi mắt”, cái nhìn của thời đại mình khác so với các cổ nhân và Bác cũng không lặp lại chính mình. Ba bài thơ là ba bài nói về vẻ đẹp của ánh trăng, nhưng ở mỗi bài thì trăng lại mang một vẻ đẹp riêng quyền rũ, tình người, tình đời vang ngân những cung bậc phong phú.

Bài thơ *Vọng nguyệt* (Ngắm trăng) được sáng tác ở trong tù (nằm trong tập *Nhật kí trong tù*). Trăng được ngắm dưới đôi mắt của người tù – người thơ nên mang những nét độc đáo riêng:

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trần nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

(Ngục trung vô tửu diệc vô hoa
Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt
Nguyệt tòng song thích khán thi gia.)

Bác không trực tiếp miêu tả vẻ đẹp của vàng trăng (độ trong, độ sáng, độ tròn hay khuyết) mà chủ yếu vẻ đẹp ấy được cảm nhận thông qua thái độ của người ngắm. Người xưa thường xem việc thưởng trăng như một nghi lễ, phải có rượu và hoa. Ba

điều kiện đủ để làm một cuộc thưởng trăng thì Bác đã thiếu hai rồi. Điệp từ “vô” như nhấn mạnh, khẳng định thực tại khô khốc, trần trụi như một bản kiểm kê. Thế mà *cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*. Hoàn cảnh ngục tù với biết bao thiếu thốn, khắc nghiệt: *Cơm tù lưng bát thắm vào đầu (Cơm tù)*; *Mỗi người nửa châu nước nhà pha (Chia nước)*; *Áo quần chằng chịt hoa hồng vá (Lai Tân)*... thiết tưởng dư sức giết chết tâm hồn thi sĩ, tưởng rằng hiện thực khổ đau có thể chặt đứt đôi cánh lãng mạn. Nhưng hoàn toàn ngược lại, trong Bác vẫn sáng lên chất thơ của tâm hồn mà nguyên nhân quan trọng là vẻ đẹp quyền rũ không cưỡng lại được của ánh trăng. Đến đây người đọc lại hiểu thêm cái lẽ sống đầu chi là sự tồn tại, còn có cái “thiên liêng hơn cả nhân và thiên liêng hơn cả sự sống”.

Tuy không đặc tả ánh trăng nhưng thái độ bối rối rất thi sĩ của người tù đã nói lên tất cả (trong nguyên tác là “nại nhược hà” được dịch thành “khó hững hờ”), đã làm rơi rụng đi ít nhiều sự bối rối “thi sĩ” của Bác.

Tâm hồn Bác đã phá tan song sắt của nhà tù, bay lên giữa bát ngát ánh trăng. Và trăng lại say sưa ngắm Người như những người bạn tri âm. Ở đây xuất hiện mối quan hệ hai chiều: người tù và trăng, trăng và nhà thơ luôn ở vị trí sóng đôi nhau (nhân – nguyệt, nguyệt – thi gia), cái đẹp có sức mạnh cải tạo hoàn cảnh. Chủ thể trữ tình xuất hiện ở đầu bài thơ với tư cách người tù nhưng đến cuối bài thơ thì đã vụt trở thành thi gia. Ngoài vẻ đẹp tự thân “khó hững hờ”, cảnh trăng còn đẹp hơn nhiều bởi có vẻ đẹp của người thơ tỏa sáng.

Nếu trăng trong *Vọng nguyệt* là biểu tượng của tự do thì trăng trong hai bài thơ *Nguyên tiêu* và *Báo tiệp* chính là hình ảnh tự do. Đầu còn song sắt, đầu còn khe cửa ngục tù. Trăng và con người đối diện giữa bát ngát đất trời, với tư cách là những người làm chủ thực sự bức tranh trăng – nước đầy ấn tượng:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.

Trong bài thơ này, vầng trăng ở độ viên mãn, tròn đầy nhất. Câu thơ có thời gian (rằm), không gian (lồng lộng) cụ thể. Câu thơ dịch đã đánh mất một chữ “xuân” so với nguyên tác (*Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên*). Câu thơ đầy chất tạo hình, bảy chữ không một chữ nào thừa hay “non tay”, mở ra một không gian bát ngát đến vô cùng vô tận. Không gian rộng lớn như muốn tràn ra lai láng qua khuôn khổ chật hẹp của câu chữ. Cảnh trăng ở đây mang ấn tượng về sự hùng vĩ, không gian vũ trụ đầy chất “xuân” đẹp hơn bao giờ hết. Đã “xuân giang”, “xuân thủy” lại “tiếp xuân thiên”. Sức sống bùng lên toàn vũ trụ. Giữa sông, nước và trời hoàn toàn không còn giới hạn, chan hòa trong nhau, sáng láng. Thực ra đây là vẻ đẹp hết sức trần thế, ngay giữa cuộc đời này, nơi sông nước Việt Bắc – căn cứ địa kháng chiến thần thánh của dân tộc ta. Ở đây, trăng được miêu tả trực tiếp, mang cảm hứng vũ trụ chứ không quán quýt bên con người như trong bài thơ *Vọng nguyệt*.

Thiên nhiên trong thơ xưa thường chỉ được xem là đối tượng thẩm mỹ để con người chiêm ngưỡng. Đẹp thì đẹp vô cùng, nhưng cũng xa vời vô tận. Các nhà thơ tìm đến thiên nhiên nói chung và thơ nói riêng để bộc bạch tâm tình, để nói “chí”, để ngẫm nghĩ về sự đời. Trong thơ cổ có không ít những câu thơ đẹp về trăng nhưng chỉ tồn tại mối quan hệ đơn phương một chiều nhà thơ và trăng. Còn với Bác – con người của thế kỉ XX, con người có khả năng xoay trụ chống trời, cải tạo hoàn cảnh – thì thiên nhiên và con người chan hòa trong nhau, làm đẹp thêm cho nhau. Trăng không chỉ tồn tại như một khách thể (*Rằm tháng giêng*), không chỉ lẳng lẳng “khán

thi gia” (*Vọng nguyệt*) mà còn trực tiếp đối thoại cùng con người như một thực thể sinh động – một tri âm:

Trăng vào cửa sổ đòi thơ

Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.

“Nguyệt thôi song vẫn”: thi thành – trăng không gõ cửa như người không quen thân mà đẩy cửa đẩy thân thiện, thân tình. Trăng đẩy cửa hỏi: thơ xong chưa? Thân mà không suồng sã (như bản dịch). Có lẽ đây không phải là lần đầu tiên trăng đối thoại với Bác như vậy. Trăng – hiện thân của vũ trụ và Bác – hiện thân của cuộc đời trần thế lại có thể giao tiếp với nhau qua một “đường dây”: thơ. Đây quả là hình ảnh mới mẻ và táo bạo. Trăng đòi thơ nhưng thơ chưa xong vì “việc quân đang bận”. Bác trả lời dứt khoát chứ không hề hàm ý hứa hẹn “xin chờ hôm sau”. Trăng và Bác nói chuyện với nhau như những người bạn, hơn nữa, như tri âm tri kỉ. Trăng không xa vời mà sà đến Người.

Thơ là tiếng nói của trái tim, của những cung bậc tình cảm xôn xao trước hiện thực của nhà thơ. Mỗi bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh, tâm trạng khác nhau mà hiện thực được soi chiếu, cảm nhận bằng thế giới tâm hồn nên nó làm nên tính đa dạng, phong phú, không lặp lại trong ba bài thơ. Ba cảnh trăng khác nhau, mỗi cảnh mang một vẻ đẹp, một vị riêng độc đáo. Khi thì trăng phát hiện ra vẻ đẹp của người tù, chiêm ngưỡng người tù, khi thì trăng vời vợi, bát ngát không gian, khi thì đối thoại cùng con người. Con người dù ở trong hoàn cảnh, địa vị nào cũng có thể đến được với trăng – cái đẹp của muôn đời, không một rào chắn nào có thể ngăn cản được. Tuy nhiên, làm được điều ấy không phải là chuyện dễ dàng, cần phải vượt lên trên hoàn cảnh, ung dung và chủ động như Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Thơ là người (Van Gốc). Đến với mỗi bài thơ, rung động trước những câu chữ đã được tôi luyện qua lò lửa tâm hồn và tài năng, ta lại càng hiểu sâu sắc về một con người – một nhân cách cao cả – một tâm hồn thi sĩ nơi Bác.

Bác là người của một đời, là người của muôn đời. Sống giữa đời thường nhưng tâm hồn Bác mang tầm vóc của một vĩ nhân. Đó là con người luôn luôn vượt lên trên hoàn cảnh. Ngục tù và xiềng gông, đói cơm, rách áo, bị đánh đập – những cái đó đủ sức kéo tụt con người xuống bùn tanh. Còn với Bác, không than thở, kêu rên, Bác luôn lạc quan tin tưởng, ung dung tự tại và tìm đến cái đẹp của muôn đời. Trong bài *Vọng nguyệt*, Bác đã làm một cuộc vượt ngục tinh thần:

Thân thể tại ngục trung

Tinh thần tại ngục ngoại.

Con người phi thường có sức mạnh cải tạo hoàn cảnh phi nhân tính. Bác tìm đến với cái đẹp nhưng chính Bác cũng là vẻ đẹp của thế giới. Hai cái đẹp cùng tỏa sáng. Tuy làm rất nhiều thơ và có không ít bài thơ hay, đạt đến trình độ toàn bích nhưng Bác không bao giờ tự nhận mình là nhà thơ (kể cả sau này, khi *Nhật kí trong tù* đã được coi là viên ngọc xanh lung linh có giá trị vô giá, Bác vẫn nói: *Đã lâu không làm bài thơ nào. Hôm nay thử làm xem ra sao*). Duy nhất có một lần Bác nhận mình là nhà thơ: *Nguyệt tòng song thích khán thi gia*, nhưng chỉ là một nhà thơ của riêng vàng trăng mà thôi. Sự khiêm tốn của một bậc tài danh càng làm tăng thêm vẻ đẹp nhân cách của bậc tài danh ấy.

Trong thơ Bác, trăng xuất hiện rất nhiều lần như một sự “hữu duyên” với thi sĩ. Nhưng có lẽ lần Bác ngắm trăng trong tù là lần toàn tâm toàn ý nhất, Bác dành trọn vẹn tất cả cái tâm cho trăng.

Bác là người không phải sống cho mình mà cho lẽ phải cao đẹp ở trên cuộc đời này, cho hàng mấy chục triệu con người. Yêu nước, thương dân, muốn cứu nước nhưng lại bị giam hãm, đọa đầy mười bốn mùa trăng tê tái dài đằng đằng trong tù, Bác luôn luôn trông ngóng, theo dõi tin tức bên ngoài, vẫn hướng về đất nước, đồng bào, đồng chí; cho nên sau này, khi ra tù, thời gian làm việc ở chiến khu Việt Bắc là thời kì Bác rất bận rộn lo việc quân, việc nước. Thiên nhiên không bị Người thơ bỏ rơi vì người thơ còn là chiến sĩ, nhưng thường gắn liền với cuộc sống, công việc quân sự của Bác:

*Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

(Nguyên tiêu)

Chất hư ảo, huyền hồ của thiên nhiên và chất thực của cuộc sống hòa quyện vào nhau. Thiên nhiên tươi đẹp, đầy sức sống:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.*

Vẻ đẹp bát ngát tình của thiên nhiên đã làm phong nền cho cuộc đàm thoại quân sự, chất thơ dạt dào nhưng không thiếu chất đời:

Yên ba thâm xứ đàm quân sự.

(Nơi sâu thẳm mật mù khói sóng bàn việc quân.)

Câu thơ mang không khí vừa cổ (yên ba thâm xứ) vừa kim (đàm quân sự). “Yên ba” rất gợi, “thâm xứ” rất đắt, làm cho ta nhớ đến câu thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu:

Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.)

(Hoàng hạc lâu Tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

“Yên ba thâm xứ” gợi không khí Đường thi rất rõ. Cảnh mờ ảo đầy sức gợi như thoát tục nhưng hoàn toàn không phải thoát tục. Ngay câu sau đã trĩu nặng chất đời – chất hiện đại: “đàm quân sự”. Bức tranh thiên nhiên đẹp, đầy sức quyến rũ nhưng con người không đắm chìm vào thiên nhiên, tìm đến thiên nhiên như một phương tiện mà dùng thiên nhiên làm nền để “hành sự cứu đời”. Bác hoàn toàn không chiêm bao cuội hạc tới tiên cung như Nguyễn Trãi. Đáng tiếc bản dịch lại là *giữa dòng bàn bạc việc quân* quá rõ ràng, chính xác, làm mất lớp sương khói mờ ảo vẫn vương trong câu thơ.

Chỉ trong bảy chữ mà có cả vẻ đẹp cổ điển và hiện đại, có cả lãng mạn và hiện thực. Cái đẹp của cuộc đời không hề mâu thuẫn với chính trị. Trái lại, nó làm đẹp hơn, thơ hơn; công việc chính trị và xét cho cùng, “đàm quân sự” cũng là bảo vệ cái đẹp mà thôi. Đến đây, ta càng hiểu chất tài hoa bên cạnh một cái tâm vững chắc (yêu thiên nhiên nhưng không quên việc đời, luôn gắn bó với cuộc kháng chiến).

Khi việc xong thì đêm đã khuya, ánh trăng lại bát ngát:

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Còn gì đẹp hơn một con thuyền chở đầy ánh trăng! Thuyền chở người và thuyền chở cả trăng. Sáng ngời, bao la, trăng và người, người và trăng chan chứa yêu nhau. Thật đúng là:

Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc

Thuyền chở yên hà nặng vạy then.

(Thuật hứng bài 24 – Nguyễn Trãi)

Không gian *Nguyên tiêu* đầy chất thơ, đẹp đến mê hồn. Không có một tâm hồn thi sĩ tinh tế, dạt dào, Bác không thể có những câu thơ tràn đầy sức quyến rũ như ông ấy.

Ở bài *Báo tiếp*, trăng và tin thắng trận đã trở thành cội nguồn sáng tạo của Bác:

*Chuông lâu chợt tỉnh giấc thu
Ấy tin thắng trận liên khu báo về.*

Báo tiếp cũng là biểu hiện sinh động của tâm hồn thi sĩ giàu rung cảm và tài hoa. Khi trăng hỏi, Bác chưa có thơ, thế mà khi tin thắng trận bay về, một bài thơ, hơn nữa là một bài thơ hay đã ra đời. Thiên nhiên núi rừng đang chìm trong giấc mộng thì vang lên tiếng chuông báo hiệu tin thắng trận. Bác luôn ngóng đợi, dõi theo từng trận đánh. Nếu không có một tâm hồn thi sĩ thì làm sao tin thắng trận có thể trở thành cảm hứng nghệ thuật mãnh liệt của Bác?

Không có một tâm hồn thi sĩ thì không thể có thơ, nhất là thơ hay. Xuân Diệu – nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới (Hoài Thanh), đã từng tâm sự về công việc bấp bực của thơ ca: “Khi tôi nói tôi rung động, yêu ghét hay căm thù – những trạng thái, cung bậc tình cảm trước hiện thực là kèm theo một cơn rung động cả về từ ngữ, nhịp điệu, vần điệu, không phải thứ cảm động đến rơi lệ, căm thù đến bầm gan héo ruột là có thơ”. Cho nên, để có những áng thơ hay như *Vọng nguyệt*, *Nguyên tiêu*, *Báo tiếp*, ngoài tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của thi sĩ, còn cần có một tài năng nghệ thuật độc đáo. Những bức tranh thiên nhiên trăng – nước trong thơ của Bác vừa mang vẻ đẹp cổ điển, phảng phất không khí thơ Đường, thơ Tống, bút pháp chấm phá, giàu sức gợi vừa lập lách vẻ đẹp hiện đại, tinh thần thời đại.

Ngoài ra, phải kể đến cái “tâm” của nhà thơ, bởi *chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài* (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du). Tuy không hoàn toàn đồng ý với Nguyễn Tuân (tài cũng rất cần) nhưng quả thật nếu không có một cái “tâm” vững chắc thì những bài thơ của Bác không thể có sức cuốn hút mãnh liệt, đi vào lòng người đến vậy.

Hàm súc, ngắn gọn, ba bài thơ trăng tuy đã kết lại nhưng mở ra mệnh mang thế giới tâm hồn của một con người, một nhân cách, một cái “tôi” thi sĩ, một cái “tôi” chiến sĩ.

Ba bài thơ là ba vẻ đẹp hoàn chỉnh, độc lập nhưng cũng không nằm ngoài vẻ đẹp tổng thể của thơ Bác, mang dấu ấn phong cách của Bác: truyền thống và hiện đại, thi sĩ và chiến sĩ, bác học và bình dân. Góp mặt vào kho tàng thi ca, làm phong phú thêm kho tàng đó, đây là những nét đẹp không thể trộn lẫn.

Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết (Sê-đrin – Nga). Hoa tàn, nước chảy, mây trôi, gió thổi, núi lở, sao băng... nhưng những gì là thơ, là nghệ thuật đích thực thì sẽ tồn tại mãi mãi với thời gian. Những nhà thơ như Ta-go, Ônga Bacgôn, Puskin... vào buổi xế chiều của cuộc đời vẫn thu hoạch những mùa thơ “tỏa hương trong gió”. Bác Hồ là một trường hợp như vậy. Những bài thơ còn là phương tiện giao tiếp nghệ thuật giữa chúng ta – những người đọc hôm nay – với Bác để có thể thấu hiểu một tâm lòng thơ, một phong cách nghệ thuật độc đáo, một nhân cách lớn – một con người đã trở thành huyền thoại. Cuộc đời cứ chảy trôi, dòng thời gian một đi không trở lại nhưng *Vọng nguyệt*, *Nguyên tiêu*, *Báo tiếp* – một chùm hoa, vẫn nhịp nhàng sự sống, nóng hổi cảm xúc như mới hôm qua.

ĐỀ THI || Tự chọn một tác phẩm yêu thích nhất và viết về tác phẩm đó.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Lưu Hoài An,
học sinh trường THCS Ngô Sĩ Liên, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, năm học 2001 – 2002

BÀI LÀM

Pau-tốp-xki đã từng viết tác phẩm *Cánh buồm đỏ thắm* của A. Grin, rằng đó là một bản tình ca khẳng định sức mạnh tinh thần con người, như trong suốt dưới những tia nắng mặt trời buổi sáng; nó được chiếu rọi từ đầu đến cuối bằng tình yêu cuộc sống và niềm tin rằng con người trong lúc mãnh liệt hướng về hạnh phúc có thể tự mình tạo nên những điều kì diệu. Nhưng ông không biết rằng những nhận xét rất mực tinh tế ấy còn có thể dành cho những thiên truyện ngắn của ông – những thiên truyện như là tập hợp của tình yêu thương và lòng nhân ái. Chính trang văn ấy đã làm rung động trái tim hàng triệu người đọc trong hơn bốn thập kỉ đã qua.

Khó có thể tôn vinh riêng một truyện ngắn nào của Pau-tốp-xki, truyện nào là hay nhất, tuyệt diệu nhất. Riêng tôi, một truyện ngắn *Lặng quả thông* đã làm rung động tâm hồn tôi bằng một rung động sâu xa nhất, những ấn tượng về nó rất khó phai nhạt.

Cũng thật tình cờ, trong một bài giảng về văn xuôi trữ tình Nga, cô giáo tôi đã đọc mấy câu thơ của nhà thơ bằng tiếng Việt:

*Những trang sách đi suốt đời vẫn nhớ
Những đám mây ngũ sắc ngủ trong đầu
“Lặng quả thông” với suối nhạc nhiệm màu.*

Hoặc:

*“Chuyến xe đêm” thần thờ mê đắm
Mùi cỏ dại trên cánh đồng xa thẳm
Một bầu trời vĩnh viễn ướp hương hoa...*

Nghe cô đọc, tôi thấy say mê với những dòng thơ tràn đầy cảm xúc đó và cố gắng tìm tòi để được đọc. Tôi đã tìm được bài thơ *Nghĩ về Pau-tốp-xki* trong tập thơ Bằng Việt. Và sau đó là tìm đọc truyện ngắn của nhà văn lãng mạn nổi tiếng này... Đây là truyện ngắn đầu tiên đưa tôi tới thế giới văn chương của Pau-tốp-xki, lần đầu làm quen với cái giản dị, mộc mạc, trong sáng của thứ văn xuôi đầy chất thơ này. Nhưng rõ ràng, mỗi lần đọc *Lặng quả thông*, trong tôi lại dâng lên niềm xúc cảm ngọt ngào, lòng tôi lại ngân nga tiếng hát.

Truyện ngắn được in trong cuốn *Tuyển tập Pau-tốp-xki* của Nhà xuất bản văn học Mát-xcơ-va, xuất bản năm 1957. Đó là một câu chuyện cảm động về nhạc sĩ Ê-đua Gri-gơ và cô bé con ông gác rừng Đa-nhi Pê-đéc-xen.

Trong khu rừng ven biển tràn mùi muối, nhiều quả thông, người nhạc sĩ vĩ đại đã hứa với cô bé có đôi mắt xanh rằng ông sẽ tặng cô một món quà đặc biệt khi nào cô mười tám tuổi. Và ông đã làm thật. Ông đã viết nên một bản nhạc trong đó tôn vinh cái đẹp vô cùng của lòng trinh trắng, hạnh phúc, nét tuyệt diệu của thiên nhiên quê hương cô. Mười năm sau, một sự tình cờ đã giúp cô gái mười tám tuổi Đa-nhi Pê-đéc-xen nghe được bản nhạc dành riêng tặng mình. Khi hiểu hết được sự thiêng liêng, cao quý và vẻ đẹp diệu kì trong đó, cô bật khóc vì xúc động, rồi lại cười. Cười vì cô thấy cuộc đời đẹp đẽ biết bao và hạnh phúc luôn tràn ngập khắp mọi nơi.

Tôi luôn tưởng tượng rằng Pau-tốp-xki sáng tác truyện ngắn này khi đang lang thang trong những khu rừng gần thành phố Béc-ghen. Không phải vô cớ mà nhà

nghiên cứu Phan Hồng Giang đã nhận xét: “*Pau-tốp-xki đã run rẩy đón nhận từng vẻ đẹp li ti nhất để rồi trả lại cho chúng ta chính vẻ đẹp ấy với sắc màu, hương vị tươi nguyên*”. Thiên nhiên trong truyện *Lặng quả thông* hiện lên thật đến nỗi dường như ta có thể cảm thấy bằng các giác quan. Ta thấy ánh bàng bạc của sương mù, màu xanh của rêu, những tiếng vang trên các ngọn núi, hương nấm và tiếng lá rì rào. Cảnh sắc mùa thu hiện ra trong một màu vàng lấp lánh, kì diệu vô cùng. Ta hãy nghe nhà văn viết: “*Nếu như ta có thể lấy hết đồng và vàng trên trái đất đem đánh thành muôn vàn lá cây rất mực tinh xảo thì những chiếc lá đó cũng chỉ có thể làm thành một phần rất nhỏ bộ quần áo mà mùa thu đang trải trên những ngọn núi kia mà thôi*”. Đó là những nhận xét của một con người yêu thu, nhận ra nhiều điều về cái mùa tuyệt vời mà có thể ai đó trong chúng ta đã vô tình bỏ qua.

Nhưng nhìn thôi chưa đủ, ta còn phải lắng nghe. Nghe tiếng chim hót, tiếng lá, tiếng nước nhỏ giọt hay tiếng nói vui vẻ của con người. Pau-tốp-xki tự nhận trong truyện *Lặng quả thông* rằng: “*Không thể truyền đạt âm nhạc bằng lời, dù cho ngôn ngữ của chúng ta có phong phú đến thế nào chăng nữa*”. Nhưng ông đã làm được. Âm nhạc không chỉ có những nốt vô hồn mà còn có cái đẹp – cái đẹp gắn liền với thiên nhiên và con người. Không còn bàn cãi gì khi gọi truyện *Lặng quả thông* là một khúc nhạc bằng văn xuôi. Đọc từng câu từng chữ, ta như thấy một đợt sóng âm thanh không lời tràn đến, làm tim ta đập nhanh hơn và lòng ta rộn ràng. Đó chính là sự yên lặng có âm thanh mà chỉ có thiên nhiên huyền bí và tâm hồn con người mới tạo ra mà thôi.

Pau-tốp-xki viết: “*Người giàu tưởng tượng có thể nghe thấy giữa những bức tường trắng ở đây nhiều điều kì diệu*”. Những nốt trầm hùng vang lên trong “*tiếng gấm hét của Bắc Băng Dương*”, những nốt cung bậc cao vang lên trong “*tiếng gió rít kể câu chuyện cổ tích cổ xưa*” rồi những nốt son, la ngân nga êm dịu khi “*đứa bé gái ru con búp bê bằng vải vụn*”.

Ta không thể nghe được bản nhạc tuyệt diệu mà nhạc sĩ Ê-đua Gri-gơ đã dành tặng cho cô bé Đa-nhi Pê-đéc-xen nhưng lại tưởng tượng ra nó qua trang văn Pau-tốp-xki. Trong lúc này đây, ta như đang đứng bên ngoài cửa sổ căn nhà của người nhạc sĩ, lắng nghe tiếng dương cầm “*những phím đàn đen và trắng*” lướt nhanh dưới ngón tay chắc nịch. Nhạc vang lên như giông tố rồi lặng đi. Trong phút ấy “*chỉ có một sợi dây đàn nhỏ bé là còn rung mãi như thể nàng Lọ Lem bị các chị mắng mỏ đang than khóc*”. Tiếng rung ngân nga êm dịu cho đến khi tắt hẳn. Ta thấy tuyết rơi như đang trôi theo dòng suối nhạc, ta thấy lạnh lạnh của chiếc thuyền băng pha lê đang pha vào nhau và nàng Lọ Lem mỉm cười. Trong dòng nhạc như mang âm thanh tiếng lòng của nhà nhạc sĩ đại tài người Áo thăm thì: “*Cháu là mặt trời, cháu như làn sóng dịu êm, như buổi sáng tươi mát. Cháu là hạnh phúc, cháu là ánh lấp lánh bình minh*”. Và người nhạc sĩ thăm ước mong: “*Cầu Chúa ban phước lành cho mọi vật xung quanh cháu, cho tất cả những gì chạm tới cháu và những gì cháu chạm tới*”. Những chữ cái bỗng biến thành nốt nhạc và cứ thế tuôn trào theo phím đàn. Nó khiến lũ chim bới rối, làm xúc động con tim người cho đến cả những con côn trùng bé xíu.

Ta tự hỏi: những ý nghĩ của nhạc sĩ sẽ gửi qua phím đàn, Đa-nhi có nghe thấy không? Cô đã nghe thấy gì, đã cảm thấy gì? “*Một tiếng tù và mục đồng rúc lên trong buổi sáng tinh sương*” – một nốt cao vang lên như mời gọi. Rồi điệu nhạc du dương lớn dần. Những nốt trầm “*như một luồng gió*” mạnh mẽ, và nốt thấp hơn “*cất mình lên cao*”. Đa-nhi nghe thấy tiếng nói của quê hương trên những ngọn núi, trong tiếng

sóng rì rào. Nốt trong vắt, leng keng như “tiếng quả chuông nhỏ” tiếng của “đàn chim nhào lộn trên không” và cao hơn nữa, tiếng “trẻ gọi hú nhau trong rừng”. Rồi chậm chạp như tiếng sủi bọt con tàu rồi bất ngờ cao lên khi “gió reo ca trên cánh buồm” ca ngợi tự do và hạnh phúc.

Luồng không khí âm nhạc thổi tới khắp nơi, tràn ngập bầu trời, vạch mây mù để lộ ra những vì sao lấp lánh. Và Đa-nhi nghe thấy tiếng nói thân thương này giờ ẩn kín trong nốt nhạc: “Dù ai có nói với cháu những gì đi nữa thì cháu hãy cứ tin rằng cuộc đời thật là kì diệu và tuyệt đẹp”, đột nhiên âm thanh ngân nga và da diết: “Cháu là hạnh phúc. Cháu là ánh lấp lánh của bình minh”. Đa-nhi thấy mình như bay theo dòng nhạc đang cuộn cuộn chảy trôi tới một xứ sở diệu kì, nơi chỉ có ánh sáng và hạnh phúc, nơi tràn ngập tình yêu, nơi không có đau khổ nào làm ta nhỏ lệ. Nốt trầm bổng bay nhanh hơn như một đám mây huyền diệu, nâng bổng cô lên cao mãi...

Có ai đã nói rằng: *Nghệ thuật đem lại cho con người những gì đẹp đẽ nhất.* Cho dù là văn, thơ hay nhạc, họa đều đúng theo câu nói ấy. Bản giao hưởng của nhạc sĩ Gri-gơ đã đem lại cho cô bé Đa-nhi niềm tin vào cuộc đời vẫn còn những điều kì diệu.

Bản nhạc “*chỉ cho cô thấy cái tuyệt mỹ mà con người phải sống bằng cái tuyệt mỹ ấy*”. Vào cuối truyện, Đa-nhi đã thốt lên trước biển cả mênh mông: “*Đời ơi hãy nghe đây! Ta yêu người!*”. Ta có thể tin chắc rằng cô sẽ được hạnh phúc, bởi vì: “*Con người trong giây phút mãnh liệt hướng về hạnh phúc có thể tự mình làm nên những điều kì diệu*”.

Cho dù giờ đây Pau-tốp-xki đã xa chúng ta, nhưng những truyện ngắn của ông vẫn sống mãi trong lòng người đọc. Ta nhớ lại ý thơ của nhà thơ Bằng Việt: “*Lặng quả thông*” trong *suối nhạc diệu kì*. Suối nhạc ấy sẽ còn tuôn trào, sẽ còn được chúng ta yêu mến như một áng văn bất hủ.

ĐỀ THI

Lê Quý Đôn cho rằng: *Thơ khởi phát từ trong lòng người ta và Ngô Thì Nhậm cũng nhấn mạnh rằng: Hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần.*

Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên và hãy làm sáng tỏ qua đoạn thơ sau:

*Một bếp lửa chồn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.
Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!
Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

(Bếp lửa, Văn học 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2001, trang 121)

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Bách Lí Băng Nhi,
học sinh trường THCS Trần Nhật Duật, Quận Tây Hồ
Thành phố Hà Nội, năm học 2002 – 2003

BÀI LÀM

Không biết từ bao giờ, thơ ca trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu đối với mỗi con người. Thế giới thơ là thế giới của những tâm hồn đồng điệu, là lời thổn thức cất lên từ tâm hồn của thi sĩ. Một bài thơ hay không chỉ là những con chữ lặng câm trên trang giấy, mà là tiếng nhạc ngân lên thì thầm từ khoảng trống giữa những dòng thơ con chữ... Để rồi từng giọt thơ trong veo gieo xuống mặt hồ phẳng lặng của tâm hồn, để lại những vòng sóng tỏa rộng và lan xa, đánh thức những xúc cảm chân thành sâu kín nhất trong lòng người. Có lẽ vì vậy mà Lê Quý Đôn cho rằng: *Thơ khởi phát từ trong lòng người ta* và Ngô Thì Nhậm cũng nhấn mạnh rằng: *Hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần.*

Mọi con sông đều đổ ra biển lớn, mọi nẻo đường thơ ca đều bắt nguồn từ cảm xúc thăng hoa của người nghệ sĩ. Có lẽ bởi vậy mà cả Lê Quý Đôn và Ngô Thì Nhậm đều cho rằng đặc trưng của thơ ca chính là cảm xúc của người viết. Thơ là tiếng lòng, là tiếng nói của tâm hồn con người rung động trước cuộc sống. Người nghệ sĩ tìm đến thơ không để mua vui mà dùng thơ để bộc lộ cái tôi, cái tâm sự đang ứ nặng trong lòng. Thơ không chỉ cho thấy tài năng của họ mà còn là tấm gương phản chiếu nội tâm của thi sĩ. Buồn, vui, giận, hờn... những cảm xúc tự nhiên ấy sau bao lâu bị dồn nén ứ đọng nay tuôn ra dạt dào nơi đầu bút. Có thể nói, thơ là cách người nghệ sĩ thể hiện mình, thể hiện nhân cách của mình tới người đọc. Nhà thơ Tô Hữu cũng từng nói: *Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy*, hay Bi-ê-nin-ki cũng khẳng định: *Thơ là nhiệt tình kết tinh lại.* Ý thơ chỉ vang lên khi ánh mắt của người nghệ sĩ bắt gặp nét đẹp của cuộc sống, trái tim họ thổn thức vì xúc cảm mới lạ. Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, ở mỗi khía cạnh ta đều bắt gặp một vẻ đẹp riêng: ánh nắng vàng tỏa xuống triền đê, chiếc lá vàng lượn khẽ rồi nhẹ nhàng chạm mặt đất, tiếng chim kêu riu rít mỗi sớm bình minh, một làn hương ổi phả trong gió thu nhẹ nhẹ... Đó là những nét đẹp quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì đâu trên đất nước này. Những nét đẹp nguyên sơ giản dị ấy lại là nguồn cảm hứng bất tận cho người nghệ sĩ. Với trái tim nhạy cảm và con mắt tinh tế, họ nắm bắt những khoảnh khắc đời thường ấy và đưa vào thơ của mình. Vẻ đẹp giản dị ấy sao mà khi đi vào thơ lại tuyệt diệu thế. Có lẽ bởi: *Thơ khởi sự từ tâm hồn, vượt lên bằng tâm nhìn và đọng lại nhờ tấm lòng người viết*, Hoàng Minh Châu khẳng định thơ là cảm xúc từ tâm hồn, thơ muốn có được tầm nhìn phải nhờ con mắt người nghệ sĩ và nếu muốn thơ đọng lại trong lòng người đọc thì nhất định đó là những vần thơ chất lọc từ cảm xúc của người viết. Yêu tố thật của thơ ca là cảm xúc của người viết, đó phải chăng cũng là điều mà Diệp Tiệp muốn nhấn nhủ: *Điều gì trái với lòng mình mà ép buộc thành thơ thì chỉ có thể lừa dối một người, một thời chứ không thể lừa dối muôn đời sau.* Cảm xúc trong thơ ca phải là cảm xúc bắt nguồn từ rung động trái tim, là tình cảm trong

sáng, thiêng liêng của con người. Đúng là “thơ chỉ tràn ra” khi trong tim ta đã đầy ắp tình yêu với cuộc sống và con người. Những cảm xúc như làn sóng tác động mạnh mẽ đến trái tim người đọc, để rồi tâm hồn ta rung lên những xúc cảm sâu sắc nhất. *Thơ khởi phát từ trong lòng người ta là lẽ đó.*

Ngô Thì Nhậm không chỉ nhấn mạnh cảm xúc trong thơ mà còn khẳng định rằng, để có những vần thơ hay người nghệ sĩ cần phải biết nuôi dưỡng tâm hồn mình. Họ phải biết ấp ủ những cảm xúc, những yêu thương, đợi đến khi chín muồi, người nghệ sĩ sẽ thăng hoa để viết nên những vần thơ tuyệt bút. Những thanh củi tình cảm càng khô thì đến một lúc nào đó, ánh lửa sẽ bùng lên dữ dội mãnh liệt như ngọn đuốc:

Câu thơ ư? Là cách truyền lửa muôn đời

Ai đâu truyền đuốc tắt mà chơi?

(Nghĩ về thơ, nghĩ về thơ, nghĩ... – Chế Lan Viên)

Người nghệ sĩ phải biết chọn lọc và kết tinh những tình cảm chín muồi nhất, thăng hoa nhất để ngòi bút trở nên linh diệu, như có “thần” vậy! Cảm xúc, cái vô hình khi ấy sẽ được hữu hình hóa, được gói trọn trong những vần thơ con chữ trên tờ giấy mỏng. Phải chăng đó cũng là điều kì diệu của thơ ca, hữu hình hóa cảm xúc con người. Không thể phủ nhận rằng, chính cảm xúc đã cất cánh cho những tứ thơ bay bổng, cho tâm hồn người nghệ sĩ thăng hoa.

Phải có một tình yêu quê hương đất nước sâu sắc, mãnh liệt thì Tế Hanh mới viết nên những câu thơ nặng tình như thế này:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

(Quê hương)

Và cũng phải có tâm hồn dễ rung động, Hồ Chí Minh mới yêu cuộc đời, yêu con người, để rồi như tan vào trong những vần thơ:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết, lò than đã rực hồng.

(Chiều tối, trích Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh)

Trong dòng cảm xúc dạt dào như thế, Bằng Việt đã viết nên những vần thơ vô cùng xúc động về người bà của mình:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

.....

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Đây là những vần thơ, câu thơ tha thiết của Bằng Việt gọi thương, gọi nhớ trong lòng tuổi thơ chúng ta. Trần ngập bài thơ, đoạn thơ là một tình thương nhớ mênh mông, bồi hồi. Ba câu thơ đầu nói lên hai nỗi nhớ: nhớ bếp lửa, nhớ thương bà:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Những hình ảnh mở đầu vừa thực, vừa hư như trong truyện cổ tích. Ngọn lửa nhỏ mờ trong sương sớm mai, hai hình ảnh lúc ẩn lúc hiện tạo nên một quang cảnh trữ tình làm lay động cảm xúc dạt dào của tác giả. Bếp lửa! Hình ảnh từ trong sâu thẳm tiềm thức khi ẩn khi hiện, khi mờ trong nỗi nhớ nôn nao của đứa cháu khi xa cách lâu ngày. Bếp lửa gắn bó với mỗi gia đình Việt Nam, với sự tần tảo chịu thương chịu khó của bà. Từ “ấp iu” được dùng rất sáng tạo. Đó là kết quả rút gọn và nối kết của bao từ “ấp lửa, chất chiu, nâng niu”. Đi với động từ này là tính từ “nồng đượm” những điều đó đã nói lên rằng bếp lửa đã có một linh hồn, trở thành bếp lửa ủ chứa tình thương của cháu đối với cuộc đời lam lũ, trải qua “nắng mưa” của người bà. Bếp lửa “ấp iu nồng đượm” được nhen nhóm bằng sự nâng niu, ôm ấp của tình thương. Nhớ bếp lửa là nhớ đến bà “biết mấy nắng mưa”, trải qua nhiều vất vả, khó nhọc. Điệp ngữ “một bếp lửa” kết hợp với câu cảm thán làm cho giọng thơ bồi hồi xúc động. Từ đây hai hình ảnh, hai nỗi nhớ đan xen nhau thành hai bộ phận cho cảm xúc nhà thơ thăng hoa. Có một thời gian khổ mà không thể nào quên. Có những người đã gắn bó với tuổi thơ chúng ta, trở thành kỉ niệm, mang theo bao tình thương nỗi nhớ sâu nặng trong lòng ta.

Rồi tác giả đã vận dụng các giác quan để làm sống lại thời thơ bé cùng sống với người bà nhân hậu, chịu thương chịu khó, giàu tình yêu thương con cháu:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy.*

Từ thị giác “chờn vờn sương sớm” đến cảm giác “ấp iu nồng đượm” và khứu giác “hun nhèm mắt cháu” để nói về đoạn đời đói khổ, đói đến mòn mỏi, hình ảnh người bố đi đánh xe về khô rạc với con ngựa gầy còm. Tất cả đều hội tụ trong mùi khói hun đen nghệt thở nao lòng của tuổi thơ. Đó là một vòm trời cổ tích rất cao rộng và nhuốm màu lãng mạn trong thời thơ bé, hay nói đúng hơn khói bếp đã bao trùm suốt khung trời tuổi thơ của tác giả. Ấn tượng về cuộc sống đói khổ và khói bếp nhà nghèo đã đọng lại và da diết trong kí ức của nhà thơ *nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*. Quá khứ tuổi thơ cay cực đã qua rồi mà dư vị một thời thơ bé vẫn ám ảnh Bằng Việt, kỉ niệm tuổi thơ, kỉ niệm buồn khó quên: “năm đói mòn đói mỏi”, “khô rạc ngựa gầy”, “khói hun nhèm mắt cháu”, “sống mũi còn cay”. Bằng Việt sinh năm 1941, năm nhà thơ lên bốn tuổi, là cuối năm 1944 đầu năm 1945, nạn chết đói kinh khủng đã xảy ra, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói. Đó là kỉ niệm về “lửa khói”, về “khói hun”, một cảnh đời nghèo khổ gắn liền với bếp lửa gia đình trước Cách mạng. Văn thơ là tiếng lòng thời thơ ấu gian khổ, rất chân thực cảm động:

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

“Nghĩ lại đến giờ” đó là năm 1963, đã mười chín năm trôi qua, mà đứa cháu vẫn cảm thấy “sống mũi còn cay!”. Kỉ niệm buồn, vết thương lòng, khó quên là vậy!

Nghĩ lại thấy xót thương trong hồi ức về bà... Tuy chỉ là một đoạn thời thơ ấu nhưng thời gian ấy dài lắm – những tám năm:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tú hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

Cuộc sống đói khổ đã làm vấy đen đi tuổi bé thơ hồn nhiên của tác giả. Chỉ mới bốn tuổi thôi mà trông già dặn lắm rồi, già đi do tám năm trời dài vô tận. Tám năm của biết bao khó nhọc, tám năm của cái đói và cái vất vả đeo đẳng nhưng chẳng thể nào thoát ra được. Từ bếp lửa cho đến nhóm lửa thật logic đã góp phần tô đậm thêm cái vất vả ấy. Nhưng chính bên bếp lửa, trong cái ánh lửa ấm sáng của tình bà cháu đã hồng lên ngọn lửa kiên trì dai dẳng, niềm tin vào ngày kháng chiến thắng lợi, đất nước sẽ trở lại bình yên. Và bây giờ lại xuất hiện thêm một hình ảnh gần gũi thân quen. Có tiếng chim tu hú kêu gọi mùa lúa chín trên những cánh đồng quê. Tiếng chim tu hú, những chuyện kể của bà về Huế thân yêu đã trở thành kỉ niệm. “Tu hú kêu...”, “khi tu hú kêu...”, “tiếng tu hú”... cái âm thanh đồng quê thân thuộc ấy được nhắc đi nhắc lại nhiều lần càng trở nên tha thiết bồi hồi. Tiếng tu hú! Sóng đôi cùng bếp lửa nó gọi lên những liên tưởng gần xa. Đời bà và cháu chỉ quanh quẩn bên chiếc bếp gần gũi mà nghe tiếng tu hú kia sao giục giã như khắc khoải những khao khát rộng dài đến một không gian xa xôi ở cuộc sống khác một không gian có những cánh đồng, có mùa quả ngọt trong mùa hè rực nắng, có cánh phượng đỏ, có mùa lúa chín... Nghe nào lòng! Cái âm thanh quen thuộc ấy là tiếng vọng gọi nhớ nơi thời gian, năm tháng của kỉ niệm về gia đình về quê hương yêu thương, về những giây phút vắng bóng mẹ cha, chỉ còn bà. Đó là tiếng vọng thời gian năm tháng của kỉ niệm về gia đình (bếp lửa), về quê hương (tiếng chim tu hú) yêu thương. Cháu thầm hỏi bà hay tự hỏi lòng mình về một thời xa vắng. Cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong sự nuôi dưỡng yêu thương của bà:

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.

“Cháu ở cùng bà” từ ngữ thật hay và hàm súc “bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm” vai trò của bà trong gia đình thật to lớn. Năm tháng đã trôi qua, thế mà bà vẫn khó nhọc vất vả nhóm bếp. Ngẫm nghĩ ngọn lửa hồng và tiếng chim tu hú gọi bầy, đưa cháu nhỏ bỗng thốt lên câu nói giản dị nhưng dạt dào tình yêu thương, cảm xúc cứ trào lên như dòng sông vỗ sóng trong lòng. Cháu cùng bà nhóm lửa, nhóm lửa của sự sống, nhóm ngọn lửa của tình thương. Tám năm ấy, đất nước có chiến tranh *mẹ cùng cha bận công tác không về* cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong tình thương và sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà. Hai câu thơ mười sáu chữ mà chữ “bà”, chữ “cháu” đã chiếm đúng một nửa. Ngôn từ đã hội tụ tất cả tình thương của bà dành cho cháu. Một tình thương ấp ủ, chở che.

Vai trò người bà trong mỗi gia đình Việt Nam thật vô cùng to lớn. Năm tháng đã trôi qua thế mà bà vẫn “khó nhọc” vất vả “nhóm bếp lửa”. Nghĩ về ngọn lửa hồng của bếp lửa, nghĩ về tiếng chim tu hú gọi bầy, đưa cháu gọi thân thiết, tiếng chim tu hú “kêu chi hoài”. Cảm xúc cứ trào lên:

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Cháu cảm thông với nỗi nhọc nhằn của bà, cháu đã dần khôn lớn trong vòng tay chở che ấm áp ấy. Cháu càng lớn càng cảm thấy xót thương cho mảnh đời bất hạnh của tu hú. Cháu muốn tu hú cũng được sự chăm sóc như bà đối với mình. Kỉ niệm cứ hiện dần lên và trong xúc cảm hình ảnh bà và hình ảnh bếp lửa đã hòa quyện đồng nhất thành một. Trong lòng cháu, hai hình ảnh như một. Tuy một mà hai, năm

chữ “nghĩ thương bà khó nhọc” nói lên lòng biết ơn bà của đứa cháu đã và đang mang nặng trong trái tim mình tình thương của bà dành cho mình.

Đoạn thơ đầy ắp kỉ niệm tuổi thơ và dào dạt cảm xúc. Cháu thương nhớ bà không bao giờ quên. Bằng thể thơ tám chữ (có xen bảy chữ), tác giả đã tạo nên một giọng thơ thiết tha, chất thơ trong sáng truyền cảm, hình tượng đẹp. “Bếp lửa”, “tiếng chim tu hú”, “người bà” là ba hình tượng hòa quyện trong tâm hồn đứa cháu xa quê. Ở đây, tình thương nhớ bà gắn liền với tình yêu quê hương đất nước. Tác giả đã khéo léo sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, cách gieo vần, từ láy, điệp từ và những hình ảnh có sức thuyết phục cao cùng với những liên tưởng độc đáo tạo nên giá trị đoạn thơ. Ta cảm nhận được ở đây tấm lòng biết ơn sâu nặng, nhớ nhung da diết, tấm chân tình của nhà thơ đối với người bà yêu dấu. Đặc biệt qua đoạn đầu ta đã hiểu thêm được nguyên do vì sao tác giả lại có tình thương yêu vô bờ đối với quê hương như vậy? Do công lao trời biển của bà mà chắc hẳn rất ít ai sánh được. Khâm phục, cảm động, bất giác ta có thể thốt lên rằng: *Ôi! Bà thật là con người vĩ đại.*

Có những người cả đời viết đến hàng nghìn trang giấy nhưng không ai biết mặt biết tên. Nhưng cũng có những người, như nhà thơ Bằng Việt, khắc tên mình thành vĩnh cửu chỉ với ít bài thơ, vài truyện ngắn. Đó là vì họ đã viết bằng cả niềm đam mê và xúc cảm của mình. Ý kiến của Lê Quý Đôn và Ngô Thì Nhậm không chỉ đúng mà còn là lời giáo huấn sâu sắc cho nhiều thế hệ văn sĩ về sau.

ĐỀ THI

Nói về quy luật sáng tạo nghệ thuật, Uy-li-am Uôt – thi sĩ người Anh có câu: *Thơ ca là sự bật phát của những tình cảm mãnh liệt.* Em hiểu ý kiến trên như thế nào?

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Châu Bằng Thanh, học sinh trường THCS Triệu Việt Vương, Thành phố Thái Nguyên, năm học 2003 – 2004

BÀI LÀM

Biển cả nghìn năm không ngừng dào dạt sóng. Sóng biển có lúc êm đềm nhưng cũng có khi thét gào dữ dội. Tâm hồn con người cũng như biển vậy. Thi nhân xúc cảm trước cuộc đời mà viết nên trang. Con sóng lòng tràn bờ, tràn trên con chữ thành thơ. Đúng như Uy-li-am Uôt – thi sĩ người Anh có câu: *Thơ ca là sự bật phát của những tình cảm mãnh liệt.*

Thơ ca là điệu hồn tâm hồn, là những xúc cảm thiêng liêng, mãnh liệt nhất của những người cầm bút. Đó là quy luật sáng tạo nghệ thuật muôn đời.

Thi nhân xúc cảm và khao khát được bộc bạch nỗi lòng, tỏ bày tâm sự. Khi đó, họ tìm đến thơ: *Khi tình cảm tự tìm tìm cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, chúng ta có thơ* (Ta-go). Tình cảm là tiếng lòng người thơ. Câu chuyện thơ là câu chuyện tâm hồn thi sĩ. Thể loại thơ là hình thức cần có để nhà thơ bộc lộ nỗi niềm.

Thơ ca là lĩnh vực của tình cảm. Câu nói của Uy-li-am Uôt chính là một sự đúc rút những kinh nghiệm của nhà thơ về việc sáng tạo trong thơ ca. Đến với miền thơ là đi vào thế giới tâm tình của thi nhân. Bởi thơ là tiếng lòng, là tiếng nói của tình cảm, xúc cảm. Sóng ở đời với bao buồn vui, con người ta có nhu cầu bộc lộ nỗi niềm của mình. Nhà thơ với *trực giác nhiệm màu* (Thạch Lam) của người nghệ sĩ lại càng tinh tế, nhạy cảm hơn trước cuộc đời. Tâm hồn họ *run rẩy tựa dây đàn căng tràn trước ngoại cảnh để gảy thành thanh âm của tiếng lòng mình.*

Thơ ca là sự bộc phát của những tình cảm mãnh liệt chính là khi những rung động trong tâm hồn nhà thơ tìm được một cách thể hiện bằng câu chữ. Khi ấy, thơ ra đời. Nói đến tình cảm của con người là nói đến những gì sâu sắc ẩn chứa bên trong tâm hồn. Tình cảm ấy không chỉ có ở nhà thơ mà còn có ở tất cả mọi người. Những rung động trước cái đẹp, hay sự đau khổ, niềm vui sướng... đều là những trạng thái của tình cảm. Nhưng tình cảm của nhà thơ có điểm khác với những người bình thường. Đó là vì *sự bộc phát của những tình cảm mãnh liệt*. Nếu như chúng ta bộc lộ tình cảm bằng nét mặt, cử chỉ, hành động cụ thể thì nhà thơ biểu hiện tình cảm ấy qua văn bản ngôn từ. Tình cảm tự tìm thấy cho nó một hình thức để bộc lộ ra ngoài, tức là tình cảm ấy chủ động tìm đến với mỗi thể loại, một cách viết, cách sử dụng ngôn từ sao cho phù hợp nhất với nó. Tác phẩm thơ, như vậy, chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tình cảm của người viết với một hình thức biểu hiện. Thực chất câu nói của Uy-li-am Uôt đề cập tới quy luật sáng tạo trong thơ ca: thơ ra đời khi nội dung tìm được nghệ thuật biểu hiện phù hợp và truyền tải được hết nội dung ấy.

Ngay từ lúc sinh ra trên đời con người đã có tình cảm. Tiếng khóc chào đời là khát vọng được giao tiếp với đời. Mỗi người thơ đều có tác lòng riêng của mình. Từ tình yêu đôi lứa đến tình cảm gia đình, từ sự rung động trước một bức tranh quê đến lòng đau trước một thân phận con người đều đi vào trang thơ. Quên sao được tấm lòng mong nhớ thiết tha trong ca dao:

Chờ em đã tám hôm nay

Hôm qua là chín, hôm nay là mười.

Chờ nhau, nhớ nhau nên câu chữ cũng hóa bất thường. Thời gian tâm lí đã thay thế trật tự thời gian bình thường. Những số từ đong đếm tâm trạng trong câu chữ đã vật chất hóa tiếng lòng người đang yêu. Yêu nhau nên ước mong cũng lạ thường:

Ước gì sông rộng một gang

Bắc cầu dài yếm để chàng sang chơi.

Cầu dải yếm hay tấm lòng em gửi trọn đến chàng? Vật dụng gần gũi và quá đỗi mỏng manh của người phụ nữ trở thành nhịp cầu chuyên chở tình yêu. Yêu nồng nàn nên mới có ước ao đẹp và duyên đến vậy!

Thơ là thể loại trữ tình phù hợp với mọi cung bậc cảm xúc thi nhân. Bao buồn vui trong đời cảm rung thi sĩ, bao nỗi niềm chất chứa trong tâm can đến lúc mãnh liệt mà “cất lên trang”. Câu chữ sẽ tự tìm hình thức thích hợp để tuôn chảy tiếng lòng thi nhân. Có ai đó đã nói rằng: *Thơ là tiếng lòng hồn nhiên nhất của trái tim*. Nhưng chỉ như vậy thôi thì chưa đủ. Bởi thơ chỉ ra đời khi tiếng nói hồn nhiên nhất của trái tim ấy tìm thấy cho nó một hình thức biểu hiện phù hợp và độc đáo. Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* bằng nỗi đau đón lòng trước những điều trông thấy, bằng một trái tim yêu thương rất mực... nhưng *Truyện Kiều* sẽ ra sao nếu không được sáng tác bằng thể thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc. Tình cảm mãnh liệt của Nguyễn Du đối với những nhân vật trong *Truyện Kiều* – hình bóng của những con người thực đã tìm đến một hình thức thể hiện độc đáo, phù hợp. Bởi thế mà *Truyện Kiều* trở thành đỉnh cao của thơ ca Việt Nam không chỉ ở thời kì trung đại, được quần chúng nhân dân mọi thời tiếp nhận, yêu thích, say mê.

Khi những thôi thúc của trái tim trở nên dồn dập, mạnh mẽ, nó sẽ tự tìm đến một hình thức biểu hiện phù hợp nhất, truyền tải hết những tình cảm ấy. Hồ Xuân Hương với tiếng nói riêng của một người phụ nữ có cá tính, muốn đòi quyền sống,

quyền bình đẳng cho người phụ nữ đã cất lên những lời thơ cứng cỏi và có vẻ như thách thức:

*Ví đây đối phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?*

(Đề đền Sầm Nghi Đống)

Quy luật sáng tạo trong thơ ca chính là quy luật của những cảm xúc lên đến đỉnh điểm. Tình cảm tự tìm cho nó một hình thức để bộc lộ. Chế Lan Viên – nhà thơ của những triết lí, triết luận cũng xông xáo tiếng lòng khi yêu:

*Chỉ một ngày nữa thôi. Em sẽ
trở về. Năng sớm cũng mong. Cây
cũng nhớ. Ngõ cũng chờ. Và bướm
cũng thêm màu trên cánh đang bay.*

(Tập qua hàng)

Tình cảm đã thể hiện nơi câu chữ. Tâm trạng mong chờ, đón đợi người yêu khiến tác lòng không yên. Câu chữ cũng tuôn trào, dào dạt, cũng trúc trắc như chính tâm trạng thi nhân. Bồn chồn không yên nên mới có hình thức *Tập qua hàng* độc đáo như thế!

Thơ là sự giải tỏa cảm xúc (Chế Lan Viên). Chính những tình cảm, cảm xúc đã làm nên nét đặc trưng của thơ so với những thể loại khác. Nếu trong văn xuôi, trong các thể tự sự, người nghệ sĩ bộc lộ tư tưởng tình cảm qua hệ thống nhân vật, cốt truyện, thì qua thơ người nghệ sĩ thể hiện trực tiếp những tình cảm này bằng ngôn từ:

*Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.*

Rõ ràng thơ trao cho người sáng tác quyền bộc lộ trực tiếp những cảm xúc của mình. Và chính cảm xúc, tình cảm đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho thi nhân. Cảm hứng sáng tác chỉ được xây dựng trên hệ thống tình cảm phong phú, sâu sắc của nhà thơ về cuộc sống. Trong thơ không chấp nhận thứ tình cảm hời hợt, nông cạn. Tình cảm trong thơ phải là tình cảm mãnh liệt, sâu sắc và trào dâng trong tâm hồn nhà thơ, làm cho những hình tượng ấy trở nên sinh động, hấp dẫn đối với người đọc.

Hãy đập vào tim anh, thiên tài là ở đó (Muýt-xê). Trái tim nhà thơ tự tìm đến một nghệ thuật biểu hiện, và khi ấy thơ ra đời, chân thành, giàu xúc cảm và cũng thật độc đáo, riêng biệt. Hoàng Cầm viết *Bên kia sông Đuống* trong một đêm khi nghe tin địch tràn vào tàn phá quê hương mình. Dòng cảm xúc cứ tuôn trào khiến ngòi bút nhiều khi không theo kịp, bởi thế thể thơ tự do là thích hợp nhất và biểu hiện một cách sâu sắc nhất những tình cảm ấy. Dòng hồi tưởng cứ miên man chảy trôi như chính dòng sông đang hiện về trong tâm tưởng nhà thơ:

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.*

Xuân Quỳnh viết bài thơ *Sóng* mà tưởng như nhịp sóng đang quyện hòa với lời thơ mà xô vào nhịp đập của con tim. Cả bài thơ là một nhịp sóng lớn, con sóng của biển cả và con sóng của một trái tim người phụ nữ đầy lo âu chân thành và da diết khát vọng hạnh phúc đời thường.

Chính sự dâng trào tình cảm đã tạo nên những giây phút thần hứng cho người nghệ sĩ – *hãy xúc động cho ngọn bút có thần* (Ngô Thị Nhậm). Ta hiểu vì sao những bài thơ như *Bên kia sông Đuống* (Hoàng Cầm), *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Sóng* (Xuân Quỳnh) hay *Tôi yêu em* (Pu-skin) lại có sức lay động mãnh liệt tâm hồn người đọc đến vậy. Bởi những bài thơ ấy trước hết là những dòng cảm xúc sâu sắc của mỗi nhà thơ. *Thơ là tất cả, chỉ trừ không chịu là yên tĩnh* (Raxun Gamzatop). Tình cảm trong thơ cũng vậy, luôn vận động để tìm đến những hình thức riêng phù hợp. Những tình cảm mãnh liệt thường chọn cho nó một cách thức để biểu hiện sao cho độc đáo nhất, truyền tải hết được những cảm xúc ấy tới người đọc. Tình cảm nhiều khi tràn ra câu chữ, mỗi từ, mỗi chữ, mỗi câu đều được soi sáng bằng ngọn lửa của những tình cảm mãnh liệt.

Thơ không thể thiếu cảm xúc. Sự chủ động của tình cảm trong thơ khi tìm lấy một hình thức biểu hiện riêng đã làm nên những áng thơ hay còn mãi với thời gian. Ý kiến của Ta-go chạm đến một trong những đặc thù sáng tạo nghệ thuật. Không chỉ sáng tác thơ mà sáng tác văn học nghệ thuật nói chung đều rất cần ở người cầm bút một tình cảm mãnh liệt, bắt rễ sâu xa trong hiện thực cuộc sống. Sự kết hợp giữa nội dung và nghệ thuật trong thơ sẽ tạo nên những tác phẩm thơ độc đáo.

Nhà văn, nhà thơ chỉ có được tình cảm mãnh liệt khi gắn mình với mảnh đất hiện thực, khi tìm những cảm hứng sáng tác ở chính cuộc đời. *Nhà văn phải mở hồn ra đón nhận những vang động của đời* (Nam Cao). Những con sóng của cuộc đời bắt nhịp với con sóng của trái tim nghệ sĩ sẽ tìm đến những hình thức nghệ thuật độc đáo. Và thơ ra đời, *kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế* (Hoài Thanh).

Thơ là tình cảm, là tiếng lòng thồn thức của thi nhân hiển thị trong câu chữ và để có tiếng lòng thồn thức ấy người thơ phải sống trọn vẹn với đời. Chữ “tài” chỉ bùng nở khi chữ “tâm” với đời tỏa sáng. *Thơ là tiếng lòng* (Diệp Tiệp) thi sĩ bắt nguồn từ chính mảnh đất cuộc đời và thăng hoa trên bầu trời nghệ thuật. Cuộc đời là mạch nguồn khởi đầu và cũng là đích đến của mỗi trang thơ. Tình cảm ấy chính là “tắm lòng sứ điệp” nhịp mãi lên câu chữ để mãi mãi văn học sống trong lòng độc giả, là hành trang để ta bước vào đời.

ĐỀ THI

Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình qua các tác phẩm *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng), *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Nói với con* (Y Phương).

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Kiều Nguyễn Thanh Phụng,
học sinh trường THCS Triệu Sơn,
tỉnh Thanh Hóa, năm học 2004 – 2005

BÀI LÀM

*Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ
Gánh nặng cuộc đời không ai khổ hơn cha
Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ
Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha.*

(Trích lời Kinh Phật)

Tình cảm gia đình luôn là nguồn cảm hứng bất tận hiện hữu trong thi ca văn học Việt Nam. *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng đánh cắp con tim người đọc bởi tình cha con bao năm xa cách mà đầy éo le trong chiến tranh. Những ai đã từng đọc *Bếp lửa* của Bằng Việt chắc chắn không thể quên được tình cảm yêu thương nồng

thấm của người bà dành cho cháu. Hòa trong những cung bậc nỗi nhớ và suy tư của người cháu đối với bà là lòng biết ơn vô hạn của cháu về người bà giàu tình thương và đức hi sinh. Còn Y Phương, cùng mạch nguồn cảm hứng ấy, nhà thơ đã cho ra đời tác phẩm *Nói với con* đầy sâu sắc khi mượn lời của người cha nói với con, kín đáo gửi gắm bài học đạo lý về lòng biết ơn cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào, sức sống mạnh mẽ bền bỉ của quê hương mình, làm rung động bao con tim độc giả.

Lời nói của Goethe: *Dù là vua chúa hay dân cày kẻ nào tìm thấy được sự an bình trong gia đình là người sung sướng nhất* thật đúng khi nói về gia đình. Tình cảm gia đình như những tia sáng diệu kì của cuộc đời. Tia sáng ấy sẽ sưởi ấm cho tâm hồn mỗi người. Gia đình! Gia đình! Tiếng gọi nghe dễ nhưng lại thiêng liêng biết bao. Gia đình là một thứ thiêng liêng không gì có thể so sánh được, biết hết giá trị. Gia đình là nơi vun đắp những tâm hồn. Hạnh phúc lớn nhất của mỗi con người là được sinh ra là lớn lên trong sự thương yêu, dạy bảo của gia đình. Trong trái tim mỗi con người, gia đình luôn chiếm phần lớn, là nỗi nhớ mỗi lúc đi xa, là động lực, điểm tựa để ta vươn lên đạt đến thành công trong cuộc sống. Và khi đọc *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, *Bếp lửa* của Bằng Việt, *Nói với con* của Y Phương ta đều cảm nhận được tình cảm thiêng liêng của hai tiếng “gia đình”.

Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết được tình cảm đẹp như: tình đồng chí, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, và cả tình cảm của một người cha với con gái. Truyện ngắn *Chiếc lược ngà* là một câu chuyện đặc sắc ca ngợi tình phụ tử giản dị mà thiêng liêng. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. *Chiếc lược ngà* như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật – gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho bé Thu – đứa con gái bé bỏng mà ông yêu thương.

Hai cha con ông Sáu gặp nhau sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu phải ra đi. Trở lại khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.

Sau bao năm tháng mong chờ, đau khổ, ông Sáu đã được đón nhận một niềm vui vô bờ khi bé Thu gọi tiếng “Ba”. Ông trở lại khu căn cứ với một yên tâm lớn rằng ở quê nhà có một đứa con gái thân yêu luôn chờ đợi ông, từng giây từng phút mong ông quay về. Lời dặn của đứa con trước lúc chia tay: *Ba về! Ba mua lược cho con một cây lược nghe ba!* Đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà cho con. Khi kiếm được một khúc ngà, ông đã vô cùng vui mừng, sung sướng như đứa trẻ được quà. Rồi ông dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược. Có lẽ không đơn thuần vì ở rừng rú chiến khu, ông không thể mua được cây lược nên làm lược từ ngà voi là một cách khắc phục khó khăn. Mà cao hơn thế, sâu hơn thế, ngà

voi là thứ quý hiếm – chiếc lược cho con của ông phải được làm bằng thứ quý giá ấy. Và ông không muốn mua, mà muốn tự tay mình làm ra. Ông sẽ đặt vào trong đấy tất cả tình cha con của mình. Đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong giây phút cha con từ biệt. Nhưng đối với người cha ấy, đó là mong ước đầu tiên và cũng là duy nhất cho nên nó cứ thôi thúc trong lòng. Kiếm cho con cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình phụ tử trong lòng. Ông bỗng chốc trở thành một nghệ nhân sáng tạo tài tình mà chiếc lược ngà là tác phẩm duy nhất của cuộc đời anh. Những lúc rỗi, ông cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Bụi ngà mỗi ngày rơi một nhiều làm người đồng đội cũng cảm thấy vui cho ông. Trên sống lưng cây lược, ông đã tỉ mỉ khắc một dòng chữ nhỏ: “*Yêu nhớ tặng Thu con của ba*”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quý giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con xa cách. Cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho bóng mượt. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguội. Thật trớ trêu, ông Sáu đã hi sinh khi chưa kịp trao chiếc lược ngà vào tay con. Giây phút cuối cùng của sự sống, ông rút trong túi ra chiếc lược ngà đưa cho người đồng đội là bác Ba, chỉ im lặng nhìn bác Ba một hồi, cái ánh mắt nhắn nhủ bao điều, ông muốn con nhận lấy chiếc lược ngà – ấy cũng chính là lời trăng trối cuối cùng của ông. Nhưng đó là điều trăng trối không lời, nó rõ ràng là thiêng liêng hơn cả một lời di chúc, bởi đó là sự uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân, ước nguyện của tình phụ tử! Và cũng chính chiếc lược ngà ấy đã làm nảy sinh một tình cảm mới, như tình cảm cha con giữa cô giao liên là bé Thu ngày xưa và bác Ba. Người đọc phải nghẹn lòng ở các tình huống xót xa, tưởng chừng như sẽ kết thúc bằng một dấu chấm hết nhưng đến phút cuối thì lại vỡ òa theo dòng chảy của cảm xúc. Tuy ông Sáu đã hi sinh nhưng câu chuyện về hai cha con anh sẽ còn sống mãi.

Gấp lại trang truyện *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, chúng ta đến với thi phẩm *Bếp lửa* của Bằng Việt. *Bếp lửa* – nhan đề quen thuộc và gắn với đời sống của gia đình Việt từ bao đời. Chỉ hai từ “bếp lửa” thật gọn nhưng Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh bếp lửa đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thể hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu. Trong biết bao kỉ niệm tuổi thơ, bếp lửa in đậm nhất trong suy nghĩ của Bằng Việt. Bắt đầu từ hình ảnh thân thương, ấm áp – hình ảnh bếp lửa đã lan tỏa khắp bài thơ, trở thành điểm tựa để mở ra một chân trời đầy

ấp kỉ niệm tuổi thơ về tình bà cháu. Bằng Việt trở về với những năm tháng tuổi thơ thiếu thốn, nhọc nhằn, những kỉ niệm gắn liền với hình ảnh người bà:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

“Tám năm ròng” là một quãng thời gian không dài đối với đời người nhưng lại là cả tuổi thơ của cháu. Hình ảnh bà và bếp lửa của tình bà cháu đã gợi ra một liên tưởng, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ – tiếng chim tu hú. Tiếng chim tu hú thường gợi nên sự khắc khoải, xa cách, trông mong, một âm thanh mang sắc điệu trầm buồn. Với Bằng Việt, âm thanh ấy như khơi dậy trong bà những kỉ niệm ngày xưa ở Huế, để bắt đầu những câu chuyện êm đềm cho tuổi thơ của cháu. Một tiếng chim đong đầy kỉ niệm đến nỗi tác giả phải thốt lên lời cảm thán rằng “sao mà tha thiết thế”. Điệp từ “tu hú” được lặp đi lặp lại nhiều lần khiến lời thơ có âm điệu thật bồi hồi, tha thiết, khiến bản thân người đọc cũng như nghe văng lại đâu đây tiếng tu hú từ trong tiềm thức của tác giả. Sự điệp lại ấy còn gợi lên những nỗi nhớ trùng điệp, vắt vẻo vào nhau – nỗi nhớ của bà về quá khứ của mình càng khiến cho nỗi nhớ của cháu về bà thêm thăm thẳm, vời vợi. Tiếng chim tu hú đã trở thành một phần tuổi thơ, một mảnh tâm hồn cháu, là sợi chỉ đỏ nối liền quá khứ và hiện tại. Tiếng vọng đồng chiều ấy vang lên trong khổ thơ càng như giục giã, như khắc khoải một điều gì đó tha thiết lắm, để dòng kỉ niệm trải dài hơn, rộng hơn, sâu hơn trong không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương. Và trong dòng chảy ấy, hiện lên những kí ức thân thương về tình bà cháu sâu đậm:

*Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.*

Tám năm tuổi thơ của tác giả cũng chính là những năm đất nước chiến tranh, bố mẹ phải đi công tác xa nhà, cháu phải sống cùng bà. Bằng Việt đã khơi lại những kỉ niệm ngày ấy bằng nghệ thuật liệt kê: “Bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm”... mỗi một kí ức hiện về là thêm một lần hình ảnh bà được khắc sâu trong tâm trí cháu. Trong những năm tháng ấy, bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần, là cội nguồn yêu thương của cháu. Bà không chỉ chăm lo cho cháu từng chút một mà còn là người thầy đầu tiên dạy cho cháu bao điều về cuộc sống, những bài học của bà trở thành hành trang cháu mang theo trong suốt quãng đời còn lại. Được ở với bà là cả một niềm hạnh phúc vô bờ. Cặp từ “bà” và “cháu” xuất hiện trong từng phép liệt kê như gợi lên hình ảnh hai bà cháu gắn bó, quấn quýt không rời, gợi lên một thế giới mà trong đó bà là tất cả. Cùng bà nhóm bếp hàng ngày, tác giả thấm thía được những gian lao, vất vả của bà khi phải một mình chăm sóc cháu, để

rồi lời thơ như thủ thi một lời tâm tình “ngĩ thương bà khó nhọc”, và một lần nữa tiếng chim tu hú lại vọng về:

*Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

Câu cảm thán “Tu hú ơi!” kết hợp với câu hỏi tu từ vang lên như một lời trách cứ nhẹ nhàng. Ở giữa nước Nga xa xôi, tiếng chim tu hú vọng lại trong hồi ức của Bằng Việt khiến nỗi nhớ trào dâng trong lòng nhà thơ cùng những câu hỏi mênh mang: khi cháu đã đi rồi thì ai sẽ cùng bà nhóm lửa, ai sẽ nghe bà “kể chuyện những ngày ở Huế”... Lời thơ là hỏi chim tu hú, hay là hỏi chính mình? Là lời than thở, trách móc hay chính là mong ước khôn nguôi muốn được trở lại bên bà? Nỗi lòng của chim tu hú *kêu chi hoài trên những cánh đồng xa* đâu có khác gì với nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Tiếng chim ấy khiến lòng người như trỗi dậy bao hoài niệm, nhớ mong da diết, âm vang trong tim người đọc. Những kỉ niệm trôi theo một nhạc điệu tâm tình thủ thi, chậm rãi đầy nhung nhớ đã đưa ta về với tuổi thơ sống bên bà và đầy ắp tình bà cháu của tác giả. Bằng Việt từ cuộc đời những kỉ niệm, những hình ảnh đẹp nhất về người bà thân yêu đã thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. Để ta chợt nhận ra rằng, trong sâu thẳm mỗi con người, luôn có những điều thật bình dị và thân thương. Hãy trân trọng những kí ức trong trẻo, mượt mà một thời ấy, vì đó là chốn bình yên để ta tìm về khi đã mỏi cánh bay, là hành trang quý báu để ta mang theo suốt cuộc hành trình dài và rộng của cuộc đời. Để một ngày nào đó dừng lại giữa dòng đời bất tận, ta mỉm cười vì luôn có một “bếp lửa” soi sáng trong tim...

Tình cảm gia đình là thứ tình cảm đặc biệt, thiêng liêng và bất diệt. Tình cảm gia đình từ xưa đến nay, vẫn luôn như dòng sữa ấm áp nuôi nấng ta khôn lớn trưởng thành. Y Phương – một nhà thơ dân tộc miền núi, tha thiết *Nói với con* về tình cảm cha con thấm thiết, hay rộng hơn cả đó chính là tình cảm đối với quê hương dân tộc, với bản làng. Tiêu biểu là đoạn thơ:

*Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

Cuộc đời không bao giờ yên ả như mặt nước hồ thu nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. “Người đồng mình” không chỉ giàu ý chí nghị lực mà còn giàu về đời sống tinh thần, tâm hồn phóng khoáng để xây dựng nên quê hương với những phẩm chất tốt đẹp. Người cha tự hào ca ngợi người đồng mình:

*Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con.*

Hình ảnh “người đồng mình” cứ lặp đi lặp lại trong bài thơ gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Người cha tự hào vì “người đồng mình” tuy mộc mạc nhưng giàu ý chí, niềm tin. Hình ảnh cụ thể “thô sơ da thịt” cho ta thấy sự giản dị, mộc mạc của người đồng mình. Giọng thơ khẳng định “chẳng mấy ai nhỏ bé” thể hiện niềm

tự hào của người cha về lẽ sống cao đẹp và tâm hồn phong phú của dân tộc. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề “nhỏ bé” về tâm hồn, về ý chí và mong ước xây dựng quê hương. Từ “nhỏ bé” ở đây được hiểu theo nghĩa bóng. Những người lao động miền núi cần cù, lam lũ đã từng bước khẳng định mình trong cuộc sống. Họ không tự hạ mình, không chịu khuất phục trước thiên nhiên, cuộc đời. “Người đồng mình” không ai chịu tự bó mình trong cuộc đời nhỏ nhoi, tầm thường mà ngược lại ai cũng có ước mơ, hoài bão sống cuộc đời rộng lớn, ai cũng có khát vọng vươn lên. Chẳng những thế mà:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục.*

Cách nói bằng hình ảnh mộc mạc, cụ thể “tự đục đá” mà ý thơ sâu sắc, người dân tộc bao đời nay chất chiu, gầy dựng từng mầm sống nhỏ nhoi quê nghèo nhưng tình người lại giàu có vô cùng. Y Phương khẳng định vẻ đẹp của “người đồng mình” chính là họ luôn có ý thức làm cho quê hương ngày càng giàu đẹp. “Người đồng mình” cần cù, chịu thương chịu khó luôn sống gắn bó với quê hương, luôn có ý thức đóng góp xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, ngày càng phát triển. Câu thơ: *Còn quê hương thì làm phong tục* như lời khẳng định rằng quê hương càng phát triển thì sẽ đem đến cho con người sự thay đổi lớn lao về đời sống vật chất và tinh thần. Tình cảm và những việc làm cao đẹp thiết thực của họ chắc chắn sẽ được quê hương, dân tộc tôn vinh, ghi nhớ và truyền lại cho thế hệ mai sau. Với lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, người cha còn gửi đến con những lời nhắn nhủ tâm tình:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

Nhịp thơ chậm rãi tha thiết, điệp ngữ “thô sơ da thịt” được lặp lại một lần nữa nhưng khẳng định thêm về phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Lời thơ chắc gọn như một mệnh lệnh “lên đường” vừa thể hiện mong ước tha thiết của người cha đối với con: khi bắt đầu bước vào hành trình của cuộc đời mình con hãy sống đúng với phẩm chất của “người đồng mình”. Bởi vì “người đồng mình” có thể cực khổ, lam lũ nhưng luôn mạnh mẽ với chí lớn. Có thể “thô sơ”, mộc mạc với áo chàm nhưng không nhỏ bé về khí phách cho nên con không bao giờ được bằng lòng với cuộc sống bó hẹp, tầm thường phải biết trân trọng giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương, ngẩng cao đầu vượt qua chông gai, thử thách để tự tin khi bước vào đời. Kết thúc bài thơ chỉ có hai tiếng “nghe con”. Câu thơ là lời nhắc nhở đầy cảm động: đừng chối bỏ cội nguồn dân tộc, hãy khắc sâu tình cảm quê hương vào trong trái tim mình, luôn tôn trọng và phát triển truyền thống dân tộc. Đó là tấm lòng của cha dành cho con hay nói đúng hơn là quê hương của mỗi chúng ta. Ngôn ngữ thơ mộc mạc, hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa khái quát, đậm chất trữ tình đã thể hiện được niềm tin tưởng, hi vọng của người cha đối với bước đường tương lai của con. Người cha luôn muốn nhắc nhở con phải *không bao giờ nhỏ bé được* chính là muốn con phải luôn tự khẳng định mình, phải có ý thức vươn lên trong cuộc sống. Lời nhắc nhở của người cha tạo nên một âm hưởng thiết tha làm rung động tâm hồn chúng ta. Tác giả đã giúp ta cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình cảm quê hương sâu đậm đối với mỗi người. Càng hiểu sâu sắc bài thơ, ta càng hiểu thêm về sức sống

và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi. Từ đó gợi nhắc trong ta tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương, tình đoàn kết dân tộc và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Trong hành trình dài cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý từ gia đình và quê hương. Những giá trị, những kỉ niệm về tình cảm từ những người thân sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt hành trình của cuộc đời.

Tình cảm gia đình là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và đánh thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình. Các nhà thơ, nhà văn ngợi ca, tôn vinh tình cảm gia đình, cho thấy được sự hi sinh và những tình cảm cao quý, dạt dào của gia đình đối với mỗi con người. Vẻ đẹp của tình cảm gia đình trong các tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hòa quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ văn dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng – một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.

Đọc xong các tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, *Bếp lửa* của Bằng Việt, *Nói với con* của Y Phương nhiều dư âm vẫn làm ta xao xuyến không muốn gấp trang sách lại. Tình cảm cha con cảm động, sâu sắc của cha con ông Sáu trong *Chiếc lược ngà* hay những xúc cảm dâng trào về sức mạnh to lớn về tình bà cháu trong *Bếp lửa*. Những lời dạy chân thành của người cha trong *Nói với con*. Tất cả như dừng lại khiến ta phải ngẫm về những ngày mình làm cho cha mẹ buồn, làm mẹ rơi lệ. Xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến các tác giả vì họ đã cho ta nhận ra vẻ đẹp gắn gũi luôn bên cạnh mà ta chưa hề nhận ra.

ĐỀ THI

Nói về sức sống của tác phẩm, nhà văn Nga M. Goor-ki đã nhận định: *Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng chính người đọc tạo nên số phận cho nó.*
Em hiểu nhận định trên như thế nào?

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Phương Ngọc Như Quỳnh,
học sinh trường THCS Vũng Tàu,
Thành phố Vũng Tàu, năm học 2005 – 2006

BÀI LÀM

Cuộc sống trôi đi, bốn mùa luân luân chuyển, sự vật cứ bị cuốn vào vòng xoay của tạo hóa. Sinh ra, tồn tại, rồi lại tan biến vào hư vô. Có chăng còn lại mãi với đời chỉ là cái đẹp, phải thế chẳng mà vượt qua bao sự băng hoại của thời gian, những tác phẩm văn học vẫn cháy lên một sức sống mãnh liệt với đời như thế để minh chứng một sự thiên vị rất có lí của tạo hóa? Nhưng văn học lại có những quy luật đào thải riêng của nó, chẳng phải tác phẩm nào sinh ra cũng còn mãi với đời. Sự sống của chúng bắt đầu từ bao giờ? Phải chăng sự tồn tại của nó được quyết định ngay từ phút kết thúc như lời nhận định của M. Goor-ki: *Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng chính người đọc tạo nên số phận cho nó.*

Nhận định đề cập đến số phận của tác phẩm đặt trong quá trình sáng tác của nhà văn: *Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng chính người đọc tạo nên số phận cho nó*. Để làm ra được một tác phẩm cho đời, nhà văn phải như *con ong chăm chỉ tìm một giọt mật cho đời từ vạn chuyển ong bay* (chữ dùng của Chế Lan Viên). Gian khổ, khó nhọc, có khi cả sự quằn quại đau đớn của cảm xúc, người nghệ sĩ mới có thể làm ra một tác phẩm cho cuộc đời. Họ thai nghén, ấp ủ những điều mình tâm đắc từ rất lâu, chỉ chờ đến phút cảm xúc thăng hoa mà nếu không nói ra có thể chết như lời ai đó từng nói, chính khi ấy tác phẩm được hình thành. Có tác phẩm trôi chảy theo dòng cảm xúc rất trơn tru. Có tác phẩm viết xong rồi lại phải sửa chữa, uốn nắn rất nhiều. Và cho đến khi tác giả đặt bút kết thúc một tác phẩm – hoàn thiện, đó mới thực sự là lúc tác phẩm kết thúc. Sự kết thúc ấy chính là một sự hoàn thành và nó là sự kết thúc để mở ra một khởi đầu mới: số phận của tác phẩm do *chính người đọc tạo nên*. Tác phẩm kết thúc là đứa con tinh thần của nhà văn ra đời, nhưng người nghệ sĩ không thể tự quyết định cho số phận của nó. Cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu là khi nó đến với công chúng; có thể sẽ được hưởng ứng, được trân trọng; cũng có thể sẽ rơi vào quên lãng.

Phải chăng đó là một sự nghiệt ngã của nghiệp văn chương, một sự xót xa trớ trêu cho những ai đã mang vào thân cái duyên nghiên bút? Không, đó hoàn toàn là một sự lí giải rất hợp lí của quy luật văn học muôn đời. Quy luật của văn chương bao đời nay vẫn vậy. Nó chỉ giữ lại những gì là thực chất, là sáng tạo, là có ý nghĩa. Tác phẩm văn học chỉ tồn tại khi nó có ý nghĩa với cuộc đời. Điều này không phải do nhà văn quyết định. Tác phẩm của anh viết ra, dù có thể là gan ruột, là tâm huyết, là sự kì công gọt giũa của bản thân anh, nhưng hồi ôi, nếu nó quá xa vời với cuộc sống ngoài kia, nó chỉ diễn tả được những ý quá ư là *bằng phẳng và dễ dãi* (chữ dùng của Nam Cao), nó không có gì sáng tạo độc đáo và mới mẻ... thì quy luật của văn chương chắc chắn sẽ vùi chôn và phủ định sự cố gắng của anh. Người nghệ sĩ đã sáng tạo ra tác phẩm nhưng không thể quyết định số phận của nó là bởi lẽ vậy. Tác phẩm ấy là nỗi lòng của nhà văn, nhưng với nó phải đến được với công chúng và quan trọng hơn phải đi được vào lòng công chúng. Độc giả chính là một bộ phận quan trọng quyết định đến sự thành hay bại, tồn hay vong của một tác phẩm. Một tác phẩm đến được với công chúng phải là tác phẩm không chỉ nói riêng nỗi lòng của người cầm bút, mà phải là tiếng nói *đồng ý, đồng chí, đồng tình* của tất cả mọi người. *Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng chính người đọc tạo nên số phận cho nó* là bởi lẽ ấy.

Bất cứ một người nghệ sĩ nào khi cầm bút đều mong muốn mình tìm được một tác lòng tri âm nơi người đón nhận, luôn mong muốn tác phẩm của mình sẽ nhận được sự ủng hộ của mọi người. Có ai khi gửi lòng mình lên trang giấy lại không khao khát một điều như vậy? Thế nhưng chẳng phải tác phẩm nào cũng theo ý muốn của họ. Có những người cả đời theo nghiệp bút nghiên vẫn không làm được điều gì đáng kể.

Tác phẩm chính là một văn bản mở, chỉ khi nào có sự đánh giá tiếp nhận từ nhiều hướng của độc giả thì nó mới trở thành một tác phẩm nghệ thuật theo đúng nghĩa. Bằng trình độ và vốn hiểu biết của mình, người đọc đi sâu vào tác phẩm, dùng trí tưởng tượng phong phú để tái hiện hình ảnh cuộc sống được phản ánh. Tuy có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng tựu trung lại đều không nằm ngoài cái ý cốt lõi ban đầu của tác giả.

Như loài hoa phải nhờ đến những cánh bướm mới có thể khoe sắc, khoe hương, tác phẩm văn học cũng vậy. Sáng tạo nghệ thuật là hành trình vươn tới tự do, còn tiếp nhận văn học cũng là sự khao khát hướng tới khám phá chân trời tự do ấy. Nói như Ê-gô I-sa-ép: *Cuộc sống trong ngôn từ lâu dài hơn bản thân đời người*, bởi khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không ngừng miên man nghĩ về những câu chuyện mà nhà văn đã gợi ra và dường như càng bỏ lửng. Thiết nghĩ văn chương không thể tự nó vượt thời gian mà phải bay lên nhờ đôi cánh của người đọc.

Hiện thực cuộc sống vốn dĩ phong phú và muôn màu, khi đi qua lăng kính sáng tạo của nghệ sĩ lại càng thêm lung linh nhiều góc cạnh. Tiếp nhận văn học hay cảm thụ văn học chính là sống hết mình với nó, rung động tận độ với tác phẩm, vừa đắm mình trong thế giới nghệ thuật của nhà văn vừa tỉnh táo lí trí lắng nghe tiếng nói của tác giả. Một người đọc thông minh sẽ biết xem xét tác phẩm ở mọi góc ngách, phương diện, như đang cầm trên tay một khối vuông rubích mà xoay nó theo nhiều chiều. Ở mỗi một góc độ ta lại khám phá ra những nội dung và hình thức mới lạ. Chính vì thế mà có người đã cho rằng: *Xét đến cùng thì lịch sử văn học cũng chính là lịch sử của quá trình tiếp nhận tác phẩm*.

Ai đó đã nói: *Viết hay là không nói hết*. Nhà văn phải là người trao cho độc giả chiếc chìa khóa vàng để họ tự tay mở cánh cửa đi vào tác phẩm, còn mở được đến đâu thì điều đó lại phụ thuộc vào trình độ và khả năng giải mã các kí hiệu thẩm mỹ, vào tri thức, vốn sống và trí tưởng tượng của người đọc. Vì thế, có nhiều ý kiến thậm chí trái chiều nhau được đưa ra về cùng một tác phẩm. Ai cũng biết *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du là một kiệt tác *thiên thu tuyệt diệu* từ xung quanh tác phẩm này cũng có những đánh giá mâu thuẫn khác nhau. Các nhà phê bình hiện đại với cảm quan tiên bộ thì nhìn cuộc đời của nàng Kiều như một *tám gương oan khổ* nhưng đồng thời cũng là một viên ngọc, một bông sen thơm ngát giữa đầm *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*:

*Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc
Sắc tài sao mà lắm truân chuyên.*

(*Đọc Kiều* – Chế Lan Viên)

Thế nhưng, nhà nho Nguyễn Công Trứ lại viết những câu thơ oán trách nàng Kiều:

*Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa
Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm.*

Hai cái nhìn hoàn toàn khác nhau nhưng do bị chi phối bởi thời đại và xã hội. Có phải thế chẳng mà không bao giờ có được tiếng nói cuối cùng trong nghệ thuật? Cũng có những tác phẩm ngay khi ra đời đã được chào đón nồng nhiệt nhưng cũng có những trường hợp bị chê trách, sau đó mới được nhìn nhận đánh giá lại như tác phẩm *Bà Bôvary* của Phlô-be hay *Anna Karênia* của L. Tôn-xtôi. Trong văn học Việt Nam, Vũ Trọng Phụng với tác phẩm *Số đỏ* cũng là một điển hình tiêu biểu. Khi đưa con tinh thần của Vũ Trọng Phụng chào đời, nó đã bị quy kết là “đâm thư” và mãi đến sau này có một thời người sinh ra nó còn bị đánh đồng với nhóm *Nhân văn giai phẩm*. Cho đến mấy chục năm sau, *đứa con nghịch tử* ấy mới được đưa vào giảng dạy trong nhà trường bởi sự nhận thức giá trị hiện thực sâu sắc cùng bút pháp trào phúng sắc sảo có một không hai của một tác phẩm *ghê gớm có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học* (Nguyễn Khải) này.

Có thể nói, tiếp nhận tác phẩm chính là công đoạn cuối cùng trong cuộc hành trình sáng tạo đầy gian truân, khó nhọc. Bằng trái tim và khối óc, người đọc thâm nhập vào tầng sâu của văn bản để khôi phục lại những nét mờ, lấp đầy những khoảng trống, làm hồi sinh tác phẩm một lần nữa, biến nó thành một sinh thể sống có số phận, có suy nghĩ và nhận thức.

Nói như nhà thơ Lưu Hiệp (đời Tống – Trung Quốc) trong thiên *Tri âm* của *Văn tâm điều long*: *Người làm văn tình cảm rung động mà phát ra lời, người xem văn phải rẽ văn để thâm nhập vào tác phẩm*. Người nghệ sĩ muốn cho đứa con tinh thần của mình có thể bắt từ được với thời gian thì phải tạo nên mối đối thoại nhiều chiều với độc giả, phải tuân thủ theo *Nguyên lí tầng băng trôi* với *bảy phần tám tầng băng trôi dưới nước để cho một phần lộ ra* (Hê-minh-uê). Cây bút tài hoa là người biết tạo cho tác phẩm những khoảng trống, những nốt lặng để người đọc tha hồ vào khu rừng xanh bất tận kia để khám phá. Ngay chỉ với một Đôn Ki-hô-tê nhưng Xéc- van-téc đã tạo cho người đọc nhiều cách hiểu. Đối với người Tây Ban Nha thì đó là một người điên, buồn cười; người Pháp gọi là chú hề đáng thương, các môn đệ của chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn Ki-hô-tê là người hùng còn sót lại, nhưng với người Anh thì Đôn Ki-hô-tê lại là một bi kịch. Trong khi đó, những nhà nghiên cứu mang cảm quan hiện thực chủ nghĩa lại cho nhân vật này là sự hạ bệ lí tưởng anh hùng phi thực tế, ảo tưởng... Vậy rõ ràng, những môi trường văn hóa khác nhau tạo ra những “phạm trù hiểu” không cùng hướng. Ta coi tác phẩm như cái đài nhiều dải tần, ai thích nghe sóng nào thì nghe, nhưng phải bắt đúng dải sóng nếu không chỉ có tạp âm mà thôi.

Như vậy, muốn hiểu rõ và nắm bắt được linh hồn của tác phẩm thì người đọc không chỉ dùng tình cảm để cảm nhận mà còn phải dùng lí trí để phân tích. Văn bản kết thúc nhưng dư âm của nó thì còn vang vọng mãi. Nó đòi hỏi người đọc phải tự nâng mình lên, trau dồi tri thức, hiểu biết để biến “vốn sống” thành “chất sống”. Có như thế mới đồng hành cùng nhà văn trong việc sáng tạo tác phẩm chân chính.

Trước sự ra đi bất tử của một nhà văn ta nghĩ đến sự bất tử của một ngôi bút. Như những ngôi sao băng đã kịp lóe rạng một lần trước khi tắt, bằng tác phẩm văn học người nghệ sĩ chân chính đã để lại cho bạn đọc một lẽ sống cao cả của tâm hồn. Đời sau, không ai thấy mặt nhà văn nhưng khi xem văn liền thấy lòng của họ. Quy luật văn chương nghiệt ngã nhưng chắc chắn sẽ vẫn có những nghệ sĩ được đền đáp xứng đáng với tài năng và tâm huyết của mình. Và sự đền đáp lớn lao nhất chính là khi tác phẩm của họ được sinh ra, được tồn tại mãi mãi với cuộc đời.

ĐỀ THI

Trong bài *Tiếng nói của văn nghệ*, Nguyễn Đình Thi viết:
Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức (...) Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thắm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy.
Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy trình bày cảm nhận của mình về cái hay trong bài thơ *Ánh trăng* của nhà thơ Nguyễn Duy.

Bài đoạt giải Nhất kì thi Văn toàn quốc của Lâm Ngọc Hải Anh,
học sinh trường THCS Hồng Hà,
huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây, năm học 2006 – 2007

BÀI LÀM

Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: *Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần* là bởi thế. Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Không chỉ vậy, nhà thơ thường dùng nhiều biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, đối lập... để thể hiện tình ý sâu xa của mình. Không gian, thời gian trong thơ là không gian, thời gian của cảm xúc, tâm tưởng nên trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người viết. Bởi vậy nên, đọc một bài thơ thì dễ mà hiểu được thơ, cảm được thơ thật khó. Trong bài *Tiếng nói của văn nghệ*, tiếng nói của thơ ca chưa bao giờ là những lời dễ dãi, nhạt nhòa. Chính vì vậy mà bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy xứng đáng là một bài thơ hay như Nguyễn Đình Thi từng viết: *Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức (...) Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thắm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy.*

“Thơ hay” là bài thơ ngay từ lần đọc đầu tiên đã ám ảnh độc giả, tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. (Thơ hay phải thực sự là thơ, phải có sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ phải có tâm hồn nhạy cảm với cuộc sống và phải có tài năng. Thơ hay là thơ có sức dư ba, thơ được người đọc yêu thích và tiếp nhận. Nhà thơ phải có năng lực sáng tác, không tìm tòi sáng tạo không tạo nên được những bài thơ có nghệ thuật riêng chứa đựng tâm hồn tình cảm cao đẹp riêng của mỗi nhà thơ (phong cách nghệ thuật). Thơ hay là thơ có tâm sự, nó truyền đến người đọc những tình cảm nào đó theo quy luật tiếng nói tri âm. Muốn vậy nhà thơ phải gắn bó với cuộc sống, chia sẻ mọi buồn vui của cuộc đời, vốn sống phải thật sự phong phú, và phải thực sự có cái tâm trong lành. Cảm xúc trong thơ phải chân thực tự nhiên, nhưng không dễ dãi mà lảng lạc sâu xa).

Tác động của bài thơ hay với người đọc: bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kì lạ khiến độc giả không thể chỉ đọc một lần, càng đọc đi đọc lại càng thấy bài thơ thực sự hay, có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật. Bài thơ đánh thức cảm xúc đẹp trong lòng làm cho người đọc cùng đồng cảm và nghĩ suy, trầm trồ.

Đối với một bài thơ nói chung, bài thơ hay nói riêng: đọc nhiều lần để khám phá ra sự hấp dẫn về nghệ thuật, sự phong phú về nội dung tình cảm cũng như chiều sâu ý nghĩa của bài thơ. Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lí trí hay

tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” để cảm và hiểu cái hay cái đẹp của thơ, cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn người đọc.

Có nhiều tác phẩm vừa mới được ra đời đã bị chết yểu. Có nhiều tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị đọc giả quên lãng cùng thời gian. Nhưng cũng có những bài thơ, truyện ngắn để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc sâu sắc. Và bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy chính là tiêu biểu cho điều đó – bài thơ vượt dòng thời gian đi cùng năm tháng.

Vàng trắng luôn là cảm hứng bất tận trong thơ ca, luôn gắn bó mật thiết với đời sống của con người: trăng soi bóng những tối cùng nhau lao động vui tươi của người nông dân:

*Trong đêm thanh trăng tàn canh
Bao tiếng ca theo tiếng chày nhanh nhanh
Dư âm xa, còn vang mãi trong ánh đêm trăng tà,*

(*Gạo trắng trăng thanh* – Hoàng Thi Thơ)

là chút gì đó lãng mạn như *Say trăng* của Hàn Mặc Tử:

*Ta bay lên! Ta bay lên!
Gió tiễn đưa ta tới nguyệt thêm,*

là chứng nhân cho lời nguyện thề tình tự của bao đôi lứa yêu đương:

*Vàng trắng vàng vặc giữa trời
Đình ninh hai mặt một lời song song.*

(*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Trăng còn là tri âm tri kỉ, là người bạn gắn bó thuở ấu thơ, là nỗi niềm gợi nhớ quê hương như trong chủ đề *Nguyệt vọng hoài hương* của thơ văn cổ. Và Nguyễn Duy đã đem lại cho ta một góc nhìn, một cách nhìn mới về trăng qua tác phẩm của ông. Tác phẩm ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, ba năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Bài thơ *Ánh trăng* được viết theo thể thơ năm chữ, nhịp điệu linh hoạt đã thể hiện sự vận động của không gian, của thời gian. Nếu như trong bài thơ *Tre Việt Nam* câu thơ lục bát có khi được tách ra thành hai hoặc ba dòng thơ để tạo nên hiệu quả nghệ thuật biểu đạt gây ấn tượng, thì bài thơ *Ánh trăng* này lại có một nét mới. Chữ đầu của dòng thơ, câu thơ không viết hoa. Phải chăng nhà thơ muốn cho cảm xúc được dào dạt trôi theo dòng chảy của thời gian kỉ niệm?

Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình về tuổi thơ, về quãng thời gian chiến đấu giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ*

“Hồi” biểu thị thời gian trong quá khứ. Trong khoảng thời gian ấy con người đã có những phút giây sống chan hòa với thiên nhiên. Các hình ảnh lớn dần “đồng, sông, bể” mang nhiều ý nghĩa đặc biệt khác nhau, nhưng có một điểm chung là đều mang nét hồn nhiên trong trẻo của thời trẻ con vô tư. Cánh đồng lúa, hay cỏ hoa, lúc nào cũng ngập tràn nắng gió, ngập tràn những tâm tư dịu dàng, ngập tràn cái thanh bình, hạnh phúc. “Sông” dạt dào chảy, nước sông trong vắt giống như tấm gương chiếu sáng: *Nước gương soi tóc những hàng tre* (*Nhớ con sông quê hương* – Tế Hanh), soi bóng cả cái tâm hồn ngây thơ, đong đầy biết bao ước mơ trẻ nhỏ. “Bể”

hiền hậu nhưng cũng hung hăng, mang theo bao con sóng vỗ bờ, mang theo bao hoài bão của tuổi hồng mộng mơ. Và “đồng, sông, bể” đã gắn bó với nhân vật trữ tình, một cách thấm thiết, như người bạn thuở ấu thơ thân thương gần gũi. Từ “với” được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự kết nối con người với những tươi đẹp tuổi thơ, với vàng trắng dung dị của quá khứ.

Bức tranh không gian về thiên nhiên đầm thắm ấy đã kéo theo sự vận động của thời gian, mang vàng trắng tròn đầy thời ấu thơ đi qua quãng đời chiến đấu của người lính:

*hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ*

Biện pháp nhân hóa đã được sử dụng để biến trăng thành “tri kỉ”, thành người bạn chí cốt lúc nào cũng hiểu về nhau. Hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vàng trắng bên cạnh. Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi núi rừng *đêm nay rừng hoang sương muối* (*Đồng chí* – Chính Hữu), cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cùng xao xuyến, bồn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê.

Vàng trắng vẫn tròn đầy dù trải qua bao mưa bom bão đạn, vẫn sáng trong dù đã trải qua thời gian khó khăn nhất, tối tăm nhất, vẫn:

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ*

Vàng trắng ngày ấy mới đẹp làm sao! Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật *trần trụi với thiên nhiên* cho ta thấy rõ hơn vẻ đôn hậu hiền hòa của ánh trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: không giả tạo, giả dối, không lọc lừa nhỏ nhen, không có những toan tính thiệt hơn, những đố kỵ ghen ghét. Trong sáng vô tư như tuổi thơ, chân thành và thật thà như nhiệt huyết sục sôi của người lính trẻ, cách so sánh trăng với vẻ hồn nhiên như cây cỏ của nhà thơ Nguyễn Duy đã đem lại cho ta ấn tượng đó về ánh trăng quá khứ. “Cây cỏ” – những sự vật tưởng chừng vô tri vô giác nhưng lại mang một hàm ý lớn lao: cây cỏ tạo ra dưỡng khí giúp ích cho đời, sống cuộc sống hồn nhiên, không chen lấn giành giật với đời, không nghi kỵ xảo trá mà tự nhiên, chan hòa với mọi người, mọi vật.

Vàng trắng của ngày ấy thật tự nhiên, không giấu giếm, không che đậy, gần gũi hoang sơ như dáng vóc mộc mạc của người lính, tỏa sáng vàng vạc, đẹp đến nỗi nhân vật trữ tình – người lính đã phải nói rằng:

*ngờ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa*

Từ “ngờ” ở đây là không dựng lại làm ta hình dung rõ cái mầm mống, cái dự báo của sự lãng quên. Lãng quên cái vàng trắng tròn ấp đầy tình nghĩa, hoang sơ mộc mạc như cây cỏ, chân chất đôn hậu như người chiến sĩ đã trải lòng mình ra với thiên nhiên. Đoạn thơ cũng diễn tả một cách rõ nét những nỗi đau trong lòng con người: lúc nào cũng nghĩ là mình sẽ nhớ, cũng khẳng khẳng sẽ khắc sâu vào tâm tưởng nhưng rồi tự bao giờ, ta đã không thể cùng ánh trăng tình nghĩa kia đi trọn kiếp người được nữa. Bởi vì nó đã bị ta bỏ lại đằng sau, cùng với những kỉ niệm đáng nhớ của một thời xưa cũ ấy – ta đã quên. Ý thơ lay động tâm hồn, thức tỉnh lương tâm những

kẻ vô tình, gợi nhắc về cái “vàng trắng tình nghĩa”, về biểu tượng đẹp của một thời quá khứ hào hùng.

Chiếc thuyền mang bao kỉ niệm gắn bó đã lùi xa vào quá khứ, theo dòng chảy bất tận của thời gian. Theo dòng chảy đó, chiến tranh cũng đã kết thúc, và người lính ngày xưa trở về, nhưng không phải là về nơi “đồng, sông, bể” dung dị và thân thương, mà là trở về chốn phồn hoa đô hội, chốn thị thành tấp nập đông vui. Bao khó khăn gian khổ của cuộc sống chiến đấu nay đã trở thành dĩ vãng, còn cái tình cảm gắn kết xưa kia giờ nay đã đi về đâu? Ở khổ thơ tiếp theo, tác giả đã nói về điều đó:

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường*

Câu thơ đột ngột quay trở về thực tại, dứt khỏi khoảng không kí ức của nhân vật trữ tình. Ở cái thực tại không xa ấy, nhân vật trữ tình bắt đầu quen với những thuận lợi vật chất, những “ánh điện cửa gương” bóng loáng giả tạo. Hình ảnh ẩn dụ đối lập giữa “vàng trắng tình nghĩa” mộc mạc, hiền hòa với “ánh điện cửa gương” tuy có sáng hơn ánh trăng thật, nhưng thứ ánh sáng nhân tạo đó không thể nào bằng được cái ánh sáng nghĩa tình mà trăng đem lại. Biện pháp liệt kê “ánh điện, cửa gương” như cũng đồng thời liệt kê ra cái tiện nghi đủ đầy vật chất xuất hiện trong đời sống người lính, bên cạnh những bộn bề lo toan của cuộc sống thường ngày. Và mới thật bạc bẽo làm sao, cái đủ đầy vật chất, cái ngồn ngộn bận bịu của sự đời đã lấn át đi nhu cầu đủ đầy về mặt tinh thần, về tình cảm son sắt từng một thời được coi như máu thịt của người lính.

Vàng trắng bây giờ đối với anh lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó. Cái bóng của sự xa hoa đã che lấp đi “vàng trắng tình nghĩa”, vòng xoay của thời gian đã thay đổi cả bản chất, tâm hồn con người. Để rồi giờ đây, khi mà anh lính năm xưa bị che mắt bởi những phồn vinh thành thị, người đã không thể thấy được sự hiện diện của trăng, dù trăng vẫn đều đặn “đi qua ngõ”. Trăng vẫn tồn tại, vẫn thủy chung, tròn đầy, sáng vàng vạc, không thay đổi nhưng thật đau xót làm sao, lòng người đã lại đổi thay – không còn đủ sáng để hòa nhịp tâm hồn cùng trăng, không còn đủ yêu thương để gắn bó với những ân tình quá khứ. Đối với người lính lúc này, trăng chẳng khác gì “người dung qua đường”, hờ hững, lạnh nhạt, không đáng để bận tâm. Trăng được nhân hóa, đi qua ngõ mà như người dung. Một hình ảnh đối lập tinh tế mang nặng màu chua xót: *ngõ không bao giờ quên – như người dung qua đường*. Một sự đổi thay quá là phũ phàng của con người. Tình cảm là thứ dễ bị chia lìa đến thế sao, lòng người dễ dàng phôi pha chỉ bởi những phù phiếm vật chất đến thế sao?

Và rồi, trăng lại xuất hiện, trong một tình huống bất ngờ, cùng với kết cấu thơ pha chút kịch tính, hồi hộp:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn*

Mất điện. Cả căn phòng “tối om”. Không còn chút ánh sáng nào cạnh bên, nhân vật trữ tình bèn theo phản xạ tự nhiên mà “bật tung cửa sổ”, và cái mà người lính nhìn thấy, cảm nhận thấy đầu tiên không phải là ngọn gió mát rượi hay ngọn đèn đường rọi vào phòng mà là vàng trắng – vàng trắng tròn như những nghĩa tình thủy

chung không phai nhòa theo thời gian – xuất hiện một cách “đột ngột”. Các từ ngữ “thình lình, vội, bật tung, đột ngột” gợi tả cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ của con người. Ánh trăng tròn hiện lên sừng sững giữa bầu trời đen đặc kia đâu phải chỉ lúc “đèn điện tắt” mới có? Trăng vẫn luôn ở đó, vẫn luôn mang tâm lòng trọn vẹn thủy chung với người, nhưng chính sự vô tâm lạnh lùng đã ngăn cản nhân vật trữ tình để ý đến trăng, nhìn thấy trăng. “Bật tung cửa sổ”, cái cửa sổ ấy có lẽ không chỉ đơn thuần là cửa sổ bình thường, mà là cái cửa sổ của lạnh nhạt che khuất tâm hồn người lính, là rào cản đưa lòng người rời xa tình cảm quá khứ, là bức tường vốn đang từng ngày đưa tâm hồn con người vào bóng tối của sự hững hờ, bạc bẽo, tách dần khỏi ánh sáng nghĩa tình của vàng trắng yêu thương. Đến khi người lính vội vàng “bật tung cửa sổ”, không còn gì ngăn cách, không còn một ranh giới rào cản nào nữa, người chiến sĩ xưa mới nhận ra trăng, một cách “thình lình” và “đột ngột”, như không hề ngờ tới, không hề nghĩ tới.

Trăng vẫn tròn như những nghĩa tình vẫn đầy ấp không sút mẻ, vẫn hiện diện bên cạnh nhân vật trữ tình như thuở ấu thơ, như thời chiến đấu; nhưng người đã không còn nhớ gì cả. Để khi gặp mặt, người lính cảm thấy ngỡ ngàng tột độ, và sau đó:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nỗi như *có cái gì rưng rưng*. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thốn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng – biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, *như là đồng là bể, như là sông là rừng*. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm. Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vàng trắng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vàng trắng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như *có cái gì rưng rưng*, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc.

Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ:

*Khéo trách người sao quá vội vàng
Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ
Khéo trách người sao quá phũ phàng*

Lãng quên những yêu thương tình tự.

(Lời tỏ cùng người – Đoàn Minh Hải)

Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dung, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tội đồ. Mặc dù như vậy, trăng – gương mặt của ân tình quá khứ, vẫn đầm ấm, cao thượng và bao dung:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

Trăng vẫn tròn như tình nghĩa trọn vẹn thủy chung son sắt, nhân hậu của đất nước, cuộc đời, trái ngược với cái hồ hững của kẻ sống bạc bẽo. Trăng không lên tiếng trách móc mà im lặng, chẳng giận dỗi “người vô tình” mà bao dung. Tuy vậy, người lính vẫn không tránh khỏi bản án lương tâm, không tránh khỏi ám ảnh bởi ánh nhìn im lặng đầy vẻ trách cứ. Trăng độ lượng, khoan dung, nhưng chính cái khoan dung ấy của trăng lại khiến lòng người nhói đau hơn bao giờ hết. Phải chi trăng cứ hờn dỗi, cứ trách mắng người lính năm xưa thì người lính đã chẳng phải đau lòng như thế. Đôi khi sự im lặng lại là sự trừng phạt nặng nề nhất. *Ánh trăng im phăng phắc* – cái im lặng của trăng lại càng làm cho sóng gió trời dậy trong tâm trí, càng làm lương tri nhân vật trữ tình – người lính cảm thấy đau xót, đau xót đến “giật mình”. Giật mình đồng nghĩa với việc thức tỉnh, nhưng không phải sự thức tỉnh nhẹ nhàng mà lại vô cùng dữ dội. Cả bài thơ như lắng đọng trong từ “giật mình”, và tâm trạng giật mình đó cũng chính là cái kết của bài thơ, của một câu chuyện đời đầy ý nghĩa. Bài học tình nghĩa về tri ân quá khứ được viết ra, nhưng con người đã phải trả cái giá quá đắt để học nó. Người ta không thể nào mãi chìm đắm trong quá khứ mà tiến lên, nhưng cũng không thể nào tiến lên mà không có bước đệm của quá khứ. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. Luôn nhớ, yêu thương, không quên ngày đã qua. Một triết lí sống giản đơn nhưng sâu sắc: tình người.

Với ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, cô đọng, giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm được thể hiện qua thể thơ năm chữ kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình, cùng đạo lí làm người không bao giờ cũ: *Uống nước nhớ nguồn*; bài thơ như một lời tâm sự, nhắc nhở người ta sống tình cảm với những quá khứ đã qua, trân trọng, biết ơn những thứ mình đã có và đang có. Nhịp thơ sâu lắng làm người đọc phải suy ngẫm.

Tiếp nhận văn học, văn nghệ không đơn giản như ta đón nhận một vật trao tay, đó thực sự là một quá trình khổ công nhưng đầy thú vị. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. Vậy nên, có khi nào phải *không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dùng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc... đối với một tác phẩm thơ ca thì ta sẽ lấy đó là niềm hạnh phúc.* Và cũng thật vinh dự cho nhà thơ Nguyễn Duy khi hiến dâng cho đời một bài thơ hay như: *Ánh trăng*.

Phần hai

TUYỂN CHỌN VÀ GIỚI THIỆU NHỮNG BÀI VĂN ĐOẠT GIẢI CẤP KHU VỰC

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 2 NĂM 2001
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

“Em đã có một kỉ niệm sâu sắc đối với gia đình (ông bà, cha mẹ, anh em); với thầy cô, bạn bè; với thành phố hay một vùng quê thân yêu và gần gũi của mình. Kỉ niệm ấy đã giúp em trưởng thành, khôn lớn, để biết sống nhân ái và tốt đẹp với mọi người. Em hãy kể lại một trong những kỉ niệm đáng nhớ đó”.

Bài thi đoạt giải Nhất của Lê Văn,
học sinh lớp 6/1, trường THCS Nguyễn Du,
Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Minh thân,

Trong cuộc sống, có những lúc vì miếng cơm manh áo, người ta phải bấm bụng rời bỏ nơi “chôn nhau cắt rốn” của mình. Nhưng đến một lúc nào đó, khi mọi lo toan, vất vả đời thường tạm lắng xuống, thì tận đáy lòng, tận nơi sâu thẳm của tâm hồn những người con xa xứ lại nặng trĩu nỗi nhớ quê hương. Có những lúc ta nhớ còng cào một giọng nói quê nhà, thêm được nghe một tiếng gà gáy sáng, thêm được thấy một buổi chiều hoàng hôn, những chú mục đồng đứng đỉnh cưỡi trâu về... Đó chính là tâm trạng của Văn lúc này. Bạn hỏi tại sao ư? Bởi vì Văn vừa khám phá ra một chân trời nhỏ, nơi đó có bầu sắc cầu vồng lấp lánh và có những phép tiên kì diệu.

Quê nội Văn – một khúc ruột miền Trung nắng lắm mưa nhiều, mảnh đất mà trong thời chiến là nơi hứng chịu mưa bom, bão đạn khốc liệt nhất. Và hôm nay, khi chiến tranh đã lùi xa hơn một phần tư thế kỉ, nó lại phải gồng mình đương đầu với những cơn giận dữ, phần nộ nhất của thiên nhiên. Người dân nơi đây, ngửa mặt lên thấy trời xanh, cúi mặt xuống chỉ toàn là cát trắng. Những điều ấy Văn chỉ được biết qua lời kể của ba và qua sách vở...

Bấy nhiêu đó cũng đủ để Văn tự hào mình là một người con đất Quảng. Bởi lẽ ngày xưa, vì cuộc mưu sinh, ba mẹ đã phải dắt díu nhau, đem theo Văn vừa tròn hai tuổi rời xứ Quảng nghèo khó đến một vùng đất khác. Để rồi chín năm sau, khi mọi bề bộn trong cuộc sống tạm lắng xuống, ba mẹ lại quyết định cùng Văn về thăm quê,

mong được nhìn lại núi Ân, sông Trà và những người thân yêu. Vân nhớ mãi chuyến đi ấy, chuyến đi đã trả lời cho Vân biết bao câu hỏi về nơi mình “chôn nhau cắt rốn”.

Tàu lăn bánh, xa dần... xa dần. Sau lưng Vân là thành phố Sài Gòn – nơi mở cửa đón gia đình Vân chín năm về trước. Một ngày đêm ngồi trên tàu với bao thương nhớ, mong chờ, cuối cùng, đất Quảng cũng dần dần hiện ra trước mắt. Điều đầu tiên, Vân nhận thấy ngay là cái nắng chói chang, như thiêu, như đốt, vẫn trút xuống mảnh đất vốn đã khô cằn này. Rồi ga, ba mẹ mang hành lí và dắt Vân đi trên một con đường thật là... Ồ! Không phải... hình như đây là rừng bạch dương quanh năm vì vu gió thổi mà có làn mẹ bảo: “Cô vẫn thường bế con dạo chơi ở đây mỗi buổi chiều”. Ba mẹ dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ. Vân chưa kịp hỏi thì trong nhà xuất hiện một người đàn bà, gương mặt phúc hậu nhưng sạm đen có lẽ vì nắng cháy, đôi mắt hằn lên dấu chân chim – đó chính là cô Vân.

Một buổi trưa để nghỉ ngơi, trò chuyện dường như quá ít ỏi đối với những người thân bao năm rồi mới gặp lại. Cô lặng lẽ tiến về phía bàn thờ nội, lấy cho Vân một chiếc hộp màu nâu khá cũ kĩ. Không thấy cô nói gì nhưng khước mắt ba ngân lệ và mẹ cũng lặng người đi. Thì ra, đó là bức thư bà nội viết dở cho ba Vân trong những phút cuối đời. Từng con chữ gầy gầy, run run xiêu vẹo như cuộc đời của nội, đã nhòe hết gần nửa, giờ có nước mắt ba lại càng nhòe thêm...

Chiều hôm ấy, cô dẫn Vân đi thăm núi Thiên Ân. Ngọn núi sừng sững giữa đồng bằng như một cái bát úp, núi đứng uy nghi, không lồ. Không biết núi có tự bao giờ và ai đặt cho cái tên Thiên Ân nhưng từ khi mọi người biết đến, nó đã có nghĩa là cái án của Trời rồi. Càng lên cao, không khí càng trở lên trong lành. Đường núi quanh co, uốn lượn như lạc vào cảnh tiên. Trên đỉnh Thiên Ân có chùa Thiên Ân, cánh cổng chùa luôn rộng mở đón khách thập phương. Ở cái nơi mà trời đất gần nhau như thế này, thỉnh thoảng, tiếng chuông chùa vang lên, khiến không gian thanh tịnh thêm thâm nghiêm, làm lòng con người dịu lại, quên đi mọi vất vả, lo toan đời thường để tâm hồn sạch trong, hướng thiện... Đứng từ đây nhìn xuống, sông Trà Khúc như một dải lụa xanh không lồ, ôm vòng quanh núi; còn cầu Trà Khúc là sợi chỉ nhỏ mỏng manh, vắt ngang qua, làm cho dải lụa thêm phần rực rỡ.

Trời về chiều, nước sông dâng lên đầy ắp, những tia nắng cuối cùng đua nhau rơi xuống làn nước trong veo. Hàng trăm cánh buồm no gió, nối tiếp nhau xuôi dòng.

Quê hương đất Quảng không chỉ có những cảnh đẹp thơ mộng đi vào thi ca bất tận, khiến người ta đến không muốn về, mà còn có những nơi khi đến thăm, làm tim con người ta thất lại, đau đến tận cùng của nỗi đau, đó chính là chứng tích Sơn Mĩ. Vân nghẹn ngào và như muốn bật khóc khi được tận mắt chứng kiến những tranh ảnh, hiện vật về chiến tranh mà giặc Mĩ đã gây ra năm 1968 tại nơi đây. Không có một tác đất nào ở Quảng Ngãi không là lịch sử đấu tranh được viết bằng máu. Bước từng bước ngập ngừng, Vân chợt nhận ra hết giá trị cuộc sống hòa bình ngày hôm nay. Vân cảm thấy khâm phục và hết sức tự hào về những người dân nơi đây. Dù thiếu thốn đây, dù khó khăn thật đây, nhưng họ vẫn kiên cường, không chịu khuất phục trước thiên nhiên khắc nghiệt và cái nghèo vẫn đeo bám lấy họ từ ngàn đời nay.

Bây giờ, Vân chân thành cảm ơn ba mẹ vì đã cho Vân về thăm quê. Nếu không có những chuyến đi như vậy, Vân sẽ lớn lên với tâm hồn trống rỗng, vô vị biết bao. Và Vân càng thấm thía hơn tiếng lòng của nhà thơ Đỗ Trung Quân:

Quê hương, nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người.

(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Phải chăng trong tâm hồn của mỗi chúng ta đều lấp lánh hình ảnh của quê hương?

Đoàn tàu chuyển bánh về thành phố, trên tay Vân còn cầm mảnh kẹo gương trong vắt, đặc sản ngọt ngào nhất của vùng đất này. Đâu đây vang lên tiếng rao hàng nặng nặng của người xứ Quảng, nghe mà thương đến nao lòng...

Cho đến bây giờ Vân mới hiểu rằng, trong vô vàn niềm hạnh phúc, thì được sinh ra và lớn lên, sống giữa những người thân trên quê hương, xứ sở của mình là hạnh phúc lớn nhất. Với Vân, điều ấy hơi bị thiệt thòi. Hiểu biết của Vân về quê hương còn quá ít ỏi. Vân viết lá thư này, muốn bạn cùng chia sẻ cho Vân những hiểu biết của bạn và cái vị ngọt ngào của hai tiếng quê hương. Chúc bạn luôn luôn giàu sức khỏe và giữ mãi trong tim mình hình ảnh quê hương – nơi “chôn nhau cắt rốn” của mỗi con người khi có mặt trên cuộc đời này.

Bạn thân từ phương xa

**Bài thi đoạt giải Ba của Mai Thu Thủy,
học sinh lớp 6C3, trường THCS Trần Quốc Toản,
Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Trong cuộc sống hàng ngày, chắc hẳn trong chúng ta không ai là không muốn có một chuyến du lịch để khuây khỏa tinh thần. Em cũng vậy, sau khoảng thời gian học tập trong trường, hè năm nay em đã có một chuyến du lịch không thể tuyệt vời hơn ở Nha Trang – một thành phố biển diệu kì.

Đặt chân tới Nha Trang điều đầu tiên gọi lên trong em bao điều thích thú chính là những bãi cát trắng dọc theo bờ biển và mặt biển xanh ngút ngàn. Những ngọn sóng vỗ về không ngừng nghỉ như một lời chào mừng cho những hành khách phương xa ghé thăm thành phố biển.

Em và gia đình đến thành phố vào lúc xế chiều, vì vậy mà hôm nay gia đình em chưa thể tắm biển ngay, nhưng bù lại cả gia đình em có dịp đi dạo để tham quan toàn cảnh của Thành phố Nha Trang này. Thành phố vào đêm rộn rã náo nhiệt như một đêm hội và rực rỡ với biết bao những ánh đèn màu. Khung cảnh tuyệt đẹp, khó mà có thể dùng lời để diễn tả hết được. Trong thời đại đô thị hóa, thành phố vẫn còn giữ được đâu đó những nét truyền thống, giản dị và đậm đà bản sắc Việt Nam chứ không hòa lẫn vào thế giới như những gì mà em đã tưởng tượng. Quả thật, thành phố là một điểm dừng chân thật tuyệt vời và không uổng phí khi các nhà văn, nhà thơ đã tốn biết bao giấy mực để dành những lời khen cho thành phố biển thơ mộng này.

Cả nhà em đã đi dạo quanh những con đường một hồi lâu, lòng háo hức đợi chờ được thấy những điều mới lạ của thành phố vào ngày mai... Khi bình minh vừa ló rạng cũng là lúc mà chuyến du lịch thật sự đã bắt đầu. Nắng ấm bao trùm lên mọi cảnh vật của thành phố và những ngọn gió như muốn hôn lên đôi má của du khách bốn phương. Em và mọi người trong gia đình mình được lên du thuyền để tham quan vùng biển của Nha Trang. Quả thật, nơi đây chẳng thua gì Hạ Long, Nha Trang cũng có rất nhiều những hòn đảo quanh bờ. Mỗi hòn đảo đều có một bãi biển nhỏ với nhiều hàng ghế ngồi.

Thật là may mắn khi cả gia đình được ghé thăm một hòn đảo để ăn sáng, uống những li Cooc-taik thơm nồng và hơn cả là được ngâm mình trong bồn ấm khiến cho cơ thể khỏe hơn và thoải mái tinh thần cho một chuyến đi dài của ngày hôm nay. Và rồi cả du thuyền dừng chân trên một hòn đảo khá xa để ngắm những rặng san hô dưới đáy biển. Chao ôi! Dưới đáy biển là cả một vương quốc san hô với biết bao màu sắc lạ kì, nào là san hô màu đỏ, màu xanh, có một vài chú còn có màu hồng, hay màu cam nữa. Thật lạ kì, thật tuyệt diệu và cũng thật là Nha Trang vì chỉ nơi đây ta mới thấy hết vẻ đẹp của san hô dưới biển. Tắm một hồi lâu, cả gia đình em và các du khách khác lên thuyền để đi ăn trưa. Những món ăn ở đây thật dân dã và đậm nét miền Trung, và qua những món ăn này em cảm nhận được đâu đó hương vị quê nhà. Thế rồi tất cả mọi người trên thuyền được nhảy múa vui chơi cùng nhau lắng nghe những tiết mục văn nghệ của chủ thuyền biểu diễn. Đến gần hai giờ chiều thì thuyền cập bến. Tất cả mọi người lại trở về với đất liền Nha Trang...

Nói đến Nha Trang phải nói đến hòn Ngọc Việt, hòn đảo đã làm cho tên tuổi của Nha Trang vang xa khắp thế giới. Để đến đó, ta chỉ có một đường duy nhất là đi bằng cáp treo. Cáp treo ở Nha Trang là cáp treo dài nhất và đẹp nhất ở Đông Nam Á. Ai đi rồi sẽ còn muốn đi lại nhiều lần nữa vì từ cáp treo nhìn xuống, Nha Trang như một thế giới thu nhỏ thật đẹp và quyến rũ. Gần mười lăm phút là em và gia đình mình đã đến được hòn Ngọc Việt. Ở đây từ sáng đến tối lúc nào cũng huyền ảo và rộn rã. Hòn Ngọc Việt là một thế giới giải trí tuyệt đẹp với rất nhiều các trò chơi dành cho mọi lứa tuổi, nào là: vòng quay li tâm, lái xe điện, nhà phao... Nhưng hay nhất chính là xem phim 4D. Khi xem, mọi thứ trong phim như đang xuất hiện thật ở ngoài đời, tay ta như có thể cầm nắm bất cứ thứ gì trong phim. Thật là kì diệu! Nhưng hòn đảo này không chỉ có thế. Nơi đây còn có cả một khuôn viên rộng lớn để mua sắm và một nhà hàng nổi tiếng chuyên phục vụ những món ăn Tây cực kì ngon miệng... Cả nhà em trở về phòng để nghỉ ngơi và chia tay thành phố vào ngày mai.

Dù có hơi tiếc nuối nhưng những khoảnh khắc tuyệt vời hôm nay đã làm cho em thật thích thú và hạnh phúc. Em sẽ còn nhớ nhiều về Nha Trang sau chuyến du lịch này, đó là chuyến du lịch tuyệt vời và có ý nghĩa nhất đối với em.

Sau chuyến du lịch này em sẽ phải chuẩn bị cho một năm học mới với bao thử thách phía trước nhưng dù sao được đi du lịch ở Nha Trang đã là một kì nghỉ hè tuyệt vời với em. Mong rằng thành phố Nha Trang sẽ ngày càng phát triển và là niềm tự hào của đất nước Việt Nam và toàn thế giới.

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 9 NĂM 2008 KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

Phát biểu cảm nghĩ về loài cây em yêu.

Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Hoàng Vy,
học sinh lớp 6A5, trường THCS Phú Mỹ,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Không biết tự bao giờ, cây đa, bến nước, sân đình đã trở thành biểu tượng của làng quê Việt Nam. Nhớ làm sao những câu chuyện bà kể dưới gốc đa có chị Hằng,

Thạch Sanh, chú Cuội. Cây đa đi vào ca dao, truyện cổ tích. Ôi! Yêu làm sao cây đa cổ thụ làng ta.

Chẳng có ai biết cây đa ở đầu làng bao nhiêu tuổi cả, chỉ biết khi ông bà ta sinh ra thì đã có cây đa rồi. Đa cứ thế mà lớn lên, rồi trở thành một cây cổ thụ.

Đa nhiều rễ lắm, rễ nổi rễ chìm làm cho mặt đất gồ ghề cả lên. Thân đa to lắm, ba bốn người vòng tay ôm chưa xuể. Đa không có quả thơm, quả ngon như mận, như đào; đa cũng chẳng có hoa đẹp, hoa thơm như gạo, mai. Đa chỉ có tâm thân lực lưỡng trăm cành hiên ngang và tán lá quanh năm xanh biếc. Đa giản dị là bao!

Gốc đa là nơi nghỉ ngơi của bao lữ khách, là nơi nghỉ của cái cuốc, cái cày, con trâu. Nhớ đa diết cái thuở ấu thơ theo bà đi chợ, về ngồi nghỉ dưới gốc đa nhâm nhi bát nước chè xanh. Nghĩ đến mà thấy ấm lòng quá. Nhớ cái thuở trẻ thơ, bẻ cành tre, khắc chữ lên cây đa. Đầu gối, đa buồn. Đa đau. Đa khóc...

Đa oằn mình đỡ trên mình bao gánh nặng. Đa tốt bụng cho vợ chồng chim sẻ ở nhờ, cho đàn kiến cang ở nhờ dưới gốc đa, cho lũ trẻ leo lên cành chơi trò trận giả... Đa chẳng bao giờ kêu ca... Đa thương người nông dân, nắng mưa sớm chiều phải đi làm ruộng. Đa thương cái tính cần cù chất phác đó, đa cứ thế vươn cành cho rộng, chăm chút tán lá cho dày để gốc đa mát mẻ cho họ nghỉ.

Đa lớn lên trong ánh nắng dịu dàng của bác Mặt Trời già nua, trong sự vỗ về nhẹ nhàng của chị Gió, trong những cơn mưa tầm tã chiều cuối thu... Xuyên suốt từ Bắc vào Nam, trên dải đất liền hình chữ S, nơi mà biết bao anh hùng đã ngã xuống, đâu đâu cũng có đa. Ai yêu nước, thương dân cũng yêu đa. Đơn giản vì đa dũng cảm. Đa cho bộ đội nơi làm phòng tuyến, lá đa dày giặc chẳng thể nhìn thấy. Đa hứng trên mình bao trận bom của giặc. Đa xót xa khi thấy làng mạc bị phá hủy, đa căm thù bọn giặc tàn ác:

*Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa.*

(Đất nước – Nguyễn Đình Thi)

Đa hỗ trợ cho bộ đội. Đa dũng mãnh ôm lấy một khoảng trời quê hương. Đa giận dữ. Nhưng rồi chiến tranh cũng kết thúc, đa lại trở về với vẻ hiền dịu lâu năm.

Tôi yêu lắm cây đa làng tôi, yêu lắm cái khoảng thiên nhiên rộng lớn này. Tôi muốn đứng trên đỉnh đồi khi trong tim tràn ngập ánh dương của yêu thương để hét lên “Ta yêu đa”. Để rồi nghe trong lá cây rì rào đáp lại “Ta yêu người” thật dịu dàng... Yêu lắm cái thuở bé con, ngồi dưới gốc đa ngắm nhìn hoàng hôn lúc buổi chiều tà để thấy lòng ta thật trống trải. Nhớ những trưa hè nắng gắt, ngồi dưới gốc đa ngắm cánh đồng lúa chín vàng óng ả như tóc của cô thôn nữ để cảm nhận cảnh đẹp tuyệt vời của quê hương ta. Thương cây đa mỗi khi chiều về, gốc đa trống trải chẳng còn một ai. Đa cô đơn, đa không có bạn bè. Bạn đa là người. Đa ngồi nghe dòng sông nói chuyện, nghe lũ Đẽ râm ran buổi tiệc đông đảo mùa hạ. Đa lấy thế làm buồn. Biết thế, sáng đi học qua gốc đa lấy bàn tay mà vỗ vỗ lên cái thân cây xù xì: “Đừng buồn ông đa nhé! Mai này cháu lớn, cháu ra chơi với ông nhé”. Đa lấy thế làm vui. Đa hiền hậu quá...

Đa trải lòng mình cho ánh nắng để nắng đem yêu thương đến cho mọi người. Đa yêu con người nơi quê dân dã, mộc mạc, cần cù. Đa cũng biết người thương đa. Ngày ngày ra nhổ đám cỏ gai khỏi gốc đa cho đa đỡ đau, đa quý tấm lòng ấy.

Cả làng ai cũng tự hào khi có đa. Đa là bạn, là thầy, đa sẽ chia mọi điều, đa khuyên nhủ, giúp đỡ. Tôi yêu đa, thương đa vì đa giản dị, hiền hậu và tôi biết đa quý

tôi. Đa im lặng nghe tôi thao thao nói chuyện về mọi thứ trên đời. Đa nhún nhủ chúc mừng khi tôi có chuyện vui. Đa mừng, tán lá đa rì rào trong gió. Tôi buồn, đa cũng buồn. Đa thích nghe lũ chim sâu ca hát nhảy nhót quanh bác trâu, cô bò...

Đa đi vào lịch sử, cổ tích. Không ai đi xa làng mà lại không nhớ tới đa. Đa thương người, người thương đa. Đa đã trở thành bạn thân của làng quê, gắn bó thắm thiết một cách lạ kì. Tôi yêu lắm cây đa làng, tựa hào khi có đa. Tim tôi luôn ghi nhớ hình ảnh gốc đa già – người bạn thân của tôi. Ngay bây giờ, ánh dương của yêu thương trong tim tôi chỉ muốn cất lên tiếng nói: “Tôi yêu đa”.

**ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9**

Kể về một câu chuyện mang tên *Tiếng vọng rừng sâu*, trích từ *Quà tặng cuộc sống* (NXB Trẻ, 2006). Từ câu chuyện này, hãy nêu suy nghĩ của em về bài học quý giá – một quy luật về “cho” và “nhận” trong cuộc sống.

Bài thi đoạt giải Nhất của Hồ Hồng Ngọc,
học sinh lớp 9/6, trường THCS Nguyễn Du,
Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

TIẾNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngộ nghĩnh thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cạnh khu rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu hét lớn: “Tôi ghét người”. Từ khu rừng có tiếng vọng trở lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về và sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu không sao hiểu được từ trong khu rừng lại có người ghét cậu.

Người mẹ nắm tay con, đưa trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.

(Theo *Quà tặng cuộc sống*, NXB Trẻ, 2006)

Từ thuở lọt lòng cho đến trưởng thành, mỗi chúng ta được nuôi dưỡng bằng câu chuyện của bà và mẹ. Những câu chuyện ấy không chỉ làm ta thích thú, mà còn tưới mát tâm hồn trẻ thơ, từ đó gieo trồng hạt giống tương lai. *Cô bé bán diêm* gieo tình yêu thương. *Thánh Gióng* gieo lòng yêu nước và dũng cảm. *Bó hoa tặng mẹ* gieo lòng hiếu thảo... Và hôm nay, ta bắt gặp câu chuyện *Tiếng vọng rừng sâu*, kể về những lần cậu bé hét to vào rừng sâu và được rừng vọng lại. Vậy, câu chuyện có ý nghĩa gì? Chúng ta cùng nhau bàn bạc để rút ra bài học quý báu cho cuộc sống...

Với tất cả nỗi bức tức, cậu bé đã hét to “tôi ghét người” và rừng đã vọng lại “tôi ghét người”, cậu bé hoảng sợ. Nhưng khi cậu hét lên “tôi yêu người” với tất cả tình yêu thương, rừng đã trù mến đáp lại – “tôi yêu người”. Có lẽ cậu bé không hiểu vì sao lại như thế. Bởi vì cậu còn quá nhỏ. Nhưng chắc chắn rằng, trong tâm hồn non nớt ấy, đã bắt đầu ươm mầm khái niệm “trao đi” và “nhận lại”. Vậy phải chăng cốt lõi câu chuyện chính là quy luật “cho” và “nhận” trong cuộc sống?

“Cho” là trao tặng, là gửi đi để mong có người nhận. Vậy, có “cho” thì sẽ có “nhận”.

Con ong cho mật, hoa cho hương, chim cho tiếng hót, con người cho nhau tình yêu và cao hơn nữa là đức hi sinh. Khi yêu, con người sẵn sàng hi sinh tất cả mà không đòi hỏi gì. Cha mẹ yêu con – hi sinh những thú vui tâm thường cho con. Chim yêu trời – hi sinh tiếng hót để trời thâu nghe. Tôi yêu bạn – hi sinh hết mình chỉ để bạn được hạnh phúc, sung sướng. Đức hi sinh sẽ phải trả giá rất đắt. Cụ Bơ-men (*Chiếc lá cuối cùng* – O Henri) đã phải hi sinh tất cả – mạng sống của mình để cho Giôn-xi được sống. Nàng Xtefchia (*Con hủi*) đã phải hi sinh mạng sống, tuổi xuân để cho tình yêu được sống. Điều gì đã thúc đẩy họ hành động như vậy? Nếu với Xtefchia là để cho người nàng yêu – Valđemar – người nàng đã trao trọn trái tim, thì với cụ Bơ-men, Giôn-xi là ai? Chỉ là người cùng nghề họa sĩ, sống cùng căn hộ, không thân thiết. Nhưng vì thương yêu cô gái trẻ tội nghiệp, bằng cả trái tim tràn đầy tình yêu, cụ đã vẽ nên một chiếc lá, một mình cụ đã chống chọi giữa đêm khuya mưa bão, để cho trái tim Giôn-xi được đập mạnh mẽ, để cho cô thêm một lần được sống. Đổi lại, trái tim cụ Bơ-men đã ngừng đập. Cả cuộc đời mình, cụ Bơ-men chỉ mong có một tác phẩm để đời, chính chiếc lá đã giúp cụ toại nguyện. *Chiếc lá cuối cùng* chính là bản hùng ca về cụ Bơ-men – người họa sĩ có trái tim vĩ đại.

Cậu bé trong câu chuyện không cần đợi tiếng vọng của rừng bởi vì trong tâm hồn cậu đang có mưa. Mưa tưới mát đất tâm hồn, làm cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Cậu bé đã nhận lại tất cả. Nhận làn gió mát cuốn trôi bao giận hờn, bực tức và mệt mỏi. Nhận cơn mưa trút xuống niềm vui. Nhận tia nắng ấm áp chiếu sáng tâm hồn. Nhận tiếng chim reo vui đón chào hạnh phúc. Một khung cảnh thiên nhiên tuyệt vời sẵn sàng chào đón những ai dám cho đi tất cả. Như vậy, “cho” đã trở thành khát vọng sống mãnh liệt, là hành động thôi thúc... Bởi vì: *Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình* (*Một khúc ca xuân* – Tố Hữu)...

Ngạn ngữ Nga có câu: *Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho bạn, mà hãy hỏi bạn đã làm gì cho Tổ quốc*. Câu nói nổi tiếng khẳng định rằng Tổ quốc hay nói rộng ra là cuộc sống, đã cho ta rất nhiều. Cho ta cuộc đời để sống tốt, cho ta gia đình để hạnh phúc, cho ta những bài học bổ ích để làm người, cho ta niềm vui, hạnh phúc nhưng cũng đồng thời cho ta cả nỗi đau, để từ đau thương ấy, ta biết đứng lên, biết tiếp nhận, tiếp bước để trưởng thành hơn. Mỗi người chỉ có một cuộc đời và một cơ hội để sống, vì vậy hãy sống sao cho có ích:

*Nếu là chim, tôi sẽ là loài bồ câu trắng
Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương
Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm
Là người, tôi sẽ chết cho quê hương.*

(*Tự nguyện* – Trương Quốc Khánh)

Đúng, tôi sẽ chọn cách sống cống hiến. Tôi cống hiến tài năng và sức trẻ để xây dựng đất nước, cống hiến kinh nghiệm cho thế hệ trẻ mai sau, cống hiến cả cuộc đời cống hiến. Để rồi khi nhắm mắt xuôi tay, tôi sẽ mỉm cười hài lòng trong khi mọi người khóc.

Người ta nói “cho và nhận” chứ không nói “nhận và cho”. Vì sao ư? Bởi vì sống thì cứ “cho” đi, đừng mong “nhận” lại. Nếu ai “cho” đi để mong “nhận” lại, thì đừng làm gì cả có khi còn tốt hơn. Bởi vì đó không phải là “cho” mà là “trao đổi”. Tôi cho anh cái này, anh cho tôi cái khác, cả hai chẳng có yêu thương nhau. Nhưng khi đã “cho”, trái tim đang san sẻ tình yêu thương.

Có ai định nghĩa về trái tim đẹp chưa? Đó có phải là trái tim màu đỏ không thì vết không? Riêng tôi, tôi khẳng định là không. Tôi định nghĩa “trái tim đẹp là trái tim có những mảnh vá”. Vì đó là những mảnh vá yêu thương. Vì đó là trái tim chung nhịp đập với bất kì trái tim đau khổ nào khác. Vì đó là trái tim sẵn sàng hi sinh cho tất cả.

“Cho” là biểu hiện sâu sắc của tình yêu thương. Ai sống mà thiếu yêu thương, thiếu hi sinh thì không bằng cả loài mãnh thú.

Đỉnh cao của sự cho đi không nhận lại là Bác Hồ – vị Cha già kính yêu của dân tộc. Cả đời Người hi sinh tất cả, chịu bao đắng cay, khổ cực, vào sinh ra tử, nằm gai nếm mật chỉ vì mong muốn một ngày nào đó, lá cờ đỏ sao vàng có thể tung bay, Quốc ca Việt Nam được vang lên hào hùng như chính con người nơi đây. Công ơn trời biển ấy, vậy mà Bác không hề đòi hỏi gì. Bác chỉ có “một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước ta được độc lập, đồng bào ta được tự do, ai ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai ai cũng được học hành”. Rõ ràng, Bác sống vì dân, vì nước:

*Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chảy nặng phù sa.*

(Bác ơi! – Tô Hữu)

Cuộc đời Bác chính là tấm gương sáng cho hàng triệu con người noi theo. Một học sinh lớp chín quên mình cứu hai em nhỏ giữa dòng lũ, một bác bộ đội về hưu giúp hàng xóm chông nhà giữa bão lũ thì nhà của mình sập xuống mang theo đứa cháu bốn tuổi... Bác và nhiều người nữa biết rằng “cho” là phải hi sinh và hi sinh rất nhiều. Nhưng họ vẫn làm như chú chim hót trong bụi mận gai “*Những con chim ẩn mình chờ chết* – Colleen Mcullough) hi sinh tính mạng để tiếng hót tuyệt vời và đầy sức quyến rũ kia thâu tận đất trời. Giọng hót ấy hay hơn bất kì nốt nhạc nào, vì nó được đánh đổi bằng cả sinh mạng. Và cũng chính vì thế, “cho” là đức tính quý giá của con người: hi sinh rất nhiều. Chúng ta biết nhưng chúng ta vẫn làm.

Cuộc đời vẫn cứ tiếp diễn, con người hàng ngày vẫn làm việc, lao động và “cho” – “nhận”. Nhưng hi vọng rằng, mọi người hãy biết “cho” đi mà đừng mong “nhận” lại, bởi vì khi “cho” chính là “nhận”. Đó là “cho” chân thành từ đáy lòng. Thời gian rồi cũng sẽ qua mau, có những thứ mãi mãi phai mờ nhưng hãy tin tôi, điều gì đã “cho” sẽ mãi trường tồn như câu chuyện *Tiếng vọng rừng sâu*. Đơn giản bởi vì nó đã được khắc sâu trong tim, chảy trong huyết mạch để nhắc nhở nhau rằng: *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình...*

Cảm ơn *Văn hay chữ tốt* đã giúp em có thể bộc lộ được suy nghĩ của em về tương lai, về cuộc sống để từ đó tiếp tục học tập, tiếp tục phấn đấu trở thành con người đích thực của Tổ quốc – nhân dân trong thời đại mới.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Mai Gia Hân, học sinh lớp 9B7,
trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Có ai đó đã nói rằng cuộc sống này là một điều kì diệu, và mỗi chúng ta hãy sống thật hết mình cho điều kì diệu ấy. Và rất nhiều người đã hài lòng với những gì mà cuộc sống mang đến cho họ: Hạnh phúc, tình yêu, nụ cười, thậm chí là cả những giọt nước mắt. Nhưng cũng không ít người chán nản với cuộc sống, với xã hội bởi họ cho rằng mọi người thù ghét họ. Những con người ấy đều là những cậu bé ngây thơ

giống như cậu bé trong câu chuyện *Tiếng vọng rừng sâu*. Và biết đâu, chính câu chuyện tưởng chừng như ngắn gọn và đơn giản này lại chính là lời giải đáp cho hiện tượng nêu trên.

Một câu chuyện ngắn gọn như *Tiếng vọng rừng sâu* không phải là ít trong thời đại hiện nay, nhưng quan trọng là chúng ta rút ra được những gì cho bản thân khi đến với câu chuyện. Ấn sâu lớp ngôn từ giản đơn, dễ hiểu kể về một cậu bé đã hai lần hét vào thung lũng cạnh khu rừng rậm rặng: “Tôi ghét người”, “tôi yêu người”, và những gì cậu bé nhận lại từ rừng sâu âm u cũng chính là những từ ấy, câu ấy, đó là bài học triết lí vô cùng sâu sắc về mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống. Việc cậu bé nhận lại cũng chính những tiếng cậu đã phát ra: “Tôi ghét người”, “tôi yêu người” thực chất cũng chỉ là một hiện tượng vật lí tự nhiên: Hiện tượng dội âm. Nhưng chúng ta hãy xem, khi lần thứ nhất cậu bé đã mang tâm trạng giận dữ với mẹ mà bực dọc hét lên: “Tôi ghét người” – mà người ở đây ý chỉ mẹ cậu – thì từ rừng sâu, hản tiếng vọng lại cũng chẳng êm tai dễ nghe gì mà đầy bực tức: “Tôi ghét người”. Cậu bé hoảng sợ không hiểu tại sao, nhưng chẳng phải lí do đã được bày ra rõ ràng trước mắt rồi đó hay sao? Cậu bé đã gieo thù ghét, thì cũng nhận lại thù ghét, và sau đó khi cậu trao yêu thương thì cũng nhận lại được yêu thương. Câu nói của người mẹ: “*Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống chúng ta: Con cho điều gì con sẽ nhận lại điều đó. Ai gieo gió thì gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng sẽ thù ghét con, nếu con yêu thương người thì người cũng sẽ yêu thương con*”, nhưng một lần nữa khẳng định lại tư tưởng, đạo lí đặt ra ở đây: Chính thái độ của mỗi con người đối với cuộc sống sẽ quyết định thái độ của cuộc sống đối với con người ấy – cho đi thù oán sẽ nhận lại oán thù, cho đi yêu thương sẽ nhận lại được thương yêu.

Hẳn rằng người mẹ trong câu chuyện đã mượn một hiện tượng vật lí tự nhiên để dạy cho con mình một bài học sâu sắc hơn. Và chắc rằng bài học ấy là vô cùng đúng đắn, bởi lẽ người mẹ là một người từng trải, sâu sắc, và chính cuộc sống kì diệu này sẽ cho ta những minh chứng rõ nhất cho bài học trên. Bạn và tôi – chúng ta đều phải thừa nhận rằng cuộc sống không hề giản đơn, cuộc sống là một khái niệm nào đó thật phức tạp, thậm chí rối rắm, nhiều thách thức. Và chính con người chúng ta đã tạo nên điều đó. Đứng trước cuộc sống muôn màu muôn vẻ, mỗi chúng ta có quyền lựa chọn cho riêng mình một cách nhìn, cách nghĩ, cách hành xử riêng. Có người thì chọn cách phó mặc cho số phận, muốn tới đâu thì tới, có người ủ rũ, buồn bã rồi cuối cùng chìm sâu vào bể than thân, oán trách mà chẳng còn thời gian để chia sẻ với mọi người và tận hưởng những niềm vui, bao điều thú vị mà cuộc sống mang lại, có những người thì lại chọn thái độ sống tiêu cực, đặt cái nhìn thiếu thiện cảm lên người khác, khép chặt lòng mình và tự biện hộ là không có thời gian để yêu bất cứ ai, cho nên quanh họ luôn là một bầu không khí u ám, thù ghét. Bên cạnh đó, vẫn có rất nhiều người chọn cho mình một món trang sức đẹp nhất để bước vào vũ hội cuộc đời, đó chính là nụ cười và tình yêu. Cuối cùng thì sao? Vâng, ai cho đi cái gì thì nhận lại đúng cái đó như cậu bé trong câu chuyện. Khi bước tới cuối con đường đời, những người buông xuôi trước số phận thường cắn môi nuối tiếc rằng mình đã bỏ lỡ quá nhiều cơ hội, mình đã không thể làm được những gì mà mình mong muốn. Những người luôn chán nản cuộc sống hẳn không thể có được niềm vui, và luôn cảm thấy cô độc. Tệ hơn nữa là những người chọn thái độ thù ghét, họ cô độc, lạc lõng, trong lòng họ chất đầy những thù oán, tị nạnh, ghen ghét... bởi vì chính họ cũng thù oán, tị nạnh, ghen ghét... người khác. Chỉ có những ai trao tặng yêu thương thì mới

có thể mỉm cười hạnh phúc bởi quanh họ cũng là những con người yêu thương họ: bạn bè, gia đình, hay đơn giản chỉ là những người mà họ đã dùng tình yêu thương để đối xử. Đó gần như là một chân lí bất di bất dịch trong cuộc sống mà chính bản thân tôi đã từng trải nghiệm. Tôi cũng như cậu bé khờ dại trong câu chuyện *Tiếng vọng rừng sâu*, ở lần đầu tiên tôi hét lên câu: “Tôi ghét người” bởi những đố kỵ, ganh ghét, ích kỉ với bạn bè. Tôi ít khi mỉm cười, ít khi trải lòng mình với cuộc sống mặc dù cha mẹ, bạn bè xung quanh tôi luôn chờ đón tôi bằng vòng tay yêu thương. Và cuối cùng, thời gian như người mẹ đầy kinh nghiệm và yêu thương trong câu chuyện, dắt tôi quay trở lại để tôi có được cơ hội nói câu yêu thương với mọi người.

Bạn ơi, bạn hãy tin rằng nếu chúng ta thân thiện, mỉm cười, bao dung với mọi người thì tất yếu mọi người cũng sẽ trao lại cho bạn tấm lòng yêu thương. Ngược lại, nếu bạn cố tình ghét bỏ, thù oán, ganh tị với bất kì một ai thì rồi có một ngày bạn sẽ trở thành kẻ bị ghét bỏ, thù oán, ganh tị mà thôi! Ông bà ta đã có câu: “*Gieo nhân nào quả nấy*”. Dẫu biết rằng cuộc sống phức tạp, nó là một ranh giới mong manh giữa tốt và xấu, yêu và ghét, thực chất và giả tạo... bạn không thể tốt hết với tất cả mọi người, mà bạn cũng không thể xấu tính với tất cả những người xung quanh bạn. Nhưng bạn ơi, càng yêu thương, càng bao dung nhân ái, thân thiện chan hòa, và cởi mở, chân thành bao nhiêu thì bạn sẽ càng dễ thương hơn trong mắt mọi người đấy. Vậy có khi nào bạn hoài nghi, thậm chí thất vọng vì bạn đã trao tặng tình yêu rất nhiều mà nhận lại chẳng được bao nhiêu? Tôi chỉ có thể khẳng định một điều rằng, hãy cứ tin ở chính bản thân bạn, và thời gian sẽ chứng minh cho bạn thấy rằng, những người luôn nói: “Tôi yêu người” sẽ được người khác tôn trọng, yêu quý.

Có lẽ các bạn đều biết một câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Tố Hữu trong bài *Một khúc ca xuân*: *Ôi, sống đẹp là sống thế nào hồi bạn*. Khái niệm “sống đẹp” mà nhà thơ Tố Hữu đưa ra chắc hẳn bao hàm nhiều ý nghĩa mà chúng ta không bàn đến ở đây, tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến một khía cạnh của sống đẹp: đó là yêu thương, chan hòa với mọi người. Bạn thấy không, khi bạn yêu thương, chan hòa thì trong mắt mọi người, bạn sẽ trở thành một người sống đẹp, và có ai lại không yêu quý một người sống đẹp, cái đẹp vẫn luôn được trân trọng và tôn vinh trong cuộc sống. Ngược lại, thái độ sống không đẹp của bạn đối với cuộc đời, rồi sẽ bị tẩy chay, xa lánh, xấu – đẹp, thật – giả trong cuộc sống này luôn lẫn lộn, đôi khi thật khó mà phân biệt. Nhưng cho dù thế nào, bạn hãy đưa cho cuộc đời những gì thật nhất của con người bạn: một nụ cười rạng rỡ, một ánh mắt ấm áp, hay thậm chí là những giọt nước mắt chân thành... Và bạn cũng sẽ nhận lại được những tình cảm chân thật của mọi người. “Cho” và “nhận” luôn có một quan hệ chặt chẽ không thể tách rời, tác động qua lại nhau là như vậy. Cho thế nào thì cũng nhận lại đúng như vậy, không thể khác được, như quy luật phản xạ âm thanh trong câu chuyện *Tiếng vọng rừng sâu* mà ta đã đọc. Chính vì thế, bản thân chúng ta muốn được mọi người đối xử như thế nào, thì trước hết ta hãy đối xử với mọi người như thế. Giống như câu nói: *Muốn thay đổi cả thế giới, trước hết hãy thử thay đổi chính mình*.

Người hạnh phúc nhất là người mang đến hạnh phúc cho người khác nhiều nhất, chắc các bạn đều hiểu ý nghĩa của câu nói trên. Nó cũng giống như bài học mà chúng ta vừa mới đề cập đến: Cho đi hạnh phúc cũng sẽ nhận lại hạnh phúc, gieo rắc khổ đau cũng phải nhận về khổ đau. Thấu hiểu điều đó, mỗi chúng ta hãy chọn cho mình hạt nhân của lòng yêu thương, nhân ái, thân thiện... để gieo xuống mảnh đất cuộc đời, và chắc chắn quả mà ta thu được cũng sẽ là hoa quả của lòng yêu thương,

trân trọng của mọi người. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng mình không thể gặp ai cũng yêu, gặp ai cũng thương, nhưng với tất cả mọi người, tôi sẽ luôn cố gắng đi tìm hạt ngọc ẩn sâu trong họ để trân trọng họ hơn.

**GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 10 NĂM 2009
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7**

Bạn em chưa hào hứng tham gia kì thi “Văn hay chữ tốt” do nhà trường phát động. Hãy tâm sự với bạn về ý nghĩa kì thi này để bạn em tích cực tham gia.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Hoàng Xuân Chiêu,
học sinh lớp 7A9, trường THCS Trần Quốc Toản,
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Quận 9, ngày 25, tháng 10, năm 2009

Trình thân mến,

Đạo này bạn có khỏe không? Chắc bạn còn nhớ cô lớp trưởng nhỏ nhắn ngày nào phải không? Thấm thoát đã hai năm rồi còn gì, chúng mình xa nhau cũng khá lâu rồi nhỉ! Chắc là Trình cũng đồng ý với mình, cuộc sống ngày nay hối hả và hiện đại hơn ngày trước. Nào là xe cộ, nhà cao tầng... Đặc biệt là từ lúc máy vi tính trở nên thông dụng, ít ai còn nghĩ đến việc rèn chữ, luyện văn. Nhưng đối với mình, con chữ là nét người, vì thế mình đã ra sức luyện tập để được tham dự cuộc thi *Văn hay chữ tốt* do nhà trường phát động. Mình cũng nghe nói, Trình chưa hào hứng lắm, có lẽ vì bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của cuộc thi và vì thế mà mình đã viết những dòng tâm sự này để chia sẻ cùng bạn.

Trình thân!

Nghe mẹ kể, ngay từ bé, mình đã thích cầm viết rồi. Mình nghịch lắm, chỉ toàn cầm bút vẽ bậy lên tường. Còn mẹ mình thì mỉm cười, tuyên bố: *Bé con này mai một sẽ viết chữ đẹp và vẽ đẹp lắm đây!* Mọi trong gia đình mình cũng tin tưởng và mong muốn thế. Rồi đến khi mình vào Mầm non, mình càng thích viết, thích vẽ. Trong lớp, mình luôn được cô khen về chữ viết, về những bài viết chữ theo mẫu. Có lúc, những bức tranh của mình cũng được treo lên cho toàn trường cùng xem. Thế là những năm Mầm non trôi qua thật vui vẻ và thú vị.

Nhưng khi mình lên lớp Năm, bài tập, bài học nhiều hơn, mình dần quên đi sự ham mê Mĩ thuật, mà thay vào đó là kĩ năng viết văn của mình được bộc lộ. Những con điểm 8, điểm 9 luôn đỏ chói trong quyển vở Tập làm văn của mình. Mình liên tục được cô giáo đưa đi thi *Vở sạch chữ đẹp* cấp trường rồi cấp Quận rồi có cả cấp Thành phố nữa chứ! Đến bây giờ, mình vẫn không sao quên được những nét chữ tròn trịa, mềm mại của cô đã chỉ dạy cho mình. Rồi lên lớp Bảy, mình được dự thi *Văn hay chữ tốt*. Mình luôn thầm hỏi: *Phải chăng, những năm tháng được rèn chữ, luyện văn ở Tiểu học là bệ phóng cho mình?*

Chắc chắn là thế Trình à! Trình biết không, mình đang rất hào hứng với cuộc thi đó đây. Mình luôn suy nghĩ rằng: *Trong cuộc sống, có biết bao kiến thức mình cần phải học nhưng trước hết, phải học làm người đã!* Nhưng nếu để học làm người thì văn thơ là phương tiện truyền đạt hay nhất, vừa nhẹ nhàng, vừa sâu sắc. Đến bây

giờ, mình có thể khẳng định là mình yêu văn thơ. Cuộc thi *Văn hay chữ tốt* đã truyền cho mình niềm đam mê đó.

Có những bài văn làm cho hàng mi mình đầm nước mắt, làm cho mình luôn bồn khoăn, luôn suy nghĩ. Hay là khi đọc tác phẩm văn học, mình thấy những tác phẩm đó đã truyền cho mình những bài học quý giá. Những lời văn truyền cảm mà sâu lắng, trong sáng mà sâu sắc vô cùng đã dạy mình biết yêu thương con người, biết quan tâm, sẻ chia, biết ước mơ, hi vọng vào những điều tốt đẹp. Những bài thơ về quê hương làm mình cảm thấy tâm hồn trong trẻo và nhẹ nhõm:

*Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày...*

(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Nhưng làm mình hỏi thăm lòng nhiều nhất là những câu thơ viết về cha mẹ. Mình nhớ nhà thơ Ngọc Sơn đã viết:

Tình cha ấm áp như vàng Thái Dương.

Nhẹ nhàng và sâu lắng, nhà thơ Quế Mai đã ca ngợi tình mẹ:

*Đôi tay cảm nhận nhịp con thơ
Những đêm con sốt cao
Đôi tay lạnh mát đặt lên đầu
Cho con bớt ốm...*

Những câu thơ, những mạch văn trong sáng luôn làm con tim ta lúc thôn thức, lúc chạnh lòng và xúc động.

Trình ơi! Nếu đã giỏi văn, sao ta không rèn chữ để cho nét chữ mềm mại hòa cùng những lời văn mang đậm nét đẹp nhân văn. Lúc đó, khi đọc những dòng văn ấy, tâm hồn ta sẽ hướng thiện, sẽ đắm mình vào mạch văn. Mình luôn nghĩ rằng: *Nét chữ là nét người*, và qua cuộc thi *Văn hay chữ tốt*, mình càng khẳng định suy nghĩ đó là đúng. Cuộc thi cũng đã gửi đến một thông điệp: *Hãy cảm nhận văn thơ, cảm nhận cuộc sống thanh bình, hãy yêu văn thơ để tâm hồn sạch trong, hãy rèn con chữ như rèn chính bản thân ta*. Mình đã cảm nhận được thông điệp đó qua hai năm dự thi.

Trình biết không, mình luôn dành thời gian buổi tối để đọc những lời văn thật nhẹ nhàng, những vần thơ xúc động, mình luôn cố gắng trau dồi thêm những bài học quý giá từ các tác phẩm và đặc biệt, mình luôn dành ra khoảng nửa tiếng để rèn chữ đấy! Mình luôn thầm cảm ơn cuộc thi đã truyền cho mình sự yêu thích văn học, đã cho mình thấy được tầm quan trọng của chữ viết. Hay là Trình cùng mình tham gia cuộc thi này nhé! Sẽ rất bổ ích cho Trình và cả các bạn khác nữa, được không Trình? Trình đã hiểu được ý nghĩa của cuộc thi *Văn hay chữ tốt* chưa? Nếu Trình đã hiểu được rồi thì cùng mình tham gia. Nếu Trình vẫn chưa thấy hào hứng, Trình nên đọc và nghĩ thông điệp của cuộc thi nhé! Chúc Trình thành công!

Thư mình cũng đã khá dài rồi, mình đành tạm biệt Trình vậy. Nhớ cùng mình dự thi đấy! Chắc chắn mình sẽ gửi cho Trình mấy quyển sách văn học rất hay. Còn bây giờ, lớp trưởng gửi lệnh cho lớp phó: *Học giỏi và giữ gìn sức khỏe nhé!*

Chào lớp phó 5A năm xưa

Lớp trưởng Xuân Chiêu

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Một ngôi sao, chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng
Một người đâu phải nhân gian?
Sống chẳng, một đóm lửa tàn mà thôi!
Núi cao bởi có đất bồi
Núi chề đất thấp núi ngòi ở đâu?
Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chề sông nhỏ, biển đâu nước còn?

(Trích *Tiếng ru* – Tố Hữu)

Từ ý thơ trên, em hãy bàn luận về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, xã hội; giữa một người và mọi người.

Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Thị Thảo Ngân,
học sinh lớp 9A2, trường THCS Hồng Bàng,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Đã ai từng một lần đọc những lời thơ đầy giục giã của nhà thơ Na-dim Hít-mét:

Nếu tôi không đốt lửa
Nếu anh không đốt lửa
Nếu chúng ta không đốt lửa
Thì làm sao
Bóng tối
Sẽ trở thành
Ánh sáng!

Bóng tối sẽ tan đi và ánh sáng sẽ ngập tràn nếu anh hành động, tôi hành động và chúng ta cùng hành động. Trong cái ánh sáng rạng ngời xua tan bóng tối ấy có ánh sáng của tôi, của anh và của tất cả chúng ta. Và hôm nay, nhà thơ Tố Hữu đã mượn tiếng ru dịu êm của mẹ qua bài thơ *Tiếng ru* của mình, một lần nữa gọi cho chúng ta hiểu thêm về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, xã hội, giữa một con người và mọi người.

Một ngôi sao không làm nên bầu trời đêm rực sáng. Một bông lúa chín chẳng làm nên mùa vàng bội thu. Một con người nhỏ bé đáng kể gì trong cõi nhân gian rộng lớn. Đất thấp thế nhưng nhờ có đất mà núi mới cao. Sông nhỏ thế thôi nhưng nhờ sông mà biển mới mênh mông đến vậy. Một cá nhân bé nhỏ sẽ không là gì cả so với một cộng đồng to lớn. Nhưng ngược lại, những gì lớn lao, vĩ đại lại được tạo nên từ những điều hết sức nhỏ bé mà thôi.

Sống trên đời, ai cũng mong muốn mình được thể hiện và khẳng định bản thân, phần cá nhân của mình. Đó là mong ước tự nhiên và chính đáng. Phần riêng ấy được thể hiện ở những khát khao, hoài bão của bản thân, là niềm mong mỏi mình phải có vị trí nào đó trong mắt mọi người. Phần cá nhân bé nhỏ của mỗi người ấy cần được thể hiện, được khẳng định, được tôn trọng và ghi nhận. Chính “cái tôi” ấy tạo nên giá trị và bản sắc của mỗi cá nhân trong cộng đồng, làm cá nhân đó không bị hòa tan, không lẫn vào người khác.

Tôi yêu những vạt nắng trải dài trên cánh đồng bát ngát, yêu những triền đê xanh thơm mùi cỏ non. Còn bạn, bạn yêu những ánh đèn màu rực rỡ của thành phố hoa lệ về đêm, yêu những tòa nhà chọc trời nguy nga tráng lệ. Tôi và bạn có những tình yêu khác nhau, quan điểm sống khác nhau, và chính sự khác nhau ấy đã làm nên

“cái tôi” riêng của mỗi cá nhân chúng ta. Phần tôi ấy được thể hiện bằng nhiều cách: bằng sự yêu thương, bằng những nỗ lực, phấn đấu học tập, lao động hay chỉ đơn giản là những sở thích riêng của chúng ta mà thôi.

Ở mỗi thời kì, ta đều thấy sự xuất hiện của những cá nhân vĩ đại, xuất sắc. Bằng tài năng của mình, họ đã đóng góp rất nhiều cho cộng đồng, xã hội. Họ có thể là những nhà khoa học, bằng những phát minh của mình đem lại sự phát triển cho đời sống của nhân loại như Đác-uyn, Marie Curie... Họ có thể là những nhà cách mạng, bằng sự nghiệp chính trị của mình mà đem lại hòa bình cho cả một dân tộc, một đất nước như Bác Hồ – vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam ta.

Nhưng dù cá nhân có hoàn thiện, có lớn lao vĩ đại đến đâu đi chăng nữa nhưng cũng sẽ không là gì so với sức mạnh của cả một dân tộc. Cá nhân ấy khác nào một hạt cát với một sa mạc, một giọt nước với một đại dương rộng lớn, một thân cây giữa bạt ngàn rừng xanh... Mất đi một hạt cát thì sa mạc vẫn cứ mênh mông; mất đi một giọt nước thì đại dương vẫn cứ bao la; mất đi một bông hoa thì mùa xuân vẫn cứ muôn phần rực rỡ...

Một vĩ nhân, một anh hùng làm sao làm nên sự nghiệp lớn nếu không có sự kề vai góp sức của mọi người. Một cá nhân bé nhỏ làm sao tạo được sự nghiệp lớn lao khi chỉ làm một mình mình. Ta phải biết rằng cùng với ta, bên cạnh ta còn có sự chung tay góp sức của mọi người thì ta mới có thể làm nên việc lớn. Nhìn lại lịch sử chiến đấu hào hùng của dân tộc, ta thấy rằng sở dĩ ta có thể diệt nên những trang sử vẻ vang, ta có thể anh dũng chiến đấu giành thắng lợi, đem lại hòa bình, tự do cho dân tộc được vì sự đồng lòng, đoàn kết của nhân dân.

Chính những cá nhân nhỏ bé, riêng lẻ đã tạo nên một sức mạnh tập thể vô cùng lớn lao, có thể quét sạch quân thù. Hay hình tượng người anh hùng Thánh Gióng, nhờ có cơm áo của bà con làng xóm mà Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ, xông pha trận mạc đánh tan giặc Ân. Hình tượng ấy đã được truyền thuyết hóa, thực chất đó chính là tinh thần đoàn kết của nhân dân đồng lòng chống giặc. Qua đó, ta thấy sự khiêm tốn nhìn nhận, đánh giá vai trò của mỗi cá nhân trong cộng đồng quan trọng biết bao.

Biết là thế nhưng chúng ta cũng đừng vì mỗi cá nhân vô cùng nhỏ bé mà quên đi sự đóng góp của bản thân để tạo nên cộng đồng, chúng ta đừng chỉ biết hưởng thụ những đóng góp của người khác mà làm mờ nhạt đi vai trò của mình, làm mình trở thành gánh nặng cho người khác, cho cộng đồng, xã hội. Bởi lẽ tất cả mọi thứ lớn lao đều được hình thành từ những gì bé nhỏ nhất. Một hạt cát bé nhỏ thật nhưng nếu không có những hạt cát kia thì làm gì sa mạc mênh mông đến vậy. Một giọt nước không là gì cả nhưng biển làm sao bao la khi không còn những giọt nước ấy. Vì vậy, ta có thể thấy cá nhân là một nhân tố quan trọng, là cơ sở để hình thành nên cộng đồng, tập thể.

Đề những cá nhân có thể đóng góp sức mình vào phần chung to lớn, chúng ta không được quên đi những đóng góp của họ. Vì biết đâu nỗi buồn bị lãng quên sẽ làm giảm đi nhiệt huyết trao tặng của họ, dù cho những đóng góp kia cho đi không phải mục đích là được nhận về. Như những người lính tuổi còn rất trẻ đã cho đi tuổi xuân, cho đi xương máu của mình vì một cái chung to lớn. Hay những người mẹ Việt Nam anh hùng đã đóng góp từng củ khoai, bát gạo cho các chiến sĩ, đóng góp cả những đứa con ưu tú của mình, để rồi âm thầm khóc nghẹn trong lặng lẽ khi hay tin các anh hi sinh, các anh không về.

Các mẹ đã hi sinh hạnh phúc riêng của mình vì cộng đồng, vì tập thể to lớn kia. Những con người ấy họ đã cho đi mà có nè hà chi. Họ hi sinh cái phần cá nhân bé nhỏ của mình đâu phải vì huy chương, vì chiến công. Họ cho đi mà không cần đền đáp lại. Nhưng những lòng biết ơn, những niềm cảm thông, chia sẻ của chúng ta sẽ làm họ vui hơn rất nhiều, sẽ giúp họ cảm thấy ấm áp mà nhiệt tình hơn trong trao tặng. Chúng ta cũng không nên đóng góp sức mình mà lại đòi hỏi một sự công nhận thật tương xứng với công lao mà mình bỏ ra. Vì đó thực chất chỉ là một cuộc trao đổi chứ không phải cho đi vì cộng đồng. Vì vậy, chúng ta phải có quan niệm: “*Mình vì mọi người, mọi người vì mình*”. Chúng ta cho đi thì ta sẽ được nhận về. Dù có lớn hay không thì sự nhận về ấy vẫn luôn có ý nghĩa:

*Ta là con chim hót
Ta là một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

(*Mùa xuân nho nhỏ* – Thanh Hải)

Nhà thơ Thanh Hải cũng đã từng suy nghĩ về triết lí này trong cuộc đời sáng tác văn chương của ông. Ông muốn làm một chú chim để dâng cho đời tiếng hót, muốn làm một bông hoa điểm tô thêm sắc hương cho cuộc sống, một nốt nhạc trầm để lại cho người nghe những dư âm xao xuyến. Và ông gọi đó là “*Mùa xuân nho nhỏ*” của mình. Khát khao của ông, ước muốn của ông nhỏ bé thật nhưng nó đáng quý biết bao. Vậy đây, cuộc sống của chúng ta là thế. Ông chỉ muốn được là góc nhỏ của mùa xuân vì ông biết rằng mùa xuân lớn kia là mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Từ mùa xuân bé nhỏ ấy, ta mới thấy ước muốn đóng góp lúc nào nó cũng đáng quý, dù đóng góp nhỏ bé hay lớn lao thì nó cũng có ý nghĩa vô cùng.

Ta và tôi, cá nhân và cộng đồng... tất cả đã tạo nên mối quan hệ mật thiết giữa những điều bé nhỏ và những thứ lớn lao trong cuộc sống. Đó chính là triết lí sống vô cùng đúng đắn mà con người đúc kết được từ những thực tế cuộc sống. Tiếng ru giản dị, mượt mà, êm đềm nhưng ẩn chứa trong nó là bài học lớn lao. Và tiếng ru ấy vẫn luôn đồng hành trong hành trang cuộc đời của chúng ta, từ thuở bé cho đến khi trưởng thành, giúp ta nhận thức được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng trong cuộc sống, dạy ta biết đóng góp, biết cho đi để tạo nên những bông hoa, những bài ca, những mùa xuân rực rỡ cho đời, cho người và cho cả chính chúng ta.

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 11 NĂM 2010 KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

*Con người vẫn thường tự hỏi: “*Trương lai sau này của mình sẽ như thế nào?*”. Hãy tưởng tượng về cuộc sống của em hai mươi năm sau và kể lại cho các bạn nghe.*

Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Ngọc Nga,
học sinh lớp 7B3, trường THCS Lí Chính Thắng I,
huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Trên cuộc sống này, ai cũng cần có một gia đình. Tôi cũng vậy, tổ ấm của tôi bao giờ cũng tràn ngập hạnh phúc và tiếng cười.

Người ta thường ví thời gian như một dòng sông trôi mãi, mới đó mà đã hai mươi năm. Tôi bây giờ đã là một bác sĩ làm việc ở bệnh viện tỉnh được khoảng năm năm nay rồi. Tôi ngày nào cũng tất bật lo cho công việc ở bệnh viện. Có khi về đến nhà thì con tôi cũng đã ngủ từ lâu. Chồng tôi đi dạy học ở một trường trung học khá lớn ở tỉnh. Ngày ngày anh ấy đi làm, trưa về nhà lo cơm nước rồi lại đi tiếp. Ngày qua ngày, mỗi người một việc, không ai trách ai. Cô con gái bé bỏng của tôi đang học lớp Một. Tuy bằng tuổi với mấy đứa bạn cùng lớp nhưng nó cao hơn và thông minh hơn hẳn chúng bạn. Cô bé sở hữu chiều cao của cha, trí thông minh của cả mẹ và cha.

Từ lúc bé, tôi đã mơ ước rằng mình sẽ được làm một người bác sĩ thật giỏi. Điều đó bây giờ đã trở thành sự thật sau một thời gian dài phấn đấu không ngừng. Cái mơ ước ấy bắt đầu xuất hiện trong tôi từ khi ông của tôi bị bệnh, không đủ chi phí để điều trị nên đã qua đời. Tôi buồn lắm. Nhưng bây giờ, tôi đã biến cái ước mơ cao xa đó thành sự thật. Tôi chuyên khoa tai mũi họng, khám cho những người lớn. Tôi không biết bệnh nhân của tôi có hài lòng về thái độ và tác phong làm việc của tôi hay không nhưng có lẽ họ sẽ bảo thầm: “Cũng rất tốt đấy chứ. Thái độ không đến nỗi tệ”. Tôi tự mình ngồi xét lại những hồ sơ bệnh nhân vào cuối mỗi ngày, và cũng ngồi xét lại những hành động, thái độ trong ngày. Tối về nhà, tôi cùng ngồi ăn cơm với gia đình, làm phần việc còn lại của mình và đi ngủ.

Bao giờ chồng tôi cũng dậy sớm hơn tôi. Sáng nào cũng vậy, sau khi lo xong bữa điểm tâm cho cả nhà, anh ấy trở về phòng, đánh thức tôi dậy, rồi cả hai chúc nhau một buổi sáng tốt lành. Cả nhà ăn sáng xong, bố của đứa con thân yêu của chúng tôi đưa nó đến trường, tiện thể đưa tôi đến bệnh viện. Đứa con gái ngồi nấp sau lưng ba, dựa vào lòng mẹ, ríu rít ca hát suốt quãng đường đến trường. Chồng tôi vừa đi vừa hỏi chuyện học hành, làm việc của hai mẹ con, nhắc lại những điều hai mẹ con cần sửa chữa, lưu ý. Đến trường của con, chồng tôi đón lấy con gái yêu từ bàn tay tôi, hôn lên má rồi trao lại để tôi dắt bé vào lớp học. Sau đó chở tôi đến bệnh viện, anh ấy không quên câu nói quen thuộc: “Chiều nay anh lại đến đón nhé!”. Chồng tôi, anh ấy lúc nào cũng làm tốt công việc của mình.

Rồi còn cả cô con gái xinh xắn bé bỏng của tôi nữa. Về trí tuệ của nó thì tôi không phải lo. Cô bé giỏi đều các môn, nhất là cô bé viết chữ khá đẹp và học giỏi nhất môn Toán. Nó lúc nào cũng tự giác làm bài tập về nhà. Cô con gái của tôi lại còn rất yêu thích thiên nhiên và trồng cây từ khi nó vừa vào lớp Mầm. Tôi yêu nó hơn cũng chính vì điều đó.

Hiện tại, gia đình tôi tuy không sống với ông bà của cháu bé nhưng đều đặn chúng tôi vẫn thường về thăm cha mẹ. Nhà nội gần nên cứ cuối tuần, vào ngày chủ nhật, chúng tôi lại đưa đứa cháu duy nhất của ông bà về nhà chơi. Cháu gái của ông bà rất thích những món đồ chơi mà ông bà làm tặng cho nó như những con cào cào làm bằng lá dừa, những cái kèn lá... Vườn cây nhà ông bà luôn cuốn hút đứa trẻ thơ ngây. Nhà ngoại thì xa lắm nên thỉnh thoảng, ông bà ngoại chỉ gặp cháu có mấy tuần hè thôi. Nên cháu khi về ngoại thì cũng vui không kém gì về nội. Về ngoại, con tôi được nô đùa dưới sóng biển cùng với anh chị em họ của nó. Gió và sóng đã xóa đi những căng thẳng về học tập của con gái tôi, cháu lại được hòa mình cùng với chúng bạn hàng xóm bằng những trò chơi dân gian mà lúc nhỏ tôi vẫn hay chơi. Đây cũng là những dịp để chúng tôi báo hiếu cho cha mẹ.

Gia đình tôi bây giờ tuy luôn bận rộn nhưng lúc nào cũng dành thời gian quây quần bên nhau, trao đổi sinh hoạt với nhau, trò chuyện chia sẻ nỗi buồn chuyện vui cho nhau nghe. Khoảng bảy giờ tối thứ bảy, gia đình của tôi lại tổ chức sinh hoạt với những nội dung như nói về thời sự, chuyện học tập của con, công việc của ba và mẹ... Có lúc cả nhà lại kể những mẩu chuyện vui cho nhau nghe, mở truyền hình xem những chương trình bổ ích, nói về sai sót của thành viên nào đó trong gia đình và còn nhiều lắm.

Giờ đây theo thời gian, con tôi lớn dần lên. Rồi một ngày tôi nhận được từ tay nó tấm bằng vở sạch chữ đẹp cấp trường, cấp huyện rồi cả cấp thành phố, rồi tấm bằng khen học sinh giỏi Toán... Mấy ngày hôm đó, cả gia đình tôi ai cũng thêm yêu thương đứa con gái bé bỏng của gia đình mình nhiều hơn nữa. Rồi đến chồng tôi lại được nhận bằng khen giáo viên dạy giỏi. Tôi cũng được khen. Cả gia đình từ đó nhân đôi niềm hạnh phúc. Những buổi sinh hoạt gia đình sau hôm đó chỉ toàn đưa ra những thành tích tốt của mọi người. Phần nhỏ còn lại để dành cho một vài lời góp ý.

Cô bé con tôi được nghỉ hè. Vào một buổi trưa hè, nó đến nói với tôi như ngày xưa tôi đến nói với bà ngoại nó, khẽ hỏi tôi: “Tương lai sau này của con sẽ như thế nào hả mẹ?”. Tôi chợt nhớ lại những khi xưa, trong một buổi trưa hè, tôi cũng đến bên mẹ tôi hỏi đúng như câu đó. Và vẫn cứ câu trả lời khi xưa mà mẹ dành cho tôi, tôi nhẹ cười và bảo: “Tương lai con sẽ do chính con quyết định. Nếu con muốn trở thành giống như mẹ thì cố gắng lên con sẽ làm được. Hãy dựa vào chính mình, cố gắng quyết tâm thì tương lai của con sẽ ngoan ngoãn trong tay con, nó sẽ vâng theo những lệnh mà con nói với nó. Cố gắng lên con nhé!”.

Và cứ như thế, dòng thời gian đã làm cuộc sống ta thay đổi. Tương lai của tôi đã được dệt nên từ ước mơ của hai mươi năm về trước. Quan trọng là ta phải có nghị lực để có thể quyết định chính tương lai của mình.

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Tôi hỏi đất:

- Đất sống với đất như thế nào?
- Chúng tôi tôn cao nhau.

Tôi hỏi nước:

- Nước sống với nước như thế nào?
- Chúng tôi làm đày nhau.

Tôi hỏi cỏ:

- Cỏ sống với cỏ như thế nào?
- Chúng tôi đan vào nhau

Làm nên những chân trời.

Tôi hỏi người:

- Người sống với người như thế nào?

Tôi hỏi người:

- Người sống với người như thế nào?

Tôi hỏi người:

- Người sống với người như thế nào?

(Trích *Hỏi* – Hữu Thịnh)

Hãy trả lời câu hỏi cuối bài thơ, từ đó trình bày suy nghĩ của em về lối sống của các bạn trẻ trong xã hội hiện nay.

Bài thi đoạt giải Nhất của Lê Phúc Duy An,

học sinh lớp 9A, trường THCS Đặng Trần Côn,
Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Chúng ta lọt lòng mẹ, đón chào ánh bình minh trên cõi đời. Chúng ta được nuôi nấng, học hành, vui chơi. Chúng ta được thương yêu, vỗ về, an ủi. Chúng ta lớn lên dần trên hình hài Tổ quốc. Chúng ta được Tổ quốc che chở. Chúng ta được đồng bào cru mang. Chúng ta nhận hết những ưu ái, đặc ân của cuộc sống ban tặng. Ta có bao giờ tự hỏi: “*Mình đã sống như thế nào?*”. Đã bao giờ ta tự vấn: “*Người sống với người như thế nào chưa?*”.

“*Cuộc sống đã cho em bao ước mơ màu hồng, cho em bao khát vọng và tình yêu mênh mông*”. Khúc hát yêu cuộc sống vang lên trong một ngôi trường. Cuộc sống cho chúng ta nhiều thứ, tưởng chừng mỗi cá nhân đều không thể có nếu cứ lấy mọi thứ trong tâm tưởng chủ quan. Cuộc sống là một chất liệu thô và cần bàn tay họa sĩ nhào nặn nó. Cuộc sống sẽ trở thành một tuyệt tác hay biến thành một tác phẩm thô kệch, đều là do chúng ta, con người là nghệ sĩ. Cuộc sống cho ta yêu thương và tình yêu thương nếu chúng ta viết vẽ nên cuộc sống bằng tình yêu nhân loại.

Một cuộc điều tra mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau, khi hỏi đất, đất sống với đất như thế nào, đất bảo đất tôn cao nhau. Đất tôn cao nhau để làm nên những ngọn núi, như đỉnh Phanxipăng – nóc nhà Đông Dương. Kikimajaro, ngọn núi cao nhất châu Phi, hay cả Everest, nóc nhà thế giới. Đất tôn cao nhau để sống, để sinh tồn, và những ngọn núi trẻ ngày càng cao thêm mỗi năm. Khi hỏi nước sống với nước như thế nào, nước bảo: “*Chúng tôi lấp đầy nhau*”. Nước làm đầy nhau, lấy đi những khoảnh vực sâu thẳm, cung cấp chất khoáng cho cây trồng, và nước làm nên bốn đại dương, chiếm ba phần tư quả địa cầu. Khi hỏi cỏ sống với nhau như thế nào, cỏ ôn tồn trả lời: “*Chúng tôi đan vào nhau*”. Những ngọn cỏ sống không chỉ một mình, những lùm cỏ đan vào nhau. Làm nên những chân trời, những thảo nguyên bạt ngàn vùng Ca-dắc-xtan, những khu vườn quốc gia, khu rừng A-ma-zôn vĩ đại. Có sống đan xen vào nhau, cỏ mới tồn tại và sinh sôi, cỏ mới có chỗ đứng trên thế giới này. Khi hỏi người, người sống với người như thế nào, người vẫn chưa có câu trả lời. Có chăng người không tự tin nói về lối sống của mình? Loài người cần sống yêu thương, tương trợ lẫn nhau, nhưng vẫn chưa yêu thương, tương trợ lẫn nhau.

*Con ong làm mật yêu hoa
Con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời
Con người muốn sống con ơi
Phải yêu đồng chí yêu người anh em
Một ngôi sao, chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng
Một người đâu phải nhân gian
Sống chẳng một đóm lửa tàn mà thôi.*

(Tiếng ru – Tô Hữu)

Một người không thể làm nên một xã hội to lớn. Một người chỉ là một tế bào của xã hội mà thôi. Một người nghĩ chỉ cần anh ta trên cõi đời là đủ để sống, nhưng anh ơi, anh có thể ăn được những hạt cơm trắng ngần ngàn bao mùa lúa khổ đau, anh có được yêu thương và che chở, anh có được chăm sóc và nâng niu hay không? Chính xã hội mới làm cho cá nhân đứng vững trong cuộc sống, cá nhân mới phát huy hết năng lực bản thân để làm nên cái “tôi” riêng, cá tính, phong cách riêng. “Sống không

thể tự nó mà có, nó được hình thành từ những cơn sóng trên bề mặt đại dương. Con người cũng thế, không ai có thể sống lẻ loi trên đời này một mình cả. Ngược lại chúng ta cần phải sống hòa đồng với xã hội, để được tương trợ và khoan dung”. Để sống, con người phải yêu thương nhau.

Cái cây yêu khu rừng, bông hoa yêu vườn cảnh, thú yêu chim... và có thể mèo yêu hải âu? Mọi thứ đều có thể xảy ra. Có ai đã từng đọc qua *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*. Một câu chuyện đầy lòng thương yêu và trắc ẩn. Một con mèo đã ấp trứng chim hải âu, chờ nó nở, nuôi nấng nó, và dạy nó bay. Có thật không, mèo dạy hải âu bay? Đó chính là sự thương yêu những loài khác mình, mặc dù biết là rất khó, nhưng con mèo đen mập ú đã làm được. Những loài động vật khác nhau lại có thể yêu thương nhau hướng chi loài người chúng ta, cùng là “đồng bào”, cùng sống trên một đất nước, một hành tinh Trái đất:

*Có gì đẹp trên đời hơn thế
Người với người sống để yêu nhau.*

(*Một khúc ca xuân – Tố Hữu*)

Tình yêu thương con người, không gì đẹp bằng tình yêu thương con người! Tình yêu thương làm cuộc sống chúng ta tràn ngập lòng tin yêu và vị tha. Tình yêu thương giúp ta vượt qua những đắng cay của cuộc đời. Người yêu người, ai nấy cũng đều nhận được điều gì đó, một điều mà những con người máu lạnh không có được đó là tình thương yêu. Nó lấp đầy bản thân, lấp đầy cuộc sống.

Con người cần tình yêu thương để sống một cuộc sống thật sự, nhưng những con người máu lạnh vẫn tiếp tục phá đi công trình yêu thương, tương trợ suốt bốn nghìn năm của Việt Nam ta. Những “*thương người như thể thương thân*”. “*Lá làm đùm lá rách*”, “*một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*” đâu hết rồi, thay vào đó là những ân oán, hận thù, ganh ghét, hận thù mà ngày nay, năm nay, năm 2010, tình hình thế giới vẫn chưa ổn định. Và bây giờ giới trẻ ngày càng làm lạnh máu mình đi hay sao, mà lại có những hành vi bạo lực học đường, chém giết lẫn nhau, thờ ơ trước những mảnh đời bất hạnh. Từ một cuộc chém giết tại trường Trung học cơ sở Tân Bình đến cả những video clip nữ học sinh đánh nhau bị tung lên mạng, gây nhiều dư luận phản đối. Rồi có cả một cô gái ném những chú cún con vào vòng xoáy con sông. Tính người của họ đâu mất tiêu rồi, hay họ chỉ chờ thời cơ để ăn thịt đồng loại? Tính “con” đã át hẳn tính “người” rồi! Ôi, bạn Hà Anh, một nạn nhân của sự bóc lột hành hạ trẻ em đã phải chịu biết bao cực hình của hai vợ chồng Giang Thơm để có tiền phụ giúp gia đình. Bạn đã sống như chết. Những việc làm của hai vợ chồng này vô cùng độc ác, man rợ, bất nhân. Không biết có từ nào có thể nói đến họ, một lũ vô lương tâm! Lại đến những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã tàn sát hàng ngàn người dân vô tội sống trong vùng chiến tranh. Lòng tham không đáy đã làm cho hai thành phố Hiroshima và Nawasaki trở thành bình địa khi nhận hai quả bom nguyên tử do Mỹ chế tạo. Rồi thế chiến thứ Nhất đã tàn sát vô số người, trong đó có cô bé người Do Thái Anne Frank, gia đình cô phải sống trong một khu nhà bí mật suốt hơn hai năm. Cuốn nhật kí của Anna Frank đã gây dư luận suốt từ khi xuất bản năm 1946 đến tận nay.

Thế chiến đã lấy đi cuộc sống vốn đang bình yên của họ. Người Do Thái còn bị đối xử như những loài gia súc, gia cầm, quân quán phiệt phát xít Đức thấy người Do Thái là thẳng tay giết chết! Rồi đến sự phân biệt chủng tộc khủng khiếp nhất trên thế giới, chế độ A-pác-thai đã đẩy người da đen xuống vực sâu của cái chết, bởi họ chẳng được một cái quyền gì cả. Một công viên ở Nam Phi, ngoài cổng công viên có

dòng chữ “Nơi đây chỉ dành cho người da trắng, trừ chó và người da đen”! Người da trắng xem người da đen tệ hơn loài chó! Và bây giờ, ai có thể khẳng định chế độ phân biệt chủng tộc ngày nay đã hoàn toàn biến mất? Giới trẻ ngày nay chỉ nghĩ cho bản thân mình mà quên đi người khác, không quan tâm đến những gì xung quanh. Công nghệ thông tin đã thay thế cho những tình cảm thuần túy nhất, biến con người thành một thứ đồ vật vô cảm.

Nhưng cuộc sống vẫn còn nhiều người biết quan tâm và yêu thương mọi người. Ta không thể kể đến những tấm lòng hảo tâm của nhiều mạnh thường quân đã đóng góp của cải vật chất để cải thiện cuộc sống những người nghèo khổ và neo đơn. Ta ca ngợi những con người dám đứng lên đòi lại công bằng cho loài người, toàn thể loài người, những nhà Nobel hòa bình đã hết sức mình giúp đỡ những nạn nhân của chiến tranh và bệnh tật ở các nước nghèo trên châu Phi – châu lục nghèo nhất thế giới. Những đứa trẻ châu Phi phải gánh chịu những hậu quả trầm trọng của nạn đói, xung đột vũ trang. Một bài thơ gửi người da trắng của em bé châu Phi có viết:

*Khi sinh ra, tôi màu đen
Khi tôi lớn lên, tôi màu đen
Khi tôi đi dưới nắng tôi màu đen
Khi tôi bệnh, tôi màu đen
Và khi tôi chết tôi vẫn màu đen
Còn bạn hồi người da trắng
Khi bạn sinh ra bạn màu hồng
Khi bạn lớn lên bạn màu trắng
Khi bạn đi dưới nắng bạn màu đỏ
Khi bạn lạnh bạn màu xanh
Khi bạn bệnh bạn màu xanh (lục)
Và khi bạn chết bạn màu xám
Thế mà bạn gọi tôi là da màu u???*

Hồ Chí Minh, vị Cha già của dân tộc Việt Nam ta đã ra đi nhưng Người vẫn sống, vẫn sống mãnh liệt trong trái tim mỗi con người. Bởi lúc Người còn sống, Người đã dành trọn tình yêu thương cho cả đất nước đang gặp gian khó:

*– Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.
(Sáng tháng năm – Tố Hữu)*

*– Bác ơi tìm bác mệnh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người.
(Bác ơi! – Tố Hữu)*

*– Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng nhánh lúa mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ lựa tặng già.
(Bác ơi! – Tố Hữu)*

Chúng ta đang sống trên cùng một hành tinh xanh, chúng ta đang sống giữa cộng đồng, xã hội, chúng ta đang từng ngày phát triển, đồng thời ta phải yêu thương và tương trợ lẫn nhau, làm cho mọi người cùng đi lên theo tốc độ công nghiệp hóa của đất nước. Rồi sẽ một ngày ta như những công dân Hoa Kỳ. Việt Nam phát triển

như Anh, Pháp, Úc, chúng ta chỉ đạt được khi chúng ta giữ vững những truyền thống tốt đẹp ngàn đời:

*Nhiều điều phải lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Và khi được ai đó hỏi rằng: “Người sống với người như thế nào?”, ta có thể tự tin mà nói rằng: *Người sống với người bằng tình yêu thương!*

**GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 14 NĂM 2013
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7**

Thư gửi con!

Ngày bố mẹ già đi, con hãy cố gắng kiên nhẫn và hiểu cho bố mẹ!

Nếu như bố mẹ ăn uống rớt vung vãi... Nếu như bố mẹ gặp khó khăn ngay cả đến cái ăn cái mặc... Xin con hãy bao dung!

Con hãy nhớ những ngày, giờ mà bố mẹ đã trải qua với con, để dạy cho con bao điều lúc thuở bé.

Nếu như bố mẹ cứ lặp đi lặp lại hàng trăm lần mãi một chuyện, thì đừng bao giờ cắt đứt lời bố mẹ... mà hãy lắng nghe!

Khi con còn ấu thơ, con hay muốn bố mẹ đọc đi đọc lại mãi một câu chuyện hằng đêm cho đến khi con đi vào trong giấc ngủ... và bố mẹ đã làm vì con.

Nếu như bố mẹ không tự tắm rửa được thường xuyên, thì đừng quở trách bố mẹ và đừng nên cho đó là điều xấu hổ.

Con hãy nhớ... lúc con còn nhỏ, bố mẹ đã phải viện cớ bao lần để vỗ về con trước khi tắm.

Khi con thấy sự ít hiểu biết của bố mẹ trong đời sống văn minh hiện đại ngày hôm nay, đừng thất vọng mà hãy để bố mẹ có thời gian tìm hiểu.

Bố mẹ đã dạy dỗ con bao điều, từ cái ăn, cái mặc cho đến bản thân và phải biết đương đầu với bao thử thách trong cuộc sống.

Nếu như bố mẹ có đăng trí hay không nhớ hết những gì con nói, hãy để bố mẹ đôi chút thời gian suy ngẫm lại và nhớ như bố mẹ không tài nào nhớ nổi, đừng vì thế mà con bực mình mà tức giận... vì điều quan trọng nhất đối với bố mẹ là được nhìn con, được gần bên con và được nghe con nói, thế thôi!

Nếu như bố mẹ không muốn ăn, đừng ép bố mẹ... vì bố mẹ biết khi nào bố mẹ đói hay không.

Khi đôi chân của bố mẹ không còn đứng vững như xưa nữa... hãy giúp bố mẹ, nắm lấy tay bố mẹ như thể ngày nào bố mẹ đã tập cho con trẻ những bước đi đầu đời.

Và mỗi ngày như một ngày sẽ đến, bố mẹ sẽ nói với con rằng... bố mẹ không muốn sống, bố mẹ muốn từ biệt ra đi.

Con đừng oán giận và buồn khổ... vì con sẽ hiểu và thông cảm cho bố mẹ khi thời gian sẽ tới với con.

Hãy cố hiểu và chấp nhận, đến khi về già, sống mà không còn

hữu ích cho xã hội mà chỉ là gánh nặng cho gia đình!... và sống chỉ là vòn vẹn hai chữ “sinh tồn”.

Một ngày con lớn khôn, con sẽ hiểu rằng, với bao sai lầm ai chẳng vướng phải, bố mẹ vẫn bỏ công xây dựng cho con một con đường đi đầy an lành.

Con đừng nên cảm thấy xót xa buồn đau, đừng cho rằng con bất lực trước sự già nua của bố mẹ.

Con chỉ cần hiện diện bên bố mẹ để chia sẻ những gì bố mẹ đang sống và cảm thông cho bố mẹ, như bố mẹ đã làm cho con từ khi lúc con chào đời.

Hãy giúp bố mẹ trong từng bước đi vào chiều...

Hãy giúp bố mẹ trong phút sống còn lại trong yêu thương và nhẫn nại...

Cách duy nhất còn lại mà bố mẹ muốn cảm ơn con là nụ cười và cả tình thương để lại trong con.

Thương con thật nhiều...

Bố mẹ của con.

(Trích *Thư gửi con* – Pierre Antoine)

Từ cảm xúc mà lá thư trên gợi ra, em hãy viết bài văn bày tỏ tình cảm của mình với bố mẹ.

Bài thi đoạt giải Nhất của Phạm Duy Tân,
học sinh lớp 7/9, trường THCS Minh Đức,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ
Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha
Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ
Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha.

(Trích lời Kinh Phật)

Quả đúng là như thế. Hai tiếng “mẹ”, “cha” đã trở thành tiếng gọi thiêng liêng, vĩ đại trong tâm hồn tôi cũng như của những người làm con, tiếng gọi ấy cũng làm thổn thức trái tim của bao kẻ “lay lắt giữa chợ đời”, thiếu vắng hình bóng cha mẹ.

Cha mẹ đã cho ta cái diễm phúc được làm người, được yêu thương cuộc sống này, được gọi hai tiếng “cha mẹ” thân yêu. Cha mẹ đã cho ta hiểu được hai tiếng “quê hương”, đã vẽ nên một bức tranh về quê hương, xứ sở trong tâm hồn ta:

Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay
Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông.

(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Bức tranh ấy có non nước hữu tình, có chiều cao vợi vợi của bầu trời, có chiều dài của những dòng sông, có chiều rộng thênh thang của những cánh đồng... nhưng

nổi bật lên trên cả, chính là một tình cảm thiêng liêng, một tình cảm vĩnh hằng như vàng nhạt nguyệt, một tình cảm cao khiết, tinh cảm của đứa con thơ ngây đối với cha mẹ. Đối với tôi, cha mẹ đã dạy tôi biết thưởng thức cái đẹp, cái thuần khiết của thiên nhiên: chiêm ngưỡng một bông hoa đang nở với tinh hoa của đất trời, say mê ngắm nhìn bầu trời rộng lớn... để rồi từ đó, biết nâng niu, trân trọng cuộc sống. Mẹ đã dạy tôi yêu thương văn chương, yêu thương cái tinh túy của nhân loại qua những vần thơ, áng văn ngọt ngào, êm ái tựa lời ru, đã cho tôi một tâm hồn thi sĩ đang lớn lên từng ngày trong tôi.

Tôi yêu cha mẹ tôi, yêu từng đôi mắt, đôi tay đến nụ cười, những giọt mồ hôi cay đắng. Hồi bé, tôi chỉ biết vui vịnh những món đồ xa xỉ rồi nôn nóng nhìn cha mẹ đưa những tờ giấy đủ màu sắc nhưng khi lớn lên, tôi chợt nhận ra rằng cái bàn học này là mồ hôi của cha mẹ, cái máy tính kia là nước mắt của mẹ cha... Tôi ghét, ghét những tờ tiền ấy, ghét những tờ giấy đủ màu sắc nhưng sau chúng là những giọt mồ hôi, nước mắt của mẹ cha. Ghét tiền là thế nhưng tôi cần có nó, cần cho những món đồ xa xỉ, cần cho những cuộc chơi vô bổ của tuổi học sinh. Con thật là hư, phải không cha mẹ? Nhưng cha mẹ biết không, nhờ cha mẹ mà con hiểu được giá trị của cuộc sống này, nhờ mẹ đã đưa văn chương đến với con... mà chúng đã giúp con nhận ra điểm sai và sửa đổi, để trở thành con ngoan, trò giỏi. Con còn nhớ, lúc con được thi “Văn hay chữ tốt, cấp Thành phố”, cha mẹ vui mừng, hãnh diện khôn xiết. Đối với con, giây phút ấy đáng giá nghìn vàng, không có vật nào có thể trao đổi được.

Mẹ thường nói với tôi rằng: “Nuôi con khôn lớn rồi đến khi mình già thì nó cho vào Viện dưỡng lão”. Nhưng tôi tin rằng, dù thời gian có đưa tôi đi xa “sân ga tuổi thơ” bao nhiêu đi chăng nữa thì tâm hồn tôi vẫn luôn hướng về cha mẹ để mỗi khi nhớ về Người, trái tim tôi lại hiện hữu hình ảnh của Người. Và tôi mong rằng dù thời gian có đẩy đưa chàng trai này đi đến nơi đâu thì cha mẹ vẫn ở bên tôi để tôi có thể chăm sóc miếng ăn, giấc ngủ, nâng tựa gối mềm, làm tròn chữ “hiếu” thiêng liêng. Tôi yêu cha mẹ tôi, tình yêu của tôi sáng lung linh tựa pha lê, vĩnh hằng tựa vàng nhạt nguyệt, tinh khiết và vô tận như dòng suối mát ngọt ngào. Tôi yêu cha mẹ vì sao? Vì những gì họ làm cho tôi? Phải! Vì đạo hiếu của dân tộc? Phải! Nhưng tôi tin rằng đó là tình cảm tự nhiên, trong sáng mà tạo hóa đã ban cho tôi, tôi yêu cha mẹ qua những lời ru, qua những lần mẹ khóc, qua những đòn roi của cha chỉ vì tôi không nghe lời.

Cha mẹ biết không? Con sợ, sợ vô cùng, sợ cái ngày con mất cha mẹ. Mất đi bên đỡ bình yên, mất đi ngọn nến soi sáng đời con. Khi ấy, trái tim con sẽ cô đơn, lạnh lẽo biết nhường nào. Vào mỗi đêm, nỗi đau ấy sẽ gặm nhấm, giằng xé tâm hồn và thể xác con. Mỗi khi vấp ngã trên đường đời, ai sẽ an ủi, sưởi ấm tâm hồn đang kinh sợ cuộc sống, hay những tâm hồn đang lạc lối, chới vơi giữa đường đời đầy chạm bẫy. Những buổi cơm chiều từng đầy ắp tiếng cười nay chan hòa lệ và nhạt nhèo biết bao. Cha thường bảo con rằng: “Nam nhi đại trượng phu thì không được khóc”, nhưng ai có thể không khóc vào cái ngày ấy. Thôi thì cứ để những giọt nước mắt rơi, rơi vào tim để xoa dịu những nỗi đau ấy, cha nhé!

Con chỉ có thể nói bốn chữ thay cho nỗi lòng con: “Con yêu cha mẹ”. Cảm ơn cha mẹ đã cho con niềm phúc được làm con của cha mẹ, được cha mẹ nâng niu dịu dặt. Và con mong sao:

Mỗi đêm con thấp đèn trời

Câu cho cha mẹ sống đời với con.

Bài thi đoạt giải Nhì của Trần Khánh Vy,
học sinh lớp 7B4, trường THCS Nguyễn Văn Tố,
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Bố mẹ ơi! Con yêu bố mẹ!

Con có thể là một cô bé hư, không ngoan, khó bảo và luôn ương ngạnh cứng đầu trước bố mẹ nhưng trong lòng con vẫn mãi yêu thương bố mẹ nhiều lắm!

Con đang dần lớn, con đã bước vào cái tuổi mà xã hội bây giờ người ta thường gọi là tuổi “teen”, cái tuổi với những suy nghĩ khó hiểu, còn non nớt nhưng luôn bốc đồng nên có lẽ thế con khó mà xà vào lòng và ôm hôn bố mẹ như ngày con còn bé để bày tỏ tình cảm của con dành cho bố mẹ!

Ngày con còn bé và con bây giờ khác xa quá bố mẹ nhỉ? Những ngày còn bé, con suốt ngày lằng xằng tíu tít bên bố mẹ để nói những lời yêu thương từ tận đáy lòng! Hứa tới hứa lui sẽ luôn yêu thương bố mẹ khi con trưởng thành, nhưng chỉ mới mười mấy tuổi thôi con đã không làm được!

Vì sinh con trễ nên bây giờ con mới mười mấy tuổi đầu thì bố mẹ đã ngoài năm mươi cả rồi! Trí nhớ của bố mẹ đã không còn tốt như xưa, một câu chuyện, bố mẹ kể đi kể lại hai ba lần. Cũng chỉ là hai ba lần chứ đâu bằng lúc con nhỏ, con đòi bố mẹ kể đi kể lại một câu chuyện con thích hàng chục lần chỉ để con vui! Vậy mà bây giờ con lại cắt ngang lời bố mẹ, nói là bố mẹ nói nhiều, hay quên là kể vậ phiền con... Con hư thật! Nhiều lúc ngồi suy nghĩ, con muốn chạy ra ôm, ôm chầm lấy bố mẹ và xin lỗi, sẽ òa khóc để mong bố mẹ hiểu và tha thứ nhưng lại thôi!

Bố mẹ cũng mua máy tính bảng, điện thoại cảm ứng đắt tiền để theo kịp “thời đại” để con không phải xấu hổ trước bạn bè là có bố mẹ “quê mùa”. Nhưng, bố mẹ lại không biết xài và con là người hướng dẫn! Lần đầu, con cũng giúp và hướng dẫn bố mẹ rất thật tình và nhẹ nhàng nhưng đến lần thứ hai, thứ ba, con đã tỏ ra khó chịu, bực dọc! Và những lần sau, bố mẹ có hỏi con cũng chẳng trả lời, đeo tai nghe và bật nhạc thật to để phớt lờ đi câu hỏi của bố mẹ. Một lát sau con chạy qua phòng của mẹ nhìn vào thì thấy mẹ đang cặm cụi đọc sách hướng dẫn. Đôi lúc nhìn không rõ, mẹ lại nhíu mày lại, vừa cầm điện thoại vừa lật quyển sách dày cui, mẹ lật qua trang khác cũng khó, lâu, lại còn làm rơi sách. Lúc đó, con thương mẹ lắm! Mọi việc mẹ làm, con biết hết. Nhưng con chỉ dám đứng ở xa nhìn mẹ... Những lúc như thế, con chỉ biết ôm mặt khóc, lòng con quặn đau, chạy thật nhanh lên phòng, lấy con gấu bông ra và ngồi ở một góc phòng mà khóc nức nở. Lúc đó con chỉ mơ ước mẹ ôm con vào lòng, muốn hôn mẹ thật nhiều để thay thế cho ngàn lời xin lỗi của con. Nhưng con không xứng đáng, không xứng đáng để được hôn mẹ, để được mẹ tha lỗi. So với những lần mẹ dạy con làm Toán hàng chục lần với việc con chỉ cách mẹ xài điện thoại thì có đáng là gì? Con hư quá! Phải không mẹ!

Rồi những lần bố mẹ bị bệnh, bố mẹ không khỏe, đi không nổi thì mẹ và bố đều bám lên vai con để đi lại dễ dàng hơn nhưng những lúc mà nghe tiếng tin nhắn mà bạn gửi cho con, con lại viện đủ lí do để chạy thật nhanh lên phòng và ở đó luôn. Lắm lúc lại nghĩ bố mẹ quá phiền, khó chịu khi có ai đó đụng vào người con. Con còn quá non nớt nên mỗi khi nghĩ gì là nói luôn. Sau khi nói ra và làm người khác buồn thì mới hiểu ra mình đã sai. Và đợi những lúc bố mẹ đi ngủ, con lại ngồi bên

giường lo cho bố mẹ cả đêm, vừa làm, con vừa khóc, con khóc vì con buồn, con đau, khi bố mẹ bệnh, khi con đã vô lễ với bố mẹ và vì bố mẹ không quở trách con khiến con đau và cắn rứt nhiều hơn nữa. Con chỉ mong bố mẹ sẽ mắng con và con mong sẽ có thể bệnh thay cho bố mẹ.

Con không mong là bố mẹ sẽ hiểu cho con. Vì chỉ có vậy con mới sẽ cố gắng thay đổi. Sẽ cố gắng để làm một đứa con ngoan. Sẽ trân trọng giây phút bên bố mẹ, con sẽ luôn làm bố mẹ hạnh phúc, sẽ bày tỏ tình cảm của con cho bố mẹ nghe, sẽ mãi lãng xăng bên bố mẹ như ngày xưa, và điều hạnh phúc nhất là ông Trời đã ban cho con là được làm con của bố mẹ. Con yêu bố mẹ rất nhiều! Bố mẹ là hai người vĩ đại và tuyệt vời nhất với con!

**Bài thi đoạt giải Ba của Dương Kim Phụng,
học sinh lớp 7B3, trường THCS Tân Tạo,
Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Kính gửi ba mẹ yêu dấu của con!

Dù biết rằng từng ngày, từng tháng, từng năm trôi qua là những trang vở nhật kí đầu đời mà ba mẹ đã truyền cho con. Mọi thứ tình cảm trong cuộc đời này đều có sự trao đổi cho và nhận nhưng tình yêu thương của ba mẹ dành cho con sẽ tồn tại mãi, chỉ đơn giản nhận từ con bằng một nụ cười. Để rồi một ngày nào đó ba mẹ sẽ già đi, lúc ấy con chỉ biết ngồi bên đầu giường ba mẹ nâng đỡ và những giọt nước mắt lại lăn dài trên gò má. Vì vậy, hôm nay bằng chính sự nỗ lực và tình yêu thương của con, con muốn nói rằng: “Ba mẹ à! Con yêu ba mẹ!”.

Ngay từ khi lọt lòng, tiếng khóc của một đứa bé gái chào đời đã khiến cha mẹ vui sướng. Con cảm thấy mình thật may mắn khi được nằm trong vòng tay ấm áp của mẹ, nụ cười rạng rỡ trên môi của cả ba và mẹ. Rồi con như một mầm non xanh từ từ đâm chồi nảy lộc. Lớn lên trong sự mong mỏi và lớn lên từ những giọt mồ hôi lấm tẩm trên đôi vai gầy gầy. Con vẫn còn nhớ rất kĩ khi được nắm đôi tay chai sần của ba, đôi tay với một sự yêu thương thâm lặng, ba dẫn dắt con trong ngày đầu tiên con đến trường. Cảm ơn người thầy đã cho con sức mạnh để vươn lên. Con lên năm, ở trường ba mẹ có biết không? Cô giáo đã dạy con hát, một bài hát mà con nhớ mãi:

*Ba sẽ là cánh chim, cho con bay thật xa
Mẹ sẽ là cành hoa, cho con cài lên ngực
Ba mẹ là lá chắn, che chở suốt đời con
Vì con là con ba, con của ba rất ngoan
Vì con là con mẹ, con của mẹ rất hiền.*

(Cho con – Tuấn Dũng)

Con biết! Ba mẹ thương con bằng tình yêu, bằng một trái tim cháy bỏng và có thể hi sinh cả cuộc đời này cho con. Nhưng có nhiều lúc cô đơn, con tự suy ngẫm về những điều con đã làm cho ba mẹ buồn. Con vô tư nhận tình yêu thương của ba mẹ nhưng có bao giờ con trao tặng ba một nụ hôn, tặng mẹ một cái ôm ấm áp đâu. Con xin lỗi! Có những lúc không nghe lời ba mẹ, tan học về, trời mưa rất to, con như người vô cảm mặc những lời dặn dò chạy theo lũ bạn tắm mưa. Tối về cả người nóng ran, ba mẹ không la mắng mà con cảm nhận được sự lo lắng qua ánh mắt hiền hậu của mẹ, giọng nói yếu ớt của ba. Ba mẹ không giận con, ba mẹ là người đầu tiên trên cõi đời này có thể tha thứ những lỗi lầm khi con vô tình mắc phải. Rồi một ngày con

đã đủ khôn lớn để nhìn ba mẹ cực khổ như thế nào. Mẹ đã trải qua tuổi thanh xuân, vàng trán rộng hằn nếp nhăn. Đôi tay thô ráp, chai sần như chịu đựng cả những sự lam lũ, khó khăn trong cuộc sống. Nhưng mẹ có biết! Đối với con, đôi tay của mẹ đẹp hơn cả những đôi tay khác không? Bằng chính đôi tay ấy, mẹ ân cần là người cô giáo đầu tiên dạy con viết từng con chữ, cũng chính đôi tay ấy mẹ đã nâng đỡ khi con vấp ngã trong tuyệt vọng. Mẹ là bà tiên. Ba là ông tiên khi con nhận ra rằng: “Tình thương của ba đến thật âm thầm!”. Ba à! Con đã nhìn thấy gót chân chai sạn của ba. Gót chân nứt nẻ vì phải gồng gánh, thêm vào đó là đôi vai gầy gầy chịu cả những ánh nắng chói chang của buổi trưa hè, những cơn mưa dầm dãi để đẩy chiếc xe bán hủ tiếu đánh đổi lại những đồng tiền giá trị. Có lúc ba nóng giận, ba say vì mùi rượu, ba mắng cả mẹ và con, nhưng ba đừng lo, con muốn nói với ba rằng: “Con sẽ tha thứ cho ba, bỏ qua những lầm lỗi ba gây ra như ba đã từng tha thứ cho con”.

Ba mẹ là tất cả. Ba mẹ không học thức, ba mẹ không làm nghề có danh giá nhưng đối với con ba mẹ là người thầy, người cô đầu tiên đã dạy cho con những bài học về cuộc sống. Có một câu thơ mà những đứa trẻ như con ai cũng thuộc:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Cách cư xử của con có đôi lúc như nhát dao đâm xuyên vào trái tim ba mẹ. Con ân hận lắm. Nhưng ba mẹ đã cố gắng không trách con mà ba mẹ lại trách chính bản thân mình. Có phải con đã làm ba mẹ buồn chăng? Ba mẹ đã nâng đỡ con, đã cho con biết thế nào là sự nhẫn nại và cho con biết được rất nhiều điều từ cuộc sống này. Để rồi khi một ngày không xa, con lại thấy hình ảnh quen thuộc ngày càng già nua, đôi chân không còn vững vàng bước tiếp cuộc đời cùng con. Nhưng ba mẹ yên tâm hãy để con được tự chăm sóc, yêu thương ba mẹ như những ngày trước kia ba mẹ đã làm cho con. Quyền sở nhật kí giờ đây đã in dấu sự yêu thương, từng ngày ba mẹ cực khổ vì con, sự cho đi và nhận lại từ con những nụ cười, những tấm bằng khen. Đã đến lúc sang trang mới là trang nhật kí của con dành cho ba mẹ.

Lá thư này là cả tình cảm của con dành cho ba mẹ. Là trang nhật kí đầu tiên mà con muốn dành cho ba mẹ. Con cảm thấy thật là hạnh phúc khi có ba mẹ bên cạnh dìu dắt con từng bước đi. Con đã bước vào con đường đầu đời với bao khó khăn trước mắt. Và cách duy nhất để con bày tỏ tình cảm của mình đến với ba mẹ là: “Cảm ơn ba mẹ! Cảm ơn vì đã là ngọn đèn để soi sáng con đường con đi”.

**Bài thi đoạt giải Ba của Nguyễn Lâm Thúy Phượng,
học sinh lớp 7/5, trường THCS Nguyễn Văn Luông,
Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

Vâng, trong suốt cả cuộc đời con cho đến từng tháng năm âm thầm trôi đi, chưa một lần nào con sa chân vào chạm bẫy cuộc đời. Con đã vượt qua một con đường diệu kì để đến với một tương lai xán lạn đang chờ con phía trước và cũng chính cha mẹ là tấm bản đồ đã chỉ lối cho con đứng vững trong từng giấc ngủ say rồi chợt giật mình trong cơn gió thoảng, bóng dáng to lớn của mẹ đã đắm sâu trong kí ức

bé bỏng của con về một người mẹ đã hi sinh từng giấc ngủ dài để rồi kiếm từng đồng từng các để nuôi đứa con yêu dấu của mình nên người mà chưa một lần đòi hỏi con phải trả lại ơn nghĩa sinh thành. Như nhà thơ Piere Antonie đã có câu:

Ngày bố mẹ già đi, con hãy cố gắng kiên nhẫn và hiểu cho bố mẹ!...

... Cách duy nhất còn lại mà bố mẹ muốn cảm ơn con là nụ cười và cả tình thương để lại trong con...

Cha mẹ là thế đấy! Cả một đời bố hay mẹ đều hi sinh để cho con bao lẽ sống tình yêu, cho con biết thế nào là đức độ của một con người. Không gì có thể lớn bằng tình cha, chẳng thứ gì bao la bằng tình mẹ, tình yêu ấy là bất diệt, bất tử trong lòng người con còn cha, còn mẹ để yêu thương che chở. Có lần, tôi đã ước cha là một người bác sĩ nổi danh, hay một vị giáo sư thiên tài hay đại loại có thể là một nhà tri thức. Nhưng cha vẫn thế, cha vẫn chỉ là một người tài xế thấp kém trong lòng mọi người nhưng con lại yêu cha hiện tại hơn, chính cái nghề tài xế ấy đã bao năm nuôi con khôn lớn, dạy con lí lẽ để làm người. Vì thế nếu có ai nói cha thấp hèn, con đều sẽ không suy nghĩ mà đáp ngay lại: “Đấy là người cha vĩ đại của cả cuộc đời tôi”. Còn mẹ, mẹ đã tảo tần sớm khuya rồi đau đớn khi con bệnh vào những ngày trở mùa, cũng giống như bốn câu thơ:

*Đi khắp thế gian không ai tốt bằng mẹ
Gánh nặng cuộc đời không ai khổ bằng cha
Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ
Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha.*

Con yêu cha mẹ nhiều lắm! Con yêu từng sợi tóc bạc trên mái đầu cha, con quý từng nếp nhăn trên mắt hiền của mẹ nhưng con lại sợ cái ngày mà con trưởng thành. Con sợ cha mẹ sẽ bỏ con lại và ra đi, con lại phải tự mình nếm trải mùi vị thơm đậm của đời. Con chỉ muốn được nghe mẹ kể câu chuyện “Ngày xưa ngày xưa” thật du dương đưa con vào giấc ngủ yên bình, con tha thiết để được nghe cha hát những câu ca từ đơn giản của những ngày ấu thơ. Nhưng, giờ con có thêm thuồng đến đâu đi chẳng nữa, khoảnh khắc ngày xưa sẽ chẳng bao giờ quay về trong kỉ niệm tuổi thơ con. Con có thể chăm sóc cho cha, có thể tắm cho mẹ và cũng có thể nhớ hết mọi thứ giúp cha mẹ, con chỉ xin lần nữa hãy để thời gian quay về cái ngày mà con mới bước chân qua cánh cổng trường đầu tiên. Hôm ấy, con đã đứng nép mình trong vòng tay ấm áp của mẹ và khóc rất nhiều, nhưng mẹ chỉ cười dịu dàng và nói âm thầm bên đôi tai bé nhỏ của con: “*Hãy nín lại và đi đi con, tương lai là của con, cuộc đời đang nằm trong tay con đấy và đừng lo lắng bởi vì mẹ luôn bên con*”. Giây phút đã gắn sâu trong tim tôi chính là ngày kỉ niệm ấy, chính là giây phút hạnh phúc nhất trong cả cuộc đời tôi vì tôi đã biết rằng: “*Dù tôi có đi đến đâu, mẹ sẽ luôn dõi theo tôi bằng ánh mắt dịu kì của một người mẹ*”. Rồi năm tháng lặng lẽ trôi đến vô tình, tôi đã dần viết được chữ “mẹ, cha” thật nắn nót trên từng ô li được kẻ sẵn thẳng tắp. Biết bao là niềm vui sướng khi viết từng con chữ hay ấy và cũng biết bao gian khó khi lần đầu tôi mới biết tập, biết viết, nhưng chính cha, mẹ đã cầm tay tôi, rèn luyện cho tôi từng nét chữ, nét người. Thời gian cứ tiếp tục, âm thầm thấm thoát trôi đi để lại bao niềm thương, nỗi nhớ xiết bao trong kí ức bé nhỏ của tôi, dần dần tôi đã viết thành từng câu thơ êm đềm:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha*

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Yêu sao từng câu thơ ấy đã khắc sâu trong tuổi thơ tôi một cảm xúc vô vàn khó tả. Giờ đây, khi đã lớn khôn, thành người, tôi lại được khắc sâu trong tâm hồn về một lá thư của bậc sinh thành gửi cho đứa con yêu dấu của mình. Lá thư viết về sự khẩn xin của cha mẹ dành cho con: “Cha mẹ chỉ xin con hãy để cha mẹ sống cuộc đời còn lại trong yêu thương và nhẫn nại”. Nhưng đối với tôi, tôi sẽ viết rằng: “Cuộc đời con là của cha mẹ, tương lai của con là do cha mẹ tạo nên, bởi lẽ không có lí do gì để con từ chối một cách đường đột cả, cha mẹ yêu quý của con”. Cả đời cha mẹ đã sớm khuya mệt nhọc để cho con sánh bước với đời, với biết bao bạn bè cùng trang lứa nhưng chưa từng một lần cha mẹ than thở với con một điều gì cả. Đó chính là lí do để con yêu cha mẹ còn hơn cả hàng triệu vì tinh tú trên trời cao xanh thẳm kia!

Tôi yêu cha mẹ nhiều lắm! Suốt cuộc đời cha mẹ chỉ có con và cả trái tim con chỉ dành cho bố mẹ. Dù con có lớn đến nhường nào, con vẫn chỉ luôn là đứa con bé nhỏ trong lòng cha mẹ. Cuộc đời con có hay lạc lối nhưng chính cha mẹ đã chỉ đường cho trái tim bé nhỏ của con. Cha mẹ mãi mãi là vàng dương bất diệt mà không một vật nào trên trái đất này có thể thay thế được, và cũng không có gì trên thế gian này nói hết được công ơn của Người. Thật đúng là:

*Ngôn ngữ trần gian là túi rách
Đựng sao đầy hai chữ: Mẹ, Cha!*

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 14 NĂM 2013 KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI KHỐI 8 – 9

Với tài năng quân sự kiệt xuất và những đóng góp vĩ đại cho dân tộc Việt Nam, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được báo chí thế giới ca ngợi là “*vị tướng huyền thoại*”, “*sánh cùng với các vĩ nhân quân sự trong suốt hai nghìn năm qua. Ông là nhân vật vĩ đại của mọi thời đại*”. Nhưng Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì cho rằng: “*Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mỹ. Các ngài gọi tôi là vị tướng huyền thoại, nhưng tôi tự nghĩ tôi bình đẳng với những người lính của mình*”.

Từ những ngữ liệu trên, em hãy rút ra bài học cho thế hệ trẻ hôm nay.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Châu Huệ Mai,
học sinh lớp 9/1, trường THCS Hoàng Lê Kha,
Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

“*Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta, mà hãy hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay...*”.

Những câu hát đó như nhắc nhở chúng ta phải hoàn thành nghĩa vụ công dân đối với đất nước mình. Vì thế khi chiến tranh nổ ra đã có biết bao con người xông pha đi giành độc lập lại cho Tổ quốc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chính là đại biểu cho những con người đáng kính đó. Với tài năng quân sự kiệt xuất và những đóng góp vĩ đại cho quân sự Việt Nam, Đại tướng được báo chí thế giới ca ngợi là “*vị tướng huyền thoại*”, “*sánh cùng các vĩ nhân trong suốt hai nghìn năm qua. Ông là*

nhân vật vĩ đại của mọi thời đại”. Nhưng Bác Giáp thì cho rằng: “*Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mĩ. Các ngài gọi tôi là vị tướng huyền thoại, nhưng tôi tự nghĩ tôi bình đẳng với những người lính của mình*”.

Thời chiến, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một vị tướng nổi tiếng với trận đánh Đông Khê, chiến dịch Điện Biên Phủ, chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn (4 – 1975). Và những chiến dịch đó mang lại thắng lợi cho dân tộc ta. Những trận đánh do Bác chỉ huy luôn luôn là những trận đánh mang tính táo bạo nhưng rất tỉ mỉ khiến các nước Pháp, Mĩ phải e dè khiếp sợ. Bởi Bác luôn cẩn thận thảo luận với các đồng chí, quan sát thật kĩ trận địa trước khi phát lệnh nổ súng. Tất cả những điều đó đã làm nên một ngày 7 – 5 – 1954, lá cờ quyết chiến quyết thắng của nhân dân Việt Nam tung bay trên nóc hầm tướng Đờ Cát, chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Và từ thời khắc đó, những cái tên Việt Nam – Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ – Võ Nguyên Giáp được cả thế giới nhắc đến như biểu tượng của chiến thắng và lòng dũng cảm.

Thời bình Bác Giáp là người cố vấn để cải cách các lĩnh vực: Giáo dục, Quốc phòng, An ninh...

Tất cả các đóng góp, cống hiến của Bác đều đáng để chúng ta ngưỡng mộ. Nhưng ngoài ra ở Bác, vị Đại tướng kính yêu còn là những bài học quý giá cho thế hệ trẻ học tập, noi theo.

Điều đầu tiên theo tôi ở Bác mà chúng ta cần học tập chính là lòng nồng nàn yêu nước. Chỉ có lòng yêu nước, Bác mới không đứng nhìn đất nước trong kiếp nô lệ và quyết định nổi dậy đấu tranh giành lại sự tự do cho đất nước. Thế hệ trẻ chúng ta thì may mắn được sinh ra trong thời bình. Nhưng không vì thế mà chúng ta thôi yêu Tổ quốc. Ta vẫn có thể thể hiện lòng yêu nước qua việc chúng ta cố gắng học tập thật tốt để có thể dùng những kiến thức mà ta đã học để xây dựng phát triển đất nước.

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.*

(Hồ Chí Minh)

Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn là biểu tượng, ý chí của những con người có quyết tâm cao. Những cuộc chiến tranh vì chính nghĩa, vì độc lập luôn đầy khó khăn. Thiếu lương thực, vũ khí quá thô sơ, cuộc sống kham khổ. Thế nhưng Bác và những người lính của mình vẫn vượt qua. Còn chúng ta thì sao? Gặp chút thử thách của cuộc đời đã buông xuôi, đầu hàng số phận. Một số bạn trẻ hiện nay thường đổ lỗi cho đồ vỡ của gia đình, thất bại trong học tập dễ ngụy biện khi sa đà vào hút chích, nghiện ngập. Các bạn có sống trong đói khổ chưa? Có sống trong những nơi rừng sâu núi thẳm chưa?... Tất cả đều chưa. Nhưng chỉ là những khó khăn nhỏ đã oán trách cuộc đời. Nên nhớ lúc cuộc sống vây quanh ta nhiều thử thách nhất chính là lúc cuộc sống ưu ái ta nhất. Nó muốn ta hiểu được ta sẽ học được rất nhiều bài học từ những thử thách đó.

Lí tưởng sống cao đẹp và lòng can đảm là hai điều mà thanh niên chúng ta phải học tập Bác Giáp. Bác luôn lấy hình ảnh tự do của đất nước làm mục tiêu, làm động lực. Chính những lí tưởng đó đã giúp đất nước ta đại thắng và giành lại độc lập vào chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng Sài Gòn (4 – 1975). Song song đó, Bác cũng trang bị lòng can đảm cho mình. Vì không có lòng can đảm thì thực sự đến ngày hôm

nay đất nước ta vẫn chịu kiếp nô lệ. Thanh niên ta càng cần lí tưởng sống và lòng can đảm hơn ai hết. Vì thanh niên chính là những chủ nhân tương lai của đất nước sau này. Nếu một đất nước mà những con người sống ở đó sống một cách buông thả, không có mục đích sống, sống nhút nhát, không can đảm thoát khỏi vỏ bọc của mình thì liệu đất nước đó có phát triển không? Hãy chứng tỏ thanh niên Việt Nam là những mầm non đầy nhiệt huyết, ý tưởng sống, luôn trang bị lòng can đảm. Hãy để cho các nước bạn biết rằng Việt Nam chúng ta sau này sẽ được làm chủ bởi những con người luôn dám đương đầu với khó khăn.

Và điều cuối cùng ở Bác, vị Đại tướng tài ba đáng ngưỡng mộ nhất chính là sự khiêm tốn và lòng yêu thương. Bác không cho rằng mình là vị tướng huyền thoại, không cho rằng mình đánh đuổi Mĩ mà là cả nhân dân Việt Nam. Bác khiêm tốn và đề cao sức mạnh tập thể của toàn dân. Bác giúp chúng ta hiểu rằng “một cánh én nhỏ không thể làm nên mùa xuân”. Bác không tự cao, Bác cho rằng mình bình đẳng với những người khác. Sự khiêm tốn của Bác nhận được rất nhiều tình yêu thương từ nhân dân. Thanh niên như chúng ta dường như bị thời đại ngày nay cuốn hút đi quá nhanh. Việc rèn luyện tính khiêm tốn, ý thức sức mạnh tập thể và lòng yêu thương ngày càng cần thiết. Khi ngày nay giới trẻ càng ngày càng mang thêm tính tự cao, sống riêng lẻ và đặc biệt là căn bệnh vô cảm. Đất nước trong thời đại công nghiệp hóa, rô bốt được sản xuất mang những đặc tính giống con người càng nhiều nhưng con người chúng ta càng ngày càng rô bốt hóa. Không biết yêu thương, đứng đưng trước những khó khăn của người khác, chà đạp, đánh giá thấp người khác. Thử hỏi ai cũng như thế thì ai dám đầu tư vào đất nước Việt Nam nữa. Bởi không ai muốn phải làm việc với những người có tài năng nhưng quá kém nhân cách.

Thanh niên chúng ta hãy học tập Bác – Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Vì Bác chính là hiện thân của những tinh hoa dân tộc. Học tập Bác để sau này dùng những phẩm chất từ bản thân đã học của Bác để phát triển đất nước.

Nhưng hiện tại bây giờ đây, Bác Giáp đã mãi mãi ra đi ở tuổi 103. Cả không khí đau thương mất mát bao trùm lên đất nước Việt Nam. Toàn dân dù biết Bác đã sống rất thọ nhưng sao vẫn nghe trong lòng đau nhói:

*Mùa thu lạnh lẽo lá vàng rơi
Cả nước tiếc thương tiễn một Người
Tài đức của Người cao hơn núi
Tâm lòng thương dân sánh biển khơi.*

(Cảm xúc trong một đêm thu nước Đức – Bích Hường)

Bác đã biết bao lần ra đi nhưng lần này là khác. Không phải ra đi xông pha chiến trận, không phải ra đi khảo sát đời sống nhân dân mà là sự ra đi về cõi vĩnh hằng. Sự ra đi mà khiến hàng chục triệu trái tim người Việt Nam thổn thức. Nhưng sự ra đi của Bác không phải là dấu chấm hết cho hình ảnh một vị tướng anh hùng. Mà đây chỉ là sự ra đi về thể xác, còn tâm hồn và trái tim của Bác mãi mãi ở lại. Bác Giáp ở lại như một sự hiện diện để xem những bàn tay tuổi trẻ đổi mới đất nước. Bác ở lại để nhân dân ta hiểu Bác vẫn luôn là người Việt Nam, không bao giờ rời xa mảnh đất thân thương này. Phải chăng sự ra đi của Bác Giáp chỉ là về thiên đàng? Có chăng cũng chỉ là:

*Có những phút làm nên lịch sử
Có cái chết hóa thành bất tử.*

(Hãy nhớ lấy lời tôi – Tô Hữu)

Dẫu biết với ngòi bút nhỏ bé của mình vẫn không thể kể hết những chiến công, những phẩm chất cao đẹp đáng để giới trẻ học tập của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhưng với tình cảm, sự kính trọng tôi vẫn viết. Và thanh niên Việt Nam ơi đừng phụ lòng mong đợi của Bác. Hãy cố gắng học tập thật tốt để tương lai có thể xây dựng và phát triển đất nước. Ở một nơi nào đó, vị Đại tướng kính yêu luôn theo dõi chúng ta:

*Người ơi! Thôi thế cũng vừa xong
Với dân với nước đã hết lòng
Mùa thu lặng lẽ vòng tạo hóa
Đại tướng! Ngàn thu ru giấc người.*

(Cảm xúc trong một đêm thu nước Đức – Bích Hương)

Đặc biệt chúng ta hãy sống, sống sao để như Bác, về với cõi vĩnh hằng một cách thanh thản.

**Bài thi đoạt giải Nhì của Nguyễn Thục Huyền,
học sinh lớp 9/4, trường THCS Đồng Khởi,
Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Có những âm thanh rất nhỏ đến dường như âm lặng, nhưng lại vang đi rất xa và tạo nên nhiều tiếng vang. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng vậy. Ông đóng góp hết sức và khả năng của mình vì nước nhà, vì hai chữ “độc lập” và “tự do”. Có một đôi mắt nhìn xa trông rộng, một trái tim yêu nước nồng nàn và lòng dũng cảm. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được báo chí thế giới ca ngợi là “*vị tướng huyền thoại*”, “*sánh cùng các vĩ nhân trong suốt hai nghìn năm qua. Ông là nhân vật vĩ đại của mọi thời đại*”. Vì thế tấm gương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vang mãi đến ngày nay. Thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay thật may mắn khi có những tấm gương sáng ngời như Đại tướng. Qua đó – chúng ta là những thế hệ trẻ tương lai của đất nước phải rèn luyện mình, phải dũng cảm, khiêm tốn và đặc biệt phải có một lòng yêu nước sâu đậm như Đại tướng.

Thật vui khi thế hệ trẻ hôm nay đã và đang làm theo tấm gương của Đại tướng. Nhưng tấm gương của Đại tướng đã rút ra bài học gì cho thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay và mai sau? Đó là bài học về lòng dũng cảm, sự hi sinh thầm lặng mà to lớn, sự thông minh sắc bén, sự khiêm nhường, đặc biệt, đó là lòng yêu nước. Bởi thế, thế hệ trẻ hôm nay phải học tập rất nhiều từ Đại tướng. Đầu tiên chúng ta phải có lòng yêu nước, vì lòng yêu nước chính là thứ tất yếu mà ta phải có. I-li-a Ê-ren-bua có nói: *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm trở nên lòng yêu Tổ quốc*. Từ tình yêu bé nhỏ trong ngôi nhà của mình, rộng hơn nữa là tình yêu làng xóm, quê hương, cuối cùng, những điều ấy góp lại, ta đã yêu đất nước, Tổ quốc của mình. Phải có lòng yêu đất nước thì ta mới có thể đóng góp sức mình vào sự nghiệp chung của đất nước được. Lòng yêu nước thúc đẩy, nâng đỡ ta, nó chính là động lực để ta chiến đấu vì nước nhà như các anh hùng, các thương binh liệt sĩ đã ngã xuống, nhưng để lại nhiều chiến công vang dội. Từ đó, ta thấy rằng bài học “yêu nước” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thật ý nghĩa. Nó giúp cho thế hệ trẻ Việt Nam chúng ta rất nhiều.

Bài học thứ hai, đó là sự khiêm nhường, khiêm tốn. Khiêm nhường là một đức tính quý báu của con người, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay. Đức Phật đã từng nói: *Khiêm tốn chính là đức tính quý báu nhất của con người*. Khiêm tốn giúp ta nhận ra được ưu, khuyết điểm của bản thân mà khắc phục. Như Đại tướng Võ Nguyên Giáp

đã nói: “Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mĩ. Các ngài gọi tôi là vị tướng huyền thoại, nhưng tôi tự nghĩ tôi bình đẳng với những người lính của mình”. Thật khiêm tốn, là Đại tướng đầu tiên của Việt Nam, mà ông chỉ xem mình là bình đẳng với người lính, thật đáng khâm phục! Qua đó, ta thấy rằng lòng khiêm tốn, khiêm nhường giúp cho ta rất nhiều trong cuộc sống được mọi người kính trọng như Đại tướng.

Bài học thứ ba đó là lòng dũng cảm. Có lẽ lòng dũng cảm là thứ vũ khí giúp dân và quân ta đánh bại kẻ thù xâm lược. Nếu chỉ có lòng yêu nước, sự thông minh mà không có lòng dũng cảm thì ta có dám thực hiện những điều mà ta cần làm không? Dũng cảm học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Dũng cảm là vũ khí giúp ta đánh bại được nỗi sợ hãi, sự yếu hèn. Nó giúp ta chống lại những thế lực xấu xa. Bác Hồ đã từng nói: *Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm*. Trong năm điều Bác Hồ dạy có điều dũng cảm, bởi thế dũng cảm là điều mà người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ phải rèn luyện được đức tính dũng cảm ấy.

Qua ba bài học trên, ta thấy được rằng thật hạnh phúc khi tấm gương Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đúc kết thành những bài học vô cùng bổ ích. Tuy nhiên, không chỉ có thế, còn rất nhiều điều mà chúng ta phải học tập từ Đại tướng kính yêu của chúng ta. Thế hệ trẻ hôm nay sẽ noi gương, học tập và làm theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Thật đáng buồn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ra đi mãi mãi, để lại bao niềm thương tiếc cho dân tộc cả nước. Tuy nhiên, tấm gương của Đại tướng sẽ luôn sáng mãi trong thời gian và trong trái tim của mỗi người con Việt. Và thế hệ trẻ hôm nay sẽ học và làm theo tấm gương của Đại tướng, và không những thế, ta còn phải rèn luyện những đức tính tốt đẹp của Đại tướng. Sau này, khi trở thành một người công dân tốt, tôi sẽ khoe với bạn bè năm châu rằng: “Tôi đã học tập và làm theo tấm gương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Đại tướng đầu tiên của Việt Nam”.

**Bài thi đoạt giải Ba của Cao Trần Đoàn Nghi,
học sinh lớp 9B5, trường THCS Nguyễn Văn Tố,
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Một buổi sáng đầu đông, cái se lạnh hòa vào khí trời tinh khôi, ôm lấy những giọt sương trong veo lăn trên tán lá. Ánh nắng vàng ấm áp rơi nhẹ trên từng ngõ ngách phố xá Sài Gòn. Bên tai tôi là tiếng người xe nhộn nhịp, trong mắt tôi là nụ cười rạng rỡ trên môi trẻ thơ. Như bao ngày, Sài Gòn tôi yêu vẫn ngập tràn sức sống. Tháng mười này, không ít thì nhiều, ta nên dành một khoảng lặng để tưởng nhớ một vĩ nhân của dân tộc, một vị tướng thuyền thoại – Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Từ nay, ta chỉ còn được nhớ đến Đại tướng qua những câu chuyện, phim ảnh và tư liệu quý giá. Người đã để lại cho thế hệ trẻ mai sau vô vàn kính yêu và những bài học về nhân cách.

Chúng ta hôm nay được sống trong thời hòa bình và hạnh phúc. Đã qua cái thời chiến chinh và loạn lạc, thời ước mơ của muôn người là một, là độc lập và giải phóng. Cùng là người Việt, cùng chịu áp bức hà khắc phi lí của giặc trên quê hương mình, cùng lớn lên bằng lí tưởng cách mạng rằng nhất định phải độc lập và bằng mọi giá phải giành được độc lập, nhưng Đại tướng đã đứng lên với lòng yêu nước mãnh

liệt, với tài năng kiệt xuất và những đóng góp vĩ đại cho dân tộc Việt thay cho những kẻ chỉ biết cam chịu và tránh né nhiệm vụ với quê hương. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được báo chí thế giới ca ngợi là “*vị tướng huyền thoại*”, “*sánh cùng các vĩ nhân trong suốt hai nghìn năm qua. Ông là nhân vật vĩ đại của mọi thời đại*”. Sau tất cả những chiến công lẫy lừng mà ông đã làm cho đất nước, Đại tướng được nhắc đến như một biểu tượng của lòng dũng cảm và chiến thắng.

Đại tướng cho rằng: “*Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mĩ. Các ngài gọi tôi là vị tướng huyền thoại, nhưng tôi tự nghĩ tôi bình đẳng với những người lính của mình*”. Bởi câu nói mộc mạc và thân thương ấy, nhà báo Trần Đăng Khoa đã viết rằng ông gọi Đại tướng của chúng ta là “*Tướng Giáp*” cũng như gọi Bác Hồ là “*Cụ Hồ*” không phải có ý bất kính mà nhân dân nhắc đến Tướng Giáp với đầy lòng biết ơn sâu sắc và tự hào dân tộc, một người thầy cách mạng, một người cha kính yêu và thân thương của một dân tộc anh hùng. Đại tướng là người chèo lái cho con thuyền cách mạng nung nấu ý chí dân tộc, đưa Việt Nam đến với con đường của độc lập, tự do và hạnh phúc. Thế nhưng sau tất cả những gì mình cống hiến, Đại tướng khiêm nhường trước sự tôn vinh của nhân loại rằng: “*Tôi bình đẳng với những người lính của mình*”. Cùng chiến đấu và nhìn đồng đội mình ngã xuống, ông không cho phép mình quên đi công sức hi sinh, nghĩa cử cao đẹp của những người lính Việt, ông tôn trọng tất cả mồ hôi, xương máu mà bao đồng chí đã bỏ lại trên chiến trường. Một cánh én nhỏ không làm nên mùa xuân. Một giọt nước không làm nên đại dương mênh mông. Và ông cho rằng một vị tướng cũng không làm nên chiến thắng nếu anh chỉ có một mình. Ví như không có tài thao lược của Đại tướng, dân tộc Việt Nam có yên ấm an vui được như ngày hôm nay? Và ví như không có sự chung sức đồng lòng của hàng ngàn đôi tay khối óc và trái tim ấy, liệu vị tướng nào sẽ kham nổi trọng trách với quê hương. Một trong một triệu con người, một trong một trăm nhân tài kiệt xuất, với lối sống và tâm hồn cao đẹp của mình, ông đã trở thành vĩ nhân trong tim mỗi chúng ta theo một cách nào đó.

Giới trẻ hôm nay – những người biết ơn sâu sắc đến Đại tướng bằng cả tấm lòng. Với tài năng kiệt xuất ấy, ông hoàn toàn có thể chọn cho mình một con đường hạnh phúc, an nhàn. Nhưng với một người con mang trong mình lòng căm phẫn giặc Mĩ, sống với lí tưởng cách mạng cao đẹp ấy, ông không cho phép mình nhìn mồ hôi và nước mắt đồng bào rơi mà tìm cho mình một con đường an nhàn sung sướng. Người sống mà chỉ biết vì mình, tòa án lương tâm ngự trị trong mỗi chúng ta sẽ trở nên day dứt lắm. Các bạn trẻ hãy dành chút thời gian để nghĩ: *Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành phần ai (Một đời người, một rừng cây – Trần Long Ẩn)*.

Hãy biết ơn cha ông ta – những đóa hoa sáng ngời và thơm ngát giữa cuộc sống. Cùng là người, tại sao ta sinh ra không phải để làm việc lớn? Hãy trân trọng từng phút giây mình được sống. Hãy tự hào rằng dân tộc Việt Nam đã có những vĩ nhân gần gũi và gắn bó với đồng bào như thế. Bác Hồ và Tướng Giáp của chúng ta, họ luôn xem mình bình đẳng với mọi người. Chỉ tính riêng lối sống ấy thôi, họ cũng xứng là vĩ nhân rồi. Giới trẻ hôm nay đáng ngại nhất là cái tôi quá lớn. Chỉ dựa vào một chút thành công nhỏ nhặt mà tự mãn với khả năng của mình. Sống mà lúc nào cũng tự tin rằng tôi đang đứng trên hàng vạn người thì há chẳng phải khi ngã xuống sẽ đau lắm hay sao? Hãy biết khiêm nhường và tôn trọng mọi người, đừng để cái tôi trở nên quá lớn vì đằng sau thành công ta gặt hái được, chắc chắn sẽ có công ơn của

rất nhiều người, bởi lẽ: *Một cánh én nhỏ chẳng làm nên mùa xuân*. Mùa xuân thật sự là khi ta thấy mình sống xứng đáng, sống đẹp và sống trọn vẹn. Cuộc đời cũng giống như một cuốn sách. Hãy sống ý nghĩa từng trang vì ta chỉ sống được có một lần trong đời mà thôi!

Có được an vui như hôm nay, giới trẻ phải tự hào và phát huy tinh thần cha anh bằng những hành động và việc làm thiết thực. Đại tướng đã ra đi nhưng hình ảnh Người vẫn còn đọng mãi trong tâm hồn mỗi chúng ta. Người để lại vô vàn những bài học ý nghĩa. Nếu ta sống và làm việc có chủ đích tốt đẹp và lí tưởng, lòng quyết tâm, hợp sức cùng nhau thực hiện nó thì nhất định sẽ thành công. Hãy khắc ghi trong lòng hình ảnh của Đại tướng cùng những bài học quý báu từ Người.

Người ta mở nhiều lớp kĩ năng sống, vậy tại sao không mở lớp học chết? Khi cánh cửa quan tài khép lại, cảm nhận bóng tối tràn ngập, con người nhận ra từng khoảnh khắc được sống mới giá trị làm sao. Trong suốt thời gian qua ta đã sống hay chỉ tồn tại? Còn quyết định nào ta chần chừ mãi? Còn ước mơ nào ta chưa thực hiện xong? Hãy sống cho thật xứng đáng với công ơn cha ông mình. Các bạn trẻ ơi! Cùng sống để không phải hối tiếc từng giây nhé!

**Bài thi đoạt giải Ba của Lưu Ngọc Huyền Trân,
học sinh lớp 8/6, trường THCS Tùng Thiện Vương,
Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh**

BÀI LÀM

Dòng sông mang tên “Thời gian” cứ lặng lẽ trôi, để lại những chiến tích lịch sử âm vang mãi trong lòng thế hệ trẻ hôm nay. Đại tướng Võ Nguyên Giáp – người sống mãi trong sự biết ơn của Tổ quốc Việt Nam, khắc tên mình vào hào hùng chiến thắng Điện Biên Phủ, là một tấm gương sáng chói về tinh thần cống hiến sức mình cho đất nước, sống khiêm nhường và không tự nêu cao bản thân, dù tài năng của Đại tướng được cả thế giới công nhận. Vậy thì, thế hệ trẻ hôm nay có rút ra được bài học gì ở Người? Đó chính là tâm lòng yêu nước và lối sống giản dị, khiêm tốn, đóng góp sức mình cho Tổ quốc Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam ta đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử, hết lòng cống hiến thân mình giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc thân yêu từ tay hàng trăm kẻ thù xâm lược. Tinh thần yêu nước trong lòng từng thế hệ từ đó được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Vì thế, thế hệ trẻ hôm nay cũng phải nhận một phần trách nhiệm là tiếp bước cha ông xây dựng đất nước. *Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*. Bác Hồ kính yêu đã từng khuyên bảo thế hệ trẻ như thế. Và trong câu nói đó, Bác đã truyền bảo tinh thần yêu nước cho nhân dân, để với sức mạnh kì diệu đó, cộng hưởng với tinh thần Điện Biên Phủ lẫy lừng, thế hệ trẻ ngày ấy đã giành lại Tổ quốc từ tay kẻ thù. Và với đà đi lên ấy, thế hệ trẻ hôm nay phải biết phát huy tinh thần cao cả, đáng được trân quý ấy, và gắng sức thi đua xây dựng đất nước tiến bộ. Song, nếu chỉ vì một ít đóng góp thành công cho xã hội, mà lại tự đề cao giá trị bản thân mình thì quả thật là không đáng để ca ngợi. Ta – một sinh vật hết sức nhỏ bé, cùng nhau sinh sống trên hành tinh này. Ta chỉ là một trong hơn bảy tỉ phần tử, một trong hàng chục tỉ sinh linh đang tồn tại trên Trái Đất. Như một hạt cát bé xíu trong sa mạc bao la, mà ta lại ngạo mạn xưng danh bản thân mình thì cả nhân loại này, ai cũng cam tâm chịu thua hay sao? Ta giỏi thì còn có

người giỏi hơn, do đó không thể nào việc tự đề cao bản thân được mọi người hoan nghênh cả.

Lòng yêu nước, công hiến sức mình cho Tổ quốc và lối sống khiêm nhường luôn đi đôi với nhau, chúng giúp ta trưởng thành và được coi trọng. Minh chứng hết sức cụ thể là vị anh hùng dân tộc được cả Tổ quốc ghi công – Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đại tướng hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng, cho sự nghiệp toàn dân, là cánh tay phải đắc lực cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại tướng đã xuất sắc lãnh đạo toàn dân và giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ hào hùng, đi vào lịch sử dân tộc. Bác Võ Nguyên Giáp từ đó được cả thế giới nhắc đến như một biểu tượng của chiến thắng và lòng dũng cảm. Tất cả đều xuất phát từ tinh thần đấu tranh vì đất nước, vì sự độc lập của dân tộc. Đại tướng đã để lại trong lòng nhân dân hình ảnh của một “*vị tướng huyền thoại*”, “*sánh cùng các vĩ nhân trong suốt hai nghìn năm qua. Ông là nhân vật vĩ đại của mọi thời đại*”. Và được công nhận là một trong mười ba vị tướng giỏi nhất trong mọi thời đại. Công lao to lớn được ghi nhận như thế nhưng Đại tướng cho rằng: “*Vị tướng dù có công lao lớn đến đâu cũng chỉ là một giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mĩ. Các ngài gọi tôi là vị tướng huyền thoại, nhưng tôi tự nghĩ tôi bình đẳng với những người lính của mình*”. Mặc dù giỏi nhưng ông vẫn chỉ nhận mình là một giọt nước giữa đại dương bao la, tự sánh mình là một vị tướng nhưng hoàn toàn bình đẳng với người lính của mình. Đại tướng dù đã ra đi nhưng công lao to lớn và hình ảnh của Người vẫn lắng đọng mãi trong tâm hồn nhân dân, như một sự biết ơn sâu sắc và là anh hùng lịch sử dân tộc. Bác Võ Nguyên Giáp đã để lại sự nuối tiếc cho thế hệ ngày nay và một bài học về sự hết sức vì Tổ quốc, công hiến cho đất nước cả quãng đường đời, một vị tướng không bao giờ tự nhận công lao của mình mà là của cả dân tộc, một vị tướng xuất sắc trong lịch sử thế giới, một vị tướng đi vào huyền thoại đất nước Việt Nam. Một minh chứng cụ thể cho tinh thần yêu nước, gắng sức vì toàn dân nữa là một tấm gương mà có lẽ, ai ai mang trong mình dòng máu Việt Nam đều biết. Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác đã bôn ba khắp nơi, chạy theo tiếng gọi của tình yêu Tổ quốc để cứu nước bằng con đường tiến bộ. Bác lãnh đạo toàn dân chiến đấu bằng tất cả lòng yêu nước, hết lòng vì dân. Ấy thế, nhưng chưa bao giờ Bác lại tự ca ngợi bản thân mình, mà trái lại, còn sống một cuộc sống vô cùng giản dị, khiêm nhường. Bác bảo rằng, đất nước đang trong thời kì chiến tranh, còn rất cực khổ cho đời sống nhân dân, bản thân ở cương vị Chủ tịch nước, Bác phải san sẻ bớt nỗi khó khăn này. Quả là một vị anh hùng vĩ đại.

Thế hệ cha ông đi trước đã làm tròn bổn phận. Vậy thì, thế hệ trẻ hôm nay phải mang trách nhiệm gì? Đó là phải tồn tại trong mình tinh thần yêu nước, gắng sức học tập xây dựng nước nhà, ra sức thi đua phấn đấu để thế hệ trẻ ngày nay xứng danh là mầm non tương lai của đất nước. Đồng thời, đó cũng là những hành động thể hiện sự biết ơn sâu sắc đến thế hệ đi trước – những người đã đổ biết bao mồ hôi, xương máu để tạo nên nền tảng vững vàng cho con cháu cùng nhau xây dựng đất nước.

Dòng đời là một bản tình ca muôn thuở kéo dài bất tận. Những thế hệ tuổi trẻ mai sau là người nghệ sĩ gầy nên các nốt nhạc kì diệu. Hãy sống sao cho xứng đáng với công lao to lớn của người đi trước, xây dựng đất nước mai sau. Riêng bản thân tôi cũng gắng sức học tập, để tương lai đóng góp vào sự trưởng thành của đất nước và chính cả bản thân mình.

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 14 NĂM 2017
KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

Hãy viết về: *Sắc màu thành phố tôi yêu.*

Bài thi đoạt giải Nhất của Lê Hà Tường Vy,
học sinh lớp 6A3, trường THCS Hoa Lư,
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

*Tôi thấy một Sài Gòn màu xanh
Qua hàng cây nghiêng mình trong gió
Tôi thấy một Sài Gòn màu nâu
Qua chiếc áo sơ mi đã sờn vai của bác thợ hồ.*

Tôi thấy một Sài Gòn vàng rực nắng sớm... một Sài Gòn rực rỡ trong đêm...
Vậy...

Sài Gòn ơi! Sài Gòn màu gì?

Sài Gòn là một màu vàng bóng loáng. Người ta thường bảo màu vàng thời thượng, màu vàng là màu của vua chúa, mang một vẻ quyền quý, cao sang. Sài Gòn màu vàng mang trong mình sự cao ngạo và hào nhoáng, Sài Gòn cao ngạo lắm. Cao ngạo bởi nét thanh thoát của cô thiếu nữ mới lớn trong tà áo dài, cao ngạo bởi những chiếc túi xách hàng trăm triệu. Sài Gòn cao ngạo bởi những tòa cao ốc hiên ngang đứng giữa một đô thị sầm uất mà chẳng tỏ chút gì e thẹn khi nhiều người ngoái nhìn. Hay đơn giản, cao ngạo bởi hai tiếng “Sài Gòn”. Lạ lắm, người Sài Gòn như lúc nào cũng mang trong mình một niềm tự hào, tự hào bởi cái danh xưng “người Sài Gòn”. Người Sài Gòn phóng khoáng và dễ gần. Họ có thể mang một đôi giày hàng triệu, chiếc đồng hồ họ đeo đôi khi cả hàng trăm triệu nhưng cũng thật bình thường khi thấy họ có thể ngồi bệt hàng giờ tán gẫu với cô bán xôi đầu ngõ hay dẫn cụ bà qua đường. Ôi! Sài Gòn tôi, cao ngạo nhưng cũng thật dễ mến.

Sài Gòn – một màu nâu đời thường. Sài Gòn sang trọng bóng loáng nhưng cũng thật bình dị, chân chất. Chẳng ai biết vì sao, từ khi nào những món ăn vỉa hè đã trở thành một phần không thể thiếu khi nhắc đến vùng đất này. Sài Gòn lạ quá, những tô hủ tiếu, cái bánh cuốn lề đường lại hấp dẫn người dân ở đây hơn cả. Đài Thành phố ngày càng phát triển, thật dễ dàng để kiếm được một nhà hàng sang trọng nhưng chẳng hiểu vì sao, những hàng quán vỉa hè vẫn mãi tồn tại dọc theo các tuyến đường trong lòng thành phố. Sài Gòn lạ quá, món rau muống xào bình dân cũng có thể góp mặt trong thực đơn của một nhà hàng “năm sao”, Sài Gòn thật lạ quá...

Nhiều người nói Sài Gòn nghĩa tình, Sài Gòn dễ sống, có lẽ vì thế nên mảnh đất Sài Thành này trở thành một nơi “đất lành chim đậu”. Nhiều người từ mọi miền đất nước tìm đến đây để an cư lập nghiệp nên thật dễ dàng để nghe được một tiếng rao hàng miền Trung lạnh lốt trong một khu chợ tại thành phố này hay một giọng miền Bắc đặc trưng ẩn trong vô số những âm thanh hỗn độn của Sài Gòn. Sài Gòn hiền hòa, hiếu khách lắm! Chỉ cần bạn sông dung hòa, con người nơi đây sẵn sàng xem bạn là công dân Sài Gòn và thành phố này sẽ ôm bạn vào lòng như một đứa trẻ con của Sài Gòn. Nên ở Sài Gòn, không có người Trung, người Bắc hay Nam, chỉ có những “người Sài Gòn” với nhau thôi. Tôi thấy một màu cam ấm áp...

Nếu hỏi tôi Sài Gòn màu gì, có lẽ tôi không thể trả lời được một màu sắc cụ thể được, chỉ biết Sài Gòn là một bức tranh được kết hợp hoàn hảo từ những màu sắc làm nên cái chất Sài Gòn rất riêng mà không lẫn vào đâu được. Và tôi gọi đó là “màu Sài Gòn”. “Màu Sài Gòn” – màu sắc đã nằm sâu trong tiềm thức của con người chốn này và riêng bản thân tôi.

**GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 4 NĂM 2007
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7**

Phải làm gì để giữ gìn cho đất nước luôn “xanh – sạch – đẹp”.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Liễu Thảo Nguyễn,
học sinh lớp 7/4, trường THCS Lí Tự Trọng,
Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**

BÀI LÀM

Hiện nay, tất cả mọi người đều đang hưởng ứng nếp sống văn minh, lịch sự ở mọi lúc, mọi nơi và đặc biệt là ở những nơi công cộng. Thế nhưng trong cuộc sống của chúng ta vẫn có những người không biết giữ vệ sinh nơi mình đang sinh sống mà hiện tượng phổ biến nhất là vứt rác bừa bãi ra ngoài đường phố và những nơi công cộng. Theo em đó là một việc làm sai trái và cũng là một vấn đề nan giải mà mọi người cần phải biết giải quyết sao cho hợp lý để giữ gìn cho đất nước luôn “xanh – sạch – đẹp”.

Đầu tiên chúng ta cần phải biết “rác” là gì? Thật đơn giản nếu như chúng ta chỉ biết rác là những thứ bỏ đi. Nhưng sự thật thì rác là sản phẩm dư thừa của con người, có loại thì có thể tái chế nhưng có loại thì không thể nào tái chế sử dụng lại được, có loại rất độc hại nên ta phải vứt nó đi. Vứt vào đâu? Thật dễ dàng khi ta đi tới thùng rác và bỏ nó vào, thế mà vẫn có những người vứt rác bừa bãi ra ngoài đường phố hay những nơi công cộng.

Sự thật là như thế. Đặc biệt là những bạn học sinh. Các bạn đã được học về tác hại của rác thải vậy mà một số bạn vẫn vô tư vứt rác. Đường phố đang sạch sẽ như thế, sân trường vừa mới quét xong mà các bạn vứt rác xuống thì thật không lịch sự chút nào. Các bạn hãy thử tưởng tượng xem, trong màu áo trắng học trò, chiếc khăn quàng đỏ thắm trên vai mà lại không có ý thức giữ gìn vệ sinh nơi đô thị thì mọi người sẽ nhìn các bạn với ánh mắt thế nào? Như thế là không tốt.

Không chỉ có mỗi học sinh mà còn rất nhiều người vô ý thức khác. Căn nhà đang sạch bong: gạt tàn thuốc rơi vung vãi. Đường phố đang sạch sẽ: một thau nước từ đâu dội ra và tệt hơn là văng trúng cả người đi đường. Ngồi trên xe buýt cao, vứt một bịch nước xuống chẳng may ngay một bạn học sinh thế thì còn gì là vệ sinh đô thị.

Đây là chưa kể đến tác hại của rác là bao bì ni lông. Chắc hẳn các bạn đều biết đến sự ghê gớm của bao bì ni lông thông qua những bài học Ngữ văn trong chương trình. Bao bì ni lông là một thứ rác không phân hủy vì có chứa plat-xtíc. Chôn xuống đất làm cho cây không mọc được, vứt xuống ao khi cá ăn sẽ chết, vứt xuống cống rãnh làm ghẹt cống, nước đọng sinh ra lăng quăng gây bệnh. Đặc biệt là trong bao bì ni lông màu có chứa chì, ca-đi-mi có thể gây ra bệnh ung thư phổi. Bao nhiêu đó thôi cũng đủ cho ta thấy rác thải là bao bì ni lông có tác hại ghê gớm như thế nào.

Một thứ rác nguy hiểm khác là kim tiêm, nếu vứt bừa bãi làm cho người khác giẫm phải thì cũng có thể gây ra những căn bệnh chết người như HIV.

Và còn rất nhiều loại rác khác nếu vứt bừa bãi sẽ có thể gây ra hậu quả khôn lường. Mọi người thường coi bờ sông, công rãnh, ao hồ, kênh rạch... là những “bãi rác công cộng” mà không có ý thức giữ gìn. Hiện nay, ở thành phố Hồ Chí Minh có kênh Nhiêu Lộc bị ô nhiễm nặng do người dân vứt rác bừa bãi xuống gây mùi hôi thối, và muỗi, vắt trú ẩn rất nhiều. Có bao giờ chúng ta vứt rác ra đường mà nghĩ đến tác hại của nó chưa? Hãy tưởng tượng xem nếu mỗi người chúng ta đều không có ý thức, đều vứt rác bừa bãi thì Trái Đất sẽ như thế nào? Chắc hẳn, trong một thời gian mọi người sẽ không khỏe mạnh nữa mà mắc phải đủ thứ chứng bệnh. Nhưng đó chỉ là tưởng tượng mà thôi.

Thực tế, ở Singapo việc bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp là một vấn đề rất quan trọng. Ở đâu cũng có những thùng rác. Và chính phủ cũng quy định sẽ phạt tiền nếu ai đó vứt rác bừa bãi ra đường phố. Theo em đất nước ta cũng nên làm như thế để khắc phục tình trạng vứt rác bừa bãi, bảo vệ môi trường.

Môi trường rất quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người. Và rác thải cũng liên quan đến môi trường. Nếu mỗi người chúng ta đều có ý thức, đều bỏ rác đúng nơi quy định thì môi trường sẽ trong lành, sạch đẹp, cuộc sống sẽ an toàn và thoải mái hơn. Hiện nay, mọi người đang cố gắng chế tạo ra “cái thùng rác đa năng”, có thể phân loại rác và điều đó đã thành công. Rác có thể được phân loại một cách rõ ràng giúp cho việc tái chế dễ dàng hơn.

Thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng là điều rất quan trọng đối với mỗi người. Đặc biệt là không nên vứt rác bừa bãi ra ngoài đường hoặc nơi công cộng. Nếu mỗi người đều có ý thức giữ gìn vệ sinh đường phố thì môi trường sẽ luôn trong lành, sạch đẹp, cuộc sống sẽ tươi đẹp hơn, mọi người đều mạnh khỏe.

“Hãy hưởng ứng nếp sống văn minh vì một môi trường xanh – sạch – đẹp. Vì một thế giới ngày mai; và vì tương lai của chúng ta!”.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Huỳnh Ngọc Yến Hương,
học sinh lớp 7C, trường THCS Đông Hồ II,
Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang**

BÀI LÀM

Có lẽ trên khắp đất nước Việt Nam, không có ngôi trường nào mà không có mục tiêu để xây dựng “trường” mình phát triển cả. Song đối với ngôi trường mà tôi đã và đang theo học cũng vậy “Trường Trung Học Cơ Sở Đông Hồ II”. Trường đã đặt ra nhiều kế hoạch để thực hiện, để muốn nói rằng: “Trường này không thua kém ai đâu?”. Và việc xây dựng “Trường xanh – sạch – đẹp” cũng vậy!

“Trường xanh – sạch – đẹp” là gì? Nó có tác dụng như thế nào? Chắc những câu hỏi này ai ai cũng trả lời được. Trường phải xanh, không những thế nó còn phải sạch và đẹp nữa. Nó sẽ góp phần làm cho những bạn học sinh có thể học tốt hơn trong một môi trường tốt đẹp, giúp cho mọi người đánh giá ngôi trường này theo một cách khác có vẻ tốt hơn.

Trường tôi là một ngôi trường quy mô của thị xã. Những nguồn nhân tài đặc lực, những mầm non tương lai cũng từ ngôi trường này sản sinh ra. Trong mắt tôi thì trường rất đẹp, đẹp một cách hoàn thiện. Người khác có nhận xét như thế nào cũng được, nhưng trong lòng tôi, trường đã có một chỗ đứng nhất định. Trường đẹp từ nét

thâm mỹ, đẹp từ những cách làm cụ thể, đẹp từ những tấm lòng của các thầy cô đến sự ngây thơ của bao bạn trẻ...

Việc xây dựng “Trường xanh – sạch – đẹp” ở đây năm nào cũng được tổ chức, mà tổ chức có quy mô rõ ràng nữa chứ!

Về xanh, trường khuyến khích các lớp phải trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên của trường, vừa trang trí phòng của mình sao cho nơi nào cũng có màu xanh của lá; còn về cá nhân của các thầy cô thì họ cũng đã trồng rất nhiều bông hoa xinh xắn để tô điểm thêm đầy màu sắc sinh động cho sân; những cây bàng, cây phượng vĩ già cũng đã được trồng ở đây khá lâu nên đã làm nổi bật một thời áo trắng học sinh...

Còn việc sạch cũng vậy! Nhà trường đã đặt ra nhiều biện pháp để các học sinh làm theo. Ví dụ như: cấm xả rác, cấm mang quà bánh vào lớp học... và đặt nhiều thùng rác ở các nơi. Rất may là ý thức của học sinh rất tốt, chấp hành rất nghiêm. Vì thế trường tôi càng ngày càng sạch lên trông thấy rõ.

Nếu như việc trường xanh và sạch được tổ chức có biện pháp rõ ràng như vậy thì tất nhiên từ “đẹp” cũng được nói lên ở đây! Trường tôi đẹp lắm các bạn ơi! Nhìn lên trên thì những tán lá cây đua nhau ve vẩy, nhìn xuống dưới thì hoa nở đầy vườn thơm ngát với những cánh bướm chập chờn bay quanh, không có sự hiện diện của “cậu rác” dơ bẩn và nghịch ngợm ngày nào. Những cô cậu học trò chạy tung tăng khắp sân trường vui đùa cùng nắng gió. Giờ này mà ngồi ở một góc cây bàng, vừa trò chuyện tâm sự, vừa hít thở không khí trong lành và được nghe tiếng chim kêu ríu rít thì mới tuyệt làm sao!

Thú thật, tôi chỉ là một cô bé mười ba tuổi thôi. Tôi đang sống trong một thời hiện đại như ngày hôm nay. Tôi cũng chưa biết hết thế nào là “Trường xanh – sạch – đẹp” nhưng qua những gì tôi đã nghe, đã thấy thì tôi cũng đã biết một phần nào về nó. Nó giống như một chồi xanh mới nảy lộc, nó sẽ trở nên to cao hơn và có thể che nắng cho những người qua đường nếu như ta chịu chăm sóc, nâng niu nó mỗi ngày.

Việc xây dựng “Trường xanh – sạch – đẹp” cũng vậy, nếu chỉ đặt ra kế hoạch thôi mà không ai thực hiện thì thử hỏi ngôi trường đó có thể xanh – sạch – đẹp như ngày hôm nay không?

Càng mén phục và thâm cảm ơn những bạn đã chung tay góp sức để xây dựng nó thì tôi càng ghét những kẻ đã cố ý phá hủy nó. Chỉ vì cái lợi riêng của bạn, cái bản tính ích kỷ của bạn thôi mà bao người khác lại phải khổ sở. Bạn xả rác bừa bãi, bạn mang quà bánh vào lớp học trong khi nhà trường đã đặt ra những biện pháp. Lúc đó, bạn có cảm thấy mình có lỗi không? Nhưng tôi thì có...

Các bạn à! Nhà trường đã đặt ra nhiều kế hoạch để thực hiện, để làm cho trường mình trở nên xanh – sạch – đẹp. Nhưng bạn đừng nghĩ rằng họ làm thế là vì trường đâu? Họ làm thế là vì bạn, họ giúp bạn có thể học tốt hơn trong một môi trường trong lành đấy!

Có rất nhiều biện pháp có thể giúp bạn khắc phục tình cảnh này! Tại sao bạn không dành một phút rảnh rỗi của riêng mình để đi bỏ rác vào thùng, tại sao bạn không thể nhịn đói một buổi để khỏi tốn tiền quà bánh, vừa tiết kiệm tiền, khỏi phải tốn công đi bỏ rác, lại khỏi phải vi phạm quy định của nhà trường là mang quà bánh vào lớp. Đúng là “cả một mũi tên bắn trúng tới ba đích”!

Thay những lời bình, tôi xin kể một câu chuyện về một ngôi trường như sau: “Ngôi trường đó không thuộc dạng quy mô của thị xã. Học sinh ở đó cũng không kém các trường khác nhưng vì tính kỉ luật của trường kém nên... việc xây dựng

“Trường xanh – sạch – đẹp” cũng không! Bạn này xả rác, kéo theo bạn kia cũng xả rác; bạn này mang quà bánh vào lớp làm cho bạn khác cũng học theo mang vào... Không những... thế mà việc trồng cây xanh cũng không được tổ chức... làm cho sân trường càng dơ bẩn và không trong lành, kể cả một chú chim cũng không dám ghé đến thì lấy đâu được cảm tình của mọi người!”.

Câu chuyện mà tôi vừa kể chỉ là một việc đáng tiếc trong số những việc còn đáng tiếc hơn rất nhiều!

Các bạn có biết không? Cứ mỗi lần nhìn thấy ngôi trường của mình xanh – sạch – đẹp thì tôi thật sự vui sướng, nhưng ngược lại khi thấy một bạn nào đó xả rác ... thì tôi có một cảm giác đau đớn là tim tôi như đang có một bàn tay vô hình bóp thắt!

... Đến đây, chắc là các bạn đều biết rõ xây dựng “Trường xanh – sạch – đẹp” là như thế nào rồi chứ? Có được như ngày hôm nay là điều rất hạnh phúc rồi! Nói thật, niềm hạnh phúc của bạn nói riêng cũng là niềm hạnh phúc của tôi và của toàn nhân loại nói chung. Vì vậy, bạn hãy lấy niềm hạnh phúc của mọi người để làm lí tưởng sống cho mình nhé! Vì thế hãy chung tay góp sức vì một ngôi trường xanh – sạch – đẹp và cũng vì hạnh phúc của hành tinh xanh này!

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

**Có ý kiến cho rằng: “Trái Đất là ngôi nhà chung của chúng ta”.
Em có suy nghĩ gì về ý kiến trên.**

**Bài thi đoạt giải Nhất của Huỳnh Hoa Thám,
học sinh lớp 9B2, trường THCS Trường Lạc,
Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ**

BÀI LÀM

Cần Thơ – Việt Nam, ngày tháng năm

Gửi bác Ban-ki-mun – Tổng Thư kí Liên hợp quốc!

Từ mảnh đất Cần Thơ trù phú của đất nước Việt Nam giàu đẹp, cháu – một học trò nhỏ viết thư cho bác, điều này quả là vinh dự đối với cháu. Bác ạ! Cháu chỉ mới có mười lăm tuổi thôi, với khả năng của một cậu bé mười lăm tuổi, cháu không thể làm bất cứ điều gì lớn lao cho thế giới này, cho Trái Đất này, phải không bác? Nhưng cháu có quyền tự hào vì là một công dân trên Trái Đất, cháu yêu Trái Đất và sẽ có những hành động góp phần bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất, bác nhỉ? Sống trên thế giới này, ai ai cũng phải tự hào về tinh cầu mang sự sống giữa vũ trụ bao la, bởi vì nó là nơi che chở tất cả chúng ta, cho chúng ta cùng sống dưới một mái nhà, thật đúng là: “Trái Đất là ngôi nhà chung của chúng ta”.

Có một ngôi nhà, ai mà không mong muốn nó được đẹp, được hoàn thiện? Và chúng ta cũng vậy, cũng mong muốn môi trường sống trên Trái Đất được trong sạch, tốt đẹp. Nhưng thật trớ trêu, cuộc sống có vẻ đang diễn ra ngược lại với điều người ta mong muốn thì phải. Chỉ riêng ở quê cháu thôi ngày từng ngày, cháu phải chứng kiến sự thay đổi chóng mặt của môi trường sống, không phải hướng tích cực mà là tiêu cực, có vẻ là vậy. Vấn đề môi trường quả là nan giải, nó khiến cháu và tất cả mọi người phải suy nghĩ, nghĩ về việc làm thế nào để cải thiện và bảo vệ môi trường sống, trách nhiệm đó không chỉ của riêng ai mà là của tất cả mọi người.

Thưa bác Tổng thư kí!

Cháu không biết tự bao giờ con người hiện diện trên cõi đời này, cháu chỉ biết rằng, từ cái thuở bình minh của lịch sử, con người đã gắn bó với môi trường, nó như

là một khối rắn chắc, không thể tách rời. Con người và môi trường sống gắn bó với nhau, cùng cho và cùng nhận. Có môi trường sống, con người có được biết bao nhiêu điều, con người có thể tồn tại và phát triển. Có con người, môi trường sống được thực hiện nghĩa vụ cao cả của mình, được con người khai thác và bảo vệ. Cảnh tượng ấy như diễn ra êm đềm theo ngày tháng, tưởng chừng sẽ mãi như vậy, ai ngờ đâu...

Môi trường đang đi ngược lại với cái sứ mệnh mà tạo hóa đã ban cho nó – ngày càng bị ô nhiễm. Vòng xoay của thời gian diễn ra thật nhanh, bánh xe thời gian lăn mãi không ngừng, nó làm cho con người ta bị cuốn vào cái vòng xoáy đó, đến khi bất chợt dừng lại thì con người mới bàng hoàng trước cái cảnh tượng hãi hùng đang hiện diện trên Trái Đất: môi trường bị ô nhiễm một cách nặng nề, hơn cả những gì mà chúng ta tưởng tượng được! Ôi! Như thế thì sẽ bất hạnh đến nhường nào! Con người phải sống thế nào đây trong một môi trường khủng khiếp đến thế? Bác có biết không? Giờ này, cháu đang nghĩ, nếu trong vũ trụ bao la kia còn có những hành tinh có sự sống, con người ở đó sẽ nhìn vào hành tinh của chúng ta mà lắc đầu ái ngại, bởi hành tinh của họ còn sạch hơn Trái Đất gấp bội phần... Và có lẽ, con người chúng ta, cả bác và cả cháu phải cúi đầu gập mặt chắp đấm nói lời nào trước những lời chỉ trích ấy.

Bác ạ!

Cháu không thể nào có thể biến thành người khổng lồ để vươn mình trông ra khắp năm châu bốn biển xem cảnh tượng của cả thế giới; nhưng ngay trên mảnh đất quê hương, cháu đã được chứng kiến thực trạng môi trường thay đổi một cách tiêu cực, nếu không nói là thảm cảnh. Cháu đang từng ngày, từng ngày làm việc mà mình không mong muốn: đối diện với sự ô nhiễm môi trường.

Quê hương cháu nằm ở đồng bằng, sông lớn, sông nhỏ, kênh rạch chằng chịt vắt qua nơi sinh sống của người dân. Có thể nói, sống với người ở đây là cực kì gắn bó. Sông như người mẹ hiền hòa, ngày ngày chảy thông thả êm đềm đem nguồn nước, đem phù sa và cả nguồn lợi thủy sản cho con người. Cháu vẫn nhớ những buổi chiều tà, dân làng kéo ra bên sông để sinh hoạt, tắm rửa, giặt giũ... cảnh tượng mới vui làm sao! Những đứa trẻ như chúng cháu đây cũng rủ nhau ra sông tắm mát đùa giỡn với bạn bè và với... dòng sông. Sông cũng như đang thích thú với những đứa trẻ, cũng vuốt ve, nâng niu những thân hình bé nhỏ, cảnh tượng ấy, cháu không thể nào quên.

*Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy
Bầy chim non bơi lội trên sông
Tôi đưa tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ.*

(Nhớ con sông quê hương – Tế Hanh)

Nhưng những giây phút ấy dường như tan biến theo làn khói trắng mỏng manh, để lại cái di tích tiêu tụy, đáng thương của dòng sông đã “già”: sông bị ô nhiễm. Còn đâu những buổi sớm tinh mơ, những tia nắng nhảy nhót trên mặt sông phẳng lặng như đang dệt những đường chỉ vàng vào mảnh lụa xanh, giờ cháu chỉ thấy sông đang “vàng vọt” đi, sông bốc lên một mùi hôi khó chịu, làm bao người đi ngang qua phải ho sặc sụa, bịt mũi lại và chạy cho nhanh; rác thải, xác sinh vật chết trôi bồng bềnh trên sông như những áng mây trên trời, chúng đang có một cuộc du ngoạn dài ngày đem bệnh tật gieo rắc cho tất cả mọi người.

Không khí cũng chả còn trong lành như trước, mà còn bị ô nhiễm nặng hơn. Nhiều nhà máy mọc lên mang đến “tặng” cho bầu không khí những chất thải độc hại. Giao thông phát triển, xe cộ tăng lên vùn vụt làm con đường mịn mù đầy bụi khói. Biết bao căn bệnh về đường hô hấp cũng bắt đầu từ đây.

Không chỉ thế đâu, bác ạ! Môi trường đất cũng bị cuốn theo cái tiến trình ô nhiễm ấy. Những rác thải, bao bì ni lông bị thải vào một môi trường đất một cách vô tội vạ. Đất có tội tình gì đâu? Đất là nơi con người sinh ra, là đất mẹ, ta làm hại đến đất chẳng phải là tội bất hiếu hay sao? Cháu biết đất buồn lắm, nhưng chẳng thể nào nói ra, nhiều lúc cháu muốn hỏi đất rằng:

Đất muốn nói điều chi thế?

Mà không nói được với người.

(Đất – Trần Đăng Khoa)

Bác ơi! Giờ cháu đang thấy đau khổ cho số phận của môi trường sống ở quê mình, và có lẽ là con nhiều nơi trên thế giới cũng thấy như vậy.

Con người đã có những hành động không tốt với môi trường sống, thật là đáng trách! Nhưng những “kẻ gieo gió”, có thể không “gặt bão” nếu biết bảo vệ môi trường, góp phần cải thiện nó, bác nhỉ? Đó là trách nhiệm của mỗi cá nhân, của tất cả mọi người, không của riêng ai.

Và bác biết không? Những hành động ấy đang được diễn ra ở khắp các nơi trên thế giới với sự hưởng ứng nhiệt tình của tất cả mọi người, trong tim luôn ấp ủ ước mơ về một môi trường sống trong sạch, không ô nhiễm. Ở quê cháu cũng vậy, cháu đang dần cảm nhận được cái không khí sôi nổi ấy.

Bác ạ! Cháu rất tự hào khi được là người con của Thành phố Cần Thơ, và tự hào thêm nữa khi mà quê hương cháu đang diễn ra chiến dịch quốc gia “Làm cho thế giới sạch hơn 2008”. Với chiến dịch này, ai ai cũng có thể góp một phần công sức vào việc bảo vệ môi trường sống.

Mọi người dân, hết thầy đều đi làm những “việc nhỏ, nghĩa lớn” của mình. Người thì đi thu gom rác thải, phế liệu trên sông. Người thì đi tuyên truyền giáo dục cho người dân ý thức bảo vệ môi trường... Những cô chú lãnh đạo thì khuyến khích các nhà máy, xí nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải trước khi thải vào môi trường. Học sinh chúng cháu cũng góp phần nhỏ công sức của mình. Chúng cháu đi trồng cây để không khí trong lành, biết bỏ rác đúng nơi quy định. Rồi từ đấy, trước tiên là mái trường sẽ sạch đẹp, và đến nơi ở, đường phố, tất cả sẽ đều trong sạch cả.

Cháu nghĩ rằng, môi trường của Trái Đất sẽ sắp có ngày trở về với cái cảnh nguyên thủy của nó nếu trách nhiệm bảo vệ môi trường của mỗi cá nhân được đặt lên hàng đầu.

Bác Ban-ki-mun kính mến!

Một thế giới trong sạch, một môi trường sống hoàn hảo sẽ không còn là mơ ước mà sẽ là hiện thực, bác nhỉ? Vấn đề về môi trường sẽ được giải quyết triệt để, ô nhiễm môi trường sẽ chỉ là dĩ vãng, điều đó cần sự tự giác và hành động của mỗi con người góp phần bảo vệ môi trường. Trái Đất của chúng ta sẽ mãi mãi là ngôi nhà chung tốt đẹp nhất, chẳng có gì có thể sánh bằng, chẳng gì có thể thay thế! Hãy hành động ngay hôm nay để có được một Trái Đất tốt đẹp trong tương lai! Và bác biết không, trong lòng cháu lúc này đang nghĩ gì không? Cháu đang nghĩ về một môi trường sống tốt đẹp trên Trái Đất bắt đầu tồn tại từ ngay thời điểm này – năm 2008.

Bác ơi! Từ nãy đến giờ cháu tâm sự với bác nhiều quá phải không bác? Thư đã dài, cháu xin dừng bút. Cháu rất cảm ơn khi biết bác sẽ đọc những dòng này.

Cháu xin chào bác!

Học trò nhỏ của đất nước Việt Nam.

Kí tên

Huỳnh Hoa Thám

**Bài thi đoạt giải Nhất của Hồ Bảo Trâm,
học sinh lớp 9B, trường THCS Lưu Văn Lang,
Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp**

BÀI LÀM

Hằng ngày cuộc sống của chúng ta cứ phải đối mặt với khí độc, bụi bẩn cũng như rác thải. Đó là một phân biểu hiện của sự ô nhiễm môi trường. Theo điều tra của các tổ chức có uy tín trong và ngoài nước thì môi trường Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Vậy ô nhiễm môi trường có tác hại gì và vì sao người ta hay đặt chung cụm từ “Ô nhiễm môi trường – SOS”?

Nhưng trước khi đi vào tìm hiểu vấn đề này, ta cần phải giải thích thật cụ thể, rõ ràng hai từ “môi trường” và “ô nhiễm môi trường”.

“Môi trường” là danh từ chỉ toàn bộ những gì đang bao quanh cuộc sống chúng ta. Môi trường gồm có đất, nước, khí hậu: nắng, mưa, gió bão... Môi trường cũng gồm cả tiếng động, những vật thể khác: xe cộ, nhà cửa, cây cối, cảnh vật...

Thế thì “ô nhiễm môi trường” tức là một hiện tượng xấu của mọi vật thể xung quanh: khí độc, nước đen, mưa axit, rác thải, bụi bẩn... Nó còn là sự mất dần diện tích rừng do bị tàn phá, là những xác cá nổi lên bềnh trên những lớp váng dầu ngoài biển. Nói chung đó là sự đen tối, u ám, chết chóc, bệnh tật...

Trong thời gian hiện nay, qua sách báo, phương tiện thông tin đại chúng, và cả mắt thường của bản thân, ta đều nhận thấy được tình trạng ô nhiễm môi trường trên toàn thế giới, từ châu Mỹ đến châu Phi, từ nước giàu như Mỹ, Anh, Pháp... đến nước nghèo như Mô-dăm-bích, Ki-ri-ba-ti, Việt Nam, từ đất liền đến đại dương bao la... Bà mẹ thiên nhiên đang bị tàn phá dữ dội, mắc nhiều “chứng bệnh nan y” và tật nguyền.

Mặt đất ngày nay đâu còn màu nâu nguyên vẹn, gồm cát, đá và cứ lổm chổm miếng thủy tinh vỡ, vỏ bao thuốc lá, rác thải nhất là bao bì ni lông. Rồi ngày qua ngày chúng bị chôn vùi ngày một nhiều, để cả thế kỉ, hàng triệu năm sau cũng chưa phân hủy hết, làm ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm.

Những dòng sông hồ hện ngày nào, từng đi vào thơ văn của bao thế hệ nghệ sĩ với màu trong xanh, êm đềm:

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Tỏa nắng xuống dòng sông lấp lánh.*

(*Nhớ con sông quê hương* – Tế Hanh)

Thì giờ đây “nhuộm” một màu đen xấu xí, kinh tởm với nguồn nước thải đổ ra từ cống rãnh không qua xử lí, có cả xác động vật chết!

Bầu không khí cũng chẳng tốt lành gì hơn. Nó là một hỗn hợp của các loại khí độc hại, nguy hiểm vô cùng: CO, CO₂, SO₂, NH₃... từ ống khói nhà máy, các

phương tiện giao thông... Bụi bẩn trong đó cũng là số lượng kinh khủng: hàng trăm tấn, để rồi khi ra đường không ai nhận ra ai vì trùm khẩu trang kín mít.

Nói chung đây là sự ô nhiễm toàn diện và còn nhiều mặt khác nữa như cây xanh, động vật, thực vật... chưa đề cập tới. Thế thì nguyên nhân nào gây ra ô nhiễm môi trường?

Đầu tiên phải kể đến sự thiếu ý thức của người dân. Dù quan niệm của dân tộc ta vẫn còn: “*Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm*” nhưng người Việt ta, nhất là ở nông thôn chỉ chú trọng nhà mà lãng quên xung quanh. Những hình ảnh như xả rác hay khạc nhổ bừa bãi vẫn mãi được bắt gặp hàng ngày trên đường phố, trong công viên. Việc thiếu kiến thức cũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Trong nền văn minh tiên tiến hiện nay vẫn còn nhiều người ở nước ta và các nước kém phát triển, thêm vào một số dân tộc thiểu số vẫn đi tiểu không đúng nơi đúng chỗ, hay hiện tượng du canh du cư...

Tiếp theo sự “ích kỷ” của các giám đốc của các xí nghiệp nhà máy trực tiếp gây ảnh hưởng. Vì nhu cầu lợi nhuận cá nhân, họ sẵn sàng thải ra sông hàng triệu mét khối nước thải mà không đầu tư công nghệ, trang thiết bị xử lý nước thải. Cụ thể trường hợp nổi bật của công ty bột ngọt VeDan vừa mới bị phát hiện. Trong hơn hai mươi năm qua, họ đã hủy hoại sinh thái trong vùng, nhất là kênh Ba Bò mà không hề bị phát hiện. Qua đây cũng cho thấy sự lỏng lẻo trong quản lý, kiểm soát, nhất là việc xử phạt quá nhẹ của cơ quan chính quyền. Chắc rằng việc này không chỉ có một!

Bên cạnh đó, chiến tranh, cuộc chạy đua vũ trang cũng gây ra những hậu quả vô cùng khủng khiếp. Mỗi lần thử tên lửa đạn đạo, mỗi cuộc nổ súng, ném bom, khủng bố... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường tự nhiên. Ấy là chưa kể đến nguy cơ chiến tranh hạt nhân có thể hủy diệt sự sống của cả hệ Mặt Trời.

Ô nhiễm môi trường có những tác hại hết sức to lớn. Như đã nói ở trên, nó đang là “thần chết” của sinh vật, con người. Cụ thể là ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống chúng ta. Những con côn trùng hay động vật mang mầm bệnh: ruồi, muỗi, gián, chuột... cứ rình rập ta để gieo rắc virus, vi trùng. Mùi hôi thối từ các đồng rác thì không ai chịu được. Tiếng ồn từ máy móc động cơ cứ làm ta mệt mỏi, nhức đầu. Rồi mưa axit thì mùa màng thất bát, đất khô. Mưa axit cũng hủy đi bao công trình kiến trúc có giá trị.

Tự nhiên cũng chịu những vết đau không kém. Cái chết chóc cứ ở khắp mọi nơi. Các khu rừng to lớn như A-ma-zôn diện tích cũng bị thu hẹp, mà hoang mạc thì cứ mãi rộng hơn như Sa-ha-ra, Gô-bi. Việc này cũng kéo theo sự thiếu hụt thức ăn, chỗ ở cho nhiều động vật để rồi nhiều loài bị tuyệt chủng. Sự gia tăng nồng độ CO₂ trong không khí cũng tạo ra “hiệu ứng nhà kính” dẫn đến sự biến đổi khí hậu làm băng ở Bắc Cực tan chảy, nước biển dâng cao, ngập lụt, bão lũ... xảy ra liên miên. Trong khoảng năm mươi năm nữa thì nhiều đảo nhỏ sẽ bị nước biển nhấn chìm, bị xóa sổ trên bản đồ. Khí độc, bụi bẩn làm thủng tầng Ôzôn, tia cực tím sẽ chiếu trực tiếp toàn hành tinh này gây ra đại thảm họa ung thư da và nhiều bệnh tật nguy hiểm khác.

Hệ quả của những việc nói trên đó là những diễn biến bất thường của thời tiết. Sẽ có nhiều giông bão mạnh hơn, thường xuyên hơn của hiện tượng Enninhô, Nanina. Theo đánh giá của các chuyên gia, thì trong năm vừa qua Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề – đứng hàng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc về thiên tai.

Vì tất cả những gì nói trên, nhân loại cần phải bật đèn đỏ báo động SOS cho tình trạng ô nhiễm môi trường. Trách nhiệm bảo vệ và tái tạo lại tự nhiên là không của riêng ai, không riêng quốc gia, dân tộc nào mà là toàn cầu. Tất cả cần phải chung sức hợp tác, thống nhất hành động.

Nước ta cũng vậy. Chúng ta phải làm cách nào đó để thế giới khâm phục ta không chỉ về truyền thống đấu tranh anh hùng mà còn cả về môi trường xanh – sạch – đẹp. Đất nước Singapo trở thành quốc gia sạch nhất là chuyện hoàn toàn có thể. Ta hiểu rõ môi trường không ô nhiễm mang lại nhiều lợi ích về phát triển kinh tế, du lịch... trình độ dân trí của dân ta được nâng cao.

Vậy ta phải làm sao? Nhà nước và chính phủ phải ban hành đường lối và chính sách đúng đắn, phù hợp nhằm bảo vệ, tái tạo, phục hồi hiện trạng môi trường tồi tệ của Việt Nam. Bên cạnh đó, việc quản lý các công ti, xí nghiệp cũng cần chặt chẽ hơn để sớm phát hiện ra các trường hợp gian dối về xử lý nước, khí thải... Pháp luật cũng phải xử lý mạnh hơn các đối tượng vi phạm và đưa ra những chuẩn mực đo lường phù hợp.

Các cơ quan chính quyền địa phương thì tăng cường vận động, tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân. Tích cực phát động các phong trào bảo vệ môi trường, thu gom rác thải trong khu phố nhất là trồng cây xanh như Bác Hồ đã từng nói:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Nước ta cũng cần học hỏi, hợp tác với nước ngoài về chuyển giao công nghệ xử lý để bố trí cho các nhà máy rác thải, cho các công ti khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó dù việc khắc phục hậu quả của nạn nước đen, bãi rác là rất tốn kém nhưng ta phải bằng mọi cách quyết tâm, kiên trì thực hiện.

Ngoài ra, các giám đốc, chủ đầu tư cũng cần có trách nhiệm với môi trường, không vì lợi nhuận mà gieo rắc cái chết cho tự nhiên. Có đầu tư tốt cho việc xử lý thì mới là một nhà doanh nghiệp có lương tâm.

Người dân cũng phải tự ý thức cho bản thân về việc bảo vệ môi trường bằng những công việc cụ thể hàng ngày như: bỏ rác đúng nơi, không đổ rác ra sông, suối, hồ... Phải hiểu rằng môi trường tốt đem lại nhiều lợi ích để từ đó hành động. Học sinh – thế hệ tương lai của đất nước cũng phải hiểu rõ cuộc sống văn minh là không có rác. Tất cả phải thực hiện việc bảo vệ môi trường theo hướng tích cực, chủ động và cương quyết.

Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn liền với bảo vệ môi trường. Ta đang làm ô nhiễm môi trường và cũng tự giết chúng ta. Đây là trách nhiệm của toàn nhân loại, mong rằng hình ảnh trong *Truyện Kiều* sẽ còn mãi:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Hãy nhớ ô nhiễm môi trường – SOS!

**Bài thi đoạt giải Nhất của Phạm Lê Thảo Linh,
học sinh lớp 9A,
trường THCS Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

BÀI LÀM

“Cứu!... Cứu!...” tiếng kêu của các trẻ thơ vì môi trường sống ngày nay đang bị lâm lè. Môi trường đang bị hủy hoại dần dưới bàn tay của con người. Cuộc sống này sẽ ra sao nếu màu xanh của thiên nhiên bị mất đi? Lời khẩn cầu, kêu gọi mọi người ngày càng được thực hiện cấp bách. “Chúng ta phải bảo vệ môi trường sống: xanh – sạch – đẹp để con người cùng hòa nhập, phát triển đưa nước nhà tiến đến đỉnh cao của nhân loại”.

Môi trường sống ngày nay đang dần mất đi màu xanh thiên nhiên. Rác là thủ phạm đầu tiên gây ô nhiễm môi trường. Rác có mặt ở khắp mọi nơi, từ trong nhà, đường phố, công viên và ngay đến những mặt sông, rác trôi lênh bênh. Mặc cho gió cuốn, mặc cho nước xô, rác cứ ung dung đứng đấy, ngoan cố. Không những thế những mùi hôi thối bốc lên từ những bãi rác làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Chúng ta nghĩ sao khi cuộc sống như thế này vẫn cứ tiếp diễn, con người có thể tồn tại được hay không trước tình cảnh như thế? Rác làm ô nhiễm những khúc sông, bờ biển chạy dài ngày ấy. Những con sóng lẫn tăn nô đùa với con người, những cơn sóng xô vào bờ trắng xóa, liếm lên bãi cát dưới ánh nắng vàng, hình ảnh ấy mới đẹp làm sao! Nhưng giờ đây nó đâu mất rồi? Những tạp chất bị đổ xuống sông, xuống biển. Hàng trăm tấn dầu đổ xuống dòng nước biển xanh tươi một cách vô tội vạ. Hay có những công ti do thiếu ý thức, không quan tâm đến việc bảo vệ môi trường thải những hóa chất gây ô nhiễm con sông Thị Vải ở Đồng Nai. Thiên nhiên này tuy có nguồn tài nguyên phong phú nhưng đâu có vô hạn, nó sẽ bị cạn kiệt dần, cạn dần, con người chúng ta sẽ không còn nước để sinh hoạt. Không dừng lại ở đó, không khí cũng bị ô nhiễm, những làn khói đen nghi ngút trên bầu trời xanh thẳm. Đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà thi nhau mọc lên những khu công nghiệp làm ảnh hưởng trầm trọng đến bầu không khí trong lành. Những đoàn xe cộ tập nập như mắc cửi thi nhau nhả khói. Làm sao chúng ta mới có thể lấy lại bầu khí quyển trong sạch như ngày nào? Đất nước ta có được nguồn tài nguyên phong phú, có được một gia tài đó là “Rừng vàng, biển bạc”. Và ta phải làm sao mới được “màu xanh” ngày ấy của rừng? Màu xanh cây cối bị mất dần, từng cây, từng cây bị hạ xuống vì lòng tham vô đáy của rừng người vô ý thức. Họ chỉ biết sống cho riêng họ mà họ không nghĩ cho vận mệnh của đất nước. Từng loài thú rừng kêu la thảm thiết vì thiếu nơi sinh sống, loài người chúng ta có biết được điều đó không? Tất cả đều do ý thức con người còn quá kém, vứt rác, đổ nước bẩn xuống sông, chặt cây rừng, làm xói mòn đất. Còn thiệt hại nhiều hơn khi dòng nước lũ tràn về sẽ không có gì có thể ngăn cản được. Chúng ta đã hủy hoại môi trường thì giờ đây chúng ta phải có trách nhiệm xây dựng lại môi trường sống: xanh – sạch – đẹp.

Con người phải tích cực hơn nữa trong việc giữ gìn môi trường sống xanh – sạch – đẹp. Chúng ta ai cũng đều biết cây xanh là người bạn thân thiết với con người. Hình ảnh những vườn hoa đẹp, những hàng dương xanh ngắt, xa tít thu gọn vào tầm mắt trên những con đường sẽ sống dậy, nếu con người chúng ta biết trông thêm và bảo vệ chúng. Những hàng rào quanh cây sẽ giúp cây không bị ngã, sẽ không bị ô nhiễm bởi động vật phóng uế bừa bãi. Vui hơn những dòng nước mát sẽ tắm gội cho cây vào chủ nhật hàng tuần. Cây, hoa sẽ reo vui, hứng lấy “mầm xanh của sự sống”

ấy mà vươn lên phát triển. Những công viên sẽ được điểm tô bằng những thảm cỏ xanh, mấy hàng liễu rũ điểm bông xanh sẽ đẹp biết nhường nào! Những cơ quan sẽ trồng những loài cây cảnh, điểm tô vào đó là những loài hoa mười giờ hồng tươi. Các trường học thì vẫn những loài cây cổ thụ như me, phượng vĩ, bàng... để che mát cho học sinh vào mỗi giờ ra chơi...

Màu xanh sẽ được giữ mãi trong lòng các tỉnh, thành phố. Những dòng nước biển sẽ lấp lánh khi trên những bãi cát xuất hiện “chú chim cánh cụt” để thương để mọi người bỏ rác. Chúng ta sẽ lên tiếng kêu gọi chân thành, bằng các cuộc mít-tinh, vận động để mọi người cùng hưởng ứng việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Đồng thời đánh thức con người, để mọi người nhận ra cái khuyết để sửa sai, như thế môi trường này mới xanh và sạch. Chúng ta sẽ không còn nghe lời “khóc than” của các loài cây. Rừng sẽ mọc trở lại vì ý thức con người chín chắn, các loài thú rừng sẽ có nơi sinh sống, vui vẻ như ngày nào. Môi trường ấy mới thật đẹp! Đẹp về vẻ mỹ quan thấy rõ và đẹp vì tâm hồn của người dân có ý thức để bảo vệ môi trường sống hôm nay và mai sau.

Môi trường sống xanh – sạch – đẹp sẽ giúp cho Việt Nam phát triển trong tương lai. Trong thời kì hợp tác và phát triển đất nước ngày nay, chúng ta sẽ mở cửa để chào đón các khách du lịch nước ngoài đến tham quan. Chúng ta giữ gìn được môi trường sống xanh – sạch – đẹp thì bạn bè quốc tế sẽ ngợi khen. Vì môi trường trước mắt trong sạch và người dân đất Việt có tâm hồn, có ý thức giữ gìn, đáng để họ kính trọng và nể phục. Chúng ta sẽ là một hình ảnh đẹp trong mắt của khách du lịch nước ngoài. Hơn thế, vì tương lai của trẻ em, chúng ta phải tạo một điều kiện sống thật tốt, một môi trường lành mạnh để phát triển “mầm non tương lai”. Có như thế xã hội này mới phát triển và chúng ta mới có thể tồn tại dài lâu. Thiên nhiên đã cho ta qua nhiều từ vật chất đến tinh thần thì chúng ta phải biết giữ gìn và bảo vệ để cho thiên nhiên tươi đẹp hơn. Thế hệ trẻ hôm nay hãy đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước mà việc đầu tiên chính là bảo vệ môi trường, tham gia tốt các cuộc vận động “Ngày thứ bảy, chủ nhật xanh” để mọi người noi theo, để thiên nhiên này mãi một màu xanh tươi đẹp.

Trái Đất này là của chúng mình, quả bóng xanh bay giữa trời xanh... Câu hát ngân lên như lời kêu gọi tha thiết, mọi người hãy giữ lấy màu xanh của hi vọng, màu xanh của sự sống. Xây dựng môi trường sống: xanh – sạch – đẹp là trách nhiệm của mỗi con người. Trái Đất này sẽ mãi tồn tại nếu con người có được ý thức bảo vệ môi trường.

**GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 5 NĂM 2008
KHU VỰC ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG**

**ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7**

**Trường học – ngôi nhà thứ hai của mỗi chúng ta.
Suy nghĩ của em như thế nào về thông điệp trên.**

**Bài thi đoạt giải Nhất của Phạm Lê Hải Như,
học sinh lớp 6A2, trường THCS Lê Quý Đôn,
huyện Lai Vung, tỉnh Vĩnh Long**

BÀI LÀM

Ngôi trường mơ ước...

Tuổi học trò là cái tuổi hồn nhiên nhất, vui tươi nhất, cái tuổi gắn liền với ngôi trường thân yêu cùng biết bao kỉ niệm vui buồn. Đây chính là ngôi nhà thứ hai của em, nơi đã cho em kiến thức để vững bước vào đời. Và em cũng dành riêng cho nó những ước mơ đẹp.

Được học tập và vui chơi trong một ngôi trường thân thiện, không chỉ là ước mơ của riêng em mà còn là mơ ước của biết bao người. Hãy thử tưởng tượng xem nào? Một ngày nọ, từng học sinh đến trường là từng gương mặt rạng ngời với niềm say mê cháy bỏng. Vì nơi đây, chính là nhà của các bạn, ngôi nhà với những vòng tay yêu thương, sẻ chia của bạn bè. Tất cả đều luôn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong bất cứ hoàn cảnh nào. Mọi người đều đưa đôi tay của mình ra để đón nhận những điều tốt đẹp nhất từ những người bạn của chúng ta mang lại. Từng cá nhân ngồi dưới ghế nhà trường sẽ luôn cảm thấy an toàn, không còn phải nơm nớp lo sợ trước những hành động bạo lực học đường nữa. Thế thì thật là tuyệt vời biết mấy! Em mong sao em và các bạn đều luôn cố gắng học tập thật tốt, đoàn kết, yêu thương nhau trong tình thân ái, cùng mang lại cho nhau những nụ cười trong những ngày đến lớp. Lúc ấy, sẽ không còn khoảng cách nào ngăn cách được tình bạn để thương và trong sáng của lứa tuổi học trò, để rồi trong mỗi chúng em luôn tìm được niềm tin để học tập tích cực hơn trong ngôi trường mà mình đã từng gắn bó.

Mái trường là ngôi nhà chung của tất cả các học sinh. Tình yêu thương và những lời nói ấm áp của thầy cô như chắp thêm cho em đôi cánh ước mơ. Những lời khuyên bảo nhẹ nhàng của thầy cô là những lời âu yếm của mẹ cha như giúp em nhận ra lỗi lầm và phấn đấu vươn lên. Chắc chắn ai đến trường cũng đều mong được đón nhận vòng tay ân cần và những lời chỉ dạy tận tình của thầy cô. Em cũng vậy. Sẽ là tuyệt vời hơn nếu như học sinh chúng em chăm chỉ tiếp thu những lời dạy bảo ấy để bao công sức cô thầy bỏ ra là không uổng phí. Ngôi trường mà em đã học tập suốt năm năm tiểu học và ngôi trường hôm nay mà em đang gắn bó đều mang đến cho em bao tình cảm ngọt ngào. Em yêu mái trường đã mở rộng cửa cho em bước đi trên hành trình tìm tri thức. Em mơ ước, mái trường sẽ giữ mãi được hàng cây xanh tỏa bóng mát, mỗi khi hè về, hoa phượng nở đỏ rực trên cành, sân trường sạch đẹp với những khóm hoa mười giờ nở tím cả một khoảng sân đầy nắng.

À! Em còn mơ ước ngôi trường của em sẽ thật hiện đại và tiện nghi với đầy đủ các thiết bị, cơ sở vật chất nữa. Ôi! Thật tuyệt làm sao nếu như tất cả các học sinh đều được học và chơi trong một ngôi trường phù hợp để phát triển khả năng của mình. Ước gì, một ngày nào đó, một phòng học chỉ chứa từ hai mươi đến ba mươi học sinh để cho chất lượng học tập ngày càng tốt hơn. Thư viện, phòng thí nghiệm, căn tin, các loại hình câu lạc bộ, sân tập thể dục, chơi thể thao ngày càng được cải tiến, trang bị hiện đại, phù hợp để em và bao người bạn thân yêu có thể thường xuyên rèn luyện, vui chơi và giải trí.

“Bước đến trường lòng em rộn ràng vui”, đó là một bài hát mà em rất thích. Niềm vui từ mái trường mang lại, em mơ ước, là những phong trào hoạt động vui chơi bổ ích, là những tiết học mà em và các bạn được chia sẻ, hợp tác cùng nhau, là những chuyến đi thực tế, dã ngoại để tiếp thu thêm bao tri thức mới lạ từ thế giới bên ngoài. Được như thế, thì hạnh phúc nào bằng!

Song song với đó, một ngôi trường thân thiện thì chắc hẳn không thể thiếu những học sinh lúc nào cũng năng động, sáng tạo, say mê học tập và luôn tích cực

phát biểu xây dựng bài. Hơn nữa, học sinh chúng em cũng cần phải thường xuyên tham gia các hoạt động của trường, lớp để xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp hơn.

Một mơ ước của riêng em là những điều mong muốn về một ngôi trường thân thiện, học sinh luôn biết tìm tòi, học hỏi, hào hứng trong các tiết học sẽ trở thành sự thật. Một ngôi trường lúc nào cũng rợp bóng cây xanh, một thư viện luôn chào đón học sinh say mê học tập, một phòng thí nghiệm để chúng em khoe nhau sức sáng tạo của mình. Và nơi đây là tất cả tình yêu thương của thầy cô, bạn bè dành cho nhau. Em mong sao, tất cả đều thực hiện đúng với khẩu hiệu: “Trường lớp là nhà, thầy trò là chủ” để đáp lại niềm tin của bao người, để nơi đây thực sự trở thành nơi vun đắp những tài năng.

Rồi đây, em cũng phải rời xa ngôi trường này để đi vào một cánh cửa mới trên hành trình tri thức. Mỗi trường học em đã, đang và sẽ gắn bó đều mãi là những người bạn thân thiện của em. Và chắc chắn, em sẽ phấn đấu thật nhiều, cố gắng học tập thật tốt để đáp lại tình cảm cho mái trường thân yêu và để cho: “Mỗi ngày đến trường là một niềm vui”.

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

(Hồ Chí Minh)

Em hiểu gì về lời dạy của Bác? Nhất là trong giai đoạn đất nước ta hiện nay.

Bài thi đoạt giải Nhất của Phan Ngọc Uyên Thi,
học sinh lớp 8A, trường THCS Cẩm Vu,
Thị xã Tân An, tỉnh Long An

BÀI LÀM

Tân An, ngày 22 tháng 10 năm 2008

Quý thân!

Sau khi chuyển trường về đây, mình cảm thấy buồn lắm, mặc dù có bạn mới nhưng mình không thể nào quên được các bạn. Mình vừa nhận được thư chia sẻ của Nhung – lớp trưởng ấy. Cậu ấy có vẻ buồn khi kể về chuyện trường, lớp. Nhung bảo lớp có một bạn học sinh không lo gì đến việc học, vào lớp không thuộc bài, không làm bài và nhiều nữa. Lớp từ từ tụt hạng. Cậu có biết người học trò ấy là ai không? Là bạn đấy, Quý à! Mình nghĩ rằng hôm nay mình dành chút thời gian để nói với bạn chuyện này. Quý ơi! Cậu có biết không?

Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Quý à! Hai câu thơ trên mà Bác Hồ đã khuyên lớp trẻ đã giúp mình nói lên tất cả. Chúng ta như cây non mới mọc, cần được nuôi dưỡng, vun đắp và học tập. Được sống trong thời hòa bình là chúng ta đã có rất nhiều điều kiện để phát triển bản thân. Ta được rèn luyện, học tập từ khi còn bập bẹ bước đi. Từ khối Mẫu giáo lên Tiểu học, Trung học và sau này là Phổ thông và Đại học nữa. Trong hơn chín năm qua, ta đã học được gì nào? Học được cách sống, cách ăn ở, học được những tri thức vô cùng mới và rất có ích. Ta đã gần hoàn thành cuộc đời và tương lai. Thế nhưng Quý ơi! Cậu đang làm gì? Cậu đang tự hủy hoại tương lai của mình, đang đưa bản thân vào con đường tăm tối, cậu có biết không? Cậu đã vứt bỏ những tâm huyết, hi vọng, ước mơ của thầy cô, cha mẹ, cậu đang làm mất niềm tin của xã hội vào thế hệ trẻ

chúng ta. Quý à! Cậu hãy suy nghĩ đi, những thành tựu của đất nước, những cơ hội cho xã hội phát triển là do ai tạo ra? Do chính chúng ta. Vì thế, hãy bắt đầu học! Hãy học, học... và học. Học giúp ta có sức mạnh, có tri thức và có lương tâm. Cậu hãy tưởng tượng xem nếu cậu không học thì trong tương lai sẽ chẳng ai thèm để ý đến cậu. Cậu không có tri thức? Cậu sẽ bị đẩy lùi sang tầng lớp thấp bé, cậu sẽ chẳng làm được gì nếu không học. Ở tuổi chúng ta bây giờ, các bạn khác đã có được một nguồn kiến thức vô cùng lớn. Họ đã được chứng nhận bởi các cấp bằng quốc tế. *Trông người mà nghĩ đến ta...* Vì thế hãy cố gắng hết mình khi gia đình và xã hội đã tạo điều kiện cho chúng ta, và cậu hãy nhớ câu nói:

Học, học nữa, học mãi.

(Lê-nin)

Chắc hẳn cậu biết câu nói này của Lê-nin chứ? Câu nói vô cùng giản đơn nhưng có ý nghĩa sâu sắc. Nó làm ta nghĩ đến bổn phận của mình: *“Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”*. Đất nước ta đang ngày càng phát triển. Ta là ai? Chúng ta là những mầm non tương lai của đất nước. Chúng ta hãy “học” và hãy “hành”. Mình còn nhớ trong bài thơ *Mẹ và quả* nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã viết: *“Bầu bí thì lớn xuống, trẻ em thì lớn lên”*. Quý à! Chúng ta đang lớn, đang dần tạo ra sự phồn thịnh và văn minh của đất nước. Cậu hãy bỏ ý định việc tương lai, tương lai tính và trời định đi! Bác Hồ đã tin tưởng chúng ta, đất nước đang dựa vào chúng ta. Hãy làm đi, hãy ra sức học đi! Học rồi Quý sẽ thấy hứng thú, say mê và muốn học nữa, học mãi. Cậu hãy ngày ngày đọc sách, làm bài tập và nhất là học vững kiến thức. Mình tin rằng cậu sẽ làm được! Cố lên! Không có gì là không thể khi trong tim ta luôn có những ước mơ tươi sáng cho tương lai.

Quý à! Điện tử, bida... chỉ là những trò chơi vô bổ. Rời xa chúng đi. Hãy tạo tương lai cho chính mình. Hãy khiến mọi người phải khâm phục ta, để ta có chỗ đứng vững vàng trong xã hội. Hãy học, học, và học. Cuộc đời ta sẽ trải đầy hoa hồng. Cậu biết mà: *“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”*. Cậu hãy nhớ lấy. Mình mong chút tâm sự trên đây sẽ khiến cậu suy nghĩ và định hướng về việc học của mình. Cậu sẽ làm được, tớ tin như thế! Mình và cậu hãy cùng nhau tiến bước. Để xứng đáng với lời nhắn nhủ của Hồ Chủ tịch: *“Non sông Việt Nam có tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ phần lớn ở công học tập của các cháu”*.

Mình mong bức thư sau của Nhung sẽ vẫn viết về một cậu học sinh tên Quý nhưng là một học sinh giỏi cơ! Cậu hứa với mình nhé!

Bạn của Quý
Uyên Thi

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 6 NĂM 2009
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Đọc mẩu chuyện dưới đây:

Trong năm đứa con của má, chị nghèo nhất. Chồng mất sớm, con chị đang ở tuổi ăn học. Gần tới lễ mừng thọ 70 tuổi của má, cả nhà họp bàn xem nên chọn nhà hàng nào, bao nhiêu bàn, mời bao nhiêu người. Chị lặng lẽ đến bên má: “Má ơi, má thêm gì, để con nấu má ăn?”.

... Chưa tan tiệc, má xin phép về sớm vì mệt. Ai cũng chặc lưỡi: “Sao má chẳng ăn gì?”. Về nhà, mọi người tìm má. Dưới bếp, má đang ăn cơm với tô canh chua lá me và đĩa cá bóng kho tiêu chị mang đến...

(Quà sinh nhật, trích Quà tặng cuộc sống)

Nêu suy nghĩ của em về mẩu chuyện trên.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Phạm Ngọc Thanh Thảo,
học sinh lớp 9B, trường THCS Lê Ngọc Hân,
Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang**

BÀI LÀM

Có gì đẹp trên đời hơn thế

Người với người sống để yêu nhau.

(Một khúc ca xuân – Tô Hữu)

Trong cuộc sống, không có cái gì có thể đẹp hơn tình yêu. Cho dù thời gian có trôi đi, làm phai mờ mọi thứ nhưng chiếc bình pha lê của tình yêu thương mà ta đã dành tặng người thân yêu sẽ vẫn sáng, vẫn đẹp như lúc ban đầu. Nó đẹp đến mức người ta có thể từ bỏ mọi thứ chỉ để nhận lấy nó. Và người má trong câu chuyện *Quà sinh nhật* đã nói lên điều ấy. Tôi tin rằng với bà, cái hương vị ngọt ngào, ấm áp của tình yêu thương ấy sẽ ở mãi trong lòng bà, không thể nào quên.

Một món quà tuy đơn giản, bình dị nhưng lại mang đậm tình yêu thương, lòng hiếu thảo sẽ mãi đi sâu trong tâm hồn con người hơn là những món quà vật chất. Và chị – cô con gái nghèo đã làm được điều đó qua món quà sinh nhật trong lễ mừng thọ của má.

Gánh vác một trách nhiệm nặng nề là phải nuôi con đang tuổi ăn học mà lại không có chồng bên cạnh, điều này thật vất vả đối với một người phụ nữ như vậy. Hơn nữa, trong năm người con của má, chị lại là người nghèo nhất. Ngay lúc ấy lại gần đến lễ mừng thọ bảy mươi tuổi của má, chị thật không biết phải làm sao. Trong lúc đó, cả nhà đang họp bàn xem nên chọn nhà hàng nào với bao nhiêu bàn, mời bao nhiêu người. Hoàn cảnh của chị khiến chị không thể làm được những điều ấy, chị chỉ có tình yêu thương dành cho người má đã có công sinh ra chị và cho chị một trái tim biết yêu thương. Chính điều đó đã tạo cho chị động lực có thể đến bên má một cách lặng lẽ và hỏi rằng: “Má ơi, má thêm gì, để con nấu má ăn?”. Hẳn ai trong chúng ta khi nghe câu nói ấy đều cho rằng đó không phải là một món quà mừng sinh nhật, nhưng với người má thì không. Trong buổi mừng thọ, khi chưa tan tiệc má đã xin phép về sớm vì mệt, ai cũng chặc lưỡi: “Sao má chưa ăn gì cả?”. Rồi về đến nhà, mọi người lại thấy má đang ăn cơm canh chua lá me và đĩa cá bóng kho tiêu chị

mang đến. Má không ăn gì bởi má muốn được thưởng thức trọn vẹn cái vị ấm áp, ngọt ngào của lòng hiếu thảo của chị dành riêng cho má.

Quả thật! *“Tình yêu thương luôn hiện diện trong trái tim mỗi chúng ta dù là lớn hay nhỏ”*.

Chính yêu thương luôn tồn tại trong mỗi con người, chỉ có điều là ta không biết thể hiện nó mà thôi. Chị yêu má, yêu cái người đã tạo ra chị, đã mang đến sự sống và cho chị được yêu, nhưng chị phải làm sao để má nhận ra điều đó? Đồng lương ít ỏi, chị không thể nào tặng má những món quà đắt giá hay đưa má đi ăn tại một nhà hàng nào cả, hoàn cảnh không cho phép chị thực hiện điều đó. Chị nào có biết rằng “nghèo về vật chất nhưng lại giàu về tình yêu” thì chị lại không bao giờ nghèo. Chị đã tặng má một bữa cơm bình dân, với tô canh chua lá me, đĩa cá bóng kho tiêu ăn với cơm. Nhưng nào ai có biết rằng trong đó là tất cả tấm lòng hiếu thảo của chị dành cho má của mình. Tôi nghĩ rằng món ăn ấy sẽ không thể nào bị lãng quên trong tâm trí người má, bởi lẽ nó rất ngon, ngon bởi hương vị tình yêu thương của người con gửi tới người sinh thành và nuôi dưỡng mình.

Hình ảnh của chị đã làm tôi nhớ về một con người cũng đậm lòng hiếu thảo, đó là anh Nguyễn Hữu Ân. Vì người mẹ bị bệnh ung thư của mình, anh đã phải nghỉ học để chăm sóc mẹ. Tôi biết rằng anh đã rất cố gắng để chăm sóc mẹ mình, anh đang rất trân trọng từng giây từng phút được ở bên mẹ, vì anh biết rằng đây là lần cuối để anh bày tỏ lòng hiếu thảo của mình. Cả hai hình ảnh ấy đã làm tôi càng tin tưởng hơn vào tình yêu thương mà chúng ta dành cho nhau. Có những việc làm tưởng chừng như bình thường nhưng với mọi người lại rất ý nghĩa. Nó giúp họ nhận ra rằng giữa cái thế giới dường như đang bị bóng đêm của vật chất che phủ thì vẫn còn đó một thứ ánh sáng thật ấm áp: sự yêu thương.

Tâm trạng thăm sâu nơi trái tim mọi người, kể cả tôi luôn muốn yêu thương và được yêu thương. Tôi yêu mẹ tôi, hẳn rằng cả bạn cũng vậy, và cả chị nữa. Chỉ là một món quà nhỏ bé nhưng ý nghĩa lại thật lớn lao. Đâu cần chi phải cao sang, to lớn mà lại rất bình thường, thậm chí là không ai nghĩ đến, nhưng chị đã nghĩ và đã thực hiện điều đó. Chị đã làm cho má thật vui, thật hạnh phúc và bản thân chị cũng vậy, đó chính là món quà của sự yêu thương. Món quà ấy có thể chỉ được trao tặng một cách rất bình thường như một cốc nước khi bố mẹ đi làm về, một cái ôm mừng bố mẹ đi xa về hay chỉ một câu hỏi “Bố mẹ khỏe không ạ?” cũng đủ làm tâm hồn của người ấm áp rồi. Và những việc làm đó sẽ đi sâu vào tâm hồn mọi người khi họ nhận được điều ấy.

Lòng hiếu thảo bao giờ cũng có giá trị, mà với những người thân yêu của chúng ta thì đó sẽ mãi là bất tử.

Thiên lương như thế, cao đẹp như thế mà lại có những người nữ vứt bỏ nó để rồi cuối cùng trở thành một kẻ máu lạnh, không có tình người. Những đứa con bất hiếu, thậm chí là bất nhân đã đang tâm giết hại cha mẹ của mình chỉ vì đồng tiền hay vì bị la rầy... Những kẻ ấy có còn được gọi là con người nữa không? Chúng không đáng để được có cha, mẹ trong khi biết bao người mong đợi mà không có.

Chúng ta thật may mắn biết bao khi được sống trong một gia đình êm ấm, hạnh phúc. Hãy biết giữ lấy nó, đừng để nó tuột khỏi tầm tay. Biết yêu thương chia sẻ với mọi người và hãy làm cho họ được hạnh phúc. Hãy luôn yêu thương cha mẹ của mình như chị đã yêu má của mình. Đừng làm cho nỗi buồn hiện lên trong mắt mẹ,

đừng để nụ cười vụt tắt trên môi cha. Hãy sống sao cho xứng đáng với tình yêu mà cha mẹ dành cho ta cũng như mọi người dành cho chúng ta.

Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có tình yêu thương? Đó hẳn sẽ là một cuộc sống nhàm chán và khô cằn. Tình yêu thương, hay trong câu chuyện là lòng hiếu thảo đã sưởi ấm không biết bao nhiêu trái tim lạnh giá, đã để lại trong chúng ta biết được thế nào là lòng yêu thương. Hãy là một người con hiếu thảo với cha mẹ, là một người biết yêu thương với mỗi người:

Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy

Ta có thêm ngày nữa để yêu thương.

(Cảm ơn đời – Trịnh Hưng)

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 7 NĂM 2010 KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

Nêu suy nghĩ của em về việc tự học.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Huỳnh Khải Lén,
học sinh lớp 6/4, trường THCS Võ Thị Sáu,
tỉnh Bạc Liêu**

BÀI LÀM

Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai. Đúng vậy, trẻ em chính là tương lai của dân tộc, đất nước, trẻ em cần được học tập để phát triển đất nước. Vậy phương pháp học tập nào là tốt để trẻ em nói riêng và tất cả chúng ta nói chung có thể học tốt? Đó chính là: tự học.

Vậy tự học là gì? Việc tự học sẽ mang lại những kết quả gì? Đối với tất cả chúng ta thì việc tự học không phải quá xa lạ. “Tự” chính là một mình làm việc gì đó, “tự học” chính là việc chúng ta tự học tập một mình, không phải đợi ai nhắc nhở, không dựa vào bất kì ai. Tự học sẽ giúp chúng ta hiểu hơn những bài giảng trong lớp, nắm vững những kiến thức đã học, từ đó, việc học tập sẽ đạt kết quả tốt hơn. Ngoài ra, tự học còn giúp ta rèn luyện tính tự giác trong học tập và tự lập trong cuộc sống. Thực tế có rất nhiều người nhờ tự học mà đã gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống như: Mạc Đĩnh Chi – cậu học trò nghèo tự học bằng đèn đom đóm vào mỗi buổi tối, hay như: Tuệ Tĩnh – thầy thuốc nổi tiếng đã từng đốt lá khô để tự học về các loại thuốc mỗi tối... Và còn nhiều, nhiều nữa những tấm gương tự học đáng để ta ngưỡng mộ và khâm phục.

Bên cạnh những con người ý chí tự học như thế thì cũng không ít những người đã sao nhãng việc tự học, đặc biệt là nhiều bạn trẻ ngày nay. Họ chỉ biết học trên lớp mà không tự học ở nhà khiến kiến thức đã học không vững chắc, việc học tập chung cũng vì đó mà giảm sút. Vậy thì bạn chỉ cần bỏ ra vài tiếng tự học ở nhà là đã có thể hiểu hơn về bài học còn hơn là chơi những trò vô bổ để rồi kết quả học tập giảm sút, bạn sẽ chọn cách làm nào?

Thực tế, tự học không phải là tự học tất cả mà không cần lắng nghe ý kiến của bất kì ai về bài làm mà ta cũng cần tiếp thu những ý kiến hay để tự học có thể đạt hiệu quả cao hơn. Tự học cũng không phải là chỉ tự học về những bài học trên lớp mà còn cần học những điều trong cuộc sống bằng sự quan sát, học hỏi của bản thân

vì: “Các điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước. Các điều chúng ta không biết là cả một đại dương” (I. Newton).

Thế nhưng, tại sao vẫn có người tự học mà vẫn không đạt kết quả tốt? Phải chăng là vì có một số người mới có khả năng tự học tốt? Điều này cũng chưa chính xác hoàn toàn mà nguyên nhân chính là do những người đó chưa có cách tự học đúng đắn. Thế thì chúng ta phải tự học thế nào cho đúng? Chúng ta phải biết vận dụng các kiến thức đã học khi làm bài tập ở nhà, tích cực tìm hiểu các kiến thức bên ngoài qua sách báo, truyền thông, tích cực tư duy trong khi học, hạn chế dùng hoặc chép sách giải. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể tự học tốt.

Tóm lại, tự học là một cách học hay mà tất cả chúng ta cần thực hiện. Từ đó, chúng ta có thể đạt nhiều kết quả tốt trong học tập để phát triển quê hương đất nước vào một ngày không xa.

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Hình ảnh quê hương trong lòng em.
Hãy viết bài văn về chủ đề trên.

Bài thi đoạt giải Nhất của Lê Thị Kim Trang,
học sinh lớp 9A4, trường THCS Tân Hưng Tây,
huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

BÀI LÀM

Cà Mau trong tôi!

*Quê hương là gì hở mẹ?
Mà sao cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ?
Ai đi xa cũng nhớ nhiều!*

(*Quê hương* – Đỗ Trung Quân)

Vậy quê hương là gì mà trong bài giảng cô dạy chúng ta phải yêu? Quê hương là gì mà mỗi khi đi xa ta lại da diết nhớ? Quê hương chính là nơi “chôn nhau cắt rốn”, nơi gắn bó với cả tuổi thơ ta... Ai cũng có một quê hương – và tôi cũng thế! Quê hương đối với tôi là những gì thân thuộc nhất. Là chiếc cầu nhỏ bắc qua sông, là cánh đồng, là những chiều hoàng hôn được đi lòng vòng trên biển... Đẽ ròi tất cả trở thành nỗi nhớ khôn nguôi mỗi khi tôi đi xa. Quê hương tôi, mảnh đất cuối cùng của Tổ quốc – mảnh đất Cà Mau yêu thương!

Nhắc đến Cà Mau chắc hẳn ai cũng nhớ đến sự chằng chịt của sông ngòi! Sông quê tôi mang một nét đẹp riêng mà có lẽ tôi sẽ không tìm thấy ở bất cứ nơi đâu trên mảnh đất hình chữ S!

Hãy đến đây mà lắng nghe tiếng mái chèo khua nhẹ lướt vào mỗi buổi sớm mai. Sông như rộn ràng, như hội tụ bao cuộc mưu sinh của những con người gắn bó thân thiết với mảnh đất này. Các chú, các bác thợ chài khẽ tung chài xuống rồi gương mặt hớn hờ khi chài đầy những con cá, con tôm béo mập! Còn các chị, các cô thôn nữ duyên dáng trong chiếc áo bà ba đang nhẹ nhàng khua chèo lướt sóng. Tiếng cười, tiếng nói râm ran khắp cả mặt sông. Các chị vui vẻ và cảm thấy hạnh phúc khi được đem những đặc sản quê mình ra chợ bán. Ít rau quả, ít cá mắm, tới những chiếc bánh được gói tỉ mỉ công phu... ở vườn nhà. Tất cả đều họp về chợ. Chợ họp ở mặt sông – người ta gọi đó là chợ nổi. Còn những đứa trẻ con chúng tôi hay ngụp lặn dưới sông mỗi khi trời nắng nóng. Chúng tôi vui đùa, nghịch ngợm bên nhau. Sông cũng vui đùa nghịch ngợm với chúng tôi. Sông ôm chúng tôi vào lòng nhẹ nhàng,

triu mền như một người mẹ đối với đàn con thơ. Quên làm sao những buổi tối sáng trăng được thả hồn theo sông nước. Ánh trăng sáng vàng vạc chiếu xuống lấp lánh ở mặt sông. Cũng chính những đêm trăng như thế mà nhiều thi sĩ, nhạc sĩ đã có nguồn cảm hứng sáng tác!

Sông quê tôi – sông không những đẹp, không những thơ mộng mà dòng sông còn chở nặng phù sa bồi đắp cho những cánh đồng. Những cánh đồng được thể cứ xanh xanh, cứ trĩu hạt. Yêu sao những khi được cùng mẹ ra đồng. Đi trên những con đê, được ngửi mùi thơm của lúa chín thì thấy trong lòng lâng lâng một cảm giác khó tả. Và không gì thích bằng khi được ở trong những ruộng dưa hấu, dưa gang... Cũng chính vì thế mà bọn trẻ chúng tôi thường hay ra những ruộng ấy để bẻ quả. Ngồi giữa ruộng, bẻ một quả dưa hấu, xẻ ăn tại chỗ, vị ngọt mát của dưa, hương thơm thoang thoảng của lúa chín, hòa quyện với nhau tạo nên một hương vị kì lạ và vô cùng đặc biệt... Những buổi chiều tà các cô chú thường hay rủ nhau bắt cá đồng rồi nướng lên. Những con cá lóc nướng vàng ươm, thơm phức cứ làm cho tôi luyến nhớ. Thêm một chén mắm gừng và vài cọng rau sống thì thật là hết ý. Ngồi đây ta có thể nhìn thấy một lớp sóng biển lăn tăn lạ kì. Đó là cánh đồng bạt ngàn khi có gió!

Không những chỉ có sông, có đồng mà biển quê tôi còn rất đẹp. Tôi yêu lắm cái hoàng hôn trên biển! Và yêu lắm cái chất phác của con người nơi đây!

Chiều buông xuống những tia nắng tím đường về với mẹ. Như còn luyến tiếc nơi đây, vẫn còn một số tia nắng con rong chơi, chưa chịu về... Để người mẹ mặt trời, đỏ ửng hai má lên vì tìm con. Những tia nắng nghịch ngợm soi bóng xuống mặt biển lấp lánh. Rồi người mẹ cũng đã tìm đến với các con, khuôn mặt mẹ soi bóng xuống đỏ ửng cả mặt biển. Xa xa đằng cuối chân trời từng đoàn thuyền đánh cá nối tiếp nhau về. Từng đợt sóng cứ đập vào thuyền như cùng chia vui với mọi người. Tôi không sao quên được những em bé ở vùng biển mặn này! Các em mới nhỏ tuổi mà đã có một thân hình rắn chắc, làn da đen bóng của nắng gió... Các em như những đứa con của biển cả, các em bơi nhanh như những chú rai cá. Người dân nơi đây thì mặn mà hiếu khách làm tôi không thể nào quên!

Những ngày bão dữ, sóng biển cuộn trào, gào thét, như muốn nhấn chìm tất cả. Thì chẳng hề chi vì chúng tôi đã có rừng chắn biển. Rừng mọc ở ven biển, bạn có tin được không? Thật đấy, đó là rừng ngập mặn. Rừng với đước, với mắm – những loài cây có rễ như hàng ngàn hàng vạn bàn tay đang ôm chặt lấy đất. Như những người dân Cà Mau bám chặt lấy quê hương.

Không chỉ có rừng ngập mặn mà quê hương yêu thương của tôi còn có rừng tràm. Tôi thường theo cha vào rừng lấy mật, được ngửi hương thơm của tràm và nhấm nháp một ít mật ong thì còn gì thú vị hơn nữa. Những con ong chăm chỉ đang góp từng giọt mật giống như người Cà Mau đang cố gắng góp mật cho đời, cố gắng xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Và họ hiểu một điều gần như là chân lí rằng: “Chỉ có cái chữ mới đem lại sự no ấm”. Chính vì thế mà các ngôi trường cũng được dựng lên nhiều hơn. Vui biết bao khi nhìn các em nhỏ cắp sách đến trường trong những ngôi trường mới. Đối với chúng tôi những ngôi trường uy nghi đó như là một tòa lâu đài cổ kính bí ẩn. Bởi ở nơi đây chúng tôi không những được thầy cô dạy kiến thức mà còn được biết nhiều điều về lịch sử đấu tranh của quê hương. Được biết ngày xưa ông cha ta đã chiến đấu anh dũng như thế nào...

Đêm đêm trên bến sông trăng giọng ai đó cất lên ngọt ngào:

Từ là từ phú tướng, bảo kiếm sắc phong lên đàng...

Mọi người quê tôi lại quây quần bên nhau say sưa ca hát sau một ngày làm việc mệt nhọc. Giọng ca ấy đã đi vào tâm trí của tôi từ lúc nào tôi cũng không biết nữa? Tôi chỉ biết rằng tôi yêu nó hơn tất cả những loại nhạc trên đời này!

Quê yêu thương – quê nuôi nấng những đứa con trưởng thành. Rồi quê dang rộng vòng tay đón chúng trở về sau mỗi lần lập nghiệp, Tết đến, xuân về các lũ khách lại trở về với gia đình trong quê hương mút dưa, mút chuối, bên nồi bánh tét trong đêm giao thừa... Và khi họ lại đi xa thì nó là một kỉ niệm khó quên trong cuộc đời họ.

Tôi cũng vậy, quê hương là một cái gì đó rất quan trọng trong lòng tôi. Quê tôi đẹp – quê tôi bình yên. Quê nuôi lớn tôi, dạy cho tôi biết yêu thương lẫn nhau, biết hòa mình cùng thiên nhiên. Những kỉ niệm với quê hương, tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ. Quê đối với tôi như cha, như mẹ. Tôi yêu quê cũng giống như yêu những người thân trong gia đình mình vậy. Nếu có ai đó hỏi tôi có muốn sống ở một quê khác xinh đẹp, nhộn nhịp hơn nhiều không? Thì tôi xin trả lời rằng: “Không! Mãi mãi không!”, vì nhịp đập của con tim tôi đã hòa cùng nhịp đập với quê hương từ lâu lắm rồi...!

Tôi yêu quê! Yêu những con người chất phác, mặn mà nơi này! Yêu dòng sông, cánh đồng... Yêu những kỉ niệm êm đềm với quê hương! Tôi đang lo sẽ có ngày tôi phải xa quê hương đến một miền quê khác, chắc tôi sẽ nhớ quê nhiều lắm! Và hình bóng của quê hương sẽ mãi khắc trong lòng tôi! Bỗng con tim tôi thổn thức vang lên lời hát:

Anh đến quê em đất biển Cà Mau. Có thấy xanh tươi, cánh đồng bát ngát...

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 8 NĂM 2011 KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI KHỐI 6 – 7

Thời tiết thất thường chợt nắng, chợt mưa. Ở lưng chừng dốc, có một quán nhỏ, nó cũng đầy bụi lúc nắng, cũng âm ướt, trơn trượt khi trời mưa nhưng chính vào lúc mưa mỗi lúc một nặng hạt thì quán bỗng nhiên đông khách hơn.

Mưa càng lớn, quán lại càng đông khách. Tiếng trò chuyện rôm rả làm xua đi cái giá rét của cơn mưa đầu mùa dai dẳng.

Bà chủ quán liên tục chép miệng. Cũng dễ hiểu thôi, bà đang lo lắng cho hai mẹ con chở nước vo gạo nghèo khó, sức yếu, thùng nước thì lại quá nặng trong khi con dốc cao, lầy lội.

Chủ khách vừa mới đến hỏi bà ấy rất nhiều việc. Bà cũng ân cần kể lại cho mọi người nghe. Bà đã ở đây rất lâu, đã chứng kiến biết bao sự việc từng xảy ra trên con dốc lắm hiểm nguy này. Có lần bà đã băng bó vết thương cho hai vợ chồng bị ngã ngay giữa dốc.

Một lát sau, hai mẹ con chở nước cũng đến. Người mẹ mặc áo công nhân xanh, lam lũ, khó nhọc từng bước trên con dốc cao ấy. Dáng người khắc khổ, thò hai thùng nước gạo nặng, bên trên còn có cả bó củi to. Đứa bé xách theo mình chiếc áo mưa tả tơi chạy theo mẹ. Bao vất vả đường đời của hai mẹ con dường như đã hằn sâu vào vòm trán đầy vết nhăn.

Bà chủ quán reo lên “đến rồi”, sau đó bà liền chạy đến cuối con dốc, giúp hai mẹ con vượt qua con dốc. Mặc cho trời mưa, lạnh

buốt, ba tấm thân gầy vẫn ở đó, vẫn cố gắng. Đột nhiên, khi đi được nửa chặng đường. Một âm thanh “ầm...” vang lên, thùng nước gạo đổ xuống đất, nước gạo hòa quyện với nước mưa, trôi lênh láng khắp mặt đường. Mọi người không ai báo ai, đều chạy ra màn mưa giá buốt. Người giúp việc này, kể làm việc kia.

Sau một hồi vật lộn với mưa. Mọi người cũng đưa hai mẹ con vào quán. Người mẹ bị bó củi xẻ rách ống quần, lại thêm nước mưa thấm vào nên hơi bị choáng. Bà chủ quán vừa thoa dầu lại vừa cảm ơn mọi người rồi rít.

Mưa đã tạnh. Mọi người chuẩn bị ra về, lục tục trả tiền nước nhưng bà chủ quán nhất quyết không nhận vì bà bảo rằng mọi người không ngại gió mưa mà vẫn giúp đỡ người khác thì làm sao bà nữa lấy tiền được. Bà còn hẹn dịp khác đi qua con dốc này cứ ghé vào quán nghỉ ngơi.

Hãy đặt tựa đề cho câu chuyện trên.

Trình bày cảm nhận của em về ý nghĩa của câu chuyện.

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Ngọc Diệp,
học sinh lớp 7B, trường THCS Núi Sập,
huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang**

BÀI LÀM

Tựa đề của câu chuyện: CON DỐC TINH NGƯỜI.

Mưa... Mưa vẫn đang rơi, rơi tí tách gọi về trong em biết bao suy nghĩ lạ kì. Người đường, từng dòng người hối hả chạy đi. Bỗng nhiên, em lại nhớ lại hình ảnh con dốc và người chủ quán nước tốt bụng trong câu chuyện ấy. Có lẽ câu chuyện đã mang hơi ấm tình người đi sâu vào lòng biết bao nhiêu người đó đã sưởi ấm cho tâm hồn em trong những ngày mưa giá rét cũng như cho cả cuộc đời em.

Hôm ấy, tình cờ làm sao mà cũng bất ngờ làm sao, em đã đọc được câu chuyện về con dốc miền cao. Thời tiết thất thường chợt nắng, chợt mưa mang theo biết bao lo toan cho người dân nơi ấy. Đặc biệt là con dốc cao, có lẽ vào những ngày Tết trời oi ả, bụi đường nằm yên, đôi lúc cũng thả mình vào chuyến phiêu lưu khi muốn dính vào áo khách qua lại, nhưng khi trời bắt đầu đổ cơn mưa, dù chỉ là mưa nhẹ thôi nhưng cũng đủ để làm con dốc thêm lầy lội, trơn trượt. Ở lưng chừng dốc, có một quán nhỏ, nó cũng đầy bụi lúc nắng, cũng ẩm ướt, trơn trượt khi trời mưa nhưng chính vào lúc mưa mỗi lúc một nặng hạt thì quán bỗng nhiên đông khách hơn. Những người dân nơi đây, tuy cuộc sống lao động vô cùng vất vả nhưng họ vẫn rất lạc quan, vui vẻ. Điều đó được thể hiện qua những câu chuyện đời thường bình dị nhưng đầy ắp tiếng cười. Những việc làm, những hành động tưởng chừng như là quá đổi bình thường nhưng kì lạ làm sao, chúng bỗng nhiên tươi vui và sinh động làm sao. Mưa càng lớn, quán lại càng đông khách. Tiếng trò chuyện rôm rả làm xua đi cái giá rét của cơn mưa đầu mùa dai dẳng. Một không khí thật ấm áp, dạt dào yêu thương cứ như là một đại gia đình vậy. Bà chủ quán liên tục chép miệng. Cũng dễ hiểu thôi, bà đang lo lắng cho hai mẹ con chở nước vo gạo nghèo khó, sức yếu, thùng nước thì lại quá nặng trong khi con dốc cao, lầy lội. Qua lời kể đầy chua xót, cảm thông của bà, em nhận ra một cái gì đó thật bao la, thật đẹp đẽ và tuyệt vời đến lạ kì toát ra từ một dáng người bé nhỏ. Chú khách vừa mới đến hỏi bà ấy rất nhiều việc. Bà cũng ân cần kể lại cho mọi người nghe. Bà đã ở đây rất lâu, đã chứng kiến biết

bao sự việc từng xảy ra trên con dốc lẫm hiềm nguy này. Có lần bà đã băng bó vết thương cho hai vợ chồng bị ngã ngay giữa dốc. Còn nhiều, nhiều lắm sự việc xảy ra, bà nhớ tất cả, những sự việc ấy đã đi sâu vào kí ức của bà. Chao ôi! Bao nhiêu kỉ niệm cũng chính là bấy nhiêu việc tốt bà đã làm, cũng là bấy nhiêu dấu son đẹp trong lòng người khác. Đôi mắt bà xa xăm nhưng cũng thật gần gũi, nó thật hiền lành, phúc hậu làm sao! Thật khó tin vì em dám đưa ra nhận định đó vì em chưa từng gặp mặt bà chủ quán tốt bụng ấy nhưng chính những việc làm đó đã gọi lên trong lòng em một hình ảnh thật gần gũi, thân thương làm sao.

Một lát sau đó, hai mẹ con chờ nước cũng đến. Người mẹ mặc áo công nhân xanh, lam lũ, khó nhọc từng bước trên con dốc cao ấy. Dáng người khắc khổ, thò hai thùng nước gạo nặng, bên trên còn có cả bó củi to. Đứa bé xách theo mình chiếc áo mưa tả tơi chạy theo mẹ. Bao vất vả đường đời của hai mẹ con dường như đã hằn sâu vào vòm trán đầy vết nhăn. Bà chủ quán reo lên “đến rồi”, sau đó bà liền chạy đến cuối con dốc, giúp hai mẹ con vượt qua con dốc. Mặc cho trời mưa, lạnh buốt, ba tấm thân gầy vằn ở đó, vẫn cố gắng. Đột nhiên, khi đi được nửa chặng đường. Một âm thanh “ầm...” vang lên, thùng nước gạo đổ xuống đất, nước gạo hòa quyện với nước mưa, trôi lênh láng khắp mặt đường. Mọi người không ai bảo ai, đều chạy ra màn mưa giá buốt. Người giúp việc này, kẻ làm việc kia.

Cuối cùng, sau một hồi vật lộn với mưa. Mọi người cũng đưa hai mẹ con vào quán. Người mẹ bị bó củi xé rách ống quần, lại thêm nước mưa thấm vào nên hơi bị choáng. Bà chủ quán vừa thoa dầu lại vừa cảm ơn mọi người rồi rít. Quả thật dù ngoài trời mưa âm âm, xối xả lạnh đến thấu xương nhưng mọi người ai nấy đều vui vẻ, một ngọn lửa bùng cháy đã sưởi ấm cho biết bao tâm hồn con người. Ngọn lửa, đúng chính là ngọn lửa, một ngọn lửa của tình yêu thương giữa người với người, của sự cảm thông đầy niềm trân trọng, và của cả tấm lòng tốt bụng, giúp người không quản khó khăn.

Mưa đã tạnh. Mọi người chuẩn bị ra về, lục tục trả tiền nước nhưng bà chủ quán nhất quyết không nhận vì bà bảo rằng mọi người không ngại gió mưa mà vẫn giúp đỡ người khác thì làm sao bà nỡ lấy tiền được. Bà còn hẹn dịp khác đi qua con dốc này cứ ghé vào quán nghỉ ngơi. Tất cả mọi người ai cũng vô cùng phấn khởi không chỉ vì mình vừa làm việc tốt mà họ còn rất cảm phục tấm lòng nhân ái của bà chủ quán nơi đây. Riêng em, dù chỉ được đọc câu chuyện này nhưng trong lòng vẫn dâng lên một cảm giác khó tả. Một sự kính phục chăng? Không, không chỉ dừng lại ở đây, em còn rất, rất nhiều những cảm xúc lạ kì lâng lâng khó tả. Cũng giống như những người khách, tâm hồn em bỗng nhiên lộng gió yêu thương. Hình ảnh bà chủ quán tốt bụng sẽ làm tấm gương sáng, sáng hơn bao giờ hết dạy em ý nghĩa của tình yêu thương giữa người với người, một tấm lòng cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ người khác trong cuộc sống hằng ngày.

Cùng với thời gian, câu chuyện về con dốc trong ngày mưa đó đã trở thành một hồi ức đẹp, mang lại cho em nhiều tình cảm dạt dào. Và hơn bao giờ hết, ngay lúc ngày hôm nay, một ngày trời mưa nặng hạt thì hình ảnh con dốc và bà chủ quán quen thuộc lại hiện lên một cách thật rõ ràng và thấp thoáng trong màn mưa xa xa vẫn có một cái gì đó rất lạ, dường như đó chính là những bài học của cuộc đời, ý nghĩa cao đẹp của cuộc sống mà câu chuyện đã mang đến cho tâm hồn em lúc ấy và mãi mãi sau này.

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

**Có ý kiến cho rằng: “Tuổi trẻ hãy luôn ước mơ nhiều hơn”.
Nêu suy nghĩ của em về ý kiến trên.**

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Huỳnh Trúc Phương,
học sinh lớp 9B, trường THCS Lê Quý Đôn,
Thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang**

BÀI LÀM

Cuộc sống là một bức tranh muôn màu muôn vẻ, với đầy đủ những gam màu tươi sáng trong đó có biết bao niềm hạnh phúc, nỗi trắc trở, lo âu trong cuộc sống hằng ngày. Các bạn ạ! Trong đời sống bận rộn ngày nay, chắc hẳn trong mỗi chúng ta, ai mà không có những hoài bão cho riêng mình. Đặc biệt là tuổi trẻ chúng ta – tuổi mà có nhiều ước mơ, những khát khao cháy bỏng vươn tới cái hay, cái đẹp nhất trong cuộc sống. Chính vì vậy mà có ý kiến cho rằng: “*Tuổi trẻ hãy luôn ước mơ nhiều hơn*”.

Tôi cũng vậy, khi còn bé tôi hay giành thời gian để mơ mộng, để giờ đây có bao nhiêu là ước vọng cháy bỏng trong tôi. Từ hồi còn bé xíu, khi được đi công viên cùng mẹ, tôi đã hằng ao ước được mẹ mua cho que kem thơm lừng và những viên kẹo ngọt. Mỗi khi ngồi trong lớp, tôi lại ước có những điểm mười đỏ tươi nở rộ trên trang giấy trắng, ước có những lời yêu thương, khen ngợi của thầy cô... Nhưng giờ đây, khi bước vào cái tuổi “ô mai” tràn đầy nhựa sống những ước mơ theo tôi cũng đã thay đổi, tôi không còn ước mơ cho riêng mình nữa mà tôi đã ban tặng những ước mơ đó cho gia đình, xã hội và tất cả mọi người đang sống trên hành tinh này.

Đầu tiên tôi xin ước cho người mà tôi yêu thương nhất, người đã chăm sóc, dạy bảo tôi từ khi tôi cất tiếng khóc chào đời, người luôn bên tôi chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng tôi. Đó chính là mẹ tôi. Tôi còn nhớ trong dịp đi lễ Phật cùng mẹ trong ngày Lễ Vu Lan. Khi bước đến cổng chùa, mẹ đã cài lên ngực tôi một bông hồng đỏ thắm, lúc ấy tôi chỉ là một cô bé lên mười không suy nghĩ gì nhiều, tôi chỉ nghĩ mẹ cài cho mình để làm cho chiếc áo mình đẹp thêm. Nhưng khi bước vào chùa, tôi đã thấy người thì cài bông hoa hồng màu đỏ, người lại cài bông hồng màu trắng. Tôi thắc mắc về điều ấy và chạy đến hỏi mẹ: “Mẹ ơi, sao có người lại cài hoa đỏ, có người lại cài hoa trắng, sao họ không cài cái hoa đỏ giống như con thì đẹp hơn? Mẹ tôi bỗng im lặng, chưa kịp trả lời thì tôi thấy một anh đứng cạnh tôi cũng cài một bông hồng trắng, dường như anh nghe được câu hỏi của tôi rồi quay sang nhìn tôi, gương mặt gầy gò của anh bỗng tái nhợt đi, hai mắt anh đỏ hoe, những giọt nước mắt lăn dài. Tôi lại hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Tại sao anh ấy khóc thế mẹ?”. Mẹ vội nói nhỏ vào tai tôi: “Anh ấy mất mẹ rồi con”. Câu trả lời ấy đã làm tôi im bật đi, rồi chợt những dòng suy nghĩ lướt trong đầu tôi. Mất mẹ ư? Điều đó thật tôi tệ biết nhường nào. Và bỗng một số suy nghĩ đã làm tôi hốt hoảng “Nếu có một ngày không có mẹ trên đời”. Không! Tôi không bao giờ để điều đó xảy ra, tôi không muốn mất mẹ, mất đi tình cảm thiêng liêng nhất, mất đi những lời yêu thương mà mẹ dành cho tôi. Tôi không muốn mỗi dịp Vu Lan về bông hồng đỏ đã thay bằng hoa trắng, tôi phải chạnh lòng những giọt nước mắt tuôn rơi. Trong lúc đó tôi ước gì mẹ vẫn còn sống mãi bên tôi, đưa tôi đến bến bờ hạnh phúc, mẹ sẽ không bao giờ xa tôi, luôn nắm chặt bàn tay đứa con gái bé bỏng của mình. Và rồi cái ước muốn đó chính là ngọn lửa cháy bỏng trong lòng tôi, nó sẽ đi theo tôi đến suốt cuộc đời này và không bao giờ dập tắt. Đó là tôi ước riêng cho mẹ tôi, người phụ nữ tuyệt vời nhất.

Điều thứ hai tôi ước sẽ là tôi ước cho toàn nhân loại này được hưởng một bầu không khí trong lành không còn một hạt bụi. Các bạn thử nghĩ mà xem, trong cuộc sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày nay, con người đã chạy theo nhịp sống bận rộn vì lợi ích của chính mình mà phá hủy đi môi trường sống của chính mình. Họ đã quên đi môi trường đã đem lại lợi ích to lớn cho họ, từ lúc con người còn “ăn hang ở lỗ” họ đã cần đến môi trường, cần những quả trái cây thơm mát, những con thú rừng to béo... Chính môi trường đã đem lại một bức tranh thiên nhiên diệu kì với biết bao nhiêu là cảnh đẹp, những đồng lúa xanh bạt ngàn, những dãy núi cao chạy dài ven những bãi biển, những khu rừng với bao nhiêu là bóng cây tươi mát và còn nhiều, nhiều lợi ích mà môi trường mang đến cho chúng ta. Nhưng giờ đây con người đã tàn nhẫn giẫm đạp lên môi trường, những khu công nghiệp mọc lên ở khắp nơi với những ống khói cao chọc trời như những thanh gươm bén nhọn chọc thủng bầu trời xanh. Những chiếc xe ô tô phì phèo thả khói bụi vào môi trường... Và rồi con người “gieo nhân nào gặt quả nấy” – họ đã phải gánh chịu hậu quả thảm thương, những đợt sóng to, gió lớn đã ập đến với họ, những đau thương tàn khốc, những căn bệnh hiểm nghèo đã giáng lên đầu họ. Giờ đây khi bầu không khí không còn được trong lành như trước nữa, tôi không còn ngửi được mùi hương của hoa, của lá thì tôi sẽ dành một điều ước của tôi cho nhân loại. Tôi ước họ được hưởng bầu không khí trong lành, không có một hạt bụi.

Các bạn ạ! Tôi biết những ước mơ của tôi rất to lớn, nhưng hãy nghĩ mà xem nó cũng nhỏ bé như bao ước mơ khác. Ước cho mẹ tôi được sống mãi, tôi biết điều đó là không thể bởi vì cuộc sống có khi nào là ngừng trôi, thời gian có khi nào là dừng lại. Nhưng điều đó sẽ cố níu thời gian trở lại để tôi luôn bên mẹ, phụng dưỡng mẹ khi về già. Quãng đời ngắn ngủi còn lại của mẹ sẽ luôn có tôi, tôi sẽ chăm sóc mẹ tôi như mẹ tôi đã chăm sóc cho tôi vậy, tôi sẽ không làm cho mẹ tôi buồn, không làm cho mẹ tôi phải khóc. Tôi sẽ dành tất cả những tình cảm của mình cho mẹ. Đó cũng chính là tôi đang biến cái ước mơ đó thành sự thật đấy.

Ước có bầu không khí trong lành. Tôi nghĩ chẳng bao lâu nữa điều ước đó sẽ trở thành sự thật mà thôi. Các bạn có biết không, muốn biến ước mơ đó thành sự thật thì tuổi nhỏ chúng mình phải học tập thật tốt, trau dồi kiến thức thật sâu để mai này sẽ là chủ nhân tương lai của đất nước, để là nhà nghiên cứu, nghiên cứu ra các hệ thống máy lọc bụi, ô tô không chạy bằng nhiên liệu để không còn dẹt thả khói. Giờ đây chúng mình có thể thực hiện ước mơ đó nữa đấy bằng ý thức của mình, chúng ta sẽ giữ gìn vệ sinh môi trường vệ sinh chung, để ngăn cản nhưng “anh bụi” phá phách chen vào bầu không khí chúng ta. Chúng ta sẽ là những “Chiến sĩ bảo vệ môi trường” các bạn nhé!

Cùng chung tay góp sức bằng chính tấm lòng mình để biến ước mơ thành sự thật. Chúng ta là những con người thông minh hãy cầm chiếc đuốc thần nhiệm màu mà hóa phép để những điều ước đó có thể hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta. Tôi mong các bạn sẽ giống tôi luôn ước ao và luôn thực hiện được điều mình ước nhé!

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 9 NĂM 2012
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Có ý kiến cho rằng: “*Nước cực kì quan trọng đối với cuộc sống của con người và toàn thể sinh vật trên Trái Đất*”.
Nêu suy nghĩ của em về vai trò của nước trong đời sống.

Bài thi đoạt giải Nhất của Dương Lê Mĩ Huyền,
học sinh lớp 8B, trường THCS Thuận Hòa,
huyện Mĩ Tú, tỉnh Sóc Trăng

BÀI LÀM

Ngày nay, con người có nhu cầu phát triển công nghiệp để đưa kinh tế đi lên. Mãi miệt khai thác và sản xuất, người ta đã “giết chết” môi trường, thiên nhiên – một món quà quý mà Tạo hóa đã ban tặng. Nước là một trong những yếu tố tự nhiên đang dần bị phá hủy. Một số người đã quên rằng: *Nước cực kì quan trọng đối với cuộc sống của con người và toàn thể sinh vật trên Trái Đất*.

Vậy, nước là gì? Xin thưa, theo định nghĩa khoa học, nước là một hợp chất được cấu tạo từ hai nguyên tố hóa học là Hidrô và Ôxi. Còn trong đời sống, nước là một yếu tố tự nhiên ở dạng chất lỏng trong suốt, không có mùi vị. $\frac{3}{4}$ diện tích bề mặt Trái Đất là nước. Nước hiện diện khắp nơi trong đời sống chúng ta, nó có ở: ao, hồ, sông, suối, biển, trong không khí và trong cơ thể chúng ta và mọi sinh vật khác.

Vì thế, nước có vai trò rất quan trọng. 70% khối lượng cơ thể ta và nhiều loài sinh vật khác là nước. Trong máu gồm có huyết tương, nước và các tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu. Chính nhờ lượng nước này, các chất dinh dưỡng được máu vận chuyển đi khắp các cơ quan để nuôi cơ thể. Song song với đó, nước còn giúp cho hệ bài tiết hoạt động tốt, loại bỏ nhiều chất cặn bã ra môi trường bên ngoài qua nước tiểu và mồ hôi. Đó là tác dụng bên trong, đối với bên ngoài, nước giúp ta loại bỏ chất bẩn, tế bào chết, vi trùng có hại trên da. Giúp ta luôn sạch sẽ, khỏe mạnh. Do đó, cần uống nhiều nước (1,5 → 2 lít/ ngày) và năng tắm gội sạch sẽ. Ấy là vai trò của nước đối với con người.

Không chỉ vậy, nước là một thành phần rất quan trọng trong tự nhiên. Đây là môi trường sống của cá, tôm, cua... cũng như con người sống trên mặt đất và giữa bầu không khí vậy. Ta trồng bất kì cây gì, nếu ta không bón phân, nó vẫn có thể sống nhờ tổng hợp chất dinh dưỡng từ đất. Nhưng nếu ta không tưới nước thì cây không tài nào sống được. Con người và nhiều động vật khác có thể nhịn ăn trong vài ngày nhưng không thể nhịn khát quá một ngày. Ngoài ra nước còn là tiêu chí đánh giá độ màu mỡ của đất.

Trong lúc nền khoa học – công nghệ tiên tiến như hiện nay, nước lại càng quan trọng hơn. Ở một số nước phát triển, người ta điều chế khí Hidrô để có nguồn năng lượng sạch thông qua hình thức điện phân nước. Và gần gũi hơn, ở tất cả các nước trên thế giới đều dùng sức mạnh dòng chảy của nước để tạo ra năng lượng thủy điện – nguồn năng lượng quan trọng trong đời sống con người.

Ta thấy đó, nước đóng vai trò rất to lớn trong đời sống, ấy vậy mà người ta nhẫn tâm “giết nước”. Ngày ngày, nước thải từ các khu dân cư, khu công nghiệp, bệnh viện, chợ búa... ồ ạt đổ vào những dòng sông gây ô nhiễm trầm trọng. Tiêu biểu là trong những ngày gần đây, các phương tiện truyền thông đang lên án công ti bột ngọt VeDan “giết chết” sông Thị Vải – Đồng Nai. Công ti này không hề có bất kì

hình thức xử lí nước thải nào trước khi đổ ồ ạt một lượng lớn nước thải vào dòng sông. Thật đau lòng thay khi thấy một dòng sông “chết” – đen ngòm, đầy bọt khí và bốc mùi nồng nặc. Họ làm vậy, liệu có nghĩ tới hậu quả? Và xin nhấn mạnh rằng, người lãnh nhận hậu quả nặng nề từ tội ác ấy, không ai khác là chính con người chúng ta. Hãy nhìn đến những hộ gia đình sống ven các dòng sông bị ô nhiễm mà xem. Quanh năm, họ phải chịu đựng mùi hôi nồng nặc này, phải hít vào bao nhiêu khí độc. Tim ta đau nhói khi nhìn những đứa trẻ nơi đây còm cõi, người đầy mẩn ngứa. Xin hỏi, những người xả ra thứ chất độc “giết chết” dòng nước ấy, họ có biết rằng mình đang giết chết đồng bào, đồng loại của mình không? Những hành vi này, cần bị xã hội lên án và các cơ quan chức năng trừng trị nghiêm khắc. Nhưng rồi, những dòng sông chết, và những hộ gia đình sống ven khu vực đó sẽ ra sao? Đây vẫn còn là một câu hỏi lớn khao khát được giải đáp bằng hành động. Vậy chúng ta sẽ hành động ra sao trước nỗi đau của nước, của môi trường?

Như ta đã biết, nguồn nước bị phá hủy là do ý thức của con người quá kém. Vậy, ngay từ bây giờ, mỗi người chúng ta hãy tự nâng cao ý thức của mình về vấn đề này. Hãy luôn tự tâm niệm với mình: “Đừng vứt rác, bao ni lông xuống sông, hồ...”. Hãy tự học hỏi, tìm tòi các biện pháp tiết kiệm nước sinh hoạt – vừa bảo vệ môi trường, vừa tiết kiệm chi tiêu. Nhà trường cần nhắc nhở, nâng cao nhận thức của học sinh về vấn đề chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường. Như ở trường em, vào ngày 5 tháng 6, ngày “Môi trường thế giới” hằng năm, thầy cô đều tổ chức cho chúng em vớt rác ở những dòng sông, dọn vệ sinh, trồng cây xanh ven bờ sông hoặc lập đội tuyên truyền “Các chiến sĩ xanh” để vận động bà con ven khu vực không vứt rác thải, đặc biệt là bao ni lông xuống sông. Đây là một hoạt động vừa thú vị, vừa bổ ích. Song song với những hoạt động tích cực của các cá nhân, tập thể để giải cứu nguồn nước, các cán bộ, cơ quan chức năng cần đề ra những biện pháp ngăn cấm và xử phạt thích đáng những hành vi phá hoại môi trường và nguồn nước. Ngoài ra, chúng ta có thể tổ chức một chương trình truyền hình bổ ích, để tuyên truyền, khuyến khích mọi người chống ô nhiễm nguồn nước (tương tự như chương trình “How to keep fresh environment” trên kênh VOA của Mỹ). Và dù cho mỗi việc làm của chúng ta là vi mô hay vĩ mô, nhưng nếu được làm vì mục đích bảo vệ nước, bảo vệ môi trường thì đều đáng trân trọng.

Nói tóm lại, nước – một yếu tố tự nhiên, đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người và sinh vật. Nước giúp ta tưới tiêu, sinh hoạt, phát triển đời sống. Do đó, đừng “phản bội” nước, đừng “giết chết” nước, bạn nhé! Mà hãy cứu, hãy trân trọng bảo vệ nước. Bởi bất kì bạn là ai, già hay trẻ, giàu hay nghèo, làm nghề gì... thì bạn vẫn phải sử dụng nước và vẫn có trách nhiệm bảo vệ nước. Vì ngày mai tươi sáng, hãy cùng có những hành động thiết thực để giữ gìn nguồn nước trong sạch ngay từ hôm nay, bạn nhé!

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 10 NĂM 2013
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI
KHỐI 6 – 7

Hãy viết về một kỉ niệm tuổi thơ sâu sắc của riêng em.

Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Âu Đoàn Trang,
học sinh lớp 6D, trường THCS Lê Ngọc Hân,
huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

BÀI LÀM

Kỉ niệm chẳng là gì khi thời gian vội xóa, kỉ niệm là tất cả khi lòng người còn lưu.

Vâng, kỉ niệm – những chuỗi ngày ấu thơ còn cắp sách đến trường cùng bè bạn. Kỉ niệm còn mãi trong tim ta, kỉ niệm đáng nhớ nhất, kỉ niệm sẽ không bao giờ phai mờ khi ta cất giữ nó vào một góc con tim. Ôi, kỉ niệm ơi! Tôi nhớ nhất kỉ niệm thời ấu thơ của mình. Nhớ lắm một lần không vâng lời bà, nhớ lắm những khi trốn tiết cùng lũ bạn thân đi ăn kem và nhớ cả một lần tôi đã làm bà buồn... Câu chuyện đó tôi mãi chôn sâu vào tim, câu chuyện một năm về trước...

Hôm ấy là sinh nhật tôi. Cái ngày tôi cất tiếng khóc đầu tiên trong niềm hạnh phúc của gia đình, chào mừng một sinh linh bé bỏng chào đời, thành viên nhí của cả nhà. Tôi mời các bạn dự tiệc, mời cả bà nội sang chúc mừng. Nội tôi năm nay đã ngoài sáu mươi. Có lẽ vì đã đến tuổi về chiều nên nội thường hay đau ốm. Vì thế, bố mẹ tôi đón bà về nhà để tiện chăm sóc, phụng dưỡng. Tôi yêu bà lắm, bà luôn chiều theo ý tôi, bênh vực tôi trước trận đòn roi của ba mẹ. Hơn ai hết, tôi mong chờ món quà của bà nhất. Bởi bà từng nói bà có món quà đặc biệt dành cho tôi nhân ngày sinh nhật. Với đầu óc non nớt, dại khờ, tôi nghĩ món quà đó sẽ mang giá trị vật chất như một chiếc váy đẹp, một em búp bê xinh, cũng có thể là bộ ráp hình công chúa... Tôi ngờ đâu mở món quà tôi đã rất bất ngờ...

Happy birthday to you!

Hòa vào không khí sôi nổi, các bạn hát tặng tôi. Tôi thổi phồng những ngọn nến lung linh ánh vàng tắt đi, màu vàng may mắn. Tôi nhắm mắt, chấp tay cầu nguyện. Điều ước thứ nhất tôi ước mình học giỏi hơn nữa. Điều ước thứ hai tôi ước gia đình tôi mãi hạnh phúc, ai cũng mạnh giỏi. Còn điều ước thứ ba? Hơ! Tôi không biết phải ước gì nữa. Thôi cứ để khi nào cần nhất thì mình ước. Tôi suy ngẫm. Tôi mở mắt ra, mỉm cười trong sự hoan hô, phấn khởi của các bạn. Chợt, tôi nhìn thấy nội, tôi nhanh nhẩu chạy đến.

– Bà, bà khỏe không? Quà của cháu đâu ạ? – Tôi hồn nhiên hỏi bà.

– Đây, đây. Cháu cưng của bà. – Bà đặt vào tay tôi một hộp quà. Tôi cảm ơn bà rồi chạy đi.

– Các cậu, chúng ta mở quà nhé. – Các bạn thích thú vây quanh tôi, tôi lần lượt mở từng món quà.

Món quà nào tôi cũng thích, con búp bê của mẹ, chiếc vòng nhỏ xinh của cha... Còn mỗi món quà của bà thôi. Tôi hồi hộp, từ từ mở ra. Là, là... Tôi sững người, tròn xoe đôi mắt nhìn. Chỉ là một chiếc khăn tay thôi ư? Sao lại thế. Bà đã nói rằng đặc biệt mà, một chiếc khăn tầm thường, các cửa hiệu may đều có bán cả. Tâm trạng tôi chìm xuống, tôi nhìn bà về thất vọng, hiện hữu trong tôi bây giờ là những lời xuất phát từ tận con tim nhỏ bé:

“Bà ơi, bà làm cháu thất vọng quá! Chẳng lẽ bà xem đây là món quà cháu thích? Không, cháu không thích đâu. Bà cho cháu hi vọng rồi lại làm cháu thất vọng. Tại sao thế bà ơi!”. Tôi cô mím nặn ra một nụ cười. Hôm nay là sinh nhật tôi, không vui cũng phải cố cười. Tiệc tàn, bạn bè tôi đã về hết, cha mẹ tôi thu dọn chiến trường. Tôi ngồi buồn, thu mình vào một góc, ngẫm nghĩ băng quơ. Bà bước đến bên tôi cười hiền hậu.

– Cháu thích quà của bà chứ? – Bà hỏi, càng làm tôi đau nhói. Tôi buồn bã nhìn bà, im lặng một lúc lâu rồi tôi quay mặt đi.

– Không, cháu không thích. – Dư âm tiếng nói của tôi vang mãi trong bà. Bà ngồi thẫn thờ, nước mắt chực trào ra trên khóe, lăn dài xuống hai gò má mà xương xương. Bà khóc mà tôi có hay biết gì. Tôi thật đáng trách.

Màn sương mờ giăng đầy, bao trùm vạn vật. Gió man mát buồn, pháp phới rèm cửa. Tôi chìm vào trong giấc mơ. Lạ thật, không biết vì sao tôi lại mơ thấy bà. Trong mơ, tôi thấy bà mỉm cười hiền hậu nhìn tôi. Ánh mắt bà chan chứa tình yêu thương, bà đang cố nói gì với tôi, tôi nghe không rõ, bà lại từ từ đi mất cho dù tôi gọi bà nhiều lần. Tôi bắt giấc mở mắt. Đập vào mắt tôi đầu tiên là bóng dáng của bà. Bà cười buồn, hai mắt ứ những giọt nước chất mặn, tôi cắn chặt môi không dám nhìn bà. Tôi bắt gặp những đầu ngón tay quần băng y tế và nghĩ về chiếc khăn tay bà tặng. Tôi hiểu rồi, chính bà, chính bà may cho tôi chiếc khăn ấy. Vậy mà tôi... Trời ơi, tại sao tôi có thể nói thế? Cháu sai rồi, sai thật rồi bà ơi. Lúc ấy tôi muốn chạy nhanh lại và nói xin lỗi với bà, muốn lắm, muốn lắm cơ mà không tài nào làm được. Đôi mắt nhắm nghiền mà nước mắt vẫn cứ rơi, rơi trên sự ân hận của tôi. Sáng hôm sau, khi hay tin bà ốm, tôi đã chạy thật nhanh sang phòng bà. Tôi ôm chầm lấy bà nức nở.

– Cháu xin lỗi, cháu xin lỗi bà. – Bà ôm tôi, vỗ về.

– Ngoan, ngoan.

Tôi đã biết điều ước cuối cùng của mình. Tôi mong sao bà tôi được khỏe mạnh và sống mãi với tôi.

Nhờ sự chăm sóc chu đáo của gia đình, ít lâu sau bà đã khỏe lại và tiếp tục sống mãi bên tôi. Cháu yêu bà lắm, bà ơi.

Thời gian cứ dần đưa câu chuyện của tôi vào quá khứ nhưng làm sao tôi quên được bài học: Hãy tận hưởng những giây phút hạnh phúc bên người thân và đừng làm họ buồn lòng bởi thời gian không ngừng trôi, và có thể một ngày nào đó người thân yêu của bạn sẽ rời xa bạn mãi mãi.

Một kí ức về bà làm sao tôi có thể quên? Một dấu ấn tuổi thơ làm sao tôi có thể không nhớ? Nhà kho kí ức của tôi ơi, hãy lưu mãi kỉ niệm này của tôi, để một mai khi lớn khôn tôi có thể nhìn lại tuổi thơ yêu dấu bên người bà thân thương của mình.

**Bài thi đoạt giải Nhì của Nguyễn Châu Khang,
học sinh lớp 7D, trường THCS thị trấn Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre**

BÀI LÀM

Mỗi con người chúng ta ai ai cũng đều được sinh ra và lớn lên với biết bao nhiêu là kỉ niệm buồn, vui. Riêng em cũng vậy. Tuổi thơ trong kí ức của em là những hình ảnh về người mẹ kính yêu, và một trong số đó là lần em phạm lỗi, việc ấy đã khắc sâu vào lòng em cho đến tận bây giờ và có lẽ là mãi mãi về sau.

Mẹ không đẹp, không có nước da trắng, mái tóc dài, đôi mắt tròn xoe như bao người mẹ trong bài tập làm văn của các bạn khác. Mẹ em là một người nông dân,

quanh năm “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”. Mẹ ra đồng từ lúc tinh mơ và trở về nhà vào lúc tối mịt. Em thương mẹ lắm. Dù cảnh nhà còn gặp khó khăn nhưng mẹ luôn lo đủ cho em từng cái ăn, cái mặc. Vậy mà có lần em đã không ngoan, khiến mẹ buồn lòng. Em còn nhớ như in lần ấy...

– Bin ơi, xuống ăn cơm nè con! – Giọng mẹ vang lên.

Nằm bên chõng truyện tranh mới mượn của đứa bạn lúc ban sáng, em mãi mê đọc đến nỗi chẳng thiết tha ăn uống, ngao ngán nói vọng xuống dưới nhà:

– Ba mẹ ăn trước đi, con ăn sau.

– Hôm nay mẹ nấu nhiều món con thích lắm, xuống ăn đi con, nhanh rồi còn đi học. – Giọng mẹ nhẹ nhàng.

– Con đã nói là con không ăn rồi mà, sao mẹ lại nhải hoài vậy? – Em gắt lên.

Không còn nghe mẹ nói nữa, tưởng là đã xong chuyện, em an tâm tiếp tục đọc cuốn *Conan*. “Chát” – Em gần như muốn ngất đi, ba em tát em. Có lẽ vì lúc này em đã vô lễ với mẹ.

– Mẹ vất vả nuôi “anh” khôn lớn là để nhận được sự “báo hiếu” của “anh” như thế này sao hả?

Tiếng “anh” của ba thật chua chát! Nó như một gáo nước lạnh dội thẳng vào mặt em. Nước mắt em chọt rơi...

– Thay đồ rồi đến trường ngay! – Ba quát lên.

Em vừa khóc vừa chạy nhanh vào nhà tắm để thay đồ. “Mẹ, tất cả là tại mẹ”. Em chạy ra khỏi nhà, không thèm chào hỏi ai. Em chợt thấy mẹ khóc nhưng đường đi đã ngay trước mắt, em vừa chạy nước mắt vừa rơi và kèm theo là sự tức giận. Cổng trường đây rồi. Em vừa định bước vào trường thì dường như có ai nói bên tai: “Học hành làm gì cho mệt, cứ đi chơi đi, có phải sướng hơn không!”. Ý nghĩ đó cứ lớn vồn trong đầu em, và cuối cùng, thay vì đến trường, em lại vào một tiệm “nét”.

Em chơi từ trưa đến khi mặt trời lặn dần mới sực nhớ là phải về nhà. Đường phố bây giờ vắng tanh. Em vừa đi vừa nghĩ về chuyện buổi trưa và nhận ra là mình có lỗi. Em chạy thật nhanh định về nhà xin lỗi mẹ thì bất chợt trời đổ cơn mưa, em chạy vào một căn nhà bên đường để trú.

Trong căn nhà nhỏ có hai mẹ con đang cười đùa vui vẻ với nhau làm em càng nhớ đến mẹ nhiều hơn. Lúc bấy giờ em mới nhận ra rằng, được sống bên mẹ và được mẹ yêu thương là một hạnh phúc. Em nhớ mẹ!

Trời tối dần, mưa vẫn còn nặng hạt. Em cảm thấy lạnh và nhớ mẹ nhiều hơn. Đã hơn bảy giờ, chắc mẹ đang lo cho em lắm.

Từ trong màn đêm, một dáng người thân quen tay cầm áo mưa, đầu đội nón lá đang tiến dần về phía em. Mẹ! Em khẽ thốt lên. Em ôm chầm lấy mẹ, toàn thân mẹ ướt sũng.

– Mẹ... mẹ tìm con từ chiều đến giờ. – Mẹ nghẹn ngào.

– Con xin lỗi mẹ, mẹ ơi, là con hư. – Em nói trong nước mắt.

– Mình về đi con. – Mẹ bảo.

Mẹ lấy nón lá đội lên đầu cho em, lấy áo mưa che cho em.

– Sao mẹ không đội nón đi? – Em hỏi.

– Mẹ quen rồi. – Mẹ nói khẽ.

Về đến nhà, em vào phòng ngủ và ngủ một giấc đến sáng. Ngày hôm sau, em qua phòng mẹ nói chuyện với mẹ và rồi khi ôm mẹ thì em thấy người mẹ nóng ran, và khi sờ lên trán mẹ em thấy trán mẹ nóng như lửa. Mẹ sốt rồi. Chắc là vì mẹ dầm

mưa hôm qua. Em vội lấy khăn chườm trán cho mẹ, nấu cháo cho mẹ ăn. Mẹ khỏe dần...

– Mẹ đừng bỏ con nha mẹ, mẹ sống mãi với con nha mẹ!

– Mẹ không bỏ con đâu. – Mẹ khẽ cười.

Hạnh phúc lớn nhất của đời em là được nhìn thấy nụ cười nở trên gương mặt của mẹ, là được thấy mẹ sống khỏe, sống vui. Câu chuyện trên sẽ khắc sâu trong lòng em, để em luôn nhớ về mẹ. Và hôm nay, được vinh dự tham gia vòng thi chung kết cuộc thi *Văn hay chữ tốt*, em sẽ cố gắng viết thật hay để giành được kết quả tốt đẹp dành tặng mẹ của mình, và cũng qua trang giấy này, em muốn để cho mọi người biết rằng em có một người mẹ tuyệt vời thế nào.

Vật giá trị nhất và có ý nghĩa nhất trong nhà kho kí ức của em chính là những kỉ niệm về mẹ kính yêu. Những kí ức về tuổi thơ sẽ mãi luôn theo em và riêng kỉ niệm về lần phạm lỗi đó sẽ in sâu vào tim em, để em không bao giờ tái phạm nữa!

**Bài thi đoạt giải Ba của Nguyễn Thị Ngọc Hà, học sinh lớp 7A2,
trường THCS Lê Ngọc Hân,
huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang**

BÀI LÀM

Rồi thời gian sẽ trôi, nhưng không bao giờ tan đi kỉ niệm đầu yêu...

Vâng! Không bao giờ! Sẽ không bao giờ tôi có thể quên được kỉ niệm ấy. Kỉ niệm của một thời tôi còn ngây ngô, khờ dại, kỉ niệm êm đềm, đẹp đẽ của tuổi thơ... Tôi nhớ, nhớ lắm... Nhớ lắm kỉ niệm thân yêu ngày ấy. Câu chuyện xảy ra hai năm về trước nhưng nó vẫn khắc sâu trong tâm trí tôi...

Thuở ấy, gia đình tôi vẫn còn nghèo khổ và vất vả lắm. Bà nội tôi không đủ sức lao động nên chỉ có thể phụ giúp những công việc vặt vãnh trong gia đình. Bố tôi mắc phải căn bệnh tim bẩm sinh, thỉnh thoảng lại lên cơn đau quằn quại. Tất cả gánh nặng đều đổ dồn lên vai mẹ tôi. Mẹ vất vả, làm việc cực nhọc để lo cho gia đình. Tuy vậy, mẹ chưa từng một lần than thở hay trách móc. Tôi cảm thấy thương mẹ biết nhường nào!

Cho đến hôm nọ, khi ánh bình minh vừa hé mở, tôi thức dậy và chuẩn bị sẵn sàng đến lớp học. Như thường lệ, tôi vừa đi vừa líu lo ca hát, đón lấy những tia nắng đầu tiên của buổi sớm mai. Chợt, mắt tôi như hoa lên khi nhìn thấy bên kia đường, đối diện trường mình là một cửa hàng bán quà lưu niệm. Những món hàng tinh tế và độc đáo được trưng bày trong tủ kính. Nhưng trong số ấy, tôi thích nhất vẫn là những con búp bê: con tóc vàng hoe như công chúa, con bé tí mặt đầy tàn nhang, con đen nhẻm như cô bé châu Phi... Nhưng dù đẹp, dù xấu, nó cũng là búp bê. Tôi thích thú vô cùng, định bụng chiều đi học về sẽ xin tiền mẹ để mua. Nhưng rồi tôi nghĩ lại: “Gia đình mình chẳng khá giả gì. Số tiền mà mẹ kiếm được nếu không dùng để chi tiêu trong gia đình thì cũng dành để mua thuốc cho bố. Có lẽ mẹ sẽ không mua búp bê cho mình đâu”. Nghĩ vậy, tôi làm ngơ như không có việc gì xảy ra... Tối đến, tôi cứ trằn trọc mãi, không sao ngủ được. Tôi cố gạt hình bóng con búp bê ra khỏi tâm trí mình nhưng không thể...

Ngày qua ngày, đêm qua đêm, niềm khao khát có được con búp bê trong tôi lại ngày càng mãnh liệt. Hôm ấy, vào lớp, Dung – cô bạn cùng bàn với tôi nói trong niềm sung sướng:

– Tớ vừa được bố mẹ tặng cho một con búp bê đấy. Thích lắm, cậu ạ.

Tôi cầm con búp bê lên, ngắm nghía và tấm tắc khen mãi. Tôi thật sự thèm thuồng và ước muốn được như Dung... Ra về, thu hết can đảm, tôi chạy đến bên mẹ, phụng phịu:

– Mẹ, mẹ ơi. Mẹ mua cho con con búp bê ấy đi. Đấy, đấy mẹ.

Vừa nói tôi vừa trở tay vào chiếc tủ kính chứa đầy búp bê đặt trong cửa hàng. Mẹ đưa mắt nhìn theo, ánh mắt bối rối, mẹ xoa đầu tôi và thì thầm nói:

– Thôi, con gái ạ, mẹ không đủ tiền... Ta về thôi con.

Nói rồi, mẹ nắm tay và dắt tôi về nhà. Tôi phải theo mẹ về nhưng mắt cứ dán chặt vào con búp bê ấy. Trong lòng tôi dâng lên một niềm thất vọng. Tôi tự nhủ: “Thế là hết rồi. Mẹ đã không mua cho mình con búp bê ấy. Mình đành từ bỏ ước mơ vậy”. Tôi biết vì mẹ tôi, vì gia đình này nên mới làm thế, tôi không trách mẹ. Trái lại còn cảm thấy thương mẹ nhiều hơn. Nhưng niềm mong mỏi có con búp bê để chơi đùa, bế ẵm và chăm sóc nên vẫn luôn thường trực trong tôi. Tôi vẫn tranh thủ quan sát nó mỗi khi đi học về ngang qua đấy. Sự kiện ấy cứ tái đi tái lại không thể nào qua khỏi ánh nhìn của mẹ. Rồi có một đêm, mẹ lẳng lặng ôm tôi vào lòng, khẽ hỏi:

– Con gái của mẹ. Con muốn có một con búp bê lắm hả?

– Dạ, con thích lắm mẹ ạ! Nhưng... – Tôi đáp vội. Mẹ nhẹ nhàng hôn lên má tôi, nói khẽ:

– Thôi con ngủ đi, sáng mai còn phải đến lớp, mẹ hiểu rồi.

Nói rồi, mẹ nhẹ nhàng hát, giọng mẹ ngọt ngào ru tôi chìm sâu vào giấc ngủ...

Cứ thế, ngày lại ngày qua đi, cho đến một hôm nọ... Sáng chủ nhật, nắng vàng tươi nhảy nhót trên từng con phố, từng cơn gió nhẹ miên man thổi bên khung cửa sổ, tôi thức dậy từ sớm, dọn dẹp lại góc học tập. Bất chợt từ trong ngăn kéo hộp bàn rơi ra một quyển sổ nhỏ màu vàng nhạt. Tôi mở ra xem, thì ra đó chính là quyển sổ tay của mình. Tôi ngẫm nghĩ: “Còn vài ngày nữa là đến ngày sinh nhật của mình rồi. Có lẽ năm nay cũng như năm trước, bố mẹ không tổ chức sinh nhật cho mình đâu”. Tôi nghĩ vậy và bỏ qua chuyện sinh nhật. Tối hôm ấy, bất giác giật mình thức giấc giữa đêm khuya, tôi bỗng nhìn thấy bên ánh đèn nhỏ một bóng hình quen thuộc. Tôi nhận ra đó chính là mẹ, mẹ đang mãi miết từng mũi kim đan... Rồi vài tuần sau, mẹ tặng cho tôi một hộp quà nhỏ, xinh xắn được gói rất tỉ mỉ và khéo léo, kèm theo đó là câu nói:

– Chúc mừng sinh nhật con gái!

Tôi như vỡ òa trong niềm vui và hạnh phúc, bước đến bên mẹ, ngập ngừng nói:

– Con cảm ơn mẹ! Mẹ làm con bất ngờ và xúc động quá.

Tôi từ từ mở gói quà ra và... Tôi nhảy cẫng lên vì vui sướng. Mẹ tặng cho tôi một con búp bê tóc vàng, mắt xanh, đẹp tuyệt vời. Tôi ngẫm nghĩ, liên kết các sự việc lại và đã hiểu ra vấn đề. Đích thị là con búp bê của những đêm mẹ thức trắng. Tôi cảm thấy thương mẹ xiết bao. Tôi ứa lệ, rung rung nói:

– Con cảm ơn mẹ! Cảm ơn mẹ nhiều!

– Con gái ngọc của mẹ!

Mẹ ôm tôi vào lòng. Trong giây phút ấy, tôi cảm thấy lòng mình thật ấm áp...

Sau câu chuyện ấy, tôi đã cảm nhận được tình thương bao la, rộng lớn của mẹ dành cho mình. Tôi nguyện sẽ giữ mãi con búp bê ấy – món quà ý nghĩa nhất đối với tôi. Mãi mãi tôi sẽ dành riêng một góc nhỏ trong tim để ghi lại những kỉ niệm khó phai này, mãi mãi...

Dầu thời gian vẫn dày lên theo năm tháng, dầu lớp bụi của tương lai có thể vùi chôn quá khứ... nhưng trong tôi vẫn còn mãi lưu giữ kỉ niệm ấy. Nó đã nhắc cho tôi nhớ đến tấm lòng yêu thương sâu sắc của mẹ dành cho mình. Mãi mãi không quên, kỉ niệm ơi!...

Mai sau lớn nên người, làm sao có thể nào quên...

**Bài thi đoạt giải Ba của Nguyễn Huỳnh Kim Ngân,
học sinh lớp 7/1, trường THCS Đoàn Thị Điểm, Thành phố Cần Thơ**

BAI LÀM

Trong cuộc sống, ai cũng trải qua tuổi ấu thơ. Tuổi ấu thơ ấy chứa đựng bao kỉ niệm vui, kỉ niệm buồn. Riêng tôi, kỉ niệm tuổi thơ mà đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc đó là chiếc lồng đèn trung thu. Chiếc đèn này do chính tay ba làm tặng tôi nhân ngày trung thu.

Chiếc đèn này hình ngôi sao. Đường kính khoảng 50cm. Chiếc lồng đèn được làm bằng chất liệu rất đơn giản là nan tre và giấy bóng kính. Chiếc lồng đèn này đã đồng hành cùng tôi trong suốt tuổi ấu thơ. Tôi đặt tên cho chiếc lồng đèn này là: Chiếc lồng đèn hạnh phúc.

Mặc dù thời gian thấm thoắt trôi qua nhưng tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Lúc ấy, gia đình tôi không khá giả cho lắm. Ba mẹ rất ít khi mua đồ chơi cho tôi nên tôi cũng không vui vịnh gì. Tiền lĩnh lương hàng tháng ba mẹ đều mua sữa cho tôi uống vì lúc ấy tôi hay bị bệnh. Mãi đến khi tôi bảy tuổi, vào đêm trung thu, tôi chạy theo các bạn trong xóm mượn lồng đèn chơi. Chúng tôi chơi đùa rất vui vẻ. Cho đến khi trăng lên cao, chúng tôi mới tan cuộc. Bước vào nhà, tôi rất ngạc nhiên khi thấy một chiếc lồng đèn rất đẹp được treo trong nhà của tôi. Tôi nghĩ con của bạn ba tôi đến chơi để quên lồng đèn nên tôi không dám sờ vào. Bỗng ba từ sau lưng tôi bước đến và nói:

– Con đừng sợ, chiếc lồng đèn ấy là của con. Ba đã tự tay làm để tặng con đây.

Cảm xúc vỡ òa trong tâm trí tôi. Tôi rất hạnh phúc vì từ trước tới giờ tôi mới có một chiếc đèn lồng đẹp đến như vậy. Từng giọt nước mắt lăn dài trên má tôi. Đó không phải là giọt nước mắt buồn mà là những giọt nước mắt hạnh phúc. Tôi ôm chầm lấy ba và nói:

– Con cảm ơn ba! Cảm ơn ba nhiều lắm!

Ba nói với tôi:

– Ba làm chiếc đèn lồng này hình ngôi sao vì ngôi sao biểu tượng cho đất nước. Con phải cố gắng học thật giỏi, luôn chăm ngoan, học giỏi và hiếu thảo để sau này trở thành người có ích cho đất nước.

Tôi vừa khóc vừa nói:

– Dạ, thưa ba. Con hứa sẽ học thật giỏi, chăm ngoan và hiếu thảo để trở thành người có ích cho đất nước và không phụ lòng ba.

Bất chợt, tôi nhìn vào hai cánh tay của ba đang giấu sau lưng. Tôi thấy có rất nhiều vết xước, vết trầy do khung tre gây ra. Nhìn vào trong mắt ba, tôi cảm nhận được sự đau đớn của ba. Lòng tôi đau như bị cào xé. Tôi lại khóc thêm một lần nữa. Lần này, những giọt nước mắt như nhiều hơn. Đây không phải là giọt nước mắt buồn mà cũng không phải là giọt nước mắt hạnh phúc. Tôi khóc vì tôi thương ba, thương hai cánh tay của ba. Ba đã làm rất vất vả để cho tôi có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tình thương của ba còn bao la hơn cả biển rộng, sông dài. Biển dù rộng vẫn ra khỏi giới hạn của địa cầu. Sông có dài thăm thẳm vẫn còn thước để đo. Còn lòng ba

thì cao xa vời vợi như lòng trời vô tận ở vũ trụ mênh mông. Tôi muốn hét lên thật lớn cho cả thế giới biết rằng: “Tôi yêu ba vô cùng”.

Chiếc lồng đèn đã trở thành người bạn thân thiết trong suốt tuổi thơ tôi. Nó là một vật vô tri, vô giác nhưng vô giá. Bây giờ, tuy không còn chơi nữa nhưng tôi vẫn đặt lồng đèn ở một chỗ rất trang trọng trong phòng của tôi vì nó thể hiện tình yêu thương của ba. Tình yêu thương ba dành cho tôi không giấy mực nào có thể ghi lại được. Công lao dạy dỗ của ba là to lớn biết nhường nào mà có lẽ trong suốt cuộc đời này tôi không sao đền đáp được. Tôi sẽ nhớ mãi lời hứa mà tôi đã hứa với ba. Tôi yêu ba, và yêu chiếc lồng đèn – chiếc lồng đèn hạnh phúc.

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Hãy viết bài văn nghị luận với nhan đề: Sức mạnh thiên nhiên và sức mạnh con người Việt Nam.

Bài thi đoạt giải Nhất của Trần Mỹ Tiên, học sinh lớp 9B2, trường THCS Lê Ngọc Hân, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

BÀI LÀM

Mọi thứ trên đời, mỗi con người chúng ta một khi đã có mặt trên hành trình sống đều được tạo hóa tặng cho hơi ấm của nắng hạ, cái dữ tợn của sóng xô bờ và hơi lạnh thấu xương khi đông về. Song song đó, Thượng đế cũng ban cho thiên nhiên và con người một nguồn sức mạnh để trỗi dậy hoặc chống chọi với khó khăn, thử thách. Trong đó, sức mạnh của thiên nhiên cũng có sức tàn phá dữ tợn, và con người Việt Nam cũng luôn tràn đầy sức mạnh để đoàn kết cùng nhau đối mặt với bão táp.

Có lẽ *sức mạnh thiên nhiên* và *sức mạnh của con người Việt Nam* là hai đối thủ của nhau! Liệu ai có thể giành chiến thắng?

Ai cũng tự nhiên thấy rằng, tất cả mọi thứ trên đời đều có một sức mạnh đáng kể. “Sức mạnh của thiên nhiên” thể hiện qua từng sức sống mãnh liệt của những loài cây, từng nhịp sóng vỗ vào bờ, từng cái chói chang của ánh nắng ban trưa, rồi cho đến từng cơn bão có sức tàn phá dữ dội, những cơn lũ dâng cao, những cơn mưa kéo dài làm tan lở các tuyến đường giao thông. Cụ thể hơn là vừa qua bão Conson đổ bộ vào khu vực Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình với cấp bão 11, 12. Từng cơn lũ dâng cao, học sinh ở xã Sơn Ba (huyện miền núi Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi) vẫn đu dây, kéo bè vượt sông để đến trường. Đó là nghị lực và “sức mạnh của con người Việt Nam”. Những khi có thiên tai, bão lũ, nhiều hoạt động quyên góp, cứu trợ được tổ chức để giúp đỡ các gia đình, em nhỏ nơi “khúc ruột miền Trung” bị lũ lụt tàn phá. Mưa lớn kéo dài ở Quảng Nam làm sạt lở tuyến đường Hồ Chí Minh. Và để đối phó với thiên tai, nhiều phương tiện hiện đại được huy động để giúp đỡ những người dân gặp hoạn nạn. Đứng trước “sức mạnh của con người Việt Nam”, tuy cũng khá dữ tợn nhưng thiên nhiên vẫn phải chịu thua cuộc vì sự đoàn kết, sáng tạo, cùng tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng người Việt.

Dẫu những sóng gió, phong ba, dẫu những sự tàn phá, dữ tợn không ngừng đe dọa con người, đất Việt cũng bằng mọi cách chinh phục chúng. Đau lòng lắm khi bão lũ đã cuốn trôi nhà cửa, cuốn trôi chốn nương thân, và hơn cả là cuốn trôi đi toàn bộ tập vở, toàn bộ điều kiện học tập của trẻ em. Có những hạnh phúc hóa thành chia li, có những nụ cười hồn nhiên hóa thành giọt nước mắt đau đớn, có những người mẹ đã phải chịu cảnh mất con mình... Lắm đau thương, tất cả đều là vì thiên nhiên, tạo hóa đã mang sức mạnh chống phá con người. Sức mạnh của thiên nhiên thật đáng sợ!

Nhưng với con người Việt Nam: *Đấu tranh với nghịch cảnh và chinh phục là hạnh phúc lớn nhất của con người* (Samuel Johnson).

Vâng! Con người Việt Nam cũng mang trong mình một sức mạnh đáng sợ! Đó là sức mạnh của sự sáng tạo, sự đoàn kết, lòng vị tha, ý chí kiên cường và dũng cảm... Con người Việt Nam tận dụng sức mạnh đó để tổ chức những chương trình từ thiện, sáng tạo ra nhiều phương tiện hiện đại giúp hỗ trợ trong khi cứu đồng bào mình vượt khó. Đó là lúc những thanh niên xung phong tự hào khoác lên mình chiếc áo: *Chiến dịch mùa hè xanh*, giúp bà con xây dựng lại nơi ở được chắc chắn, an toàn hơn sau những cơn bão, mà thiên nhiên dùng để đe dọa con người. Từng chuyến xe nhân ái đua nhau về miền Trung cứu hộ những nạn nhân của bão lũ. Mang theo hàng tấn lương thực dư thừa, mang theo những quyển vở mới, những trang sách mới, những chiếc cặp, cái bút... tạo điều kiện cho các em học tập. Một phần lớn cũng nằm ở khả năng cam chịu, không khuất phục trước thiên nhiên của con người nước ta. Những cậu bé, những cô học trò vẫn sẵn sàng đu dây, kéo bè, vượt sông để đến trường. Có như thế thì con người mới đứng vững trước bão táp phong ba, và có như thế, người người mới thấy rõ sức mạnh của con người Việt Nam. Sức mạnh của sự đoàn kết, tương trợ vì cộng đồng; sự sẻ chia đồng cảm của dòng máu Việt đang chảy trong tâm hồn người Việt từ cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ.

Sức mạnh thiên nhiên quả thật là đáng sợ, nó có thể phá vỡ mọi sự bình yên, âm no và nụ cười hạnh phúc của dân ta. Nhưng để đối mặt với sức tàn phá đó, con người Việt Nam cũng đã phát huy hết năng lực và sức mạnh của mình để cùng nhau chinh phục thiên nhiên. Điều đó thể hiện sức mạnh to lớn của con người chúng ta, và đã tiếp nối được truyền thống đoàn kết, chung một tấm lòng, hòa cùng nhịp đập để tạo nên nguồn lực vô địch, không bao giờ bị đánh bại trước thiên nhiên. Nếu duy trì được điều đó, chắc hẳn đất nước chúng ta sẽ vươn lên, bước vào thời kì hội nhập cùng năm châu. Tuy vậy, con người cũng không nên ỷ lại sức mình, bất kì lúc nào và trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng phải cảnh giác trước sức mạnh của thiên nhiên. Bởi có ai biết được, trong tích tắc, sức mạnh ấy có thể đã cướp đi mạng sống của bao người con đất Việt.

Tinh thần “tương thân tương ái” đã trở thành truyền thống của đồng bào ta, tất cả đã tạo thành sức mạnh vượt trội. Hơn nữa, đoàn kết, yêu thương không chỉ thể hiện qua lời nói suông và phải nói bằng hành động thiết thực. Bởi lẽ: *Ai cũng tự nhiên thấy rằng, tất cả những tình cảm tốt đẹp trên thế giới này đều không sánh bằng một hành động yêu thương.*

Vâng, sức mạnh đó mới là sức mạnh thật sự của con người Việt Nam. Đồng thời, người ta cũng cần hiểu rằng, sức mạnh chưa hẳn đã hình thành từ những hành động lớn lao. Mà chính khi cho đi bằng tất cả tấm lòng, thì cho dù nó nhỏ bé về giá trị vật chất nhưng nó vẫn giữ được vị trí cao nhất trong lòng người nhận. Có thể đó là một buổi sáng nhin ăn, cô bé học trò nhỏ đã đóng góp được một chút tấm lòng của mình qua từng đồng gói ghém. Có thể là một cái ôm siết chặt đã làm ấm lòng những nạn nhân của thiên tai.

Con người Việt Nam luôn có ý chí và nghị lực chịu đựng để vượt qua những thử thách của thiên nhiên. Nhưng bên cạnh đó, có những người chỉ vừa bị thiên nhiên đe dọa đã vội ngã gục, không dám chống lại sức mạnh của thiên nhiên. Hoặc có những người khi thấy đồng bào mình gặp hoạn nạn do bão lũ, thiên tai mà không một chút ngậm ngùi, thì nói gì đến việc giúp đỡ người ta vượt qua cơn hoạn nạn. Giúp đỡ

đồng bào là điều cần thể hiện bằng hành động xuất phát từ chính trái tim, chứ hoàn toàn không phải chỉ để thể hiện bản năng của mình. Con người Việt Nam luôn có tinh thần đoàn kết, nghị lực vượt qua nghịch cảnh của thiên nhiên. Và thiên nhiên xung quanh chúng ta đâu phải chỉ có sức mạnh tàn phá mà còn có sức mạnh tạo nên không gian, khung cảnh tuyệt đẹp và nên thơ. Có những tuyệt tác của thiên nhiên đã là nguồn cảm hứng vô bờ của các thi sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà sáng tác âm nhạc...

Mỗi chúng ta mang trong mình dòng máu của con người Việt Nam, hãy thể hiện sức mạnh của mình trong tính nghị lực, kiên cường đấu tranh với sức mạnh thiên nhiên, ra sức phòng chống thiên tai, đoàn kết cùng nhau vượt qua mọi giông tố, bão táp của thiên nhiên.

Bản thân tôi cũng vậy, sẽ đóng góp công sức của mình trong việc tham gia những phong trào quyên góp, ủng hộ đồng bào gặp hoạn nạn do sức mạnh thiên nhiên đe dọa. Dù không phải là việc công hiến lớn lao nhưng nó xuất phát từ chính trái tim tôi. Và tôi tin, người nhận sẽ cảm nhận được điều đó.

Dù không biết trước được sức mạnh của thiên nhiên sẽ trở dậy chống lại con người lúc nào, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể dự trữ sức mạnh, nghị lực và tinh thần đoàn kết, vượt qua mọi sự tàn phá của thiên nhiên. Bản thân những con người Việt Nam dũng cảm, phải luôn cùng nhau góp phần công sức của mình cho Tổ quốc, đem sức mạnh trong mình hòa chung cùng sức mạnh dân tộc. Và bởi thế:

*Mỗi ngày tôi chọn ngôi thật yên
Ngôi ngắm quê hương, ngôi nghĩ lại mình
Tôi chợt biết rằng vì sao tôi sống
Vì đất nước cần một trái tim.*

**Bài thi đoạt giải Nhì của Lê Huỳnh Trang, học sinh lớp 9C,
trường THCS Trà Ôn,
huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**

BÀI LÀM

Chắc hẳn ai trong chúng ta từ hồi còn đỏ hỏn trong tay mẹ đều đã được nghe kể đến truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*. Đó là một truyền thống về tinh thần quyết cường đấu tranh chống lại thiên tai của con người Việt Nam. Thật vậy, từ khi mới ra đời đến khi vững bước trên chặng đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nước Việt ta phải luôn đương đầu và đối chọi lại với những khắc nghiệt của thiên nhiên. Đã có biết bao thiên tai đổ ập vào đất nước ta. Thời gian gần đây, số lượng thiên tai xuất hiện ngày càng nhiều và đang trở thành một vấn đề nóng bỏng được cả xã hội quan tâm. Sự thật đó khiến ta liên tưởng đến hai sức mạnh đối lập nhau: “sức mạnh thiên nhiên” và “sức mạnh con người”, đặc biệt là con người Việt Nam giàu ý chí, nghị lực, luôn khao khát vươn lên để vượt qua khó khăn. Vậy thì liệu con người Việt Nam ngày nay có đủ bản lĩnh và khả năng để tiếp tục chống lại thiên tai không?

Các bạn có biết thiên nhiên là gì không? Đó là tất cả những thứ xung quanh chúng ta mà không phải do con người tạo ra, như: cây cối, mưa gió, đất đai, bão lũ... Thiên nhiên đem lại cho con người rất nhiều thứ phục vụ nhu cầu cuộc sống của chúng ta. Đó là điều kì diệu của thiên nhiên. Tuy nhiên, nó gieo rắc cho nhân loại không biết bao nhiêu tai họa, cụ thể là thiên tai. Đó chính là sức mạnh của thiên nhiên. Sức mạnh ấy là một sức mạnh vô hình, khủng khiếp. Nó phá hoại tài sản, lấy đi tính mạng con người một cách nhanh gọn và tuyệt tình nhất. Chỉ cần một trận sóng

thần xảy ra là một hay nhiều thành phố của Nhật phải chìm trong biển nước. Gần hơn, chỉ cần một cơn bão dữ đi qua miền Trung nước ta là bao nhiêu cảnh tàn khốc đều sẽ xuất hiện ra trước mắt: nhà sập, lúa đổ rạp, trâu bò chết ngổn ngang, tàu thuyền bị đắm vô số... Qua đó ta thấy, thiên nhiên có một sức mạnh khôn lường. Một khi thiên nhiên nổi giận, người Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung đều chịu ảnh hưởng nặng nề.

Bù lại con người chúng ta có một sức mạnh khôn tả, tuy không thường thể hiện ra bên ngoài nhưng khi gặp khó khăn, trở ngại, sức mạnh ấy sẽ bùng dậy trong lòng mỗi chúng ta. Hãy nói về sức mạnh con người Việt Nam ta. Đó là một sức mạnh được hình thành lâu dài trong quá trình dựng nước và giữ nước, bắt nguồn từ lòng yêu Tổ quốc sâu đậm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. Sức mạnh ấy giúp chúng ta đánh thắng nhiều kẻ thù xâm lược, đẩy lùi được nhiều nguy cơ đe dọa hòa bình đất nước, trong đó có thiên tai.

Thực tế ngày ngày, thiên tai xảy ra không ngừng trên đất nước ta. Gần đây, bão Hai-yan từ Phi-líp-pin cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến miền Trung và các vùng lân cận. Thiên tai đã có từ lâu và nó không hứa hẹn sẽ dừng lại. Nguyên nhân có thể dẫn đến từ thiên nhiên, nhưng cũng có thể bắt nguồn từ sự tàn phá của con người và môi trường thiên nhiên đang xuất hiện ngày càng nhiều như: xả khí thải làm tăng hiệu ứng nhà kính, chặt cây phá rừng gây lũ lụt nhiều nơi... Sức mạnh của thiên nhiên khiến nước ta bao lần khốn đốn. Bão Conson đổ bộ vào Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình với cấp bão 11, 12 đã khiến hàng chục người chết và hàng trăm người bị thương. Mưa lớn kéo dài ở Quảng Nam làm sạt lở ở tuyến đường Hồ Chí Minh, và còn nhiều, thật nhiều hậu quả do thiên nhiên đem lại. Những hậu quả đó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sản xuất của con người, đòi hỏi chúng ta – những con người Việt Nam phải đứng lên, chung tay góp sức để thổi bùng sức mạnh Việt Nam. Chúng ta đã làm được gì? Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, người Việt Nam ta cũng tìm ra cách khắc phục khó khăn để đạt được mục đích. Khi lũ dâng cao, học sinh ở xã Sơn Ba (huyện miền núi Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi) vẫn đu dây vượt sông để đến trường. Để đối phó với thiên tai nhiều phương tiện hiện đại đã được huy động để giúp người dân gặp nạn.

Họ làm được vậy là nhờ vào đâu? Chính là nhờ ý chí, quyết tâm và trí tuệ Việt Nam. Là một nước nhiệt đới, gió mùa ven biển, nước ta phải luôn đối đầu với nhiều loại thiên tai. Nhưng nhờ rút kinh nghiệm, có sự chuẩn bị tốt, nhờ sự đồng lòng chung tay góp sức của mọi người mà nước ta đã có thể hạn chế tác hại và hậu quả thiên tai để lại. Đó là sức mạnh con người Việt Nam.

Trong khó khăn, vất vả người Việt ta luôn hướng về nhau, “*một miếng khi đói bằng một gói khi no*”. Khi có thiên tai, bão lũ, nhiều hoạt động quyên góp, cứu trợ đã diễn ra. Khẩu hiệu: “Lá lành đùm lá rách”, “Cả nước hướng về miền Trung ruột thịt”; các phong trào “Giúp bạn đến trường”, “Hũ gạo tình thương”... xuất hiện ở khắp nơi. Đó là sức mạnh của con người Việt Nam.

Sức mạnh thiên nhiên thật kinh khủng, nhưng sức mạnh của con người Việt Nam còn to lớn hơn Nhiều. Bởi: *Người ta là hoa đất* (Tục ngữ).

Sức mạnh của chúng ta là vô biên, là kì diệu, nó có thể thắng cả thiên nhiên vĩ đại, khổng lồ thiên nhiên và sức mạnh của nó. Chẳng phải con người chúng ta đã từng khai hóa thiên nhiên đầy sao? Sức mạnh con người Việt Nam sẽ giúp chúng ta vượt qua tất cả, xây dựng cuộc sống của bản thân, gia đình và đất nước.

Nhưng chúng ta cũng cần phải nhìn lại. Thiên nhiên đối xử với chúng ta như thế là do đâu? Chẳng phải vì con người chúng ta quá tàn nhẫn với thiên nhiên hay sao? Các trận thiên tai qua đi cũng để lại cho chúng ta bài học: chúng ta sẽ càng mạnh hơn khi chúng ta biết bảo vệ thiên nhiên, không chủ quan và có biện pháp hữu hiệu trước thiên tai. Như vậy, sức mạnh của thiên nhiên sẽ không còn là nỗi ám ảnh của con người chúng ta.

Ngày nay, bên cạnh những con người tích cực phòng chống thiên tai, biết tương thân, tương ái, vẫn còn những con người chỉ biết phá hoại của đồng bào, những người đó thật đáng phê phán và cần phải lên án.

Tóm lại, con người có thể hoàn toàn chiến thắng thiên nhiên. Sức mạnh của con người Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục chế ngự, khống chế sức mạnh của thiên nhiên. Bản thân tôi đã nhận ra nhiều điều, không được chủ quan, thiếu chuẩn bị trước thiên tai, cần phải mở rộng tấm lòng để giúp đỡ đồng bào gặp nạn. Tôi hiểu mình cần yêu thiên nhiên, chung tay cùng mọi người bảo vệ nó. Có thể thì Việt Nam sẽ có một tương lai tốt đẹp, một tương lai mà ở đó con người luôn yêu quý và chế ngự được thiên nhiên.

**Bài thi đoạt giải Ba của Nguyễn Trần Thanh Nhi, học sinh lớp 8B2,
trường THCS Châu Khánh,
huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng**

BÀI LÀM

Cuộc sống luôn đầy những khó khăn, nghịch cảnh; không có những khó khăn, nghịch cảnh ấy thì làm sao ta biết được sức mạnh tuyệt vời đang còn ẩn chứa trong ta.

Có lẽ vậy, đôi khi những khó khăn, những cơn giông tố đáng sợ của cuộc sống có thể khiến ta ngã gục, những tâm hồn có thể sẽ bị lụi tàn trong phút chốc. Nhưng, cuộc sống luôn tuân hoàn theo dòng chảy bất tận của nó, có niềm vui cũng sẽ có những nỗi buồn và có hạnh phúc thì khổ đau luôn tồn tại. Mẹ thiên nhiên thỉnh thoảng lại trêu ngươi con người. Người đã thử thách những sức mạnh đang tiềm tàng trong con người Việt Nam. Dẫu cho những cơn bão, cơn sóng thần ấy có dữ dội đến thế nào đi chăng nữa thì sức mạnh của thiên nhiên cũng không thể nào đánh gục được sức mạnh của con người Việt Nam.

Có những đợt sóng kéo đến làm người ta run sợ, có những cơn lũ lụt đã nhấn chìm biết bao những ước mơ, những khát vọng của những học sinh ngây thơ thèm khát được một lần đến trường, được cảm nhận những tình yêu thương của thầy cô, bạn bè. Những ánh mắt lo toan, quay cuồng trong bọn trẻ suy nghĩ: Thầy cô bạn bè, trường lớp giờ ra sao?

Với thiên nhiên, đó là những cái đẹp tự nhiên mà tạo hóa sinh ra. Có những điều rất đẹp: những danh lam thắng cảnh, những rừng cọ đồi chè rợp bóng mát, những bông hoa kiêu sa nhưng cũng rất bình dị. Thiên nhiên đẹp tô thắm cho giang sơn, đất nước bằng những vẻ kì diệu khác nhau. Nhưng thiên nhiên đôi khi vẫn có thể giết chết con người bằng những cơn siêu bão, những cơn lụt lội hay cả những cơn mưa dai dẳng kéo dài. Thiên nhiên có sức mạnh tuyệt vời, có thể là gấp trăm nghìn lần sức mạnh của những thứ khác. Biết bao con tim đã rung động, đau nhói như đang bị một thứ, một sức mạnh vô hình nào đó bóp chặt đến xiết mạnh, chua xót từng giọt nước mắt của con người Việt Nam khi được biết cơn bão Hai-yan dữ dội đổ vào

miền Trung phá vỡ biết bao ngôi nhà, bao công trình được bàn tay con người gây dựng; bao ước mơ, bao tình cảm phải chia li, và những nụ cười như khép lại... Hay cơn bão Conson ồ ạt vào khu vực Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình với cấp bão 11, 12. Còn đâu những buổi chiều tan học vui vẻ của bọn học sinh ngày ấy? Còn đâu những cánh diều bay cao trên nền trời xanh gặp được gió? Còn đâu... Giờ đây, chỉ còn lại là những đồng hoang tàn đổ nát, chỉ còn lại những giọt nước mắt đắng cay, ngậm ngùi: Tạo hóa bất công. Miền Trung – mảnh đất gắn liền hai miền Nam – Bắc bị guồng quay trong những cơn lũ tràn về dâng cao mấy mươi thước, ôm lấy tất cả những gì đang sống tại đó, nó nhấn chìm tất cả và cuốn trôi biết bao người. Thương lắm miền Trung ơi. Và ngay cả tuyến đường mòn Hồ Chí Minh ghi danh sử sách cũng bị những cơn mưa lớn kéo dài làm sạt lở. Nhưng dầu gì thì cũng không bao giờ có thể phá vỡ hay ngăn cản được sức mạnh của con người Việt Nam.

Người Việt Nam – những người con của mảnh đất anh hùng, ngàn đời vẻ vang với chiến công lịch sử lẫy lừng. Bom đạn còn có thể chống chọi và đấu tranh hết mình, hướng gì đến thiên nhiên. Vẫn còn nhiều cách để người Việt Nam vượt qua thử thách, vẫn còn những con tim đang khao khát một lần được đối mặt với thiên nhiên. Vẫn còn những lớp người kiên cường, anh dũng, vẫn còn những tâm hồn biết yêu thương, biết cảm thông và chia sẻ. Vẫn còn và còn nhiều lắm, bởi sức mạnh của người Việt Nam không bao giờ có từ “giới hạn”. Dầu cho lũ dâng cao, những học sinh ở Sơn Ba, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi vẫn đu dây, kéo bè, dùng mọi cách để vượt qua con sông để đến trường. Ừ, đây chính là mục đích lớn lao được hình thành từ sức mạnh phi thường của những mầm sống ấy. Ừ, thì con người Việt Nam là thế, nó là mạnh mẽ, nó là quyết tâm và nó luôn chiến thắng bất cứ thử gì muốn cản lối nó. Tình đồng bào, tình yêu thương giữa những người anh em trong một đất nước luôn được thể hiện, luôn vì nhau mà đấu tranh chiến đấu hết mình bằng mọi cách. Khi có thiên tai, bão lũ, nhiều hoạt động quyên góp, cứu trợ diễn ra: những chiếc xe vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm, quần áo cùng những đồ dùng sinh hoạt cần thiết trong những ngày mưa lũ... Những con người miền Trung xa xứ xúc động, vui mừng rồi hóa thành hạnh phúc khi nghe tin mẹ mình, cha mình cùng những người thân yêu vẫn yên ổn, dầu cái rét có muốn xé da, nhưng với sức mạnh của con người Việt Nam, tất cả đều có thể vượt qua. Đi cùng với sự phát triển của ngành công nghệ thông tin hiện đại, nhiều phương tiện được huy động để giúp người dân gặp nạn. Nhiều nạn nhân được cứu sống, được chăm sóc chu đáo tại các bệnh viện. Thế mới biết được trái tim của con người Việt Nam to lớn biết chừng nào. Nó có thể dang ra và ôm lấy những trái tim còn lại.

Đã bao giờ bạn trông thấy thiên nhiên hủy diệt được con người Việt Nam? Đã bao giờ con người Việt Nam đầu hàng trước những tai ương của số phận? Không. Và có lẽ vì vậy mà sức mạnh của thiên nhiên không thể đánh gục được sức mạnh của con người. Và điều đó luôn là một trong những niềm tự hào của những con người của dân tộc anh hùng. Thiên nhiên đã mạnh nhưng lòng người còn mạnh hơn. Thiên nhiên đánh gục con người nhiều lần nhưng con người vẫn hiên ngang đứng và từng bước chậm rãi lội ngược dòng. Đau khổ sẽ vơi đi, nước mắt cũng sẽ vơi đi, nâng con người ta đứng lên trước nghịch cảnh và đối mặt với nó. Bởi lẽ con người Việt Nam bất khuất, anh dũng, kiên cường, và một ngày... một ngày thiên nhiên sẽ phải cúi đầu. Tôi tin là vậy.

Hãy cứ thấp sáng lên những ánh lửa yêu thương, để nó cháy mãi và hâm nóng kịp thời những lúc nó nguội ngoai cảm xúc. Hãy sát gần trái tim của ta lại bên những trái tim khác để nó không phải cô đơn: *Quả tim sẽ không còn cô đơn khi sát lại bên những trái tim cô đơn khác để chia sẻ và hàn gắn.*

Vâng, chúng ta sẽ cùng đồng viên, ủng hộ các bạn nhỏ cũng như tất cả mọi người ở những vùng bị lão lữ: một món tiền nhỏ nhỏ, một bộ áo đã sờn vai, những chiếc chăn ấm áp... Hãy cứ làm bằng hết sức mình. Ừ thì những con người sống bằng da bằng thịt như chúng ta không thể ngăn cản những khi cơn giông ào đến, biết vậy, nhưng cũng đừng lo sợ vì dầu có tan thành cát bụi thì bạn vẫn sẽ hạnh phúc vì: *Con người sinh ra không phải để tan biến như hạt cát vô danh, họ sinh ra là để in dấu lại trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác* (Xu-khôm-li-xki).

Tôi cũng muốn được một lần in dấu lại trong trái tim người khác. Tôi sẽ sống hết mình, yêu hết mình và hành động hết mình. Vì chỉ có hành động mới mang lại hiệu quả thiết thực. Cùng bố mẹ, tôi gây dựng lại những trái tim đang hụt hẫng, quyên góp những gì mình có thể để cứu lấy những con người không may mắn ấy. Tôi đang thể hiện những dòng cảm xúc và suy nghĩ của chính mình, qua bài làm, tôi mong những niềm cảm thông, chia sẻ sẽ được gửi đến những con người phi thường ấy.

Cuộc đời là dòng sông, hòa cùng với thời gian, mãi biến chuyển và muôn đời vẫn thế. Vũ trụ luôn tuân hoàn theo dòng chảy bất tận của nó. Hẳn những nỗi đau vẫn có thể vây kín tâm hồn như muốn xóa đi những vết sáng mạnh mẽ đến diệu kì. Hẳn những nghịch cảnh và đặc biệt là của mẹ thiên nhiên vẫn không ngừng thách thức, nhưng một lẽ đơn giản rằng sức mạnh của con người Việt Nam vẫn có thể xua tan tất cả những nỗi đau ấy. Đó chính là sức mạnh thật sự của khối óc và của cả cơ bắp. Cảm ơn vì đã cho tôi bày tỏ những niềm cảm thương và cảm phục đến những con người Việt Nam ấy. Tôi nguyện sẽ góp hết sức mình xây dựng đất nước, thắm thêm màu cờ Tổ quốc, tươi thêm gấm vóc giang san. Vì tôi hiểu và nhận thức được mình cần: *Hãy học cách ứng xử của dòng sông, gặp trở ngại, nó vòng tìm đường khác.*

GIẢI “VĂN HAY CHỮ TỐT” LẦN 12 NĂM 2015 KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỀ THI KHỐI 6 – 7

Mẹ ơi, mẹ bảo quả táo trên cây chín đỏ là nhờ có mặt trời. Thế thì củ cải đỏ lớn lên trong lòng đất vì sao mà đỏ?

Mẹ ơi, mẹ bảo gà trống gáy thì trời sáng, thế sao gà trống chết rồi mà trời vẫn sáng?

Mẹ ơi, mẹ bảo con không nên hỏi mẹ như vậy, vì làm mẹ không bao giờ sai. Vậy thì con cũng sẽ không bao giờ sai, vì sau này con cũng làm mẹ.

(Trích Hỏi – Giả Bình Ao)

Em có suy nghĩ gì về: “*Cuộc sống qua đôi mắt trẻ thơ*” qua đoạn trích trên.

Bài thi đoạt giải Nhất của Hồ Cẩm Vân,
học sinh lớp 7B, trường THCS Châu Văn Liêm,
Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BAI LAM 1

Cái khoảnh khắc thiêng liêng nhất cuộc đời tôi có lẽ là lúc tôi “oe oe” cất tiếng khóc đầu tiên chào đời trong vòng tay yêu thương của cha mẹ và trong niềm hân hoan của gia đình. Rồi tôi lớn dần, lớn dần theo năm tháng, trở thành một đứa trẻ ngây thơ được nuôi lớn từ những giọt sữa mẹ chan chứa yêu thương. Trong cuộc đời, ai ai cũng trải qua những tháng ngày vô tư, hồn nhiên khi còn là một đứa trẻ. Tôi cũng không ngoại lệ! Thế nên mỗi khi tôi đọc những câu văn trong bài *Hỏi* của Già Bình Ao, lòng tôi lại bồi hồi, xúc động. Tôi lại được hồi ức về tuổi thơ đầu yêu và có nhiều dòng suy nghĩ đầy lắng đọng về một “cuộc sống qua đôi mắt trẻ thơ”.

“Mẹ ơi, mẹ bảo quả táo trên cây chín đỏ là nhờ có mặt trời. Thế thì củ cải đỏ lớn lên trong lòng đất vì sao mà đỏ?”

Mẹ ơi, mẹ bảo gà trống gáy thì trời sáng, thế sao gà trống chết rồi mà trời vẫn sáng?

Mẹ ơi, mẹ bảo con không nên hỏi mẹ như vậy, vì làm mẹ không bao giờ sai. Vậy thì con cũng sẽ không bao giờ sai, vì sau này con cũng làm mẹ”.

Ôi! Những câu nói của trẻ nhỏ thật hồn nhiên và đáng yêu làm sao ấy! Tôi cũng đã từng thắc mắc đủ mọi thứ xung quanh mình, rồi lại đặt ra hàng chục, hàng trăm câu hỏi để “vấn đáp” mẹ. Ngộ nghĩnh làm sao gương mặt thanh thoát của những đứa trẻ, tròn xoe mắt và chờ đợi câu trả lời! Đáng yêu làm sao những điều tưởng chừng như quá quen thuộc với chúng ta nhưng lại vô cùng lạ lẫm đối với những cô bé, cậu bé non dại! Nếu không có những câu hỏi thắc mắc khi còn bé thì chúng ta sẽ không có hiểu hết về thế giới xung quanh.

Bạn nghĩ thế nào là “cuộc sống qua đôi mắt trẻ thơ”? Đó là một thế giới vô cùng dễ thương và ngộ nghĩnh. Ở đó, ông bà, cha mẹ như những nhà khoa học với đầy đủ kiến thức và hiểu biết sâu xa, là những người giải đáp mọi thắc mắc, nghi vấn của trẻ nhỏ.

“Cửa sổ tâm hồn” của những đứa trẻ vô tư, hồn nhiên là chìa khóa để mở cánh cửa của thế giới thần kì. Trong cái thế giới ấy, qua góc nhìn của những đứa trẻ, mọi thứ đều có thể chuyển động, biết vui, biết buồn. Chính tôi đã từng trải nghiệm nên tôi hiểu! Qua ánh mắt trong veo của các bé, chiếc xe ô tô và đồ chơi khác đều biết trò chuyện, những bông hoa biết hò reo, vui sướng khi được tắm mát, cả những vì sao lấp lánh trên bầu trời cũng biết cười với các bé. Thật kì diệu phải không nào? Phải nói trẻ con rất giỏi tưởng tượng đấy nhé! Nhìn vào một vật, chúng có thể liên tưởng ra rất nhiều đồ vật, thậm chí là con vật. Chính bản thân tôi cũng đã từng được trải nghiệm cái cảm giác vui sướng và “lâng lâng” ấy! Đám mây trắng tinh và bông bành kia lại là một chú cừu bông đang hóng gió và ngắm mây trời trong đôi mắt của tôi. Cây dừa cao to đầy vết sẹo đang bình thản ngủ mơ cũng trở nên đáng sợ với tôi khi tôi thấy nó giống như tên cướp biển có vết sẹo, vô cùng hung hăng trong bộ phim hoạt hình nào đấy! Ôi! Nhớ những giây phút tuyệt vời ấy quá đi mất!

Cũng giống như cậu bé con luôn thắc mắc và hỏi mẹ nhiều điều về thế giới xung quanh trong bài *Hỏi*, tôi cũng đã từng không ít lần trố mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy cây sương rồng đầy gai, ấm nước sôi sùng sục đang sủi bọt... Thật đáng yêu quá đi!

“Mẹ ơi! Đây là gì thế ạ?”, “Bố ơi! Đây là gì thế ạ?”, “Ông ơi! Sao cây này lại có gai vậy ạ?”, “Bà ơi! Sao cô Tấm trong truyện cổ tích lại xinh thế ạ?... Đó là những câu hỏi khá quen thuộc mà những em bé hay hỏi người thân với đôi mắt tròn xoe và

đáng yêu. Tôi tin chắc rằng, ông bà, cha mẹ luôn sẵn lòng giải đáp mọi thắc mắc cho các bé với mong muốn các bé sẽ hiểu biết hơn về thế giới xung quanh.

Cuộc sống trong cách nghĩ của người lớn: mọi việc vẫn diễn ra bình thường, trôi đi theo tháng năm, mong muốn làm gì đó thật ý nghĩa cho cuộc đời. Còn cuộc sống qua đôi mắt trẻ thơ thì lại khác! Đó là những giây phút vô cùng đáng yêu! Mọi vật xung quanh đều rất sinh động, rất vui nhộn! Điều kì diệu đối với trẻ nhỏ đôi khi là những điều vô cùng bình thường đối với chúng ta. Nơi ấy cũng chỉ là một hành tinh với đầy ắp đồ chơi, những người thân yêu và những khoảnh khắc thoáng vui, thoáng hồn giận vu vơ, thật thú vị!

Tôi cũng từng được sống trong cái thế giới tuyệt diệu ấy! Tôi cũng đã từng có những suy nghĩ non nớt nhưng vô cùng dễ thương. Hồi ấy, tôi đi học mẫu giáo, cô giáo hỏi các bạn: “Lớn lên các con sẽ làm gì?”. Bạn tôi hăng hái giơ tay. Đưa thì đời làm bác sĩ, ca sĩ, phi công, công an... Còn tôi: “Thưa cô, con muốn làm mẹ”, cô giáo ngạc nhiên. Tôi giải thích: “Mẹ là “người” giàu có nhất vì lúc nào mẹ cũng có tiền mua đồ chơi cho con. Mẹ không phải ngủ trưa, lại còn được thức khuya nữa! Làm mẹ rất oai! Mẹ có cả một nhà máy thức ăn cơ đấy! Món nào mẹ cũng nấu được!”. Tôi ngây ngô thế đấy! Tôi còn là một đứa bé ngây thơ, nhìn cuộc sống bằng cái nhìn vô cùng đơn giản. Giờ tôi mới hiểu mẹ tôi vất vả nuôi tôi khôn lớn thế nào! Kí ức ấy là đáng giá nhất trong “nhật kí tuổi thơ” của tôi. Tôi có thể nhìn nhận rằng, chính những ngày tháng vô tư, hồn nhiên của tuổi thơ, chính cái nhìn giản đơn và lạc quan về cuộc sống khi còn non dại đã giúp tôi trưởng thành theo năm tháng và có những giây phút lắng đọng khi nhìn lại những kí ức của tuổi thơ...

“Cuộc sống qua đôi mắt trẻ thơ”: không buồn chán, không tẻ nhạt, không muộn phiến, không lo lắng, rất sinh động, rất vui tươi, rất hồn nhiên, rất đáng nhớ!...

Mọi điều thân thương về kí ức tuổi thơ dẫu yêu, mọi kí ức về “cuộc sống tuổi thơ” sẽ theo tôi đến suốt cuộc đời. Lốp bụi tương lai làm sao có thể phủ mờ quyển nhật kí lưu giữ khoảnh khắc thiêng liêng và đẹp đẽ của tuổi thơ. Bạn mến! Hãy trân trọng những ngày tháng được sống trong thế giới trẻ thơ. Vì đó là những nấc thang giúp ta bước cao hơn trên quãng đường đời, là những ngày tuyệt vời nhất trong cuộc đời. Còn tôi, tôi sẽ luôn nhớ về những lúc được vui vẻ khi còn là một đứa trẻ ngây thơ. Và đối với tôi: *Một phút được sống trong thế giới trẻ thơ là sáu mươi giây hạnh phúc của cuộc đời...*

**Bài thi đoạt giải Nhất của Kim Thái Huyền Vi,
học sinh lớp 7A1, trường THCS Thực Hành Sư Phạm,
Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**

BAI LAM 2

Hãy lắng nghe những câu chuyện đời, từ những trái tim ta biết yêu thương. Thời gian cứ trôi, tình người còn mãi (Quà tặng cuộc sống). Vàng! Cuộc sống luôn mang đến cho ta những món quà kì diệu. Tất nhiên, ai trong chúng ta cũng sẽ có rất nhiều cách khác nhau để đón nhận những điều ấy. Trong đôi mắt trẻ thơ, cuộc sống luôn là điều kì diệu nhất mà chúng nhận được.

Có ai đó đã từng nói rằng: *Cuộc sống là một hành trình luôn chờ ta khám phá.* Thật vậy, nó ẩn chứa rất nhiều điều tuyệt diệu. Trong đầu chúng ta tồn tại rất nhiều câu hỏi, có câu hỏi bạn sẽ tự trả lời được, nhưng sẽ có những câu hỏi bạn không tài nào lí giải nổi.

Trẻ thơ cũng giống như thế, thậm chí trẻ em còn thắc mắc nhiều hơn, thắc mắc lâu hơn là đằng khác.

Mẹ ơi, tại sao những vì sao trên bầu trời lại sáng? Tại sao trời lại mưa? Có sao đêm lại tối om thế? Con đã được sinh ra như thế nào? Và còn rất nhiều câu hỏi khác nữa...

Với những người đã lớn, tôi chắc chắn rằng họ sẽ có thể trả lời được ngay những câu hỏi này một cách dễ dàng và chính xác. Nhưng với những đôi mắt trong veo, hồn nhiên của trẻ nhỏ, những câu hỏi như thế không chỉ là những câu hỏi, chúng còn là những đề tài thật sự thú vị để chúng ta tha hồ thắc mắc.

Đôi khi, người lớn sống vội vã quá, nhanh quá cùng với sự bận rộn theo nhịp sống hối hả tấp nập ngày nay. Những câu hỏi dần đi vào cõi lãng quên. Họ chẳng chú tâm, để ý hay tha thiết gì mấy vào những đề tài như vậy của trẻ con, nếu có chăng chỉ là những góc nhìn khoa học cứng nhắc, khô cứng chứ không nhìn chúng với vẻ thích thú ngẩn ngơ như con trẻ.

Khi con hỏi rằng những củ cải đỏ dưới lòng đất thì không nhận được ánh nắng mặt trời như quả táo, như vậy làm sao chúng đỏ được thì người mẹ sẽ bỏ chúng lại cho những khoảng trống vô định mà không thể trả lời con. Mặt khác, người lớn sẽ nói rằng trẻ con thì không nên đặt ra những câu hỏi như thế và bảo rằng người lớn luôn đúng, họ không bao giờ sai lầm. Nếu trẻ hỏi tiếp khi người lớn đã trả lời được thì chắc hẳn người lớn cũng sẽ tiếp tục đầu đầu vì những thắc mắc khác. Theo người lớn, cuộc sống không có quá nhiều điều kì diệu như trẻ con.

Trẻ con nghĩ, nhìn khác người lớn. Trẻ có thể nhìn một hiện tượng nào đó bằng đôi mắt đầy vẻ ham thích, với sự hay ho và cả nỗi khát khao, thèm khát được giải thích chúng một cách đúng đắn, hợp lí. Với trẻ em, muông thú, cây cỏ, vạn vật đều là những người bạn của trẻ – những người bạn thú vị, diệu kì và đầy vẻ bí ẩn. Trẻ con thường sẽ không lấy làm bằng lòng hoàn toàn với những câu trả lời, lời giải thích khó hiểu, dài lê thê của người lớn cho dù là nó trong trường hợp nào, hoàn cảnh nào, dù nó đúng hay sai. Trẻ nhỏ nhìn cuộc sống này như chiếc kính vạn hoa, muôn màu, muôn vẻ. Chúng sẽ không thấy cuộc sống tẻ nhạt như người ta vẫn thường hay than thở những lúc buồn mà thay vào đó là sự tươi vui và đầy sắc màu mà cuộc sống mang lại với chiếc kính vạn hoa. Tất cả những gì trẻ con cần là vẻ mặt thích thú của mình hiện rõ mỗi lần hiểu ra điều kì diệu nào đó. Cuộc sống này đối với trẻ thật kì lạ và khó hiểu nhưng cũng tràn ngập niềm vui tươi. Thật là ngộ nghĩnh, dễ thương, đầy vẻ hấp dẫn và thích thú cũng như những thắc mắc, câu hỏi là sự cảm nhận của trẻ với cuộc sống:

*Mẹ ơi tại sao con bướm bay cao,
Con ong làm mật,
Con kiến tha mồi?*

Lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật tầm thường nhất. Yêu cái cây trước nhà, yêu con phố nhỏ và tôi yêu làm sao những đôi mắt trong veo, hồn nhiên của trẻ nhỏ đối với cuộc sống. Bạn hãy thử mở lòng mình hơn để cảm nhận cuộc sống thật đẹp như trẻ con, bạn nhé!

**Bài đoạt giải Nhất của Trần Hồng Anh,
học sinh lớp 7/2, trường THCS Võ Thị Sáu,
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu**

BÀI LÀM 3

Mỗi con người đều có đôi mắt thật tinh, thật sinh động và cũng thật đẹp! Nhưng ánh mắt trẻ thơ là đẹp nhất! Đẹp qua cái nhìn của đôi mắt ấy! Tôi nói thật! Qua từng cái nhìn của chúng đã viết nên một cuộc sống thật hồn nhiên, trong sáng và chân thành không mang một chút gian dối hay giả tạo trong đời sống vật chất hiện nay! Thế thì “cuộc sống qua cái nhìn tuổi thơ” thì sao nhỉ?

Theo tôi cái nhìn ấy thật thà lắm! Nó thể hiện qua:

Mẹ ơi, mẹ bảo quả táo trên cây chín đỏ là nhờ có mặt trời. Thế thì củ cải đỏ lớn lên trong lòng đất vì sao mà đỏ?

Mẹ ơi, mẹ bảo gà trống gáy thì trời sáng, thế sao gà trống chết rồi mà trời vẫn sáng?

Mẹ ơi, mẹ bảo con không nên hỏi mẹ như vậy, vì làm mẹ không bao giờ sai. Vậy thì con cũng sẽ không bao giờ sai, vì sau này con cũng làm mẹ.

(Trích *Hỏi* – Giả Bình Ao)

Đấy bạn thấy không? Những câu hỏi ấy rất hồn nhiên, đôi khi chỉ là những câu hỏi đơn giản! Tuổi thơ của chúng ta hiểu động lắm! Nghĩ gì nói đó! Không xem xét coi có vừa lòng người này hay vừa lòng người kia không? Đáng yêu quá đấy chứ! Chúng ta thường nói, trẻ con thật lắm chuyện! Không phải như vậy đâu! Chúng đang muốn tìm hiểu thêm, biết nhiều hơn về cuộc sống bon chen của chúng ta ngày nay! Đó có phải điều tốt không nhỉ? Nếu mà nói thì, tuổi thơ nhìn cuộc sống này theo một cái nhìn về thế giới thần tiên, có những cánh đồng hoa cỏ dại, những bông hoa hàng trăm, nghìn màu sắc, tỏa ra thật nhiều mùi hương của từng loài hoa, những cánh bướm, bầy ong đang chăm chỉ đi làm việc của mình, thụ phấn, hút mật làm cây cối trở nên xanh tươi, tốt đẹp! Đàn cá tung tăng bơi lượn dưới nước qua tiếng hát của bé Xuân Mai:

Cá vàng bơi lên lặn xuống

Cá vàng bơi tung tăng.

Nơi cánh cò dang thẳng trắng tinh khiết, sải dài bay lượn dập dờn trên những cánh đồng lúa, chính từ lời bài hát đã giúp chúng ta suy nghĩ như thế:

Con cò bay lả bay la

Bay từ ruộng lúa, bay ra...

Không chỉ với động vật, thật không chỉ thế mà còn có con người. Tuổi thơ nghĩ rằng là ai ai cũng yêu thương nhau, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ và chia sẻ mọi thứ cứ như từng truyện tranh viết lên. Cuộc sống thật nên thơ với mùa hè nắng oi ả, gay gắt hòa quyện với tiếng ve sầu, tạo nên một bản hòa tấu thực thụ, nghe sao mà hay hay cứ như của một người nghệ sĩ lang thang! Mùa thu với những cơn mưa đáng ghét làm chúng không được đi chơi cùng cha mẹ, bạn bè. Nhưng bù lại cho những đứa trẻ ấy đêm trăng rằm rước đèn cùng những đứa bạn ở thôn, xóm! Mùa xuân cây cối đâm chồi nảy lộc, hoa bướm hội tụ, khúc xuân nhà nào cũng hát, nghĩ đến tiền lì xì, mặc đồ đẹp... Thật sinh động biết bao!

Nhưng đời không như là mơ. Cuộc sống của chúng ta bây giờ vất vả, bận tới mặt mũi để có tiền, làm mệt đừ người lại phải lo cơm nước gia đình! Làm gì mà có chuyện qua nhà người này, người kia chơi. Thậm chí, nơi tôi sống nhà sát vách mà

còn không biết mặt luôn này! Mỗi người ai cũng có việc, cũng mang một chút hồ hững và vô tâm với nhau! Ngay cả chị em trong nhà cũng vậy. Người chị giàu, người em thì bị bệnh nan y, muốn sống phải vào hóa chất. Tiền thì đắt, nhà thì nghèo nên hai đứa con gái lại nhà người chị mượn tiền. Số tiền ấy đối với người chị thì có đáng là bao, nhưng người chị lại không cho vay. Vài tháng sau, người em mất. Mà cũng ngộ thật! Người chị đem đúng số tiền ấy cúng vào chùa X, thật mắc cười? Ha ha, người em mình đang cần để sống thì không cho, đem vào chùa góp tiền xây dựng, đây là để lấy tiếng thơm cho mình. Thú thật, cuộc sống và xã hội dân tiến hóa, con người đang tiến hóa thêm một bậc, nhưng chính sự tiến hóa đó đang đánh mất tình người. Rồi xã hội sẽ đi về đâu nhỉ?

Đây chỉ là suy nghĩ của những đứa trẻ bình thường, còn đối với những đứa trẻ mang bệnh hiểm nghèo thì sao? Khác hay không?

Có một lần, tôi lướt Facebook của đứa em tôi một vòng, đứa em này bị bệnh rất nặng, ung thư máu đấy! Tôi thấy nó viết như thế này:

“Đừng nhìn vào một đứa trẻ đầu trọc mà lại chê cười nó, bạn đâu biết rằng nó mang trong mình căn bệnh ung thư, nhưng nó đã vượt lên chính mình!

Đừng nhìn vào cô bé mười lăm tuổi mà bảo cô đấy hư hỏng. Thật ra cô bé ấy bị hiếp dâm năm mười ba tuổi nên có con”.

Tôi đọc xong mà cảm phục! Không tin rằng là nó đã nghĩ được như vậy! Thật sâu sắc và ý nghĩa! Nó đang phê phán cuộc sống này thật bất công và nghiệt ngã! Già dặn quá đi mất!...

Bạn thấy không? Suy nghĩ của những đứa trẻ rất hồn nhiên, trong sáng và chân thật! Nó đã nhìn cuộc sống khó khăn này bằng đôi mắt biết vẽ, biết tô. Đừng làm mất đi sự tinh khiết và trong sáng bởi cuộc sống này nhé! Tôi tin! Và chúng ta hãy nhìn cuộc sống như vậy nhé! Chúng ta sẽ thấy cuộc sống này tuyệt vời! Khiến ta yêu đời hơn! Vậy nhé! Hãy cứ sống như một đứa trẻ biết yêu, biết thương, biết khóc, biết cười! Đừng hồ hững lạnh lùng nhé! Nhớ đấy! Vì chúng ta còn sống!

ĐỀ THI
KHỐI 8 – 9

Chúng ta nên làm gì để đất nước mãi mãi đẹp tươi?

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Thị Thu Yên,
học sinh lớp 9C, trường THCS Mĩ Thành Nam II,
huyện Cai Lậy, Thành phố Mĩ Tho, tỉnh Tiền Giang**

BÀI LÀM 1

Trong bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam, trải qua biết bao cuộc đấu tranh giành lại độc lập cho thể hệ mai sau thì nước Việt Nam đã trải qua biết bao đổi thay. Tinh thần hào hùng bất khuất, yêu quê hương đất nước đã làm nên những chiến thắng vẻ vang, đem lại cho ta một cuộc sống như hôm nay. Khi đặt chân đến bất cứ nơi nào trên đất nước Việt Nam thì ai ai cũng sẽ bắt gặp những danh lam thắng cảnh, những dấu ấn còn tồn tại về đất nước và con người Việt Nam, hiền lành, chất phác, gần gũi. Những di tích mang đậm bản sắc hào hùng của dân tộc. Như vậy, ngày nay ta được sống trên một đất nước tươi đẹp như thế, *“chúng ta nên làm gì để đất nước mãi mãi đẹp tươi”?*

Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện rõ hình ảnh của đất nước Việt Nam trong bài thơ *Mặt đường và khát vọng*. Đi khắp nơi trên quê hương đất nước Việt Nam, dù là ở ruộng đồng gò bãi, ở vùng núi xa xôi... thì đâu đâu cũng có những dấu ấn thời xa

xưa của ông cha ta, một ao ước, một lối sống vĩ đại, cao cả, bất khuất... Sau bao nhiêu giai đoạn lịch sử đã có biết bao người công hiến, tích góp công sức của mình cho sự nghiệp cao đẹp vì quê hương đất nước ngày càng đẹp hơn. Họ hi sinh cả bản thân, quên mình để đóng góp cho đất nước Việt Nam. Trải qua mấy nghìn năm chịu ách đô hộ, thống trị của chế độ phong kiến thì con người Việt Nam cũng quyết tâm kiên cường bản lĩnh, bất khuất chống giặc ngoại xâm để đem lại sự tự do, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc như ngày hôm nay. Chúng ta phải hiểu rằng ta có được cuộc sống tươi đẹp như ngày hôm nay là nhờ vào đâu? Có lẽ ai cũng biết ta được sống trong một đất nước tự do, ấm no, hạnh phúc, đầy đủ là nhờ vào “họ”. Họ là những người con sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam. Những con người ấy luôn mang trong mình một tinh thần, đã thấm nhuần trong tâm trí một lí tưởng cao đẹp là đem lại độc lập tự do cho dân tộc. Hơn thế nữa, họ có một tinh thần yêu quê hương đất nước và quyết đứng lên đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Bác Hồ đã từng khẳng định tinh thần yêu nước ấy trong *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Tinh thần ấy kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ. Nó nhấn chìm cả lũ bán nước và lũ cướp nước*”. Họ là ai? Đó là những anh hùng dân tộc như: Bà Trưng, Bà Triệu, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Quang Trung... Và những chiến sĩ, đồng chí trong thời chống Pháp, chống Mĩ: Lí Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám, La Văn Cầu, Phan Đình Giót... Các bạn thấy đấy! Người Việt Nam bất khuất, kiên cường và anh dũng như thế đấy! Bên cạnh con người thân yêu ấy, đất nước Việt Nam còn luôn tự hào về những danh lam thắng cảnh, những tượng đài đẹp như: Hồ Gươm ở Hà Nội đã gắn liền với truyền thống Lê Lợi trả lại gươm cho Rùa vàng. Đây là tinh thần chống lại giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Hay đến với Lạng Sơn không ai có thể quên được hình ảnh của hòn Vọng Phu gắn liền với sự tích nàng Tô Thị ôm con chờ chồng hóa đá, đây là lối sống thủy chung tình nghĩa, son sắt của người Việt Nam. Đến với Quảng Ngãi thì tinh thần hiếu học của người Việt Nam lại hiện lên trên ngọn núi Bút. Qua một số bài hát, có lẽ ai cũng biết hình ảnh của Chợ nổi Cái Răng và một số địa danh ở miền Tây Nam Bộ, đã nói lên hình ảnh thân thuộc, lối sống của người dân nơi đây. Con người miền Tây chất phác, thật thà... Với bao nhiêu đó thôi cũng đủ để thấy rõ hình ảnh lối sống con người trên đất nước hình chữ S này! Một đất nước với biết bao con người yêu quê hương, Tổ quốc... đầy tình cảm, giàu tinh thần. Trong bài thơ *Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm có viết:

*Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt, đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.*

Bài thơ chỉ ngắn gọn thôi nhưng chứa đựng trong đây biết bao nhiêu tình yêu quê hương, đất nước. Ngày xưa, con người giàu lòng yêu nước như thế, liệu ngày nay còn tồn tại được bao nhiêu người như thế?

Ngày nay, mỗi con người luôn cứ tự cho mình là giỏi, là hay, chỉ thích sống theo kiểu “sống chết mặc bay”. Cứ sống bình thường và chỉ biết sống cho lợi ích cá nhân, không vì ai chỉ khép mình sống một mình. Và cứ thế, thói vô trách nhiệm, lòng vô tâm đang dần lấn áp và ăn mòn nhân cách của con người. Khi bị mọi người chỉ trích, họ chỉ ngoảnh mặt làm ngơ và thốt lên một câu mà khó có thể chấp nhận: “Thân tôi lo chưa xong lấy đâu ra mà lo cho đất nước”. Tại sao mỗi con người lại

không sống theo phương châm: “Mọi người vì một người. Mỗi người vì mọi người” hay như cách sống trong bài thơ *Một khúc ca xuân* của Tố Hữu:

*Nếu là con chim, chiếc lá
Thì chim phải hót, lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.*

Vì vậy, mỗi con người phải biết sống hi sinh, chia sẻ công hiến như bao thế hệ cha ông đi trước đã đem lại độc lập cho dân tộc chúng ta hôm nay. Chớ đừng sống và suy nghĩ tiêu cực như giới thanh thiếu niên ngày nay, không quan tâm chia sẻ với ai. Sống theo kiểu “mạnh ai nấy làm, mạnh ai nấy ăn, mạnh ai nấy sống”. Đó là một cách sống không giúp thêm gì cho xã hội, cho quê hương, đất nước mà còn là một gánh nặng mang một trọng lượng khổng lồ “hàng trăm tấn cho xã hội”. Những tinh thần bất khuất, lòng kiên cường yêu quê hương, đất nước, những phong cảnh đẹp, những danh lam, danh tiếng Tổ quốc Việt Nam có ngày càng vươn xa hơn, có ngày càng giàu đẹp hay không là nhờ công sức đóng góp của các thế hệ trẻ mai sau. Bác Hồ đã từng nói: *Non sông Việt Nam có tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai với các cường quốc được hay không. Chính là nhờ một phần lớn công học tập của các em.* Vì vậy, ngay từ bây giờ, mỗi chúng ta cần phải xác định đúng đắn mục tiêu của mình trong tương lai sẽ làm gì sau này để đem lại một tương lai tươi sáng cho đất nước Việt Nam tiến xa hơn trong cộng đồng quốc tế. Cần phải cố gắng học tập thật giỏi để duy trì và phát huy tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất, kiên cường... của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt hơn, sẽ tích góp, cống hiến hết sức lực của mình vào sự nghiệp xây dựng một xã hội văn minh, giàu mạnh hơn. Giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh mang đậm bản sắc dân tộc. Và điều quan trọng chúng ta sẽ tuyên truyền giáo dục, khuyến khích mọi người có tinh thần trách nhiệm bảo vệ đất nước. Chúng ta hãy giới thiệu cho các nước bạn biết nhiều hơn về dân tộc, con người... Để đất nước ta mãi đẹp tươi. Các bạn nhé!

*Em ơi Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời.*

(*Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm)

Hãy cống hiến chia sẻ, đóng góp... một phần sức lực của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc để làm nên một đất nước muôn đời cho thế hệ mai sau. Để đất nước Việt Nam là một đất nước mãi mãi đẹp tươi trong lòng mọi người. Các bạn nhé! Hãy cống hiến hết mình vào sự nghiệp xây dựng và phát huy giá trị sâu sắc của đất nước Việt Nam thân yêu!

**Bài thi đoạt giải Nhất của Nguyễn Trần Thảo Uyên,
học sinh lớp 9A, trường THCS Bến Tre,
Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

BÀI LÀM 2

*Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...*

Những câu thơ trong bài *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm đã gọi lên trong lòng những người con đất Việt, hình ảnh một quê hương, một mảnh đất hình chữ S với bề dày lịch sử hào hùng và vẻ vang, với những truyền thống trân quý

về lối sống, về cách suy nghĩ, về tư tưởng và lí tưởng sống. Đất nước Việt Nam ta, tươi đẹp là thế, với những điều tốt đẹp được lưu truyền qua bao thế hệ. Gắn với những truyền thống, những câu chuyện... là những địa danh nổi tiếng thể hiện được suy nghĩ, lối sống... để nhắc nhở con người mang dòng máu Lạc Hồng về những thứ quý giá tốt đẹp của đất nước. Câu hỏi đặt ra cho các thế hệ hôm nay và mai sau, đó chính là: *Phải làm như thế nào để đất nước ta mãi mãi đẹp tươi?*

Những truyền thống, những câu chuyện lịch sử, lối sống, lối suy nghĩ, tưởng tượng phong phú... luôn có ý nghĩa sâu sắc và giá trị quan trọng, cũng như những địa danh gắn liền với chúng. Hồ Gươm (Hà Nội) gắn với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm cho Rùa vàng, gọi cho con người suy nghĩ về tinh thần đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. Người dân Việt Nam có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Tinh thần này được kế thừa và phát huy qua nhiều thế hệ, từ già, trẻ, lớn, bé, từ người lao động chân tay đến người lao động trí thức, ai ai cũng một lòng hướng về Tổ quốc. Vì vậy mà với lòng yêu nước, truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm mà con người Việt Nam ta luôn để lại một ấn tượng đẹp trong lòng bạn bè năm châu, luôn sẵn sàng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không chỉ có Hồ Gươm, một số tượng đài các vị anh hùng như Trần Hưng Đạo, Quang Trung... một số nhà tưởng niệm những người có công với đất nước... cũng khiến con người nhớ về truyền thống yêu nước, kiên cường đấu tranh của dân tộc. Người Việt Nam còn có tinh thần hiếu học đáng quý. Và gắn với tinh thần ham học hỏi đó là núi Bút, thể hiện một sự tưởng tượng về cây bút viết lên trời cao. Người Việt Nam ta yêu con chữ, yêu kiến thức, vì chúng ta hiểu, chỉ có học mới cải thiện cuộc sống, chỉ có học mới phát triển xã hội. Tinh thần hiếu học đã ăn vào máu người Việt Nam, chính vì vậy mà đất nước ta đã xuất hiện rất nhiều hiền tài, giúp ích cho Tổ quốc. Nam Văn Miếu – Quốc Tử Giám cũng là một địa danh nổi tiếng, là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam cho thấy truyền thống hiếu học của nhân dân ta. Không chỉ vậy, người Việt Nam còn có một cách sống đáng quý, đó là lối sống chung thủy, tình nghĩa, sắt son. Hòn Vọng Phu (Lạng Sơn) gắn với sự tích nàng Tô Thị ôm con chờ chồng hóa đá. Chắc hẳn ai cũng biết về câu chuyện *Vợ chàng Trương* kể về người con gái Vũ Thị Thiết hội tụ đầy đủ vẻ đẹp và phẩm chất: công – dung – ngôn – hạnh, thủy chung, son sắt, một lòng một dạ với chồng kể cả khi chồng phải đi lính. Đây là một lối sống đẹp trong đời sống người Việt Nam. Hơn nữa, rất nhiều địa danh nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ thể hiện lối sống, lối suy nghĩ, tưởng tượng của người dân đất Việt Nam như: sông Ông Đốc, cồn Ông Trang, chợ nổi Cái Răng... khiến đất nước ta trở nên đặc biệt và độc đáo trong mắt du khách. Quả thật, những truyền thống, câu chuyện, lối sống cao đẹp của người Việt Nam thật có giá trị.

Đáng tiếc thay, một số nét đẹp văn hóa truyền thống đang dần bị mai một, cũng như một số địa danh đang dần bị phá hoại. Với sự phát triển của xã hội, cuộc sống của con người trở nên bận rộn, những lo toan, vất vả đang khiến con người quên đi các giá trị truyền thống, ở đây không phải là tinh thần yêu nước hay hiếu học... mà là các làn điệu dân ca, trò chơi dân gian... Các địa danh của đất nước cũng đang bị phá hủy, không phải luôn là vì thiên nhiên mà là vì con người. Thực trạng xả rác bừa bãi không còn là vấn đề riêng của bất kì quốc gia nào. Con người vô tư ăn uống rồi bỏ rác tại nơi mình vừa ngồi, xong lại làm ngơ bỏ đi. Điều đáng nói là những người khác không nhắc nhở mà vô cảm, không quan tâm. Không chỉ vậy, một số người còn hồn nhiên vẽ viết lên các tường, cột; những lời nói không ý thức, gây mất thẩm mỹ ở

nơi các công trình, địa danh. Hiện nay, các đầu Rùa đang bị mòn đi do quá nhiều người sờ vào để cầu may trong thi cử (ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám). Các tình trạng này nên chấm dứt, nếu không các giá trị truyền thống, những địa danh sẽ dần bị hủy hoại, rồi đất nước Việt Nam sẽ mất đi vẻ độc đáo hấp dẫn lòng người.

Phải làm sao để đất nước ta mãi mãi đẹp tươi? Đầu tiên là từ trong ý thức mỗi người, hãy hiểu và trân trọng những truyền thống, lối sống, các truyền thuyết quý báu của con cháu Rồng Tiên. Hãy biết quý cái đẹp, cái ý nghĩa của những địa danh, những địa điểm đẹp. Từ đó, biết cách giúp mọi người ý thức được những giá trị tốt đẹp đó để giữ gìn, bảo vệ và phát huy. Tiếp theo, về phía chính quyền địa phương và Nhà nước, phải có những biện pháp khả thi để góp phần bảo vệ và nâng cao những giá trị văn hóa truyền thống. Mở những lớp dạy những nghề truyền thống, các làn điệu dân ca cho những ai yêu thích và khuyến khích mọi người trải nghiệm. Tổ chức các lễ hội, cuộc thi với nhiều hoạt động dân gian hấp dẫn. Tạo cơ hội giao lưu giữa các vùng với nhau, tạo điều kiện để các em nhỏ được nghe những lời tâm sự, chia sẻ của những người đi trước. Đối với các địa danh, chính phủ nên giới hạn số lượng khách du lịch, như ở tòa Tháp Đồi nổi tiếng, chỉ có một trăm vé mỗi ngày. Có những hình phạt thích đáng đối với ai xâm hại đến kiến trúc, giá trị các địa danh.

Đất nước Việt Nam ta có vô vàn những truyền thống đẹp, câu chuyện hay, lối sống đáng quý cùng với những địa danh nổi tiếng, làm nên nét đẹp rất riêng của đất nước hình chữ S. Tuy nhiên, có vẻ chúng đang dần bị mai một và mất đi. Vì vậy, từ chính bản thân con người Việt đến Nhà nước, Chính phủ, nên cùng ý thức và chung tay bảo vệ cùng phát huy, vì một Việt Nam mãi mãi tươi đẹp.

Phần ba

TUYỂN CHỌN VÀ GIỚI THIỆU NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

ĐỀ BÀI

Nêu suy nghĩ của em về hai câu thơ:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con.*

(Con cò – Chế Lan Viên)

Bài viết của Nghiêm Băng Thanh, học sinh lớp 6A5,
trường THCS Huỳnh Khương Ninh, Thành phố Vũng Tàu

BÀI LÀM

Mẹ là nguồn cảm hứng của bao thế hệ nhà thơ, nhà văn từ xưa đến nay. Lịch sử của chúng ta đã đi qua bao thăng trầm, biến cố. Song hình ảnh mẹ luôn là đề tài xuyên suốt của văn học và tỏa sáng trong thơ văn Việt Nam. Đã có biết bao nhiêu tác giả viết về mẹ, dâng lên mẹ một tình cảm thiêng liêng cao quý. Trong số những tác giả ấy, Chế Lan Viên đã đóng góp một thi phẩm khiến chúng ta phải suy ngẫm. Đó là bài thơ *Con cò* của ông mà tiêu biểu là hai câu thơ:

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con.*

Cảm xúc của nhà thơ Chế Lan Viên viết về mẹ cũng chính là tâm niệm của chúng ta đối với người mẹ yêu quý của mình. Người mẹ luôn bên con, che chở, nâng đỡ, lúc nào con cũng là bé bỏng: *Con dù lớn vẫn là con của mẹ*.

Từ khi lọt lòng, ta được nằm trong vòng tay ấm áp của mẹ, được nuôi bằng dòng sữa ngọt ngào. Ôi! Tình mẹ thật bao la và vĩ đại:

*Chào đời... tiếng khóc ơ hơ ban đầu
Mẹ hiền cho trẻ hai bầu sữa thơm
Những khi lá khóc giận hờn
Trở trời ồm yếu mẹ thường áp iu.
Dãi dầu một nắng hai sương
Héo gầy thân mẹ vẫn thương con khờ
Sợ con nhẹ dạ non lòng
Mẹ hiền nhỏ nhẹ ngọn nguồn đại khôn.*

(Nỗi lòng còn yêu – Thích Phước Tiến)

Mẹ dành cho ta những gì đẹp nhất. Cả đời mẹ vất vả lo toan từ manh quần, tấm áo, miếng cơm cho con chu tất vẹn toàn. Khi con lớn lên, trưởng thành dù con là ai, dù con đi khắp những đâu thì đối với mẹ con vẫn là đứa con bé bỏng. Mỗi chúng ta sinh ra đều có quê hương, cội nguồn mẹ ta ở đâu là quê hương ở đó. Đời mẹ vẫn còn

lam lũ tảo tần, vẫn chịu thương chịu khó như con cò vậy. Chúng ta có thể tưởng thành trên mọi cương vị của xã hội, có thể là những người có học vấn cao, có trình độ, có vị thế trong xã hội nhưng với mẹ đứa con ấy vẫn thật là bé bỏng, mẹ vẫn phải lo và dõi theo hàng ngày. Quê hương là mẹ. Mẹ ta ở đâu là quê hương ở đó. Và vẫn là hình ảnh thân thương như nhà thơ Nguyễn Duy đã nói:

*Rồi ren tay bí tay bầu
Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa.*

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa)

Con có đi khắp bốn phương trời thì vẫn là con của mẹ. Mẹ dứt ruột đẻ ra và nuôi con trong gian nan vất vả. Tình mẹ lớn lao không đo đếm được và nhà thơ đã viết:

Đi hết cuộc đời lòng mẹ vẫn theo con.

Câu thơ có lẽ đã làm mỗi chúng ta rung động về một thứ tình cảm thiêng liêng, cao cả. Đó chính là tình mẫu tử. Mẹ đã đi hết cuộc đời, mẹ theo con suốt cuộc đời và mẹ cũng hi sinh suốt cuộc đời để chăm lo cho con. Nếu mẹ có phải từ già cõi đời thì trong thế giới tâm linh, mẹ vẫn đang tồn tại, mẹ vẫn đi theo con, ở bên con mãi mãi. Công ơn ấy, ca dao đã từng nói:

*Công cha nặng lắm ai ơi
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang.*

Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng vĩnh cửu và trường tồn với thời gian. Dù thế giới đổi thay, vạn vật biến chuyển thì tình mẹ vẫn vĩnh hằng mãi mãi ở bên ta. Đứa con đi xa đã từng nói:

*Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm.*

(Bầm ơi! – Tố Hữu)

Đã có nhiều nhà thơ viết về mẹ như: *Sen và nụ* của Viễn Phương, *Mẹ và quạ* của Nguyễn Khoa Điềm, hay *Mẹ* của Phạm Ngọc Cảnh... Tất cả đều viết về mẹ với một tình cảm thiêng liêng sâu nặng. Chúng ta từng bắt gặp ý nghĩa sâu sắc trong lời thơ của Nguyễn Duy:

*Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa)

Nhà thơ Chế Lan Viên đã góp một khúc ca vào bản trường ca về mẹ Việt Nam bằng một bài thơ đầy ấn tượng. Đặc biệt qua hai câu thơ trên chúng ta cảm nhận được sự lớn lao vĩ đại của tình mẹ. Câu thơ giống như một triết lí nhân sinh cao cả để những người làm con phải suy ngẫm chiêm nghiệm và làm tròn chữ hiếu với mẹ thân yêu.

ĐỀ BÀI

Ngày xưa trong cách xử thế, có người cho rằng: *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau*. Hãy bày tỏ ý kiến của em về cách xử thế qua câu tục ngữ.

Bài viết của Mai Quốc Dương, học sinh lớp 7B4,
trường THCS Duy Tân, Thành phố Nghệ An

BÀI LÀM

Ca dao, tục ngữ được hình thành trong dân gian qua nhiều thế hệ nhằm truyền dạy cho nhau hoặc cho đời sau những đạo lí, những kinh nghiệm sống để thích nghi

với thiên nhiên, hòa hợp với xã hội, để đời nhân xử thế. *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau* cũng nhằm mục đích ấy. Tuy vậy, ta hãy xét xem ý nghĩa và giá trị tinh thần câu tục ngữ này như thế nào đối với cá nhân và cộng đồng xã hội chúng ta trong thời đại ngày nay.

“Ăn cỗ đi trước” là khi có lễ hội, đình đám có tổ chức ăn uống thì phải đến trước để bàn cỗ còn sạch sẽ, thức ăn còn dồi dào. Nếu đi sau, đi trễ, bàn cỗ không còn thơm mát, đôi khi còn bị thiếu phần. “Lội nước theo sau” là đường đi dưới nước ta không thấy được nơi nào hố trũng, mô trơn, nơi nào đá ghềnh cọc nhọn, người đi trước gặp nhiều rủi ro, nguy hiểm. Người theo sau cứ nhìn người đi trước mà đi tất sẽ an toàn hoặc không quá nhiều rủi ro.

Nhưng câu tục ngữ còn có ý nghĩa xa hơn là khi có những điều lợi lộc, những dịp may mắn cần phải nhanh hơn người để nắm bắt thời cơ cho mình. Khi có những việc khó khăn nặng nhọc hiểm nguy cho cộng đồng, cho xã hội thì cứ chờ hoặc đùn đẩy cho người khác đi trước xông pha, gánh chịu, mình cứ tà tà đi sau để tránh tổn hại cho bản thân. Nói tóm lại đây là câu nói chỉ sự khôn, dại và cả cái mảnh khảnh ở đời.

Ca dao, tục ngữ thường có ý kiến khuyên dạy, dặn dò nhưng không hẳn toàn là lời hay, ý đẹp vì nó được hình thành từ dân gian vào những thời đại trước, ta cần phải gạn đục, khơi trong. Từ bao đời nay cái thiện mỹ không không chấp nhận cái độc ác, xấu xa. Nhưng thực tế cái ác vẫn tồn tại bên cái thiện, người cao thượng, quảng đại vẫn phải sống giữa đám thấp hèn, nhỏ nhen. Chính vì thế, trong thực tế cuộc sống không khỏi lẫn lộn vàng, thau. *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau* ở mặt trái của ý nghĩa đã lộ rõ cái bản chất lấu cá, so đo thấp hèn của kẻ chuyên lánh nặng, tìm nhẹ:

*Ăn thì chọn những miếng ngon
Làm thì chọn việc con con mà làm.*

Câu tục ngữ này ngoài yếu tố tích cực là đưa ra kinh nghiệm sống khôn khéo (mặc dù rất cá nhân) thì phần còn lại trong ý nghĩa của nó là phản giáo dục, chỉ gieo tư tưởng xấu, biến con người trở nên những kẻ hèn nhát, lọc lừa, cơ hội, những “con sâu dân, một nước”. Không nghĩ chi đến việc nước, việc đời, chẳng ích gì cho sự phát triển của nước nhà và tiên bộ của xã hội vì lúc nào cũng mang nặng tư tưởng ngồi chờ. Như thế thì đất nước sẽ nghèo nàn, lạc hậu, xã hội sẽ không giàu mạnh, tư tưởng ấy thật trái với đạo lý truyền thống của ông cha ta đã có từ ngàn xưa:

*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

Thử hỏi buổi đầu dựng nước và qua biết bao thế hệ của dân tộc ta, nếu tất cả mọi người đều sống theo tinh thần câu tục ngữ này thì lịch sử làm sao có được những anh hùng: Lí Thường Kiệt, Đặng Dung, Phạm Ngũ Lão, Trần Bình Trọng... làm sao có được anh hùng lập lổ châu mai Phan Đình Giót, anh hùng lấy thân chèn giá pháo Bé Văn Đàn; làm sao có ngọn đuốc sống Lê Văn Tám; làm sao có nhà khoa học chế bom ba càng Trần Đại Nghĩa... để cho nước Việt lập nên những chiến công hiển hách: Bạch Đằng, Đống Đa, Rạch Gầm, Điện Biên Phủ... để cho dân tộc trường tồn, hưởng độc lập, ấm no, hạnh phúc và chúng ta được nở mặt, nở mày với bốn biển năm châu.

Dù muốn, dù không câu tục ngữ này vẫn hiện diện và tồn tại trong dân gian nhưng với tuổi trẻ đầy nhiệt huyết và lí tưởng trong sáng, cao đẹp trong thời đại mới, học sinh chúng ta phải sống hùng, sống mạnh, xung phong đi đầu với mọi gian lao vì

hạnh phúc của mọi người theo khẩu hiệu: “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên” để sống làm sao cho có nghĩa, làm sao cho “thân thể không là cỏ cây” và coi câu tục ngữ trên chỉ là một lời nói có ý mỉa mai chê trách cái hèn mọn, xấu xa “há miệng chờ sung” của một số người.

ĐỀ BÀI

Nêu suy nghĩ của em về câu nói: *Tình yêu thương là hạnh phúc của con người.*

Bài viết của Nguyễn Thúy Hà, học sinh lớp 7E,
trường THCS Nguyễn Tất Thành, Thành phố Huế

BÀI LÀM

Mỗi con người sinh ra trên thế gian này đã là một niềm hạnh phúc vĩ đại. Nhưng sinh ra để sống trong vô nghĩa thì cái diễm phúc lớn lao kia lại trở thành một bi kịch chua xót. Ý nghĩa cuộc sống – điều làm nên hạnh phúc thật sự, để hạnh phúc tồn tại lâu bền nhất lại chỉ vang lên nhịp đập của nó khi được nuôi dưỡng bởi một suối nguồn của tình yêu thương. Dường như quy luật ấy đã trở thành muôn thuở và là chân lí của cuộc sống. Cũng bởi lẽ trên, mà có người đã nói rằng: *Tình yêu thương là hạnh phúc của con người.*

Khi còn bé, dường như mọi người trong chúng ta thường nhìn nhận khái niệm: “hạnh phúc” rất đơn giản là những điều mình mong muốn. Khi bạn đặt chân vào đời, bạn thật sự đã đặt chân lên cuộc hành trình khẳng định mình, tìm kiếm giá trị thật của cuộc sống và ý nghĩa bản thân, bạn sẽ nhận ra rằng: *Tình yêu thương là hạnh phúc của con người.* Đó cũng chính là một chân lí vĩnh hằng của cuộc sống.

Dù mơ hồ hay rõ ràng, ai cũng có thể nhận ra rằng tình thương là những tình cảm đẹp đẽ và cuồng nhiệt của mỗi con người, gắn kết những trái tim đồng cảm. Nó có thể là tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, bạn bè... nhưng cao hơn cả là tình người nói chung. Đó cũng có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất mà các bạn nhận được từ sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao mang tính chất giai cấp, cộng đồng. Tình thương – đó là tấm lòng yêu thương chân thành và trong sáng – là thứ tình cảm chỉ “trao đi” mà không cần “nhận lại”, không vụ lợi, không toan tính. Có thể nói, tình yêu thương là một thứ tình cảm đẹp đẽ luôn tồn tại trong bản chất của mỗi con người. Và kết quả của sự yêu thương, đó là sự thỏa mãn con tim – cái được gọi là niềm hạnh phúc. Vậy đã bao giờ các bạn thử đặt ra câu hỏi: “Hạnh phúc là gì?”.

Từ bao đời nay, con người luôn khao khát được yêu thương, luôn tìm kiếm hạnh phúc. Người ta có thể cảm nhận được hạnh phúc nhưng để mô tả nó một cách rõ ràng thì không phải là một điều đơn giản, thử hỏi ai có thể mô tả được nó một cách rõ ràng? Chỉ có thể nói rằng: *“Hạnh phúc là một tâm trạng sung sướng vì cảm thấy thỏa mãn được ý nguyện, mong muốn của mình”*. Nhưng đó không chỉ đơn thuần là ước muốn vật chất hay thành công, mà là cả một tổng thể bao quát gồm những khái niệm hết sức trừu tượng, nhưng nó cũng thật đơn giản là giọt nước mắt của mẹ và tiếng cười của cha khi nhìn thấy con mình ra đời khỏe mạnh. Hay nó đơn giản chỉ là niềm xúc động khi nhận được một sự giúp đỡ hay một lời khuyên, một lời chia sẻ chân thành. Đối với nhiều người, hạnh phúc bắt đầu từ điều đơn giản nhất, khi mỗi sớm mai thức dậy, thấy mình sống có ích trên cõi đời, giống như câu thơ dưới đây của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn:

Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy

Ta có thêm ngày nữa để yêu thương.

Hạnh phúc đôi khi chỉ đơn giản và bình dị như thể thôi. Ta cảm thấy như có một mối liên hệ gì đó không thể tách rời giữa hạnh phúc và tình yêu thương. Liệu rằng con người có thể sống hạnh phúc khi không có tình thương?

Tình thương mang lại hạnh phúc cho người được nhận nó, giúp họ có thêm nghị lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách của cuộc sống; là động lực để giúp họ ngày càng hoàn thiện hơn. Trong *Những người khốn khổ* (V. Huy-gô), có một triết lý tình thương của nhân vật Giăng Van giăng đã có ý nghĩa lớn lao, nó làm thay đổi số phận và giáo hóa con người. Giăng Van giăng đã thay lời V. Huy-gô để nói lên một triết lý: *Trong đời chỉ có một điều, ấy là yêu thương nhau.*

Không chỉ với người nhận, sự trao đi tình yêu thương cũng mang lại hạnh phúc. Khi bạn giúp đỡ một cụ già qua đường thì bạn cảm thấy thế nào? Câu trả lời nằm trong tim bạn. Có phải bạn đang vui?... Thế có nghĩa là bạn đang hạnh phúc đấy. Trao đi yêu thương một cách tự nhiên, chúng ta sẽ nhận lại hạnh phúc xứng đáng. Bởi: *Khó đau khi được san sẻ thì sẽ vui đi, còn hạnh khi nhận được san sẻ thì sẽ nhân đôi.* Thomas Merton đã từng nêu ra nhận xét: *Nếu chúng ta chỉ biết tìm hạnh phúc cho riêng mình thì có thể chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm thấy. Hạnh phúc đích thực là biết sống vì người khác – một tình yêu không ích kỉ, không đòi hỏi phải được đền đáp lại.*

Đúng như vậy, được yêu thương là một hạnh phúc, nhưng yêu thương người khác còn là một hạnh phúc lớn hơn. Tình thương là nét đẹp tiềm ẩn có sức mạnh vĩ đại, là niềm hạnh phúc quý giá của mỗi con người. Cần biết trân trọng những gì ta có, yêu thương và san sẻ để cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Ngày nào ta còn sống, tức là ta còn có cơ hội để cảm nhận hạnh phúc của cuộc đời. Vì vậy, chúng ta hãy chia sẻ lòng tốt và lòng nhiệt tình đối với người khác, một câu ngạn ngữ của Scotland nói rằng: *Hãy sống thật hạnh phúc khi bạn còn đang sống – bởi vì bạn chỉ có một lần sống duy nhất mà thôi.* Thế còn bạn thì sao? Tôi thì sao? Liệu chúng ta có biết nhận ra những điều tương tự? Mỗi ngày chúng ta có 24 giờ để sống, để yêu thương và để phát hiện những điều tuyệt vời nhất trong cuộc sống. Hãy cho đi tình thương để có thể cảm nhận cuộc sống một cách đầy đủ nhất, tuyệt vời nhất, tròn vẹn nhất, bạn nhé!

ĐỀ BÀI || **Nêu suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”.**

**Bài của Nguyễn Thị Thu An, học sinh lớp 7A3,
trường THCS Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi**

BÀI LÀM

Lòng biết ơn đối với người thân khác từ xa xưa đến nay vốn là truyền thống của dân tộc ta. Ông cha ta luôn nhắc nhở, dạy bảo con cháu phải sống ân nghĩa thủy chung, đã nhận ơn của ai thì không bao giờ quên. Truyền thống đạo đức đó được thể hiện rõ nét qua câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn.*

Đây là một lời giáo huấn vô cùng sâu sắc. Lấy hình tượng “uống nước” của một con người để nói đến ý nghĩa của câu tục ngữ. Mỗi khi một con người uống nước. Đã có ai suy nghĩ rằng nguồn nước này chảy từ đâu ra không? Từ hình ảnh ấy người xưa luôn nhắc nhở chúng ta một vấn đề đạo đức sâu xa hơn: Người được thừa hưởng thành quả lao động thì phải biết ơn người đã mang lại thành quả đó. Và chúng ta cũng hiểu rằng “uống nước” là thừa hưởng hoặc sử dụng thành quả lao động hoặc

đấu tranh của các thế hệ trước. “Nhớ nguồn” là biết ơn những người làm ra thành quả đó. Hay nói cách khác, câu tục ngữ trên có ý nghĩa: là lời khuyên, lời nhắc nhở lớp người đi sau: những ai đã, đang và sẽ hưởng thành quả thì phải biết ơn những người đi trước, thế hệ trước.

Tại sao như vậy? Bởi vì tất cả những thành quả lao động từ của cải vật chất đến của cải tinh thần mà chúng ta đang hưởng thụ không phải tự nhiên có được. Những thành quả đó là mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của biết bao lớp người đã đổ xuống để tạo nên. Bát cơm ta ăn cũng là do công lao khó nhọc vất vả “một nắng hai sương” của người nông dân trên đồng ruộng. Tấm áo ta mặc, ngôi nhà ta ở, cả những vật dụng hằng ngày ta tiêu dùng là do sức lao động cần cù, miệt mài của những thành tựu văn hóa nghệ thuật, những di sản của dân tộc còn để lại cho đời sau hôm nay là do công sức, bàn tay, khối óc của những nghệ sĩ nhân dân lao động sáng tạo không ngừng... Còn rất nhiều, nhiều nữa những công trình vĩ đại... mà ông cha ta làm nên nhằm phục vụ cho con người. Chúng ta là lớp người đi sau, thừa hưởng những thành quả ấy, lẽ nào chúng ta lại lãng quên, vô tâm, không cần biết đến người đã tạo ra chúng ta? Một thời gian đằng đẵng sống trong những đêm dài nô lệ, chúng ta phải hiểu rằng đã có biết bao lớp người ngã xuống, quyết tâm đánh đuổi kẻ thù... để cho ta có được cuộc sống độc lập, tự do như hôm nay. Chính vì vậy, ta không thể nào quên những hi sinh to lớn và cao cả ấy. Có lòng biết ơn, sống ân nghĩa thủy chung là đạo lí làm người, đó cũng là bổn phận, là nhiệm vụ của chúng ta đối với cuộc sống của chúng ta. Tuy nhiên, lòng biết ơn không phải là lời nói suông mà phải thể hiện bằng hạnh động cụ thể. Nhà nước ta đã có những phong trào đền ơn đáp nghĩa, xây dựng những ngôi nhà tình nghĩa cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương binh liệt sĩ. Việc đền ơn đáp nghĩa không chỉ là việc làm đơn thuần mà nó trở thành bài học giáo dục thiết thực về đạo lí làm người cho chúng ta. Cho nên mỗi người ai ai cũng cần phải có ý thức bảo vệ và phát huy những thành quả đạt được ấy ngày càng tốt đẹp hơn, có nghĩa là ta vừa là “người uống nước” của ngày hôm nay vừa là “người uống nước cho ngày mai”. Cũng từ đó ta càng thấm thía hiểu được rằng: cha mẹ, thầy cô cũng chính là người đã cho ta uống nước, còn ta sẽ là người nhớ về nguồn cội của mình. Vì vậy, ta cần phải thực hiện tốt bổn phận làm con trong gia đình, bổn phận người học trò trong nhà trường. Làm được như vậy tức là ta đã thể hiện được lòng biết ơn sâu sắc của mình đối với những người đã hi sinh, thương yêu lo lắng cho chúng ta. Đây là một việc làm không thể thiếu được ở thế hệ trẻ hôm nay.

Tóm lại, câu tục ngữ trên giúp ta hiểu rõ về đạo lí làm người. Lòng biết ơn là tình cảm cao quý và cần phải có trong mỗi con người. Vì vậy, chúng ta cần phải luôn trau dồi phẩm chất cao quý đó, nhất là đối với cha mẹ và thầy cô... Với những ai đã tạo ra thành quả cho ta hưởng thụ. Lòng biết ơn mãi mãi là bài học quý báu và câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn* có giá trị và tác dụng vô cùng to lớn trong cuộc sống của chúng ta.

ĐỀ BÀI

Em hãy giải thích câu nói: “Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người”.

Bài viết của Vũ Thị Hồng Nhung, học sinh lớp 8G,
trường THCS Đông Hà, Thành phố Quảng Trị

BÀI LÀM

Tri thức, sự hiểu biết của mỗi con người ở đâu mà có. Những người tài giỏi cũng vậy, nhờ đâu mà họ có thể thành tài. Đó chính là do học hỏi trong đời sống xã hội và đặc biệt là qua sách vở. Sách có vai trò vô cùng quan trọng với trí tuệ con người. Chính vì vậy một nhà văn đã nói: *Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của con người*. Chúng ta hãy cùng nhau đi giải thích câu nói này.

Chúng ta chắc chắn ai cũng đọc sách. Vậy sách là gì? Đối với tôi sách là ngọn đèn sáng soi rọi, đưa con người ra khỏi sự tối tăm, không hiểu biết. Sách giúp cho con người khám phá ra điều mới lạ. Sách là nơi chứa đựng trí tuệ con người, sự tinh hoa và tinh túy vô cùng quý giá. Có nhiều quyển sách lưu giữ bao hiểu biết từ xa xưa của tổ tiên ta. Nó có vô số tác dụng khác nữa. Nhà văn nói: *Sách là ngọn đèn sáng bất diệt*. Đó là ngọn đèn sáng không bao giờ tắt, lúc nào nó cũng tỏa sáng rực rỡ lung linh. Vậy câu nói trên đã khẳng định: “Sách là nguồn sáng bất diệt, là trí tuệ của con người”. Nó luôn bổ sung cho con người kiến thức, không bao giờ có thể hết được kiến thức, vì vậy sách mới là *ngọn đèn sáng bất diệt*.

Đúng vậy, sách là ngọn đèn soi rọi cho chúng ta. Và nó là bất diệt. Nhưng chúng ta cũng không thể nói mọi quyển sách đều là nguồn sáng bất diệt, trí tuệ của con người mà chỉ có những quyển sách tốt. Có những quyển sách có hại cho con người: sách kiếm hiệp, sách có nội dung phản động... Những quyển sách tốt không phải tự nhiên mà có, mỗi quyển sách chứa đựng những suy nghĩ, sự hiểu biết, những kinh nghiệm của con người. Đó là những quyển sách có giá trị thì đúng như lời nói trên. Bởi vì, những quyển sách có giá trị mà con người đúc rút trong sản xuất, trong chiến đấu, trong quan hệ xã hội... Sách là thứ vô cùng quý giá. Nó là thứ cần thiết cho mỗi con người. Nó thỏa mãn mọi sự hiểu biết cần thiết cho chúng ta. Ai cũng có những điều tò mò, nếu không được biết nó thì thật khó chịu. Sách có thể giải thích nhiều vấn đề ta tò mò. Nó cũng thể hiện nhiều kinh nghiệm của nhân dân, tổ tiên ta ngày xưa.

Ta gặp được nhiều sách tốt, giúp ích cho mình. Như *Bản luận cương* của Lênin, *Đường cách mệnh* của Hồ Chí Minh, thơ của Tố Hữu... Đó là những cuốn sách có giá trị, là ngọn đèn sáng bất diệt. Ta còn gặp được nhiều kinh nghiệm về mọi mặt qua ca dao, tục ngữ, thành ngữ... Nó ghi lại kinh nghiệm của nhân dân trong lao động sản xuất, trong đấu tranh xã hội... Nhiều loại sách bồi đắp tình cảm của gia đình cho chúng ta như ca dao, nó bồi đắp tình yêu quê hương đất nước... Còn loại sách mà chắc chắn mỗi người Việt Nam đều phải biết, đều phải nhớ là sách Lịch sử. Nó là sách giúp ta hiểu được lịch sử từ xa xưa của dân tộc, những trang sách lịch sử về vang của dân tộc mình. Rồi còn những cuốn sách về môn khoa học, đều chứa đựng trí tuệ của con người. Đến nay vẫn còn nguyên giá trị, giúp ta khám phá điều thú vị của vũ trụ bao la. Sách đúng thật là ngọn đèn sáng của trí tuệ.

Vì những biểu hiện của sách ghi lại không chỉ có ích trong một thời mà còn có ích trong mọi thời. Những điều ghi lại trong sách truyền đến mãi sau này. Nếu biết giữ gìn trong đầu, quyển sách đó không thể biến mất. Để hiểu được hơn nữa nhiều kiến thức ta phải chăm đọc sách để vốn sống được phong phú, tri thức được mở

mang, lối sống được tốt hơn. Nhưng để mở mang được ta phải biết chọn sách mà đọc. Cần phải biết tiếp nhận ánh sáng, trí tuệ của sách. Ví dụ như sách Văn học: Nó giúp ta hiểu được mọi mặt và biết cách nói năng; sách Giáo dục công dân giúp ta về mặt đạo đức... Sách thật sự là *ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ con người*. Đây là điều được mọi người thừa nhận. Chính vì vậy mà có ý kiến khẳng định rằng: *Không có sách thì không có tri thức*.

Mỗi người chúng ta phải biết quý trọng những quyển sách. Nơi đem lại cho con người chúng ta tri thức. Sách còn bồi đắp cho ta tình cảm, nó làm cho tình cảm của mỗi người thêm sâu đậm. Nó còn là nguồn giải trí cho niềm vui. Đúng thật: *Sách là ngọn đèn sáng bất diệt của trí tuệ của con người*. Tôi luôn cố gắng để tiếp thu những gì sách dạy. Và tôi luôn chăm chỉ đọc sách.

ĐỀ BÀI || **Nêu suy nghĩ của em về tình bạn trong cuộc sống.**

**Bài viết của Đinh Nguyễn Ngọc Yến,
học sinh lớp 9D, trường THCS Hoa Lư,
Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình**

BÀI LÀM

Cuộc sống như một trò chơi ghép hình, những mảnh ghép là một thứ tình cảm sâu sắc. Trái tim của mỗi người chỉ đẹp hơn khi biết chia sẻ những cảm xúc, giúp đỡ nhau. Vì vậy bức tranh chỉ thực sự hoàn thiện khi ta biết chọn đúng những mảnh ghép, ghép vào đúng chỗ trong trái tim. Tình yêu có thể đến, cũng có thể ra đi bất cứ khi nào, nhưng tình bạn vẫn mãi ở bên cạnh, xuất hiện khi ta cần nó nhất. Và đối với chúng ta, lứa tuổi mười lăm biết bao ước mơ và hoài bão thì một người bạn thân luôn luôn được chào đón, và trong cuộc sống lúc này chúng ta đã có những người bạn thật tốt, chúng ta nên yêu quý họ...

Chúng ta không thể biết tình bạn xuất phát từ lúc nào, nhưng chúng ta biết được rằng cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt khi không có bạn. Tình bạn như sợi chỉ bằng vàng nối trái tim toàn thế giới. Có lẽ, khi Thượng đế tạo ra một vùng đất, nơi ấy có con người thì Ngài đã thêm vào đó những thứ tình cảm để gắn kết mỗi người lại với nhau, và tình bạn là một trong những tình cảm ấy. Theo tiếng Anh “tình bạn” được dịch là “friendship”, “con thuyền của tình bạn”, ở đây chiếc thuyền được xem như một chiếc ghe nhỏ, nó được tạo nên từ những miếng gỗ đóng chặt vào nhau. Thiên nhiên với muôn vàn thách thức, bão táp, phong ba có thể lật đổ chiếc thuyền bất cứ lúc nào nếu chiếc thuyền ấy thiếu đi những miếng gỗ, và tình bạn cũng vậy. Tình bạn chỉ kết thúc khi ta không có sẻ chia, không có sự tương đồng, khi ta ích kỉ, nhỏ nhen, khi ta chỉ biết đến mình. Chín năm học, một chặng đường dài để chúng ta học cách chung sống với mọi người. Chúng ta đã có những người bạn, tình bạn của ta cũng đẹp biết bao! Đôi lúc nó xanh mát như bầu trời, phẳng lặng như một dòng sông... nhưng đôi khi nó âm u, tối đen như thành phố lúc không đèn, không trăng, như những con sóng dữ dội lúc biển động.

Chắc hẳn, ai cũng biết được tình bạn của hai nhà nho, nhà thơ nổi tiếng ở nước ta là Nguyễn Khuyến và Dương Khuê. Nguyễn Khuyến đã đau xót, khóc thương cho người bạn của mình. Và bài thơ *Khóc Dương Khuê* được ông sáng tác diễn tả những cảm xúc đau thương, tiếc nhớ về sự ra đi đột ngột của người bạn, nhớ về những kỉ niệm đẹp của một tình bạn mà cảm thấy đau đớn và cô đơn. Mỗi câu thơ, vần thơ của ông thấm đầy lệ, khiến chúng ta phải xót xa, nuối tiếc về một tình bạn đẹp của ông:

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa
Giường kia treo cũng hững hờ
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*

Sáu câu thơ này để lại ấn tượng nhất trong lòng đọc giả, sáu từ “không” kết hợp với hai từ láy “hững hờ”, “ngẩn ngơ” nói lên tiếng lòng của nhà thơ. Khi không có bạn để sẻ chia thì mọi thứ như vô vị, nó như một món canh không được nêm nếm. Sẽ thật là buồn khi không có người tri âm, thấu hiểu suy nghĩ của mình. Và tình bạn đối với Nguyễn Khuyến đẹp biết nhường nào! Ngược về quá khứ chúng ta biết được tình bạn đẹp của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, quay trở về hiện tại ta biết thêm tình bạn đẹp của “Luu Bình – Dương Lễ”. Chúng ta còn biết đến tình bạn giữa “A Byuh và A Trâm” – hai người bạn một đôi chân. Chẳng có gì thay thế được tình bạn của hai cậu bé ấy, không ngại những chặng đường xa khi cõng bạn đến trường, không xa lánh bạn khi bạn tật nguyền, giúp bạn, giúp bằng tất cả khả năng của mình, trái tim của A Byuh đã làm rung động biết bao nhiêu người, dạy họ phải biết sống vì mọi người, yêu mọi người như yêu chính bản thân mình.

Tuổi học trò hồn nhiên với bao giấc mơ, kí ức đẹp nhất của một tuổi hoa là những người bạn, những người luôn sát cánh bên bạn. Thật sự khó có thể dùng một từ nào để nói về tình bạn, không một từ nào có thể diễn tả được ý nghĩa sâu sắc của “tình bạn”. Tình bạn nhẹ nhàng, mát dịu như cơn gió mùa thu, khiến lá vàng xao động, âm áp như tia nắng mặt trời, soi rọi từng ngõ ngách trong trái tim. Tình bạn là sự thấu hiểu lẫn nhau, sẵn sàng ngồi cạnh nhau khi khó khăn, không ích kỉ, không vụ lợi, cùng nhau đối mặt với cuộc sống, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn. Đôi khi cuộc sống không như ta muốn, có những tình bạn vụ lợi, lợi dụng, đối xử với nhau không bằng con tim mà bằng sự ganh ghét. Những điều ấy sẽ đánh mất đi nét đẹp thật sự của tình bạn. Ở đời, khi đã mất đi một cái gì đó khi ấy ta mới hối tiếc. Thôi thì ta hãy học cách tiếp nhận và gìn giữ cái hiện tại, đừng nuối tiếc về quá khứ, hãy đối xử với những người bạn của mình bằng sự chân thành từ đáy con tim. Hãy luôn tin tưởng rằng: “*Bất kì một người bạn tốt nào cũng đã từng là một người xa lạ. Ta cứ mở lòng chào đón mọi người đến với ta... vì chỉ khi ta mở cánh cửa của lòng tin, ta mới có thể mở cánh cửa tình bạn. Khi ta trao đi tất cả bằng sự chân thật của mình khi ấy ta sẽ nhận được những món quà lớn lao của Thượng đế*”. Người ta nói: “*Tình yêu mù quáng, còn tình bạn thì lại giúp ta sống tốt hơn*”, bởi một người bạn thật sự, sẽ bước vào cuộc sống của ta khi mọi người bước ra... sẽ cho ta thấy đâu là đúng, là sai... sẽ bên ta để cùng vượt qua thử thách cuộc đời.

“Rồi một ngày mỗi đứa đi một đường, mỗi chí hướng, giấc mơ tình yêu. Bạn ơi! Xin nhớ rằng buồn vui có tôi luôn bên bạn chia sẻ”. Đúng vậy, tình bạn luôn là thứ tình cảm đẹp nhất, quý giá nhất. Hãy biết quý trọng những người bạn bên cạnh chúng ta, cuộc sống dù ngắn hay dài thì cũng nên trân trọng tất cả những tình bạn đẹp. Hãy vẽ nên một thiên sử về tình bạn, tô lên nó bằng những màu sắc yêu thương và màu sắc quan tâm. Vì bức tranh tình bạn sẽ luôn in sâu vào con tim mỗi chúng ta, theo ta suốt chặng đường của cuộc đời. Hãy làm cho mỗi ngày mới – ngày đầu tiên cho phần còn lại của cuộc sống... đều tràn ngập tiếng cười của bạn và tôi!

ĐỀ BÀI

Giải thích câu tục ngữ sau đây: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”.
Em hãy lấy lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta để làm sáng tỏ câu tục ngữ trên.

Bài viết của Nguyễn Hữu Đông, học sinh lớp 7A,
trường THCS Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

BÀI LÀM

Văn học dân gian là kho tàng quý báu của dân tộc ta. Trải qua nhiều thế hệ nó vẫn là nền tảng của nền văn học Việt Nam, đã ghi lại những kinh nghiệm sản xuất, đấu tranh, những trang sử vẻ vang, ca ngợi truyền thống tốt đẹp của cha ông chúng ta. Những câu ca dao, tục ngữ này mãi mãi là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Một trong số các câu tục ngữ cho ta thấy tinh thần đấu tranh của dân tộc Việt Nam:

Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.

Để hiểu rõ được truyền thống đấu tranh anh dũng của dân tộc và tự hào hơn nữa về Tổ quốc mình, chúng ta cùng đi vào phần giải thích và chứng minh câu tục ngữ trên.

Ý nghĩa từ “giặc” ở đây được nhân dân ta sử dụng rất thông thường để ám chỉ kẻ nào đã phá hoại cuộc sống yên lành của người dân.

“Giặc” là một đạo quân hùng hổ xâm lược một nước để cướp quyền cai trị, vơ vét tài sản của nhân dân, tài nguyên thiên nhiên của nước đó. Tên “giặc” này thẳng tay giết hại nhân dân và những kẻ chống đối lại “hắn”.

“Nhà” là nơi trú ẩn, nơi sinh sống của những gia đình hay nói cách khác nó là nơi đem lại nguồn hạnh phúc cho con người. Trong câu tục ngữ trên nhân dân ta có ý nói “nhà” thay cho một quốc gia, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng. “Căn nhà” của hàng vạn “ngôi nhà” nhỏ bé chứa hàng triệu dân chúng đang sống yên lành.

“Giặc đến nhà”, tên “giặc” này tượng trưng cho một quốc gia hùng mạnh đến xâm lược một quốc gia nhỏ bé gieo bao nhiêu tang tóc cho nhân dân.

Từ nghìn xưa, người phụ nữ Việt Nam với những nét dịu dàng của Á Đông và thuần túy của Á Đông, quanh năm chỉ biết quanh quẩn nơi xó bếp, đảm đang chăm sóc hạnh phúc cho chồng, cho con. Với cái nhìn của xã hội phong kiến, người phụ nữ với mọi quyền lợi thiết thực đều bị tước đoạt, là một hạng người mà bị xã hội coi rẻ khinh miệt. Thế nhưng, khi ngoại xâm đe dọa nền độc lập của đất nước, phụ nữ Việt Nam với một ý chí vững vàng, một lòng yêu nước nồng nàn đã đứng lên góp phần cùng nam giới để chống lại và chiến thắng bọn xâm lược, làm rạng danh tên tuổi người phụ nữ Việt Nam.

Họ đứng lên chống lại tên giặc vào “nhà”. Họ sẵn sàng đánh trả, đem công sức nhỏ bé của mình ra bảo vệ đất nước. Truyền thống đó không bao giờ phai mờ qua lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Chúng ta còn nhớ chiến công oanh liệt của Hai Bà Trưng khi Tô Định đem quân xâm lược đất Giao Chỉ – một vùng đất giàu có, Trưng Trắc đã đánh tan giặc ngoại xâm “đền nợ nước, trả thù nhà”. Biền cầm thù thành hành động, Trưng Trắc đem hết sức lực quyết tâm phá thành, đem chiến thắng về cho đất nước. Tuy mới làm chủ đất nước được ba năm nhưng Bà đã làm nức lòng dân chúng. Chúng tỏ khả năng của người phụ nữ vẫn có thể đảm đương việc lớn. Không thiếu người phụ nữ tiếp tục truyền thống đó. Một Triệu Thị Trinh, một Lê Chân đã làm rạng danh người phụ nữ đất Việt.

Khi đất nước rơi vào tay thực dân Pháp, nối tiếp truyền thống của dân tộc và niềm tin ở Đảng, những người con gái Việt Nam lại dũng cảm đi vào cuộc chiến đấu.

Võ Thị Sáu – người con gái anh hùng của miền Đất Đỏ, 16 tuổi đã làm giặc khiếp sợ. Lúc chết, chị vẫn bình tĩnh, hiên ngang, nhặt lấy bông hoa lê-ki-ma cài lên mái tóc, khắc đậm thêm hình ảnh của người con gái Việt Nam.

Qua nhiều cuộc đấu tranh gian khổ trong những ngày chống Mĩ lại có những bà mẹ vừa đảm đang việc nhà, lại giỏi việc nước.

Chị Út Tịch là hình ảnh của một bà mẹ sáu con quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ. Trong cả những ngày mang thai chị cũng không chịu bỏ qua một trận đánh nào, bởi vì chị không muốn những đứa con của chị phải chịu cực khổ như cuộc đời chị. Chính lòng thương yêu lo lắng cho tương lai thế hệ trẻ nói chung và những đứa con của chị nói riêng đã đưa chị đến quyết tâm trong chiến đấu.

Chị Ràng (Sứ) người con gái của Hòn Đất kiên cường đã từng bảo vệ đồng chí của mình để họ tiếp tục đánh tan quân xâm lược.

Còn nhiều, còn nhiều nữa, những tấm gương hi sinh cao cả của người phụ nữ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đã chứng minh hùng hồn cho câu tục ngữ đầy ý nghĩa về truyền thống đấu tranh của phụ nữ Việt Nam, xứng đáng với danh hiệu mà Bác Hồ phong tặng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.

Truyền thống cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam từ trong chiến đấu đã phát huy mạnh mẽ trong thời bình, khi đất nước đi vào công cuộc xây dựng. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới của đất nước, người phụ nữ không những “đảm việc nhà” mà còn “giỏi cả việc nước”. Kỹ sư, bác sĩ, diễn viên, ca sĩ... là phụ nữ xuất hiện ngày càng nhiều. Họ xung phong đến với những vùng đất xa xôi để “chiến đấu” với bọn giặc lạc hậu, góp phần cùng nhân dân đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, câu tục ngữ trên đã để lại cho chúng ta một tấm gương rõ nét nhất, phản ánh sâu sắc tinh thần chống giặc quả cảm của dân tộc trong đó có sự đóng góp của những người phụ nữ Việt Nam, để lại cho lịch sử đấu tranh của dân tộc ta những chiến tích lẫy lừng chấn động địa cầu và góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc, mang lại nền độc lập tự do cho chúng ta. Người phụ nữ Việt Nam thật đáng biểu dương và ca ngợi.

Tự hào với lịch sử đấu tranh của dân tộc, còn ngồi dưới mái trường xã hội chủ nghĩa này, em nguyện cố công ra sức học tập và phát huy mạnh mẽ những truyền thống quý báu của dân tộc. Sẵn sàng dấn thân vào những gian khổ nhất mỗi khi Tổ quốc cần đến:

*Nếu được chọn hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối tìm ta làm điểm tựa.*

(Bài ca xuân 61 – Tô Hữu)

ĐỀ BÀI

Suy nghĩ của anh (chị) như thế nào về câu nói của Peter Marshall:
Khi chúng ta mong ước cuộc đời không nghịch cảnh, hãy nhớ rằng cây sồi trở nên mạnh mẽ trong gió ngược và kim cương hình thành dưới áp lực.

Bài viết của Hà Nguyễn Kim Yến
Trường THCS Nguyễn Du – Thành phố Bà Rịa,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÀI LÀM

Chắc hẳn thuở bé ai cũng đã được chơi hoặc cầm trên tay mình những món đồ rất giản dị như: búp bê, xe hơi, bong bóng... và trong số đó, “lật đật” là một món đồ chơi tuy đơn giản mà lại tràn ngập ý nghĩa cuộc sống. Nào chúng ta hãy tua lại dòng kí ức mà xem, phải chăng khi một cô bé chẳng may làm trượt chú lật đật, thì ngay tức khắc nó lại đứng lên một cách kiêu hãnh, cho dù lật đật có bị xào xáo, đẩy đưa, roi rớt nhưng không lâu sau, nó lại tự mình đứng lên mà không cần một ai giúp đỡ. Cũng giống như thế khi một người đang ở tận cùng của sự tuyệt vọng hay thất bại hay buồn bã, nếu trong lòng họ có một sự kiên định, ý chí, nghị lực tiến lên phía trước thì mọi trở ngại, e dè đều sẽ bị xua tan đi hết. Và để khuyên răn mọi người nên hình thành cho mình một lòng kiên định, một ý chí quyết tâm vững vàng, nhà triết học Peter Marshall đã nói: *Khi chúng ta mong ước cuộc đời không nghịch cảnh, thì hãy nhớ rằng cây sồi trở nên mạnh mẽ trong gió ngược và kim cương hình thành dưới áp lực.* Câu nói chính là một nhận định “vàng” cho xã hội loài người chúng ta.

Ta cũng hiểu, cuộc đời khó có thể tránh được những “nghịch cảnh” xảy ra. Đó chính là khi ta vấp ngã, khi ta thất bại, tuyệt vọng vô cùng tận, tưởng chừng như chấm hết, khi đó ta không đủ bản lĩnh, đủ sức mạnh để chống chọi và chiến đấu tiếp. Mọi khó khăn, gian nan đều đến một cách nhanh chóng và con người thì lại càng không muốn nó xuất hiện. Nhưng những lúc như thế, ta hãy nhớ rằng *cây sồi trở nên mạnh mẽ trong gió ngược và kim cương hình thành dưới áp lực.* Với một hình ảnh thật – cây sồi, thường dùng để lấy gỗ và làm đồ nội thất, bên cạnh đó “cây sồi” còn là loài cây được rất nhiều nhà văn đưa vào bài văn, đoạn văn để làm “chứng cứ” cho một nghị lực kiên cường, không gục ngã trước những khó khăn và vượt qua mọi thử thách. Bởi “cây sồi” là một loài cây được xem như một vị thần cao tuổi đã chứng kiến và chịu tác động của biết bao đổi thay từ thiên nhiên trong suốt một quá trình lâu dài. Chính vì thế nó là một loài cây tượng trưng cho sự mạnh mẽ, không gục ngã và “trưởng thành” hơn so với nhiều loài cây khác. Còn đối với kim cương, bằng kiến thức đơn giản ta có thể biết kim cương được hình thành dưới độ sâu khoảng hơn 100km, nơi có áp suất rất cao và nhiệt độ lên đến hơn 10.000⁰C. Và dần theo thời gian, bằng tác động tự nhiên và sự mài giũa dưới bàn tay con người, một vật thể quý giá hơn bao giờ hết đã được hình thành. Bằng hai hình ảnh tượng trưng “cây sồi” và “kim cương”, Peter Marshall muốn nhắc nhở mọi người không nên nản chí dù cho gặp phải những khó khăn, gian nan trong cuộc sống, đó là ý chí, nghị lực mà trong mỗi bản thân con người cần phải tồn tại đức tính tốt đó.

Không cần suy nghĩ xa xôi, ý chí nghị lực của một con người đã được hình thành rõ nhất ngay từ khi còn đi học, chẳng hạn như bạn gặp một bài toán khó suy nghĩ mãi chẳng ra, lúc đó sẽ có hai loại người, một là vút sang một bên không mấy may tìm tòi cách giải, loại người thứ hai đó chính là một đầu bút sẽ bị cắn và một não bộ đang được hoạt động linh hoạt. Chính hành động đó đã rèn giũa dần nên một con

người biết vượt qua mọi khó khăn dù là nhỏ hay lớn trên đường đời của mình. Hoặc trong công việc, đâu phải ai vừa tốt nghiệp đại học bước chân ra đường là có cái nghề để làm, họ phải ngày một ngày hai dần dần đi làm việc này thử việc kia, học tập kinh nghiệm, xem công việc nào thích hợp với mình để mà gắn bó cả đời. Và đó chính bản thân ta đã mở đường cho cơ hội thành công ngày càng gần hơn với bản thân mình. Người ta thường nói: *Thành công không có nghĩa là chưa từng thất bại*. Đúng vậy, hẳn ai cũng biết nhà văn trứ danh O. Henri của nước Mỹ chưa từng được hưởng một sự giáo dục nào, thuở nhỏ còn lại phải đi chăn bò, chăn dê, làm đủ mọi thứ việc... nhưng nhờ vào ý chí kiên cường, vững vàng lập trường và nghị lực phi thường của ông, giờ đây ông đã trở thành một trong những nhà văn học nổi tiếng nhất nước Mỹ. Các tác phẩm văn học của O. Henri được nhiều người nghiên cứu và trở thành sách bắt buộc phải học ở đại học, tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của ông mà chúng ta được học ở sách Ngữ văn lớp 8 cũng là một tác phẩm rất hay và ý nghĩa.

Cho tôi hỏi bạn một điều nhé, nếu như được chọn giữa một cuộc sống đầy gian nan, trắc trở, gặp nhiều khó khăn, thử thách và một cuộc sống thanh thoi, nhàn rỗi không việc gì làm thì bạn chọn điều nào? Nếu đó là tôi, tôi sẽ chọn cảnh sống thứ nhất, vì một khi cuộc đời của bạn có những “ngịch cảnh” được hiểu là khó khăn, gian nan đầy thử thách thì bạn sẽ càng gặt hái được nhiều thành công hơn và khi đó bạn sẽ không hề cảm thấy bản thân mình vô dụng, bất tài. Bên cạnh đó, khi bạn đối mặt với những điều trắc trở, phải chiến đấu với nhiều thành phần bên ngoài xã hội thì bạn sẽ biết quý trọng thời gian của mình hơn. Đó cũng là lí do tại sao một tuần ta đi làm năm ngày và được nghỉ ngơi hai ngày. Và trong khoảng thời gian được nghỉ đó chính là thiên đường để tận hưởng thỏa đáng với bao công sức, trí tuệ mà chúng ta đã bỏ ra cho năm ngày làm việc mệt nhọc trước kia. Ý chí, nghị lực là một đức tính con người cần phải luôn sở hữu được, bởi khi đó mọi gian khó xảy ra với bản thân ta đều chỉ là nhỏ nhặt. Nếu như bạn lần đầu thất bại, nhưng bạn vẫn vững bước đặt niềm tin vào mục đích mà mình đã đặt ra thì cho dù kết quả có ra sao, bản thân mình đã học được một cách vượt qua thử thách của cuộc đời và khi những tác động xung quanh lại khiến ta phải chùn bước thì lúc đó, không gì là không thể đối với ta. Nhưng với những người suốt ngày chỉ biết than thở, trách móc và chán nản với khó khăn của mình thì cho dù có than thở tới đâu cũng không tài nào mà “tới đích” được. Hẳn trong số chúng ta ai cũng biết anh chàng Nick Vujicic không đầy đủ tứ chi, bằng tất cả ý chí và nghị lực vươn lên của bản thân mình, mặc dù không được may mắn như bao người khác nhưng anh đã biết cách tự tạo ra “may mắn” cho bản thân mình. Lúc nhỏ Nick được bố mẹ hỗ trợ rất nhiều: dạy bơi, dạy đánh máy... và anh đã đi qua được 34 quốc gia trên toàn thế giới, giảng thuyết trong rất nhiều diễn đàn và tiếp xúc với rất nhiều người dân ở mọi nước. Nick đã có một câu nói rất nổi tiếng như tiếp thêm sức mạnh cho nhiều người khác xung quanh mình: *“Tôi nhận ra vì sao Thượng đế lại tạo ra hình hài tôi như thế này: Để mang lại hi vọng và niềm tin cho người khác”*. Và bản thân tôi, tuy là một con người lạnh lặn và may mắn hơn bao người khác nhưng vẫn phải cúi đầu cảm phục với tinh thần lạc quan và ý chí vươn lên của anh chàng Nick này. Với một người có ý chí, nghị lực vượt qua mọi gian nan, thử thách thì luôn được mọi người nể phục, đồng thời giúp nâng cao giá trị của bản thân, không ai có lí do để khinh thường, chà đạp lên bản thân ta để từ đó, mọi mơ ước, hoài bão của mình sẽ không còn cách xa là bao, vì con đường ngắn nhất dẫn đến sự thành công cần có người bạn đồng hành mang tên “ý chí, nghị lực”.

Thế đấy, nhưng bên cạnh những con người tràn đầy nhựa sống, tràn đầy sức mạnh, ý chí vươn lên, không gục ngã trước khó khăn thì đâu đó trong xã hội này vẫn còn có một số thành phần vô trách nhiệm với bản thân, không có ý chí đạt đến ước mơ của mình. Trong hơn bảy tỉ người trên toàn thế giới, số người thất bại trước mục tiêu của mình không ít, nhưng quan trọng là họ có biết đứng lên bằng đôi chân của mình và làm lại từ đầu hay không. Một số thanh niên ngày nay hùa theo phong trào ăn chơi lêu lộng, ỷ lại vào của cải, tiền bạc của gia đình mà không định hướng tương lai cho bản thân. Để rồi khi thất bại trong lĩnh vực nào đó, lại không biết cách vực dậy để đi tiếp, thế là thất bại nói tiếp thất bại. Giới trẻ ngày nay, khi vấp ngã một tí thì không biết mạnh mẽ, khắc phục để tiến về tương lai mà chỉ biết đứng lại than thở, phô trương cho người khác xem (hiện tượng bày tỏ mọi tâm trạng lên mạng xã hội) để rồi nhìn lại, ta đã tốn không biết bao nhiêu thời gian...

Một người có ý chí, nghị lực chắc chắn luôn đạt đến mọi điều thành công và tốt đẹp, cũng giống như câu danh ngôn Nam Phi đã khuyên: *Hãy hướng về phía mặt trời, bóng tối sẽ ngã về phía sau lưng bạn*. Đúng thế, hãy luôn hướng về phía ánh sáng, đích đến chắc chắn cũng sẽ là một nơi thật sáng đúng với con đường bạn đang đi. Câu nói của nhà triết học Peter Marshall, đã đem đến một bài học rất ý nghĩa cho mọi người và đó cũng như là nguồn động lực vô hình thôi thúc mọi người phải biết sống có ý chí, nghị lực, mạnh mẽ, không ngại gian khó mà vượt qua tất cả, cuộc đời cho ta nhiều ngã rẽ, để không đi đường này thì ta có thể đi đường khác. Bên cạnh đó, những ai đang gục ngã thì hãy cố gắng vững tin vào ước mơ, mục đích của mình, vực dậy tinh thần và rèn luyện bản thân ta trở nên mạnh mẽ, phi thường hơn và khiến bản thân mang một tầm cao nhất định trong xã hội. Có ai đó đã nói rằng “không gì là không thể” vì thế tương lai đang chờ chúng ta, không gì có thể làm chùn bước ta được.

Nếu bạn đã quyết định lựa chọn một hạt giống gieo xuống đời mình, thì tôi tin rằng ánh bình minh vẫn luôn háo hức chờ đón hạt giống của bạn nảy mầm. Cũng như khi ta đã đặt mục tiêu cho đời mình thì thành công luôn chờ đợi bạn ở một địa điểm nào đó mà ta không hay biết, quan trọng là trên con đường đầy gian nan để đến thành công ấy, bản thân chúng ta phải có nghị lực vững bền, tin vào bản thân, mặc dù không biết sẽ thất bại đến bao nhiêu lần nhưng vẫn hãy cứ bước tiếp con đường ấy. *Vì cây sỏi trở nên mạnh mẽ trong gió ngược và kim cương hình thành dưới áp lực* nên hãy cứ kiên cường, nghị lực vượt qua mọi trở ngại của đường đời, thành công sẽ theo đuổi bạn cho dù bạn là ai, bạn ở đâu và bạn làm gì. Peter Marshall đã tạo nên một “câu triết lí vàng” chạm đến ước mơ, hoài bão của bao bạn trẻ và thúc giục họ tiến tới thành công.

ĐỀ BÀI

Hãy bình luận quan điểm sống trong đoạn thơ sau:

*Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao không tròn ngay tọt trong tâm?
Đất ấp ôm cho những hạt nảy mầm
Nhưng chồi tự vươn mình tìm ánh sáng
Nếu tắt cả đường đời đều trơn láng
Thì chắc gì ta nhận được ra ta?
Ai trong đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Đâu chỉ dành cho một riêng ai.*

(Trích *Tự sự* – Lưu Quang Vũ)

Bài viết của Phó Đỗ Quyên
Lớp 9/6 trường THCS Bình Tây, Quận 6,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Mỗi chúng ta như một vòng tròn bị khuyết. Ta lăn mãi trên đường đời với những vấp ngã, chông chênh. Ta mơ ước đường đời bằng phẳng và ta là một vòng tròn hoàn hảo để đi đến thành công dễ dàng hơn. Nhưng ta đâu biết cuộc đời vốn phải gặp thử thách gian lao. Vì thế, ta phải biết mình tự vượt qua nó, như một đoạn thơ đã nhắn gửi:

*Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao không tròn ngay tọt trong tâm?
Đất ấp ôm cho những hạt nảy mầm
Nhưng chồi tự vươn mình tìm ánh sáng
Nếu tắt cả đường đời đều trơn láng
Thì chắc gì ta nhận được ra ta?
Ai trong đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Đâu chỉ dành cho một riêng ai.*

Đoạn thơ ngắn nhưng đã gợi cho chúng ta nhiều điều đáng suy nghĩ. “Cuộc đời méo mó”. Vì nó luôn ẩn chứa những vấp vả, thách thức của con người, khiến con người dễ dàng gục ngã. Nhưng nếu ta chỉ trách cứ, đổ lỗi cho cuộc đời thì chỉ ta cảm thấy mệt mỏi. Thay vì vậy, ta hãy “tròn ngay tọt trong tâm”. Ta hãy phấn đấu vươn lên, tự đứng dậy sau thất bại, ta sẽ tìm thấy thành công và “hạnh phúc”. Vì thành công, hạnh phúc không là món quà tặng riêng ai, ai biết nỗ lực, khẳng định bản thân bằng chính sức mình sẽ có được món quà đó. Đoạn thơ đã đem đến cho chúng ta bài học cuộc sống ý nghĩa: phải biết tự đấu tranh với những khó khăn, thất bại, phải biết chấp nhận chúng và tự hoàn thiện mình, hạnh phúc sẽ mỉm cười với bạn. Và đó cũng chính là quan niệm sống cần có của con người nếu muốn chạm tay vào hạnh phúc.

Cuộc sống là hành trình dài chinh phục hạnh phúc. Và vì vậy, ta cần đứng lên bằng chính đôi chân và sức lực của bản thân. Ngay cả chồi non cũng mang lại cho chúng ta bài học từ cuộc sống. Đất nuôi sống chúng ta nhưng muốn nhìn thấy mặt trời, chúng phải tự bẻ rễ sâu vào lòng đất và cố gắng vươn mình phát triển từng ngày. Chúng ta cũng vậy. Cuộc sống ban cho ta cuộc đời và những cơ hội sẵn có.

Chúng ta phải tự nắm bắt cơ hội và sử dụng khả năng của mình. Như vậy, ta sẽ không chán trường trước giông tố cuộc đời. Vì ta biết giông tố là cơ hội, hạnh phúc này đâu của riêng ai.

Phan Bội Châu từng viết:

*Ví phỏng đường đời bằng phẳng cả
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.*

(*Mai An Quân*)

Chính vì cuộc đời không “bằng phẳng”, không “trơn láng”, ta có thể tỏa sáng bằng cách riêng của bản thân, ta nhận ra chính mình. Ta là một cá thể riêng biệt. Giữa dòng chảy xuôi ngược của cuộc đời, ta sẽ là ai trong số họ, ta sẽ ở đâu nếu cứ buông rơi, trôi theo dòng đời bất tận, để rồi một ngày, ta đánh mất ta. Nếu không dám tự tin khẳng định và chứng tỏ giá trị của bản thân, ta sẽ chìm giữa cuộc đời bấp bênh. Nếu ta chỉ oán than cuộc đời bất công, méo mó, thì sao nổi bật giữa bao người khác, làm sao xây dựng được thương hiệu của riêng mình?

Ta không khó để tìm những con người như vậy giữa cuộc sống muôn hình vạn trạng này. Đó là chủ tịch tập đoàn Microsoft: Bill Gates. Chọn ngã rẽ khác thay vì học đại học, ông xây dựng cho mình một thương hiệu riêng bằng chính sức mình. Để rồi ông trở thành tỉ phú giàu nhất thế giới, còn hãng Microsoft thì được công chúng biết đến và sử dụng rộng rãi. Ông từng nói: “Thuở đi học, tôi rất hay bị điểm kém, còn bạn tôi thì vượt qua tất cả các kì thi. Và bây giờ, anh ta đang làm quản lí cho công ti Microsoft, còn tôi thì làm chủ tịch”. Dù sóng gió trong cuộc đời của Bill Gates không ít nhưng ông chọn cho mình hướng đi riêng để thành công và phải chăng, ông đã tự tìm hạnh phúc cho riêng mình? Thế nhưng, nhiều bạn trẻ lại lấy lí do này mà viện cớ bỏ học. Bill Gates đã khẳng định, ông bỏ học đại học chứ không bỏ học. Vì vậy, ta phải chọn cho mình cách tỏa sáng riêng, đúng đắn, phù hợp thì mới có thể tìm thấy hạnh phúc.

Tuy nhiên, nhiều bạn trẻ hiện nay lại bỏ rơi, buông xuôi cuộc sống, chỉ đổ lỗi cho cuộc sống méo mó, không công bằng. Những bạn trẻ ấy không biết làm tròn cuộc sống từ sức mình. Đầu tiên là cách nhìn, cách nghĩ, sau đó thói quen đổ lỗi cho cuộc sống như axit ngấm dần vào cơ thể và ăn mòn lối tư duy, suy nghĩ và hành động của các bạn. Thế nên, ta cần biết phấn đấu, nỗ lực, tự đứng lên sau vấp ngã ngay từ nhỏ thì mai đây mới có thể thành công trên đường đời. Hay đơn giản là biết đón nhận những thử thách, sóng gió nó đem đến cho ta, để hạnh phúc nhỏ nhoi mà ý nghĩa. Vì hạnh phúc nằm trong chính trái tim ta, biết yêu đời là đã hạnh phúc.

Quan niệm sống tốt đẹp được gửi ngấm qua mấy dòng thơ cũng là quan niệm sống mà chúng ta cần trang bị cho bản thân. Cuộc sống luôn méo mó, nếu ta không biết mài giũa, rèn luyện bản thân, tự vươn lên như chồi non trong lòng đất mẹ, thì sao ta đón nhận hạnh phúc. Hạnh phúc đến từ những điều đơn giản nhất, nếu ta không biết đứng dậy thì sao ôm hạnh phúc vào lòng?

ĐỀ BÀI

“Nếu bạn không tự xây dựng ước mơ của mình thì người khác sẽ thuê bạn xây dựng ước mơ của họ” (Tony Gaskins). Trình bày của anh (chị) về ý kiến trên.

Bài viết của Huỳnh Gia Phú

Lớp 9A, trường THCS Trần Quốc Tuấn, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Con người như một loài hoa. Những loài hoa ấy từ lúc nhú mầm cho đến khi lớn lên đều phải trải qua những thời kì khó khăn đối mặt với thiên nhiên đất trời để thỏa ước mơ của mình là tỏa hương sắc làm đẹp cho đời. Nhưng con người khác loài hoa ở chỗ là ước mơ của chúng ta không chỉ đơn giản như thế. Mỗi người đều có một ước mơ khác nhau. Quan trọng là chúng ta có dám thực hiện và sống cùng ước mơ hay không, hoặc cứ mặc kệ để người khác đang từng ngày biến đổi ước mơ của họ thành sự thật. Điều đó làm tôi nhớ đến câu nói của Tony Gaskins: *Nếu không tự xây dựng ước mơ của mình thì người khác sẽ thuê bạn xây dựng ước mơ của họ*. Vậy, bạn đang tự xây dựng ước mơ của mình hay tự xây dựng cho người khác?

Ước mơ – đó là những hoài bão khát vọng mà mỗi con người luôn nung nấu trong lòng để đạt được. Chúng ta là ai mà không có ước mơ, nhưng liệu mấy ai có thể nuôi dưỡng và thực hiện nó? Ước mơ phải đi đôi với ý chí và nghị lực, phải do chính bạn xây dựng thì mới ý nghĩa. Nếu bạn cứ ngồi đó ước mơ cho cuộc sống thì người khác sẽ thuê bạn xây dựng ước mơ cho họ, tức là bạn sẽ sống trên đam mê và hoài bão của người khác và giúp người khác biến ước mơ của họ thành sự thật. Như vậy câu nói là đề cao hành động của con người trong việc biến ước mơ của bản thân thành thực tế.

Tại sao bạn phải tự xây dựng ước cho bản thân? Vì ước mơ đó là ước mơ của chính bạn, nó là chính khát vọng mà bạn muốn vươn tới. Không phải bạn thì không một ai khác có thể xây dựng nó. Không phải bạn thì không một ai có thể sống dựa vào mà không phấn đấu. Ước mơ không phải là một cái gì sẵn có, cũng không phải là những gì không thể có, mà đó chỉ là một con đường chưa có lối ra và chính bạn sẽ tìm lối ra cho con đường đó. Vậy nên, thành công sẽ đến với những người thực sự dũng cảm. Bạn hãy dám nghĩ dám làm chạy theo những viễn cảnh xa xôi mà bạn tưởng tượng và tự tay xây dựng ước mơ của mình, vì nó chính là cái mục đích, sự thành công cuối cùng mà bạn hướng tới. Bạn ước mơ làm bác sĩ, kĩ sư, ca sĩ, nhà văn...? Tất cả đều có thể thực hiện được chỉ cần bạn có niềm tin và hành động ngay trong hôm nay với những kế hoạch cụ thể.

Ước mơ làm con người ta lớn lên, rắn rỏi hơn nhưng vẫn còn đó nhiều con người chỉ dám ước mơ mà không dám thực hiện, không dám vượt qua chính mình để tháo nút dây an toàn của bản thân hay có người còn không có cả một ước mơ. Nếu bạn cứ ngồi đây mà ước mơ cho cuộc sống, rồi chần chừ thì bạn sẽ đánh mất ước mơ của bản thân mãi mãi. Trong lúc bạn ngồi đây suy nghĩ mình nên làm hay không thì ngoài kia đã có những người chớp lấy ước mơ của bạn và lao động hăng say để biến nó thành sự thật. Mỗi khi bạn lưỡng lự và từ bỏ, bạn sẽ chấp nhận trở thành người làm thuê cho ước mơ của kẻ khác và khi họ thành công, bạn nhìn lại mình, bạn sẽ được gì? Hối tiếc hay giá như...? Thời gian không chờ đợi một ai, vậy nên hãy hành động khi còn có thể. Hãy tin rằng ta có thể xây dựng ước mơ của ta, nếu không thì người khác đã không thuê ta để giúp họ. Câu nói của Tony Gaskins là một lời khuyên

rất nghĩa đánh thức những ai đang để ước mơ của mình trong kế hoạch dở dang hoặc đang từ bỏ nó.

Trong cuộc sống có rất nhiều ước mơ đẹp và có rất nhiều con người đã biến những ước mơ của mình thành sự thật. Như Bill Gates chẳng hạn. Ông đã dám từ bỏ cánh cửa đại học và theo đuổi giấc mơ của mình, thiết lập hệ điều hành máy tính được sử dụng nhiều nhất trên thế giới.

Tuy nhiên, ước mơ của mỗi người phải là ước mơ có ích cho đời thì đó mới là mục tiêu phấn đấu tốt dành cho mỗi người. Chứ không phải là ước mơ mộng lung, khác với thực tại để rồi làm bạn đặt niềm tin vào những việc làm xấu, đánh mất bản thân mình. Để có một ước mơ tốt đẹp và ý chí để thực hiện nó thì chính bạn phải biết bạn đang làm gì, phải tin vào những gì mình đã lựa chọn, hơn hết là bạn không bao giờ cho phép mình từ bỏ vì ước mơ không bao giờ hết hạn, hãy hít thở sâu và làm lại lần nữa dù bạn có thất bại.

Có ai đó nói rằng độ tuổi đẹp nhất để phục vụ ước mơ là tuổi trẻ, đó là cái tuổi bạn có tất cả. Vậy nên đừng mơ cho cuộc sống mà hãy sống cho ước mơ, hãy thực hiện những dự định của mình trước khi tuổi trẻ đi qua. Tôi cũng đang độ tuổi thanh xuân đó, và tôi sẽ hành động để biến những ước mơ của mình thành sự thật, tôi sẽ không lãng phí thời gian vô ích và sẽ không đi làm thuê cho ước mơ của người khác. Vậy còn bạn thì sao? Bạn chấp nhận từ bỏ ước mơ để giúp kẻ khác hay hành động để sống với đam mê của chính mình?

ĐỀ BÀI

Những giọt sương lặn vào lá cỏ

Qua nắng gắt, qua bão tố

Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức sống

Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương.

(Sự bùng nổ của mùa xuân – Thanh Thảo)

Suy nghĩ của anh (chị) được gợi ra từ hiện tượng nêu trên?

Bài viết của Lê Thị Dung

Lớp 9A1, trường THCS Lâm Thao,

huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

BÀI LÀM

Cuộc sống với biết bao thăng trầm và bộn bề thường ngày luôn cần ta có ý chí cùng niềm tin sắt đá để chiến thắng mọi khó khăn, thử thách... luôn ẩn hiện xung quanh cuộc sống mỗi người. Trên mỗi bước đường ta bước, có những lúc ta phải đương đầu với những khó khăn về vật chất, những thử thách nghiệt ngã về tinh thần. Nhưng chỉ cần có niềm tin: tin vào bản thân, tin vào cuộc sống, ta sẽ vượt qua được những khó khăn ấy một cách đáng tự hào. Nói về sức mạnh tinh thần tuyệt diệu mà ít ai có được này, trong bài thơ *Sự bùng nổ của mùa xuân* Thanh Thảo có viết:

Những giọt sương lặn vào lá cỏ

Qua nắng gắt, qua bão tố

Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức sống

Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương.

Những câu thơ ngắn gọn, với biết bao hình ảnh đẹp đẽ, gần gũi đã mang đến cho người đọc những suy ngẫm triết lí sâu xa về bài học đường đời, về quan niệm sống...

“Giọt sương” vốn là một trong số những sinh vật vô cùng nhỏ bé, bình thường. Từ một hạt nước li ti đọng lại trong không trung chúng đã trở thành những giọt sương lặn vào lá cỏ, lặn vào thiên nhiên. Giờ đây, chúng dần trở nên quan trọng và hữu ích lạ thường. Chúng trở thành những giọt nước mát lành, những giọt nước “thần” mà tạo hóa ban tặng. Chúng làm thức dậy những mầm cỏ non, những chồi biếc tươi xanh sau một giấc ngủ đêm ngon lành để vươn lên, đâm chồi nảy lộc, tạo nên những vùng thảo nguyên bát ngát, xanh biếc một màu.

Để đóng góp được chút sức lực nhỏ bé cho thiên nhiên, cho cuộc đời, giọt sương mỏng manh, tưởng chừng như yếu đuối kia cũng phải chấp nhận biết bao thử thách, chông gai, biết bao vất vả, gian khó. “Nắng gắt”, “bão tố” là những khó khăn, trở ngại luôn rình rập và sẵn sàng làm tan biến những giọt sương nhỏ nhoi, yếu mềm. Nắng gắt, bão tố dù chỉ là thoáng qua nhưng hết sức dữ tợn. Chúng chỉ chực bóp vụn hoặc nuốt phăng hết mọi thứ. Giọt sương nhỏ bé, mỏng manh và yếu đuối thế kia, làm sao mà có thể chịu đựng nổi? Ai cũng sẽ nghĩ rằng giọt sương kia chỉ còn đường tan biến mà thôi. Thế nhưng sau những trận cuồng phong dữ dội, sau những trận nắng bóng cây cháy lá ấy, giọt sương vẫn giữ lại được hồn riêng của mình: đó là sự mát lành, tinh khiết, đó là sự cống hiến âm thầm, nhỏ bé không mệt mỏi để tạo nên sức sống dồi dào, bất tận cho thiên nhiên, cho cuộc đời. Hơn nữa, những giọt sương vẫn long lanh có nghĩa là vẫn giữ được vẹn nguyên vẻ đẹp tinh khôi, ngời sáng của mình, vẫn bình thản vượt qua khó khăn như chẳng có điều gì đáng ngại. Vì sao có sự diệu kì như vậy? Bởi giọt sương có niềm tin, có nghị lực. Nó dám vượt qua mọi gian nan, thử thách là bão tố, là nắng gắt đang xoay chuyển cuộc đời. Bởi nó còn có sức mạnh tinh thần bền vững được tạo ra từ niềm tin để chiến thắng mọi thử thách, khó khăn trong cuộc sống. Ta khâm phục, tự hào về sức sống mãnh liệt và niềm tin bất thắng của những giọt sương biết bao! Càng nghĩ về chúng, ta lại càng suy nghĩ về cách sống và niềm tin của chính mình.

Cuộc sống của ta chỉ thật sự có ý nghĩa khi biết cống hiến và dâng tặng sức mình cho cuộc đời chung. Cuộc sống của ta sẽ càng có ý nghĩa hơn khi chúng ta có ý chí, nghị lực, niềm tin để chiến thắng hoàn cảnh. Thật vậy, trong mỗi chúng ta, thử hỏi có ai được cha mẹ sinh ra mà đã vĩ đại và lớn lao? Tất cả mọi người, chẳng bắt kể ai, dù trong hiện tại hay trong tương lai cũng chỉ là một chấm nhỏ giữa dòng đời tấp nập. Dù vậy, nhưng sự đóng góp dù rất nhỏ bé của ta cho cuộc sống lại thật lớn lao và có ý nghĩa vô cùng. Tố Hữu chẳng từng khẳng định: “*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình*” (Một khúc ca xuân) đó sao? Các bạn ạ! Sự cống hiến của ta cho cuộc đời giống như giọt sương lặn vào đất để tạo nên cái tươi xanh cho cây cỏ, hoa lá... Bởi vậy, ta đừng ngại ngần cống hiến, đừng ngại ngần gian khó... Nhưng để làm được điều ấy, chúng ta cần phải có sức mạnh được tạo bằng niềm tin và lòng dũng cảm. Những lúc gian khó, nếu bạn không có niềm tin, bạn đổ lỗi cho hoàn cảnh hay tự cho mình là một người kém cỏi, kém may mắn thì bạn chỉ càng làm cho mình thêm đuối sức, và như vậy bạn càng bế tắc hơn. Nếu bạn thất bại, nếu trở ngại leo đèo đi theo bạn, đương nhiên là bạn rất buồn vì chưa đạt được những điều bạn mong muốn. Bạn chấp nhận buông xuôi, phó mặc và bỏ bê tất cả thì bạn sẽ ngày càng bế tắc và không lâu sau sẽ đánh mất chính mình. Đức Phật đã từng dạy: “*Sai lầm lớn nhất của đời người là tự đánh mất mình*”. Chẳng nhẽ chỉ vì một chút thử thách bạn đã dễ dàng từ bỏ, buông xuôi tất cả thì thành công bao giờ mới mỉm cười với bạn được? Ngược lại, niềm tin vào bản thân, niềm tin vào cuộc sống sẽ giúp bạn tự tin hơn, sẽ giúp bạn xóa

bỏ mặc cảm thất bại, cố gắng bằng được để thực hiện những điều tốt đẹp mình mong muốn. Có ai đó đã từng nói rằng: “Niềm tin là một trong những điều quý giá nhất của con người. Mỗi ngày trôi qua có thể là một niềm vui, nhưng đồng thời cũng có thể đem đến cho bạn nỗi buồn và những điều không mong đợi” (Điểm tựa của niềm tin – Quà tặng cuộc sống). Cuộc sống vốn dĩ là như thế – với tất cả mọi người chứ không riêng gì ai. Vậy thì bạn đừng tìm lí do để cho phép mình xuống tinh thần, từ bỏ hay buông xuôi. Một khi bạn sống mà không có niềm tin vào bản thân, về con người và cuộc sống thì bạn sẽ mãi còn ngụp lặn trong những suy nghĩ tiêu cực, sẽ lãng phí những khoảnh khắc đầy ý nghĩa của cuộc sống – một cuộc sống mà bạn vốn có thể làm được rất nhiều những điều mà bạn hằng mơ ước”.

Các bạn thấy đó, bên cạnh những con người không bao giờ chịu đánh mất niềm tin và không bao giờ chịu từ bỏ ước mơ cũng vẫn còn những con người với ý nghĩ lệch lạc “chờ niềm tin thì chỉ còn nước chết” hay “niềm tin không nuôi sống được bản thân”. Những suy nghĩ ấy thể hiện sự yếu đuối, mệt mỏi và tuyệt vọng. Những con người như vậy đang tự đánh mất chính mình và tự hủy hoại cuộc sống của mình. Ví như những người không thành công trong học tập họ dễ dàng bỏ bê và học hành sa sút, làm ảnh hưởng không nhỏ đến bản thân, gia đình và xã hội. Những con người chưa thành công trong các lĩnh vực khác họ cũng có thể rất tự ti, mặc cảm với chính mình... Đối với những con người như thế, ta thấy họ cần thay đổi suy nghĩ và hành vi của mình. Đã có biết bao tấm gương vượt lên số phận với niềm tin sắt đá để sống có ích, để cống hiến dù là một phần nhỏ bé cho xã hội. Sao họ không nhìn vào đó để tự khẳng định mình? Dễ dàng phó mặc cho số phận, đánh mất niềm tin, đánh mất chính mình là một sai lầm không nhỏ mà mỗi chúng ta, những ai vừa thấy thất bại đã buông xuôi, vừa thấy khó khăn là từ bỏ mơ ước cần phải nhìn lại chính mình. Bởi thế, không bao giờ được đánh mất niềm tin bạn nhé. Nhà sư phạm người Nga Xu-khôm-lin-xki đã từng nói: “Con người ta khi sinh ra không phải để tan biến như một hạt cát vô danh, mà họ sinh ra để in dấu trên mặt đất, in dấu trong trái tim mọi người”. Ta sống không phải để sống cho riêng ta mà còn phải sống để cống hiến những điều tốt đẹp nhất cho đất nước, dân tộc.

Các bạn thấy đây, chỉ một đoạn thơ trong bài thơ *Sự bùng nổ của mùa xuân* của Thanh Thảo mà niềm tin của ta như được thắp sáng thêm. Mỗi con người sẽ và hãy là một giọt sương tinh khiết đem đến sự mát lạnh, đẹp đẽ cho cuộc đời. Hãy là một “*nốt trầm xao xuyến*” (*Mùa xuân nho nhỏ* – Thanh Hải) để tạo nên bản hòa tấu rộn ràng. Hãy sống có ích, hãy biết cống hiến cho cuộc đời khi ta còn có thể...

ĐỀ BÀI

Không có tài năng nổi trội nhưng lại chẳng chấp nhận thân phận người thường, một bộ phận bạn trẻ hiện đang tìm đến những hành vi lập dị, thậm chí trái với thuần phong mỹ tục để ít nhiều thu hút sự chú ý của dư luận dù thừa biết bản thân sẽ bị “ném đá”.

(*Báo Tuổi trẻ* 23 – 3 – 2013)

Sau những hành vi ấy, các bạn trẻ đã được nhiều người biết đến. Theo anh (chị), đó có phải là sự “nổi tiếng” không? Anh (chị) nghĩ gì về sự nổi tiếng?

Bài viết của Đỗ Ngọc Hà Nhi
Lớp 9/4, trường THCS Nguyễn Du,
Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LAM

Trong cuộc đời mỗi con người, không ai là không có những mục tiêu, hoài bão, những định hướng cho hiện tại và tương lai của mình. Đó có thể là một ước mơ về một gia đình hạnh phúc, ước mơ chạm đỉnh vinh quang, đạt được niềm đam mê của mình, ước mơ về một cuộc sống đầy đủ, ấm no, không phải lo lắng, hoặc đơn giản, với lớp trẻ ngày nay, đó là một ước mơ về danh vọng, sự nghiệp về sự nổi tiếng. *Không có tài năng nổi trội nhưng lại chẳng chấp nhận thân phận người thường, một bộ phận bạn trẻ hiện đang tìm đến những hành vi lập dị, thậm chí trái với thuần phong mỹ tục để ít nhiều thu hút sự chú ý của dư luận dù thừa biết bản thân sẽ bị “ném đá”*. Chính cái ước mơ quá đỗi to lớn ấy, khát vọng, hay nói đúng hơn là ảo vọng ấy đã đẩy đưa nhiều bạn trẻ đến những tình huống, những kết quả thật trớ trêu.

Giới trẻ ngày nay không ít người vẫn lấy sự nổi tiếng làm mục đích sống của mình. Nổi tiếng chính là nổi bật danh tiếng, tài năng thực sự của mình, làm cho tiếng tăm, hình ảnh hay những điều tốt đẹp của mình được truyền bá trên diện rộng, được ngưỡng mộ, được nhiều người biết đến. Thế nhưng, đối với một số người nhận thức sai lệch về người tài và sự nổi tiếng thì “nổi tiếng” đơn giản là đánh bóng tên tuổi của mình, bất kể hành vi, bất chấp hậu quả và không quan tâm những phản ứng của mọi người, dù trái chiều, dù phê phán. Chính cái mục đích của họ – để tên tuổi mình, không phân biệt là xấu hay tốt, được nhiều người biết đến – họ đã dần lún sâu vào những tai tiếng chứ không còn dừng lại ở một cuộc sống bình thường hay xa hơn là sự nổi tiếng nữa. Một người đã từng phát biểu nhiều trên sân khấu, chẳng nhất thiết phải lên sân khấu để gào lên rằng vẫn giữ được đẳng cấp, được phong độ và là người nổi tiếng. Một người nổi tiếng có thể cả đời họ chỉ lên sân khấu một lần, nhưng vấn đề là họ làm được gì trên sân khấu trong lần duy nhất đó. Nổi tiếng không phải là sự xuất hiện càng nhiều mặt báo chí, trên truyền hình thì càng tốt, càng không phải bằng cách đưa những phát ngôn gây sốc, gây scandal ở các lĩnh vực khác không liên quan đến nghề nghiệp, không phù hợp với khả năng của mình. Và rồi, hậu quả của việc quá ảo tưởng đến sự nổi tiếng đã khiến không ít người, nhất là giới trẻ, chưa thực sự phát triển được toàn bộ tài năng, chưa nhận thức được sâu sắc vấn đề bị “ném đá” Những viên đá ta dùng để ném nhau trên thế giới mạng không phải là những viên đá vật chất cụ thể có thể cầm nắm và quăng ném vào nhau, chúng chỉ là những viên đá “ảo” nhưng hậu quả mà chúng gây ra cho nạn nhân thì lại “thật” và đau đến không ngờ: không chỉ dừng lại ở cộng đồng mạng mà cũng có thể là tác động không nhỏ đến cuộc sống, công việc, các mối quan hệ... ngoài đời thực, và thật rõ ràng, với những phản ứng trái chiều của dư luận thì chắc chắn rằng đây không phải là sự nổi tiếng.

Xã hội ngày nay không thể không nhắc đến những người nổi tiếng thực sự bằng tài năng, sức lực và mồ hôi nước mắt của mình. Đó là Walt Disney – người được mệnh danh là “cha đẻ của chú chuột Mickey” đã góp phần không nhỏ vào làng giải trí thế giới, là Marie Curie – người đầu tiên vinh dự nhận được hai giải Noben trong hai lĩnh vực khác nhau Vật lí và Hóa học, người đã khám phá ra hai nguyên tố hóa học radium (nguyên tố mang tính phóng xạ) và polonium giúp cho ngành Hóa học và các ứng dụng quan trọng trong tìm tòi, nghiên cứu. Tất cả đã trở thành những hình ảnh không bao giờ mờ phai, những tấm gương để mọi người học tập. Ấy vậy mà, đáng buồn thay trong cuộc sống ngày nay vẫn còn không ít những hình ảnh tự bán danh dự, lương tâm để được cái “tai tiếng” bị ngộ nhận là “nổi tiếng”. Rất nhiều

bạn trẻ đã khiến cộng đồng mạng phần nộ khi thản nhiên tự ghi lại và phổ biến những hình ảnh bản thân đáng bất kính với các giá trị nhân văn, văn hóa dân tộc. Cụ thể, một thanh niên đã đứng và ngồi lên đầu Rùa ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám (tháng 7 – 2012), một nữ sinh ngồi lên mộ liệt sĩ (tháng 1 – 2013), một bạn trai cười tươi rói khi cầm trên tay hai cánh tay khi đã bị chặt và cạo sạch lông (tháng 3 – 2013). Và chỉ trong tháng 3 – 2013, liên tục những bức ảnh phản cảm như: thanh niên ngồi lên phần mộ tổ, nam thanh niên ngồi lên tượng Phật, nam thanh niên ngồi lên tượng đài Lí Thái Tổ... xuất hiện nhan nhản trên các trang Facebook.

Sự nổi tiếng được so sánh như con dao hai lưỡi, một ma lực thực sự hấp dẫn khiến nhiều người có thể vì nó, mù quáng mà đánh đổi tất cả, từ nhân phẩm đến cả bản thân mình nếu không có nhận thức và hiểu biết rõ ràng. Nó đem lại cho ta cả danh vọng và quyền lực, sự ngưỡng mộ, trầm trồ của người khác thậm chí nó còn có thể thay đổi cuộc đời của một con người. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm LSC (Learning and skills Council), hơn 10% thanh niên ở Anh sẽ bỏ học nếu có cơ hội nổi tiếng qua truyền hình. Khi được hỏi tại sao lại muốn trở nên nổi tiếng, hơn một nửa nói rằng nổi tiếng sẽ mang lại cho họ nhiều tiền. Một số người có tài năng thực sự, nhưng vì họ trở nên nổi tiếng khi còn quá trẻ chưa đủ kinh nghiệm, chưa có sự từng trải, cũng có thể chưa phát huy được hoàn toàn tài năng của mình hoặc chưa có định hướng rõ ràng cho tương lai. Vì vậy sự nổi tiếng đến với họ lúc này giống như việc họ đang mặc một chiếc áo không vừa vặn. Một số người đã thành công, đã nổi tiếng nhưng lại không duy trì năng lực của mình, không biết học hỏi, rèn luyện và phát huy tài năng thì sự nổi tiếng dần trở thành con số “0” tròn trĩnh. Cuối cùng, đối với những người không có tài năng, hoặc có thể là tài năng của họ chưa được phát hiện mà đã mơ ước đến sự nổi tiếng – một thứ xa vời, bất chấp tất cả để có được nó thì chẳng khác nào đang thử một liều thuốc độc cho tương lai của mình. Có thể họ sẽ được lên các mặt báo thật, nhưng là trước ánh mắt dèm pha của mọi người, có thể tên của họ khi nhắc đến mọi người đều biết, nhưng biết chỉ vì cái tai tiếng đáng khinh thường mà thôi! Rồi sẽ đến một lúc, họ cảm thấy sợ hãi, cảm nhận được hối hận vì mình phải trả một cái giá quá đắt để đổi lấy một sự “nổi tiếng vì bị ngộ nhận” và mất đi tương lai. Đằng sau sự nổi tiếng, đằng sau ánh mắt hào quang chói lọi, có thể là niềm vui, hạnh phúc, tự hào, cũng có thể là sự thất vọng, nước mắt và nỗi đau.

Có bao giờ bạn tự hỏi, tại sao giới trẻ lại mù quáng và ngộ nhận sự nổi tiếng như vậy? Nguyên nhân có thể phần lớn là chủ quan, do nhận thức của bản thân, nhưng không thể phủ nhận sự “góp mặt” của những nguyên nhân khách quan. Vì vậy, để tránh những lầm tưởng sai lệch này, bản thân mỗi người phải biết mình làm gì, biết định hướng cho tương lai, xác định những mục tiêu đúng đắn và cố gắng hết mình cho những dự định, ước mơ tốt đẹp. Về phía gia đình, các bậc cha mẹ cũng không nên đặt mục tiêu quá lớn, ngoài khả năng hay hình tượng hóa những đứa trẻ, để rồi hình thành trong đầu óc chúng những nhận thức sai lệch. Và xã hội, thử hỏi mà xem, nếu những bài báo, những trang báo mạng không lấy việc đăng những phát ngôn gây sốc, những scandal làm trào lưu, mọi người không nhiệt tình đón đọc thậm chí là ủng hộ thì sự nổi tiếng chẳng trở nên ngày đẹp đẽ hơn?

Thanh thiếu niên, học sinh – những chủ nhân tương lai của đất nước sẽ luôn phấn đấu học tập tốt, vươn lên và tỏa sáng bằng chính khả năng, sức lực của mình. Hãy sống thật lành mạnh, sống để rèn luyện, nỗ lực hết mình để cống hiến những gì tốt đẹp nhất và không cần thiết phải đòi hỏi sự trả công, đền đáp hay sự nổi tiếng

trong mắt mọi người – chỉ cần sống đẹp với lương tâm mình. Tôi và các bạn, hãy tuyên truyền, phê phán lối sống thực dụng, làm rõ những nhận thức sai lệch để rồi không một ai phải hối hận khi đôi tất cả chỉ vì những danh vọng hão huyền.

Ước mơ và khát vọng là điều không thể thiếu, nổi tiếng cũng không phải là xấu, thế nhưng hãy biết dùng chính năng lực, tài năng của mình, đồng thời không ngừng rèn luyện và trau dồi bản thân để tỏa sáng trong mắt mọi người. Đó mới là sự nổi tiếng thực sự – một sự nổi tiếng đáng trân trọng.

ĐỀ BÀI | **Nêu suy nghĩ của bạn về câu nói: “Sống cuộc đời mình theo mong muốn của người khác là những lãng phí cuộc đời bạn” (Steve Jobs).**

Bài viết của Hoàng Phú An
Lớp 9B, trường THCS Lí Nhật Quang,
huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

BÀI LÀM

Có khi nào bạn rụt rè đi qua chỗ đám đông chỉ vì những ánh nhìn xung quanh đều không thân thuộc. Có lúc nào bạn muốn khám phá một miền đất mới lạ mà không dám đi vì với người ta, đó là một ý tưởng rất đổi tâm thường, không tạo nên một sự khác biệt. Tự do, niềm vui sẽ khởi phát từ đâu nếu đôi chân ta không đoái hoài gì đến một lời gọi từ trái tim. Hạnh phúc ở đâu nếu ta cứ là tâm điểm cho vòng tròn cuộc đời dịch chuyển. Giữa dòng người hối hả, không gian sống tấp nập, nếu bản thân ta biết dung hòa giai âm cuộc đời và ý thích, tiếng lòng mình thì tuyệt vời biết bao.

“Sống cuộc đời của mình” chính là xác định được mục tiêu, khao khát của bản thân về cả hành động lẫn tư tưởng trong hiện tại và tương lai. Từ việc xác định hướng đi, con người sẽ tìm con đường, nỗ lực để đạt điều khát khao. “Cuộc đời” thật sự ấy phải thực xuất phát từ khát khao thật sự nhất chứ không do ai góp ý kiến, đánh giá. Ý tưởng về việc trong tương lai sẽ làm nghề gì, thích gì, làm gì... đã có thể nảy sinh từ những đứa trẻ còn ngồi dưới trường mầm non. Lớn lên, những ý tưởng đó sẽ được hiện thực hóa. “Sống cuộc đời mình theo mong muốn của người khác” là sống theo sự áp đặt, mong muốn của người khác ảnh hưởng tới phần lớn mà không có chính kiến của bản thân. Người khác nói gì, thích gì... thì ta cũng làm theo, không biết hậu quả hay ý nghĩa của việc làm đó sẽ ra sao. Đôi khi, nhiều người có xu hướng chung nào đó thì ta cũng làm theo chỉ để được tán thưởng, hoan nghênh nhiệt tình. Có khi, ta thích việc làm này, việc kia nhưng sợ sự soi xét, đánh giá, lời chê bai, chỉ trích. Câu nói của Steve Jobs đã khẳng định tầm quan trọng về thái độ “sống thật với bản thân mình” trong cuộc sống.

Sống thật với bản thân mình là điều rất quan trọng. Đường đời là một trang sách dài chứa bao điều thú vị nhưng khi ta mượn đôi mắt khác để khám phá cuốn sách ấy thì nó giảm đi bao nhiêu phần thú vị. Mỗi người trong cuộc đời đều có một sở thích, đam mê, cách sống riêng nên không ai giống ai. Mỗi chúng ta là một cá thể riêng biệt về tâm hồn và cá tính. Như vậy, ta phải xác định được ta thích gì, muốn gì, ta sinh ra vì ai, làm việc cho ai thì những gì mà ta làm mới có ý nghĩa và hiệu quả. Khi bị bắt ép làm một việc gì đó mà ta không thích, hay theo một xu hướng, trào lưu chung, ta lại càng tự ti về sự yếu kém của bản thân mình hơn. Lúc ta sống theo sở trường của mình, không những ta có thêm niềm vui, động lực sống mà còn có thêm những người bạn thân thiết, tạo nên nhiều mối quan hệ tốt đẹp. Sống thật với bản

thân mình để không lãng phí thời gian và tuổi trẻ. Sống thật để mọi người nhìn nhận ra giá trị thật của ta. Chỉ sống thật, ta mới nhiệt tình cống hiến, say mê, tận tụy với những thứ mà mình đang làm và nuôi chí để tiến tới con đường tương lai. Nếu sống theo sự chỉ dẫn của người khác, chẳng khác nào ta là kẻ hèn yếu, nhát gan, không có bản lĩnh. Những thành công, quả ngọt chẳng phải do ta tự tạo nên thì chẳng thể nào mãi nguyện tròn đầy. Một khi ta buông lời điềm tựa ra, ta sẽ dễ dàng bị vấp ngã nếu không biết tự chập chững đi ngay từ đầu. Sống theo ý người ta, dần dần, ta sẽ đánh mất ta, và chính ta không thể hiểu nổi bản thân mình. Ta sẽ bị hòa trộn với dòng người khác, không có điềm nào khác biệt hay nổi bật. Sống mà luôn chú ý đến thái độ của người khác đối với mình, đón chờ sự hoan nghênh, khen ngợi thì thật gò bó. Ta đâu biết rằng giữa vô số lời khen ấy, đâu là lời khen thật lòng giúp người ta tiến bước tiếp đến thành công, đâu là lời khen mĩa mai, giễu cợt để ta dừng lại một chỗ, thỏa mãn với bản thân. Sống theo muốn của người khác chính là ta đang giả dối, giả tạo và lừa gạt chính mình. Nếu tất cả mọi người theo một trào lưu chung, sở thích chung thì tập thể, xã hội này chỉ có một mảng màu tẻ nhạt, đơn điệu, không phong phú.

Sống thật với chính bản thân mình nhưng không có nghĩa là bạn sống theo kiểu lập dị, khác ngườì, không tuân theo một quy tắc, kỉ luật, luân lí xã hội. Sống thật nhưng không có nghĩa là bạn sống thờ ơ, vô cảm, bỏ bên tai những lời khuyên, lời nhắc nhở từ những người tốt bụng, người có trách nhiệm với chính mình như: thầy cô, gia đình, bạn bè thân thiết. Có người bạn lại nói: “Sống thật với chính mình, không lắng nghe, quan tâm đến người khác thì cơ hội thăng tiến, mối quan hệ không rộng mở, khiến mình thiệt hơn người khác”. Sống thật với chính mình làm sao đó vừa tạo được cảm giác thanh thản, vui vẻ, hạnh phúc từ trong lòng mình, vừa tạo tạo ra được sự hài lòng của người khác là ổn rồi.

Trên đời, có những người muốn tiêu hao năng lượng, sức sáng tạo của bạn bằng cách dùng lời nói, tác động vào ý nghĩ, tư tưởng để đánh bại bạn nhưng cũng có người tiếp thêm năng lượng, ủng hộ bạn. Vì vậy, tùy từng tình huống cụ thể mà ta cần nhìn nhận đâu là cách sống nên theo hay không theo, tin tuyệt đối hay không tin. Đừng cố gắng lấy lòng tin ở người khác mà chính ta phải tạo lòng tin, sự ngưỡng mộ ở họ bằng cách tạo ra thành quả, giá trị thật ở chính hai bàn tay và tư duy, trí tuệ. Chính bản thân bạn là một sự khác biệt nên đừng để ai dễ dàng thay đổi bản chất của bạn. Tương lai, hạnh phúc, thành công luôn là cánh cửa bí ẩn, không có chìa khóa thật sự nên chỉ cần bạn nỗ lực hết mình, dũng cảm tiến bước về phía trước. Trên đường đời, ta phải học cách tích lũy kinh nghiệm, học ở mỗi người một chút ít và dựa vào chính mình để thành công. Khi cuộc sống muốn bạn phải lựa chọn, phải lựa chọn thứ bạn muốn có, nơi bạn muốn đến và điều quan trọng là bạn phải tin vào khả năng và suy nghĩ chính mình. Bỏ đi khát vọng về sự hoàn mỹ, toàn diện, bắt đầu sống thực chất của mình là một lựa chọn rất ý nghĩa. Hãy để sở thích của mình được tự do phát triển vì sở thích quyết định ước mơ, ước mơ quyết định hành động, hành động quyết định vận mệnh, con người bạn.

Tuổi trẻ đến rồi đi nhanh như một cơn mưa rào mùa hạ. Dưới cơn mưa ấy, tôi muốn thỏa thuê đón lấy dòng nước mát lành, quây tung, nghịch phá như một đứa con nít thật sự. Tôi muốn thu mình vào tất cả những cái ngây ngô thời ấu thơ vì đó thật sự là tôi. Hôm nay và cả mai sau nữa, ngồi bên khung cửa sổ, tôi sẽ chọn những âm thanh đáng quý, đáng trân trọng nhất của vang động dữ tợn ngoài kia rồi quỵện

chúng vào lòng, để tìm ra hướng đi cho mình. Hướng đi ấy dẫn tới đâu tôi chưa thể biết trước nhưng tôi biết, tôi được sống an nhiên và hạnh phúc theo cách của mình. “Thời gian của bạn là có hạn, vì thế đừng lãng phí nó vào việc sống một cuộc sống của người khác. Đừng mắc kẹt bởi những giáo điều – mà đó là sống với các kết quả của suy nghĩ của người khác. Đừng để tiếng ồn của các ý kiến người khác nhấn chìm tiếng nói trong bạn. Và quan trọng hơn hết, hãy có can đảm để đi theo trái tim mình và trực giác của mình. Tất cả mọi thứ khác đều là thứ yếu”.

ĐỀ BÀI | **Nêu suy nghĩ của bạn về vai trò của gia đình với việc hình thành nhân cách của con người.**

Bài viết của Đỗ Ngọc Hà Nhi
Lớp 9/4, trường THCS Nguyễn Du,
Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Dù là vua chúa hay dân cày, kẻ nào tìm được sự an bình trong gia đình là người sung sướng nhất. Goethe thật đúng khi nói về gia đình. Khi cuộc sống không như ta mong đợi, khi ta cảm thấy tù thân và hụt hẫng trước những ánh mắt dèm pha từ mọi người xung quanh, khi ta ngủ gục, mệt mỏi và kiệt sức trước những khó khăn, thử thách thì cũng là lúc ta tìm về tổ ấm, về nơi bình yên nhất của mình. Tiếng “gia đình” sao mà nghe thân thương đến kì lạ, không màu mè, không khoa trương mà sâu sắc và ngọt ngào biết bao trong trái tim mỗi người.

Khái niệm “gia đình” thật đơn giản. Gia đình là cái nôi chôn chứa tình yêu thương, là nơi bạn đã được sinh ra và lớn lên trong vòng tay ấm áp từ cha mẹ. Có thể có những gia đình luôn sum vầy đủ cha, mẹ, con cái, cũng có thể chỉ là những người bạn coi là thân thương, gần gũi nhất. Dù là gì đi chăng nữa, dù trong gia đình bạn đôi khi xảy ra những bất hòa, những hiểu lầm nhỏ nhỏ nhưng nó luôn là chốn bình yên nhất mỗi khi ta cảm thấy mệt mỏi giữa bộn bề lo toan. Những ngày trời lạnh, cả nhà quây quần bên chiếc bàn ăn nhỏ vừa ăn vừa tâm sự cho nhau nghe biết bao niềm vui, nỗi buồn. Ngày Tết Nguyên Đán, những đứa trẻ xếp hàng chúc phúc ông bà, cha mẹ và mừng quỳnh khi nhận trong tay bao lì xì đỏ chói. Rồi ngày rằm tháng tám, cả gia đình tập hợp lại cùng ăn bánh trung thu và chợt thấy mặt trời mỉm cười. Tất cả, tất cả những kỉ niệm đẹp của gia đình sẽ mãi mãi là tia nắng nhỏ sưởi ấm nơi tâm hồn mỗi người, một tia sáng kì diệu giúp cho cuộc sống này thêm tươi đẹp.

Gia đình là thế ấy, thật giản dị và đơn sơ nhưng lúc nào cũng đầy ắp những tiếng cười hạnh phúc, có thể không giàu về vật chất nhưng lại ấm áp về tình yêu thương. Đó là một ngôi nhà an toàn cho ta trú ngụ trong cuộc sống với hàng vạn khó khăn, thử thách và cám dỗ, cho ta những niềm vui nho nhỏ, những bữa cơm ấm áp đầy tình thương yêu mà khi đi xa ai cũng nhớ, là nơi ta học cách yêu thương nhiều hơn, biết chăm sóc, lo lắng, quan tâm người khác ngoài bản thân mình và có thể giải bày những tâm sự thâm kín nhất. Gia đình – một phần xã hội thu nhỏ, muôn hình, vạn trạng, thú vị – là món quà mà Thượng đế ban tặng cho mỗi người. Đừng xem những điều gần gũi với trái tim là hiển nhiên, hãy trân trọng nó, vì gia đình là tất cả.

Gia đình là bệ phóng và pháo đài vững chắc nhất. Thế nhưng nếu đó không phải là chỗ dựa tinh thần tốt, không cho ta những tình thương thiêng liêng và cần có, không bình yên, không ấm áp, gần gũi thì mỗi người sẽ ra sao? Trong xã hội ngày nay không thể không kể đến những gia đình thường xuyên xảy ra xung đột, anh chị

em không biết yêu thương nhau, cha mẹ cãi vã và thậm chí dẫn đến sự tan vỡ của một gia đình. Cha (mẹ) bỏ đi, con cái không nơi nương tựa, không ai chăm sóc có thể bị ảnh hưởng nặng nề đến học tập, đến nhân cách và tương lai của chính mình. Làm sao một học sinh có thể chú tâm học tập và làm việc khi có một gia đình như vậy? Không những thế, một số người cha, người mẹ còn bắt chính con ruột của mình lăn lộn vào cuộc đời đầy sóng gió, biến con thành công cụ để kiếm tiền cho mình những đồng tiền thối nát. Thật đáng xấu hổ, những người như vậy có đáng được sống hay không khi dám tự cho mình cái quyền được tước đi hai chữ “gia đình” bình yên nhất của một đứa trẻ? Và có những gia đình định hướng sai lệch, giáo dục con không đúng làm con bị kéo theo cái xấu, hoặc học tập thối huật xấu từ cha mẹ mà coi là “tấm gương”. Xã hội sẽ ra sao nếu chỉ tồn tại những gia đình như vậy?

Đất nước phát triển và thay đổi mãi theo thời gian, ai ai cũng lo giành giật nhau từng chút một để đứng vững trong cuộc sống mà quên mất những giá trị cao đẹp như một gia đình hạnh phúc. Sống vội, nghĩ nhanh, đòi hưởng thụ sớm, vô cảm... tất cả, tất cả những nguyên nhân trên đều có thể phá nát một gia đình hòa thuận. Làm sao có thể vững bước trên đường đời mà thiếu gia đình là chỗ dựa vững chắc nhất? Làm sao ta có đủ tự tin để khẳng định bản thân mình trong khi việc giữ gìn một gia đình hạnh phúc ta còn không làm được?

Bản thân mỗi người, hãy quý trọng từng phút giây bên gia đình mình. Hãy biết trân trọng những gì mình đang có, vì trên đời này không có cái gì quý giá, và cũng không có gì là hoàn hảo và mãi mãi như một gia đình hạnh phúc. Một khi đã bỏ quên gia đình thì lúc suy nghĩ lại mới biết rằng mình hối hận vì đã đánh mất quá nhiều thứ tuyệt vời. Con cái phải luôn có hiếu với cha mẹ, yêu thương anh chị em mình, còn bậc làm cha mẹ, hãy trở thành những tấm gương xứng đáng để con mình học hỏi. Nếu bạn buồn và thất vọng vì gia đình mình không hạnh phúc, đừng thất vọng, hãy suy nghĩ thật kỹ và rồi tiếp tục đứng lên bước tiếp con đường của mình – con đường có tương lai rộng mở. Bởi lẽ không ai chọn được cha mẹ cho mình, mọi người chỉ nhìn những gì bạn làm, bạn cố gắng đạt được chứ không nhìn vào hoàn cảnh, và bạn, hãy mang đến điều kì diệu, mang đến một tình thương gia đình ấm áp, có thể cho những đứa con của mình sau này chăng?

Thanh thiếu niên – chủ nhân tương lai của đất nước, hãy trân trọng và yêu thương gia đình như chính bản thân mình vậy. Hãy thử một lần hỏi han, xắn tay áo lên phụ mẹ hết những công việc nhà, thử một lần đấm lưng cho cha, một lần cùng ngồi lại, làm bài, chia sẻ, tâm sự cùng anh chị em mình, bạn sẽ thấy những nụ cười trên môi họ thật đáng quý biết bao!

Gia đình có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của con người, là cả thế giới của bạn. Hãy giữ cho thế giới ấy luôn ấm áp, tràn ngập tiếng cười và niềm hạnh phúc, là nơi bạn tiếc nuối khi rời xa và chờ đợi, ngóng trông được trở về.

ĐỀ BÀI



(Hình minh họa cho bài viết Nếu bạn thi rớt thì sao? – Báo Tuổi trẻ ngày 23 – 3 – 2013)

Cuộc thi đối thoại giữa hai bạn trẻ và câu nói của Bill Gates – tỉ phú, Chủ tịch tập đoàn Microsoft – gọi cho em suy nghĩ gì?

Bài viết của Trần Hoàng Ái Duyên

Lớp 9A2, trường THCS Phan Bội Châu,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Khu vườn cuộc sống tạo ra hai thống lĩnh, một vị làm chủ bầu trời, quanh năm được áp ủ trong nắng ấm áp, một vị vì bị nắng bỏ quên mà nằm lại nơi ẩm ướt, sống bám vào mặt đất. Khu vườn ấy đã ban cho muôn vật một hành trang tuyệt vời, đồng thời rẽ lối những con đường, đòi hỏi ở mỗi bản lĩnh sống một sự linh hoạt, quá trình phát triển của mỗi loài khác nhau. Điều đó làm tôi nhớ đến câu nói của Bill Gates: “Tôi bỏ Đại học chứ không bỏ học!”. Phải chăng thành công chỉ mở ra với những ai có tấm bằng đại học hay đó còn là những con người chấp nhận trải nghiệm cuộc sống từ khi còn rất sớm?

Ta có thể hiểu cuộc đời là bể rộng và mỗi trường đại học chỉ là nhánh sông nhỏ, sông nào rồi cũng chảy và đổ về biển nên việc mỗi cá thể trong “ki nguyên kinh tế tri thức” sau khi tốt nghiệp đại học có tấm bằng để bước vào đời là một nhu cầu tự nhiên, mang tính tất yếu. Nhu cầu ấy ngày càng tăng nhanh trong xã hội ngày nay. Nếu gọi mỗi cá thể của xã hội là chiếc thuyền, thì những chiếc thuyền ấy đang chen chúc nhau đi trên “dòng sông đại học” chỉ một mục đích là đổ ra bể đời. Đã bao giờ ta trông thấy giữa những chiếc thuyền đi xuôi theo dòng chảy có một chiếc thuyền lội ngược dòng, đó có thể là một thí sinh trượt ngưỡng cửa đại học, và họ đang nảy sinh ý tưởng làm nên những điều khác biệt bằng cách sống cùng cuộc sống. Đại học là cánh cửa dẫn ta đến với thành công nhưng nó không phải là cánh cửa duy nhất mà cuộc sống mở ra cho chúng ta. Bill Gates đã nghĩ khác đi sau khi quyết định bỏ học đại học, rằng đại học không phải là cán cân duy nhất có thể đo lường cuộc đời, bài toán vị Chủ tịch tập đoàn Microsoft đã có kết quả từ công thức của niềm đam mê, kinh nghiệm và sự liêu lĩnh.

Bill Gates đã bỏ học đại học nhưng ông không bỏ học những kinh nghiệm từ cuộc sống. Học nghĩa là ta nhận về từ bên ngoài những kiến thức giúp ta sinh tồn nhưng “học” không nhất thiết là học đại học hay một trường lớp nào đó. Có thể chúng ta không đi trên con đường khuôn mẫu là bước vào đại học nhưng ta cho phép khối óc tạo ra những công thức mới làm nên chiếc bánh ngọt của cuộc sống. Bản năng của con người là học từ bố mẹ, tập biểu lộ cảm xúc khi đối diện với những hoàn cảnh khác nhau. Với một bản năng tuyệt diệu như thế, khi con người đứng trước

ngưỡng cửa đại học, đủ thông minh và trưởng thành, để có thể quyết định mở nó ra hay đóng lại vĩnh viễn và bắt đầu tìm lối rẽ!

Trường đại học có lẽ là tổ chim êm đềm để mỗi cánh chim bay về ấp ủ, nhưng mỗi cánh chim nên là cánh chim tự do, đừng quá phụ thuộc vào mái ấm ấy để trong con bão giông ta vẫn có đủ vững vàng để bay thẳng dù gió mạnh. Ta từng nghe những câu chuyện về một số học sinh không đậu đại học đã tự kết liễu cuộc đời, là do sức ép từ gia đình, mối quan hệ với bạn bè hay chẳng do chính họ đã quá lệ thuộc vào việc có đậu hay không vào đại học. Đại học không phải là tất cả hay là lẽ sống của chúng ta, ta chỉ sống khi luôn lạc quan và tin tưởng, nghĩ khác đi để biến đại học là một cánh cửa bản thân ta không thể mở ra nhưng từ đó có thể bước vào vô vàn cánh cửa khác!

Nếu yêu cuộc sống này ta hãy cho bản thân một cơ hội để trải nghiệm, dù là mạo hiểm, vì sống đâu đơn giản để sinh tồn mà là để ta hiểu được con đường ta đang đi vốn bắt nguồn từ ý nguyện và tâm hồn. Cuộc sống đã trao tôi cho tôi một khoảng trời để tôi thả lên đó những ý tưởng làm nên những điều khác biệt, trời xanh và cao, tôi có đôi cánh bay đi tìm những giới hạn của bầu trời. Trời không có giới hạn nên tôi thỏa sức thể hiện đam mê mà không cần phải phụ thuộc vào bất kì điều gì khi tôi đã đủ trưởng thành. Tấm bằng đại học có thể cho ta biết vị trí của ta trong cuộc sống những không thể đo hết sự sáng tạo trong mỗi người.

Cuộc sống có hai mảnh ánh sáng, con người bao giờ cũng chọn mảnh ánh sáng âm áp và đầy đủ, có thể thấp sáng cho cả cuộc đời con người, con người luôn muốn an toàn. Nhưng với Bill Gates và những khối óc nghĩ khác đi lại chọn mảnh ánh sáng của bầu trời về đêm, leo lắt và có hôm còn không tỏa sáng. Và họ yêu điều đó, cuộc sống đôi lúc cần những trở ngại và khác biệt để con người nhận ra giá trị thực sự của bản thân, đừng mặc cảm mà hãy luôn tự hào rằng vì có ta cuộc sống mới sống động qua từng lối nghĩ rất riêng!

ĐỀ BÀI || Một vấn đề mà em đang quan tâm.

Bài viết của Phó Đỗ Uyên
Lớp 9/6, trường THCS Bình Tây,
Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

BÀI LÀM

Tuổi thơ luôn là mảnh kí ức đẹp nhất mà ai cũng muốn sống mãi. Tái hiện lại khung cảnh làng quê với tuổi thơ, bộ phim *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* ra mắt dựa theo truyện dài cùng tên của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Nhưng dù là phim hay truyện, tôi vẫn chú ý đến thói ích kỉ của Thiều và lòng bao dung tha thứ của Tường, bên những tháng ngày hồn nhiên ấy.

Ích kỉ là nguồn gốc của mọi sự tàn ác. Từ lâu, ích kỉ luôn tồn tại trong ta. Ích kỉ nghĩa là làm việc chỉ đem lại lợi ích cho bản thân. Người ích kỉ chỉ biết nghĩ đến mình mà quên rằng: “*Con người chỉ có một cánh, vì vậy cho nên chúng ta phải ôm nhau để học bay*”. Vậy hậu quả của ích kỉ là gì? Đó là lòng đố kị, ghen tức người khác mà quên ngắm nhìn khoảnh khắc tươi đẹp của cuộc sống. Lòng ích kỉ khiến ta phải mang một túi đá vô dụng bên mình mà bỏ quên những hành lí khác, của tình yêu, hi vọng, niềm tin... Ích kỉ chỉ khiến ta mệt mỏi, chỉ lo giữ tất cả cho mình mà quên rằng mọi thứ chỉ là nắm cát, ta càng nắm chặt thì những hạt cát trong lòng bàn tay ta cứ tuôn ra không ngừng qua kẽ tay. Nhưng bên cạnh đó vẫn có những người có

tấm lòng bao dung vị tha, như bé Tường, tuy là em nhưng luôn nhường nhịn và tha thứ cho anh mình.

Tấm lòng của con người cũng như trái tim được chia thành nhiều ngăn nhỏ. Và ôm trọn hết tất cả là lòng yêu thương, rộng lượng, là trái tim cao cả với nhịp đập của tình yêu. Lòng bao dung cũng như lòng ích kỉ, không thể cân đo, đong đếm mà biết được, nó thể hiện qua hành động của lí trí và trái tim. Khác với ích kỉ, lòng bao dung giúp ta bỏ xuống chiếc túi phiền muộn, và khi đôi vai ta bỏ đi một gánh nặng, ta sẽ giảm mệt mỏi. Lúc ấy, chính hành lí tình yêu sẽ nâng ta bay lên bằng đôi cánh của hạnh phúc, đón cơn gió mát của niềm tin và hi vọng, cho ta tận hưởng cuộc đời một cách trọn vẹn.

Trở lại với câu chuyện tuổi thơ của Thiều và Tường trong *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*...

Thiều... tuy anh nhưng lại chơi xấu em mình. Khi thấy Tường và Mận lén ăn thịt gà sau lưng mình, cậu đã hồ đồ lấy roi vọt vào lưng em đến nỗi Tường phải nằm liệt giường, để rồi ân hận phát hiện ra đó chỉ là trò chơi đồ hàng mà trẻ con trong xóm vẫn thường chơi.

Tường... tuy là em nhưng lúc nào cũng nhường nhịn, thương yêu anh hết mực. Khi bị Thiều đánh, Tường không oán trách mà còn dặn anh đừng nói với ba mẹ là mình đánh em, mà hãy nói Tường leo cây bị ngã.

Sự bao dung, tha thứ của Tường đã trở thành sức mạnh của tình yêu thương để cảm hóa lòng ích kỉ, đố kị của anh mình. Vì: *Sự ích kỉ luôn cần được tha thứ, bởi không có hi vọng về thuốc chữa* (Jane Austen).

Tôi và bạn, chúng ta đã quẳng gánh lo mà ích kỉ đem lại chưa? Tôi và bạn, chúng ta đều là nạn nhân của lòng ích kỉ. Và người tạo ra nó, lại chính là chúng ta. Vậy ta là thủ phạm.

Tôi và bạn, chúng ta đang bị lớp tuyết dày, lạnh giá phủ lên lòng vị tha của chúng ta. Và chúng ta cố đào để tìm kiếm nó, trong khi tuyết vẫn đang rơi, thì làm sao ta có thể tìm thấy. Dường như, tôi và bạn, chúng ta đã đào sai chỗ, và hốt hoảng, chúng ta muộn màng nhận ra, làm sao đây, chúng ta đã “vô tình” chôn vùi nó.

Tôi và bạn, tìm người cứu cứu. Và thật gần, nhưng ta không bao giờ đến được: tuổi thơ. Tuổi thơ, thế giới không có sự ích kỉ, cũng chẳng chút đố kị, hờn ghen. Nhưng bước ra ngoài thế giới đó là những hung thần, biến trái tim bé nhỏ của chúng thành hung thần như họ. Ranh giới giữa hai thế giới thật mỏng manh, khi đã bước ra thì không quay về được nữa, khiến không ít người nuối tiếc thốt lên: “*Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*” để thấy được tuổi thơ tuy nhỏ nhưng lại là khoảng trời mệnh mông, cư dân ở đó tuy nhỏ nhưng tâm hồn còn rộng lớn hơn mình, là dòng nước mát cuộn đi sự ích kỉ, đố kị.

Điều duy nhất con người có thể làm là cố gắng dập tắt ngọn lửa ích kỉ, để nước mát của lòng bao dung chảy trong tim. Ta không thể ngồi trên chuyến tàu cổ tích ở xứ sở thần tiên. Ta cũng không thể bước lên cỗ máy thời gian của Đorêmon mà quay về quá khứ. Vì vậy, hãy xóa bỏ những hận thù, nhỏ nhen của lòng ích kỉ để sống trọn vẹn từng giây phút ngay bây giờ.

Trong xã hội hiện nay, con người bị cuốn theo guồng quay của công việc, tiền tài, đánh mất lòng bao dung, tha thứ. Nhiều vụ đánh nhau xảy ra phần lớn vì tính ích kỉ đang bám rễ trong lòng họ. Đức tính ấy, ban đầu là một vị khách ghé thăm, sau trở thành một người bạn và là chủ nhân cai trị trái tim ta, gây ra hận thù, dẫn đến sự hồ

đồ không đáng có. Mọi người hãy tha thứ và bao dung, nhưng cũng đừng tha thứ lỗi lầm của bản thân, để nhắc nhở bản thân sống tốt hơn, và hãy nhớ lòng bao dung của người khác, sẽ chia ngọn lửa ấm áp ấy, xua tan băng giá giữa người với người trong thế giới này. Lòng tốt, sự bao dung, tha thứ được sẻ chia, ích kỉ sẽ rời bỏ chúng ta.

“*Một thìa muối hòa vào cốc nước, cốc nước trở nên mặn hơn. Một thìa muối hòa vào dòng sông, dòng sông vẫn ngọt ngào*”. Sự ích kỉ làm lòng ta nhỏ bé, lòng bao dung tha thứ làm ta to lớn. Tâm hồn bạn là cốc nước hay dòng sông?

*Ngồi im trong gió nghe đêm rớt
Chợt thấy hoa vàng trên cỏ xanh.*

Và hãy im lặng lắng nghe cách trẻ thơ tha thứ, bạn sẽ học được rất nhiều điều từ tâm hồn ngọt ngào của chúng đấy!

TUYÊN CHỌN VÀ GIỚI THIỆU NHỮNG BÀI VĂN ĐẠT ĐIỂM CAO Ở CÁC TRƯỜNG

ĐỀ THI | Có ý kiến cho rằng: “*Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc sống của con người*”. Anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**Bài đoạt giải Ba kì thi HSG của Trần Minh Thu,
học sinh lớp 9A, trường THCS Châu Thành,
Thành phố Vũng Tàu, năm 2002 – 2003**

BÀI LÀM

*Trải qua một cuộc bể dâu
Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình
Nỗi chìm kiếp sống lênh đênh
Tổ Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều.*

(*Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tô Hữu*)

Trên bước đường của văn học, đặc biệt là nền văn học trung đại Việt Nam. Thật là một thiếu sót lớn khi chúng ta bỏ lỡ tác phẩm *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du. Và rồi lịch sử văn đàn cuồn cuộn, tác phẩm *Đoạn trường tân thanh* nay đã trở thành *Truyện Kiều* vẫn luôn sống, luôn tồn tại song song với những thời đại mà tác phẩm đã đi qua. Chính vì vậy mà có ý kiến cho rằng: *Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du có ảnh hưởng rất lớn trong cuộc sống của con người*.

Dẫu đã hơn hai trăm năm, những tư tưởng cao cả, những giá trị tinh thần không những không trở nên lạc hậu mà ngược lại, thời gian càng đánh bóng chúng lên, đưa *Truyện Kiều* trở thành kiệt tác hàng đầu của nền văn học cổ điển, đồng thời tác phẩm còn đưa tên tuổi Nguyễn Du trở thành bậc danh nhân văn hóa. Từ đó, *Kiều* đi vào cuộc sống dân tộc, tạo một ảnh hưởng to lớn trong văn hóa ở nhiều phương diện như: nghệ thuật, diễn xướng, sinh hoạt, tín ngưỡng... Vậy sức ảnh hưởng đó lớn như thế nào và giá trị nào của *Truyện Kiều* đã tạo nên tầm ảnh hưởng ấy.

Tôi biết *Truyện Kiều* từ những ngày đầu tiên tiếp xúc với môn Văn qua một lần được nghe trên đài hát. Đó là chiếc đài cũ kỹ của ông ngoại mang từ dưới quê lên, mỗi tối đi ngủ ông bật lên để nghe, lần đó nghe người ta hát *Kiều* trên đài, tôi chỉ loáng thoáng được vài câu. Thấy hay nên cứ lằm nhằm cả buổi tối hôm đó:

*Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Truyện Kiều đến với người đọc một cách bình dị như chiếc đài, mặc dù những lời thơ đó được viết ra từ một con người quý tộc, sống trong gia đình có truyền thống nhiều đời làm quan.

Từ cuốn sách gởi đầu giường đến kiệt tác văn học Việt Nam, *Truyện Kiều* đi qua bao năm tháng. Ngoại bang cũng nhiều mà nội chiến cũng không ít, ấy vậy mà từng câu, từng chữ của tác phẩm này lại được người dân chắt gọt, truyền đi bao đời, kể cho bao thế hệ. Đây chẳng phải cái điều đáng quý đó sao, khi mà người dân Nam ta có nhiều người một chữ bẻ đôi cũng không biết vậy mà họ có thể đọc vanh vách 3254 câu thơ lục bát trong *Truyện Kiều*.

“Bói Kiều, trò Kiều, lấy Kiều, ngâm Kiều, vịnh Kiều”... Các loại hình nghệ thuật, tín ngưỡng đi ra từ *Truyện Kiều* từ lâu đã ăn sâu vào nếp sinh hoạt của người dân Việt Nam. Đó là sự ảnh hưởng to lớn của các nhân vật trong *Truyện Kiều* như: Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải, Tú Bà, Sở Khanh... Thương thay Thúy Kiều phải bán mình để lấy tiền chuộc cha, dứt tình gửi em. Xót thay Từ Hải giữa vòng vây giặc, chết vững tường thành. Căm thay Tú Bà buôn thịt bán người, giở lời mật ngọt. Thù thay Sở Khanh gian trá xảo tà, đầu lờ Ngưng Bích. Tất cả những nhân vật ấy là những hình ảnh trong xã hội phong kiến. Lũ dê tiện buôn người, kẻ mưu cao tài trí. Rồi ở đó là mối tình đẹp như tranh của Kim Trọng – Thúy Kiều, là nỗi đau đớn vô cùng trong chuyện tình của Thúy Kiều – Từ Hải. Sao thấu được, sao hiểu được cái giá trị tinh thần ấy nếu như không có những nét văn hóa cao đẹp kia. So với việc ngồi cặm cụi học *Truyện Kiều*, có chẳng xem bói Kiều, nghe hát Kiều, chơi trò Kiều sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về *Truyện Kiều* qua lời hát, lời dạy của các bậc tiền nhân.

Nếu như ở các tác phẩm khác như *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, ở hiền sẽ gặp lành, một chủ đề quen thuộc trong văn học trung đại Việt Nam, thì ở *Truyện Kiều* ở hiền chưa chắc đã được gặp lành, bằng chứng là con người tài sắc như Thúy Kiều vẫn phải: *Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*. Đó là hiện thực cuộc sống, phũ phàng lắm, nhưng đó là sự thực, ở hiền chưa chắc đã gặp lành. Nguyễn Du đã khai thác được điều đó và tạo nên thi phẩm hàng đầu của nền văn học trung đại.

Tôi học lớp Chín, năm nay tôi được tiếp xúc với *Truyện Kiều* nhiều nhất và cũng là năm đầu tiên tôi chạm vào kiệt tác này. Song, tôi vẫn còn thấy có nhiều bạn chưa thực mặn mà với *Truyện Kiều*, thậm chí một câu *Kiều* cũng không thuộc. Ủ, có thể văn bạn không thực sự thích, nhưng cái gì thuộc về truyền thống, cái gì thuộc về văn hóa ít nhiều các bạn cũng phải hiểu được. Cũng như các bạn, tôi chưa đủ từng trải, chưa đủ những kinh nghiệm để có thể hiểu được hết *Truyện Kiều*. Nhưng tôi vẫn đúc kết và học hỏi hằng ngày vì *Truyện Kiều* là nguồn sống tinh thần của tôi, dẫu chỉ có 3254 câu thôi. Vâng, chỉ có vậy thôi nhưng không biết rằng đi hết cuộc đời này, tôi có thể hiểu hết được hay không?

Từ giây phút *Truyện Kiều* ra đời, mọi thứ trong nền văn học trung đại đã thay đổi, ngôn ngữ phong phú hơn, thể loại đa dạng hơn, thể thơ lục bát phổ biến hơn và tác phẩm đã trở thành đỉnh cao của thể loại truyện thơ lục bát. Ảnh hưởng của *Truyện Kiều* trong đời sống từ đó mà nhân rộng, từ già đến trẻ, dẫu nam hay nữ đều tha thiết muốn biết đến *Truyện Kiều* như một người quen đã từ lâu mà mình bỏ quên trong tủ sách. Người Việt ai không biết *Truyện Kiều*, chỉ có tên người đời khi người ta lại bỏ lỡ. Nhưng dẫu vậy thì có sao nhỉ:

*Bà cụ không nhớ tên Nguyễn Du đâu có gì đáng trách
Một cái tên như bao cái tên thường
Nhưng cụ đã gửi lòng trong áng sách
Theo dõi đời Kiều từng đoạn từng chương.*

Vâng, người ta có thể quên tên người làm thơ, nhưng... đừng quên thơ.

ĐỀ THI | **Có ý kiến cho rằng: “Ca dao là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc”. Anh (chị) hãy chứng minh ý kiến trên.**

**Bài đoạt giải Nhất kì thi HSG của Đình Công Tuấn Anh,
học sinh lớp 9/5, trường THCS Vũng Tàu,
Thành phố Vũng Tàu, năm 2003 – 2004**

BÀI LÀM

Ca dao là tiếng nói người xưa vọng về nuôi lớn nguồn tri thức, hiểu biết, tình cảm của con người Việt Nam. Người nghệ sĩ lấy nghệ thuật mà sẻ chia nỗi buồn niềm vui: họa sĩ có thể vẽ cả cuộc đời mình qua một bức tranh, ca sĩ đồng cảm với câu hát, nhạc sĩ gửi hồn mình vào trong điệu nhạc, nhà văn viết lên cái nhìn, quan điểm bản thân về thế giới... nông dân, lao động đem nỗi niềm vào trong ca dao. Ca dao là số phận của một tập thể người; là góc khuất của những người bất hạnh; là kinh nghiệm sáng tạo trong lao động; là cả thế giới nội tâm con người đa màu sắc... Ca dao là thơ miêu tả, khám phá cuộc sống ngoại tại và nội tại của chủ thể trữ tình (nhân dân) vậy nên ca dao được xem là *tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc*.

Như một bản giao hưởng dài bất tận nhưng chưa bao giờ làm người nghe cảm thấy nhàm chán. Bởi trong bản giao hưởng đó ta nghe được những nốt bổng, nốt trầm lúc nhanh lúc chậm, lúc da diết, lúc sôi nổi... tất cả đều là thứ âm thanh của cuộc sống thăng trầm mà người lao động xưa gửi vào điệu, vào vần. *Ca dao cũng là một loại thơ rất riêng* (Xuân Diệu); nếu ca dao là thơ, là văn chương thì đều lấy con người làm trung tâm để khai thác trên nhiều khía cạnh như tâm tư, tình cảm, cuộc sống hoàn cảnh... Có thể ví ca dao như một cuốn nhật kí, sổ ghi chép chung được lưu hành trong giới bình dân. Tác giả dân gian truyền tay nhau ghi thêm, sửa lại, tô điểm nó, biến nó thành điểm tựa tinh thần vững chắc mang màu sắc của ước mơ, khát vọng, niềm vui, nỗi buồn trong lao động theo năm tháng.

Là cái phôi sản sinh ra thơ, là nền tảng tri thức cho thơ trung đại Việt Nam. Nếu thơ trung đại và hiện đại cần có độ uyên bác và tri thức, chữ viết nhất định thì ca dao lại không đòi hỏi những yếu tố đó, nhưng thay vào đó ca dao lại có những yêu cầu cao về óc sáng tạo, có con mắt nhìn nhận, quan sát tinh tế.

Ca dao là sản phẩm được sáng tạo bởi quần chúng nhân dân, nội dung mang tính chất chung cũng lại rất riêng, gần gũi với tập quán sinh hoạt của con người. Ngay từ thừa lọt lòng, ca dao đã dành cho trẻ những bài hát đơn sơ, mộc mạc nhưng du dương, ngọt ngào để đưa trẻ vào giấc ngủ êm đềm. Ca dao trở thành món ăn tinh

thần hay nhất sau những ngày làm việc mệt mỏi với những hình thức diễn xướng khác nhau. Ca dao quyện chặt vào đời sống con người, con người tô điểm ca dao, trân trọng ca dao, giữ gìn tiếng xưa ấy. Bởi đó là những rung cảm mãnh liệt, tinh tế, đa dạng, kín đáo, sâu sắc tô đậm thêm vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam. Hồn người Việt luôn tỏa sáng dưới góc nhìn ca dao.

Được ví như cây đàn muôn điệu – ca dao rung lên những tiếng tơ lòng của người dân đất Việt. Những câu ca đằm thắm, trữ tình mang chở cả điệu tâm hồn và chứa chan những tình cảm thiết tha, sâu nặng, đặc biệt là tình cảm gia đình. Những lời hát ấy đã đi sâu vào tiềm thức mỗi người qua tiếng ru của bà, của mẹ và nhắc nhở chúng ta về công ơn trời biển của mẹ cha:

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.*

Bài ca dao như một lời nhắn nhủ nhẹ nhàng mà tha thiết. Phép so sánh được sử dụng liên tiếp khiến hai câu thơ vừa cụ thể, vừa gợi hình, sinh động. Công cha và nghĩa mẹ được ví với những hình ảnh thiên nhiên vĩnh hằng: “núi ngất trời”, “nước biển Đông”. Ông cha to lớn không thể đo đếm còn tình mẹ thương con sâu nặng, đong đầy. Những lời thơ gợi nhắc về công ơn sinh thành dưỡng dục bao la vô tận của mẹ cha. Công ơn ấy được cụ thể hóa bằng “chín chữ”. Đồng thời, tác giả dân gian khuyên răn kẻ làm con phải có bổn phận chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ để đền đáp công ơn ấy. Những lời ca dao thấm đượm nghĩa tình như ru hồn người vào thế giới của đạo lý, yêu thương.

Đền với ca dao là đền với tâm hồn Việt Nam, với trái tim Việt Nam. Một quê hương Việt Nam với những cánh cò bay, dòng sông lặng lẽ trôi, hoa bưởi trắng những đêm soi bóng nước, hay chiếc đò như khúc nước, chiếc cầu tre lắt léo chênh vênh. Đường như mọi cảnh đẹp mà bình dị. Nhưng văn học khác với hội họa hay âm nhạc nhờ ngôn ngữ rất riêng và độc đáo. Văn học còn thể hiện những khía cạnh khác, lột tả một chiều sâu, chiều rộng trong cuộc sống mà các ngành nghệ thuật khác không thể thay thế. Chính vì vậy mà sức tồn tại của văn học luôn được ví như một tòa nhà vững chắc cùng với thơ ca, ca dao cũng góp phần không nhỏ trong việc khẳng định sự giàu đẹp của quê hương. Nó không chỉ khái quát một vẻ đẹp đơn thuần mà từ đó đi sâu vào cuộc sống, đến với tâm hồn của mỗi con người. Chẳng khó hiểu nếu như nói ca dao chính là cái nền vững chắc cho văn học từ đó đi lên, cuộc sống đời thường và cuộc sống tình cảm của con người luôn hòa quyện sóng đôi. Đến với cuộc sống là câu ca dao đã đi đến với con người. Câu hát của người lao động luôn vang lên qua từng câu tha thiết:

*Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.*

Có đồ giọt mồ hôi để làm ra vật chất, người ta mới thấu hiểu được giá trị của sức lao động. Và từ đó biết trân trọng thành quả do mình hay người khác làm ra. Câu ca dao làm ta sức nhớ đến bài học ngày còn tấm bé: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

Ca dao đẹp vì có những màu sắc tươi mới, chớm nở của tình cảm lứa đôi; sự đậm đà thủy chung của đời sống vợ chồng; men theo những tiếng cười châm biếm là

những bài học đạo lí làm người bổ ích... Và đâu đó trong ca dao là nước mắt của những số phận bất hạnh đang than thân... Tiếng than thân kín đáo gửi vào ca dao. Đó là kết quả của xã hội bắt đầu phân chia giai cấp, bắt đầu có sở hữu, là xã hội phong kiến tập quyền mà trong đó: *Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*. Người xưa vẫn nói:

*Tieu mới sầu không có gì bằng âm nhạc
Dứt được cơn giận không có gì bằng thơ.*

Âm nhạc bình dân, thơ bình dân – ca dao là nơi giải tỏa mối sầu, cơn giận của những người phụ nữ chịu lắm bất công, vương phải những nút thắt cuộc đời khó mà tháo gỡ:

*Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai.*

Cuộc đời đã sinh ra em, cho em tất cả, em như tấm lụa – có giá trị, còn là lụa đào, em có vẻ đẹp tư dung, nhưng cũng cuộc đời đã đẩy em vào phiên chợ mà phụ nữ còn đâu là sự đề cao, còn đâu là sự trân trọng của xã hội? Xã hội chỉ đây rẫy những thứ hỗn tạp là tiền, là của, là chức quyền... Chỉ qua những điều đó thôi cũng đủ đưa cả một số phận con người từ có giá trị đến vô giá trị, từ cố định đến vô định, quản mãi, đường cùng mãi... – “biết vào tay ai”. “Chợ” vốn là nơi con người trao đổi hàng hóa bằng tiền, bằng vật chất. Em được mua bằng tiền, được người trao đổi bằng vật chất ngay giữa chợ vậy có thể xem vui mà ví rằng: “Thân em là hàng hóa”. Trong cái khoảnh khắc nhỏ bé của cuộc đời chơi với, người phụ nữ hốt hoảng bưng tỉnh khi thấy rõ trước mắt một tương lai không mấy tốt đẹp, mù mịt, đáng sợ nhưng rồi cũng nhắm mắt cho xuôi theo kiếp đàn bà: may mắn thì gặp “chủ” tốt, đen đui thì ôm phận hẩm hiu *ngày ngày chịu những cay đắng*. Những cô gái xuân sắc bị đặt vào “hai cỏi vô cực”, trò chơi may – rủi của số phận. Cô gái tự hỏi: “Ai đặt em vào đây?”. Ở đây người đặt số phận em vào vòng luân quản, không phải chỉ một mà là cả một xã hội. Người như em, nước mắt rỏ dòng dòng nhưng em không phải là một hay hai người mà là rất nhiều, hầu hết cùng chung số phận, một kiếp đắng cay:

*Thân em như giếng giữa làng
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.*

Mô típ “thân em” với một mệnh đề so sánh gặp hầu hết trong các thể loại ca dao than thân. Người phụ nữ ví mình như vật: “giếng”, “hoa”, “lụa đào”, “mưa sa”... Phải chăng vì họ biết vật là những thứ vô tri vô giác luôn thuộc quyền sở hữu của người khác, luôn bị động, được sử dụng nhằm phục vụ, thỏa mãn cho những mục đích khác nhau của con người; và thân phận họ cũng vậy. Vật có giá trị hay không đều là do người sử dụng định đoạt, từ đó mà ra cách đối xử. Người khôn sẽ nhìn thấy cái đẹp bên trong con người em mà nâng niu mà đối tốt. Nhưng người khôn lại ít người phàm lại nhiều. “Người rửa chân” – vấy lên em những vết bẩn cuộc đời, bùn nhơ nhớp vùi đi những vẻ đẹp giá trị của em. Chân người phàm chà đạp em đẩy em đến “giữa làng” làm vật sở hữu chung cho mọi người. Em lơ trôi giữa cuộc đời không điểm tựa, không lối thoát, không thể dứt mình ra khỏi tiếng đời sau mấy lần “người phàm rửa chân”. Tiếng khóc thương phận mình, tiếng oán hờn đến những người không biết đến giá trị vẻ đẹp của người phụ nữ, tiếng lo cho cuộc đời nói trên như giữa chốn bẽ khơi được em gửi vào ca dao. Ca dao than thân là một bản tố khổ nói lên nỗi niềm bất hạnh của những người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến đương thời, qua đó còn kín đáo đại diện cho một tầng lớp lên án những điều bất công, bộ mặt lạnh lùng của đồng tiền, chức quyền đã vùi đi những giá trị thật tôn lên

những thứ cận bã, thối nát... Những cơn giận của người phụ nữ với cuộc đời, những mối sầu không biết giải bày cùng ai đã được dứt được tiêu bằng thứ thơ, thứ nhạc ca dao. Ca dao là nguồn điểm tựa tinh thần cho người bình dân Việt Nam. Người Việt Nam tìm đến ca dao khi buồn, khi lo lắng, khi nhiều ưu phiền nhưng không phải lúc nào ca dao cũng mang đi tính bi quan, bởi ngoài gam màu trầm của ca dao than thân còn là những gam màu tươi sáng, tự do, bình đẳng của tình yêu lứa đôi và tình cảm vợ chồng mặn nồng đó còn là sự gắn kết quện chặt của tình làng nghĩa xóm.

Trong thơ trung đại Việt Nam rất đề cao chữ “tiết” ở người phụ nữ, còn là sự ràng buộc khắt khe ở chữ “tòng” đó chính là sản phẩm của tư tưởng học thức Nho giáo của tầng lớp tri thức. Điều này vô tình trở thành bức tường vô hình trói chặt sự tự do khi biểu đạt tình cảm trong tình yêu nam nữ. Nhưng ca dao lại khác, ca dao là sản phẩm của tầng lớp lao động thấp bé, ít học thức nên cũng ít bị ràng buộc, thắt chặt trong tư tưởng, định kiến về tình yêu. Trong tình cảm của người bình dân thấy được sự rộng rãi, nam nữ được quyền tự do bày tỏ không phân biệt đến tầng lớp, giàu nghèo:

*Cô kia đứng ở bên sông
Muốn sang anh ngã càngh hông cho sang.*

Song với sự tự do bày tỏ vẫn là nét đẹp kín đáo, tế nhị của người Việt Nam nói riêng và nền văn hóa phương Đông nói chung. Một lời ước hỏi tế nhị của chàng trai với cô gái *muốn sang anh ngã càngh hông cho sang*, xét trên thực tế đây là cách bộc lộ tình cảm chân thật của chính chàng trai. Vì ở đây không phải là cô gái muốn sang mà là anh chàng này đang muốn sang bên kia sông. Tính phi lí khi con sông không thể nhỏ bằng càngh hông hay càngh hông không thể lớn bằng con sông, điều này còn thể hiện tính sáng tạo đến vượt bậc của tác giả dân gian lấy cái “phi lí” làm lối nói ẩn dụ mà ngụ ý, ngụ tình. Trong hầu hết các bài ca giao duyên Việt Nam thường mang những mô típ phi lí chẳng hạn:

*Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.*

Sẽ chẳng có con sông nào rộng một gang, cũng sẽ không có cầu dải yếm nhưng đó chính là những ước mơ gửi gắm vào cái phi lí. Trong xã hội phong kiến tập quyền pha lẫn chất tư tưởng Nho giáo, dù có sự phóng khoáng trong cách bộc lộ tình cảm của người bình dân nhưng vẫn có những hoàn cảnh cha mẹ đặt đâu con ngồi đó. Vì vậy mà ước mơ của những cặp trai gái được gửi vào những thứ lớn lao như được hóa ra cầu dải yếm, ra sông một gang... hóa đi những thứ khó khăn cản trở họ thành những màu sắc đưa họ đến với nhau thành vợ thành chồng. Ca dao giao duyên được xem như lời tựa mở đầu cho những cuộc gặp gỡ mà những người trong cuộc sẽ nhận ra tình ý của nhau. Còn là tấm lòng ao ước có được tình yêu mở ra cho tình nghĩa vợ chồng son sắt thủy chung:

*Muối ba năm muối đang còn mặn
Gừng chín tháng gừng hãy còn cay
Đôi ta nghĩa nặng tình dày
Có xa nhau đi nữa ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.*

Ca dao tình nghĩa vợ chồng phần nào đã phác họa lên đời sống sinh hoạt thôn quê Việt Nam ẩn qua hai hình ảnh “muối”, “gừng”. Đi sâu vào văn hóa, tập quán, thói quen của hầu hết các gian bếp gia đình phương Đông thì muối và gừng là hai loại gia vị không thể thiếu trong mỗi bữa ăn. Hai loại gia vị này có độ nồng nhất định

gợi lên sự nồng ấm, sâu sắc, mặn mà trong tình cảm vợ chồng người Việt Nam. Tình cảm ấy không chỉ cháy khi đang yêu, khi đang ấm êm hạnh phúc mà độ nồng của gừng, muối ấy còn là thuốc để chữa lành những vết thương tinh thần khi người lao động phải sống dưới ách thống trị của bọn chúa đất thổ ti, dưới bộ mặt lạnh của đồng tiền. Vợ chồng gắn kết luôn có nhau khi gian khó, khi ốm đau, khi bệnh tật, chăm sóc yêu thương nhau đi đến cuối cuộc đời, đó chính là nét đặc trưng trong lối sống hôn nhân của người Việt Nam ta. Nếu trong văn học trung đại, thơ trung đại Việt Nam trọng chữ “tiết” ở người phụ nữ trước khi kết hôn thì trong văn học dân gian, ca dao thi lại đề cao “nghĩa”, “tình”, sự dồn dập với số lượng nhiều về mặt tình cảm nhưng chưa bao giờ nguôi, dừng lại hay yếu đi, nó luôn cháy, luôn nồng, luôn vẹn nguyên tròn đầy. Giống như “muối đang còn mặn” dầu đã ba năm, “gừng hầy còn cay” dù chín tháng đã qua tình cảm vợ chồng luôn còn đó, luôn được đong đầy, luôn được tạo thêm độ nồng giống muối, gừng (*gừng càng già càng cay*)... Tác giả dân gian rất thông minh khi đưa ra lối giả định: “lỡ có xa nhau”, rồi lại khẳng định chắc chắn rằng: “ba vạn sáu nghìn ngày mới xa”. Một đời người chỉ để thực hiện đầy đủ trọn vẹn tình nghĩa vợ chồng dù có xa nhau về thể xác nhưng chưa bao giờ xa về tâm hồn. Vợ chồng Việt Nam là thế luôn là sự gắn bó sắt son lâu bền, luôn nồng ấm dù thời gian đi qua và cuối cùng chỉ có cái chết mới chia lìa được thứ tình nghĩa đó.

Người Việt Nam ta rất nặng về tình về nghĩa. Trong cái lí cái hay cái đẹp, song song với đó vẫn luôn là tiếng nói phê phán cái xấu, cái ác. Sự phân định rạch ròi: tốt – xấu, đúng – sai... đó chính là cái cốt lõi của những bài học đạo lí làm người của ông cha ta gửi gắm qua những câu ca dao hài hước mang tính châm biếm, trào phúng:

Làm trai cho đáng sức trai

Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.

Bài ca dao phê phán những kẻ lười biếng lao động sống nhỏ bé tầm thường. Khi nghe câu trên người đọc sẽ vẫn chưa thấy được tiếng cười giòn tan, cho đến khi đọc được vế sau câu hai: “gánh hai hạt vừng”. Tác giả dân gian tạo nên sự tò mò ở người nghe có tâm lí chờ đợi nên lại ở chi tiết “khom lưng”, “chống gối” hẳn sẽ làm điều gì đó to lớn, trọng đại nhưng lại nở ra tiếng cười giòn tan ở chi tiết “hai hạt vừng” nhỏ bé tầm thường. Ngụ ý trong tiếng cười ra nước mắt này là chê bai, dạy dỗ cho con cháu, đặc biệt là cho những người có đầy đủ chân tay, sức lao động nhưng lại né tránh việc khó, nặng nhọc, sống ích kỉ tầm thường. Cười chế giễu những người đàn ông không đáng sức trai. Không dừng lại ở việc dạy dỗ, phê phán, chê bai mà ca dao trào phúng còn tạo ra những tiếng cười sảng khoái sau những giờ lao động mệt mỏi thể hiện tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lí nhân sinh lành mạnh của con người Việt Nam.

Không chỉ có ca dao hài hước mới phê phán hay lên án những mặt xấu của con người mà cũng có không ít những bài ca dao thẳng thắn nói lên hiện thực xã hội:

Ban ngày quan lớn như thần

Ban đêm quan lớn tầm ngầm như ma.

Người nông dân Việt Nam xưa luôn ghét thói đạo đức giả, sự bùng bít che đậy của bọn tham quan với những lỗi lầm của mình. Vì vậy mà người lao động không còn kín đáo phê phán qua những tiếng cười ra nước mắt nữa mà đã nghiêm túc đứng lên không ngần ngại tố giác lên những bộ mặt đen tối của xã hội phong kiến đương

thời. Họ tố lên những người lãnh đạo, những người cấp cao (tham quan) cũng đồng nghĩa với họ không chỉ quan tâm đến đời sống của riêng mình mà là cả một tập thể – làng xóm. Họ quan tâm đến đất nước có đi lên, phát triển hay không. Đó còn là ý thức dân tộc đến quyền tự do ngôn luận trong hoàn cảnh không có tự do báo chí.

Ca dao còn là lời nhắc nhở đến những con người mang dòng máu Rồng Tiên về ý thức cội nguồn, trách nhiệm của mỗi công dân Đại Việt:

*Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.*

Hay:

*Mài nghiêng tháp bút chưa mòn
Hỏi ai gây dựng nên non nước này.*

Tưởng nhớ công lao của những người đi trước – không chỉ là hướng về cội nguồn mà còn gắn kết bền chặt, lấy đó làm nền tảng mới cho “tinh”, “nghĩa” được nâng lên thành một ý nghĩ mới đậm tính Việt Nam: yêu thương con người:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

Nước ta nằm ở vị trí ven biển, nhiều con sông lớn có điều kiện phát triển nhưng cũng thường xuyên phải hứng chịu những cơn lũ lụt. Khác với nền văn hóa du mục ở phương Tây do còn nhiều khó khăn, do hạn hán, lụt lội mà phải tiếp tục vụ mùa nên người Việt Nam nói riêng và người phương Đông nói chung đã sống gắn kết với nhau, với tinh thần “tương thân tương ái” cùng nhau khắc phục thiên tai chế ngự thiên nhiên. Điều này đã một phần lí giải cho tình yêu thương con người rộng lớn, tính trọng tình nghĩa (tình làng nghĩa xóm) của người Việt Nam. Nó đã trở thành nét đẹp truyền thống, tinh thần cơ bản của người lao động xưa nay trên mảnh đất Việt.

Tâm hồn Việt, con người Việt là thế luôn sống với tình cảm tự nhiên, mộc mạc, đơn giản mà vô cùng phong phú. Nó đa sắc, đa cảm xúc. Người Việt Nam sống sâu đậm luôn đặt tính dân tộc lên hàng đầu, luôn yêu thương, sẻ chia, cảm thông... Tất cả những điều đó đều được tác giả dân gian tinh tế đưa vào ca dao, lấy đó làm niềm vui tinh thần cho cuộc sống thêm đẹp dù vẫn còn nhiều đắng cay, vất vả. Khúc hát dân tộc sẽ mãi vọng về theo thời gian, vượt qua bao “tay người” bao biến cố lịch sử tới con cháu đời sau. Con cháu đời sau lại lấy đó làm điểm tựa để luôn sống và nhớ về cuộc sống lao động, đạo lí làm người mà tổ tiên đã trao lại.

BÀI LÀM 2

**Bài đoạt giải Ba kì thi HSG của Dương Vân Nga,
học sinh lớp 9B3, trường THCS Huỳnh Khương Ninh,
Thành phố Vũng Tàu, năm 2003 – 2004**

Ca dao ra đời từ ngàn xưa, gắn với cuộc sống trăm đắng ngàn cay nhưng đậm tình nặng nghĩa. Những câu hát phản chiếu đời sống tâm hồn, đời sống tinh cảm của người bình dân, chứa đựng những đạo lí dân gian sâu sắc.

Ca dao là lối văn truyền khẩu, trước tiên là do một người vì xúc cảm mà phát hiện ra, rồi vì lời hay, ý đẹp mà lan truyền trong dân gian và truyền mãi từ đời này qua đời khác. Tuy ca dao xuất phát trong giới bình dân nhưng nhiều câu rất nên thơ và ý nghĩa đậm đà, dễ xúc cảm người nghe nên được nhiều người để tâm sưu tầm.

*Có cha, có mẹ có hơn
Không cha, không mẹ như đàn không dây*

Mẹ cha như nước, như mây

Làm con phải ở cho tầy lòng con.

Câu thơ không chỉ nói về công đức sinh thành, giáo dưỡng của cha mẹ mà còn khuyên nhủ, răn dạy mọi người phải ăn ở sao cho đúng đạo làm con. Âu đó cũng là triết lí, quan điểm sống của mỗi con người chúng ta. Hoặc đó cũng có thể là những câu nói khuyên răn về quan hệ giữa anh em, bạn bè.

Anh em như chân, như tay

Như chim liền cánh, như cây liền cành.

Hoặc là những câu ngợi ca tình yêu lao động, trân trọng những giá trị của sự lao động:

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Chính vì khả năng dễ nói, dễ tiếp thu, ca dao đã đi vào đời sống của nhân dân một cách rất tự nhiên và trong mọi hoàn cảnh.

Trong mỗi chúng ta ai cũng có một miền quê, quê hương là cánh đồng lúa thơm ngát, lũy tre xanh trải dài dọc bờ đê, là những hình ảnh thân thương nhất đối với cuộc sống mỗi con người. Hai tiếng quê hương nghe gần gũi và thân thương, đó là nơi chôn nhau cắt rốn, nơi đã nuôi dưỡng ta trưởng thành. Qua ca dao, những hình ảnh của miền quê như trở nên gần gũi hơn, lung linh hơn nhờ những ca từ đầy hình ảnh. Khi nói đến ca dao, chúng ta không thể quên những lời ru con thiết tha triu mến, qua tiếng ầu ơ mẹ ru con, những hình ảnh của miền quê yêu dấu của biển rộng non cao, của gió Lào cát cháy, những người mẹ năm tháng tảo tần “một nắng hai sương” nuôi dạy con khôn lớn. Những lời hát ru của mẹ đã hòa đồng với tâm hồn trẻ thơ, vừa đầm ấm nhẹ nhàng nhưng cũng không kém phần trầm tư sâu lắng. Trong câu hát của mẹ có ánh trăng soi rọi như đưa con vào giấc ngủ êm đềm, có áng mây trôi bồng bềnh trên đỉnh núi, có dòng sông bên lở bên bồi, có mặt biển long lanh ánh bạc và những con thuyền thắp thoáng ngoài khơi xa. Nghe lời ru của mẹ, trẻ thơ như được tiếp thêm nguồn dự trữ lớn lao về lòng yêu quê hương, đất nước, chấp cánh cho tuổi thơ của con thêm vững bước và sáng ngời niềm tin.

Lấy nguồn cảm hứng từ thực tế cuộc sống, ca dao được sáng tạo nên, đó là lời ăn, tiếng nói của ông cha ta tích lũy từ ngàn đời. Đó là những câu nói đúc kết từ những kinh nghiệm thực tế răn dạy con cháu, bao hàm những nội dung mang ý nghĩa triết lí sâu sắc. Đó là những lời ca được truyền tải bằng âm thanh, giọng điệu ngôn ngữ với nội dung nghệ thuật phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. Giống như đại thi hào M. Goor-ki đã nhận định: “Con người không thể sống mà không vui sướng được. Họ phải biết cười đùa, họ sáng tạo nên những bài hát vui tươi, họ thích nhảy múa”. Bởi vậy, ca dao là sản phẩm văn hóa tinh thần và cần thiết đối với mỗi dân tộc, con người.

Những đề tài ca dao bắt nguồn từ thực tế cuộc sống lao động sản xuất và những sinh hoạt đời thường, từ những rung động tinh tế trước thiên nhiên, từ đời sống thuần hậu chất phác của người lao động. Chính vì thế, những hình ảnh ca dao mộc mạc nhưng mang theo bao hơi thở tâm tình, những nỗi niềm thân phận. Toát lên từ những lời ca là ý thức về phẩm giá, nhân cách, là những tình cảm thương nhớ đợi chờ, là khát vọng được sẻ chia, là ước ao về cuộc sống thùy chung mặn nồng.

Ta hãy nghe những lời tình tự trong mô típ “thân em” quen thuộc của ca dao:

Thân em như tấm lụa đào

Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai.

Không ngẫu nhiên đâu, khi những ví von về người phụ nữ lại gắn với hình ảnh “tắm lụa đào” gợi cảm, vừa mềm mại dịu dàng như bản tính cố hữu của người phụ nữ, vừa tươi tắn sắc đào tươi như sức sống mãnh liệt của tâm hồn. Thế nhưng tắm lụa cao quý ấy đã trở thành món hàng trao đổi – phát phơ giữa chợ. Thân phận người phụ nữ ngày xưa là thế, mỏng manh, phụ thuộc không biết đi đâu về đâu giữa dòng đời trong đục khó phân. Bởi thế, lời ca dao như một tiếng than, ngậm ngùi trong câu hỏi vọng lên “biết vào tay ai”? Dẫu phải rơi vào những nghịch cảnh như vậy, những lời ca về “thân em” vẫn toát lên một niềm kiêu hãnh về phẩm giá:

*Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen
Ai ơi, ném thử mà xem
Ném ra, mới biết rằng em ngọt bùi.*

Trong lời ca dao này, chứa đựng cái nhìn dân gian quanh việc đánh giá hình thức – nội dung, hiện tượng – bản chất qua một so sánh trực quan với củ ấu gai nhỏ bé. Vẫn là cách nói nhún nhường thân em, nhưng kín đáo bộc lộ vẻ đẹp “ruột trong thì trắng” đối lập với vẻ bề ngoài đen đui xấu xí. Lời nhắn nhủ: *Ai ơi ném thử mà xem* vừa như trách móc, vừa như thiết tha mong mỗi ai ơi kia sẽ đến với nhau vì cái “ngọt bùi” nồng nàn tình nghĩa. Không chỉ là tiếng nói tỏ bày tấm lòng, bài ca dao còn ẩn chứa nỗi niềm cay đắng thân phận, bởi lẽ người đời đôi khi lại phủ phàng thờ ơ với những vẻ đẹp thực chất mà đui theo cái hào nhoáng bề ngoài. Bởi thế, những tâm tình cất lên như một sự cảnh tỉnh, một lời nhắc nhở con người đến với nhau bằng tấm lòng.

Ca dao có khả năng chất lọc nghệ thuật sống từ chính những cái cụ thể gần gũi trong đời sống hàng ngày để tạo ra những liên tưởng gắn với thế giới tâm hồn phong phú tinh tế, với những tình cảm phức tạp của con người. Một vị khế chua mang theo bao xót xa cho tình duyên không trọn vẹn. Những nghịch cảnh bất công trong cuộc đời cũ luôn là lực cản khiến cho đôi lứa phải chia lìa. Trong những trái ngang ấy, lời ca dao cất lên bao thiết tha nhưng nhớ:

*Mặt trăng sánh với mặt trời
Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng
Minh ơi! Có nhớ ta chằng?
Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời.*

Tâm sự “mình – ta” biết bao quyến luyến! Mô típ “mình – ta” bao giờ cũng đọng lại những ân tình sâu nặng trong đời sống tình cảm của người bình dân. Tình yêu đôi lứa được sánh với ánh sáng mặt trăng, mặt trời, đặc biệt là các liên tưởng gắn với sao Hôm, sao Mai – tuy hai mà một thật khăng khít. Từ đó hướng tới những giá trị cao cả bất tử của tình nghĩa dành cho nhau. Và cũng thật thú vị biết bao khi ánh sao kia lại biến thành “sao Vượt” băng qua bao trở lực đón nhận tình cảm nồng nàn.

Ca dao đã diễn tả nỗi lòng hướng về nhau thật tinh tế:

*Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai.*

Bài ca khá tiêu biểu cho nghệ thuật ca dao với sự lặp lại trong cách diễn tả tâm trạng, cách dùng những hình ảnh biểu tượng, lối nhân hóa để tăng thêm sức sống cho

hình ảnh, cách gieo vần linh hoạt, cách cấu tạo truyền thống kết hợp những câu thơ bốn chữ với hai câu lục bát cuối cùng... Qua nỗi thương nhớ và niềm lo âu được diễn tả trong bài ca, ta nhận ra tiếng hát yêu thương và khao khát yêu thương của người bình dân xưa.

Bên cạnh mảng ca dao trữ tình, ca dao hài hước cũng phản chiếu một khía cạnh khác trong tâm hồn của người bình dân ngày xưa, chứa đựng tinh thần lạc quan, sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng của nhân dân. Không những thế, tiếng cười trong ca dao cũng chính là những uất ức bất bình, những thái độ ứng xử, điều chỉnh hành vi, hướng tới một cuộc sống tốt đẹp công bằng hơn.

Ca dao hài hước chứa đựng cái nhìn, thái độ, tình cảm của người bình dân trước các hiện tượng đời sống, mối quan hệ tình cảm giữa người với người. Không những thế tiếng cười còn là vũ khí tinh thần giúp họ vượt lên bao khó khăn của đời sống. Tiếng cười trong ca dao phong phú nhiều cung bậc, có khi là tiếng cười trào lộng dí dỏm, có khi là tiếng cười chua chát trước sự thật đáng cười đáng chán, cũng có khi là tiếng cười phản kháng trước thực trạng xã hội còn nhiều bất công ngang trái.

Từ thực tại còn nhiều vất vả cay cực, người bình dân đến với nhau trong tiếng đùa vui, mượn tiếng cười ngo bầy tâm tình một cách ý vị:

*Cười nàng anh toan dẫn voi
Anh sợ quốc cấm nên voi không bàn.*

Chàng trai ngỏ lòng với cô gái bằng lời nói khoa trương để cho thấy ngay rằng anh đang đùa. Nhưng liệu có phải hoàn toàn là một lời nói đùa không? Có thể hình dung ra hoàn cảnh của đôi nam nữ yêu nhau qua bài ca dao: họ sống nghèo khổ nhưng vô cùng lạc quan. Lời đối đáp có chút tinh nghịch nhưng cũng thoáng chút ngậm ngùi cho phận nghèo. Ngôn ngữ phóng đại khoa trương khóa lấp đi một sự thật mà người đời quen gọi là “nói khoác” thực ra đã mang một ý vị chua chát đã phá vào những hủ tục ngăn cách con người tìm đến với nhau. Chàng trai đã có những lễ vật dẫn cưới thật sang trọng: dẫn voi, dẫn trâu, dẫn bò... nhưng cuối cùng lại là con chuột béo thật ấn tượng. Lí giải thật hợp tình hợp lý: con voi to đùng kia là hàng quốc cấm – phép nước luật vua không cho phép, dẫn trâu dẫn bò thì lo họ hàng nhà gái máu hàn, rút gân – chứng tỏ chàng trai là người “chu đáo” với đấng gái biết bao! Sợ cho nhà gái hay là một lời đay nghiến, mỉa mai những người đã nghĩ ra chuyện thách cưới ác nghiệt khiến cho đôi lứa phải chịu cảnh dở khóc dở cười. Con chuột béo là một thái độ đáp lại bằng cách giễu cợt cay chua. Nhưng lời đáp lại của cô gái dù đùa vui mà lại ẩn chứa một nỗi lòng đáng quý:

*Chàng dẫn thê em lấy làm sang
Nỡ nào em lại phá ngang như là
Người ta thách lợn thách gà
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang.*

Ngậm chứa trong lời đáp là sự động viên chàng trai vững tâm đi đến hạnh phúc. Vẫn là thách cưới nhưng chàng trai hoàn toàn có thể đáp ứng được bằng chính sức lao động của mình. Cái tinh tế trong lời cô gái vừa là phản ứng trước việc thách cưới “phá ngang”, vừa là mong mỗi chàng trai là người cần cù siêng năng xứng đáng với tấm chân tình của cô. Không những thế, cô còn đem tới lời nhắn nhủ về sự cần kiệm: củ to mời làng, củ nhỏ mời họ, và không bỏ sót củ mẻ, củ rím, củ hà. Lời đáp khéo léo ấy đem lại niềm hi vọng và lạc quan về hạnh phúc.

Tiếng cười dân gian trong ca dao quả thật đã chứa đựng nghệ thuật sống của người bình dân ngày xưa. Tiếng cười ấy phản chiếu tinh thần của những người lao động luôn biết vượt lên hoàn cảnh, những bất công ngang trái, những khó khăn thực tại để lạc quan yêu đời. Tiếng cười ấy là sức sống tâm hồn khỏe khoắn của những con người luôn ý thức giá trị bản thân, luôn mong muốn cuộc sống tốt đẹp công bằng.

Với nội dung truyền tải rất đa dạng và phong phú đời sống xã hội cho nên ở mỗi chủ đề, mỗi một lĩnh vực chúng ta có thể thấy vô vàn những câu nói, lời nói rất mộc mạc, dễ hiểu. Nhà văn Nguyễn Đình Thi đã nhận xét rằng: “*Ca dao Việt Nam bắt nguồn từ tinh thần ham sống, ham đấu tranh, vui vẻ, tế nhị, có duyên nhưng cũng không kém phần dòi dào tình cảm, mạnh mẽ sức lực, nảy nở tự do để đón ánh sáng trời hòa hợp với cỏ cây, hoa lá. Nó như một nguồn nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, chấp cánh cho thế hệ tương lai những hoài bão lớn lao về cuộc sống, thiên nhiên và con người*”.

Như vậy có thể nói ca dao Việt Nam là kho tàng văn hóa, tri thức dân gian, phản ánh những phong tục, tập quán, tâm tư nguyện vọng của con người Việt Nam, tạo thành một hệ thống hình ảnh thiên nhiên, con người và lao động cùng hòa quyện vào nhau, tạo dựng nên cách nghĩ, cách cảm về cuộc sống, thiên nhiên và con người rất Việt Nam.

ĐỀ THI

Có ý kiến cho rằng: “Ca dao và lời hát tâm tình của người lao động, là bài ca về tình yêu quê hương đất nước”. Anh (chị) hãy chứng minh ý kiến trên.

**Bài đoạt giải Nhất kì thi chọn HSG của Châu Minh Hà,
học sinh lớp 7B3, trường THCS Nguyễn An Ninh,
Thành phố Vũng Tàu, năm 2005 – 2006**

BÀI LÀM

Ai trong chúng ta lớn lên và trưởng thành trên mảnh đất quê hương cũng đều cảm nhận được cái hay cái đẹp của Văn học dân gian ngay từ lúc còn nằm trong nôi qua lời ru của bà của mẹ. Vì vậy, có ý kiến nhận định rằng: *Ca dao và lời hát tâm tình của người lao động, là bài ca về tình yêu quê hương đất nước.*

Kho tàng văn học dân gian Việt Nam luôn là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Trải qua bốn nghìn năm lịch sử, chúng ta nhận thức được cái đẹp, cái toàn mỹ bằng tất cả trái tim nhân hậu của mình. Rất mộc mạc và chân tình tha thiết đến xốn xang. Ta hãy nghe nỗi lòng người đi xa nhớ quê hương:

*Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.*

Tình yêu quê hương đất nước trong ca dao đơn sơ nhưng đậm đà. Đây là bức tranh thủy mặc:

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Niềm tự hào về non sông đất nước được khơi gợi từ những địa danh ngọt ngào:

*Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem cầu Thê Húc xem đền Ngọc Sơn*

Đài nghiên tháp bút chưa mòn

Hỏi ai xây dựng nên non nước này?

Một cung đàn gảy lên đôi khi còn chùng phím, nhưng sao mỗi bài ca dao đều đem đến cho ta những tình cảm âm áp và triu mến lạ kì. Tất cả như một bản đồng ca trỗi lên từ mỗi tâm hồn yêu nước gắn bó với quê hương của mình. Đọc nó ta như bắt gặp lại chính mình trong nhạc điệu rộn ràng bắt tử của quê hương. Tất cả như đánh thức trong ta thứ tình cảm mơ hồ nhưng chợt bùng lên như đánh thức ngọn lửa.

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

Sẽ chẳng thể nào quên được những “cành trúc” gió đưa nhẹ nhàng trong gió, tiếng chuông ngân nga vang vọng trong khoảng không tĩnh mịch, “mặt nước” hồ sương mù bảng lảng huyền diệu. Cảnh đẹp ở miền Nam không mang vẻ cổ kính như Huế cũng chẳng tĩnh lặng như bức tranh Tây Hồ, mà ở đây, dường như sống động hơn:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.

Câu ca dao như tiếng gọi của chính quê hương, níu bước chân người ra đi, mời đón kẻ trở về, đất mẹ mở rộng vòng tay đón những đứa con. Từ xa xôi một lần được trở lại quê hương, hay được viếng thăm một miền đất “ngỡ lạ mà quen” ta chợt thấy tâm hồn mình như trải dài với bao tình cảm dạt dào tha thiết nhất.

Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh

Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

Cũng một cánh cò trắng, chao liệng trên một khoảng không rộng mở, nhưng thấm vào ta một cảm giác mạnh mẽ mà rạo rức trước sự giàu đẹp của mảnh đất nổi tiếng miền Tây Nam Bộ.

Đến với ca dao là đến với tâm hồn Việt Nam, với trái tim Việt Nam. Một quê hương Việt Nam với những cánh cò bay, dòng sông lặng lẽ trôi, hoa bưởi trắng những đêm soi bóng nước, hay chiếc đò như khúc nước, chiếc cầu tre lắt léo chênh vênh. Dường như mọi cảnh đẹp mà bình dị. Nhưng văn học khác với hội họa hay âm nhạc nhờ ngôn ngữ rất riêng và độc đáo. Văn học còn thể hiện những khía cạnh khác, lột tả một chiều sâu, chiều rộng trong cuộc sống mà các ngành nghệ thuật khác không thể thay thế. Chính vì vậy mà sức tồn tại của Văn học luôn được ví như một tòa nhà vững chắc cùng với thơ ca, ca dao cũng góp phần không nhỏ trong việc khẳng định sự giàu đẹp của quê hương. Nó không chỉ khái quát một vẻ đẹp đơn thuần mà từ đó đi sâu vào cuộc sống, đến với tâm hồn của mỗi con người. Chẳng khó hiểu nếu như nói ca dao chính là cái nền vững chắc cho Văn học từ đó đi lên, cuộc sống đời thường và cuộc sống tình cảm của con người luôn hòa quyện sóng đôi. Đến với cuộc sống là câu ca dao đã đi đến với con người. Câu hát của người lao động luôn vang lên qua từng câu tha thiết:

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Có đổ giọt mồ hôi để làm ra vật chất, người ta mới thấu hiểu được giá trị của sức lao động. Và từ đó biết trân trọng thành quả do mình hay người khác làm ra.

Nhưng những lời tâm sự của người phụ nữ dưới thời phong kiến khắc nghiệt vẫn là những nỗi đau làm ta bật khóc:

*Em như con hạc đầu đình
Muốn bay không cất nổi mình mà bay.*

Câu ca dao làm ta nhớ đến lời trách móc của người con gái, đồng thời cũng tâm sự về số phận của mình:

*Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

Lễ giáo phong kiến tập tục khắc nghiệt là những gong kim trói chặt người phụ nữ:

*Thân em như tấm lụa đào
Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai.*

Hay:

*Thân em như hạt mưa sa
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.*

Gắn bó với quê hương, cuộc sống con người trang trải với ruộng vườn cảnh vật “con trâu là đầu cơ nghiệp”. Một lần nữa người nông dân lại bày tỏ tâm tư của mình thông qua chú trâu người bạn gắn liền với nhà nông, với cuộc sống của họ:

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đây ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Một cuộc sống ấm no là niềm mơ ước của người lao động, ước mơ giản dị mà hồn hậu vẫn để lại trong tâm hồn ta một cảm xúc đẹp. Đó là mơ ước đời thường xuất phát từ tình yêu cuộc sống lao động. Trải qua bao khó khăn thử thách và gian nan con người càng trân trọng hơn sự yên bình.

Một hạnh phúc bình dị mà họ mong chờ. Một ngôi nhà, một đồng ruộng, một con trâu và trên cả là một chút băng khuâng của thứ tình cảm ngọt ngào. Câu hát tâm tình của chàng trai cô gái rất tế nhị mà đáng yêu:

*Bây giờ mạn mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mạn hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Thật tinh tế, mộc mạc mà đậm thắm. Tình yêu của họ làm đẹp thêm ngôn ngữ Ca dao và ca dao góp phần làm đẹp cuộc sống. Tất cả đều rộng mở và dâng tặng cho đời.

Trải qua bao năm dài, ca dao vẫn đến với ta bằng thứ tình cảm ngọt ngào và dịu êm. Dòng sữa văn học dân gian không những nuôi lớn con người mà còn cho ta hiểu những điều hay và đẹp. Trong ta dạt dào tình yêu đối với đất nước quê hương. Đó là tất cả tình cảm chân thành từ một trái tim chứ không phải những sáo ngữ phát

ra đầu lưỡi. Ai cũng có thể nói rằng mình yêu nước, nhưng yêu bằng cách nào và tình yêu ra sao? Ta hiểu rằng, thứ tình cảm thiêng liêng đó xuất phát trong ta từ những cái nhìn về mỗi con người Việt Nam, quá khứ hào hùng của dân tộc Việt Nam và ý thức mình là một con người có Tổ quốc. Nhưng tận trong sâu thẳm, vì ta yêu văn học Việt Nam rất đậm đà mà sâu sắc.

ĐỀ THI

Cảm nhận của em về bài ca dao dưới đây:

*Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Bài đoạt giải Nhì kì thi chọn HSG của Châu Minh Nhật, học sinh lớp 7A,
trường THCS Nguyễn Thái Bình,
Thành phố Vũng Tàu, năm học 2001 – 2002
BÀI LÀM

Ca dao là khúc hát tâm tình của người dân quê Việt Nam lưu truyền qua năm tháng thời gian, lan tỏa theo hương lúa đồng nội quê hương. Ngọt ngào biết bao những vần thơ dân dã ấy đã thấm sâu vào tâm hồn thơ bé mỗi chúng ta qua điệu ru của mẹ, tiếng hát của bà. Mỗi bài ca dao như một bài hát nhẹ nhàng, êm ái và ngọt ngào để đi tận vào trái tim mỗi người đọc. Im lặng một phút trong mơ màng ngân nga như một bài ca đẹp, ta sẽ thấy mình như lạc vào một cõi thanh cao, yên ả, thần tiên mà cũng rất đời thường.

Chúng ta yêu vô cùng những bài ca dao nói về công việc nhà nông “một nắng hai sương”, ca ngợi đức tính cần cù, lòng kiên nhẫn của người dân cày quê ta. Hình ảnh người nông dân cày ruộng sao mà đáng yêu thế:

*Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Không nói đến nguồn gốc của bài ca dao này là của nhân dân Việt Nam hay của kho tàng thi ca đời Đường Trung Quốc, nhưng tác phẩm nhỏ bé này từ lâu đã đi vào tâm thức dân gian như là một phần tiếng nói lao động của giai cấp bình dân. Và dù có là của dân tộc nào đi chăng nữa thì bài ca dao này vẫn là tiếng nói tâm tình của nhân dân lao động. Tất cả đều bắt nguồn từ tính chân thực sâu sắc của tác phẩm. Bài ca dao không chỉ thể hiện được hiện thực cuộc sống lao động gian nan mà còn thể hiện được hiện thực tâm hồn của con người lao động.

Nghệ thuật nói chung văn học nói riêng là một hình thái ý thức, một hình thức của nhận thức, do đó không tách rời mảnh đất đời sống mà nó và cả chủ nhân của nó đã được nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện thực trong tác phẩm văn học không phải là bản photocopy đời sống, và tất nhiên không có một tác phẩm nào đủ khả năng bao quát toàn bộ quy mô của đời sống. Hiện thực ấy là một hiện thực được ý thức, được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của chủ thể sáng tạo và thông qua ngôn ngữ, hiện thực ấy được phơi bày phần bản chất tiêu biểu nhất của nó để tác phẩm đạt đến tính chân thực cần thiết của tác phẩm. Và tất nhiên tính chân thực của một tác phẩm văn học cũng tùy thuộc vào tính chất thể loại mà nó nương náu. Bài ca dao trên rõ ràng được viết dưới hình thức thơ ca trữ tình. Mặc dù vậy, nó không đánh mất đi tính chân thực trong việc

thể hiện. Với bài ca dao này, hiện thực được thể hiện ở chi tiết thơ, tình tiết thơ. Tính chân thực của bài ca dao được phát huy cao độ khi tác giả đã chọn thời khắc đặc trưng để mô tả những gian nan vất vả của lao động sản xuất, đó là “ban trưa” – *Cây đồng đang buổi ban trưa*.

Trong thực tế rất ít khi diễn ra hoạt động như vậy. Nhưng nghệ thuật là sự cô đặc hiện thực qua tình tiết hư cấu để hiện thực phản ánh được nổi bật. Và rõ ràng chính buổi trưa cây đồng nắng nôi, căng thẳng là tiền đề để làm xuất hiện hình ảnh thơ thứ hai có giá trị chân thực rất cao: *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*. Chọn chi tiết đặc tả “mồ hôi” và qua thủ pháp so sánh, tính hình tượng của hiện thực nổi bật lên, thể hiện rõ những vất vả lớn lao: “*mồ hôi... như mưa ruộng cày*”. Như vậy, nhờ người sáng tạo đã chọn thời khắc đặc biệt và những chi tiết cùng thủ pháp nghệ thuật đặc hiệu, hiện thực như là đối tượng phản ánh đã được phô bày một cách chân thực, rõ ràng, gây xúc động đối với người đọc và người nghe.

Hai câu đầu của bài ca dao như là “sự hiện diện” của hiện thực đã làm nổi bật nét đáng nói hơn của thơ ca trữ tình: “tình” – đó là hiện thực tâm hồn. Ngay ở câu thơ thứ hai, hai chữ “thánh thót” vừa đã diễn tả được số lượng lớn – nhiều của mồ hôi mà còn biểu hiện được vẻ đẹp tâm hồn. Nó ngân lên một cách ngọt ngào, không phải để “xóa nhòa” đi hiện thực “đắng cay muôn phần” của lao động mà đây chính là nét nhạc của tâm hồn. Nét nhạc này diễn tả nỗi niềm vinh quang và nhịp điệu của bài ca lao động. Lao động đã đành mang đầy những gian nan cay đắng, song vẫn có thể gọi lên thi hứng, niềm vui của con người trong cuộc vật lộn sinh tồn vất vả.

Hai câu cuối có kết cấu của một câu cầu khiến:

*Ai ơi bưng bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.*

Đại từ phiếm chỉ “ai” đặt ở đầu câu làm nổi bật tính chủ thể trữ tình. “Bát cơm đầy” đã là thành quả lao động, tác giả còn lại “chê” ra “đẻo thơm một hạt” khiến cho ý thơ được cụ thể hóa hơn, sâu xa hơn. Kết cấu đối – tương phản “đẻo thơm một hạt” – “đắng cay muôn phần” càng làm rõ hơn hiện thực: lao động càng gian nan – thành quả lao động càng quý giá. Và từ đó một hệ quả logic khiến người viết không cần nói rõ song người đọc vẫn nhận ra: con người sống ở đời phải biết quý trọng lao động và người lao động. Đây là một chân lí giản dị nhưng sâu sắc mà bài ca dao đã đem lại cho mọi người. Nghệ thuật là vậy. Tính chân thực của tác phẩm nghệ thuật là vậy. Nó không chỉ phản ánh được bản chất của hiện thực, phẩm giá và mong ước của số đông nhân loại mà đưa ra những chân lí vĩnh hằng để tất cả mọi người đều hiểu, và từ đó biết sống tốt hơn, chia sẻ và hành động vì hạnh phúc của con người.

Nét đáng nói của hai câu cuối bài thơ chính là giọng điệu của bài ca dao, là “tình” – cái tình của người lao động được khai thác trong lời của người sáng tác. Hơn nữa, cái chữ “ai” đa ngôi – điệu nghệ được dùng quen nết trong dân gian đã khiến tất cả: đối tượng miêu tả – người lao động, chủ thể sáng tác – người viết, bạn đọc – người nghe bỗng trở nên hòa vào nhau trong một giọng chân thành, hiểu biết sâu sắc về cái khó khăn của lao động, sự hi sinh của con người khi tạo ra thành quả lao động. Sáng tác vì thế không còn là của riêng ai, mà là của tất cả mọi người, là của nhân dân, ai đọc qua câu ca dao cũng thấy mình ở trong ấy, thấy mình nặng nợ mang ơn với cuộc đời.

Tính chân thực của thơ ca nói chung và của nghệ thuật nói riêng không gì khác chính là nói lên được một cách chân thực tình cảm sâu xa của tất cả nhân dân quần chúng, khiến tác phẩm nghệ thuật trở thành tiếng lòng của tất cả mọi người. Chính tất

cả những nét đặc sắc hòa điệu ở cả hai phương diện: nội dung chân thực và hình thức nghệ thuật đầy biểu cảm và giản dị đã giúp bài ca dao có một vị trí sâu sắc trong tâm hồn nhiều thế hệ nhân dân lao động Việt Nam từ bao đời nay.

ĐỀ THI | Nhận xét về thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh, GS Đặng Thai Mai đã viết: *Thiên nhiên trong “Nhật kí trong tù” chiếm một địa vị danh dự. Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.*

Bài đoạt giải Nhất kì thi HSG của Vũ Bích Thoại, học sinh lớp 9B3,
trường THCS Phước Trung,

Thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, năm học 2001 – 2002

BÀI LÀM

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”)

Các nhà thơ cổ điển Trung Quốc cũng như Việt Nam xưa nay vẫn luôn lấy thiên nhiên làm nguồn thi hứng cơ bản của thi ca. Qua những bức tranh phong cảnh, tác giả muốn bộc lộ cảm hứng về đất nước con người, biểu hiện ít nhiều tình cảm chủ quan của người viết. Thiên nhiên gắn bó với cuộc sống, với con người, với tình yêu, với thơ. Truyền thống của thơ ca phương Đông càng đặc biệt chú ý đến vai trò của thiên nhiên. Bác Hồ sáng tác *Nhật kí trong tù* trong điều kiện lao tù khắc nghiệt, vậy mà bài thơ vẫn tràn ngập hình ảnh của thiên nhiên. Chính vì vậy mà nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai đã nhận xét: *Thiên nhiên trong “Nhật kí trong tù” chiếm một địa vị danh dự.*

Thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* rất phong phú, đa dạng, mỗi bài thơ là một bức tranh nên thơ nên họa, có những cảnh đẹp lộng lẫy thể hiện rõ khát vọng tự do, khát vọng lãng mạn của Bác. Thiên nhiên trong thơ Bác phong phú, đa dạng, đẹp để nên thơ.

Trong số 133 bài thơ của *Nhật kí trong tù* đã có trên dưới vài chục bài thơ tả cảnh. Ngay ở những bài thơ, Bác không chú tâm tả cảnh, ta vẫn bắt gặp rất nhiều hình ảnh thiên nhiên. Nhìn chung hình ảnh thiên nhiên trong thơ Bác có nội dung phong phú và có sự biểu hiện đa dạng, sinh động, đẹp để và hấp dẫn. Bác Hồ chiêm ngưỡng thiên nhiên trong mọi thời khắc, có cảnh nắng, cảnh mưa, cảnh sớm, cảnh trưa, cảnh chiều, cảnh tối. Có những cảnh mang vẻ đẹp lộng lẫy:

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn

Hết mưa là nắng hừng lên thôi

Đất trời một thoáng thu màn ướt

Sông núi muôn trùng trải gấm phơi

Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ

Cây cao, chim hót rộn cành tươi

Người cùng vạn vật đều phơi phơi

Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

(Tình thiên)

Có những cảnh mang vẻ đẹp bình dị, kín đáo thơ mộng. Đó là cảnh hoàng hôn với những âm thanh quen thuộc và cổ kính đầy gợi cảm:

Chùa xa chuông giục người nhanh bước

Trẻ dắt trâu về tiếng sáo bay.

(Hoàng hôn)

Thiên nhiên được miêu tả trong *Nhật kí trong tù* rất chân thật, mang rõ nét cảm hứng về đất nước và con người. Bác bị giam hãm trong tù ngục đen tối, bị giải đi cũng hết sức khổ sở, vậy mà thơ Bác đâu có thiếu hình ảnh thiên nhiên. Mây, gió, trăng, hoa... trong thơ xưa cũng hiện diện trong thơ Bác, tất nhiên là với màu sắc mới. Hình ảnh của núi sông cũng khác, đẹp hùng vĩ và thơ mộng. Nếu thiếu họa chăng là thiếu biển, nghĩa ta thiếu đi một mảng thiên nhiên đầy sức hấp dẫn nhưng người đọc cũng dễ thông cảm với tác giả. Đền bù vào đó lại có biển của tình yêu thương mệnh mông của Bác đối với con người:

*Anh đứng trong cửa sắt
Em đứng ngoài cửa sắt
Gần nhau trong tác gang
Mà biển trời cách mặt.*

(Vợ người bạn tù đến thăm chồng)

Hình ảnh thiên nhiên trong thơ Bác cao rộng, đẹp một cách hùng vĩ và thơ mộng. Thiên nhiên mang kích thước của tâm hồn lớn. Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu kia – *chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn (Táo giải)*, cho thấy cái bao la thăm thẳm của vũ trụ. Mây phủ trùng trùng trên đỉnh núi Tây Phong Lĩnh kia không hùng vĩ lắm sao! Dưới chân núi là một dòng sông mềm mại sáng trong như tâm hồn thi nhân sau mười bốn tháng tù không vương chút bụi trần:

*Núi áp ôm mây mây áp núi
Lòng sông gương sáng bụi không mờ.*

(Mới ra tù tập leo núi)

Nét đặc sắc dễ thấy về hình ảnh thiên nhiên trong thơ Bác là ngay trong chốn đọa đầy, tù tội, xiềng xích, đói rét, ốm đau, đau phải là hoàn cảnh thuận tiện cho cảm hứng thiên nhiên nảy sinh. Ấy vậy mà độc giả chúng ta vẫn được thưởng thức biết bao hình ảnh thiên nhiên nên thơ, nên họa, được Bác viết bằng một cảm hứng say đắm, dạt dào. Bởi lẽ: nói đến thiên nhiên là nói đến khát vọng tự do, khát vọng lãng mạn. Những bài thơ nói về thiên nhiên của Bác là biểu thị một thái độ muốn vượt lên trên cái hiện thực bị giam cầm tù đầy, đau khổ:

*Mặc dù bị trói chân tay
Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng
Vui say ai cấm ta đừng
Đường xa âu cũng bớt chùng quanh hiu.*

(Trên đường đi)

Thiên nhiên đẹp trong thơ Bác còn tượng trưng cho mơ ước, niềm vui, tương lai tươi sáng, khát vọng tự do. Có hai hình ảnh của thiên nhiên thể hiện một cách đậm nét và kì lạ là vầng trăng và mặt trời, vầng trăng tiêu biểu cho vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng của thiên nhiên, cũng là biểu tượng của tự do. Cho nên Bác tha thiết với trăng hơn bất cứ hình ảnh nào của thiên nhiên. Trong bóng tối, Người lại càng khao khát ánh sáng, mà được chiêm ngưỡng ánh trăng trong tù đâu có dễ dàng gì:

*Chẳng được tự do mà hưởng nguyệt
Lòng theo vơi vơi mảnh trăng thu.*

(Trung thu)

Sống trong cảnh chân bị cùm, tay bị xích, nhưng Bác vẫn hiện lên trong tư thế của một thi nhân. Bài *Ngắm trăng* đã diễn tả khá chân thực và cảm động điều đó. Hiện thực nhà tù khô khan; Bác khi vầng trăng đẹp xuất hiện. Có lẽ không có thi sĩ nào trên đời này ngắm trăng như Bác:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Qua hình ảnh thơ, chúng ta không còn thấy nhà tù đâu nữa mà chỉ thấy nổi bật lên trên trang thơ là hình ảnh một vầng trăng lung linh tỏa sáng và một thi nhân ung dung thư thái với tâm hồn đắm say với trăng. *Đằng sau cái phong thái ngắm trăng ung dung ấy là cả một bản lĩnh thép phi thường của Bác Hồ kính yêu. Đó cũng là một sự tự vượt ngục về tinh thần thật kì diệu của người chiến sĩ cộng sản kiên cường* (Hoài Thanh).

Thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh vô cùng phong phú. Thơ của Bác không chỉ là thơ của một thi sĩ tài hoa mà còn là thơ của một chiến sĩ cách mạng nắm vững quy luật vận động của cuộc sống, lịch sử. Vì vậy, cùng với hình ảnh vầng trăng, thơ Bác cũng rất nhiều hình ảnh mặt trời – *mặt trời luôn luôn ứng đở trong thơ Bác xua tan bóng tối âm u, đưa lại một bình minh tươi sáng* (Vũ Quần Phương). Bởi mặt trời là nguồn sinh khí trong cảnh tù đày, tăm tối, mặt trời cũng tượng trưng cho tương lai tươi đẹp của cách mạng và cuộc đời chung:

*Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc
Chiếu cửa nhà lao cửa vẫn cài.*

(*Buổi sớm*)

Khi thì tượng trưng cho tương lai tươi sáng của cách mạng, của Người:

*Trong ngục giờ đây còn tối mịt
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

(*Buổi sớm*)

Khi thì nó tượng trưng cho sự toàn thắng của xã hội mới:

*Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn sớm sạch không.*

(*Tảo giải*)

Trước vẻ đẹp của thiên nhiên, Người thường hiện diện với tư cách thi nhân. Đầu tập *Nhật kí trong tù*, Bác có nói: *Ngâm thơ ta vốn không ham*, nhưng trước buổi bình minh tươi đẹp, Người cảm giác thi hứng dào dạt:

*Hơi ẩm bao la toàn vũ trụ
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.*

(*Tảo giải*)

“Trời hừng” là một bức tranh thiên nhiên sinh động, dưới ánh nắng, đất trời hiện lên như một *bức thảm thêu bằng chữ bạc chữ vàng trên nền gấm đỏ* (Đặng Thai Mai). Đó là thiên nhiên được cảm nhận bởi một trái tim phơi phới lạc quan. Có thể nói chưa bao giờ có nhiều hình ảnh bình minh như trong *Nhật kí trong tù*, cảnh nào cũng rực rỡ tràn ngập ánh sáng và sức sống, được tả bằng một ngòi bút khoáng đạt hào hùng và mãnh liệt. Giữa đêm đen của ngục tối Hồ Chí Minh nhận ra ánh sáng bình minh bừng lên phía chân trời.

Thiên nhiên thật sự là một người bạn trong cuộc sống, luôn đem lại niềm vui cho con người. Với hoa, Bác cũng là tri kỉ:

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng

*Hoa tàn hoa nở cũng vô tình
Hương hoa bay thấu vào trong ngục
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

(Cảnh chiều hôm)

Thơ của Bác rất lãng mạn mà cũng rất hiện thực. Và *Nhật kí trong tù* trước hết là một tập thơ ghi lại những sinh hoạt của người tù trong nhiều cảnh ngộ thật cay đắng trở trêu. Vì thế thiên nhiên không phải bao giờ cũng đẹp đẽ nên thơ, cũng có khi nó trở thành thiên tai đầy đọa hành hạ con người. Lúc này hình ảnh thiên nhiên được mô tả hết sức chân thực. Bác ghi lại nhiều đêm lạnh, không ngủ được khiến cho đêm như dài thêm ra. Đó là những đêm tối mưa gió, giá lạnh, đường sá hiểm trở:

*Năm mươi ba cây số một ngày
Áo mũ dầm mưa rách hết giày.*

(Mới đến nhà lao Thiên Bảo)

Những hình ảnh:

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi
Rét như dùi nhọn chích cành cây.*

(Hoàng hôn)

Hoặc phải chuyển lao trong cảnh:
*Người đi cất bước trên đường thăm
Rát mặt đêm thu trận gió hàn.*

(Tảo giải)

Thiên nhiên còn là những hình ảnh thử thách đầy gian lao:
*Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng.*

(Đi đường)

Nhưng người cộng sản – Hồ Chí Minh bao giờ cũng vượt qua những thử thách gian lao của thiên nhiên để đạt đến mục đích cuối cùng:

*Giày rách đường lầy chân lấm láp
Vẫn còn dấn bước dặm đường xa.*

(Mưa lâu)

*Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

(Đi đường)

Có khi thiên nhiên đã trở thành nơi bộc lộ tâm tình của thi nhân: *Vân ửng trùng sơn, sơn ửng vân. Giang tâm như kính, tịnh vô trần* (Mới ra tù tập leo núi), mây núi hòa quyện vào nhau phải chăng còn nói tình cảm thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa bạn bè, đồng chí? Và lòng sông sạch như gương ấy chính là tấm lòng trong trẻo không chút bụi nào làm đục được của người chiến sĩ cách mạng Nguyễn Ái Quốc?

Cổ điển và hiện đại vốn là nét phong cách nổi bật trong thơ trữ tình của Bác. Nét phong cách ấy được thể hiện đầy đủ nhất trong đề tài thiên nhiên. Màu sắc cổ điển trong thơ thường được biểu hiện ở việc hay tìm cảm hứng về thiên nhiên, nhất là trăng, thường viết về đề tài “đăng sơn ức hữu”. Điểm nhìn trong thơ thường từ chỗ cao, xa, bao quát cả không gian cao rộng, trời mây non nước. Bút pháp cổ điển không tả kỹ chỉ phác họa một vài nét nhằm làm nổi bật lên cái hồn của cảnh. Và nhân vật trữ tình trong thơ thường hiện lên với phong thái ung dung nhàn tản giữa cảnh non nước bao la như

một nhà hiền triết xưa (bài thơ *Ngắm trăng*, *Mới ra tù tập leo núi*, *Vọng nguyệt*, *Chiều tối*... của Bác là những bài thơ tiêu biểu nhất cho phương diện này).

Thơ Bác rất cổ điển mà cũng rất hiện đại. (Hiện đại vì có nội dung cách mạng, tư thế, cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của người cách mạng trong thời đại mới). Nếu như thiên nhiên trong thơ xưa, con người thường hòa tan hoặc chìm trong cảnh, thì ở thơ Bác, con người là trung tâm, ánh sáng, linh hồn của cảnh. Và cảnh ở đây rất sống động, luôn luôn vận động khỏe khoắn hướng về phía ánh sáng và tương lai, không tĩnh lặng như thơ xưa, vì nó được sức sống con người phả vào, và được nhìn thấy bằng “đôi mắt” lạc quan cách mạng nên rất vui:

*Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng
Trời ấm hoa cười chào gió nhẹ
Cây cao chim hót rộn cảnh tươi
Người cùng vạn vật đều phơi phới.*

(*Trên đường*)

Tìm hiểu những bài thơ viết về thiên nhiên của Bác, chúng ta thấy nhân vật trữ tình không chỉ xuất hiện với tư cách là một thi sĩ mà còn hiện lên với tấm lòng của một nhà nhân đạo luôn yêu thương, gắn bó, quan tâm đến con người và cuộc sống. Đi qua một vùng được mùa, Bác đã hòa niềm vui với cái vui của nhân dân:

*Khắp chốn nông dân cười hớn hở
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.*

(*Cảnh đồng nội*)

Nhưng khi trông thấy nhân dân mất mùa, cánh đồng khô hạn thì Bác đã buồn nỗi buồn của người nông dân:

*Vùng đây tuy rộng đất khô cằn
Vì thế nhân dân kiệt lại cằn
Nghe nói xuân nay trời đại hạn
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.*

(*Từ Long An đến Đồng Chính*)

Có thể nói ở nhiều bài thơ, cảm quan thiên nhiên của Bác cũng là cảm quan nhân đạo. Trên con đường giải tù, nhìn thấy người phu làm đường cực khổ dưới nắng mưa, Bác động lòng thương và ghi lại thành thơ:

*Dãi gió dầm mưa chẳng nghỉ ngơi
Phu đường vất vả lắm ai ơi
Ngựa xe hành khách thường qua lại
Biết cảm ơn anh được mấy người.*

(*Phu làm đường*)

Thơ thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* thực sự có những bài rất hay. Có những *phác họa sơ sài mà chân thật và đậm đà, càng nhìn càng thi vị như một bức tranh thủy mặc cổ điển. Có những hình ảnh lộng lẫy sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chữ vàng, cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ đến những bức sơn mài thâm trầm rộn rịp* (Đặng Thai Mai). Thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* còn cho ta những bài học lớn, ví như bài học này chẳng hạn: con người dù trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ gìn cho tâm hồn được trong sạch như dòng sông trong gương, không một chút bụi mờ: *Giang tâm như kính, tịnh vô trần.* (Lòng sông gương sáng bụi không mờ).

Thiên nhiên trong *Nhật kí trong tù* rất chân thực, đa dạng nhiều màu sắc. Thiên nhiên ở đây đã được nhân hóa tượng trưng hóa để trở thành phương tiện biểu hiện tình cảm phong phú của con người. Tình cảm thiên nhiên của Bác thấm nhuần cảm quan xã hội, khác hẳn với thơ xưa, chỉ nói đến thiên nhiên thuần túy. Đây chính là nét đặc sắc của thơ Bác nói chung, thơ thiên nhiên của Bác nói riêng.

ĐỀ THI **Em hãy cảm nhận nét đẹp trong tâm hồn tác phẩm văn thơ của Nguyễn Trãi.**

**Bài đoạt giải Nhì kì thi HSG cấp quận của Hoàng Tố Bạch Ngân,
học sinh lớp 7B, trường THCS Huỳnh Khương Ninh,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, năm học 2005 – 2006**
BÀI LÀM

Tâm hồn nhà thơ Nguyễn Trãi sáng ngời, cao vợi vợi như ngôi sao Khuê. Ngôi sao ấy đã tỏa sáng lung linh qua bao thế kỉ, tỏa sáng cả văn thơ của ông. Ánh sáng ấy đã soi đường cho bao táp người đi qua.

Ngôi sao ấy chính là Nguyễn Trãi đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho nước, cho dân. Cả tâm hồn, tình cảm của ông luôn hướng về đất nước. Vì vậy mà vua Lê Thánh Tông đã tặng ông câu thơ: *Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo* để nói lên sự cao đẹp của tâm hồn Nguyễn Trãi sáng như ngôi sao Khuê.

Nguyễn Trãi sinh ra, lớn lên trong một gia đình nho giáo. Ông nhận được sự giáo dục một cách chu đáo của ông ngoại là Trần Nguyên Đán và cha là Nguyễn Phi Khanh. Ông tiếp thu được nhiều điều ở hai người thầy ấy. Chính nhờ nền tảng giáo dục ấy mà Nguyễn Trãi có được một tâm lòng, một tâm hồn cao đẹp. Lúc cha con ông sống trong cảnh nghèo hèn tại quê nhà thì cũng là dịp Nguyễn Trãi sống gần với người dân lao động. Những cảnh cơ cực, vất vả của người lao động ông biết rất rõ. Do đó, ông yêu thương họ. Những tình cảm này đã tạo ra những lời thơ tha thiết tình người trong nhiều tác phẩm của ông.

Trong *Bình Ngô đại cáo* ta cảm nhận được cái đẹp nhất trong đời sống tâm hồn, tình cảm của Nguyễn Trãi:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*

Đường gươm, ngọn giáo của ông trong mười năm giúp Lê Lợi chống quân Minh cũng vì tinh thần cao cả ấy để “yên dân”. Chính tinh thần cao đẹp đó đã tạo sức mạnh kì diệu để ông chiến thắng kẻ thù tàn bạo. Chúng ta không khâm phục, không tự hào sao được khi đọc những dòng thơ, câu văn đầy trí tuệ và chan chứa tình người của ông:

*Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền,
ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa,
về đến nước mà vẫn tim đập chân run.*

Những lời cáo ấy bộc lộ một tâm hồn nhân hậu, vị tha...

Khi đã ra làm quan Nguyễn Trãi vẫn như xưa: Ông vẫn giữ nếp sống trong sạch, thanh cao. Không một việc gì làm vẩn đục tâm hồn ông. Nguyễn Trãi đã nói lên tâm sự của mình vì lẽ sống:

Com kẻ bất nhân, ăn, ấy chớ

Áo người vô nghĩa, mặc, chẳng thà.

Mặc cho đói rách, những của cải vật chất phi nghĩa thì ông không bao giờ đụng đến. “Tham vọng” của ông là đất nước độc lập, nhân dân ấm no, hạnh phúc. Vì vậy, khi cáo quan ông cảm thấy quý giá vô cùng những phút giây xa chôn “bụi bần dục, bon chen”, thích một cuộc sống bình yên thanh nhàn:

*Một phút thanh nhàn trong thuở ấy
Thiên kim ước đổi được hay chăng?*

(Tự thán bài số 7)

Trong thâm tâm ông không có ý nghĩ bon chen, chỉ muốn một cuộc sống thanh cao ở quê nhà, bầu bạn với cỏ cây, hoa lá... Tâm hồn ấy, ý nghĩ ấy mới cao đẹp làm sao!

*Chân mềm ngại bước dặm mây xanh
Quê cũ tìm về cảnh cũ thanh.*

Nhưng không phải sống trong cảnh “nhàn” ấy thì lòng ông cũng “nhàn” theo. Ngược lại, trong lòng ông đầy ắp nỗi lo “đất nước”. Ông luôn nghĩ về đất nước, nghĩ về những người dân nghèo ở hang cùng xóm vắng. Ông muốn đem hết sức mình để cống hiến cho đất nước, mong sao cho dân giàu nước mạnh, cuộc sống bình yên hạnh phúc.

*Vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn
Dường ấy ta đã phi sở nguyên.*

(Tự thán bài số 4)

Nhưng “sở nguyên” của ông vẫn chưa thực hiện được như ông mong muốn:

*Đầu tiếc đội mơn khăn Đỗ Phủ
Tay còn lựa hái cúc Uyên Minh.*

(Tự thán bài số 9)

Ông luôn tự hỏi mình đã làm gì cho nhân dân, cho đất nước, thâm tâm ông luôn ray rứt:

*Quốc phú binh cường chẳng có chước
Bằng tôi nào thừa ích chung dân.*

(Trần tình bài số 1)

Làm trầm buồn và thể hiện tâm lòng son sắt với đất nước, một trái tim yêu nước, yêu dân nồng nàn:

*Áo quan thà gửi hai bè muống
Đất bụi ương nhờ một mảnh mùng
Còn có một lòng âu việc nước
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung.*

(Thuật hứng bài số 23)

Trồng rau, trồng quả để mong khóa lấp buồn phiền, nhưng ông vẫn không sao quên được nỗi lo nghĩ cho nhân dân và đất nước.

Cũng như bất cứ thi sĩ nào cũng có, Nguyễn Trãi rất yêu thiên nhiên, ông tìm thấy trong thiên nhiên sự đồng điệu về tâm hồn:

*Núi láng giềng, chim bầu bạn
Mây khách khứa, nguyệt anh tam.*

(Thuật hứng bài số 19)

Thiên nhiên trở thành bầu bạn, thân thuộc đối với ông, ông thích sống giữa thiên nhiên:

*Dưới núi bao giờ lều sẽ dựng
Đá kê đầu ngủ, suối pha trà.*

(Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác, Khương Hữu Dụng dịch)

Trong ông luôn có cảnh núi sông, trăng thanh gió mát tạo nên chất trữ tình, lãng mạn:

*Nước biếc non xanh thuyền gỏi bãi
Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu.*

(Bảo kính cảnh giới bài số 26)

Thiên nhiên luôn lôi cuốn ông, ông tìm thấy niềm vui thanh cao trong thiên nhiên, ông yêu thiên nhiên như yêu con người:

*Trì tham nguyệt hiện chằng buông cá
Rừng tiếc chim về ngại phát cây.*

(Mạn thuật kì 06)

Nhà thơ nâng niu một ánh trăng dưới nước, không dám buông câu vì sợ làm động ánh trăng, không muốn chặt cây vì sợ chim không có chỗ trú.

Đến cây cỏ, chim muông, mỗi ánh trăng, một làn gió ông còn thương, còn tiếc thì đủ thấy lòng nhân nghĩa của ông bao la biết chừng nào.

Nhà thơ Nguyễn Vũ Tiềm đã có những câu thơ rất hay khi viết về Nguyễn Trãi:

*Một vườn hoa chỉ kết mùa nhân nghĩa
Làm sao trọng tội với triều đình
Hay bởi thi tài vôi vọi tởa
Vàng trắng nhân nghĩa quá lung linh.*

(Ánh sao Khuê)

Một con người suốt đời sống nhân nghĩa mà tại sao phạm trọng tội với triều đình. Có phải tại thói đời thường ganh ghét kẻ hiền tài? Chính Nguyễn Trãi cũng đã thấy:

*Danh suông vạ mắc vòng oan uổng
Dạ thẳng đời bao kẻ ghét ghen.*

Tâm hồn tình cảm của Nguyễn Trãi không bút nào tả xiết, nó cao tựa núi Thái Sơn, rộng như biển Thái Bình. Ông như một tinh hoa của trái đất, là tấm gương soi sáng cho bao thế hệ. Nhưng tiếc thay, nhà Lê đã dành cho ông bản án oan ức và thảm khốc nhất trong lịch sử dân tộc. Ta lại nhớ đến câu thơ của ông như một dự báo với cuối đời mình:

*Phượng hã tiếc cao, điều hã lượn
Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi.*

(Tự thuật bài số 9)

ĐỀ THI | **Phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong hai bài thơ Qua Đèo Ngang và Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan.**

Bài đoạt giải Nhất kì thi chọn HSG cấp trường của Phùng Kim Linh, học sinh lớp 7/4, trường THCS Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
BÀI LÀM

Bà Huyện Thanh Quan là một nữ thi sĩ nổi tiếng trong thời kì cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Bà sáng tác thơ rất ít nhưng hầu hết những tác phẩm của bà đều có giá trị to lớn. Đặc biệt qua hai bài thơ *Qua Đèo Ngang* và *Chiều hôm nhớ nhà*, bà đã bộc lộ tài năng độc đáo của mình: sâu lắng, hoài cổ, buồn nhớ trong nỗi niềm tâm sự cùng với nghệ thuật đặc sắc “tức cảnh sinh tình” thật trang nhã, đầy hình tượng.

Chúng ta hãy đi sâu vào hai bài thơ để khám phá ra nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của thơ Bà Huyện Thanh Quan.

Trước hết, điểm nổi bật trong thơ Bà Huyện Thanh Quan là nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” với ngôn ngữ thật quý phái mà đượm buồn. Ở cả hai bài thơ, ta đều bắt gặp một quang cảnh buồn, hoang vắng, cô tịch. Đó là cảnh buổi hoàng hôn tím sẫm, cái khoảng không gian và thời gian buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày. Cảnh Đèo Ngang bóng xế tà tịch mịch, rồi cảnh trời bảng lảng bóng hoàng hôn. Nếu chứng kiến cảnh hoàng hôn ấy, có lẽ ai cũng có tâm trạng buồn, cảm nhận cái buồn chứ không riêng gì với nhà thơ nữ nhạy cảm như Bà Huyện Thanh Quan. Ở đây, sự vật lại quá vắng vẻ, hoang lạnh, cô đơn. Nếu ở Đèo Ngang, tác giả chỉ thấy:

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

thì ở cái buổi chiều hôm nhớ nhà ấy cũng vẫn hoang vắng đến lạnh lùng:

Tiếng ốc xa đưa vắng trống dồn.

Đó là âm thanh duy nhất gợi cho ta cảm giác rõ rệt về âm thanh. Ta nghe thấy tiếng ốc nhưng nó lại quá xa xôi: “xa đưa”, lúc nhặt lúc khoan nghe càng buồn tẻ. Cái âm thanh đó chỉ làm sâu thêm nỗi lạnh lẽo của nữ sĩ. Ở cả hai bài thơ, ta cùng Bà Huyện Thanh Quan chỉ thấy, chỉ nghe được cái quang cảnh buồn vắng ấy, cái âm thanh mơ hồ ấy, gợi một nỗi u hoài mênh mang.

Cả hai bài thơ đều có hình ảnh con người nhưng chỉ thoáng bóng thôi, và quang cảnh chỉ có thế. Đó là những người dân lao động nghèo, vất vả làm ăn, sinh hoạt của họ thật tẻ nhạt, thiếu sinh động:

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

(*Qua Đèo Ngang*)

Và:

Gác mái ngư ông về viễn phố

Gò sừng mục tử lại cô thôn.

(*Chiều hôm nhớ nhà*)

Ở đây thi sĩ đã sử dụng biện pháp đảo ngữ ở mức cao nhất nhằm làm nổi bật bóng dáng con người trong cảnh, nhưng cảnh vẫn buồn, vẫn cô tịch, vẫn đìu hiu. Bởi vì buổi hoàng hôn là lúc mọi hoạt động của con người đã lắng xuống, không còn sôi động như mọi thời điểm khác. Và lại, ở đây vắng vẻ quá, chỉ có “tiều vài chú”, “chợ mấy nhà”; ngư ông lại ở mãi tận “phố xa”... Vì thế Bà Huyện Thanh Quan không thể

vui vẻ, không thể hững hờ trước cảnh được. Mà vì “tức cảnh” bà đã bộc lộ nỗi niềm mãnh liệt nhất và sâu kín nhất trong tâm hồn bà.

Nhưng nỗi niềm tâm sự đó là gì? Đó là nỗi u hoài, nỗi nhớ sâu lắng ẩn trong tâm hồn bà. Bà nhớ về thời xa xưa, thời kì vàng son của chế độ phong kiến, thời kì mà bà cho là tốt đẹp. Bà luôn hoài cổ để chối bỏ thực tại và bày tỏ sự chán ghét thực tại. Đó là nỗi nhớ nước, nhớ nhà bà luôn giấu kín trong lòng. Trước cảnh vật quá phù hợp với tâm trạng mình, nữ sĩ bộc lộ:

*Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc
Thương nhà mới miệng, cái gia gia.*

(*Qua Đèo Ngang*)

Bước qua Đèo Ngang, vào buổi chiều tịch mịch, thi sĩ nghe được tiếng chim cuốc kêu và cảm nhận nó ứng với tâm trạng mình. Tâm trạng của người mất nước, luôn níu giữ những hoài niệm xưa? Tiếng cuốc kêu như cũng ứng với tiếng gọi tha thiết, mãnh liệt nhất trong tâm tư tình cảm của bà, tiếng gọi gửi về đất nước? Còn tiếng “gia gia” như gọi nhớ niềm thương gửi về cố hương xa xôi. Nhất là trước cảnh chiều tà gợi nhớ này:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*

(*Chiều hôm nhớ nhà*)

Chiều xế bóng, mặt trời sắp từ già trời xanh, ngay cả những chú chim cũng mỏi cánh, bay về tổ, những người đi đường vội vã về nhà. Chỉ có Bà Huyện Thanh Quan nhớ lắm, thương lắm, muốn gặp lại cố hương nhưng đành bất lực, bởi vì:

*Kể chôn Chương Đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.*

(*Chiều hôm nhớ nhà*)

Bà xa cách với quê hương quá, cũng như xa cách với thời đại ngày xưa. Thế nên khi dừng chân lại ngắm cảnh Đèo Ngang, bà đã thổ lộ:

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Mảnh tình riêng đó chỉ riêng bà và cảnh biết thôi. Bà và cảnh tuy hai mà một bởi vì có chung một tâm trạng. Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa. Chính nét đặc sắc về nội dung cũng như nghệ thuật “tức cảnh sinh tình” trong thơ bà đã nâng bà vượt lên, có một phong cách riêng, không thể lẫn vào đâu được với những Hồ Xuân Hương đầy trần tục mà rất Việt Nam, Nguyễn Du mang tư tưởng định mệnh... Tóm lại bà có một phong cách thơ rất đặc biệt.

Qua hai tác phẩm *Qua Đèo Ngang* và *Chiều hôm nhớ nhà* Bà Huyện Thanh Quan đã khẳng định tài hoa thơ phú của mình. Hai bài thơ chứa một niềm tâm sự hoài cổ, nuối tiếc thời xưa được thể hiện qua nghệ thuật miêu tả cảnh để bộc lộ tình của tác giả. Cả hai mặt nội dung và nghệ thuật hòa quyện vào nhau thật nhuần nhuyễn, điều luyện, mang một sắc thái riêng biệt, đặc sắc. Điều đó đã giải thích vì sao tuy chỉ có một số ít tác phẩm để lại, bà vẫn được xếp vào hàng ngũ những nữ thi sĩ tài hoa nhất thời đại phong kiến, và cho đến nay, thơ bà vẫn lắng đọng mãi trong lòng người đọc.

ĐỀ THI | **Vẻ đẹp cổ điển trong bài thơ *Qua Đèo Ngang* và *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan.**

**Bài đoạt giải Nhất kì thi HSG của Tiêu Quế Tuyết,
học sinh lớp 7B, trường THCS Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**
BÀI LÀM

Bước vào làng văn học Việt Nam ta bắt gặp một nữ sĩ với những vần thơ trang nhã cổ điển, ấy chính là Bà Huyện Thanh Quan với bài thơ *Qua Đèo Ngang* và *Chiều hôm nhớ nhà*. Cả hai bài thơ này được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật mẫu mực, phong vị cổ điển, lời ít ý nhiều. Chính nhờ điều này mà hai bài thơ sống mãi với thời gian.

Thi pháp cổ điển ấy chính là văn chương bác học, dùng nhiều điển cố, điển tích, ngôn ngữ thơ điêu luyện, chất lọc... Trong hai bài thơ trên của Bà Huyện Thanh Quan thể hiện rõ vấn đề này.

Trước hết, điểm nổi bật trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan là nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” với ngôn ngữ tinh tế mà đượm buồn. Cả hai bài thơ ta đều bắt gặp một khung cảnh gợi buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày. Cảnh Đèo Ngang trong lúc xế bóng vắng vẻ hoang sơ:

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà.

(Qua Đèo Ngang)

Còn trời chiều trong bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà*:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn.

Đối diện với khung cảnh này thì những người hời hợt lắm cũng phải buồn chứ không nói gì đến người giàu cảm xúc như nữ sĩ.

Nếu như trong bài *Qua Đèo Ngang* tín hiệu nghệ thuật đầu tiên mà tác giả sử dụng là “bóng xế tà” thì bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* cũng đồng thời là “bóng hoàng hôn”. Thơ xưa khi nói về tâm sự, nỗi buồn người ta thường mượn cảnh để kí thác, đặc biệt là hình ảnh “bóng chiều”. Bác Hồ của chúng ta sau này đã từng thể hiện thành công hình ảnh chiều tà thể hiện sự vất vả và ý chí, nghị lực của người tù:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.

(Chiều tối, trích Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh)

Buổi chiều gợi cho ta cảm giác nhớ nhà, nhớ gia đình người thân. Đặc biệt đây lại là tâm trạng của kẻ lữ thứ xa quê, trên đỉnh Đèo Ngang chỉ có: *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa* thì ở *Chiều hôm nhớ nhà* cũng hoang vắng đến lạnh lùng: *Tiếng ốc xa đưa, vắng trống dồn*. Đây là âm thanh rõ nhất khiến ta cảm giác đầy đủ nhất. Ta nghe thấy “tiếng ốc” nhưng lại “xa đưa”, lúc khoan lúc nhặt nghe thật buồn tẻ. Cái âm thanh đó chỉ làm sâu hơn nỗi buồn của nhà thơ.

Cả hai bài thơ tác giả chỉ thấy cuộn lên một nỗi buồn, nỗi buồn sâu thẳm mênh mông.

Xa chốn kinh kì ồn ã náo nhiệt vào làm quan ở Huế, lòng nữ sĩ có bao nỗi buồn chất chứa. Kinh thành Thăng Long nơi bà từng sống nó khác hẳn với cuộc sống nơi này – Đèo Ngang.

Hình ảnh con người trong hai bài thơ này chỉ thoáng bóng. Đó chính là những người dân lao động nghèo vất vả, lam lũ. Cuộc sống của họ thật tẻ nhạt, đơn sơ:

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

(Qua Đèo Ngang)

Và

*Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn.*

(Chiều hôm nhớ nhà)

Thủ pháp nghệ đảo ngữ nhuần nhị tạo nên một hình ảnh thừa thớt, vắng vẻ của cuộc sống con người nơi đây. Vài chú tiêu phu đốn củi “lom khom”, lác đác mấy ngôi nhà ven sông, chợ thừa thớt, cô tịch, đìu hiu. Hai câu thực trong bài *Qua Đèo Ngang* đối nhau rất chỉnh, tạo sự hài hòa và phô rõ cuộc sống của con người nơi Đèo Ngang. Đèo Ngang lúc này hoang hôn đã buông xuống, mọi hoạt động của con người cũng lắng xuống, không còn sự ồn ào, xao động của thời điềm trước đó. Vì vậy Bà Huyện Thanh Quan không thể vui vẻ, càng không thể hững hờ trước cảnh buồn man mác đó.

Nhưng nỗi niềm u hoài ấy là gì? Đó là nỗi niềm u uẩn trong lòng nữ sĩ. Bà nhớ về một thời xa xưa, dĩ vãng. Cái thời vàng son mà bà từng chứng kiến nó thật lộng lẫy tươi đẹp biết bao. Giờ đây, trước cảnh vật, trong lòng nữ sĩ trào dâng lên một tâm sự nhớ nước, thương nhà sau tiếng kêu đều, khoan nhặt của chim cuốc:

*Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.*

(Qua Đèo Ngang)

Nghệ thuật chơi chữ “quốc” là nước, “gia” là nhà. Tiếng cuốc kêu hay chính lời non nước, tiếng cuốc kêu hay chính hồn Thục Đế. Sự đồng điệu trong âm thanh da diết không dứt ấy làm tâm hồn nhà thơ rộn lên, nao lên trong niềm nhớ nhà nhớ nước. Tiếng cuốc kêu như ứng với tiếng gọi tha thiết, mãnh liệt nhất trong tâm tư tình cảm của bà. Tiếng gọi gửi về đất nước? Tiếng gọi gửi về quê hương?

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.*

(Chiều hôm nhớ nhà)

Chiều xế bóng, mặt trời sắp tắt, bóng đêm dần bao phủ ngay cả những chú chim cũng đang tìm chôn ngủ, những bước chân lữ thứ tìm quán trọ qua đêm... Bà Huyện Thanh Quan nhớ lắm thương lắm muốn trở về, gặp lại quê hương, gặp lại người thân nhưng đành bất lực:

*Kẻ chôn Chương Đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.*

(Chiều hôm nhớ nhà)

Ở đây tác giả sử dụng điển cố: Chương Đài để thể hiện sự mong mỏi xa cách giữa tác giả và người thân, quê hương gia đình. Lấy ai để tâm sự, giải bày nỗi hàn ôn. Và vì vậy đối diện với mây trời non nước Đèo Ngang nữ sĩ như gặp lại chính mình:

*Dừng chân đứng lại, trời, non, nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

Mảnh tình riêng ấy là tâm sự cô đơn, bé nhỏ trước mây trời, sông nước. Bà và cảnh đã hòa làm một bởi có chung một tâm trạng. Cảnh bao la rộng lớn nhưng buồn bởi vì chủ thể trữ tình đang chứa một tâm trạng u hoài. Tâm sự chất chứa ấy lại bắt gặp chính nó: “ta với ta”, mấy ai mà bày tỏ, hàn huyên tâm sự. Cái cổ điển chính là mượn cảnh để tả tình, trong tình có cảnh. Văn thơ buồn nhớ, cô đơn đến vô cùng.

Hai bài thơ trên là điển hình cho phong cách thơ Bà Huyện Thanh Quan. Chất cổ điển, trữ tình hòa quyện tạo nên thành công nổi bật cho hai bài thơ. Dẫu đã gấp trang sách lại chúng ta không thể nào quên những vần thơ trác tuyệt như vậy.

ĐỀ THI | *Hãy trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Vân, Thúy Kiều và nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du.*

**Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG Văn của Đinh Lê Hải Hà,
học sinh lớp 9B1, trường THCS Trần Phú,
tỉnh Hà Tuyên cũ (nay Hà Giang, Tuyên Quang), năm 1990**
BÀI LÀM

Trong dòng văn học cổ Việt Nam, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là tác phẩm văn học kiệt xuất. Tác phẩm không chỉ nổi tiếng vì cốt truyện hay, hấp dẫn, lời văn trau chuốt, giá trị tố cáo đanh thép, giá trị nhân đạo cao cả mà còn vì các nhân vật trong truyện được ngòi bút sắc sảo của Nguyễn Du miêu tả vô cùng đẹp đẽ, sinh động. Đặc biệt là các nhân vật mà tác giả tâm đắc nhất như Thúy Vân, Thúy Kiều.

Ngay phần đầu của *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khắc họa bức chân dung xinh đẹp của hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân:

*Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
Mai cốt cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

Nói đến “mai” là nói đến sự mảnh dẻ, thanh tao; nói đến “tuyết” là nói đến sự trong trắng, tinh sạch. Cả mai và tuyết đều rất đẹp. Tác giả đã ví vẻ đẹp thanh tao, trong trắng của hai chị em như là mai là tuyết và đều đạt đến độ hoàn mỹ “mười phân vẹn mười”.

Tiếp đó tác giả giới thiệu vẻ đẹp của Thúy Vân:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*

Nhà thơ đã sử dụng bút pháp ước lệ kết hợp với ẩn dụ để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân. Nàng có một vẻ đẹp mà hiếm thiếu nữ nào có được với khuôn mặt đầy đặn như trăng rằm, lông mày cong hình cánh cung như mày ngài. Miệng cười của nàng tươi như hoa nở, giọng nói của nàng trong như ngọc. Lại nữa, da trắng mịn đến tuyết phải nhường. Ôi, thật là một vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu ít ai có được. Nguyễn Du đã miêu tả bức chân dung nàng Thúy Vân có thể nói là tuyệt đẹp. Đọc đoạn này ta thấy rung động trước vẻ đẹp tuyệt vời của Thúy Vân và thêm thán phục thiên tài Nguyễn Du. Ông đã vận dụng biện pháp tu từ của văn thơ cổ vừa đúng đắn vừa sáng tạo.

Nguyễn Du miêu tả Thúy Vân đã khiến ta rung động đến vậy, ông miêu tả Thúy Kiều thì ta còn bất ngờ hơn nữa. Bất ngờ đến kinh ngạc. Bắt đầu từ câu:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn.*

Nàng Vân đã tuyệt diệu như vậy rồi, nàng Kiều còn đẹp hơn nữa ư? Có thể như vậy được không? Ta hãy xem ngòi bút của Nguyễn Du viết về nàng Kiều:

*Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.*

Đến đây, chắc hẳn ta sẽ hài lòng và vô cùng thán phục. Nguyễn Du đã miêu tả vẻ đẹp Thúy Kiều không dài, chỉ vài câu thôi, vậy mà ta như thấy hiện ra trước mắt một thiếu nữ “tuyệt thế giai nhân”. Mắt nàng thắm thắm như làn nước mùa thu, lông mày uốn cong xinh đẹp như dáng núi mùa xuân; dung nhan đậm thắm đến hoa cũng phải ghen, dáng người tươi xinh mơn mớn đến mức liễu cũng phải hờn. Khi đọc đến đoạn này ta không chỉ rung động, thán phục mà có một cảm giác xốn xang khó tả bởi nàng Kiều xinh đẹp quá. Thủ pháp ước lệ, nhân hóa là biện pháp tu từ phổ biến trong văn học cổ được tác giả sử dụng xuất sắc, kết hợp với việc dùng điển cố “nghiêng nước nghiêng thành”, tác giả đã làm cho ta không chỉ đọc, chỉ nghe, chỉ cảm nhận, mà như thấy tận mắt nàng Kiều. Nàng quả là có một vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà”. Ta có thể nói là “có một không hai” làm mê đắm lòng người. Đọc hết những câu trên, ta mới hiểu được dụng ý của Nguyễn Du khi miêu tả vẻ đẹp “đoan trang phúc hậu” của Thúy Vân trước vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà” của Thúy Kiều. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp đòn bẩy, dùng vẻ đẹp của Thúy Vân để làm tôn thêm vẻ đẹp yêu kiều, quýn rữ của Thúy Kiều rất có hiệu quả.

Sắc đã vậy còn tài của nàng Kiều thì sao? Ta sẽ không cảm nhận được hết toàn bộ vẻ đẹp hình thể cũng như vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều nếu như ta không biết đến tài của nàng, mặc dù Nguyễn Du đã nói: *Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*. Về sắc thì chắc chắn chỉ có mình nàng là đẹp như vậy, về tài họa chẳng có người thứ hai sánh kịp:

*Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha mùi thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

Nàng có cả tài thơ, tài họa, tài đàn, tài nào cũng xuất sắc, cũng thành “nghề” cả. Riêng tài đàn nàng đã sáng tác một bản nhạc mang tiêu đề “Bạc mệnh” rất cuốn hút lòng người.

Với hai nhân vật như Thúy Kiều, Thúy Vân, Nguyễn Du đã sử dụng các biện pháp tu từ phổ biến trong văn thơ cổ như ước lệ, ẩn dụ, nhân hóa, dùng điển cố. Qua đó ta thấy vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang của Thúy Vân và vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà” của Thúy Kiều. Hai bức chân dung của hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân mà Nguyễn Du khắc họa phải nói là rất thành công. Đặc biệt là với Thúy Kiều, nhà thơ đã dành trọn tâm huyết, sức lực và tài năng của mình để sáng tạo nên nàng. Bởi nàng là nhân vật chính của *Truyện Kiều*.

Như đã nói, *Truyện Kiều* thu hút người đọc phần lớn là nhờ nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du. Quả vậy, nghệ thuật tả người của Nguyễn Du có thể gọi là bậc thầy trong nền văn học cổ Việt Nam. Tả hình dáng bên ngoài của nhân vật ông luôn làm toát lên cái tính cách, tâm hồn bên trong của nhân vật đó.

Với Thúy Vân ông đã thực hiện biện pháp ước lệ để miêu tả vẻ đẹp:

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Tất cả các từ ngữ, hình ảnh được ông sử dụng trong các câu thơ trên đều tập trung làm cho người đọc thấy được vẻ đẹp “đoan trang, thùy mị” của Thúy Vân. Không những khắc họa vẻ đẹp hình thể bên ngoài Nguyễn Du còn như dự báo số phận bình lặng, êm ả của nàng qua từ “thua” và từ “nhường”. Mây và tuyết thua vẻ đẹp của Thúy Vân nhưng cả hai đều chịu “thua” và chịu “nhường” một cách êm ả.

Với Thúy Kiều, tác giả dùng nhiều biện pháp tu từ để miêu tả vẻ đẹp “sắc sảo, mặn mà” của nàng. Những câu thơ miêu tả nàng có thể xem là tuyệt bút:

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Trong hai câu thơ, Nguyễn Du như đã dự báo số phận bấp bênh chìm nổi của Kiều qua các hình ảnh hoa và liễu thua vẻ đẹp của nàng nhưng không cam chịu thua mà còn “ghen” còn “hờn” và khúc nhạc “Bạc mệnh” nàng sáng tác cũng như dự báo điều đó.

Nói tóm lại, Nguyễn Du có nghệ thuật tả người rất đặc sắc và tiêu biểu. Mỗi nhân vật ông miêu tả dù tốt hay xấu, dù chính diện hay phản diện cũng đều biểu hiện được bản chất tâm hồn bên trong qua hình dáng bên ngoài. Nghệ thuật miêu tả, xây dựng nhân vật của Nguyễn Du rất đáng để chúng ta trân trọng và học tập.

ĐỀ THI

**Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét về bài thơ Ông đồ:
“Bài thơ là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: lòng thương người
và tình hoài cổ”. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.**

**Bài đoạt giải Nhất kì thi HSG của Mai Nguyễn Hồng Nhung,
học sinh lớp 8A1, trường THCS Trần Phú,
huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, năm học 2000 – 2001**
BAI LÀM

Một ngày kia, khi hai nguồn thi cảm “lòng thương người” và “tình hoài cổ” gặp nhau, giữa cảnh mưa bụi lất phất bay, hoa đào chớm nở sắc hồng, nhưng những câu đối đỏ đã dần dần vắng bóng trong ngày Tết, Vũ Đình Liên đã bất giác viết lên một kiệt tác: Ông đồ. Bài thơ được viết bằng nỗi cảm khái trước thời thế âm lạnh nhân tình. Bởi vậy, hai mươi dòng thơ ngũ ngôn, không hề non lép một chữ nào. Tất cả đều ngậm ngùi trước “di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”. Và nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã thật tinh tế khi nhận xét: *Bài thơ là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: lòng thương người và tình hoài cổ.*

Nhận định trên của Hoài Thanh đã thể hiện một cách nhìn sâu sắc về nguồn cảm hứng trong thi ca của Vũ Đình Liên. Lúc này, trên thi đàn Thơ mới, phần đông các thi sĩ đang thờ than suốt mướt với tình yêu tuyệt vọng, với mối sầu cô đơn, với chuyện tình yêu đôi lứa lãng mạn... Thi Vũ Đình Liên lại không đi theo lối mòn quen thuộc ấy, với “thiên chức” của người nghệ sĩ, Vũ Đình Liên đã viết lên thi phẩm Ông đồ với sự gặp gỡ, giao thoa giữa hai nguồn cảm xúc: “lòng thương người” và “tình hoài cổ”. Đó là thương một lớp người tri thức Nho học bị bỏ rơi bên lề đường nơi phố vắng rêu phong “ngày xưa” hòa quyện với nỗi nhung nhớ, tiếc nuối khôn nguôi một thời vắng bóng; một thời hoàng kim, một thời vàng son đã một đi không trở lại. Nơi đó ông đồ được coi trọng hơn, được mọi người biết đến. Nhưng hai nguồn thi cảm này không những không mâu thuẫn, tách bạch nhau... mà chúng

luôn hòa hợp như một nốt nhạc chủ đạo, như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nguồn mạch cảm xúc của bài thơ. Đọc *Ông đồ*, ta như cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn đó chính là trái tim nhân đạo, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên.

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

Cùng với màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen của mực tàu và sự đông vui tấp nập của phố phường, hình ảnh ông đồ đã trở nên không thể thiếu trong bức tranh khung cảnh ngày Tết.

Và ông đồ đã thành trung tâm của sự ngợi ca và chiêm ngưỡng:

*Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.*

Lúc bấy giờ, ông đồ đang được người đời trọng vọng, cần nhờ vả đến. Với tài năng của ông, họ *tám tắc ngợi khen tài*, ba phụ âm “t” cùng xuất hiện trong một câu thơ như một tràng pháo tay giòn giã để ngợi khen sự tài hoa đó của ông. Cái tài “thảo những nét” giống như *phượng múa rồng bay* của ông dưới một bàn tay nghệ thuật khéo léo đã làm rạng danh cho nên Hán học. Cái tài của ông đã được tặng cho mọi người làm quà đón xuân, đón Tết. Nhưng dấu sao, trong tiếng cười vẫn không sao che giấu được nỗi ngậm ngùi. Chữ Nho vốn được xem là chữ “thánh hiền”, chữ Nho được ông đồ viết là sự tụ hội, giao thoa giữa cái tài và cả cái tâm của người cầm bút. Vậy mà giờ đây, thứ chữ ấy chỉ cần quẳng chút tiền “ra thuê” là có!

Bút lông dần được thay thế bằng bút sắt. Chữ Nho được thay thế dần bằng chữ Quốc ngữ. Trên cái trục xưa nay của cấu tứ, câu thơ như mang nỗi ngậm ngùi, ta như nếm được cái vị đắng của buồn, vị chát chua sâu:

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu.*

Họ nay đâu? Bánh chưng xanh, thịt mỡ, dưa hành còn đây, câu đối đỏ đâu rồi! Nếp cũ đổi thay. Chữ Nho như đã trở thành hàng ế không ai ưa chuộng nữa. Trong xu thế chung không thể cưỡng lại ấy, tình cảnh ông đồ trở nên ngao ngán đáng thương. Hẳn là vì: *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du) mà bây giờ nỗi sầu lo ù dột lan thắm lên cả đồ vật:

*Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu.*

Chúng là hình ảnh của chủ nhân hết thời của chúng. Tàn tạ, lạc lõng, tiêu điều. Thiên hạ náo nức đón xuân, đón cả luồng gió mới do Tây học mang lại. Thành trì luân lí ngàn năm đã đổ. Người ta cứ ngóng cổ cổ tìm mò ngấm trời cao đất rộng ngoài kia, tìm những cái hiện đại. Chữ mới dễ học và thực dụng, văn chương mới hấp dẫn đã cuốn họ đi xa, bỏ lại những người như ông đồ bên dòng đời cuộn chảy.

Ông đồ đã trở thành người thừa trong dòng chảy nhân sinh. Cả một nỗi buồn thời thế, Vũ Đình Liên đã xây dựng một biểu tượng về một nỗi tàn phai của cả một nền văn hóa.

Ta cứ cháy, cứ đuổi theo nền văn hóa phương Tây, với những cái mới để rồi khi ngoảnh đầu nhìn lại, bóng ông đồ dần xa khuất làm ta nhớ nhung tiếc nuối:

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa.

Trong khổ thơ đầu, chính trong màu hoa đào mệnh mang hoài cảm ông đồ xuất hiện. Ta có thể tưởng tượng sự có mặt của một cây cổ thụ ngàn năm bị bật gốc sau một cơn bão lớn như hình ảnh của ông đồ. Lúc ấy, cây đổ, ngọn gục. Từ trên chót vót của thứ bậc xã hội, ông đồ, hình bóng tượng trưng cho giai cấp “kẻ sĩ”, rơi xuống bên vệ đường, trở thành người vất vưởng, hoài nhớ giá trị cũ suy tàn, bỏ ngõ với phong hội mới. Thì cũng với màu hoa đào bài thơ được khép lại. Thông điệp mùa xuân đã gửi đến rồi. Ông đồ đã không còn đủ kiên nhẫn để chờ đợi và ông cũng đã trở thành “ông đồ xưa”. Nhưng dường như trong tâm khảm lòng mình, hình ảnh ông đồ già không thể vắng bóng trong bức tranh xuân của Vũ Đình Liên.

Cuộc đời đổi thay. Con người cũng vì vậy mà thay đổi. Rồi những người như ông đồ bị bỏ rơi bên lề cuộc sống:

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay.

Ở khổ thơ này, cái lực của ngòi bút, cái tâm của một con người hợp lại đủ sức lay động những trái tim thờ ơ, vô tình với một sự chung cục, một sự chung cục thâm lặng và thương tâm. Người trong cuộc, bên phố đông, lặng nghe mình lụi tàn. Người người ngược xuôi như nước nhưng chẳng còn ai để ý đến cái bóng mờ nhạt, tàn tạ ấy. Ông đồ đã bị lãng quên ngay cả khi còn hiện hữu. Ông chẳng qua chỉ còn là: *Cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn* (Hoài Thanh). Cái *lúc lá vàng rơi trên giấy* đã xuất hiện ba cái “tàn”: sự “tàn” úa của lá xuân rơi trên sự héo “tàn” của giấy, và tất cả đều được nhìn dưới đôi mắt của một kẻ “tàn”. Cái *lúc ngoài trời mưa bụi bay* cũng đã xuất hiện hai cơn mưa: cơn mưa ngoại cảnh hao vắng và cơn mưa tâm cảnh hắt hiu não nề... Đúng là: *Văn tả ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ* (Vũ Quần Phương). Vũ Đình Liên đã có những chi tiết thật “đắt”: nơi ông đồ là nơi bút mực, nơi trời đất là chỗ gió mưa, nơi xã hội đương thời là sự thờ ơ của người đời. Lá rơi không nghe tiếng. Mưa bụi chẳng ướt ai. Thế mà giờ đây đọc lại, ta vẫn tái tê thấm thía nỗi đau lặng lẽ của một chiếc lá vàng rơi trên giấy thấm tàn phai. Thế mới biết sức sống của một bài thơ không chỉ ở ngôn từ. Chính tấm lòng thương cảm trân trọng, tinh tế của tác giả đã làm ấm những dòng chữ lạnh với thời gian.

Thơ dường như gân máu hơn với mực. Có phải thế mà *Ông đồ* sống được lâu trong lòng độc giả và thi ca Việt Nam?

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Vũ Đình Liên đang sống trong buổi giao thời, khi xã hội Việt Nam có sự thay đổi lớn, quay mặt với cái cũ không nữa, làm ngơ với cái mới sao đành! Ông đồ đã có kiên nhẫn – “văn ngồi đây”, nhưng năm nay ông đã không còn kiên nhẫn được nữa, khi mà mọi người: *Không thấy ông đồ xưa*. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, những con người chạy theo hiện đại, ta đã nhìn thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chới với, nhưng chúng ta không hề làm gì, để đến bây giờ quay đầu nhìn lại mới biết ông đã bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải là bóng dáng của một người, của một nghề, mà là bóng dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của tâm hồn ta. Ta nhớ nhưng da diết khôn nguôi về một thời vàng son của một quá khứ, kỉ niệm đẹp đã mãi một đi không trở lại của một thời đại hay của chính lòng mình. Chúng ta nhìn nhau hỏi hay tự hỏi mình? Chúng ta hỏi hay nhớ nhưng, hay nuôi tiếc? Thi pháp này đã được Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương sử dụng tài tình. Vũ Đình Liên đã kế thừa và phát huy thi pháp này qua bài thơ mới: *Ông đồ*. Hẳn không phải ngẫu nhiên để nói về những người vừa đó của một thời cũng vừa mới qua, nhà thơ gọi bằng một chữ “hồn”. Đây không những là cách gọi rất Việt Nam mà còn chỉ ra được một cách chính xác đến lạ lùng những cái “đã qua mà không mất”, nó vẫn còn mãi.

Nén tâm hương đã thấp – hoài niệm càng mênh mang. Ông đồ trở thành *những người muôn năm cũ*. Tất cả đều gặp nhau ở chữ “hoài”, thâm thía nỗi sầu nhân thế. Ta nao nao nhớ đến nỗi buồn của một vị thi sĩ xưa:

Ai người trước đã qua?

Ai người sau chưa để?

Nghĩ trời đất vô cùng

Một mình tuôn giọt lệ.

Lòng chột tri ân câu thơ chân mộc của tác giả *Ông đồ* gửi tới họa sĩ Bùi Xuân Phái:

Người bảo tranh anh vẫn cứ sẵn buồn

Như thơ tôi vẫn cứ thương thương.

Chính “cứ thương thương” đó của nhà thơ đã tạo ra cái thần cho người ta nhớ mãi. Ngay trong thơ mới của mình, ông vẫn chạm thương thời của người. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh cho biết *Ông đồ* là một “nghĩa cử” của lớp trẻ tân học đối với cực học đã hết thời cũng đúng thôi.

Thơ vốn hàm súc nhưng đạt đến độ như *Ông đồ* thì thật đáng phục. Giữa cái thời lí tưởng tràn bờ, khuôn khổ lung lay, nhà thơ mới Vũ Đình Liên đã chọn cho mình thể thơ năm chữ, thả dài bốn khổ. Chỉ một trăm chữ, không câu kì, cũng không tân kì mà *Ông đồ* ra đời từng câu, từng câu... thông thả như hoa quỳnh nở. Từng nét nhụy uốn cong xòe ra tỏa hương...buồn! Ở đây, chữ “thương” đã quá rõ, còn chữ “hoài”... Thì hẳn cũng xuất phát từ chữ “thương” ấy, xuất phát từ trái tim bao la nhân tình ấy:

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Âm hưởng nốt nhạc cuối cứ miên man day dứt, khiến người nghe cứ thần thờ. Thời của một đời rồi sẽ qua. Ai cũng vậy, những gì qua đi không hẳn là đã mất, vô nghĩa. Hôm nay đã phôi pha từ hôm qua và cả ngày mai cũng sẽ từ hôm nay. Ông đồ đã trở về thế giới của ông, về với thời xa vắng. Người xưa thành ông cha, cái cũ thành di tích. Nét đẹp và sức mạnh của phương Đông ở bên trong và từ thăm thẳm. Nói đến “văn hóa”, không thể không nói đến “cội nguồn”, nói đến hôm nay không

thể phủ nhận “hôm qua”. Ân khuất hay lan tỏa, ngàn xưa hay ngày xưa vẫn là một mảng đậm đà trong tâm hồn dân tộc Việt Nam.

Tết vẫn đến. Hoa đào vẫn nở. Dòng sông vẫn trôi chảy. Năm tháng cứ qua đi, bụi thời gian sẽ dần phủ mờ lên tất cả. Chỉ có dòng đời đổi thay. Nhưng với Vũ Đình Liên, với “lòng thương người” và “tình hoài cổ” của mình, ông đã tự hỏi:

*Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

Câu thơ gợi nỗi niềm tiếc nuối khôn nguôi hay gợi lòng trắc ẩn nhân tình? Có lẽ là cả hai...

ĐỀ THI || **Phân tích bài thơ *Bếp lửa* của tác giả Bằng Việt.**

**Bài thi đoạt giải Nhất kì thi HSG của Lương Ngọc Hoàng Hà,
học sinh lớp 9/2, trường THCS Nguyễn Hiền,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 2007 – 2008**
BÀI LÀM

Tuổi thơ mỗi con người gắn với muôn vàn kỉ niệm bên người thân, bạn bè, bên cạnh đó là những cảm xúc, những tình cảm dành cho nhau để rồi khi mai sau lớn lên dùng tình cảm kỉ niệm ấy tiếp tục hành trang cuộc đời. Rất nhiều tác phẩm văn học thơ, truyện ngắn được các tác giả lấy cảm hứng từ tình cảm thiêng liêng ấy, tình cảm vợ chồng, tình mẹ con, tình đồng chí, tình yêu quê hương đất nước... Tác giả Bằng Việt đã sáng tác bài thơ *Bếp lửa* với tình cảm và niềm nhung nhớ dành cho người bà của mình khi đang du học tại Liên Xô vào năm 1963. Hình ảnh đứa cháu cùng người bà đã trải qua cuộc sống khổ cực nhưng tràn ngập tình yêu thương, chăm sóc, quan tâm, chở che trong những ngày bố mẹ đi làm xa và niềm hạnh phúc bên bếp lửa ấm áp tình thương.

*Một bếp lửa chòn vòn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

Hình ảnh bếp lửa được khắc họa lên từ ba câu thơ đầu qua điệp ngữ “một bếp lửa” và từ láy “chòn vòn” khiến ta có thể hình dung ra được một khung cảnh đơn sơ, giản dị nhưng ấm áp, đầy ấp tình cảm. Ngọn lửa từ bếp ấp ôm bao niềm nhung nhớ về bà, chứa đựng biết bao kỉ niệm của người cháu nhỏ và bà. Người bà ân cần nhóm nhen ngọn lửa tình cảm ấy, cũng giống như đôi tay bà chăm sóc cho cháu nhẹ nhàng, hình ảnh người bà như làn khói từ bếp vào mỗi buổi sớm mai, hình ảnh khổ cực chăm nuôi của bà dãi dầu mưa nắng càng thấp lên trong lòng người cháu rõ rệt vết hằn nỗi nhớ. Từ hai câu đầu qua hình ảnh bếp lửa mỗi sáng đã được tác giả khắc họa lên một bếp lửa chan chứa kỉ niệm, một bếp lửa đầy ấp tình yêu, một bếp lửa sáng rực lên hình ảnh bà. Đến câu tiếp theo bao nhiêu nỗi niềm như phút chốc vỡ òa khi *cháu thương bà biết mấy nắng mưa*, tác giả đau lòng, xót xa trước nỗi nhớ về hình ảnh bà dù mưa dù nắng nhưng vẫn lo cho cháu đầy đủ từng cái ăn cái mặc, cuộc đời bà gian truân vì cháu mà trải qua không một lời nói, bà âm thầm vì cháu mà làm mọi việc, đều là những hi sinh thầm lặng từ người bà kính yêu. Từ đây ta thấy rằng trong trái tim tác giả hình ảnh người bà thiêng liêng biết bao, có cả một vùng trời thương nhớ về người bà, một câu “cháu thương bà” cũng sẽ đọng lại trong ta một ý nghĩa sâu sắc.

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

Ở đoạn này, kỉ niệm không phải là hình ảnh nhẹ nhàng như “chòn vòn sương sớm” hay “ấp iu nồng đượm” mà là những kỉ niệm ám ảnh trong tâm trí tác giả, đứa cháu bốn tuổi cùng bà cơ cực trải qua nạn đói năm 1945. Không khí u ám, lầm than của nạn đói nhờ có người bà kính yêu đã được xoa dịu đi phần nào, bà tảo tần sớm hôm mót từng củ khoai, đào từng củ sắn để cháu ăn đỡ đói. Thành ngữ “đói mòn đói mỏi” nghe như tiếng kêu xé lòng, nổi ám ảnh của một đứa trẻ hẳn sâu trong tâm trí là nỗi sợ hãi. Không như bao người khi nghĩ về tuổi thơ của mình là mảng màu hồng, thì với tác giả đó lại là mảng màu xám pha cả màu đỏ của máu từ những nỗi đau của đói khổ, cái đói ghê rợn, cái đói lịch sử đã làm chết hơn hai triệu con người. Nhưng có bà luôn bên cạnh che chở, có khói bếp làm nhòa đi phần nào đau thương từ nạn đói, kỉ niệm vẫn mang chút hơi ấm, làm quên đi nỗi khốn khổ. Chi tiết “khói hun nhèm mắt cháu” đã cho ta thấy được đứa trẻ bốn tuổi ấy cố lấp đi những ám ảnh của việc “đói mòn đói mỏi” bằng khói bếp của bà, và chi tiết “sống mũi còn cay” cay do mùi khói nghi ngút ấy đang cố che giấu đi mùi máu tanh ở các ngõ ngách, cay vì đứa trẻ ấy đã phải chịu cảnh “đói mòn đói mỏi” đang dần len lỏi vào từng mảng kí ức thơ ngây, mang theo nỗi đáng sợ của nạn đói, mang theo cả cảm giác thêm từng củ khoai, củ sắn, khi ấy những món ăn đơn sơ cũng trở thành “mỹ vị nhân gian”.

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

“Tám năm ròng” khoảng thời gian dài đằng đằng cháu cùng bà vẫn luôn nhóm lên ngọn lửa yêu thương, nồng ấm, ngọn lửa của sự sống, khoảng thời gian đó dấu trải qua khó khăn nhọc nhằn nhưng chỉ cần có bà vẫn thật bình yên. Tuổi thơ người cháu gắn với bà, với bếp lửa yêu thương, gắn với cả tiếng *tu hú kêu trên những cánh đồng xa*, như thúc giục người nông dân mau ra ruộng thu hoạch thoát khỏi sự đói khát. Bên cạnh đó, khi tiếng tu hú kêu cũng như một tiếng chuông báo rằng: “Bà ơi! Bà kể chuyện cháu nghe”. Từ “tu hú” được lặp lại ba lần như khẳng định nỗi nhớ của tác giả, vì trong văn học nghệ thuật, tiếng chim tu hú là biểu tượng của một sự khắc khoải nhớ nhung da diết khôn nguôi. Tiếng tu hú trở thành một khoảng trời kỉ niệm nhẹ nhàng đậm tình yêu thương giữa tác giả và bà.

*Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

Những câu thơ đơn sơ mộc mạc ấy vẫn nói lên sự tận tụy của bà chăm lo cho cháu khi *mẹ cùng cha công tác bận không về*. Hình ảnh bà như một người cha, một người mẹ lo lắng chăm bẵm cho con mình, cũng như một người thầy dạy bảo học trò, bà cũng là cả một bầu trời yêu thương của tác giả. Cấu trúc “bà – cháu” thể hiện một

tình yêu sự gắn kết của người bà với người cháu. Hình ảnh “bà dạy cháu làm”, bà dạy cháu cách làm người, dạy cháu tự lập cho cuộc sống của mình, bà dạy cháu yêu thương gia đình, và hình ảnh “bà chăm cháu học” bà dạy cho cháu từng nét chữ, bà cho cháu kiến thức mai sau giúp ích cho đất nước. *Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc* – đưa cháu nhỏ lo lắng cho bà, nhìn thấy bà cực nhọc, đưa cháu cùng bà nhóm lên bếp lửa giúp bà đỡ đi phần nào nhọc nhằn. Sau đó lại là lời trách tu hú của đứa trẻ thơ ngây, trách tu hú sao lại “chẳng đến ở với bà”, giúp bà đỡ dần công việc, để bà đỡ cô quạnh buồn tủi, mà tu hú cứ mãi ham chơi trên những cánh đồng kia.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ dần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Không còn nhẹ nhàng hay khung cảnh trên cánh đồng với chú chim tu hú nữa mà thay đó là khung cảnh tàn khốc của “chiến tranh”. Chiến tranh là một danh từ bình thường, nhưng đằng sau nó lại là một khung cảnh đầy mùi máu tanh, chiến tranh khiến biết bao con người hi sinh, gây ra đau khổ cho bao người và hai bà cháu trong bài thơ này cũng là một nạn nhân của chiến tranh. Gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi... lúc này đây hình ảnh người bà hiện lên thật thiêng liêng thật đẹp với tấm lòng hi sinh cao cả. Từ “lầm lụi” diễn tả cảnh người bà cũng như bao người hàng xóm cặm cụi sớm hôm dựng lại mái nhà, dựng lại túp lều tranh, những nạn nhân từ hậu quả của chiến tranh chia sẻ với nhau những nỗi niềm, những người hàng xóm giúp bà dựng lại túp lều tranh.

Tiếp đến là sự tự hào của người cháu khi nhớ đến người bà với đức hi sinh cao đẹp, dẫu trải qua biết bao là gian khổ sau chiến tranh nhưng bà luôn “vững lòng”. Lời căn dặn của người bà càng làm sáng lên vẻ đẹp tâm hồn của bà, lời căn dặn ấy chân thành, chan chứa ý nghĩa đến tận bây giờ vẫn mãi vang vọng trong tâm trí cháu. Qua lời dặn, không chỉ thể hiện tình cảm yêu thương con cháu mà còn là lời ca ngợi sự hi sinh thầm lặng cao cả của người phụ nữ Việt Nam để người ở nơi biên cương được yên lòng. Trong ý thơ là muôn vàn niềm tự hào, kính trọng của tác giả dành cho bà cũng như tình yêu Tổ quốc, nhưng nhớ quê hương.

*Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

Ba câu thơ tựa như một bản tình ca về bà và cháu thật âm áp, thiêng liêng. Hình ảnh bếp lửa lại một lần nữa được hiện ra mang theo hương vị thân thương, mang theo nét đơn sơ, và sự tinh tế. Hình ảnh của ba câu thơ trên không còn là hình ảnh sợ hãi từ nạn đói, không phải là chiến tranh đẫm máu mà là hình ảnh bình yên, tràn ngập yêu thương bên ngọn lửa rực rỡ ánh hồng. Ngọn lửa được thắp lên sau khi đã trải qua nạn đói, chiến tranh, sau khi bà đã dựng lại túp lều tranh rồi bên ngọn lửa bà và cháu mang trong lòng một niềm tin kháng chiến, niềm tin vào hạnh phúc mai này.

*Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm.

Cụm từ “biết mấy nắng mưa” được lặp lại một lần nữa từ khổ một có ý nhấn mạnh thêm vất vả của bà, rất nhiều “lận đận” nhiều “nắng mưa” của đời bà. Dù đã trải qua mấy chục năm, nhưng bà vẫn giữ cho mình thói quen dậy sớm, vẫn mang những gian lao nhọc nhằn trên đôi vai như không bao giờ có kết thúc. Và cháu thương mãi những thói quen của bà, thói quen nhóm lên bếp lửa yêu thương, bếp lửa sáng soi con đường cháu đi.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm niềm xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!*

Điệp từ “nhóm” bốn lần, nhưng mỗi một lần lại mang một ý nghĩa khác nhau, một cung bậc cảm xúc kì diệu, thiêng liêng, một khung cảnh trữ tình bên bếp lửa yêu thương. Đó cũng là lời khẳng định cho đức hi sinh cao cả, to lớn của bà, bà đã thấp lùn ngọn lửa niềm tin cho cháu, bà thấp lùn ngọn lửa xua tan khổ cực cuộc đời, bà thấp lùn một con đường rộng mở cho cháu, bà mang gánh nhọc nhằn trên vai, dẫu thế bà vẫn âm thầm truyền cho cháu ngọn lửa ấm nồng chan chứa tình thương, từ củ khoai, củ sắn, từ túp lều tranh, từ giọt mồ hôi bà rơi vì cháu. Để rồi khi mai này, khi cháu đã trưởng thành vẫn mãi không quên:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
– Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa? ...*

Đoạn kết được đúc kết, rền giữa từ tất cả niềm thương nhớ, tất cả sự kính yêu, biết ơn với bà. Bao năm trôi qua, khi cháu đã khôn lớn trong một khung cảnh mới, một nơi rất xa nơi bà nhưng cháu vẫn chưa bao giờ một lần quên đi hình dáng bà bên bếp lửa thân thương. Đặc biệt, câu hỏi: *Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?* đọng lại trong người đọc một cảm giác lâng lâng khó tả, một cảm xúc mang tên xúc động, câu hỏi mang theo một vùng trời thương nhớ, một khung hình kỉ niệm tuổi thơ có bà, có bếp lửa, có chim tu hú, có những cánh đồng, có cả túp lều, và những gian khổ cháu cùng bà trải qua. Câu hỏi kết thúc bài thơ đọng lại trong ta là những cung bậc cảm xúc, như nhắc nhở người cháu luôn phải nhớ về bà, về miền kí ức tuổi thơ.

Bài thơ với những hình ảnh ẩn dụ, miêu tả, biểu cảm được kết hợp nhuần nhuyễn mang đậm chất trữ tình sâu lắng, bên hình ảnh bếp lửa với ý nghĩa sâu xa thâm kín. Những gì gắn bó với tuổi thơ là những điều nâng đỡ ta lớn lên, trưởng thành, những con cùng ta trải qua tuổi thơ khi nhớ về họ cũng sẽ là khởi đầu cho bước tiếp theo của cuộc đời. Bài thơ nhắc nhở ta phải luôn nhớ về cội nguồn, yêu thương quê hương gắn bó với ta, đừng bỏ quên những người đã cùng ta trưởng thành, cùng ta trải qua khó khăn nhọc nhằn của cuộc đời làm tiền đề cho sự phát triển của bản thân ta.

ĐỀ BÀI || **Cảm nhận về cuốn sách *Những người khốn khổ*.**

Bài đoạt giải Nhất cuộc thi viết cảm nhận về những cuốn sách hay của Hồ Hà Hải Yến, học sinh lớp 7A10, trường THCS Nguyễn Thị Lựu, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÀI LÀM

Nếu các bạn đã đọc sách bằng ngôn ngữ tiếng Việt thân quen của mình thì đó chỉ là một điều bình thường, nó không có gì là đặc biệt cho lắm. Tại sao các bạn không thử đọc một quyển sách hay một câu truyện bằng tiếng Anh nhỉ? Phải chăng các bạn nghĩ khi đọc thì mình sẽ không hiểu vì ngôn ngữ mới, không biết được nội dung của bài hay có khi còn sợ dịch sai và hiểu sai nghĩa... Và điều làm cho bạn cảm thấy đọc một quyển sách bằng ngôn ngữ, bằng một tiếng khác sẽ rất khó khăn, rất chán và làm cho các bạn nản lòng. Tuy nhiên nếu các bạn muốn thử sức trình độ tiếng Anh, trình độ ngoại ngữ của mình thì hãy tìm đọc quyển sách mang tên *Les Misérables* (*Những người khốn khổ*) của Vích-tor Huy-gô. Quyển sách có từng cấp độ dành cho người đọc, từ dễ đến khó làm cho người đọc hiểu biết thêm về ngoại ngữ, biết thêm nhiều từ vựng. Ngoài ra sách còn có những câu hỏi thú vị sau những tập truyện, sau những bài học ý nghĩa từ những người khốn khổ... tạo điều kiện cho bạn học ngoại ngữ qua sách một cách dễ dàng và thú vị.

Đây là một quyển sách được rất nhiều người biết đến với dạng tiểu thuyết của người Pháp. Quyển sách đã dựng thành phim, thành hàng chục tác phẩm nghệ thuật, những vở kịch, vở múa ballet... Hiện tại vở kịch *Les Misérables* đang là một trong những vở kịch được diễn lâu đời, và thường xuyên diễn tại trên các sân khấu lớn của thế giới như: WestEnd (Anh) hay Broadway (Mỹ). Tác phẩm đã được tác giả phát hành vào năm 1862, với mong muốn người đọc sẽ hiểu về những con người trong xã hội đang cố gắng vượt qua những khó khăn để sống, cố gắng chuộc những lỗi sai lầm của mình để được mọi người yêu mến...

Khi đọc quyển sách này bạn sẽ bắt gặp một nhân vật mang tên Jean Val jean (Giăng Van giăng), một cựu tù khổ sai đang cố tìm mọi cách để chuộc lại những sai lầm thời trai trẻ của mình. Một người đang cố gắng sống vì một xã hội tốt đẹp nhưng không thể nào quên được quá khứ của mình. Sau mười chín năm tù giam vì tội ăn cắp mẩu bánh mì cho đứa con gái của chị mình. Tuy nhiên ông vẫn mang giấy thông hành vàng – dấu hiệu của những kẻ đã từng phạm tội. Vì lí do ấy nên ông đã bị người chủ quán trọ đuổi đi khi mới vào hỏi thăm, thật khó để ông tìm được một nơi để ăn, ngủ. May cho ông là vị Giáo mục Myriel, một người nổi tiếng với lòng thương người hay làm từ thiện đã cho ông một chỗ nương náu qua đêm tại chính căn nhà của mình. Thế nhưng khi mọi người đã ngủ ông lại lấy trộm những đồ vật trong nhà Giáo mục Myriel và chạy trốn, không may cho ông khi chạy trốn không được bao xa thì đã bị một cảnh sát bắt lại nhưng thật không ngờ vị Giáo mục Myriel lại cứu thoát ông một lần nữa mặc dù vị Giáo mục biết ông đã lấy những món đồ trong nhà của mình. Sau khi cứu thoát ông, vị Giáo mục liền chia tay và nói với Jean Val jean rằng ông phải trở thành một người có lương thiện, làm nhiều việc tốt cho xã hội.

Những người khốn khổ là một câu chuyện nói về xã hội của nước Pháp trong khoảng hai mươi năm đầu thế kỉ XIX từ thời điểm Napoléon lên ngôi và thập niên sau đó. Tác giả Vích-tor Huy-gô đã khẳng định giá trị của một tác phẩm văn học bậc nhất. Những sự vĩ đại nằm ở số phận tầm thường, cơ cực... *Những người khốn khổ* là tiểu thuyết mang tính hiện thực, có tầm bao quát xã hội. Nếu xét về hiện thực, tiểu

thuyết miêu tả thế giới của người nghèo khổ một cách chân thật. *Les Misérables* còn có những nhân vật như: người phụ nữ Fantine, một người dành hết mọi thứ cho con của mình, người phụ nữ ấy còn bán đi tóc, răng hơn cả là bản thân của mình để có tiền nuôi đứa con bé nhỏ của mình. Khi nói đến Fantine người ta không nhớ đến cái vẻ đẹp của cô mà nhớ đến tình mẫu tử thiêng liêng của nàng. Ngoài ra Vích-tor Huy-gô đã miêu tả cuộc sống bất hạnh của Cosette, một đứa trẻ phải rời vòng tay mẹ khi mới lên ba, một đứa trẻ từ xinh đẹp mà trở nên xấu xí khi sống cùng với vợ chồng Thenardiens. Vích-tor Huy-gô đã rất khéo léo khi dùng những từ ngữ tạo ra những hành động ngây thơ ở em đã lấy đi hàng ngàn giọt nước mắt của những độc giả.

Tác giả người Pháp Vích-tor Huy-gô đã mang đến cho người đọc những cảm xúc, cảm động lấy đi giọt nước mắt của mọi người. Đồng thời tác giả cũng mang đến cho những bài học có ý nghĩa, những mâu thuẫn giữa niềm tin và luật pháp. Tác phẩm *Les Misérables* không chỉ nói đến bản chất cái tốt, cái xấu, mà còn là cuốn sách cho mọi người biết về sự đồ sộ trong lịch sử Pa-ri, pháp luật, tín ngưỡng của nước Pháp nửa thế kỉ XIX. Ngoài ra còn giúp cho nhiều bạn trẻ mở rộng thêm về vốn từ ngoại ngữ của mình. Hãy tìm đọc sách để cảm nhận những gì mà tôi đã nói trong bài viết này và còn hơn thế nữa.

ĐỀ BÀI || **Cảm nhận sách: “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.**

Bài đoạt giải Nhất cuộc thi viết cảm nhận về những cuốn sách hay của Nguyễn Ngọc Thiên Kim, học sinh lớp 8A10, trường THCS Nguyễn Thị Lựu, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÀI LÀM

“*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn...*”. Đây là nhận định của cụ Phạm Quỳnh mà tôi vô cùng tâm đắc. Từ đó, tôi bắt đầu tìm hiểu thêm về *Truyện Kiều*, tìm hiểu lí do vì sao cụ lại có nhận định như thế về *Truyện Kiều*.

Truyện Kiều là một truyện thơ kinh điển, nổi tiếng do Đại thi hào Nguyễn Du viết theo thể thơ lục bát, dài 3254 câu, dựa theo tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân ở Trung Quốc. Nguyễn Du đã để lại cho người đọc rất nhiều cảm xúc, những ấn tượng vô cùng sâu sắc. Truyện kể về Thúy Kiều, người được tác giả miêu tả qua hai câu thơ:

*Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

Tuy nhiên, cuộc đời của Kiều luôn gặp gian nan, cùng rất nhiều bất hạnh. Theo như tôi được biết, khoảng thời gian trong suốt mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều cũng chính là khoảng thời gian gió bụi mà Nguyễn Du trải qua. Để có một tác phẩm đồ sộ như thế, ông cũng đã phải trải qua những tháng ngày cơ cực nhất nên ông chính là người thổi hồn vào khiến cho những câu thơ sống mãi trong lòng người đọc. Không chỉ tôi, những người sau khi đọc hết những câu thơ ấy, sẽ thấy vô cùng xót thương cho người con người thấp cổ bé họng trong xã hội phong kiến ngày xưa, đặc biệt là người phụ nữ, luôn bị chà đạp. Nỗi khổ của họ, chẳng ai có thể hiểu được, nếu không đặt mình vào trường hợp đó. Mỗi nhân vật trong truyện, chính là hiện thân của một loại người trong xã hội phong kiến tàn bạo ấy. Có Thúy Kiều, người tài sắc vẹn toàn, nhưng luôn bị chà đạp, hãm hiu giữa cuộc đời. Hay Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà... những con người luôn nghĩ về lợi ích của bản thân, sẵn sàng lừa gạt, giăng bẫy để thực hiện được mục đích của riêng mình.

Thúy Kiều gặp được Kim Trọng, một người vốn dòng dõi “trâm anh” đã thầm thương trộm nhớ nàng. Cả hai đều hẹn ước rằng:

*Đã nguyện hai chữ đồng tâm
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.*

Nhưng vì gia đình gặp vào con gia biến, nàng Kiều chấp nhận bán mình để chuộc cha nhưng Thúy Kiều vẫn không hề quên lời hẹn ước năm xưa. Nàng bị đưa vào lầu Ngưng Bích, có lúc bị Tú bà đánh đến nỗi đã mặc thể xác và đã phải cảm thương cho phận mình bằng những câu thơ:

*Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình mình lại thương mình xót xa.*

Từng câu, từng chữ cũng khiến cho ta cảm nhận được nỗi bất công của xã hội ngày xưa. Suốt nhiều năm tháng, gặp rất nhiều loại người, lưu lạc từ nơi này, đến nơi khác, nàng đã được đoàn tụ với gia đình, nhưng, nàng và Kim Trọng vẫn không nên nghĩa vợ chồng, nàng đã nói với Kim Trọng:

*Thân tàn gạn đục khơi trong
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.*

Vì do nàng biết, dù còn tình cảm như thế nào thì nàng đã không còn xứng đáng với chàng, nên nàng chỉ nguyện rằng hai người sẽ mãi là tri kỉ của nhau:

*Hai tình vẹn vẽ hòa hai
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ.*

Nguyễn Du đã nhận xét về cả cuộc đời của Thúy Kiều bằng những câu:

*Ngẫm hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Sau khi đọc hết *Truyện Kiều*, ta sẽ nhận thấy được, nó không chỉ hay về vốn từ ngữ mà tác giả sử dụng, nó còn chứa đựng ý nghĩa sâu sắc về việc phản ánh xã hội, khi mà chế độ phong kiến tồi tàn, mục nát, vô nhân đạo. Những con người lương thiện bị đẩy vào bước đường cùng, phải đứng lên để đòi lấy quyền công bằng, phải bảo vệ cho cuộc sống của mình. Dù *Truyện Kiều* đã có từ rất lâu, nhưng nó vẫn sống mãi trong văn học của Việt Nam nói riêng, và văn học thế giới nói chung.

Nếu như bạn tìm hiểu rõ hơn về *Truyện Kiều*, cũng như đọc được từng câu, từng chữ mà tác giả gửi gắm, bạn sẽ thật sự cảm nhận được, những gì mà con người phải chịu trong cuộc sống, một cuộc sống đầy màu sắc, khắc họa những tâm trạng khác nhau, những ý nghĩa khác nhau. Đó cũng chính là lí do, tôi đã tìm đến quyển *Truyện Kiều* để tìm được những điều mà bấy lâu tôi chưa giải đáp được. Ngoài ra, tôi còn học được cái gọi là tình cảm mà Thúy Kiều dành cho người mà mình thương yêu, dành cho gia đình, nàng có thể hi sinh bản thân để bảo vệ gia đình của mình. Các bạn có tò mò vì sao tôi lại tâm đắc với *Truyện Kiều* như thế không? Nếu có, hãy đọc và cảm nhận hết cái hay, cái đẹp của *Truyện Kiều*, tự khắc, bạn sẽ cảm nhận được tất cả, giải thích được câu hỏi mà mình đặt ra giống như tôi vậy!

ĐỀ THI | Nhận định về thơ ca từ Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến cho rằng: “Nhiều văn thơ xúc động đã dành để ca ngợi người phụ nữ”. Hãy chứng minh ý kiến trên.

Bài đoạt giải Nhì kì thi HSG của Phạm Ngọc Thạch Thảo,
học sinh lớp 8C, trường THCS Văn Giang,
tỉnh Hưng Yên, năm 2001 – 2002

BÀI LÀM

Văn học dân gian và văn học cổ thường ca ngợi người phụ nữ Việt Nam với những phẩm chất tốt đẹp: cần cù lao động, đảm đang, tháo vát, tận tụy hi sinh cho chồng con. Từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay, những phẩm chất tốt đẹp đó càng được phát huy. Tình yêu chồng con mở rộng và gắn liền lòng yêu nước, đảm đang việc nhà thành đảm đang việc nước. Họ đã tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng, vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhận định về thơ ca từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1975, có ý kiến: *Nhiều văn thơ xúc động đã dành để ca ngợi người phụ nữ.*

Tùy theo tuổi tác, tùy theo hoàn cảnh riêng, người phụ nữ đã góp phần vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc bằng nhiều cách. Có thể cho trực tiếp cầm súng chiến đấu như chị Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi được Lê Anh Xuân ca ngợi:

*Mẹ của sáu đứa con còn nhỏ
Tóc bới cao bôm bẻm nhai trầu
Là chị Út quân thù khiếp sợ
Bụng có mang vẫn cướp bót phá cầu.*

(Lê Anh Xuân)

Họ dũng cảm, kiên trì đấu tranh trong nhà tù. Đó là hình ảnh chị Lí:

*Em là ai? Cô gái hay nàng tiên
Em có tuổi hay không có tuổi
Mái tóc em đây, hay là mây là suối
Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông
Thịt da em hay là sắt là đồng?*

*Cho tôi hôn bàn chân em lạnh ngắt
Cho tôi nâng bàn tay em nắm chặt
Ôi bàn tay như đôi lá còn xanh
Trên mình em đau đớn cả thân cành*

*Tĩnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng
Em đã sống lại rồi, em đã sống
Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung
Không giết được em người con gái anh hùng.*

(Người con gái Việt Nam – Tố Hữu)

Họ tích cực tham gia đấu tranh chính trị:

*Vì sao tuổi mẹ đã cao
Đấu tranh mẹ vẫn đi đầu mẹ ơi!*

(Tố Hữu)

Ngoài ra, còn có những người phụ nữ đấu tranh địch vận:

*Đã mấy lần tay không cướp bóc
Đã trăm bận biểu tình chống giặc.*

(Về đi em – Lê Anh Xuân)

Song song với các cô gái, còn có những người mẹ đã đóng góp nhiều công sức trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Đó là người mẹ đào hầm nuôi cán bộ, bộ đội, bất chấp hiểm nguy:

*Mẹ đào hầm từ lúc tóc còn xanh
nay tóc mẹ đã phơ phơ đầu bạc
mẹ vẫn đào hầm dưới tầm đại bác
bao đêm rồi tiếng cuộc vọng năm canh.*

*Đất nước mình hai mươi năm chiến tranh
tiếng cuộc năm canh nặng tình đất nước
hầm mẹ giăng như lũy như thành
che chở mỗi bước chân con bước.*

(Đất quê ta mệnh mông – Bùi Minh Quốc)

Có những cô du kích bảo vệ xóm làng, luôn đặt nặng công việc nước nhà trước việc riêng tư:

*Chị em du kích Thái Bình
Ca lô đội lệch vừa xinh vừa giòn
Người ta nhắc chuyện chồng con
Lắc đầu nguây nguẩy em còn đánh Tây.*

(Ca dao kháng chiến)

Có những cô gái vừa đảm đang việc nhà lại vừa tích cực tham gia việc nước, không quản ngại vất vả, gian nan. Đó là người phụ nữ Bắc Giang:

*Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét nước làng em lo
Nhà em phơi lúa chưa khô
Ngô chưa vào bờ, sắn thái chưa xong
Nhà em con bé con bông
Em cũng theo chồng đi phá đường quan.*

(Phá đường – Tô Hữu)

Có những người phụ nữ gắn bó nơi chiến trường, chăm lo việc hậu cần, tiếp tế cho bộ đội, là nguồn động viên kịp thời cả về vật chất lẫn tinh thần cho người chiến sĩ:

*Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vất xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng này không có lịch
Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương.*

(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Ngoài ra, người mẹ Việt Nam còn chăm lo, động viên những người con của mình ra mặt trận:

*Tao bảo mày đi
Mày lo cho khỏe
Đừng nghĩ lo gì
Ở nhà có mẹ.*

(Tố Hữu)

Thật vậy, nơi chiến trường có những con người xông pha vào lửa đạn, thì ở hậu phương không thiếu những tấm lòng, những bàn tay chung sức chiến đấu. Tố Hữu đã phác họa lại hình ảnh bà mẹ làm giao liên với ý chí vững vàng:

*Tàu bay hấn bắn sớm trưa
Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò.*

(Mẹ Suốt – Tố Hữu)

Hoặc ca ngợi cô dân quân lãng mạn – anh hùng của người phụ nữ thời chống kẻ kháng chiến chống đế quốc Mỹ:

*Chào cô dân quân vai súng tay cày
Chân đội bùn, mơ hạ máy bay.*

(Chào xuân 67 – Tố Hữu)

Ước mơ đó không phải là xa vời. Đã có hình ảnh thật sống động làm thế giới phải ngạc nhiên khi:

*O du kích nhỏ gương cao súng
Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu
Ra thế to gan hơn bèo bụng
Anh hùng đâu cứ phải mày râu.*

(O du kích – Tố Hữu)

Dù ở vị trí nào, giữ công việc gì trong xã hội, trong hoàn cảnh chiến tranh chống giặc ngoại xâm, người phụ nữ cũng đều thể hiện tấm lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm, đóng góp công sức của mình cho cuộc chiến đấu. Người vợ ở hậu phương trong bài *Thăm lúa* của Trần Hữu Thung cảm thấy hân hoan:

*Anh đang mùa thắng lợi
Lúa em cũng chín rồi
Lúa tốt lắm anh ơi
Giải thi đua em giật.*

Qua những dẫn chứng trên, ta thấy thơ ca thời kì từ 1945 đến 1975 đã có nhiều vần thơ xúc động ca ngợi người phụ nữ. Lịch sử sẽ mãi mãi ghi ơn những người mẹ, người chị, những cô gái đã âm thầm hi sinh để đất nước này được nở hoa độc lập, kết quả tự do.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Những bài văn hay lớp 8 – GS. Trần Đình Sử, NXB Giáo dục Việt Nam, 1982.
2. Những bài văn mẫu lớp 9 – GS. Trần Đình Sử, NXB Giáo dục Việt Nam, 1982.
3. Kỹ năng viết bài văn hay THCS – TS. Nguyễn Đăng Mạnh, NXB Giáo dục Việt Nam, 1983.
4. Hướng dẫn làm văn hay THCS – TS. Đỗ Ngọc Thống, NXB Giáo dục Việt Nam, 1984.
5. 88 Bài văn hay lớp 8, 9 – TS. Lã Nhâm Thìn, NXB Giáo dục Việt Nam, 1985.
6. Những bài văn đoạt giải lớp 9 – TS. Hà Bình Trị, NXB Giáo dục Việt Nam, 1986.
7. Phân tích, bình giảng Văn học 9 – TS. Phan Trọng Luận, NXB Giáo dục Việt Nam, 1987.
8. Những bài văn đặc sắc lớp 9 – TS. Nguyễn Khắc Phi, NXB Giáo dục Việt Nam, 1988.
9. Bồi dưỡng HSG Văn THCS – TS. Nguyễn Đình Minh, NXB Giáo dục Việt Nam, 1989.
10. Những bài làm văn tiêu biểu THCS – TS. Đỗ Ngọc Thống, NXB Giáo dục Việt Nam, 1993.
11. Tuyển chọn bài văn đạt điểm cao của HSG THCS – TS. Vũ Dương Quỹ, NXB Giáo dục Việt Nam, 1995.
12. Phân tích, bình giảng Văn học 9 – Mai Thúy Hằng, NXB Giáo dục Việt Nam, 1997.
13. 101 Bài văn hay lớp 8 – Mộc Lan – Ngọc Dung, NXB ĐH QG Hà Nội, 2013.
14. 101 Bài văn hay lớp 9 – Mộc Lan – Ngọc Dung, NXB ĐH QG Hà Nội, 2013.
15. Tuyển chọn đề và bài văn HSG lớp 9 – Lã Minh Luận – Lã Phương Thảo, NXB ĐH Sư Phạm, 2013.
16. Hướng dẫn viết văn hay – Cao Bích Xuân, NXB Giáo dục, 2013.
17. 100 đề văn hay THCS – TS. Lê Xuân Anh, NXB ĐHQG Hà Nội, 2014.
18. Những bài văn mẫu lớp 8 – Trần Văn Sáu, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.
19. Những bài văn mẫu lớp 9 – Trần Văn Sáu, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.
20. Tuyển chọn bài văn hay 9 – Lã Minh Luận, NXB ĐH Sư Phạm, 2015.
21. Chọn lọc tinh túy những bài văn đặc sắc lớp 9, Tập một – ThS. Nguyễn Thành Huân, NXB Thanh Hóa, 2017.
22. Chọn lọc tinh túy những bài văn đặc sắc lớp 9, Tập hai – ThS. Nguyễn Thành Huân, NXB Thanh Hóa, 2017.
23. 130 Bài văn đạt điểm cao của HSG lớp 9 – ThS. Nguyễn Thành Huân, NXB ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
24. Những bài văn đặc sắc lớp 9 – Tập một + Tập hai – Ngô Đức Giang, NXB ĐHQG Hà Nội, 2018.
25. Các trang Web của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong cả nước.